VU GIA



Hoàng Đạo

NHÀ BÁO - NHÀ VĂN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA
HÀ NỘI



HOÀNG ĐẠO

Ảnh chụp năm 1940

ĐỐT LÒ HƯƠNG CŨ

Ngày Hoàng Đạo mất, thì tôi chưa ra đời. Thời gian đi qua và tôi cũng được lớn lên cùng năm tháng. Bước vào đẳng tuổi được gọi là trưởng thành, tôi mới được nghe đến cái tên Hoàng Đạo qua những bài giảng của thầy. Tôi mến ngay tác giả này qua tác phẩm *Mười điều tâm niệm*. Với tôi ngày ấy, chính Hoàng Đạo là người hướng dẫn tuổi trẻ chúng tôi những điều hay lẽ phải một cách thiết thực nhất. *Nhân sinh tự cổ thùy vô tử, Lưu thử đan tâm chiếu hãn thanh*, thơ của Văn Thiên Tường được Nguyễn Công Trứ đưa vào bài hát nói, hay thì có hay thiệt, nhưng chung chung quá và cũng... thơ qúa. "Tuy nhiên không phải là thanh niên ta không được nghĩ đến công danh, nhưng không bao giờ ta nên qúa lo đến. Nhất là không bao giờ ta nên để công danh lên trên tất cả mọi sự trên cả nhân phẩm, trên cả luân lý, như nhiều người tự xưng là thượng lưu trong xã hội ta. Ta phải để hết tâm trí đến sự nghiệp của ta, ta sẽ được hưởng cái lạc thú vô song của một đời đầy đủ, của một đời có ích cho người chung quanh". Nhìn những anh chị học trước chúng tôi tự tử vì thi hỏng, điên cuồng vì đường công danh lận đận... tôi càng thấy những điều Hoàng Đạo nói với lớp trẻ chúng tôi sao mà đúng qúa, hay qúa. Riêng tôi, thì vững tâm hơn, không qúa lo lắng như một số anh chị học trước tôi, sau tôi một số năm mà tôi đã chứng kiến, đã... chia buồn.

Ngày thi cận kề, đọc lại những đề thi đã ra trong những kỳ thi tú tài trước đó, tôi thấy dường như không có năm nào không có

những câu hỏi liên quan đến Tự lực văn đoàn. Càng đọc, tôi càng nhận ra "cái tính hài hước" trong văn Hoàng Đạo. Phần lớn trong *Mười điều tâm niệm*, Hoàng Đạo đã sử dụng bút pháp dí dỏm. Phải chăng vì thế mà tôi đọc không mấy ngán ? Đến bây giờ, tôi vẫn còn nhớ rất rõ, khi bàn luận, Hoàng Đạo thường chêm vào những chi tiết hóm hỉnh, hoặc giọng nói bông đùa ý vị. "Âu hóa, không phải là ăn vận cho đúng mốt ở Paris, nhẩy đầm cho đúng điệu, nặn mũi cho lõ, pha thuốc vào mắt cho xanh", hoặc "Nếu đem một ông đồ nho Annam sống ở thế kỷ trước bỏ rơi trước một trường vận động châu Âu, hẳn là ông đã hết đỗi kinh ngạc khi trông thấy những trang thiếu niên ngực nở sắp hàng tập thể thao. Nhưng, hẳn rồi ông lấy móng tay dài vuốt đôi má hóp mà cười một cách khinh bỉ. Ong liệt ngay họ vào hạng man di, đáng để cho văn minh Đông Dương sáng sủa của ông đến chinh phục".v.v...

Học tác phẩm của Hoàng Đạo cũng khác với những tác gia cùng thời của ông, như Nhất Linh, Khái Hưng, Thanh Tịnh... Qua văn phẩm của ông, tôi có cảm giác dường như ông đã tổng hợp giúp chúng tôi những anh hùng Lương Sơn Bạc, những Hàn Tín, Trương Lương, Lưu Bang, Hạng Võ...- những nhân vật trong các pho truyện Tàu ở vào thời của tôi không mấy ai không biết vào-một-con-người. Và thú thật, *Mười điều tâm niệm* của ngày ấy đã góp phần hình thành nên tôi trong cách nghĩ, cách làm. Bây giờ, hơn nửa đời nhìn lại và cộng vào đó chút duyên chữ nghĩa, tôi muốn khảo sát về Hoàng Đạo - nhà báo, nhà văn. Tôi không có tham vọng coi đây là công trình đầy đủ nhất về Hoàng Đạo, nhưng tin chắc rằng, ít ra nó cũng là "cái nền" cho những ai có ý nghiên cứu về tác giả này. Bởi cho đến nay, chưa có một công trình nghiên cứu về Hoàng Đạo, mặc dù ông là một trong những tác gia được đưa vào chương trình giảng dạy ở miền Nam trước năm 1975, và có ảnh hưởng ít nhiều trong giới học sinh trung học thời bấy giờ.

Vào những năm cuối của thế kỷ XX này, đọc lại những gì Hoàng Đạo đã viết, ngoài việc "ôn cố tri tân", tôi thấy, ít ra cũng còn có một số điều cần lưu ý nhằm góp thêm vào hành trang để mạnh bước tiến thẳng vào thiên niên kỷ thứ ba. Dĩ nhiên, không có mớ hành trang vặt vãnh này, loài người vẫn sống, vẫn tồn tại, vẫn yêu thương và hờn giận, vẫn toan tính và lo âu... nhưng có cũng không thừa. Với tôi, chí ít cũng có thêm cái để dạy dỗ con mình. Hoàng Đạo đả phá những thành kiến lạc hậu nguy hiểm, như đầu óc thiên về mớ lý thuyết khô khan mà lãng quên sự tranh đấu ở đời; quan niệm lệch lạc và tai hại về sự nghiệp, chuộng hư danh quan tước và địa vị; sự lầm tưởng về luyện tập thân thể; những lễ nghi tập tục phiền phức nhiều khi bất công và vô nhân đạo, nhất là đối với phụ nữ; óc mê tín dị đoan.v.v... Bên cạnh sự đả phá ấy, Hoàng Đạo đã vạch ra những điều nên làm, như luyện lấy một bộ óc khoa học; vạch ra một lý tưởng sống phù hợp với năng lực và tinh thần cao thượng, luôn luôn vững vàng trước cuộc sống dù gặp phải những hoàn cảnh éo le; mỗi người phải tập sai khiến được bản thân mình, chiến thắng sự ươn hèn và những khuynh hướng xấu; nêu cao tinh thần tập thể; đặc biệt, gia đình phải là nơi phát huy nhân phẩm.v.v... Tôi nghĩ, những điều đó chưa phải là cũ trong việc xây dựng con người mới, nếp sống mới. Nhưng nhìn vào thời điểm ra đời của tác phẩm, nhìn lại xã hội Việt Nam vào những năm 30 của thế kỷ này, ta có thể thấy được cái tâm và cái tầm của người viết.

Kể về tác phẩm, Hoàng Đạo viết không nhiều so với những người cùng văn đoàn, nhưng hầu như đều có cái để đọc, để suy gẫm. Bây giờ, đọc lại những chồng báo cũ, đọc lại những *Trước vành móng ngựa, Mười điều tâm niệm, Bùn lầy nước đọng*, ta có thể nhận ra một Hoàng Đạo nhà báo, nhà bút chiến mà Nguyễn Nhược Pháp từng khen: ""C'est le plus grand polémiste que j'ai jamais admiré": Đó là nhà bút chiến giỏi mà tôi rất khâm

phục"(1); nhà trào phúng mà theo Nguyễn Văn Xuân thì "Phỏng theo lối trào phúng của ông trong các bài báo kể cả các truyện Tam quốc, Tây du, mới đây Ba Cao trong tờ *Lập Trường* ở Huế đã lôi cuốn cả vạn độc giả" (2). Đến khi *Con đường sáng, Tiếng đàn* ra mắt bạn đọc, Vũ Ngọc Phan xếp ông vào một trong hai nhà tiểu thuyết luận đề lúc bấy giờ: "Tiểu thuyết luận đề của Nhất Linh đều khuynh hướng về gia đình, về việc cải tạo chế độ gia đình để giải phóng cho phụ nữ; còn tiểu thuyết của Hoàng Đạo tuy cũng thuộc loại tiểu thuyết luận đề nhưng khác với tiểu thuyết của Nhất Linh ở chỗ có khuynh hướng xã hội "(3). Tôi đã có công trình riêng về Khái Hưng, Thạch Lam, Nhất Linh, nhưng khi đọc lại tác giả nầy vẫn thấy có nhiều điều cần viết. Với tôi, văn học có thể đóng góp vào sự hiểu biết thực tế với điều kiện nó được hòa nhập vào cuộc sống thực của mọi tầng lớp nhân dân, nhất là nhân dân lao động, nếu không thì chỉ là những lời hô hào nghe qua rồi... bỏ. Khi nói về Tự lực văn đoàn, người ta nói tới ông như là linh hồn, là lí thuyết gia của nhóm. Có người đã cho rằng, những điều ông viết cũng chẳng có gì mới, bởi trước ông đã có người nói rồi, viết rồi, thậm chí đã bắt tay vào thực hành rồi. Tôi nghĩ, đó cũng mới chỉ là một-cách-nói. Bởi, khi đọc *Thiên gia thi* - tập sách nhập môn mà những người thầy dạy chữ Hán ở Việt Nam và Trung Quốc thường dùng để dạy học trò làm thơ, Hồ Chí Minh đã viết :

Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.(4)

---

(1)+(2) *Tưởng niệm Hoàng Đạo*, Văn, số 107+108, S, 1968, trg 101, 101.
(3) Vũ Ngọc Phan: *Nhà văn hiện đại*, T.2, Nxb Khoa học xã hội, H, 1989, trg 838.
(4) *Hồ Chí Minh toàn tập*, T.3, Nxb Sự Thật, H, 1983, trg 370.

Cái quan trọng của đời người nói chung, đời người cầm viết nói riêng là biết lúc nào "nên" và lúc nào "cũng phải biết" ấy, chớ nếu không thì dễ dẫn tới cảnh "lạc nước hai xe đành bỏ phí" (thơ Hồ Chí Minh). Hoàn cảnh lịch sử, xã hội Việt Nam vào những năm cuối thế kỷ XIX như ta đã biết là rất ư nghiệt ngã. Năm 1887, cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng ở Bình Định bị thất bại. Năm 1894, Phan Đình Phùng bị bệnh mất trong rừng Hà Tĩnh. Năm 1897, cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy cũng thất bại và Nguyễn Thiện Thuật phải bỏ quê cha đất tổ lánh nạn sang Trung Hoa. Hùm thiêng Yên Thế Hoàng Hoa Thám cũng chỉ để lại tiếng thơm về lòng yêu nước.v.v... Và cũng chính từ chỗ thất bại này là bài học qúi giá cho các nhà cách mạng lớp sau. Chống thực dân Pháp bằng vũ lực, bằng những vũ khí thô sơ, bằng tấm lòng của những người "Cui cút làm ăn; Riêng lo nghèo khó. Chẳng quen cung ngựa, đua tới trường nhung; Chỉ biết ruộng trâu, ở theo làng họ. Việc cuốc, việc cày, việc bừa , việc cấy, tay vốn quen làm; Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mất chưa từng ngó"(1), thì khó lòng làm nên chiến thắng đuổi được quân thù.

Bước vào thập niên đầu của thế kỷ XX , những nhà cách mạng Việt Nam như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Tăng Bạt Hổ, Lương Văn Can... tìm con đường khác và hình thành nên Phong trào Duy Tân (1905), Đông Kinh Nghĩa thục (1906) với những mục đích :

- Đả phá lối học hư văn "tầm chương trích cú". Phổ biến cái học thực dụng, như: khoa học, sử địa... và đặc biệt là vận động phong trào Đông Du.

- Bài trừ những hủ tục, mê tín. Phổ biến cách ăn mặc theo lối

---

(1) Nguyễn Đình Chiểu: *Thơ văn yêu nước chống Pháp*, Ty VHTT Bến Tre, 1982, trg 33.

mới như: cắt búi tóc, để tóc ngắn, mặc âu phục nhưng may bằng hàng trong nước.

- Vận động nhân dân dùng hàng trong nước, giành lấy quyền thương mại từ tay người Tàu. Thành lập những hiệu buôn...

- Góp sức lập nên những đồn điền để khuyếch trương nông nghiệp.

- Đả phá đế quyền bù nhìn, quan trường thối nát và chính sách bóc lột của thực dân.

Ngoài ra, các nhà cách mạng Việt Nam còn tìm cách ngoại giao với các nước Nhật, Tàu, Xiêm..., vận động mua khí giới của nước ngoài.

Rõ ràng những chủ trương, những việc làm ấy không chỉ mới mà còn rất mới so với những nhà yêu nước cuối thế kỷ XIX. Nhưng theo Huỳnh Thúc Kháng: " Năm Thành Thái thứ tư, khóa hội Nhâm Thìn (1892) đề thi Đình có hỏi *đại thế hoàn cầu*. Tiên sinh không thi cử gì nhưng thấy cái đề có quan hệ, có thảo một bài *Thiên hạ đại thế luận*"(1). Và vị tiên sinh đó là Nguyễn Lộ Trạch, người Kế Môn (Thừa Thiên), học giỏi không thi cử, nhưng nghiên cứu rất nhiều sách vở, rút ra được những điều hay có thể ích quốc lợi dân và đã từng dâng lên vua *Thời Vụ Sách Thượng* và *Thời Vụ Sách Hạ* bàn việc canh tân, cải tiến mọi phương diện chính trị, ngoại giao, quân sự... nhưng không ai chịu nghe để gót giày xâm lược dày xéo khắp đất nước. Qua *Thiên hạ đại thế luận*, ta thấy tư tưởng Duy Tân của Nguyễn Lộ Trạch có thể chia ra mấy ý chính :

- Vấn đề chủ yếu là chánh giáo. Chánh giáo là một nền giáo dục lấy chánh đạo để đào tạo sĩ phu và quốc dân (tức như học thuyết Khổng Mạnh, chủ nghĩa dân quyền).

- Trình bày thực trạng của nước Trung Hoa.Sở dĩ không mất

(1) Nguyễn Văn Xuân: *Phong trào Duy Tân*, Nxb Đà Nẵng, 1995, trg 21.

là một may mắn của lịch sử. Nhưng nước ấy đã hoàn toàn tê liệt. Người Việt Nam đừng trông mong gì nước ấy giúp mình nữa. Chỉ có nước nào biết Duy Tân và tự cường như Nhật Bản mới mong mở mặt được.

- Bàn về cái lẽ suy nhược của Việt Nam.

- Việt Nam muốn cứu lại nước, không thể noi theo đường cũ, mà phải :

a. Cần chấn chỉnh chính giáo.

b. Phải Duy Tân, mở mang mọi phương diện nông, công, thương, học kỹ thuật khoa học của Âu Tây.

c. Sẽ chờ cơ hội thuận lợi mà cứu nước. (1)

Từ mớ lý thuyết ấy, những nhà cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XIX đã áp dụng vào cuộc sống với các hội nông, hội thương, hội học, cùng những buổi diễn thuyết, nhất là những bài ca vè dễ nhớ dễ thuộc :

Đấng làm trai đứng trong trời đất,
Phải làm sao cho mở mặt non sông.
Kìa kìa những bậc anh hùng,
Cũng vì tuổi nhỏ học không sai đường.
Cuộc hoàn hải liệt cường tranh cạnh,
Mở trí khôn giàu mạnh dường bao.
Nước ta học vấn thế nào ?
Chẳng lo bỏ dại lẽ nào đặng khôn.
Chữ Quốc ngữ là hồn trong nước,
Phải đem ra tỉnh trước dân ta.
Sách Âu Mĩ, sách Chi-na,
Chữ kia, chữ nọ, dịch ra tỏ tường.
Nông, công, cổ trăm đường cũng thế,

(1) Nguyễn Văn Xuân: *Phong trào Duy Tân*, Nxb Đà Nẵng, 1995, trg 25.

Họp bày nhau thì dễ toan lo.
Á Âu chung lại một lò,
Đúc nên tư cách mới cho rằng người.
(...)
Chuông tự lập vang đình diễn thuyết,
Trống hoan nghinh dội bể Đông Dương. (...)

(Huỳnh Thúc Kháng : *Chiêu hồn nước*) (1)

Trần Qúy Cáp thì có *Hiệp thương ca, Nông trại ca...* như :

Bỏ bạc tiền ra để buôn chung,
Người có của kẻ có công.
Xúm nhau lại cũng đem lòng thân ái,
Hiệp bãi cát gây nên non Thái.
Hiệp ngàn dòng nên cái biển Đông .

hoặc :

Hoách chân dựa lấy chuôi cày,
Vỗ tay hát khúc Nam Sơn à cũng thú !
Nói chi nữa đến ngày hoạ vụ,
Gà lộn, cu quay, vôi vò, rược hũ.
Vui cùng nhau ăn cơm mới, nói chuyện xưa... (2)

Nhưng như thế vẫn chưa đủ, nếu mọi người chưa chịu từ bỏ những cái lỗi thời như búi tóc trên đầu chẳng hạn. Họ vừa vận động vừa có phần... hăm dọa :

Cúp hề ! Cúp hề !
Tay mặt cầm kéo
Tay trái cầm lược

---

(1) + (2) Nguyễn Q. Thắng : *Huỳnh Thúc Kháng - tác phẩm*, Nxb TP.HCM, 1992, trg 215-216, 46.

Cúp hề ! Cúp hề !
Đũng đỉnh cho khéo
Bỏ cái ngu này
Bỏ cái dại này
Học theo người Tây
(Nếu) Hãy còn ăn mặn
Hãy còn nói láo
Phen này ta cúp
Phen sau ta cạo (1)

Bên cạnh đó, họ còn lên án chính sách tàn bạo của bọn thực dân mà bao năm qua nhân dân ta phải è lưng gánh chịu :

Các hạng thuế Pháp càng tăng mãi,
Thuế đinh, điền rồi lại thuế bò.
Thuế chó củi, thuế lợn lò,
Thuế muối, thuế rượu, thuế đò, thuế xe.
Thuế tất cả, trầu cau, chè, thuốc,
Thuế môn bài, thuế nước, thuế đèn.
Thuế nhà cửa, thuế chùa đền,
Thuế rừng tre gỗ, thuế thuyền bán buôn.
Thuế dầu mật, thuế sơn các chỗ,
Thuế gạo rau, thuế đỗ, thuế bông.
Thuế tơ, thuế sắt, thuế đồng,
Thuế chim, thuế cá khắp trong ba kỳ.
Nhiều hạng thuế kể chi cho xiết,
Thuế "phát xia" thôi việc lạ lùng !
Nói ra luống những đau lòng !
Cha con khổ nhục, vợ chồng lìa tan !

---

(1) *Phong trào Duy Tân*, Sđd, trg 197.

Cũng có lúc bầm gan tím ruột,
Vạch trời cao mà tuốt gươm ra,
(...)

(Á tế Á) (1)

Và chẳng bao lâu sau, người dân Quảng Nam đã làm nên vụ xin xâu (1908) nổi tiếng, nhân dân làm chủ tình hình, vây hãm các phủ huyện. Cuối cùng, người dân đen phải chịu :

...Quan sai lính đánh như trâu,
Chịu đau không thấu, mang đầu chạy ngay !
Con roi bằng cái cổ tay,
Đánh dồn, đánh dập một ngày đôi con.
Xấu da chịu chẳng đặng đòn,
Chạy về sau trước vợ con ở nhà....

(Vè xin xâu)

Và cũng từ đó phong trào tan rả khi thực dân áp dụng biện pháp vừa ngọt ngào, vừa cay đắng là bổ dụng một số người đi làm quan ở xa, một số thì bắt giam, thậm chí phải ra tòa Đề hình và bị kêu án trảm giam hậu, sau đổi làm khổ sai chung thân đày ở Côn Đảo. Bởi vì : *"Cách hoạt động người mình còn dại. Sức oai quyền ép lại càng mau"*(2). Nhưng những việc làm này đã có những ảnh hưởng đáng kể trong đời sống người dân Việt, cũng như cách nhìn của bọn thực dân. Bên cạnh những tàu đồng, súng lớn, bọn chúng tiến hành cuộc xâm lăng mới: xâm lăng văn hóa. Schneider "nối

---

(1) Nguyễn Q. Thắng : *Phan Châu Trinh - Cuộc đời và tác phẩm*, Nxb Văn học, H, 1992, trg 73.
(2) *Phong trào Duy Tân*, Sđd, trg 287.

dài" tờ *Lục tỉnh tân văn* (1907) ở Nam Kỳ ra tờ *Đông Dương tạp chí* (1913) ở Bắc Kỳ và giao cho Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút nhằm phổ biến văn hóa "Phú lang sa", đồng thời thu hút một số nho sĩ cũng như những người tân học. Thấy có tác dụng, Schneider thêm tờ *Trung Bắc tân văn* và *Học báo*. "Tờ *Trung Bắc tân văn* đặc biệt coi trọng việc mộ lính cho Pháp. Nó tuyên truyền cho việc mua vé "quốc trái" của Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ như chính sách giấy thông hành, chính sách thuế thân, chủ trương đưa Khải Định lên làm vua"(1). Mấy năm sau, Louis Marty sáng lập và làm cố vấn tờ báo mới *Nam Phong tạp chí* (1917) ra hàng tháng, gồm phần chữ quốc ngữ và phần chữ Hán, sau đó có thêm phần chữ Pháp (1923). Như vậy, ta có thể thấy, đối tượng bạn đọc của *Nam Phong tạp chí* là tầng lớp trí thức cựu học và tân học. Và theo *Cuộc đời cách mạng của Cường Để* thì "Marty là một trợ thủ đắc lực của Sarraut, coi việc trinh thám chính trị ở Phủ Toàn quyền Đông Dương, bấy giờ cũng ở Paris. Hắn đem ảnh Đức Hoàng tử Cảnh phóng đại treo thờ để tỏ ý thân thiện với bỉ nhân (Kỳ Ngoại Hầu Cường Để - VG). Hắn bảo Trương Duy Toàn viết thư nói chuyện ấy cho bỉ nhân nghe, tưởng thế là có thể cám dỗ được bỉ nhân đó !". Và càng lúc người ta càng thấy "Tờ báo *Nam Phong* tuyên truyền cho cái gọi là "chính sách khai hóa" của giặc Pháp mà toàn quyền Albert Sarraut thi hành ở nước ta trong chiến tranh thế giới thứ nhất. Nó có dụng ý kết hợp tư tưởng của phương Tây, của Pháp, mà nó đã tước bỏ phần tiến bộ, với tư tưởng phong kiến của phương Đông, của Việt Nam, mà nó ca tụng là "quốc hồn", "quốc túy". Nó bảo vệ quyền lợi của bọn thực dân Pháp và bọn phong kiến, tư sản mại bản Việt Nam.

Nam Phong tuyên truyền cho các chính sách cải cách lừa

---

(1) Hồng Chương: *120 năm báo chí Việt Nam*, Nxb TP.HCM, 1985, trg 16, 17.

bịp của thực dân Pháp như : "chấn chỉnh quan trường", "mở trường đại học", "cải cách việc học"."(1). Tinh thần Pháp -Việt đề huề, lấy tư tưởng Khổng-Mạnh làm nòng cốt che đậy sự xâm lăng văn hóa đầy dụng ý không phải không có ai nhận ra.

Nhà yêu nước Phan Bội Châu đã có những câu thơ được phổ biến rộng rãi trong tầng lớp sĩ phu :

Non sông đã mất, mình khôn sống,
Hiền thánh đâu còn, học cũng hoài.

hoặc những câu thơ không chỉ có phổ biến trong tầng lớp sĩ phu, mà còn phổ biến rộng rãi trong quần chúng :

Nó coi mình như trâu, như chó,
Nó coi mình như cỏ, như rơm.
Trâu nuôi béo, cỏ bở rơm,
Cỏ mọi rễ cỏ, trâu làm thịt trâu.

hoặc :

Ngày mong mỏi vài con ấm tử,
Đêm vui chơi một lũ hầu non,
Trang hoàng gác tía, lầu son,
Đã hao mạch nước, lại mòn xương dân.

Nhưng với tôi, *Đông Dương tạp chí* và *Nam Phong tạp chí* cũng không phải không có công trong việc định hình chữ quốc ngữ và phần nào đó cũng góp phần mở rộng tầm nhìn cho một bộ phận quần chúng biết chữ. Chúng ta chưa có công trình nào nhìn lại toàn cục hai tờ báo này. Không phải giản đơn mà *Đông Dương tạp chí* qui tụ được hầu hết những nhà văn có tiếng đương thời, như Phan Kế Bính, Nguyễn Đỗ Mục, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Tố,

---

(1) Hồng Chương: *120 năm báo chí Việt Nam*, Nxb TP.HCM, 1985, trg 16, 17.

Phạm Duy Tốn... Và *Đông Dương tạp chí* đã hình thành một đường lối tư tưởng, cảm xúc và hành động mới, có thể nói mới hoàn toàn so với trước đó: văn vần nhường bước hẳn cho văn xuôi; những tinh hoa văn hóa phương Tây, nhất là văn hóa Pháp được phổ biến; cổ động chữ quốc ngữ.v.v... Ngay từ ngày chủ trương *Đăng cổ tùng báo* (1907), trong số ra mắt, Nguyễn Văn Vĩnh đã cho rằng: "Chữ nho của là một cái hàng rào chắn ngang đường văn minh, làm cho kẻ đi học mỏi lưng, tốn cơm gạo mới dùng được chữ; khi dùng được chữ thì trán đã răn, lưng đã khòm vì nỗi dùi mài một đời các điều cao xa qúa"(1), và cũng chính ông đã nói, đã viết ra câu bất hủ: "Nước ta sau này hay hay dở là nhờ ở chữ quốc ngữ"(2). Đến thời *Nam Phong tạp chí*, Phạm Quỳnh cũng tiếp nối sự nghiệp ấy và từng bước qui định câu văn Việt Nam. 17 năm tồn tại (1917-1934), *Nam Phong tạp chí* vừa giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc, vừa tiếp nhận những nền văn hóa nước ngoài, góp phần bồi đắp văn sản nước nhà; xây dựng một cơ sở vững chắc cho chữ quốc ngữ.v.v... Do đó, ta không vì cá nhân của Nguyễn Văn Vĩnh, của Phạm Quỳnh hay của ai đó mà phủ nhận những đóng góp không thể không nhắc tới trong tiến trình lịch sử văn học Việt Nam. Sau này, Đào Duy Anh cũng thấy rằng, "Ở trạng thái nguyên thủy thì dân tộc nào cũng tin tưởng bằng những hình thức cụ thể và đặc biệt, rồi dần dần mới tiến đến những tư tưởng trừu tượng và phổ thông. Tư tưởng người Việt Nam, thì ngay buổi đầu đã vì điều kiện tự nhiên và lịch sử hạn chế ở trong khuôn của một thứ ngôn ngữ và văn tự (Hán văn) cụ thể, cho nên ngưng trệ hoài. Nhưng đương lúc điều kiện sinh hoạt và trạng thái lịch sử đổi thay mau chóng, đương lúc ngôn ngữ đang biến hóa cho thích hợp với nhu yếu hiện thời, trí tuệ của ta phải nghênh hợp tư tưởng mới của

---

(1)+(2) Dẫn theo Kiều Thanh Quế: *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam*, Hoa tiên xb, S, 1969, trg 126, 126.

phương Tây nên đã bắt đầu đi vào đường khái niệm và trừu tượng là con đường tất yếu để tiến đến cõi khoa học"(1). Nói như F. Engels, thì thời điểm ấy chính là lúc "mặt trời đã mọc, triều đại của lí tính đã tới"(2). Khoa thi cuối cùng của triều đình Huế (1919) xếp lại nền cựu học tầm chương trích cú đã có từ bao đời qua không phải là chuyện giản đơn một sớm một chiều. Vì vậy, nếu ta lấy cặp mắt nhìn qúa ư nghiêm khắc của ngày hôm nay để phủ nhận tất tật những gì của lớp người đi trước thì chẳng mấy công bằng, bởi bối cảnh lịch sử nước nhà vào thời điểm ấy cơ bản là vậy, khó có thể đòi hỏi gì hơn được.

Không ai có thể chối cãi những cuộc cách mạng vũ trang ngày đó, từng bước đi dần vào chỗ lụn bại, cùng với tệ nhũng nhiễu của bọn tham quan ô lại và thái độ tách rời cuộc sống của một số người theo tân học với vợ đẹp, con thơ, nhà lầu, xe hơi với cuộc sống bần cùng của số đông nhân dân lao động đã góp phần tạo nên một lớp người mới với những suy nghĩ mới. Và báo *Phong Hóa* rồi *Ngày Nay* của nhóm Tự lực văn đoàn do một số thanh niên thấm nhuần cái học mới của phương Tây, ý thức được vai trò tiên phong của mình "lúc nào cũng mới, trẻ, yêu đời, có chí phấn đấu và tin ở sự tiến bộ" (điều 5, *Tôn chỉ* của Tự lực văn đoàn). Và trong chừng mực nào đó họ đã thành công, đã có những đóng góp nhất định trong lịch sử báo chí và lịch sử văn học nước nhà. Khi trả lời báo *Bulledingue* của phong trào sinh viên trong tổ chức Hội người Việt Nam tại Pháp, Hoàng Xuân Hãn đã thừa nhận rằng "nhóm Tự lực không phải là nhóm duy nhất, nhưng là nhóm quan trọng nhất và là nhóm cải cách đầu tiên của nền văn học hiện đại"

---

(1) Dẫn theo Kiều Thanh Quế: *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam*, Hoa tiên xb, S, 1969, trg 166-167.

(2) *Tuyển tập Mác -Ăngghen*, T. 5, Nxb Sự thật, H, 1983, trg 564.

(1). Hoàng Xuân Hãn còn cho biết thêm : "Ngày nay, tôi nghĩ rằng những nhà văn học, và những sử gia sẽ phải thừa nhận giá trị của những thành viên trong nhóm Tự lực văn đoàn mà phần lớn đã qua đời và phải bắt đầu lại việc xem xét nghiên cứu các tác phẩm của họ"(2). Trong cuộc *Hội thảo về Tự lực văn đoàn*, ngày 25.7.1989 tại khoa Ngữ văn trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nhà thơ Huy Cận cũng đã có ý kiến cho rằng "Ta đã có đủ thời gian để đánh giá sự đóng góp của Tự kực văn đoàn. Có thể nói Tự lực văn đoàn đã đóng góp lớn vào văn học sử Việt Nam. Họ có hoài bão về văn hóa dân tộc."(3). Và trong những con người ấy không thể không nói tới Hoàng Đạo, bởi ông là một trong mấy thành viên đầu tiên của nhóm và cũng là người góp nhặt những tinh hoa của ông cha và của nhân loại tạo nên một cao trào đấu tranh cho quyền con người, cho một xã hội nhân bản hơn, văn minh hơn, đồng thời đã có những đóng góp tích cực, thậm chí có phần mang tính quyết định cho hoạt động báo chí, văn chương, xuất bản của nhóm cho tới ngày Tự lực văn đoàn tan rã.

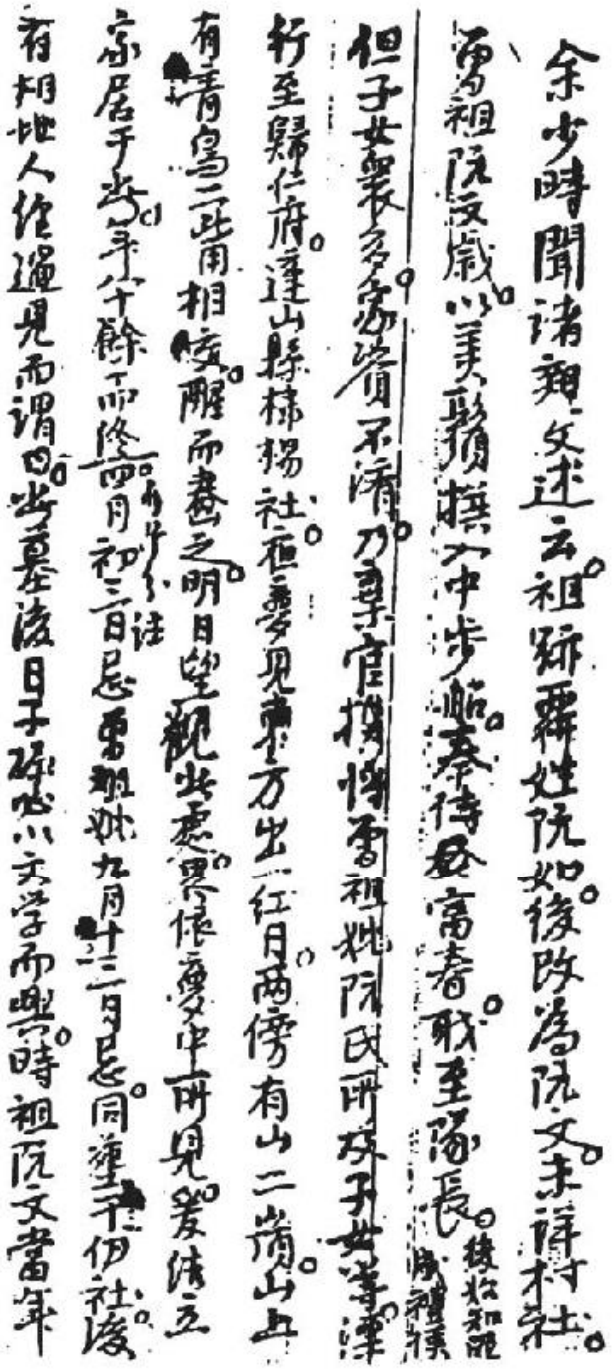
---

(1) + (2) *Chuyện trò với Hoàng Xuân Hãn*, Tạp chí *Sông Hương* số 37, tháng 4 năm 1989, trg 74.

(3) *Nhìn nhận lại một số hiện tượng văn học*, Báo *Giáo viên nhân dân*, số đặc biệt, tháng 7. 1989,trg 9.



Trang bìa cuốn Gia phả dòng họ Nguyễn Tường



Trang đầu của Gia phả dòng họ Nguyễn Tường

阮姓世系

第壹世

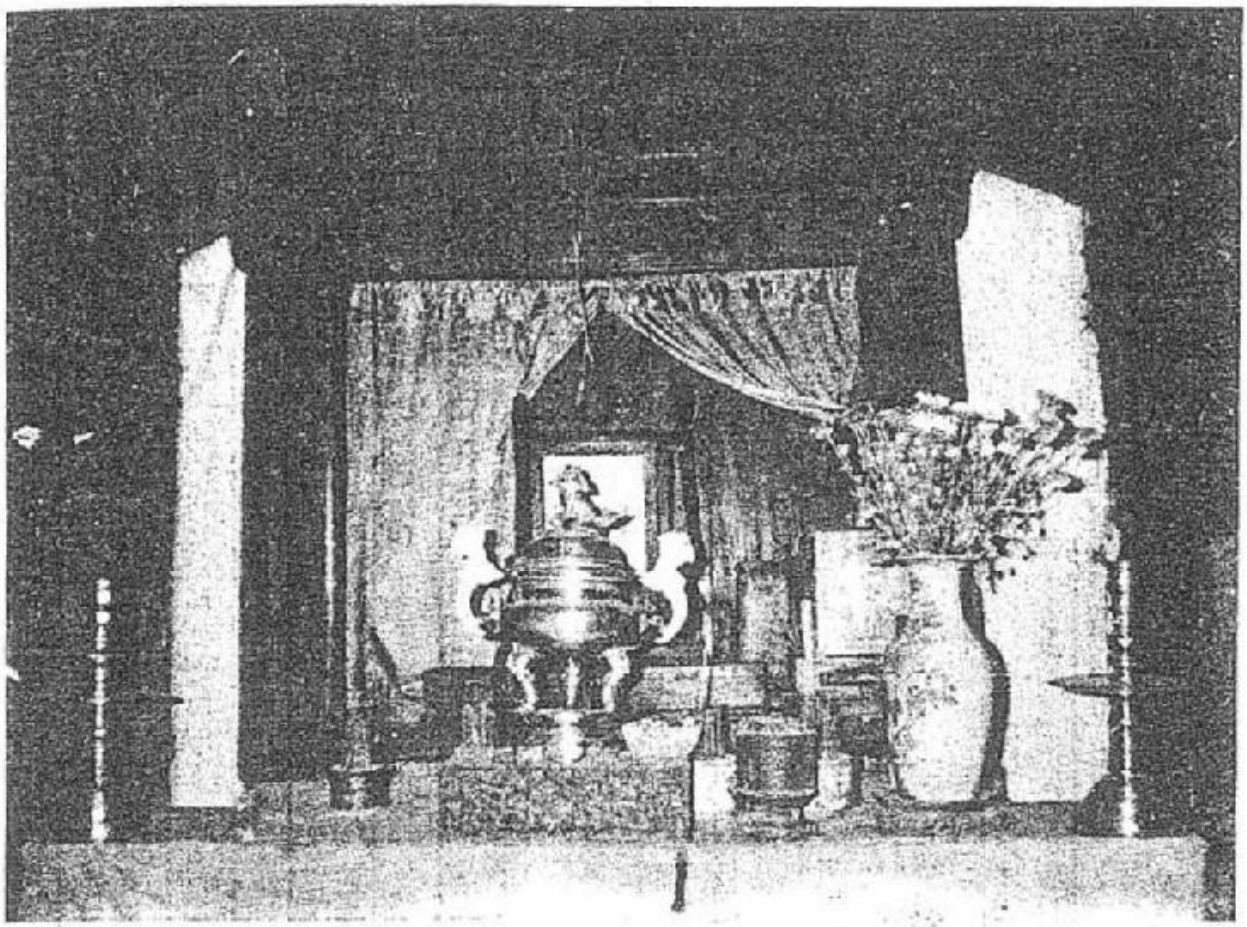
皇黎該隊楊才侯 貫清華鎮河中府下縣福田社

阮文福 特公為本族始祖 生下

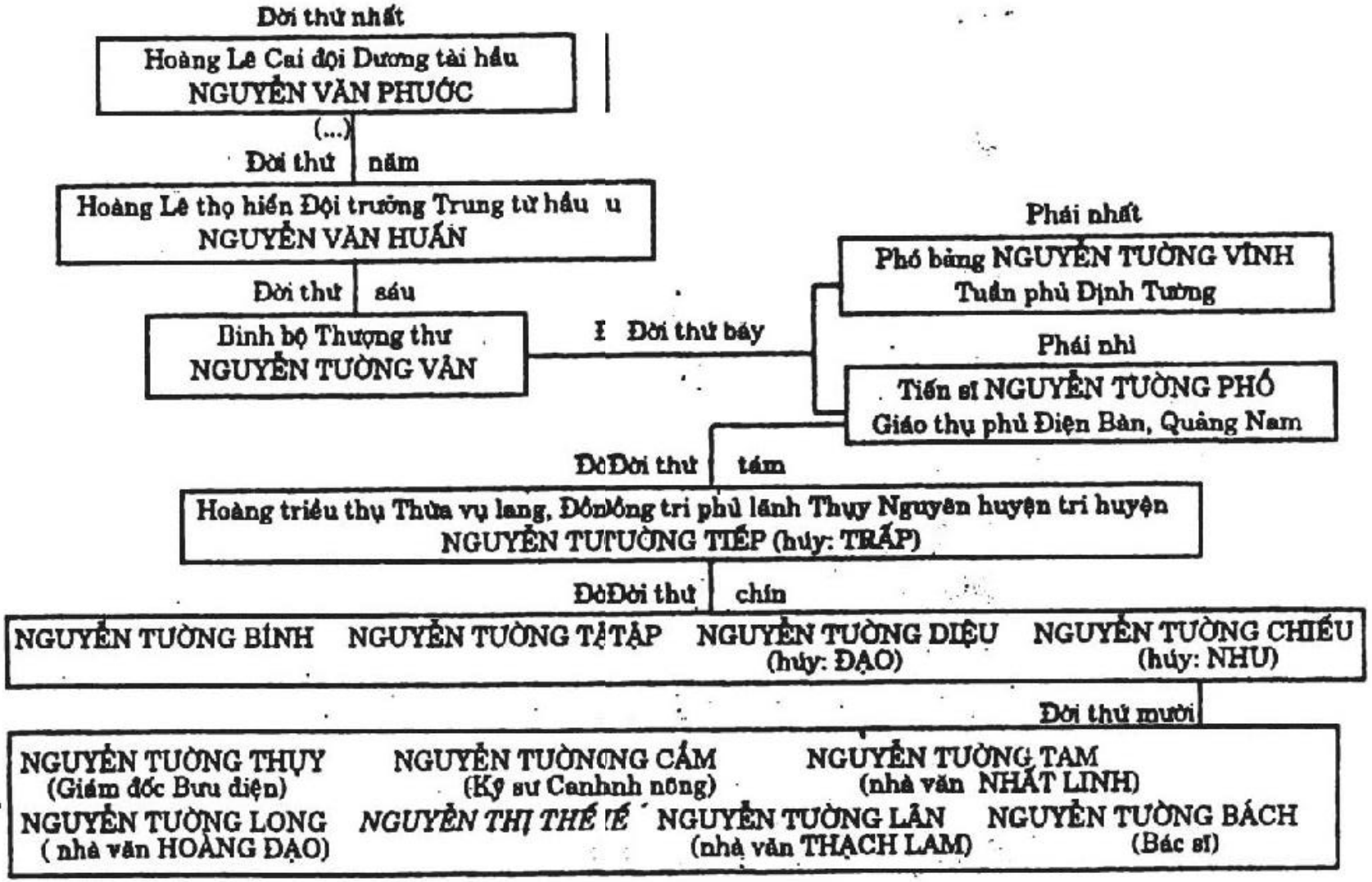
第貳世

皇黎隊長信禮侯

Đời thứ nhất và đời thứ hai trong Gia phả Nguyễn Tường



Bàn thờ cụ Binh bộ Thượng thư Nguyễn Tường Vân tại từ đường chính


Đời thứ nhất
Hoàng Lê Cai đội Dương tài hầu
NGUYỄN VĂN PHƯỚC
(...)
Đời thứ năm
Hoàng Lê thọ hiến Đội trưởng Trung tứ hầu u
NGUYỄN VĂN HUẤN
Đời thứ sáu
Binh bộ Thượng thư
NGUYỄN TƯỜNG VÂN
Đời thứ bảy
Phái nhất
Phó bảng NGUYỄN TƯỜNG VĨNH
Tuần phủ Định Tường
Phái nhì
Tiến sĩ NGUYỄN TƯỜNG PHỔ
Giáo thụ phủ Điện Bàn, Quảng Nam
Đời thứ tám
Hoàng triều thụ Thừa vụ lang, Đồng tri phủ lãnh Thụy Nguyên huyện tri huyện
NGUYỄN TƯỜNG TIẾP (húy: TRẤP)
Đời thứ chín
NGUYỄN TƯỜNG BÍNH
NGUYỄN TƯỜNG TẬP
NGUYỄN TƯỜNG DIỆU (húy: ĐẠO)
NGUYỄN TƯỜNG CHIẾU (húy: NHU)
Đời thứ mười
NGUYỄN TƯỜNG THỤY (Giám đốc Bưu điện)
NGUYỄN TƯỜNG CẨM (Kỹ sư Canh nông)
NGUYỄN TƯỜNG TAM (nhà văn NHẤT LINH)
NGUYỄN TƯỜNG LONG (nhà văn HOÀNG ĐẠO)
NGUYỄN THỊ THẾ
NGUYỄN TƯỜNG LÂN (nhà văn THẠCH LAM)
NGUYỄN TƯỜNG BÁCH (Bác sĩ)

SỐNG NHỜ ĐẤT KHÁCH, THÁC CHÔN QUÊ NGƯỜI

Hoàng Đạo tên thật là Nguyễn Tường Tư, em ruột của Nhất Linh, anh ruột Thạch Lam. Ong sinh ngày 11 tháng 10 năm Đinh Mùi, nhằm ngày 16 tháng 11 năm 1907, tại làng Hàn Giang, huyện lỵ Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Cắp sách đến trường ít năm, ông không đủ tuổi đi thi, nên phải khai tăng lên những... 4 tuổi, đổi tên là Nguyễn Tường Long với ngày sinh là ngày 3 tháng 4 năm 1903. Ong là con thứ tư trong gia đình có sáu anh em trai và một người em gái : Nguyễn Tường Thụy (Giám đốc Bưu điện), Nguyễn Tường Cẩm (Kỹ sư Canh nông, có viết văn, làm báo và từng làm Chủ nhiệm báo Ngày Nay, nhưng không nổi tiếng như các anh em trong nhà),Nguyễn Tường Tam (Cử nhân Lý-Hóa, nhà văn Nhất Linh), Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo), Nguyễn Thị Thế (Về già có viết văn, chủ yếu kể về gia đình Nguyễn Tường), Nguyễn Tường Lân (nhà văn Thạch Lam), Nguyễn Tường Bách (Bác sĩ y khoa, có viết văn, làm báo). Năm 1924, Nguyễn Tường Long thi đậu bằng Cao đẳng tiểu học Pháp và liền sau đó đậu vào trường Luật Đông Dương tại Hà Nội. Năm 1927, tốt nghiệp, Nguyễn Tường Long được bổ dụng làm tham tá Ngân khố Hà Nội. Vừa đi làm vừa học, Nguyễn Tường Long thi đậu tú tài và được chuyển sang ngạch Tư pháp, làm tham tá lục sự năm 1929. Với chức vụ này, ông đã ngồi ghế lục sự khắp các tòa "Tây án". Nhờ vậy, ông đã có dịp sống ở khắp các tỉnh thành từ Bắc chí Nam.

Sau này có dịp nhìn lại bản thân ông, anh em nhà ông, không ít người lầm tưởng anh em nhà ông được sinh ra và lớn lên trong một gia đình giàu có, bởi được "xuất thân từ một gia đình quan lại lớn"(1).

Thực ra, anh em ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà nho sa sút. Thân sinh ông là cụ Nguyễn Tường Chiếu (húy: Nhu) làm thông phán Tòa sứ ở Sầm Nưa (Lào), nên được bà con quanh vùng gọi là thầy Thông Nhu và qua đời năm 1918 để lại người vợ còn trẻ (37 tuổi) với bảy đứa con thơ. "Gia đình mẹ tôi xưa nghèo, và trở thành khốn quẫn sau khi ông mất bên Lào. Theo mẹ tôi, ông là một kẻ sĩ trung bình, đứng đắn, đúng mực. Cái chí bất khuất và thái độ can đảm tinh thần với cuộc đời của các con sau này có lẽ thừa hưởng của người mẹ. Bà buôn bán tần tảo nuôi bảy con ở cái phố huyện buồn thiu, cái không gian sau này xuất hiện tràn đầy trong tác phẩm của Thạch Lam."(2). Phải nói, người phụ nữ trẻ một nách bảy đứa con, nuôi ăn đã mệt huống hồ gì còn cho các con cắp sách tới trường. Nhưng với tinh thần hiếu học của dân tộc, với truyền thống của gia đình, bà Thông Nhu đã quyết tâm cho con đến lớp, dù gánh hàng xáo trên vai phải nặng hơn, thậm chí đôi lúc mồ hôi đổ lộn nước mắt. *Dù cho ruộng cả, ao liền, Không bằng cái bút, cái nghiên anh đồ*. Trái tim người mẹ đã buộc bà phải làm tất cả vì con, cho con. "Có lúc buôn bán khó khăn, bà tôi vẫn nhất định cho các con tiếp tục học nên đã phải chịu nhiều vất vả nguy hiểm. Lúc đó người Pháp giữ độc quyền bán thuốc phiện cho dân. Thuốc phiện bán chính thức này cũng như rượu Văn Điển, không được ngon nên người dân nấu lấy bán cạnh tranh. Dĩ nhiên, cơ quan thuế đoan hoạt động tìm bắt những kẻ đã

---

(1) Nguyễn Trác-Đái Xuân Ninh: *Về Tự lực văn đoàn*, Nxb TP.HCM, 1989, trg 83.

(2) Thế Uyên: *Những người đã qua*, Văn Uyển xuất bản, S, 1968, trg 20.

dám "cạnh tranh bất chính" với chính quyền bảo hộ, trong số đó, vào một vài tháng, có bà tôi. Bà tôi lao vào nghề với mục đích kiếm nhiều lãi cho các con ăn học, nhưng các con lại coi đó như trò chơi kỳ thú (...) Nấu thuốc phiện, dụng cụ không phải là dễ giấu. Do đó một hệ thống báo động được tổ chức chu đáo. Con đường hương lộ dẫn đến phố huyện Cẩm Giàng, thiết lộ mỗi khi tàu hỏa đến đều được các bác thay phiên canh chừng mỗi khi bà tôi làm. Hệ thống báo động qúa chu đáo nên Tây đoan biết đã lâu nhưng chưa làm sao bắt được qủa tang. Nhưng có một lần, tàu hỏa đỗ ở ga vào phiên canh của Thạch Lam. Chú đứng ở sân ga ngó một lượt, không thấy Tây đoan xuống, thế là chú yên trí lên đầu đoàn xe, nằm dài ra ngắm đầu tàu. Trong khi Tây đoan xuống phía bên kia đoàn tàu, từ từ theo đường ruộng tiến vào bổ vây, Thạch Lam còn ngẩn ngơ trong các cơ phận của đầu máy. Tuy vậy mọi sự vẫn ổn thỏa vì hệ thống "ngăn chặn địch" được tổ chức chu đáo. Bác Tam xông ra hỏi tíu tít người tây đoan trong khi bác Cẩm, anh thứ hai trong gia đình bê tang vật chạy ra vườn giấu vào bụi tre. Kết qủa phái đoàn quan thuế thất bại ra về, nhưng bà tôi cũng chấm dứt công cuộc buôn bán nguy hiểm này, trở về đi cân gạo. Dĩ nhiên vẫn nghèo và các con vẫn cứ tiếp tục đi học. Thời kỳ vất vả này cũng như không gian phố huyện miền trung du cùng các dân cư, về sau xuất hiện đầy đủ trong các truyện ngắn dài của các bác, nhất là trong tác phẩm của Thạch Lam"(1).

Chính Thế Uyên, cháu gọi Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam là cậu ruột, gần gũi với bà ngoại, với các cậu (Thế Uyên gọi các cậu là chú, bác) thế mà vẫn ngộ nhận về sự giàu sang của dòng họ bên ngoại. "Ngộ nhận này chính tôi cũng đã có bởi vì từ lúc bắt đầu lớn đôi chút, tôi đã "thấy" bà tôi trong căn trại lớn,

---

(1) *Những người đã qua*, Sđd, trg 21-22.

"thấy" các bác, các chú trong những bộ âu phục, trong những căn nhà ở đủ tiện nghi, trong nhà in tòa báo đồ sộ. Và chắc tôi cũng tiếp tục ngộ nhận như vậy mãi nếu không có tiếng nói về dĩ vãng của mẹ tôi"(1). Và bà Nguyễn Thị Thế (mẹ nhà văn Thế Uyên) đã không giấu cái nghèo của gia đình trước các con, trước mọi người. "Nhà tôi tiền không có, ngày hai mươi tám tết rồi, bánh cũng không. Bên ngoại thì mổ heo gói bánh om sòm. Gia đình tôi chỉ thấy người đòi nợ thôi"(2), và "tết nhiều người đến đòi nợ, mẹ tôi phải ngồi trốn trong buồng"(3).

Nghèo khó là thế, nhưng những đứa con của bà đã không phụ tấm lòng trời biển của mẹ. Họ đã cố gắng học hành, đã dìu dắt nhau trên đường học tập và hầu như ai cũng khai tăng tuổi để học băng, học nhảy. Điều quan trọng là họ thi đâu đỗ đó, chớ không phải khai tăng tuổi, học băng, học nhảy để chứng tỏ với bạn bè, chòm xóm là ta học giỏi lắm mà thực ra chẳng giỏi dang gì. Theo tôi, ngày ấy ngoài việc ý thức học để đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục, cho tương lai chính mình, họ còn được người mẹ phả vào tâm hồn những hoài bão, những truyền thống tốt đẹp của ông cha, của dòng họ - một dòng họ văn võ song toàn.

Theo gia phả của dòng họ Nguyễn Tường còn lưu tại Cẩm Phô, thị xã Hội An (Quảng Nam-Đà Nẵng), thì đời thứ nhất: Hoàng Lê Cai đội Dương Tài hầu Nguyễn Văn Phước (dù trước đó có nghe rằng mang họ Nguyễn Như), đến đời thứ năm (tính theo trực hệ): Hoàng Lê thọ hiển Đội trưởng Trung Từ hầu Nguyễn Văn Huấn (húy: Qúy) vào Bình Định khai cơ lập nghiệp, nhưng vẫn là người của Hạ Bạn tổng, Tống Sơn huyện, Hà Trung phủ, Thanh Ba trấn. Đến đời thứ sáu, thì từ Nguyễn Văn đổi qua Nguyễn

---

(1) *Những người đã qua*, Sđd, trg 24.

(2)+(3) Nguyễn Thị Thế: *Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường*, Sóng xb, S, 1974, trg 41, 39.

Tường và chọn Cẩm Phô, Quảng Nam làm nơi chôn nhau cắt rốn. Lý giải điều này, những người trong dòng họ cho biết, ngày ấy ông cụ đời thứ sáu đi cùng với Nguyễn Phúc Chủng (tự: Phúc Ánh, sau ngày lên ngôi ngày 2 tháng 5 năm Nhâm Tuất - 1802, đặt niên hiệu là Gia Long) từ miền Nam ra Quảng Nam. Đến Quảng Nam, Nguyễn Phúc Ánh chỉ một ngọn núi trước mặt, hỏi :

- Núi ấy, tên gọi là gì ?

Cụ tổ thưa :

- Tâu chúa thượng, núi ấy nhân dân ở đây gọi là núi Phước Tường.

Nguyễn Phúc Ánh nói :

- Nguyễn Phước là họ của ta. Ta ban cho ngươi họ Nguyễn Tường.

Nghĩ đến "ân tứ" ấy, cụ tổ đời thứ sáu đã đổi họ từ Nguyễn Văn sang họ Nguyễn Tường, và chọn Cẩm Phô, Hội An (Quảng Nam) làm "phát tường địa". Đó là cụ Nguyễn Tường Vân, Binh bộ Thượng thư, Bắc thành Phó Tổng trấn. Cụ bị bệnh, mất lúc 49 tuổi. *Đại Nam liệt truyện* có ghi: "Vân tính hòa nhã, thanh đạm, tiết nghĩa, xem rộng các sách; nghe đâu có sách lạ, tất tìm mua để xem. Khi làm quan có chính nhân huệ, nên sau khi đi, dân thường nhớ ơn"(1). Cụ Nguyễn Tường Vân có hai vợ: một bà họ Phạm, một bà họ Nguyễn Khoa. Bà họ Phạm có người con trai tên là Nguyễn Tường Vĩnh, đỗ cử nhân khoa Đinh Dậu, Minh Mệnh năm thứ 18 (1837), sau đó đỗ Phó bảng, làm Tuần phủ Định Tường. Cụ Nguyễn Tường Vĩnh từng được vua Minh Mệnh sắc phong hàm Chủ sự, sung chức Giảng tập tại Phủ Trường Khánh Công, dạy cho Hoàng tôn Hồng Bảo (con trai trưởng của vua Thiệu Trị sau này, anh ruột Hồng Nhiệm - vua Tự Đức). Và được kể là nhánh (phái)

(1) *Đại Nam liệt truyện*, T.2, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993, trg 202.

thứ nhất.

Hồng Bảo sau này không làm vua được và bị mất sớm, nên không biết tài sức ra sao, nhưng qua tư liệu tìm được, thì An Phong Công Hồng Bảo làm thơ cũng không đến nỗi nào.

VÂN HOA TUYẾT NGUYỆT CẦM KỲ THI HỌA

Vân đạm phong kinh *nhất* diệp lâu
Hoa cù ẩn ước *nhị* tầng lâu
Tuyết ngưng địa thượng *tam* đông lãnh
Nguyệt đáo thiên trung *tứ* bích sầu
Cầm vận *ngũ* huyền ca nhã hứng
Kỳ vi *lục* cục thức doanh thâu
Thi hành *thất* bộ chung hoài cổ
Họa nhập Tiêu Tương *bát* cảnh đồ

An Phong Công Hồng Bảo

dịch:

Mây nhẹ gió đưa *một* lá thuyền
Hoa tầng *hai* ló mé đầu hiên
Tuyết rợi đầy đất *ba* đông lạnh
Trăng đến giữa không *bốn* vách phiền
Đàn đạo *năm* cung ca lúc hứng
Cờ vây *sáu* cuộc vẫn thay phiên
Thơ đi *bảy* bước xưa còn nhớ
Vẽ bức Tiêu Tương *tám* cảnh tiên

Quang Sinh *sưu tầm và dịch (1)*

Bà họ Nguyễn Khoa, có người con trai tên là Nguyễn Tường Phổ (em cùng cha khác mẹ với Nguyễn Tường Vĩnh), đỗ cử nhân khoa Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất (1841). Khoa thi năm Nhâm

(1) Báo *Văn nghệ TP.HCM*, số 257, ngày 5-11.9.1996, trg 30.

Dần, Thiệu Trị năm thứ hai (1842), Nguyễn Tường Phổ đỗ Tiến sĩ cập đệ. Hoàng Đạo gọi cụ Nguyễn Tường Phổ là ông cố ruột. Qua *Quốc triều Hương khoa lục* của Cao Xuân Dục, thì cả hai anh em Nguyễn Tường Vĩnh và Nguyễn Tường Phổ, đều ghi người xã Cẩm Phô, Quảng Nam (1), cũng cho ta thấy rõ chí định của cụ Binh bộ Thượng thư Nguyễn Tường Vân.

"Nguyễn Tường Phổ tự là Quảng Thúc, lại tự là Hy Nhân, hiệu là Thứ Trai, người huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam. Cha là Tường Vân làm đến Binh bộ Thượng thư (đã có truyện riêng). Tường Phổ lúc nhỏ kháu khỉnh lạ, khẳng khái có khí thức, học rộng nghe nhiều, ngoài chính kinh ra, về kiếm thư cầm phả không nghề gì là không kiêm thông.

Thiệu Trị năm thứ hai (1842) đỗ tiến sĩ cập đệ, do Hàn lâm viện biên tu vào Các, rồi thăng tri phủ Hoằng An, có tiếng liêm bình, duy tính thích cao thượng, đối với người phần nhiều không hợp. Bấy giờ, nước Cao Man gây biến, ở tỉnh cần hương dũng 1.000 người, ông chỉ lấy 100 người tới ứng tuyển, bị thúc đốc bất lực phải cách lưu. Rồi lại thu phục đổi tri phủ Tân An, để tâm vỗ yên dân, có ai tranh kiện, đem lễ nhượng hiểu bảo thôi đi, nên ở phủ được vô sự, sau vì chính sách thu thuế vụng về phải biếm chức do bộ đổi bổ, rồi mắc bệnh xin về.

Tự Đức năm thứ sáu (1846) bổ giáo thụ Điện Bàn, chẳng bao lâu nhiếp biện ấn quán phòng ở Học chính. Về dạy người cốt thực bỏ hủ, trước nghĩa lí sau văn nghệ, tính cương mà khí hào, tự mình giữ kỷ luật rất nghiêm nên trách người qúa nặng. Ông thường nói "ta bình sinh không hay khoan thứ cho người, nên đặt hiệu là Thứ Trai mà tự là Quảng Thúc, đó là muốn châm biếm cái tính thiên

---

(1) Cao Xuân Dục: *Quốc triều Hương khoa lục*, Nxb TP.HCM, 1993, trg 187, 208.

lệch mà chưa được. Khi giảng dạy nhàn hạ, rèm buông nơi tĩnh viện, có ý tưởng tượng như tiên ở ngoài hình vật, lại thích uống rượu, mà uống phải say, ngồi ngoảnh trông tự hào rằng : "Vương Hiếu Bá có nói: Danh sĩ không cốt ở tài lạ, cốt sao thường được vô sự, uống rượu thật thích, rồi đọc thuộc bài Ly Tao (Ly Tao: tên thiên Sở Từ do Khuất Nguyên làm ra), đó là danh sĩ". Một hôm có con chim bằng đậu ở giảng đường, ông bèn đối với bạn cố giao làm bài biên tập riêng. Bình sinh ông chỉ làm thơ, có nói: "Ta không hay làm phú để cho rộng thêm, chỉ để lại quyển "Thứ Trai thi tập" thôi. Được vài hôm, ông ốm đau rồi chết. Thọ 50 tuổi"(1).

Theo trực hệ, cụ Nguyễn Tường Phổ sinh ra cụ Nguyễn Tường Tiếp (húy: Trấp, Ấp), tự Châu Tá, hiệu Nghi Yêm, thụy Đôn Nhã. Theo các tư liệu đã công bố lâu nay, thì cụ Nguyễn Tường Tiếp làm tri huyện Cẩm Giàng. Nhưng trong gia phả ghi rõ: "Hoàng triều thụ Thừa vụ lang. Đồng trị phủ lãnh Thụy Nguyên huyện tri huyện Nguyễn Tường Tiếp". Đại Nam liệt truyện cũng khẳng định ông: "đỗ tú tài làm đến đồng tri phủ"(2). Và Cẩm Giàng là nơi ông ngụ cư. Từ đây, đất Bắc có thêm một nhánh của dòng họ Nguyễn Tường.

Cụ Nguyễn Tường Tiếp có ba người vợ, sinh được bốn người con trai : Nguyễn Tường Bính, Nguyễn Tường Tập, Nguyễn Tường Diệu (húy: Đạo), và Nguyễn Tường Chiếu (húy: Nhu). Cụ Nguyễn Tường Chiếu là con của người vợ thứ ba: Trương Thị Lý.

Thơ văn của những người đỗ đạt của dòng họ Nguyễn Tường để lại không nhiều (và cũng chưa có ai khai thác), nhưng ở nhà thờ cụ Phạm Phú Thứ (Đông Bàn, Điện Bàn, Quảng Nam) còn treo câu đối của cụ Nguyễn Tường Tiếp. Trong *Cổ học tinh hoa Văn*

---

(1) *Đại Nam liệt truyện*, T.4, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993, trg 216.
(2) *Đại Nam liệt truyện*, T.4, Sđd, trg 217.

tập,1962, Phạm Phú Hưu, cháu nội cụ Phạm Phú Thứ có kể: "Sau biến cố 1873 (cụ Nguyễn Tri Phương tuẫn tiết) vùng Hải Dương, Hải Phòng còn mang nặng vết đau thương: thành quách tiêu sơ, nhân dân li tán. Tất cả là phải làm lại. Thì vừa đê Vân Giang bị vỡ, tạo thêm ra cái cảnh đói rét lầm than. Đảo Cát Bà thì ăn cướp làm sào huyệt phá lương dân, vùng Đông Tài, Nam Sách thì giặc Lý Dương Tài quấy nhiễu. Cụ Phạm (Phú Thứ) lo ninh thiếp từ ngoại giao đến nội trị. Sau một thời gian ngắn, không những rắc rối trên đã được dẹp yên mà còn mở thêm được ở Nam Sách một cái nhàn điền rộng hai vạn một ngàn tám trăm mẫu.

Cảm cái thành qủa tốt đẹp nầy của cụ Phạm đã biến chuyển tai ương ra hạnh phúc, đổi đói khó ra ấm no cho dân hai tỉnh Quảng An và Hải Dương, cụ Nguyễn Tường Tiếp (ông nội của Hoàng Đạo - VG) người Cẩm Phô, Hội An, lúc bấy giờ cũng làm quan ở ngoài Bắc có tặng cụ Phạm đôi câu đối như sau, hiện còn thờ ở nhà thờ Trúc Đường:

Huệ chánh kỳ huân, Lục Đầu giang đông hạ thiên vạn lý,
Hùng văn lại bút, Ngũ Hành sơn nam trung đệ nhất phong.
Bồ Nam *dịch:*
An huệ hy kỳ, nghìn muôn dặm lúa xanh liêu đông Lục Đầu thủy,
Văn chương hùng hậu, một hòn non cao ngất phía Nam Ngũ Hành sơn."

Cụ Nguyễn Tường Chiếu về làm rể dòng họ Lê ở Duy Phước, Duy Xuyên, Quảng Nam, sinh được sáu người con trai, một người con gái. Trong bảy anh em nhà này, nổi tiếng trên văn đàn là Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam. Và như thế, kể từ đời thứ nhất: Cụ Nguyễn Văn Phước đến đời anh em Hoàng Đạo là đời thứ mười. Nguyễn Tường từ đường (thờ từ cụ tổ Nguyễn Tường Vân đến

những người đã khuất ở phái nhất) được nhân dân trong vùng gọi là Dinh Ông Lớn, tọa lạc tại số 10/19 đường Nguyễn Thị Minh Khai, thị xã Hội An. Theo lời kể lại, cụ Nguyễn Tường Chiếu trước lúc qua đời đã dặn dò các con khi mình còn sống:

- Sau này, dù thế nào các con cũng phải tìm về thăm quê cha đất tổ.

Lời dặn dò ấy, anh em Hoàng Đạo có thực hiện. Theo lời kể của những người trong dòng họ còn sống tại Hội An, thì Nhất Linh trước khi sang Pháp và sau khi học thành tài ở Pháp về, đều có ghé thăm nhà thờ tổ ở Cẩm Phô. Riêng bà Nhất Linh thì tới lui, liên hệ thường xuyên khi ông Nhất Linh còn sống lẫn khi ông Nhất Linh qua đời. Thời son trẻ, bà Nhất Linh buôn cau từ Hội An ra Bắc, nên đó là điều kiện thuận lợi để bà làm nhịp cầu nối giữa nhà chồng và tộc họ bên chồng. Sau ngày hòa bình lập lại bà cũng hành nghề buôn cau. Theo tư liệu chúng tôi có được, vào năm 1943, bà Nhất Linh có hùn một số vốn khá lớn vào hiệu buôn Chấn Hòa Hưng ở Hội An . Điều này cho thấy những lời kể của những người trong dòng họ còn sống tại Hội An là có cơ sở. Đặc biệt, chúng tôi gặp được anh Nguyễn Tường Mạnh, kỹ sư, Phó giám đốc Ban quản lí công trình xây dựng cơ bản và đê điều, thuộc Sở Thủy lợi Quảng Nam-Đà Nẵng, hậu duệ đời thứ mười hai của dòng họ Nguyễn Tường, người đang thờ từ bà tổ họ Nguyễn Khoa đến những tiền nhân của phái nhì, trong đó có anh em Hoàng Đạo. Anh Nguyễn Tường Mạnh đưa tôi đến thăm Văn miếu Cẩm Phô. Văn miếu này nằm ngay mặt tiền đường, nhưng đã xuống cấp. Phía trên cao, sát mái ngói lợp âm dương vẫn còn bức hoành (biển): VĂN THÁNH MIẾU. Dòng lạc khoản bên phải: *Bảo Đại ngũ niên Canh Ngọ Mạnh Đông*. Dòng lạc khoản bên trái: *Hàn Lâm viện Kiểm thảo Nguyễn Tường Long bái tiến.*

Như lời kể lại và niên hiệu Bảo Đại được ghi trên bức hoành,

thì năm 1930, Hoàng Đạo có về thăm quê và cúng Văn miếu làng, nhà thờ tộc bên nội, nhà thờ tộc bên ngoại (Duy Xuyên, Quảng Nam) mỗi nơi một bức hoành. Nhưng đất nước trải qua nhiều năm chiến tranh, chỉ còn lại mỗi bức hoành này. Sau ngày giải phóng (1975), bên ngoại của Hoàng Đạo (Duy Phước, Duy Xuyên) có cử người đến Cẩm Phô thăm hai lần. Như vậy, dấu vết của anh em Hoàng Đạo để lại nơi "phát tường địa" này chỉ có thế.

Theo tư liệu còn để lại, Nguyễn Tường Long được chuyển sang ngạch Tư pháp, làm tham tá lục sự năm 1929, ngồi khắp các tòa "Tây án". Do đó, năm 1930, Nguyễn Tường Long có mặt ở Đà Nẵng. Và Hàn Lâm viện Kiểm thảo là gì ? Tại sao Nguyễn Tường Long lại có hàm này ? Như ta đã biết, Trung kỳ ngày ấy thuộc xứ bảo hộ, nên quan chức tại Trung kỳ ngày ấy cũng được triều đình Huế phong hàm. Viện Hàn lâm chuyên "nghĩ soạn các từ hàn, thảo luận các sách vở, các văn thơ quan hệ đến chế cáo của vua ban ra, và văn kiện đối với ngoại quốc, đều do viện này nghĩ thảo.

Viện có những chức: Chưởng viện Học sĩ, Trực học sĩ, Thị độc học sĩ, Thị giảng học sĩ, Thị độc, Thị giảng, Thừa chỉ, Tu soạn, Biên tu, Chước tác, Kiểm thảo, Điển tịch, Điển hạ, Cung phụng và Đãi chiếu"(1). Hàn lâm viện Kiểm thảo là "Tùng thất phẩm"(2). "Lệ năm Tự Đức năm đầu định rằng các viên Giáo thụ, Huấn đạo, thi được đỗ Phó bảng, Huấn đạo sẽ được thăng hàm kiểm thảo, Giáo thụ thăng hàm tu soạn; dự trúng tam giáp (tiến sĩ), Huấn đạo sẽ được thăng hàm biên tu, Giáo thụ thăng hàm trước tác; dự trúng nhị giáp (Hoàng giáp), Huấn đạo sẽ được thăng hàm tu soạn..."(3). Về cách ăn mặc, bên văn, hàm thất phẩm, thì "Mũ thường triều dùng kiểu Tô Đông Pha; mặt trước mặt sau đều đính một bông hoa bằng vàng. Các thứ hoa và con giao long dát ở mũ đều bằng

---

(1)+(2)+(3) Nguyễn Sĩ Giác: *Đại Nam Điển lệ toát yếu*, Nxb TP.HCM, 1993, trg 13, 25, 73.

bạc. Áo may bằng sa đoạn, màu lam hay màu đen tùy dụng"(1). Tiền dưỡng liêm hằng năm cho Tùng thất phẩm là "hai mươi quan, gạo mười tám vuông, tiền xuân phục bốn quan"(2). Trong khi ở ngạch Tư Pháp, đã có lần chính phủ Pháp cải bổ ông sang ngạch quan lại và bổ nhiệm tri huyện nhưng ông đã một mực từ chối.

Báo *Phong Hóa* có ghi lại sự kiện này:

" MỪNG ÔNG HUYỆN MỚI

Theo Nghị định ngày 16 tháng 2 năm 1935 của ông Thống sứ, mấy ông có tên sau này được bổ tri huyện hạng ba: Ô. Trần Gia Thoại, Nguyễn Văn Trước, Nguyễn Xuân Kiên, Đặng Trần Cung, Nguyễn Thế Hiệu, Nghiêm Xuân Khai, Vũ Qúy Mão, Lê Văn Cầu, Hoàng Văn Hốt.

Mấy ông nầy toàn là Tham tá tốt nghiệp trường Luật, đến lượt đi làm tri huyện. Ong Nguyễn Tường Long, hiện Tham tá lục sự ngạch Tây cũng đến lượt đi, nhưng có đơn xin ở lại.

Bản báo có lời mừng ông Nguyễn Tường Long."(3).

Theo lệ của triều đình Huế, "Nếu đã được bổ viện hàm (chức trong viện Hàn lâm) thì viên Huấn đạo nào, sau đỗ Phó bảng, sẽ chiếu theo lệ cũ, được thăng chức tri huyện, mà bổ dụng vào chức thự đồng tri phủ"(4), do đó việc Hoàng Đạo từ chối Nghị định bổ nhiệm của ông Thống sứ nhiều người lấy làm tiếc, trong đó có người mẹ mang nặng đẻ đau, chịu thương chịu khó của ông. Bởi vì bà đã làm dâu về nhà viên quan tri huyện những bao năm, nên đã hiểu thế nào là nhà quan tri huyện, hiểu thế nào là đẹp mặt nở mày với bà con chòm xóm, với tổ tiên, với dòng họ bên nội bên ngoại... "Ai nghe tin cũng kêu là gàn là dại. Người khác phải lo lót

---

(1)+(2)+(4) Nguyễn Sĩ Giác: *Đại Nam Điển lệ toát yếu*, Nxb TP.HCM, 1993, trg 327, 229, 75.

(3) *Phong Hóa*, số 138, 1er Mars 1935, trg 8.

hàng bao nhiêu tiền mà anh lại từ chối.

Nhận được giấy bổ nhiệm, anh về nói với mẹ tôi là nếu bà muốn anh sẽ đi. Bà chỉ bảo khi các con nhỏ là bổn phận mẹ phải lo. Nay các con đã thành đạt rồi mỗi người có chí hướng riêng, tùy con định đoạt. Các ông cha ngày xưa đều nổi tiếng thanh liêm, làm quan thì thương dân như con nên để đức lại cho con cháu bây giờ. Các con đừng làm điều gì hại đến thanh danh tổ tiên thì thôi. Bây giờ mẹ đã có nếp nhà tranh, buôn bán cũng đủ ăn tiêu rồi, các con không phải biếu tiền nữa, vậy đừng bận tâm"(1).

Đọc đến đây ta không thể nào không qúy tấm lòng hiếu thảo của Hoàng Đạo, và càng không thể không qúy trọng tấm lòng bao dung, cùng cách giáo dục tuyệt vời của người mẹ. Phúc đức thay !

Và như vậy, Nguyễn Tường Long đã có chí hướng riêng, kế hoạch riêng cho bước đường tương lai của mình, chớ không chọn con đường làm quan như không ít người cùng thời. Sau này nhìn lại, chính Huy Cận cũng phải thừa nhận: "Họ có điều kiện nhưng không thích con đường làm quan, làm giàu mà đi vào chuyện văn chương"(2).Và chẳng bao lâu sau, "Anh Tam nộp đơn xin Chính phủ cho phép ra tờ báo *Tiếng cười* và chuẩn bị bài vở cho số báo ra mắt. Anh thuê một căn nhà nhỏ trong ấp Thái Hà, lấy nơi tĩnh mịch để làm việc. Ở đó, tôi đã gặp mặt anh em trong tòa soạn tương lai của tờ báo, lúc đầu chỉ có 5 người: anh Nguyễn Tường Tam, anh Nguyễn Tường Long, anh Nguyễn Tường Lân (là ba anh em ruột) và hai người ngoài là anh Trần Khánh Giư với tôi Hồ Trọng Hiếu.

Chỉ vẻn vẹn có 5 người (trong số đó 2 người mắc việc công chức: anh Long là Tham tá Lục sự tòa án và tôi là thư ký sở Tài

---

(1) *Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường*. Sđd. trg 96.

(2) *Nhìn nhận lại một số hiện tượng văn học*, đd, trg 9.

chánh), mà gây dựng nên một tờ báo sau này nổi tiếng, phải biết anh Tam có tài tháo vát, có óc tổ chức, các anh khác có sự cố gắng phi thường, tận tâm tận lực cùng theo đuổi một lí tưởng. Trong đoàn, tôi xoàng nhất, công việc nhẹ nhất, cũng đem hết sức mình làm việc say sưa.

Mỗi tuần lễ, tôi đến họp mặt với các anh từ tối thứ bảy bàn soạn việc viết lách cho báo, cặm cụi viết, vẽ, suốt cả ngày chủ nhật; mệt thì ra sân đá cầu, đánh bóng bàn để giải trí. Thế là bước đầu chúng tôi có một "trại sáng tác" tuy còn nhỏ; một tập thể sáng tác tuy chưa được đông; một chủ trương sáng tác theo một tôn chỉ đứng đắn; cải tạo xã hội cũ, đả phá mọi phong tục tập quán hủ bại; xây dựng một đời sống mới tiến bộ, vui vẻ, trẻ trung (khẩu hiệu: "vui vẻ, trẻ trung" về sau bị xuyên tạc vì bọn "công tử bột" làm càn, làm bậy, thật đáng giận !); chúng tôi có một đường lối sáng tác thuần túy Việt Nam, lời văn bình dân trong sáng, dễ hiểu."(1). Và ngày thứ năm, 22 tháng 9 năm 1932, Nguyễn Tường Long chính thức trở thành nhà báo, khi Nguyễn Tường Tam mua lại tờ *Phong Hóa* của Phạm Hữu Ninh và ra mắt bạn đọc số đầu tiên (số 14, nối tiếp những số báo mà Phạm Hữu Ninh đã làm - VG). Lúc này Nguyễn Tường Long lấy bút hiệu chính là Tứ Ly. Sở dĩ ông lấy bút hiệu này là vì muốn đả phá thói mê tín bốc phệ, nên ông chọn giờ xấu nhất trong ngày và cũng là ngày xấu nhất là ngày (giờ) Tứ Ly làm tên hiệu.

Kỷ niệm ba năm làm báo, ông nhắc lại chuyện này: " Ba năm qua... Hôm nay tạm dừng chân đứng lại, chúng tôi nhìn con đường đã đi; chúng tôi ra báo ngày 22 tháng 9 năm 1932 là một ngày rất xấu: ngày tứ ly. Không phải là một sự vô tình: chúng tôi định ý cưỡng lại cái thuyết mệnh số nó bắt dân ta nằm dí một nơi,

---

(1) *Tiếng cười Tú Mỡ*, Nxb Hội nhà văn, H, 1993, trg 19.

đương lúc mọi người cùng tiến. Ngày tứ ly, trong ba năm, không thấy gieo họa gì cho chúng tôi"(1). Đúng vậy, tờ báo của họ làm nên ăn ra, ngày càng thu hút bạn đọc bằng chính tài năng của mình. Theo Tú Mỡ, thì:"Phong hóa có những mục hấp dẫn, hợp với "khẩu vị" quần chúng.

- Từ thấp đến cao nói về người;
- Từ nhỏ đến nhớn nói về việc;
- Bàn ngang nói ngược mà hiểu ra xuôi;

(3 mục này Tứ Ly tức Nguyễn Tường Long phụ trách)" (2).

Thực ra, ngay từ *Phong Hóa* số 11, ngày 25 Aout 1932, người đọc đã thấy những dòng chữ có nội dung khá lạ mà không kém phần hấp dẫn:

"Một sự cải cách lớn lao của báo Phong Hóa:

Phong Hóa tuần báo tạm ra 4 trang giá bán 0p30 để đủ thời gian dự định một cuộc hoán cải rất lớn lao.

Vài tuần nữa tờ báo Phong Hóa sẽ được vừa lòng độc giả về hết các phương diện văn chương, mỹ thuật, tư tưởng.

Xin độc giả vững tâm chờ đợi. Phong Hóa tuần báo sẽ không phụ tấm lòng yêu mến của độc giả".

Đến *Phong Hóa* số 13, ngày 8 Sept 1932, cũng có những dòng chữ lớn như thế kéo dài hai cột báo ở nơi giữa trang nhất; nhưng nội dung thì có phần... lớn lối theo cách nghĩ của một số người:

"Một cuộc hoán cải lớn lao trong báo Phong Hóa
Một sự lạ trong làng báo.

---

(1) *Phong Hóa*, số 154, ngày 22 Sept. 1935, trg 3.
(2) *Tiếng cười Tú Mỡ*, Sđd, trg 22.

Một cái mới !

Đến ngày thứ năm 22 Sept 1932 :

Báo Phong Hóa sẽ ra số mới

8 thay 4 trang (khổ nhật trình, mỗi số 0p07)

Bàn một cách vui vẻ các vấn đề cần thiết: Xã hội, chính trị, kinh tế.

Nói rõ về hiện tượng trong nước.

Có 15 tranh vẽ, nhiều chuyện vui.v.v...

Cần thiết...

Hoạt động...

Vui vẻ...

Mãi mãi...

Ai cần xem báo ! Ai thích đọc báo !

Nên đọc Phong Hóa"

Với lời lẽ ấy, chắc chắn không ít người tò mò muốn trông hình dạng, mặt mũi của *Phong Hóa* (bộ mới) ra làm sao. Bởi trong lòng bạn đọc ngày ấy, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh mới là những "ông tổ" trong làng báo, và *Đông Dương tạp chí, Nam Phong tạp chí* mới là chuẩn mực, còn những người khác, những tờ báo khác, cũng chỉ là loại... thường thường bậc trung và... mua vui cũng được một vài trống canh. Và thực sự "Tuần báo *Phong Hóa* số 1 (số đầu tiên do Nhất Linh phụ trách - VG) trẻ con ôm đi bán rong, vừa chạy vừa la inh ỏi, khắp các phố phường Hà Hội. Thiên hạ tò mò mua xem, báo bán chạy như tôm tươi"(1), đánh bạt những tư tưởng có phần bảo thủ ấy. Theo tôi, *Phong Hóa* là tờ báo đầu tiên có tôn chỉ rõ ràng và dám công bố trước bàn dân thiên hạ :

- Hăng hái theo con đường mới, tìm lí tưởng mới;
- Không chịu khuất phục thành kiến :

---

(1) Nguyễn Vỹ: *Văn thi sĩ tiền chiến*, Nxb Hội nhà văn, H, 1994, trg 134.

- Không làm nô lệ ai, không xu phụng một quyền thế nào;
- Lấy lương tri mà xét đoán, theo lẽ phải mà hành động;
- Lấy thành thực làm căn bản;
- Lấy trào phúng làm phương pháp; tiếng cười làm vũ khí.

Với số anh em nòng cốt ban đầu, họ tin vào năng lực và quyết tâm sẵn có, họ nghĩ đến việc thành lập văn đoàn để dễ bề bày tỏ chí hướng. Và đến ngày thứ sáu, 2 tháng 3 năm 1933, báo *Phong Hóa* đăng *Tuyên ngôn, Tôn chỉ* của văn đoàn Tự lực, dựa vào những điều căn bản mà họ đã công khai trên báo trước đó. Cũng theo tôi, cho đến nay, đây là văn đoàn đầu tiên trong lịch sử văn học nước nhà "tự lực" sống bằng ngòi bút của chính mình, không cần ai bảo trợ, và đã có những đóng góp đáng kể trong lịch sử báo chí, xuất bản, nhất là lịch sử văn học nước nhà. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (1948), đã có ý kiến về văn đoàn này, nhưng Trường Chinh cũng thừa nhận: "Dù sao, hoạt động của nhóm Tự lực văn đoàn cũng đã góp phần đẩy phong trào văn nghệ nước ta tiến tới"(1).

TUYÊN NGÔN CỦA TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Tự lực văn đoàn họp những người đồng chí trong văn giới, người trong đoàn đối với nhau cốt có liên lạc về tinh thần, cùng nhau đuổi theo tôn chỉ, hết sức giúp nhau để đạt được mục đích chung, hết sức che chở nhau trong công cuộc có tính văn chương.

Người trong văn đoàn có quyền đề dưới tên mình chữ Tự lực văn đoàn và bao nhiêu tác phẩm của mình đều được văn đoàn

---

(1) Trường Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, T.2, Nxb Sự thật, H, 1976, trg 190.

nhận và đặt dấu hiệu.

Những sách của người ngoài, hoặc đã xuất bản hoặc còn là bản thảo, gửi đến để văn đoàn xét, nếu hai phần ba người trong văn đoàn có mặt ở Hội đồng xét là có giá trị và hợp với tôn chỉ thì sẽ nhận đặt dấu hiệu của Đoàn và sẽ tùy sức cổ động giúp. Tự lực văn đoàn không phải là một hội buôn xuất bản sách.

Sau này nếu có thể được, Văn đoàn sẽ đặt giải thưởng gọi là Giải thưởng Tự lực văn đoàn để thưởng những tác phẩm có giá trị và hợp với tôn chỉ của Đoàn.

TÔN CHỈ CỦA TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

1. Tự sức mình làm ra những sách có giá trị về văn chương chứ không phiên dịch sách nước ngoài nếu những sách này chỉ có tính cách văn chương thôi: mục đích để làm giàu thêm văn sản trong nước.

2. Soạn hay dịch những sách có tư tưởng xã hội, chú ý làm cho người và cho xã hội ngày một hay hơn lên.

3. Theo chủ nghĩa bình dân, soạn những cuốn sách có tính cách bình dân và cổ động cho người khác yêu chủ nghĩa bình dân.

4. Dùng một lối văn giản dị, dễ hiểu, ít chữ nho, một lối văn thật có tính An-nam.

5. Lúc nào cũng mới, trẻ, yêu đời, có chí phấn đấu và tin ở sự tiến bộ.

6. Ca tụng những nết hay, vẻ đẹp của nước mà có tính cách bình dân, khiến cho người khác đem lòng yêu nước một cách bình dân, không có tính cách trưởng giả qúy phái.

7. Trọng tự do cá nhân.

8. Làm cho người ta biết rằng đạo Khổng không hợp thời nữa.

9. Đem phương pháp khoa học Thái Tây áp dụng vào văn chương An-nam.

10. Theo một trong chín điều này cũng được, miễn là đừng trái ngược với những điều khác.

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN (1)

Sau này nhìn lại, Tú Mỡ vẫn cho rằng, tuyên ngôn, tôn chỉ của Tự lực văn đoàn "có nhiều điểm "đồng" với đường lối văn học của Đảng ta như vậy, "Tự lực văn đoàn" đáng lẽ rất có thể đi với Đảng ta. Nhưng, đáng tiếc, giữa đường đứt gánh !"(2). Và với đường lối đã vạch sẵn và công bố rộng rãi này, Tứ Ly cùng anh em trong đoàn bám sát và theo đuổi cho đến ngày "Anh đi đường anh, tôi đường tôi"(*Cảm đề Đoạn tuyệt* của Thế Lữ). Theo những tư liệu còn để lại, thì trong thời kỳ này, Nguyễn Tường Long còn có bút danh khác là Tường Minh, đạo hiệu là Phúc Vân. Thú thật, bút hiệu Tường Minh tôi cũng không biết ông ký vào những mục nào, bài viết nào và cũng không rõ nguyên nhân nào, ông có đạo hiệu Phúc Vân. Qua một vài người thân trong gia đình, tôi biết gia đình ông theo đạo Phật. Mẹ ông xuống tóc qui y vào những năm đầu thập niên bốn mươi, pháp danh là Đàm Hảo. Bà mất ngày mười sáu, tháng bảy, năm Nhâm Dần (15.8.1962). Hiện nay, cốt của bà được để ở chùa Kim Cương (108/61 đường Trần Quang Diệu, TP.HCM). Kể ra, bà xuống tóc qui y chẳng phải vì mộ đạo qúa lắm hoặc vì có ai rủ rê. Theo những người trong gia đình, từ ngày chồng qua đời, để lại cho bà một nách bảy đứa con thơ, không tiền của, không ruộng nương. Do đó, đêm đêm bà thường khấn nguyện Phật trời phù hộ cho bà mạnh khỏe nuôi con và các con của bà

---

(1) *Phong Hóa* số 87, năm thứ ba, thứ sáu, ngày 2.3.1933.

(2) *Tiếng cười Tú Mỡ*, sđd, trg 46.

thành người, nên danh nên phận, bà sẽ xuống tóc qui y. Khi người con út của bà ra trường bác sĩ y khoa (Nguyễn Tường Bách), thì bà thực thi tâm nguyện của ngày nào tại một chùa làng ở Hải Dương. Gần đây, nhà văn Thế Uyên (cháu ngoại) có kể với tôi rằng, sau ngày qui y bà chỉ khác là ở bộ nâu sòng và cái đầu không tóc, chớ dưới mắt anh, bà ngoại không có gì khác cả, vẫn quản lí gia đình như thế, vẫn la rầy những đứa cháu nghịch ngợm như hôm nào. Vợ con Nguyễn Tường Long sau này sống ở Sài Gòn cũng thờ cúng Phật, nhưng khi tra cứu những kinh sách có liên quan tới đạo hiệu này, thì đến chữ PHÚC, tôi thấy không phải vào thời của ông. Đạo giáo ư ? Cũng chưa hẳn. Nói chung, với đạo hiệu Phúc Vân này, chắc chỉ có ông mới biết vì sao, do đâu và từ cợ duyên nào để có.

Năm 1933, Nguyễn Tường Long lập gia đình. "Qua mai mối, bà tôi tiếp xúc với một gia đình trưởng giả điển hình đương thời. Sau vài buổi thăm viếng theo tục lệ, Hoàng Đạo được khuyến cáo tới coi mặt thiếu nữ. Ong tới và gặp trực tiếp. Đến đây bắt đầu có trục trặc nhỏ: bà tôi không muốn nữa vì hai lí do: gia đình bên đó và bên này không hợp nhau và thiếu nữ có sức khỏe mong manh. Nhưng Hoàng Đạo cương quyết lấy bởi vì sau những lần gặp gỡ riêng, một tình yêu đã nẩy nở và hình thành. Dĩ nhiên, bà tôi nhượng bộ và cuộc tình duyên được kết thúc tốt đẹp"(1). Vợ ông tên là Marie Nguyễn Bình. Gia đình bà người Việt, nhưng mang quốc tịch Pháp. Cha mất sớm, nhà chỉ còn lại hai mẹ con, vì vậy khi cưới, "Bên nhà gái hiếm hoi nên xin ở rể, mẹ tôi (mẹ Hoàng Đạo - VG) cũng bằng lòng vì bà sẽ về lại Cẩm Giàng ở một mình"(2).Và cũng từ đó về sau, phía gia đình bà và gia đình chồng

---

(1) Thế Uyên: *Hoàng Đạo hay Sự trở về quê cũ*, Tạp chí *Văn*, số 107-108, đd, trg 16-17.

(2) *Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường*, Sđd, trg 103.

có một khoảng cách nhất định, dù Nguyễn Tường Long luôn được xem là "người trong họ tốt nhất và tử tế nhất..."(1). Theo Thế Uyên nhớ lại, anh rất mến người con trai của Hoàng Đạo, và "Về sau, có lần nhớ A., nhân một dịp lên phố, tôi lẻn lại thăm A. Tìm được đến cửa nhà, tôi với mãi mới tới cái chuông. Cánh cổng không mở, chỉ có một người đàn bà mở chiếc cửa nhỏ ra ngó tôi rồi gắt: "Mày làm gì mà kéo chuông ầm ỹ lên thế ! Muốn cái gì ?". Một đứa trẻ lên tám lên chín đi kiếm bạn, tính lại nhút nhát như tôi làm sao mà diễn tả được, cho một người lớn gọi nó bằng mày với giọng bực dọc như thế, điều mà nó muốn kiếm ? Tôi lủi thủi đi về và từ đó về sau tôi xếp A. cùng gia đình vào một thế giới có chuông ở cổng có chó bẹc-giê sủa vang, nghĩa là một thế giới không có chỗ cho một đứa bé đen thui và nghịch ngợm như-con-thuyền-chài. Không những không bao giờ tôi trở lại thăm gia đình ấy, ngay cả A. tôi cũng tìm cách lảng tránh ngay trong những kỳ gặp ở trại của bà ngoại: mẹ tôi cấm tôi chơi cùng và bác gái cũng không thích để A. giao thiệp - chắc tôi hay nghịch hoặc lang thang đồng ruộng lùm cây qúa nhiều. Thậm chí có một lần về sau đã khá lớn, trong mùa nước sông Hồng dâng cao, tôi cùng con thứ Nhất Linh lội dọc theo bờ lên, vô tình leo đúng vào chỗ A. cùng gia đình đang ngồi trên ghế cạnh xe hơi hóng mát, tôi đã vội đi qua không đứng lại chào. Không biết A. có nhận ra tôi không, nhưng chắc hẳn gia đình Hoàng Đạo không ai nhận ra ngay hai đứa con trai tóc đầy phù sa người đầy cát ở bờ sông leo lên là các cháu mình"(2). Và "suốt trong buổi thiếu thời, đối với tôi không hề có Hoàng Đạo dù đã say mê đoạn văn ông tả Thơ và Duy nấp mưa hôn nhau dưới một gốc cây ven đồi, chỉ có bác Long và gia đình của cái thế giới cửa cao đóng kín chó bẹc-giê sủa vang xe hơi bóng lộn người làm

---

(1)+(2) *Những người đã qua*. Sđd, trg 68, 69-70.

khinh khỉnh ấy mà thôi"(1). Sau này vào Nam, tình hình "căng thẳng" ấy có cải thiện nhiều, nhưng "Tôi và Lam là những kẻ rất lười đi ăn giỗ, ngay cả những ngày cúng Hoàng Đạo hàng năm cũng không bao giờ tham dự"(2). Nói vậy để hiểu thêm cái khoảng cách giàu nghèo giữa hai bên gia đình, chớ thực ra, bà Nguyễn Tường Long cũng không ghét bỏ gì con cháu. Bà vẫn yêu chồng, thương con, thương cháu cho đến ngày trở về với cát bụi (1977). Về làm dâu nhà họ Nguyễn Tường, bà đã sinh cho Nguyễn Tường Long những bốn người con: ba gái, một trai (Nguyễn Minh Thu, Nguyễn Tường Anh, Nguyễn Lan Phương và Nguyễn Từ Dung. Theo Thế Uyên, thì Nguyễn Minh Thu có người con gái nối được nghiệp văn chương bên ngoại. Hiện nay, cô bé này đã viết được một số truyện ngắn và là hiện tượng văn học ở hải ngoại với bút danh Thơ Thơ).

Trở lại nhà báo Tứ Ly, qua những chồng báo cũ, ta có thể thấy ông là cây bút chủ lực. Không số báo nào mà không có bài viết của ông, và không chỉ viết một vài bài trên cùng một số báo mà có đến nhiều bài với nhiều mục khác nhau. Tực lực văn đoàn "tổ chức không qúa số 10 người nên không phải xin phép nhà nước"(3). Tôi nghĩ, đây là ý kiến của Tứ Ly, bởi với anh em trong đoàn, ông là người hiểu luật và nắm luật vững nhất. Chính điều đó mà ông ý thức được rằng "Tự do không phải là tha hồ muốn làm trời đất gì thì làm"(4). Và cuộc đời cầm bút của ông đã đi theo qũy đạo ấy, góp phần "gây thanh thế cho tờ *Phong Hóa*, *Tự lực văn đoàn*, nhà xuất bản *Đời Nay*, và tờ tuần báo *Ngày Nay* (xuất hiện vào năm 1935). Những bài báo và tác phẩm của ông gây chấn động lớn trong các tầng lớp thanh niên trí thức, làm lay

---

(1)+(2) *Những người đã qua*, Sđd, trg 71, 62.

(3) *Tiếng cười Tú Mỡ*, Sđd, trg 28.

(4) Hoàng Đạo: *Bùn lầy nước đọng*, Tự do xuất bản, S, 1959, trg 46.

những nền móng xã hội cổ hủ và chế độ thực dân phong kiến"(1).Theo Tú Mỡ, thì "Quần chúng càng có cảm tình thì bọn thống trị càng để ý như cú dòm nhà bệnh, nhưng vẫn không tóm được cái gì sơ hở để đóng cửa báo, vì tòa soạn luôn luôn đề cao cảnh giác và có đủ mưu kế để "chơi nhau" với "mụ đầm kiểm duyệt" "(2). Song, họ vẫn không tránh khỏi bạo quyền một khi "bộ biên tập càng hăng hái, càng viết mạnh bạo hơn, đi đúng vào tâm lí quần chúng, yêu cái gì quần chúng yêu, ghét cái gì quần chúng ghét"(3).

Và... tờ *Phong Hóa* bị đình bản. Theo Chu Đăng Sơn, thì tờ báo bị đóng cửa là do bài viết của Tứ Ly - "Chính vì bài phóng sự sắc bén của ông về Hoàng Trọng Phu"(4), còn theo Tú Mỡ: "*Phong Hóa* bị đóng cửa, nghe đâu chỉ vì đã đăng truyện "thần thoại tân thời" *Hậu Tây du* , truyện thực ra chẳng có gì quái ác, chỉ là một thứ truyện khôi hài nhạo nhại truyện Tây du của Tàu, với những nhân vật mới trong triều đình Huế như Phạm Quỳnh, Nguyễn Tiến Lãng.v.v... phò hoàng đế Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương sang Tây. Lí do chính trị là lúc ấy cái chính phủ Nam Triều cải tổ đang vận động để Pháp đình trở lại thi hành triệt để hiệp ước Pháp-Nam 1884 mà thực dân Pháp trong hơn 50 năm đã được đàng chân lân đàng đầu, cướp hết quyền lực về kinh tế, tài chính, quân sự, ngoại giao, đến nỗi cái triều đình Huế thực tế chỉ còn lại quyền cai quản đám mũ cánh chuồn, lũ lính sà cạp vàng, cúng tế tổ tiên nhà Nguyễn, tế Nam Giao, phong hàm cho công chức Annam, phong sắc cho bách thần... Bấy giờ chính phủ bảo hộ muốn giở trò mị dân để "Pháp -Việt đề huề", cùng lo phòng thủ Đông Dương, trong lúc

---

(1) Chu Đăng Sơn: *Đoạn tuyệt, Nửa chừng xuân, Mười điều tâm niệm*, Sống xb, S, 1969, trg 65-66.

(2)+(3) *Tiếng cười Tú Mỡ*, Sđd, trg 32, 32.

(4) *Đoạn tuyệt, Nửa chừng xuân, Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 66.

tình hình quốc tế thay đổi, gay go, phức tạp. Có những đế quốc mạnh hơn Pháp như Đức, Nhật, Mỹ, đang tranh giành thế lực với Pháp ở Đông Nam Á, đang thèm thuồng nhòm nhỏ miếng mồi Đông Dương béo bở. Cho nên Pháp phải gây lại uy tín cho triều đình Huế, hòng lấy lòng người Annam, *Phong Hóa* châm chọc vào Bảo Đại hồi loan, con cưng của Pháp, lẽ dĩ nhiên Pháp không thể để yên như trước"(1). Tôi nghĩ , tất cả mọi người chỉ phỏng đoán, chứ chẳng ai có thể biết vì sao. Ngay cả Hoàng Đạo "cũng vẫn chưa biết những lý lẽ chính đáng đã đoạt mệnh những tờ báo ấy"(2). Với ông, đó "là một quái thai của chế độ hiện hành"(3). Trước đó, cuối tháng 5 năm 1935, báo *Phong Hóa* cũng đã bị Thống sứ Bắc kỳ đình bản 3 tháng. Khi báo ra trở lại, Tú Mỡ có viết:

"Đầu mùa hạ, nắng gay nắng gắt,
Ai là không ngây ngất mệt nhoài.
Khách làng văn cũng thở hơi tai,
Cầm cán bút, rã rời tay uể oải.
Chúng tôi nghĩ: báo giới giả thử như giáo giới,
Được nghỉ hè thời khoan khoái xiết bao.
Trong lòng đang ước ước, ao ao,
Bỗng nhà nước gãi ngay vào chỗ ngứa...
Ngày 31 tháng 5 có lệnh ông Thống sứ,
Cho Phong Hóa chúng tôi khóa cửa nghỉ "va-căng".
Suốt vụ hè vừa trọn ba giăng,
Bù những lúc qúa hăng làm việc (...)(4).

Thú thật, khi đọc lại hai tờ *Phong Hoá, Ngày Nay*, tôi

---

(1) *Tiếng cười Tú Mỡ*, Sdd, trg 32-33.
(2) Hoàng Đạo: *Tự do ngôn luận*, báo Ngày Nay, số 45, ngày 31 Jan.1937, trg 705.
(3) *Ngày Nay*, số 133, ngày 22 Oct.1938, trg 5.
(4) *Phong Hóa*, số 152, ngày 6 Sept.1935, trg 3.

thấy nếu chính quyền đương thời muốn đóng cửa thì bất cứ số báo nào cũng có cớ cho họ đóng cửa, chứ không đợi đình bản rồi lại để cho xuất bản dài hơi đến như thế.

Tờ *Phong Hóa* bị đóng cửa, anh em trong nhóm không mấy lo, bởi trước đó "anh Tam hiểu biết tình thế bất trắc và đề phòng một ngày xấu kia, báo có thể đột nhiên bị đóng cửa, nên xoay xở cho ra một tờ báo nữa làm "bánh xe sơ cua", tờ *Ngày Nay*, một tờ báo hiền lành, với nội dung văn chương, khoa học, xã hội, mỹ thuật, chính trị thường thức.v.v..."(1), và "anh em bèn chuyển dần nội dung của *Phong Hóa* sang dưới hình thức khác: mục "Từ cao đến thấp", "Từ nhỏ đến nhớn" của *Phong Hóa* nhập thành mục "Người và việc" và thêm vào mục mới "Bức tranh vân cẩu"; "Giòng nước ngược" hòa vào mục thơ chung. Chung qui tiếng cười của *Phong Hóa* sống lại trong *Ngày Nay*.

Có thể nói *Ngày Nay* là hình ảnh chân thực của tâm trí mọi tầng lớp bình dân trong nước, là người bạn tri kỷ, vui vẻ khuyên nhủ mọi người, mách bảo những sáng kiến hay, cần thiết cho cuộc đời mới. Việc biên soạn do những cây bút cũ của *Phong Hóa* cùng nhiều nhà văn mới hợp thành một đội ngũ hài hòa"(1). Ở tờ báo này, Nguyễn Tường Long lại thay đổi bút danh. Ong đã lấy cái giờ tốt nhất trong ngày: Hoàng Đạo, thay cho cái giờ xấu nhất trong ngày: Tứ Ly. Và ta thấy Hoàng Đạo không chỉ chuyên lo mục xã thuyết mà còn viết thời sự, sáng tác. Thời kỳ này, Hoàng Đạo không chỉ viết nhiều ở các mục như thời còn viết cho *Phong Hóa*, mà còn đăng khá nhiều truyện ngắn.

Năm 1939, Hoàng Đạo, Nhất Linh, Khái Hưng đã nghiêng qua chính trị, Thạch Lam bị bệnh, Thế Lữ say mê sân khấu. Nhưng Hoàng Đạo vẫn còn là cây bút chủ lực, và là tay hòm chìa khóa

---

(1)+(2) *Tiếng cười Tú Mỡ*, Sdd, trg 32, 33-34.

của nhóm. "Trời trở rét thì *Mây* cũng vừa in xong. Theo hợp đồng ký với Khái Hưng - đại diện cho nhà xuất bản - Hoàng sẽ được chia đôi số lời với nhà xuất bản (giả dụ như có lời !). Nhưng trên thực tế, Hoàng đã ký "bông" nhiều lần, và chính tay Hoàng Đạo đã phải nhiều phen mở "két" đếm giấy bạc. Thành ra khi sách in xong, cũng chỉ lấy thêm đâu được vài trăm nữa"(1). Và "Anh Hoàng Đạo vẫn cứng cáp đứng đầu gió, làm nhiệm vụ chính trị với những bài xã luận sắc bén đối phó với thời cuộc, với những bài tạp văn đay nghiến các nhân vật "tai voi mặt lợn" trong đám thực dân phong kiến, đi ngược với ý dân, đáng chú ý là mục "Trước vành móng ngựa", anh đã mô tả với một nghệ thuật châm biếm độc đáo cái tòa án Pháp thành một cái sân khấu trò hề tàn nhẫn, khiến ta đọc phải cười ra nước mắt."(2).

Năm 1941, Hoàng Đạo cùng với Khái Hưng bị Pháp bắt tại Hà Nội, sau phát vãng lên giam tại lao xá Vụ Bản thuộc châu Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình, tới năm 1943 mới được đưa về quản thúc tại Hà Nội. Ngày 5 tháng 5 năm 1945, Hoàng Đạo phụ trách mục Hà Nội. Ngày 5 tháng 5 năm 1945, Hoàng Đạo phụ trách mục kiểm điểm chính trường Việt Nam trên tờ *Ngày Nay kỷ nguyên mới* do em út của ông là bác sĩ Nguyễn Tường Bách chủ trương. Cũng trong thời gian này "bức điện văn gửi chung cho mười hai người, đứng đầu là Tạ Thu Thâu, kế đó là tôi. Sau nữa có mười người, mà tôi quên theo trật tự nào. Xin kể lộn xộn: Trần Văn Giàu, Đặng Thai Mai, Nguyễn Xuân Chữ, Trần Văn An, Nguyễn Tường Long, Ngô Đình Diệm, Bùi Ngọc Ái, Vũ Đình Di, Vũ Đình Hoè, Lê Toàn.(...) Chỉ có Lê Toàn và Nguyễn Tường Long là tôi chưa biết bao giờ. Điện văn ký tên Trần Trọng Kim, thủ tướng của nội các đương từ chức và nhơn danh "hoàng đế" mời cấp tốc về

---

(1) Vũ Hoàng Chương: *Ta đã làm chi đời ta*, Nxb Hội nhà văn, H, 1993, trg 66.
(2) *Tiếng cười Tú Mỡ*, Sđd, trg 38-39.

Huế mà lập tân nội các". Xin miễn kể lại về giai đoạn lịch sử này. Tôi nhắc lại để nói cho độc giả hiểu do đâu mà tôi biết tên Nguyễn Tường Long lần đầu: trong bức điện văn của Trần Trọng Kim. nhơn danh Bảo Đại mà gởi đi mời mười hai người"(1). Và Nguyễn Tường Long đã từ chối, không tham gia vào nội các của Trần Trọng Kim - "một nội các dưới sự lãnh đạo và kiểm soát của quân đội Nhựt"(2). Tú Mỡ cũng khẳng định khía cạnh này: "Có người tưởng nhóm *Ngày Nay* thân Nhật. Không đúng ! Một hôm, tôi đến chơi với anh em, có gặp một tên Nhật. Sau khi nó về, tôi hỏi các anh: nhà xuất bản *Đời Nay* có cộng tác gì với Nhật không ? Anh Giư đáp: "Thỉnh thoảng nó vẫn đến gạ gẫm, muốn lợi dụng nhà in của chúng ta, in tài liệu cho nó, nhưng anh em đã từ chối khéo không muốn dây với nó. Nguy hiểm lắm !"(3). Và rồi "Đến khi Cách mạng tháng Tám thành công, làm xong Tổng tuyển cử, thành lập chính phủ Liên hiệp, trong đó anh Tam được ghế Bộ trưởng ngoại giao, anh Long Bộ trưởng kinh tế"(4).

Nhưng thời cuộc thay đổi, Hoàng Đạo không cùng với nhân dân tiếp tục đánh Pháp, đuổi Nhật. Ong hành động theo cách của ông. "Tháng 8 năm 1946, các chú rời Việt Nam sang Côn Minh, thủ phủ Vân Nam. Sau đó, Nhất Linh rời Côn Minh đi Thượng Hải, rồi xuống Quảng Châu và Hồng Kông. Giữa năm 1947, Hoàng Đạo cũng sang Quảng Châu. Lúc đó một số người rục rịch họp hội nghị Hồng Kông với Bảo Đại. Nhưng về sau, Nhất Linh, Hoàng Đạo và Nguyễn Hải Thần không đồng ý hợp tác với Bảo Đại nữa vì chúng ta đòi Pháp phải công nhận độc lập thực sự.

Vì vậy, các chú tạm trở về Quảng Châu, cũng như Ngyễn Hải Thần. Chúng tôi thuê nhà tại Bạch Hạc Động, ngoại thành

---

(1)+(2) Hồ Hữu Tường: *Nguyễn Tường Long, nhà chính trị*, Tạp chí *Văn*, số 107-108, đd, trg 22-23, 26.

(3)+(4) *Tiếng cười Tú Mỡ*, Sđd, trg 41-42, 42.

Quảng Châu. Đây là một làng nhỏ, bên bờ Châu Giang, có thuyền máy đưa tới Sa Diện, tô giới công cộng quốc tế, có giáo đường, thư viện Pháp. Lúc rỗi, chúng tôi thường ra đó đọc sách để tham khảo. Hoàng Đạo là một người chăm đọc sách và nghiên cứu, cũng như tôi. Quan niệm của anh khuynh hướng về một chủ trương dân chủ xã hội, tựa như của Công đảng Anh.

Sinh sống một phần dựa vào kinh phí của tổ chức, nhưng rất eo hẹp, một phần nhờ vào gia đình trong nước tiếp tế, nên cũng tạm đủ ứng phó. Thỉnh thoảng, chúng tôi cũng ra Hồng Kông vì công việc hay để gặp những người trong nước ra, kể cả chị Hoàng Đạo.

Về sức khỏe, tuy đời sống vật chất thiếu thốn, nhưng xem ra anh (Hoàng Đạo) vẫn mạnh khỏe, tính tình vui vẻ, tuy thường có thái độ trầm tĩnh. Nghe nói khi ở trong nước, đã có lần anh bị choáng váng, nhưng không ai chú ý lắm. Có thể vì hai năm tập trung cải tạo đã ảnh hưởng đến thân thể, cộng với mắc bệnh thương hàn vào mùa hè năm 1945.

Tháng 7 năm 1948, anh ra Hồng Kông để gặp vợ con từ Hà Nội sang. Theo dự tính, thì chỉ độ nửa tháng sẽ về. Mười hôm sau, chúng tôi nhận được thư anh gửi, nói sắp về Quảng Châu, và tình hình không có gì mới, đặc biệt.

Qúa nửa tháng, chưa thấy anh về, nhưng thời đó nhanh chậm mấy hôm là chuyện thường, trên đường xe hỏa không xa lắm, độ 200 cây số, không có gì nguy hiểm, nên mọi người cũng không lo lắng gì.

Nhưng một hôm, vừa cơm trưa xong, bỗng có một người quen ở Quảng Châu sang đến tìm, báo tin có một người Việt Nam đột nhiên chết trên chuyến xe lửa từ Hồng Kông về hai hôm trước. Không rõ tên họ gì. Người này hỏi chúng tôi có biết tin này không?

Nghe tin, chúng tôi giật mình, mọi người bàng hoàng đưa mắt nhìn nhau. Nhưng không ai dám ức đoán người Việt đó có thể là ai ! Vì lúc này, người Việt đi lại giữa Quảng Châu và Hồng Kông là rất ít, mà lại đúng vào lúc chưa thấy anh Long về như trong thư đã báo...

Vội tìm cách để hỏi thêm tin tức ở Sở Thiết lộ, thì đến chiều được biết thêm là người đó họ Nguyễn, chừng 40 tuổi. Họ Nguyễn, và chừng 40 tuổi, mặc Âu phục, đã làm cho chúng tôi choáng váng. Sao lại có thể như thế được ? Nhưng dù sao cũng còn mong một tia hi vọng đó là người nào khác. Sáng sớm hôm sau, cả nhóm chúng tôi - trong đó có Vũ Hồng Khanh, Nhất Linh, Nguyễn Tường Bách và mấy anh em nữa - vội vã đáp xe hỏa để đi Thạch Long, một thành phố nhỏ giữa Hồng Kông và Quảng Châu.

Xuống ga Thạch Long, tìm gặp ngay người xếp ga. Ong này rất đồng tình và kể cho chúng tôi biết người hành khách này đã chết gục rất nhanh trong khi đương ngồi đọc báo. Người ngồi trước mặt phát giác, kêu cứu, nhưng trên xe không có cách cứu chữa nổi, nên khi khiêng xuống ga, gọi y sĩ tới thì đã tắt thở từ lâu. Xác đã đưa tới nhà quàn ngay gần ga, để bấn tin cho người nhà biết. Nếu qúa ba ngày không ai đến nhận thì ở đây sẽ chôn cất tử tế.

Vội chạy tới nhà quàn, momg rằng người chết này không phải anh Long. Nhưng khi mở nắp quan tài thì tất cả đều sững cả ra, không còn nghi ngờ gì nữa. Gương mặt tuy đã sưng phù, và bộ quần áo anh mặc, đúng là người của anh, người bạn đã cùng chung sống, đã cùng trải qua mọi gian nguy, vật lộn. Tất cả anh em đều nhỏ lệ.

Một nghi vấn được đặt ra. Vì cớ gì anh đột nhiên mất ? Một là vì bạo bệnh - căn cứ trên tình hình, rất có thể là một cơn đau tim, nhất là bệnh nghẽn mạch máu tim. Hai là có người ám hại,

đầu độc ? Nhưng nếu thế, thì ngay tại Hồng Kông anh đã có chứng bệnh rồi, và nếu ngộ độc, thì không phù hợp với trạng thái đột nhiên từ còn tỉnh táo, xem báo mà gục xuống.

Hành lý, giấy má, tiền nong vẫn còn nguyên vẹn, do nhà ga trao lại. Một tang lễ giản dị được tiến hành tại chỗ, do anh Vũ Hồng Khanh xếp đặt. Rồi một buổi chiều, trời mây u ám chúng tôi lặng lẽ theo sau quan tài, đưa Hoàng Đạo đến chỗ yên nghỉ cuối cùng trong mộ địa gần ga Thạch Long.

Anh Long mất ngày 22 tháng 7 năm 1948, tức mười sáu tháng sáu năm Mậu Tý.

Sáng hôm sau, chúng tôi lập một cái bia đá, trên ghi chú mấy hàng:

NGUYỄN TƯỜNG LONG

Người Việt Nam

Sinh năm 1906, mất năm 1948

Yên nghỉ ở đây.

Sau khi cắm mấy nén hương cuối cùng trên mộ, chúng tôi đứng lặng, trong lòng vô hạn bùi ngùi rồi lê gót trở về.

Sau đó, chị Long và con từ Hà Nội sang thăm, rồi xây mộ lại cẩn thận."(1).

Sau này đã không ít người chê trách việc làm của ông, cả cuộc đời chính trị lẫn báo chí, văn chương, và xổ toẹt tất cả. Bởi vì "Họ đóng vai những "nhân cách cao thượng" nghiêng mình xuống lũ dân quê đói khổ đáng thương"(2), và "những tiểu thuyết của

---

(1) Trích *thư riêng của Nguyễn Tường Bách* (người em út của Hoàng Đạo), đề ngày 20 Mars 1996.

(2) Phan Cự Đệ: *Tự lực văn đoàn-con người và văn chương*, Nxb Văn học, H, 1990, trg 31.

Nhất Linh, Hoàng Đạo cũng hướng về công chúng thành thị, nhất là tiểu tư sản trí thức và tư sản thành thị, hơn là hướng về nông thôn và quần chúng lao động"(1).Theo Nguyễn Trác - Đái Xuân Ninh, thì "Phải huy động lực lượng toàn dân. Phong trào phải rộng và sâu. Phải kiên nhẫn. Đổi thay là một khoa học, không thể xuất phát từ ý định chủ quan của một người, nhất là người ấy lại là một thanh niên xuất thân từ giai cấp bóc lột"(2). Ý kiến này, tôi cho là chưa mấy thỏa đáng. Hoàng Đạo là một trong số ít người thành đạt ngày đó vươn lên từ chốn "bùn lầy nước đọng", và đã có những ý nghĩ, những việc làm mà theo Tú Mỡ là "Nó không làm cách mạng nhưng nó làm công việc khai phá, dọn đất cho cách mạng gieo hạt sau này"(3). Như thế thì cũng đã qúy. Và V.I.Lênin đã nhận thấy rằng: "Văn hóa vô sản không phải bỗng nhiên mà có. nó không phải do những người tự cho mình là chuyên gia về văn hóa vô sản phát minh ra. Đó hoàn toàn là điều ngu ngốc. Văn hóa vô sản phải là sự phát triển hợp qui luật của tổng số những kiến thức mà loài người đã tích lũy được dưới ách thống trị của xã hội tư bản, xã hội của bọn địa chủ, xã hội của bọn quan liêu. Tất cả những con đường đó, lớn và nhỏ, đã, đang và sẽ tiếp tục đưa tới văn hóa vô sản"(4).Chính Trường Chinh cũng đã khuyến khích "Đẩy mạnh hơn nữa việc sưu tầm, nghiên cứu, phát triển những hình thức nghệ thuật dân tộc, lấy đó làm cơ sở để phát triển nền văn nghệ mới của chúng ta"(5). Theo tôi, bất kỳ sự đổi mới chân chính nào cũng không thể tách rời qúa khứ, tách rời lịch sử. Nếu ai đó cố tình tách ra chẳng khác gì tách máu khỏi cơ thể. Bởi hoàn

---

(1) *Tự lực văn đoàn-con người và văn chương*, sđd, trg 60.

(2) *Về Tự lực văn đoàn*, Sđd, trg 75.

(3) *Tiếng cười Tú Mỡ*, Sđd, trg 22.

(4) V.I.Lênin: *Lênin toàn tập*, T.41, tiếng Việt, Nxb Tiến Bộ, M,1978, trg 361.

(5) *Về văn hóa văn nghệ*, Nxb Văn học, H, 1976, trg 185.

cảnh bao giờ cũng có giá trị. Có người cho rằng, nghĩ cho cùng, văn chương, chữ nghĩa có lúc cũng chẳng bằng củ khoai, trái bắp. Dân tộc ta là dân tộc hiếu học và sự học luôn được đặt lên hàng đầu: *Nhất sĩ, nhì nông*, song thực tế có lúc : *Hết gạo chạy rông* thì *nhất nông, nhì sĩ*. Nói vậy cũng có cái lý, mà chắc chắn cuộc sống sẽ thiếu cái vui khi không thưởng thức được áng văn hay, không cảm nhận được câu thơ đẹp, một ý tưởng mới lạ.v.v... Và càng ngày, nhân loại không muốn chấp nhận cái lý ấy. Văn chương, chữ nghĩa tưởng rằng chẳng có gì đáng kể, nhưng lại góp phần đáng kể trong việc giúp con người gần với con người hơn, biết phát hiện ra mình, và biết mình cần phải làm gì trước cuộc đời để cho xã hội được công bằng hơn, văn minh hơn. Nửa thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã cố gắng làm những điều ấy, và đã làm nên Cách mạng tháng Tám, Điện Biên Phủ, Đại thắng mùa xuân 1975, nhất là công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Càng lúc, chúng ta càng thấy rõ hơn: "Người mác-xít tin chắc rằng không thể có cách mạng nếu không có tình thế cách mạng, nhưng không phải bất cứ một tình thế cách mạng nào cũng đều dẫn đến cách mạng"(1). Và trên tinh thần ấy, chúng ta dễ cảm thông hơn với một Hoàng Đạo - nhà báo, nhà văn của tiền bán thế kỷ XX.

---

(1) *Lênin toàn tập*, T.26, sđd, trg 268.



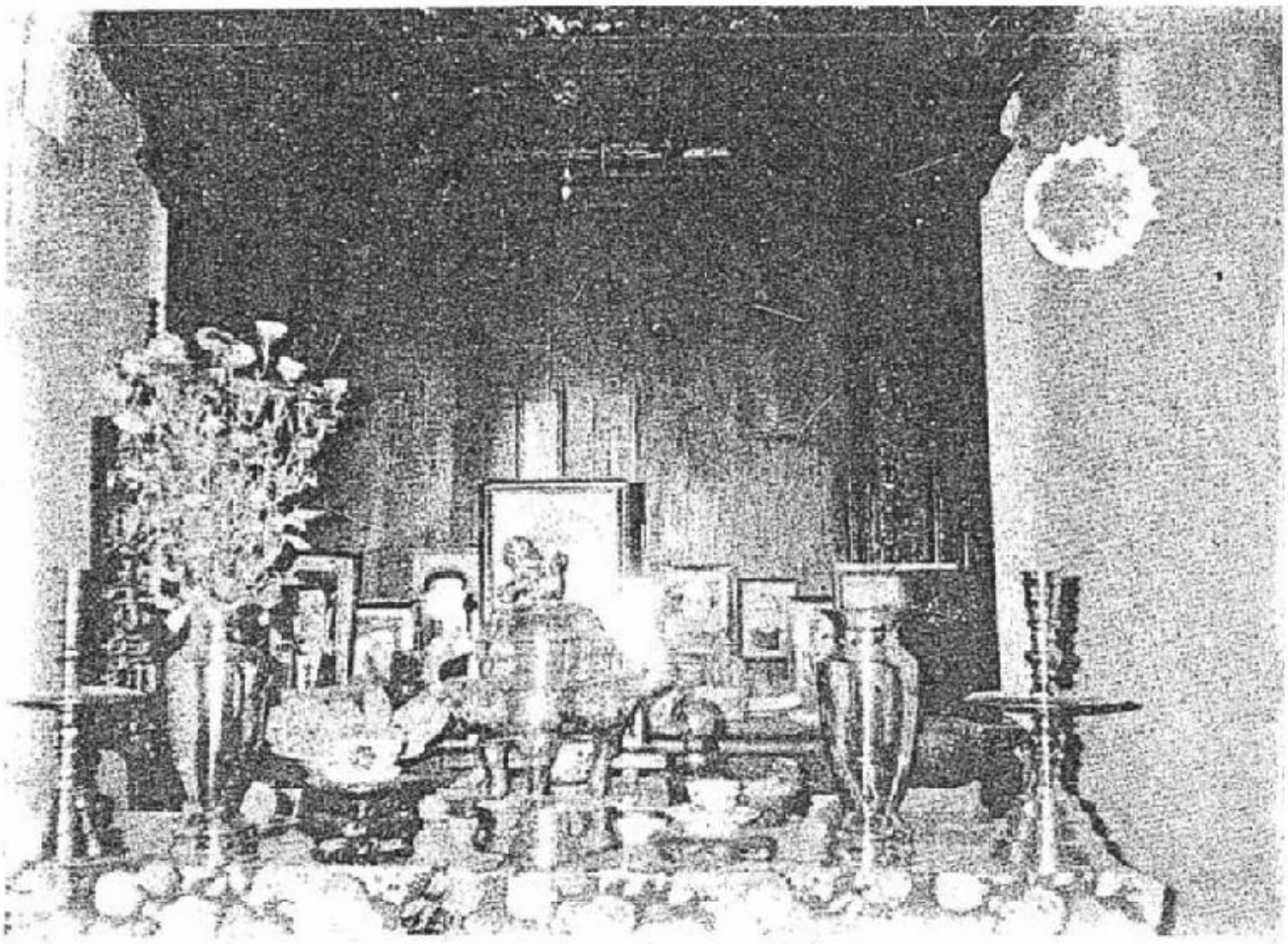
Biển của vua Thiệu Trị ban cho cụ Nguyễn Tường Phổ khi "Vinh qui bái tổ"



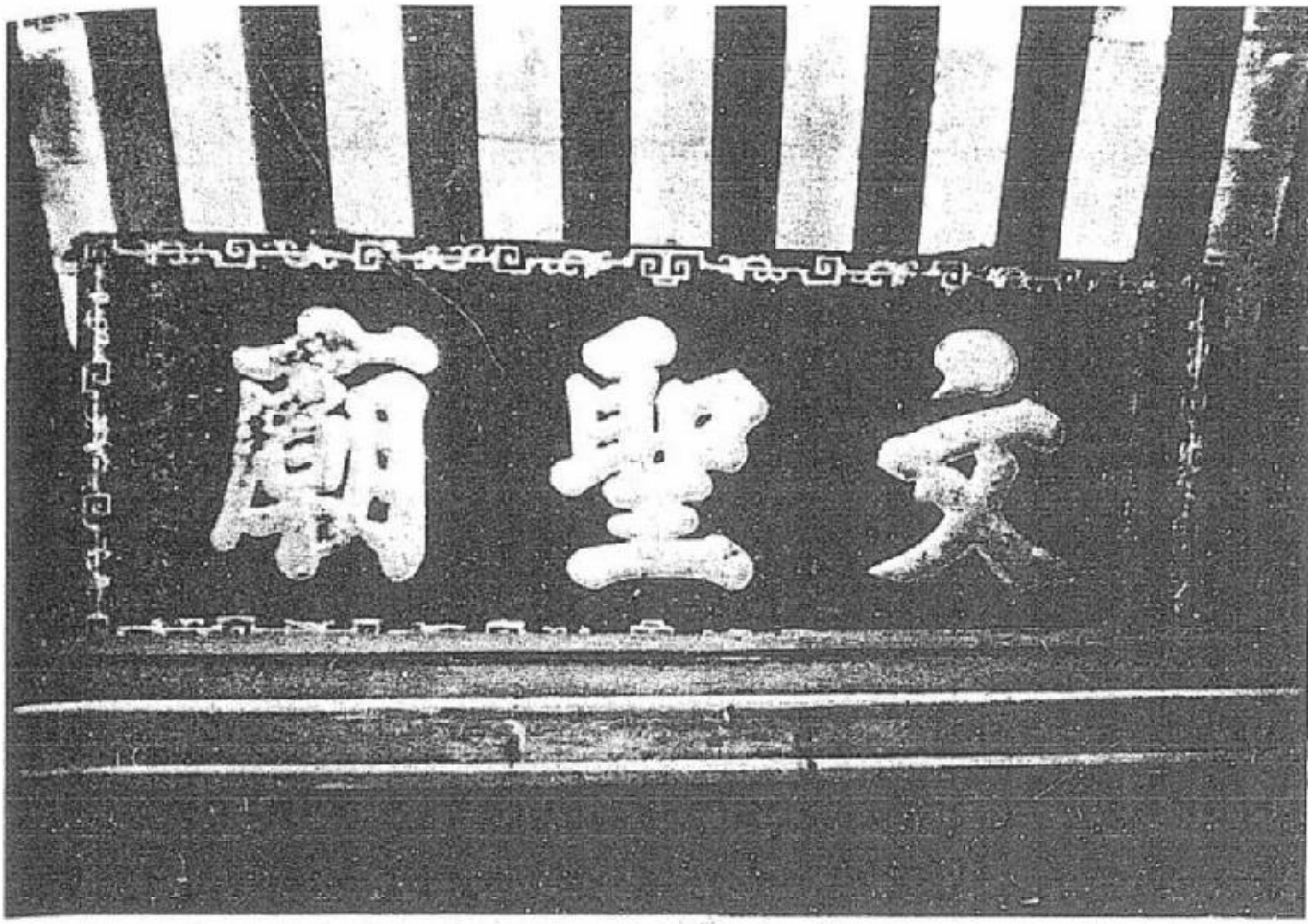
Chiếu chỉ của vua Minh Mạng phong cho cụ Nguyễn Tường Vĩnh hàm Chủ sự, sung chức Giảng tập tại Phủ Trường Khánh Công; dạy cho Hoàng tôn Hồng Bảo



Cụ Nguyễn Tường Tiếp,
ông nội ruột của nhà văn Hoàng Đạo



Bàn thờ cụ bà Nguyễn Khoa..., vợ cụ Nguyễn Tường Vân, mẹ cụ Nguyễn Tường Phổ trở xuống (phải nhì)



Bức hoành (biển) của Hoàng Đạo cúng Văn miếu làng Cẩm Phô (Hội An)



Bà Hoàng Đạo (Marie Nguyễn Bình)

CHƠI HOA NÀO DỄ MẤY NGƯỜI BIẾT HOA

Ngày thứ năm, 22 tháng 9 năm 1932, báo *Phong Hóa* (bộ mới do Nhất Linh chủ trương) ra mắt bạn đọc, và theo họ là "Một sự lạ trong làng báo" và "Bàn một cách vui vẻ các vấn đề cần thiết: xã hội, chính trị, kinh tế". Họ đã làm hết sức mình để "Từ một tờ báo không ai biết đến, nó trở thành một tờ báo được mọi tầng lớp quần chúng hoan nghênh nhiệt liệt ngay từ số đầu, và nổi tiếng khắp ba kỳ"(1). Sau này, khi nghiên cứu về báo chí của Tự lực văn đoàn, Nguyễn Trác - Đái Xuân Ninh thấy rằng: "Cả ba, (Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam) đều có năng khiếu làm báo, viết văn. Ong (Nhất Linh - VG) tập hợp thêm một số cây bút có nhiều triển vọng và thế là thành lập được một "văn đoàn", văn đoàn đầu tiên ở nước ta có thể "tự lực", tức sống được bằng ngòi bút của mình. Ong tìm thêm sự cộng tác chặt chẽ của những nghệ sĩ được ưa chuộng vào bậc nhất đương thời như Đoàn Phú Tứ, Huy Cận, Thanh Tịnh, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí...

(...) Người ta khinh quan trường, thì *Phong Hóa, Ngày Nay* không mấy số không lôi chúng ra làm bung xung.

Người ta khinh bọn tai to mặt lớn thì báo của Nhất Linh cho chúng chạy đèn cù, mở những mục như *Tự vị nhân vật* để khắc họa bọn chúng trong một định nghĩa khôi hài.

Người ta tức cười về cái máy móc của Tòa án khi thi hành pháp luật , thì báo có *Trước vành móng ngựa*.

---

(1) *Tiếng cười Tú Mỡ*, Sđd, trg 21.

Người ta không ưa cái ngớ ngẩn, lạc hậu của dân quê, thì báo có nhân vật Lý Toét, Xã Xệ.

Người ta không chịu được những cái dốt nát trong những câu văn cẩu thả thì báo tìm nhặt những *"Hạt đậu dọn"*.

Người ta nói nhiều đến bình dân thì báo có mục *Bùn lầy nước đọng* săn sóc đến quyền lợi xa gần của bình dân, còn ông giám đốc tờ báo thì lập Hội Ánh sáng từ thiện !

Người ta ước mơ một lý tưởng, báo ra *Mười điều tâm niệm.*"(1).v.v...

Nhưng ngày ấy nào chỉ có mỗi mình *Phong Hóa* một sân, một chợ, hoặc vì áp lực của ai đó buộc mọi người phải đọc kiểu "cạy họng trẻ con cho uống thuốc". Theo nghiên cứu của Hồng Chương, thì báo chí ở Việt Nam vào thời điểm ấy khá nhiều. Cụ thể, "năm 1932 có 318 tờ. Năm 1933 có 357 tờ. Qúy 1 năm 1936 có 402 tờ. Ngày 31.12.1936 có 445 tờ"(2). Và ai đã ra làm báo cũng đều muốn báo mình có bạn đọc, nói chung muốn ăn nên làm ra, chớ không ai muốn lụn bại. Trong nghề làm báo, theo tôi giấy phép gì cũng dễ xin, ngoài giấy phép của bạn đọc. Do đó tìm được khẩu vị của bạn đọc là cần, nhưng thể hiện cho hợp với khẩu vị mà bạn đọc không ngộ độc mới là khó. Và cũng không phải đây là tờ báo trào phúng đầu tiên trong làng báo Việt Nam mà trở thành thứ của lạ của hiếm đối với bạn đọc. "Một thời kỳ mới bắt đầu: một bọn mới lên thay đem nhiều mới lạ hơn đến cho văn hoạt kê phúng thế. Đó là thời kỳ của nhóm Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, Nguyễn Đình Thấu với những tờ báo trào phúng "Castigat ridendo mores" như "Duy Tân", "Cri de Hanoi", tờ "Dân Mới" của Chu Mậu, tờ "Chiếu Bóng" của Đăng Trọng Duyệt, "Đông Tây" của

---

(1) *Về Tự lực văn đoàn*, sđd, trg 83-85.

(2) *120 năm báo chí Việt Nam*, Sđd, trg 66.

Hoàng Tích Chu, "Ngọ Báo", "Việt Báo" với những bài của Tam Lang"(1). Do đó, sự thành công của *Phong Hóa*, sau đó là *Ngày Nay* cho thấy họ là một tập thể gắn bó và có tài. Và không thể không nói đến vai trò của Hoàng Đạo. "Theo những bạn hữu từng tiếp xúc nhiều với nhóm "Phong Hóa, Ngày Nay" hiện giờ có mặt ở đây, người điều khiển chính yếu của nhóm không phải là Nguyễn Tường Tam, mà là Tứ Ly, tức Hoàng Đạo, tức Nguyễn Tường Long, em ruột Nguyễn Tường Tam, phụ trách mục "pô-tanh". Vẫn theo các bạn hữu đó thì mỗi khi bắt đầu làm một số báo, anh em tòa soạn họp nhau lại đưa ra ý kiến người này có ý kiến vẽ một hí họa thế này, người kia có ý kiến viết một bài thế kia, người nọ muốn viết một truyện ngắn, truyện vui thế nọ... Anh em bàn luận, và tham gia ý kiến thỏa thuận cả rồi mới viết hay mới vẽ"(2).

Vì vậy, việc khảo sát Hoàng Đạo trên lĩnh vực báo chí cũng là điều lý thú, bởi ông đã cùng một nhóm nhỏ anh em xây dựng tờ báo *Phong Hóa*, sau là tờ *Ngày Nay* gần chục năm liền mà không có đối thủ cạnh tranh, dù các tờ báo đương thời rất muốn cạnh tranh. "Thuở ấy, nhóm Tự lực văn đoàn rất sẵn kẻ thù. Các đồng nghiệp thân mến chỉ chờ đợi cơ hội nắm được bất cứ một sơ hở nhỏ nào của báo Ngày Nay để mà xúm vào tấn công hạ uy thế những kẻ xưa nay vốn được đời tín nhiệm"(3). Nhưng tờ báo của họ vẫn tồn tại và phát triển.

Trước khi nói đến báo *Phong Hóa, Ngày Nay*, ta cần nhìn lại lịch sử văn học nước nhà để có được cái nhìn tương đối đầy đủ hơn. Năm 1862 là năm triều đình Huế phải ngậm đắng nuốt cay dâng ba tỉnh miền Đông của xứ Lục tỉnh cho thực dân Pháp, theo Hòa ước Nhâm Tuất (5.6.1862). Nhân dân khắp nơi đều phẫn nộ và

---

(1)+(2) Vũ Bằng: *Những cây cười tiền chiến*, Nhân Văn xb, S, 1971, trg 40, 82-83.

(3) Đinh Hùng: *Đốt lò hương cũ*, Lửa thiêng xb, S, 1971, trg 72.

mở đầu cho thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Bên cạnh việc mất nước, nền cựu học cũng từng bước được báo động. Cái học mới của phương Tây có mặt cùng với đội quân xâm lược nhà nghề. Lối chữ dễ đọc dễ viết, dễ phổ cập theo mẫu tự La tinh đối chọi với chữ Hán, chữ Nôm theo lối tượng hình khó viết, khó nhớ lại... dễ quên. Và năm 1865, chính phủ Sài Gòn cho ra tờ *Gia Định báo* đăng những công lệnh của nhà nước bằng lối chữ mới, gọi là chữ quốc ngữ. Năm 1866, Trương Vĩnh Ký cho in và phát hành bộ truyện dân gian: *Chuyện đời xưa nhón lấy những chuyện hay và có ích*. Và chữ quốc ngữ coi như đã định hình trong tầng lớp những người ham mê những điều mới lạ từ phương trời Tây. Nhưng việc chống Pháp vẫn quyết liệt một mất một còn. Trên mặt trận văn hóa-văn nghệ cũng quyết liệt không kém. Đội ngũ sĩ phu từng bước bị phân hóa. Mặc dù, họ là những sản phẩm của nền giáo dục phong kiến, tư tưởng trung quân luôn chiếm vị trí rất quan trọng trong tình cảm và ý chí , nhưng trước biến cố "khác lạ" so với những biến cố lịch sử mà họ đã được học, được đọc, được nghe... đã buộc họ tự quyết định thái độ.

Nếu Nguyễn Đình Chiểu: *Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẩm, Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*, thì Đinh Tường Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân vẫn tiếp tục mộ binh chiến đấu bất chấp lệnh bãi binh của triều đình.

Hĩ kiến Phan Lâm lưỡng đại nhân
Hàm đồng hòa nghị dục an dân
Na tri phục dã đa kỳ sĩ
Bất nhẫn kỳ thiên tác loạn thần
Hào kiệt kham xưng Nguyên soái Định
Anh hùng do hứa Thủ khoa Huân

dịch :

Mừng thấy Phan Lâm bậc đại nhân
Bàn nhau hòa nghị, muốn yên dân
Nào hay còn lắm trang kỳ sĩ
Chẳng quản mang hai tiếng loạn thần
Hào kiệt từng nghe Nguyên soái Định
Anh hùng còn hẹn Thủ khoa Huân (1)

Và người anh hùng ấy đã có thái độ rõ ràng:

Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết
Lòng ngay khó tỏ, miệng đời luống để luận trăm năm.(2)

Như chúng ta đã biết, lý thuyết kinh điển của Nho giáo và những qui phạm chặt chẽ của đạo đức phong kiến đã gắn chặt những tầng lớp sĩ phu vào một triều đại chính thống nhất định. Tư tưởng trung quân chứa đựng cả ý thức chính trị, triết lý sống lẫn quan niệm về đạo đức. Nhưng lúc này giữa trung quân và ái quốc ở mỗi người có cự ly khác nhau. Nếu Phan Văn Trị : *Tan nhà cám nỗi câu ly hận, Cắt đất thương thay cuộc giảng hòa*, thì Tôn Thọ Tường : *Phải sao chịu vậy thôi thì chớ, Nhắm mắt đưa chân lỗi đạo hằng*, và xoay ra biện minh cho mình:

Giang san ba tỉnh hãy còn đây
Trời đất chi xui đến nỗi này
Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo
Mây tuôn đen kịt khói tàu bay
Xăng văng chậm tính thương đòi chỗ
Khấp khởi riêng lo biết những ngày
Miệng cọp hàm rồng chưa dễ chọc

---

(1)+(2) Phạm Thiều: *Nguyễn Hữu Huân - nhà yêu nước kiên cường, nhà thơ bất khuất*, Nxb TP.HCM 1986, trg 19-20, 104.

Khuyên đàn con trẻ chớ thày lay (1).

"Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách". Ăn cơm vua, hưởng lộc nước mà đội kẻ thù lên đầu như vậy là không được. Có chết cũng phải chết cho vinh, còn hơn phải sống nhục, sống bám vào bọn giặc, vào bọn man rợ, tàn ác, xấc xược, thất lễ, vô đạo. Phan Văn Trị không đồng ý với thái độ ứng xử của Tôn Thọ Tường:

Hơn thua chưa quyết đó cùng đây
Chẳng đã nên ta phải thế này
Bến Nghé quản bao cơn lửa cháy
Cồn Rồng dầu mặc muội tro bay
Nuôi muông giết thỏ còn chờ thuở
Bủa lưới săn nai cũng có ngày
Đừng mượn hơi hùm rung nhát khỉ
Lòng ta gang đá há lung lay (2)

Đầu thế kỷ XX, phong trào Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa thục đã mở ra khúc ngoặt mới, đường lối mới trong cách kháng Pháp. Và lúc này các nhà khoa bảng đã thừa nhận lối chữ mới, thừa nhận cây bút sắt có hay hơn cây bút lông của ngàn năm qua: *Sách quốc ngữ, Chữ nước ta, Con cái nhà, Đều phải học...*

Năm 1913 lại đánh dấu cột mốc mới. Phan Bội Châu bị bắt ở Tàu. Chiến khu kháng chiến cuối cùng của Việt Nam bị tan rã khi Đề Thám bị sát hại. Chính sách Pháp - Việt đề huề bắt đầu xuất hiện. Báo chí đi tiên phong trong việc này là *Đông Dương tạp chí*, sau đó là *Nam Phong tạp chí*. Nguyễn Văn Vĩnh dùng diễn đàn

---

(1)+(2) Nguyễn Khắc Thuần-Nguyễn Quảng Tuân: *Phan Văn Trị, cuộc đời và tác phẩm*, Nxb TP.HCM, 1986, trg 123-124.

này cổ động cho đường lối dung hòa Âu-Á. Phạm Quỳnh dung hòa Đông -Tây, hợp tác mới cũ, luân lý và nghệ thuật như môi với răng, già trẻ cùng chung vai gánh vác trách nhiệm... và đã được nhiều người trí thức đồng tình.

Theo tiến trình như vậy, ta có thể thấy đó là những bước đệm không thể thiếu để báo *Phong Hóa* làm nên cú đột phá quan trọng trong việc cải cách báo chí cũng như văn học nước nhà. Dĩ nhiên, ở đây, nhiệt tình và đam mê vẫn chưa hội đủ điều kiện để lịch sử báo chí, lịch sử văn học phải nhắc đến. Bởi hàng 400 tờ báo hồi ấy, thử hỏi có mấy người thiếu nhiệt tình và thiếu đam mê ? Theo tôi, điều cốt lõi vẫn là *cái tâm, cái tầm* và *cái tài* của những người thực hiện.

Chúng ta cùng nhau đọc lại trang 3 báo *Phong Hóa* ra ngày 16 Juin 1933. Trang báo này, ngoài 4 tranh hí họa còn lại là bài của Tứ Ly:

MỸ THUẬT LẠ ĐỜI

Bên Nhật có hai cái tục rất lạ: hễ gặp việc gì uất ức là lấy dao mổ bụng.

Vừa rồi lại có một sự lạ hơn. Một nhà mỹ thuật tên là Ito Hikoce có gửi biếu quan thượng thư bộ binh một bức họa - vẽ đức vua Nhật Bản bằng máu của họa sĩ.

Một nhà họa sĩ lấy máu mình để vẽ bức chân dung của đức vua thực là một sự lạ chưa từng thấy. Họa sĩ Ito Hikoce vì mất nhiều máu qúa, đã phải bệnh liệt giường liệt chiếu.

Họa sĩ làm vậy, can đảm thì có can đảm thật, song thiết tưởng họa sĩ nên vẽ bức chân dung cho thật đẹp thì hơn, chứ muốn lấy máu vẽ thì máu lợn, máu gà cũng vậy có khác gì đâu ?

Bên Nhật đã có nhiều cô con gái theo gương họa sĩ, trích

máu vẽ cái mặt giời đỏ trên bức cờ trắng gửi cho các chiến sĩ. Thật là một lối mỹ thuật mới, lối mỹ thuật mổ bụng của người Nhật.

Môn mỹ thuật ấy biết rồi có truyền sang bên ta không ? Biết đâu đấy, người ta có tính hay bắt chước lắm. Biết đâu rồi đây ông Nam Sơn không lấy máu ông mà vẽ các ông sư; ông Lê Phổ không lấy máu ông mà vẽ các cô con gái. Biết đâu ông Tiểu sẽ không trích máu... rùa ra khảo cứu; biết đâu ông Lê Công Đắc không trích máu... gà ra viết văn cho có vị.

Còn ông Phạm Huy Lục, nếu ông có muốn trích máu ra cũng khó lòng mà có được một giọt máu. Từ ngày ông đem hiến qủa tim ông cho viện dân biểu đến giờ, thì ông còn lấy đâu máu ra nữa, trong người ông chỉ còn toàn nước lã lạnh tanh.

Mà chưa chắc ta đã bắt chước Nhật. Các ông văn sĩ nước nhà thường nói rằng ôm một bầu nhiệt huyết. Mỗi lúc các ông trích bầu ấy, là độc giả được xem một bài văn..., mùi cũng tanh như máu.

Ngày xưa, còn mồ ma báo Tam Kỳ và Phụ Nữ Thời Đàm, hai báo ấy coi thường máu lắm.

Báo Tam Kỳ có câu "đốt bầu nhiệt huyết", báo Phụ Nữ có câu "trút máu đền ơn quốc dân", tưởng nhà họa sĩ Nhật kia còn kém vài bậc. Hai báo ấy cũng vì trút hết máu hay đốt hết bầu máu nên đến nay mới tắt thở.

Vậy thì không phải là bắt chước Nhật, mà Nhật bắt chước ta. Vinh diệu thay !

CÂU TRUYỆN LOANH QUANH

Lý Toét : - Mai ông nhớ về. Làng vào đám mà ông phải thông xướng đấy.

Ba Ếch : - Thôi cụ. Để khi khác. Cụ cho người khác thay cũng được... Mà làm bò hay làm lợn thế cụ?

Lý Toét : - Phải làm bò mới nong trọng chứ.

Ba Ếch : - Long trọng hay không long trọng cũng không quan hệ là mấy. Nhưng thịt bò thì vẫn ngon hơn thịt lợn.

Cụ có nhớ hồi năm ngoái, tôi với cụ ngồi nhấm ngót mươi đĩa tái không ? Năm nay tôi không về được, cụ nhớ để phần cho miếng ngon ấy nhé ?

Lý Toét : - Chết, sao ông lại nói thế, cốt để tế thần, thừa lộc ra mới đến phần mình chứ.

Ba Ếch : - Vâng... vâng. À này, xương ống cụ để riêng cho tôi, tôi cho người nhà nó về lấy. Các cụ không ăn để làm gì, tôi cần ít xương nấu xúp ăn cho khỏe còn lấy sức đi khám bệnh lao...

Lý Toét : - Tội nghiệp, ông cũng mắc à ?

Ba Ếch : - Cám ơn cụ, nào tôi biết. Ai họ cũng bắt đi khám. Không có thì cũng tốt, mà có cũng hay. Cụ tính nếu có bệnh, được nghỉ một năm, cả lương, tha hồ về quê mà tĩnh dưỡng...

Lý Toét : - Không được. Ong tính lẩn quẩn qúa. Để tôi mách cho ông lang lấy thuốc mà uống. - ông lang Thang ấy mà, con cụ lang Điều, anh ông bá Bể ở bên Gia Trạch...

Ba Ếch : - Phải rồi ! Cháu ông đốc Bần, chú anh phu Hồ ấy chứ gì.

Lý Toét : - Ong cứ riễu - nhưng ông nghe tôi, ông nên mời ông lang Thang chẩn mạch đi thôi. Năm ngoái thằng bé lớn, con anh phó nó đau gần chết, đã lịm đi, ông cho có một thang mà đã thấy tỉnh lại...

Ba Ếch : - Hôm sao nó mất chứ gì.

Lý Toét : - Ong cũng biết chuyện à ?

Ba Ếch : - Làm gì không biết.

Lý Toét : - Ong lang Thang còn chữa lắm đám cũng tài như ,vậy. Ong xem ngay tôi độ tháng trước tôi ở trên giường xuống bị ngã, tím bầm một bên đùi, tôi phải uống của ổng đến mươi thang mới khỏi.

Ba Ếch : - Nếu thế qủa là một ông lang giỏi, mát tay. Hay là cụ tiến cử ông vào Huế. Từ độ mấy cụ thượng về hưu, nghe đâu có cụ yếu, mà trong lục bộ cũng có nhiều quan mắc bệnh lắm.

Lý Toét : - Ong lại đùa ! Khi nào các cụ muốn về hưu.

Ba Ếch : - Tôi có bảo các cụ muốn về hưu đâu. Tại nơi Hoàng thượng cải cách, mời các cụ về, thì các cụ bằng lòng về. Nếu Hoàng thượng mời các cụ ở, thì các cụ bằng lòng ở.

Lý Toét : - Thật cũng như tôi. Nhà nước còn cho làm thì tôi bằng lòng làm, mà cho tôi về, cũng bằng lòng về. Mình đã già rồi, phải để dành phần cho lũ trẻ chứ. Thằng cả nhà tôi, năm nay tôi định cho nó ra tranh Phó lý, vài năm nữa, tôi mãn hạn thì nhờ tổ ấm, may ra nó kế chân... Các cụ thượng già hơn tôi nhiều, các cụ về, thì con cháu các cụ lại lên, có thiệt gì.

Ba Ếch : - Cụ nhầm, các cụ thượng bao giờ có nghĩ đến miếng đỉnh chung. Các cụ lúc nào cũng như lúc nào, một lòng phò vua giúp nước, lúc nào cũng nghĩ đến dân.

Lý Toét : - Thật à ? Các cụ nghĩ đến dân thật à ? Thảo nào hồi năm ngoái, chúng tôi nhận được sắc thần mới đẹp đẽ hơn sắc hồi trước nhiều. Mà bác Xã Nhiêu được bát phẩm bá hộ, bác ấy có bảo tôi vì nhờ vả các cụ... Dễ thường các cụ để ý đến dân thật.

Còn làng nước các cụ nghĩ đến là phải rồi. Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp, đến cái đĩ Tẹo nhà tôi nó cũng biết vậy nữa là các cụ.

Những nhà giàu cho vay lãi nặng, họ là ân nhân của xã hội, nhưng thói thường vẫn thế, làm ân nên oán. Họ vì lòng bác ái, hi sinh, họ vẫn thi ân cho cái xã hội bạc bẽo vô ơn này.

Họ có tiền, họ cho vay, chẳng phải là họ nhân từ, tử tế qúa lắm rồi ư ? Đã đành rằng họ cho vay để lấy lãi cho nhiều, để ngồi chỉ tay năm ngón; đã đành rằng họ chỉ cất tiền, đã đành rằng họ không thương mến gì những người vì họ mà đầu tất mặt tối, khổ sở, nặng nhọc làm công không cho họ, nhưng cái đó mặc họ chứ. Họ có tiền, họ cho vay, là họ đủ nhân từ, bác ái rồi.

Kể ra thì người vay nợ không bằng lòng cho họ trích nặng cũng không được, nhưng phải biết rằng họ trích nặng như vậy là vì lòng họ nhân từ, bác ái, muốn cho người ta khỏi ăn bơ, làm biếng đấy thôi.

Đã đành rằng họ cho vay lãi nặng theo luật sẽ bị phạt bạc, phạt giam, nhưng nào có phải họ làm ra luật ấy đâu mà bắt họ theo.

TỨ LY

Đọc xong trang báo, tôi muốn "bàn ngang" đôi chút, nhưng nghĩ lại có bàn cách gì cũng không thể hay hơn là ngồi suy gẫm. Bởi qua nội dung ba bài báo và cách viết của Tứ Ly, ta có thể cười nhưng mặt lại nhăn như ăn phải ớt; ta có thể thích thú nhưng lòng lại cứ nao nao; ta buồn cho thói đời nhưng lòng lại thấy vui vui vì có người nói được những điều ta muốn nói.v.v... Đúng, ông là nhà báo có sở trường về "lối văn cười cợt" (chữ dùng của Vũ Bằng). Vẫn bằng giọng cười cợt ấy, ông lớn tiếng bênh vực "Ai bảo nước ta trai gái không được tự do kết hôn ? (...) Anh yêu một người con

gái, người ấy cũng yêu anh - anh hỏi làm vợ. Nhưng anh đừng lầm, chỉ có thế là xong ngay đâu. Ở bên nước An nam có văn hóa chứ có phải ở nước mọi rợ đâu mà dễ dàng thế ? Lấy vợ lấy chồng chứ có phải nhân tình nhân ngãi gì mà nói đến người yêu với mến ?

Anh biết điều thì anh phải theo lễ nghi. Anh có quyền tự do kết hôn thật, nhưng anh chỉ có quyền tự do kết hôn trong vòng lễ nghi, nghĩa là anh không có quyền gì cả(...)"(1), hoặc "kể công" giúp cho những bá tham, bà phán : "Ở nước Mỹ có nhiều cô gái lãng mạn lắm.

Có đến hơn hai mươi vạn cô bỏ nhà đi chơi phiếm các nơi, đua nhau phóng túng và ăn tiêu xa xỉ. Nghe đâu chính phủ Mỹ đã ký nghị định bắt các cô vào một túc xá lớn, cưỡng bách các cô phải làm việc.

Hạng gái lãng mạn ở bên ta cũng nhiều như ở bên Mỹ. Có người lại bảo các bà tham, bà phán thường cũng vô nghề nghiệp cả.

Những người ấy có mất mà không biết trông. Các bà có nhiều công việc lắm chứ ! Bôi được cái môi cho đỏ, đánh cho má được trắng, vận cái áo cho xinh cũng là một việc nặng nhọc có khi đến nửa ngày mà chưa xong. Đấy không là kể những công việc nặng nề khác, như đánh bạc, đi chơi mát, nói truyện gẫu"(2). Đặc biệt, những nhân vật hữu danh ngày đó, phần lớn trong số họ đều được anh em trong nhóm, trong đó có Tứ Ly đem ra làm bia cười cho bạn đọc, nhưng không mấy ai giận. Vũ Bằng, người đã từng vào đấu trường bút chiến với Thạch Lam và... bị thua (3), sau nầy cũng nhìn nhận rằng : "Công bình mà nói, về phần châm biếm, văn cười của "Phong Hóa" có một điểm đáng khen : các người bị chế giễu,

---

(l)+(2) *Phong Hóa*, ngày 22 Juin 1933, trg 3, 5.

(3) Đọc thêm Vu Gia: *Thạch Lam - thân thế và tác phẩm*, Nxb Văn Hóa, H, 1993.

chỉ trích đã đành là có tức bực, nhưng không đến độ. Đó là nhờ vì tòa soạn báo ấy đã biết giữ gìr những câu châm biếm vui mà không tục tĩu, cứ không thóa mạ ai. Đại khái viết về Hoàng Tăi văn ông "bí rì rì", nói về Nguyễn Khắc Hiếu thì nhạo ông say va vẽ ông với một cái mũi to nẩy lửa, đề cập đến Nguyễn Công Tiểu thì vẽ ông "quẹt cây diêm đốt đít con rùa" và chế nhạo ông trồng thủy tiên, đến lúc mọc mầm lại thành ra củ hành Tây... Nhóm "Phong Hóa" có thể tự hào là những người lịch sự không bới móc ai qúa trớn, không lôi đời tư của ai ra phanh phui hay viết những bài "ác liệt", "hiểm độc" có thể làm cho người ta bị chỉ trích xấu hổ với họ hàng hay tủi hổ mà đâm ra tuyệt vọng. Tuy là đôi khi cũng có cáu kỉnh, như Tứ Ly cãi nhau với Lê Tràng Kiều mà hạ bút viết "Ong chỉ đáng cho một cái tát !""(1).

Những cây bút trong báo *Phong Hóa, Ngày Nay* nói chung, Tứ Ly nói riêng dường như không bỏ qua điều gì được gọi là chướng tai, gay mắt, dù người đó đang quyền cao chức trọng, hoặc những người có học vị từ trời Tây về: "-Phải, tôi biết rồi ! Ong Lê Thăng với mấy chữ "Luật khoa tiến sĩ" có rời nhau bao giờ mà tôi không biết. Trên báo "Annam mới", trên báo "Đông Dương tiến bộ" lắm lúc tôi cứ tưởng tên họ ông ấy là "Lê Thăng luật khoa tiến sĩ", cũng như là Mạnh-đức-tư-cưu, hay là Phổ-lỗ-sĩ vậy"(2), hoặc "Ong Vũ Đình Hải khiêm tốn qúa.

Đăng quảng cáo trong Phong Hóa, ông tự giới thiệu mình một cách nhũn nhặn, qúa ông Nguyễn Công Tiểu... Nguyên thông tin phóng sự báo Phổ Thông, nguyên Tổng thư ký báo Đông Phương, nguyên đại biểu khắp cõi Đông Pháp cho báo Ami du Peuple,

---

(1) *Những cây cười tiền chiến*, Sđd, trg 81-82.
(2) *Phong Hóa*, số 55, 14 Juillet 1933, trg 7.

gậguyên Tổng lý kiêm chủ bút Tân Báo, nguyên Chủ nhiệm xuất bản cục Hoa Khôi, nguyên quản lý nhà chớp bóng và khách sạn Central, nguyên Tổng lý chuyên môn Văn Minh hí viện.

Trời đất ơi, toàn nguyên là nguyên. Ấy là ông còn quên đấy, xin nhắc :

nguyên học sinh lớp năm trường sơ đẳng,
nguyên học sinh lớp tư trường sơ đẳng,
nguyên học sinh lớp ba trường sơ đẳng,
nguyên học sinh lớp nhì trường sơ đẳng...
nguyên học sinh lớp nhất trường sơ đẳng...

Nhưng sao ông chỉ nguyên... là nguyên... ? Sao ông Vũ Đình Hải hết nghề này xoay nghề khác mà vẫn nguyên Vũ Đình Hải ? Có lẽ vì công việc gì ông dúng tay vào cũng thành cả... nên họ không dùng đến ông nữa"(1), hoặc "Ong Đệ ngẫu nhiên bỏ đất Huế về nằm đợi thời ở Hà Nội. Trong lúc đó ông Phạm Văn Bính ngẫu nhiên qua chơi đất Huế, vào yết kiến ông Phạm Quỳnh, vào bệ kiến đức Bảo Đại...

Có lẽ cũng vì sự tình cờ đó mà thiên hạ đồn ầm lên rằng ông Phạm Văn Bính sẽ được cử lên thay ông Nguyễn Đệ... Một ngày, hai ngày, người ta đợi, ông Phạm Văn Bính đợi...

Đợi mãi cũng không thấy tin tức gì, ông Bính thất vọng, thiên hạ cũng thất vọng... ông Bính...nên đồn ầm lên rằng ông Nguyễn Tiến Lãng sẽ được cất nhắc vào Kinh thay chân ông Đệ, nhưng sai.

Ai sẽ thay ông Đệ, ai ? Cứ xét về tài năng, ông Lãng hơn hẳn ông Bính về mặt văn buồn, nhưng ông Bính lại hơn ông Lãng về mặt võ... vẽ. Một đằng ông Lãng chỉ có văn, một đằng ông Bính

---

(1) *Phong Hóa*, số 65, 22 Sept 1933, trg 3.

văn võ đủ cả, ông Bính được chăng ? Chưa chắc, vì ông võ thì võ thật, nhưng chỉ võ ở cán bút, võ ông chỉ võ văn, mà về văn chương thì văn ông đặc mùi võ, văn ông là văn . võ"(1).

Phong Hóa là tờ báo đầu tiên của Việt Nam có sáng kiến ra những số đặc biệt về Tết Trung thu. Tết cổ truyền. Và những số báo này, họ vẫn khai thác lối văn cười cợt đắc dụng của họ. Với quan niệm chung của người Á đông: năm mới, cái gì cũng mới, và hi vọng gặt hái được nhiều thành công. Những hi vọng ấy dường như được đặt cược vào những ngày đầu năm, và không ít người đi xin xăm, coi bói... để xem gia đạo, tình duyên. tiền tài, danh vọng.v.v... Bắt chước Qủy cộc tử, Lốc cốc tử, Ngốc tử... nào đó, Tứ Ly tử cũng... nhảy ra bói những người được trọng vọng thời bấy giờ mỗi người một quẻ. Từ cụ Dương Bá Trạc đến nhà thơ Tản Đà, từ chủ báo Bùi Xuân Học đến quan triều đình Nguyễn Đệ.v.v..., Tứ Ly tử ngồi ở tòa soạn báo *Phong Hóa* xủ quẻ bói tuốt.

"Số ông Lê Thăng luật khoa tiến sĩ.

Số ông này có một cái đặc sắc là sao tốt hay gặp sao xấu. Ong đã từng đi tây, từng đỗ cái bằng tiến sĩ thì chắc không *khoa quyền* đối củng cũng *thiên lộc, thiên mã* thủ mệnh. Nhưng mệnh ông còn có sao mộc, dục, đào hoa đóng, cho nên ông hay phấn sáp lượt là cho con ngựa (thiên mã) của ông, nghĩa là bao giờ ông cũng phải nêu cái danh luật khoa tiến sĩ.

Ấy cũng bởi hai lẽ nữa: một là ông giống cụ cử Trạc, ở chỗ *mộ* hãm địa mà lại *cư mệnh*, hai là vì cung *thiên di* ông có sao *cự môn* đóng, nên miệng thế ở ngoài đảo điên cho ông là hay ngáp phải ruồi".

"Số ông Nguyễn Đệ.

Muốn xem số ông Nguyễn Đệ trước hết nên nhìn sao *thiên*

---

(1) *Phong Hóa*, số 65, 22 Sept 1933, trg 2.

mã của ông đóng ở cung nào.

Sao *thiên mã* của ông chắc không gặp *đà la* như ông Vĩnh , cũng không gặp *âm dương* phản bội như cụ cử Trạc. Nó chắc chỉ gặp sao *điếu khách* như số ông Quỳnh, nghĩa là con ngựa của ông có đeo nhạc, rồi nhong nhong mà đi, đi vào Huế.

Cung *tài bạch* của ông này tốt lắm, những tinh *thiên phủ tử vi, tả phù hữu bật* đều đóng đấy cả. Thật là đúng câu :

... Phủ tử mà gặp phương xa nhiều tiền,
Tử vi phụ bật rất hiền,
Làm quan tài bật ở miền lợi danh.

Thảo nào mà ông ta cứ loanh quanh, lẩn quẩn ở sông Hương, núi Ngự"(1)

hoặc ***"Số ông Bùi Xuân Học***

Số ông này *mệnh cung có phá toái, đẩu quân, phi phù, phi liêm*, cho nên tóc có vẻ lăn quăn, mũi ông có vẻ lõ lỗ có *sao lộc tồn* nên trông có vẻ độn hậu, thêm sao *lực sĩ* phụ chiếu, mà ông lại sinh ra năm *hợi* cho nên người ông mới được phốp pháp tròn trục như thân thể ông.

Số ông lại giống số ông Lưu Bị đời Tam quốc ở chỗ ông Lưu Bị nhờ có quân sư là Khổng Minh, mà ông nhờ có quân sư là Tha Sơn. Chỉ hiềm nỗi Khổng Minh đoán mưa ở hang Tà Cốc là mưa ở hang Tà Cốc, mà ông Tha Sơn đoán nồi súp de ở sở rượu Văn Điển đổ nó lại không đổ.

Ngoài cái tài đoán trước đó và trí thông minh ra, thì ông Tha Sơn giống hệt ông Khổng Minh. Cũng như không kể đến tài cán, thì ông Học chẳng kém gì ông Lưu Bị. Có phần ông lại hơn, vì ông to béo hơn".

---

(1) *Phong Hóa*, số 56, ngày 24 Juillet 1933, trg 3.

"Số ông Nguyễn Công Tiễu

Số ông này lạ lắm. Ong không cầm tinh con lợn như ông Học, cũng không cầm tinh con gà như ông Đắc, mà trâu, hổ, rồng, chó, mèo, chuột, dê, ông cũng không cầm tinh con nào cả. Cứ lý ra thì ông... cầm tinh con rùa... mới phải chớ, ngặt vì trong hàng chi không thấy có rùa.

Mình ông lại mình thủy, vì thế nên ông giống thủy tiên, yêu rươi, cũng vì thế nên tài cán ông như nước chảy xuống chỗ thấp... ngặt vì số ông lại *hỏa lục cục* nên ông lại muốn lên như ngọn lửa: thế mới rầy !

Cung mệnh không có *hoa lộc lâm quan* đóng, thì tính khí thật dịu dàng, khiêm tốn, ngặt vì cung thiên di ông gặp *phá quan thất sát, cự môn hỏa linh*, nên chỉ mồm thiên hạ bịa đặt, cho ông là người vụ hư danh. Chẳng qua chỉ là tại số ! ông Tiễu ạ"(1).

Sau này, nhân tết Mậu Dần, Tú Mỡ cũng có *Quẻ thẻ đầu năm* dựa trên tinh thần của Tứ Ly tử :

(...) *"Của ông Vũ Đình Long*

Cung nô bộc

Khôn khéo nuôi người cũng tốt tay
An cây tôi tớ phải rào cây
Nhưng đừng tin qúa quân thơn thớt
Lẻo miệng nên nghi đứa phản thầy

Của ông Phạm Lê Bổng

Cung mưu vọng

Giấc mộng công hầu khéo viễn vông

---

(1) *Phong Hóa*, số 58, ngày 4 Juillet 1933, trg 3.

Bừng con mắt dậy vẫn tay không
Qúi nhân phù trợ may còn vớt
Chiếc khánh vàng đeo khỏi luống công

Của ông Nguyễn Tiến Lãng

Cung công danh

Qúi tử may mà gặp qúi nhân
Nhẹ nhàng đi tắt lối thanh vân
Chữ tài song phải đi kèm hạnh
Có phúc mai sau mới có phần"(1)

Ở đây, ta cần phải nói thêm, báo *Phong Hóa*, sau là *Ngày Nay* và *Tự lực văn đoàn* chỉ có năm người ban đầu : Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Nguyễn Tường Long (Tứ Ly - Hoàng Đạo), Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam), Trần Khánh Giư (Khái Hưng), Hồ Trọng Hiếu (Tú Mỡ), sau có kết nạp thêm : Nguyễn Thứ Lễ (Thế Lữ), Ngô Xuân Diệu (Xuân Diệu) và Trần Tiêu (em ruột Khái Hưng), tổng cộng trước sau chỉ có tám người, còn các nhà văn đương thời hầu hết đều tập trung vào nhà Tân Dân của Vũ Đình Long. Theo Nguyễn Công Hoan, "Nhà Tân Dân của Vũ Đình Long vẫn chỉ xuất bản những sách dùng cho nhà trường, nay đã mua máy in, nên mở rộng phạm vi hoạt động, xin ra tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy* (1934)... Ong Long tòng sự tại Nha học chính Bắc kỳ, làm ở Phòng thi cử, nên rất nhàn rỗi (...) Vũ Đình Long tiếp tôi niềm nở lắm, đưa tôi đi xem nhà in, chỗ đặt máy, chỗ xếp chữ, và hãnh diện là toàn những thứ mới mua ở bên Pháp. Lúc lên buồng khách, ông nói là nếu sau này tôi có sách để in, hoặc bạn hữu có

---

(1) *Ngày Nay*, số Tết, ngày 30 Janv. 1938, trg 8.

sách để in, thì nhờ tôi giới thiệu hộ nhà in Tân Dân"(1). Và "*Tiểu thuyết thứ bảy*, trái với phỏng đoán của tôi và đúng với ý định của chủ nó, bán rất chạy. Năm nghìn, sáu nghìn, bảy nghìn, nó chỉ còn một địch thủ duy nhất, là báo *Phong Hóa*"(2). Nhưng tới ngày rả đám, *Tiểu thuyết thứ bảy* hoặc bất cứ tờ báo đương thời nào khác cũng chưa có tờ báo nào vượt qua được *Phong Hóa*, kể cả tờ *Ngày Nay* sau này. Nhà xuất bản *Tân Dân* hoạt động cũng mạnh với hầu hết các nhà văn đương thời ngoài nhóm Tự lực văn đoàn cũng không vượt qua được nhà xuất bản *Đời Nay* của Tự lực văn đoàn. Tô Hoài cho rằng : "Không khí và khí thế xuất bản hồi ấy phải là sách được in ở nhà *Đời Nay*, thứ mới đến nhà *Tân Dân*, vì nhà *Tân Dân* cũng in sách kiếm hiệp, bạn đọc cũng còn coi thường"(3).

Bạn đọc tuyệt vời thật !

Đến đây, có khi bạn đọc của hôm nay cho rằng, Vũ Đình Long là người chỉ biết kinh doanh, chứ không phải người trong nghề, báo *Tiểu thuyết thứ bảy* và nhà xuất bản *Tân Dân* không có người viết giỏi như bên báo *Phong Hóa* và nhà in của nhà xuất bản *Đời Nay* có máy móc tốt hơn, hiện đại hơn so với máy móc bên nhà in của nhà xuất bản *Tân Dân*. Sự thật, mọi việc đều ngược lại.

Như đã nói ở trên, ngoài những nhà văn trong nhóm Tự lực văn đoàn, những nhà văn Việt Nam còn lại, hầu hết những "đại gia" đương thời đều tập trung ở *Tân Dân*. Ấy vậy "nhiều sách giá trị của nhà văn bên ngoài (không phải những nhà văn trong nhóm Tự lực văn đoàn - VG) nằm đó ngáp dài với độc giả. Thật ra, quyển "Vang bóng một thời" của Nguyễn Tuân giá không được Thạch Lam khen trong Ngày Nay, chưa chắc đã bán chạy đến thế,

---

(1)+(2) Nguyễn Công Hoan: *Đời viết văn của tôi*, Nxb Văn học, H, 1971, trg 165-166, 175.

(3) Báo *Văn Nghệ-Hội Nhà văn Việt Nam*, số 51, ngày 21.12.1991, trg 14.

dù thời đó, trong văn giới, tên Nguyễn Tuân đã nổi như cồn"(1). Bản thân Vũ Đình Long cũng là người trong nghề, ông viết được nhiều thể loại và đã xuất bản nhiều đầu sách, ngay từ "năm 1921 đã viết kịch *Chén thuốc độc*, đăng ở báo *Hữu Thanh*"(2). Đặc biệt, Vũ Đình Long biết chiêu hiền đãi sĩ. Nguyễn Công Hoan đã nổi tiếng với *Kép Tư Bền*, với *Tắt lửa lòng*... vậy mà cho đến lúc về cộng tác với *Tiểu thuyết thứ bảy* của Vũ Đình Long mới hiểu và "ngạc nhiên hết sức, là cuối tháng ấy, tôi nhận được tấm ngân phiếu, trả nhuận bút. Tôi không ngờ viết văn lại có tiền"(3).

Kể về tài lực trong giới báo chí, xuất bản ngày ấy, nhóm Tự lực văn đoàn còn khiêm tốn lắm. "Ngày báo *Phong Hóa* in ở nhà Tân Dân, Vũ Đình Long có gặp Khái Hưng luôn"(4). "Sách nhà xuất bản *Đời Nay* của Nguyễn Tường Tam, in ruột ở nhà khác cho rẻ, nhưng đến cái bìa thì phải in ở nhà Trung Bắc"(5). Khó khăn không ít so với những tờ báo khác thế mà họ đã làm nổi đình nổi đám trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và... không có đối thủ cạnh tranh.

Theo Dương Quảng Hàm, "Công việc của Tự lực văn đoàn đã có ảnh hưởng về đường xã hội và đường văn học.

A- Về đường *xã hội*, cái biệt tài trào phúng của các văn gia phái ấy, cả trong thơ văn và trong các bức hí họa, đã làm rõ rệt cái dở, cái rởm, cái buồn cười, cái giả dối trong các hủ tục, thiên kiến của ta.

B- Về đường *văn học*, phái ấy đã gây nên cái phong trào "thơ mới" và làm cho thể văn tiểu thuyết được đắc thắng; phái ấy lại có công trong việc làm cho văn quốc ngữ trở nên sáng sủa, bình

---

(1) Nguyễn Văn Xuân: *Nhất Linh đã đóng góp gì cho văn học Việt Nam*, Tạp chí *Lửa thiêng*, S, số 1, tháng 12.1974, trg 70.
(2)+(3)+(4)+(5) *Đời viết văn của tôi*, Sđd, trg 94, 168, 179, 170-171.

giản, khiến cho nhiều người thích đọc."(1). Cái công thì đã rõ, nhưng phải công bằng mà nói rằng, khi người Pháp sang xâm chiếm nước ta, báo chí mới hình thành và từng bước phát triển. Báo chí ngày ấy dở hay hay là vấn đề lớn không thể nói một vài câu là đủ, song chúng ta không thể không thừa nhận, báo chí ngày ấy đã góp công rất lớn trong việc hình thành và phát triển chữ quốc ngữ; sáp nhập vào tiếng Việt nhiều danh từ mới về triết học, khoa học; giúp cho sự thống nhất tiếng nói của ba miền.v.v... Báo *Phong Hóa, Ngày Nay* không có đối thủ cạnh tranh suốt từ ngày thành lập cho đến ngày tan rã không phải vì họ có những truyện ngắn, truyện dài hay hơn các báo khác, mà vì họ biết làm báo, biết được độc giả của họ là ai và đang muốn cái gì. Và trên lĩnh vực này, Hoàng Đạo đã đóng góp khá lớn. Qua những mục : *Từng tuần lễ một, Người và việc, Công dân giáo dục, Vấn đề thuộc địa, Vấn đề cần lao, Chế độ nhân công.v.v...* Hoàng Đạo đã cung cấp cho bạn đọc một khối lượng kiến văn rất lớn mà hơn nửa thế kỷ qua không phải nhà báo nào muốn cũng có thể làm được.

Khi đọc lại *Phong Hóa, Ngày Nay*, Nguyễn Duy Diễn cho là họ có óc bè phái hẹp hòi. "Rất ít khi Tự lực văn đoàn khen những tác phẩm, hoặc những hoạt động ở bên ngoài nhóm mình (trừ trường hợp cuốn *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân). Những bài phê bình đối với sách báo bên ngoài nhóm, thường chỉ là những bài bông đùa tàn ác, có tính cách dìm người"(2). Nếu ta chỉ đọc báo *Phong Hóa* và *Ngày Nay* thì cách nào đó ta cũng có thể nghĩ như thế thật. Nhưng khi đọc thêm một số báo xuất bản cùng thời, thì ta có thể hiểu về thái độ của nhóm Tự lực văn đoàn lúc bấy giờ. Họ,

---

(1) Dương Quảng Hàm: *Việt Nam văn học sử yếu*, Trung tâm học liệu xb, S, 1968, trg 455.

(2) Nguyễn Duy Diễn : *Luận đề về Tự lực văn đoàn*, Thăng Long xb, S, 1959, trg 41.

trước sau chỉ 8 người, và các báo có chút tiếng tăm ngày ấy hầu như đều tập trung đả kích họ.

"*Phong Hóa* càng ngày càng xuống.

Tiểu thuyết thứ bảy càng ngày càng lên.

Ích Hữu, tờ báo thứ hai của nhà Tân Dân, mới xuất bản, rất được hoan nghênh.

Ba sự hiển nhiên ai cũng nhận thấy.

Các ông bên *Phong Hóa* lo *Tiểu thuyết thứ bảy* và *Ích Hữu* tuần báo "truy" mất hết độc giả của các ông, nên độ này các ông hoạt động dữ: Nào vẽ bìa, nào viết tự vị nhân vật, nào gièm *Ích Hữu*, nào dìm Nguyễn Công Hoan..."(1). Việc này, những người đương thời như Tô Hoài, Nguyễn Công Hoan đã ghi lại và trích dẫn ở trên, chúng ta đã rõ. *Hà Nội báo* số 15, ngày 15.4.1936, có ý kiến: "Ta sẽ hợp nhau lại, gây nên một "chiến tuyến" nhất tề công kích bọn họ, tất họ phải bối rối", vì "Báo *Phong Hóa* có một cái tội không thể tha thứ được: dìm đồng nghiệp, không có một cách cạnh tranh bất chính nào là *Phong Hóa* không dùng tới, để dìm đồng nghiệp xuống". Lời kêu gọi ấy, đã được nhiều tờ báo hưởng ứng: "Trang trên đã đăng lại bài dìm đồng nghiệp của *Hà Nội báo*, *Ích Hữu* số 6 đã có bài: "*Phong Hóa* gièm pha chúng tôi". Báo *Loa* số 31 nói: "*Phong Hóa* xấu bụng gièm pha". Báo *Đông Dương hoạt động*, số 2 nói: "Những cuộc... gièm pha đồng nghiệp... đã làm chán tai độc giả và... chỉ là để thỏa mãn lòng đố kỵ riêng là cùng". *Đông Dương hoạt động* số 4: "*Ngày Nay* chủ tâm công kích bạt mạng".

(*Ích Hữu* số sau sẽ trích đăng những số báo kể trên đây).

Vậy thời công kích bạt mạng, gièm pha để dìm đồng nghiệp là cái thói xấu của bọn *Phong Hóa, Ngày Nay*, một cố tật không

---

(1) *Tiểu thuyết tứ bảy*, số 97, ngày 4 Janv.1936, trg 976.

thuốc chữa. Đã vậy thời những lời công kích hay gièm pha của báo *Ngày Nay* chẳng có giá trị gì"(1). Do đó, theo tôi, cách tồn tại tốt nhất là buộc họ phải phản công, phản công một cách mạnh mẽ, quyết liệt. Nhưng qua những gì còn để lại, tôi thấy họ không đến nỗi "hẹp hòi" như Nguyễn Duy Diễn dựa theo những ý kiến vừa trích. Bài dẫn dưới đây tuy có dài, song tôi muốn ghi lại để người đọc hôm nay hiểu thêm về Hoàng Đạo, về văn đoàn Tự lực :

"NGÀY NAY KHAI CHIẾN VỚI HẾT THẢY CÁC BÁO Ở ĐÔNG PHÁP

BỨC TỐI HẬU THƯ CHO CÁC BÁO

(Annam Nouveau, Trung Bắc tân văn, Trung Hoa, Đông Pháp, Tiểu thuyết thứ bảy, Ích Hữu, La Patrie Annamite, Thẳng Tiến, Franco-Annamite, La Volonté Indochinoise, Tribune Républicaine, Bảo An y báo, L'Avenir, Hà Nội báo, Tin Văn, Cậu Ấm, Nouvelle Revue Indochinoise, Ý Dân, Sao Mai, Tiếng dân, Viện Âm báo, Du học báo, Văn học tuần san, Tràng An, Nghe thấy, Tân Tiến, Duy Tâm Phật Học, L'Effort, Tribune Indochinoise, Công Luận báo, Công giáo đồng thinh, Lục tỉnh tân văn, Đuốc nhà Nam, Le Populaire d'Indochinoise, Hoàn Cầu tân văn, Niết Bàn, Khoa Học phổ thông, La Lutte, Kịch bóng, Điện tín, Mai, Renaissance Indochinoise, Vivre, Le Paysan de Cochinchine, Hebdo-Revue, Le Khmer, La Vérité, Nam Thành Công giáo, Thương Mại, Nghề Mới, Les Cahiers de la Jeunesse, Indépendance, Tonkinoise, Khoa Học, Le Fonctionnaire Indochinoise, Sông Hương, Việt Nam, Nữ Lưu tuần báo, Thế Giới tân văn, Bắc Hà tuần báo, Tiến hành Công giáo, Đông Dương chớp bóng, Nông Công Thương Việt báo, Y Khoa tạp chí, Đàn bà mới,

---

(1) *Ích Hữu*, số 56, ngày 16 Mars 1937, trg 7. .

Poue le C.E.P.F.I., Le Cygne, Tương Lai, Sài Gòn báo.v.v...)

Còn báo nào chưa có tên ở đây, xin thứ lỗi cho chúng tôi vì không thể nhớ hết được. Từ khi chúng tôi ra làm báo, công kích báo khác cũng đã nhiều, mà được báo khác công kích cũng đã lắm. Nếu có tính tự kiêu, thì có lẽ chúng tôi đã tự ví mình với một lão tướng trải trăm trận, ngâm chơi câu thơ cổ :

"Nhất tướng công thành vạn cốt khô"

Nhưng xưa kia, công kích là công kích riêng từng báo một. Nay có một vấn đề trọng đại muốn nêu ra để chất vấn các đồng nghiệp, nếu cứ nói theo phương pháp cũ, thì không được tiện lợi. Thôi thì vơ đũa cả nắm, *Ngày Nay* khai chiến chung với hết thảy các báo trong toàn hạt Đông Pháp, từ báo chữ Pháp, qua báo quốc ngữ, cho chí báo chữ Tàu, chữ Lào hay chữ Miên.

Việc trọng đại ấy là vấn đề tự do ngôn luận. Từ ngày làng báo ra mắt, nghĩa là từ khi có làng báo, chúng tôi chỉ thấy có *Ngày Nay* là hiểu rõ sự trọng đại ấy (nói khiêm tốn). Ngày bỏ phòng kiểm duyệt, các báo đều ồn ào, kẻ bàn là dở, người cho là hay, duy có chúng tôi nom rõ sự thực : bỏ phòng kiểm duyệt không phải là tự do ngôn luận. Trái lại, trước kia, dưới chế độ kiểm duyệt tuy bà đầm, nàng nghễnh ngãng, khắc khổ tủn mủn, nhưng báo chí còn không lo sợ cho vận mệnh của mình lắm. Là vì bao nhiêu trách nhiệm đổ lên đầu bà kiểm duyệt cả, làng báo chí còn cái nhiệm vụ lừa bà ấy chơi. Đến bây giờ không thế nữa, nếu một tờ báo muốn sống, nghĩa là muốn có ảnh hưởng đến xã hội, đến dân chúng, phải thay bà lão kia tự kiểm duyệt lấy mình. Công việc ấy, riêng chúng tôi cho là chẳng thú lắm. Còn các ông, xem ra các ông lại lấy làm khoái trá thì phải, vì các ông không ai muốn tìm đừng thoát ly công việc ấy.

Các ông muốn lấy thế làm khoái trá, đó là quyền tự do riêng của các ông, nhưng các ông không có quyền dối độc giả. Vâng,

đối độc giả. Độc giả yên trí rằng bãi ty kiểm duyệt là ngôn luận được tự do. Các ông là người biết, hiểu, không hề nhấc ngón tay trỏ để cho họ biết rằng họ lầm. Duy có chúng tôi là tuyên bố rõ ràng về việc đó mà thôi.

Chế độ báo chí hiện thời, với những điều bất lợi kể trên, chỉ đem lại cho làng báo một điều lợi: là trước kia, muốn xin tự do ngôn luận cũng không há miệng ra xin được, mà bây giờ có thể há miệng yêu cầu. Ấy vậy mà các ông không biết cho. Các ông há miệng mà không thành tiếng, thàng câu gì: cái lối há miệng ấy là lối há miệng của con trai, con hến, chứ không phải lối há miệng của những cơ quan "mở đường dẫn lối cho quốc dân", "dắt quần chúng đến con đường văn minh", vân vân...

Các ông ở trong bóng tối như ông Phạm Lê Bổng cứ nằm ườn trong báo *Xứ Sở* của ông ta, không biết hay không muốn tìm đến ánh sáng. Ánh sáng là tự do ngôn luận, là cái "quyền thứ tư" trong một nước. Ánh sáng sẽ giúp ta, cho chúng tôi, cho các ông mưu việc cải cách xã hội, đưa dân chúng tới cõi biết, tới nền văn minh.

Vậy mà các ông tìm đến ánh sáng, lại cố tình đem những chuyện vô vị ra bàn tán. Các ông hết cãi vã nhau về lập hiến với trực trị, lại cãi nhau về rốn ông Lục với bụng ông An, mũi ông Long và miệng ông Chiếu. Các ông cãi nhau về những thuyết lý mơ màng, quên không thấy thực sự. Thực sự là : dân chúng hầu hết là dân quê. Giải quyết những vấn đề liên lạc đến dân quê (các ông đã thừa biết những vấn đề gì), là để ý đến dân chúng. Vậy mà không biết vì lẽ gì, đương lúc đợi phái bộ điều tra Pháp, các ông im lìm không đả động tới, đả động tới dân quê và đả động tới sự tự do ngôn luận là một phương pháp màu nhiệm để dìu dắt dân quê. Như thế là các ông đã không làm đủ nhiệm vụ của các ông, các ông để dân quê sống vất vơ, vất vưởng, thì các ông thực cũng đáng sống vất vơ vất vưởng dưới cái chế độ nửa đời nửa đoạn hiện giờ.

Còn các báo chữ Tây, được sống trong chế độ rộng rãi hơn chế độ nghị định 4-10-27 - không kiểm duyệt, không phải xin phép cũng không ai đóng cửa được. Các báo ấy no bụng nên không nói gì đến các bạn đồng nghiệp ở tình cảnh eo hẹp hơn. Các ông vỗ bụng ích kỷ, mặc người khác. Những báo *Avenir du Tonkin, Volonté Indochinoise, Tribune Indochinoise, Patrie Annamite*... đều "lờ" đi, không nói gì đến chế độ báo chí quốc ngữ. Mỗi lần một tờ báo bị đóng cửa, những tờ kia cũng vẫn an nhàn bằng chân như vại, không cất lên nửa tiếng bênh vực nhau. Các ông vì không hiểu bổn phận mình ở đâu, hay là vì các ông không muốn cho chúng tôi được hơi hơi tự do như các ông, sợ chúng tôi bình đẳng với các ông chăng ?

Những câu hỏi gắt gao ấy chúng tôi nêu lên, mong các ông trả lời cho nghe, hay nói một cách văn hoa, kiểu cách hơn, xin đợi cạo kiến của qúy vị đồng nghiệp. Báo Nam hay báo Tây, xin ngỏ cho chúng tôi biết :

1- Chế độ báo chí hiện thời có phải là chế độ mỹ mãn, chế độ lý tưởng không ?

2- Tự do ngôn luận có lợi thế nào ? Kể ra.

3- Tại làm sao các ông không đả động đến vấn đề này ? Các ông cho là vấn đề không quan trọng hay là các ông thích sống trong sự tối tăm, trong tình cảnh bức bách, eo hẹp ? Hay là vì một lẽ khác ?

Mấy câu hỏi đó xin các ông mau mau trả lời cho biết, bằng không, tức là các ông chịu thua, tức là các ông vui lòng nhận đã phạm vào những tội dối độc giả và mong cho dân chúng không ra tới ánh sáng, tức là các ông đáng để cho các báo của ông bị đóng cửa kín mít như bưng.

HOÀNG ĐẠO "(1)

---

(1) *Ngày Nay*, số 31, ngày 25 Oct.1936, trg 367.

Nếu họ thật sự hẹp hòi với anh em trong làng báo, thì họ không đời nào cái thái độ ấy. Như chúng ta đã biết, Toàn quyền Brévié là người của tả đảng, một người tin cẩn của ông Moutet, của chính phủ bình dân đã đến Sài Gòn với hi vọng muốn nhân dân Việt Nam tin cậy vào chính sách mới, "tin cậy vào nước Pháp là nước đầu tiên đã chịu nhiều nỗi thống khổ trên con đường tự do, và đã đưa các nước vào con đường ấy. Điều mong ước hơn hết của ông là nâng cao ngay trình độ về tinh thần và vật chất của quần chúng lao động đương mong sống một cuộc đời êm ấm hơn"(1). Theo Hoàng Đạo: "Tự do ngôn luận, chúng tôi cần phải nhắc lại nhiều lần, là một phương pháp mầu nhiệm để quảng thông những tư tưởng của nền tảng văn minh mới"(2) và "mong rằng ông Toàn quyền của chính phủ bình dân sẽ vui lòng xếp bỏ chế độ báo chí chật hẹp hiện thời, cắt đứt những dây trói buộc các cơ quan ngôn luận chữ quốc ngữ"(3).

Nhưng, "chế độ báo chí chật hẹp hiện hành vẫn theo đuổi công việc phá hoại của nó, tờ *Dân quê* của ông Phan Trần Chúc ra đời chưa được 5 số, bỗng có tin bị thu hồi giấy phép. Một tin lại hơn nữa, là tin tờ *Việt Nam* bị đóng cửa, tờ *Việt Nam* của một nhà chính trị có tiếng và có quyền ở trong Nam, ông Nguyễn Phan Long. Cũng như mọi lần, những tờ báo bị đóng cửa không được rõ vì cớ gì số phận mình lại mong manh như thế. Cũng như mọi lần, những tờ báo ấy không có quyền tự bênh vực lấy mình. Cũng như mọi lần, hội đồng chính phủ là một hội đồng hầu hết là người Pháp, định đoạt số mệnh một tờ báo mà họ chưa từng đọc tới, có khi chưa từng biết đến tên. Cũng như mọi lần, một số đông người làm công trong tòa báo bỗng tự nhiên bị xô đẩy vào nạn thất nghiệp, với những nạn đói, rét...Tấn bi kịch thường xảy ra lại đem ra diễn

---

(1)+(2)+(3) *Ngày Nay*, số 44, ngày 24 Janv. 1937, trg 682, 682, 682.

lại, không biết bao giờ mới thôi"(1). Và họ, trực tiếp là Hoàng Đạo "khai chiến với hết thảy các báo ở Đông Pháp" là điều đáng trọng hơn là phê phán. Còn việc họ có ý "bông đùa tàn ác có tính cách dìm người" như Nguyễn Duy Diễn đã nói, thì cũng chưa hẳn. Những người được họ đề cập đến hầu hết là những người có những thói, tật cần nên bỏ. Qua bài *Ong Nghè Tường*, ta có thể hiểu thêm cách "dìm người" của họ: "Có người ngờ ngẩn hỏi sao mấy năm trước đây, khi ông.Nghè Tường lần đầu về nước và trong thời các báo nhao nhao công kích ông ta, chỉ báo *Phong Hóa* một mình bênh vực. Đến nay, không ai đếm xỉa đến ông ta nữa thì lại một mình *Ngày Nay* (với những người chủ trương báo *Phong Hóa*) lôi ông ra mà công kích.

Điều ấy có gì là khó hiểu, có gì mà phải lấy làm lạ.

Khi ông Nghè Tường mới về nước, chúng tôi khen ông ta, là vì muốn giục ông ta làm việc cho đồng bào. Của đáng tội, chúng tôi hi vọng vào ông ta nhiều qúa. Vả lại, lúc bấy giờ, ông ta cũng chưa phạm điều gì đáng trách.

Nhưng, ngày nay thì khác hẳn. Những sự hi vọng của chúng tôi đã tan ra hơi khói cả rồi. Giá ông ta cứ cam chịu là một người vô vị, hay yên phận đi dạy học kiếm ăn như các ông Nghè, ông Thạc khác thì đã đi một lẽ. Đằng này không, ông ta lại thét to vào tai mọi người cho người ta hiểu rõ sự vô vị của ông ta. Vì thế nên ông ta mới trở nên ông Trạng La vậy.

Cùng một người, làm việc hay chúng tôi khen, làm điều lỗi chúng tôi chê, đó là con đường từ xưa chúng tôi vẫn đi. Ong Tản Đà uống rượu, chúng tôi trách; ông Tản Đà làm thơ, chúng tôi khen. Ong Phan Khôi làm báo, chúng tôi yêu; ông Phan Khôi thất cổ cô lý luận, chúng tôi riễu... Có như vậy, mới tỏ ra là độc lập, là

---

(1) *Ngày Nay*, số 42, ngày 10 Janv.1937, trg 633.

tự chủ, chứ cứ nhắm mắt theo mệnh lệnh của đồng tiền hay của ông chủ thì chỉ là hành vi của tiểu nhân.

Một ngày kia, ông Tường trở nên nhũn nhặn, biết điều và ra sức làm việc cho người, thì ngày ấy, đừng ai lấy làm lạ khi thấy chúng tôi khen ông ta"(1).

Việc ấy khá rõ qua trường hợp Tản Đà. Sau nhiều năm làm báo thất bại, Tản Đà về với Vũ Đình Long. "Vì cái khuynh hướng về văn nghệ, *Tiểu thuyết thứ bảy* đã rộng mở văn thơ, thêm nhà thi sĩ Tản Đà trong bộ biên tập, việc ấy đã được phần đông bạn độc giả yêu qúi biểu đồng ý"(2). Ấy mà chẳng mấy ngày, Tản Đà về cộng tác hẳn với nhóm Tự lực văn đoàn cho tới lúc qua đời, dù chẳng được cái "vinh dự" ở trong bộ biên tập như ở *Tiểu thuyết thứ bảy*. Sau khi Tản Đà qua đời, báo *Ngày Nay* vận động quyên góp ở những bạn đọc yêu qúi con người và thơ văn Tản Đà. Gần ba tháng sau (tháng 8 năm 1939), Thạch Lam có viết: "Nhà thi sĩ Tản Đà mất đi đã được gần ba tháng. Cái việc đáng chú ý nhất là dấu hiệu cảm tình của khắp người trong nước đối với gia quyến nghèo của thi sĩ. Hưởng ứng tiếng gọi của báo chí, tất cả những người yêu chuộng văn ông - mà họ rất nhiều, từ Bắc đến Nam - đã gom góp gửi tiền về giúp đỡ. Trong cái tang bất ngờ đau đớn, người qủa phụ chắc cũng đôi chút tự an ủi vì những cảm tình chân thật mà bà thấy ở chung quanh mình. Có lẽ sự đó đã khiến bà can đảm nối chí của chồng xưa: chúng ta được tin rằng *Tản Đà thư cục* lại mới thành lập để sưu tầm và xuất bản toàn văn thơ của thi sĩ. Đấy là một tin đáng mừng và chúng ta mong mỏi cho Tản Đà thành công được trong cái việc thiêng liêng đó.

Tuy vậy, khi nhìn lại làn sóng cảm tình của mọi người đối với thi sĩ, chúng ta cũng không khỏi có đôi chút ngậm ngùi. Giá

---

(1) *Ngày Nay*, số 80, ngày 10 Oct.1937, trg 833.
(2) *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 26, ngày 24 Nov.1934, trg 256.

những cảm tình ấy cũng biểu lộ rõ rệt như thế ngay hồi thi sĩ còn ở đời... Có lẽ sự sống của thi sĩ và gia quyến được dễ chịu và rộng rãi hơn, có lẽ thi sĩ khỏi phải bận tâm vì những cái thiếu thốn nhỏ mọn hàng ngày, đã sản xuất được nhiều tác phẩm qúy báu hơn"(1). Vài cứ liệu ấy, cho ta có cái nhìn tương đối đầy đủ hơn về con người và việc làm của nhóm Tự lực văn đoàn.

Cái thói, tật của con người thời nào không có, nhưng điều quan trọng là khi phê thì phải phê cho đúng, và người phê không được vấp vào những chuyện mình cũng chẳng thơm tho gì mà chê người khác hôi. Ở đời, thiếu gì người phê phán kẻ khác chỉ vì mình không bằng họ, nói cho rõ hơn là ghen ăn ghét ở. Chúng ta chịu khó đọc thêm một số báo nữa để thấy Hoàng Đạo "dìm người" ra sao, và có phải vì không bằng người mà sinh ra oán, sinh ra ghen ăn ghét ở hay không ?

"Báo Đông Dương (Indochine) trong Nam mở cuộc thi truyện ngắn viết bằng Pháp văn. Bài *Tình xưa* (Eurydice) của ông Nguyễn Tiến Lãng được giải nhất.

Lẽ tự nhiên là ông Lãng vui lòng xuất bản quyển sách đó. Lẽ tự nhiên là nhiều độc giả hoan nghênh. Riêng có một điều không được tự nhiên cho lắm, là ngoài bìa quyển sách ấy, ông quên không biên "giải thưởng của báo Đông Dương", ông lại đề "Giải thưởng Đông Dương", làm cho ai nấy bàng hoàng không biết có phải ông được giải thưởng của toàn xứ Đông Dương không?

Tại sao ông Lãng lại có cái mỹ ý để cho độc giả ngờ lầm như vậy, chỉ có ba lẽ sau này có thể giải thích được :

Một là ông muốn giương danh.
Hai là ông muốn giương danh.

---

(1) Thạch Lam: *Theo giòng*, Nxb Đời Nay, H, 1941, trg 53-54.

Ba là ông muốn giương danh"(1).

hoặc bài *Ông Hi... Đình cười lại* : "Trong bài Haif-Đamf (Haiphơ-Đamphơ), ông Hi Đình bàn về tú tây và tú ta, cười sặc sụa, nức nở rằng :

Không tây mà cũng chẳng ta,
Một là "Tú Mỡ" hai là "Tú Xơn".
Nghề riêng sao khéo đua hơn,
"Tú Mỡ" hay béo, "Tú Xơn" hay buồn.

Xem thế thì biết cái đặc sắc của "Tú Mỡ" là béo, mà cái đặc sắc của "Tú Xơn" là buồn, cũng như cái đặc sắc của Hi Đình là viết hài đàm không buồn cười vậy.

Viết xong lại cười một mình,
Cười người hay chỉ cười mình đấy thôi.
Đáng cười thay ! Cái thằng tôi.

Nếu thế thì đáng cười thật.

Ai đọc bài hài đàm ấy cũng phải ôm bụng buồn buồn... mà không cười cười vậy."(2).

Đúng như Đinh Hùng từng nhận xét :"Thuở ấy, nhóm Tự lực văn đoàn rất sẵn kẻ thù. Các đồng nghiệp thân mến chỉ chờ đợi cơ hội nắm được bất cứ một sơ hở nhỏ nào của báo *Ngày Nay* để mà xúm vào tấn công hạ uy thế những kẻ xưa nay vốn được đời tín nhiệm"(3). Ngày ấy, đường như không có việc gì của nhóm Tự lực văn đoàn mà không bị đồng nghiệp để ý, dù rằng việc rất nhỏ, chẳng đáng để đồng nghiệp bận tâm :"Tứ Ly nhận được bức thư của một bạn đọc hỏi thăm về việc Tứ Ly ngã gãy tay... trong mộng, vội viết bài này tạ tấm thịnh tình của bạn. Xin lỗi bạn, chép bức

---

(1) *Phong Hóa*, số 62, ngày 1er Sept.1933, trg 5.
(2) *Phong Hóa*, số 72, ngày 10 Nov. 1933, trg 5.
(3) *Đốt lò hương cũ*, Sđd, trg 72.

thư của bạn ra đây :

Vừa hay tin ở báo Đông Pháp
Lê Tứ Ly bị xe đạp đụng gãy tay
Xiết bao kinh hoảng về việc này
Vội viết mấy lời lên thăm hỏi...
Trách Tứ Ly tử sao không xem bói
Lại để cho Tứ Ly phải bó cánh tay
Hẳn từ nay mất tiếng thầy hay
Tứ Ly tử hết khua môi cùng múa mép.

Người bạn của Phong Hóa

Văn Lợi, *Bạch Mai*

Tứ Ly sờ hai tay, không thấy lấy được một vết thương, ôm đầu nghĩ ngợi, không nhớ được lúc nào ngã xe đạp, nhưng biết đâu, tờ *Đông Pháp* đã đăng vậy, biết đâu tờ ấy lại không biết hơn Tứ Ly ? Tứ Ly không gãy tay, nhưng *Đông Pháp* bảo Tứ Ly gãy tay, là Tứ Ly gãy tay rồi..."(1). Đã vậy, cái trò đời thấy người ta ăn khoai, xách mai đi xoi nào có thiếu. Khi thấy báo *Phong Hóa* có độc giả, thì thị trường báo chí ngày ấy cũng liền có những mấy "bản sao", và Hoàng Đạo lên tiếng : "Húng mọc, tía tô cũng mọc, đó là lẽ thường, nhưng tía tô có mọc cũng tự nó mọc không cần đến ai. Con bò kia nhai lại, nhưng chẳng qua nó nhai lại cỏ của nó ăn, đến như "theo voi ăn bã mía" mới thực là tính cách đáng khen.

Tiểu thuyết tuần san vẫn biết những lẽ đó lắm, nên chỉ những câu chuyện nào của *Phong Hóa* nhả ra rồi, *Tiểu thuyết tuần san* cũng vui lòng mà hít lại.

Nhưng hít bã cũng không phải là dễ dàng đâu. Phải có can

---

(1) *Phong Hóa*, số 71, ngày 3 Nov. 1933, trg 5.

đảm, phải có khối óc thông minh lắm mới được"(1). Hoặc, ông "cười" thói nịnh hót :" Có tin ông Hoàng Trọng Phu xin về hưu, ông đã già lắm rồi, nên muốn lùi chân nhường chỗ cho người khác, trẻ hơn.

Nhưng báo *Xứ sở Annam* của ông Phạm Lê Bổng cho là sự hại lớn cho dân Việt. Trong luôn hai kỳ, báo *Xứ sở*.van lạy ông Hoàng Trọng Phu nên nghĩ lại cho dân nhờ. Báo ấy lại đăng cả bài tán dài dằng dặc nói là của một người trẻ tuổi viết. Xin trích đăng mấy đoạn thống thiết như dưới :

"Như một làn chớp nhoáng bỗng ủ trời quang, tin quan đại thần Hoàng Trọng Phu bỏ hoạn trường đã dìm cả nước vào trong sự khủng khiếp vô cùng và đã lan ra nhanh như dường thuốc súng.

... Một thứ cảm giác truyền nhiễm đại đồng, làm náo động hết thảy các trái tim. Một sự buồn bã khó chịu bỗng đè lên tinh thần của quan trường. Và một cái rỗng mênh mông đau đớn, không có gì lấp được, đã bắt đầu làm dân chúng cần cù cảm thấy... Thật vậy, nếu muốn tả sự tưởng của dân gian và của những người đã đến gần quan đại thần Hoàng Trọng Phu, thì phải tặng ngài chức "phụ mẫu chi dân".

... Chỉ nên nói một cách giản dị rằng : đại thần là tinh thần mới trong một linh hồn cổ, và đối với mất trẻ hay mất già, đại thần cũng là đại biểu của những di phong mạnh khỏe và vinh hoa của nước Nam thuả xưa. Đối với mọi người, ngài hiện ra như người gác và chau rồi của ngọn lửa Annam".

Thật là một bài văn mạnh khỏe và văn hoa, chỉ tiếc rằng bài ấy chỉ ký tên :"một người Annam trẻ tuổi" thành ra không biết tác giả là ai, khiến người đọc nghi nghi hoặc hoặc, không rõ ông Bổng

---

(1) *Phong Hóa*, số 72, ngày 10 Nov. 1933, trg 5.

hay là ông Bình"(1).

Nhìn một cách tổng quát, bước đầu ta có thể nhận thấy rằng, báo *Phong Hóa, Ngày Nay* nói chung, Hoàng Đạo (Tứ Ly) nói riêng chẳng ghét bỏ chi ai. Họ chỉ cười cái thói rởm đời của một số người, chê những kẻ đã mua danh ba vạn mà bán danh chỉ ba đồng, trách đại bộ phận dân quê chưa nhận ra được chính mình giữa cõi đời này, lên án những lề thói lỗi thời tồn tại bao đời qua buộc con người phải hèn phải nhược.v.v... Khi ông Phạm Quỳnh bỏ làm báo, nhận làm thượng thư cho triều đình Huế, họ không ngại lên tiếng cho rằng, báo *Nam Phong* chính là "thang mây của ông Phạm Quỳnh"(2). Trước đó, để cung cấp cho bạn đọc những thông tin về những vị đại quan này, Tứ Ly có "*Những cuộc điều tra phỏng vấn không tiền khoáng hậu*". Và Tứ Ly đến gặp thượng thư Phạm Quỳnh - người mà thiên hạ vẫn cho là đứng đầu lục bộ của triều đình thời bấy giờ. Với Tứ Ly, hồi còn làm báo, Phạm Quỳnh là "một con phượng hoàng trong đàn gà "báo chí""(3), nhưng bây giờ thì tất cả đều khác, "chỉ có cặp kính trắng với cái lưng hơi gù là vẫn y nguyên"(4). Qua một hồi "tâm sự", Tứ Ly nhận ra rằng "cả đến người Phạm tướng công cũng là biểu hiện của sự dung hòa đáng yêu kia: cái khăn xếp bằng nhiễu tây, cặp kính trắng của tây làm, đôi giày ban, bấy nhiêu vết tích của nền văn minh Âu-Mỹ trong những vết tích của nền văn minh Tàu: áo gấm hồng, quần lụa Thượng Hải..."(5).

Với thượng thư bộ công và bộ mỹ thuật Tôn Thất Quảng, thì đã cho Tứ Ly cái ấn tượng ban đầu của một trong những vị "lúc nào cũng nghĩ đến dân, nước, chỉ mong dìu dắt đàn em con bé dại

---

(1) *Ngày Nay*, số 43, ngày 17 Janv.1937, trg 659.
(2) *Ngày Nay*, số 6, ngày 2 Avril 1935, trg 13.
(3)+(4)+(5) *Phong Hóa*, số 141, ngày 22 Mars 1935, trg 3.

vào nơi văn minh sáng tỏ"(1) là: "Ong ngồi bệ vệ trên sập gụ, mặt to mà béo, lông mày sếch, ria mép lún phún, tay trái cầm cái xe điếu trúc dài đương hút thuốc lào. Cái xe điếu mềm cong. Một người lính hầu đương châm lửa vào nỏ điếu"(2). Nói chuyện với Tứ Ly một hồi, cha mẹ dân quát lớn:

"- Bay đâu ?

Tôi giật mình.

- Châm thuốc tao hút đây !"(3).

Và Tứ Ly tiếp tục khắc họa chân dung đại thần Tôn Thất Quảng :

- Bẩm vâng. Đại nhân làm nhị bộ thượng thư, như vậy là có tài lắm. Chúng tôi xin hỏi ông thượng thư bộ mỹ thuật trước.

Tôn đại nhân vội xếp lại nếp áo cho chỉnh tề, vuốt lại mái tóc, đội lại cái khăn cho ngay ngắn, lấy cái lược con chải lại bộ râu mép cho có vẻ mỹ thuật, rồi ung dung dõng dạc đáp :

- Bản chức xin nghe...

- Bẩm, đại nhân coi về bộ mỹ thuật chắc am tường bộ mỹ thuật lắm. Đại nhân hẳn nghe thấy nói kiểu áo mới của Cát Tường. Vậy đại nhân nghĩ, nên để cổ áo "bờ thành" cũ hay nên đổi lấy cổ áo bành bẻ ?

Tôn đại nhân nghĩ một lúc, rồi đáp :

- Cũ, mới đều hay cả. Cứ theo ý bản đường thì thì tùy ý, ai muốn may cổ gì thì may, miễn là có cổ là được rồi.

- Vâng, đại nhân dạy chí phải. Xin chỉ giáo cho một điều nữa. Quần tân thời nên may một nếp hay là hai nếp ?

Không ngần ngừ, Tôn đại nhân trả lời :

---

(1)+(2)+(3) *Phong Hóa*, số 139, ngày 8 Mars 1935, trg 3.

- Hai nếp. Là vì một là "nhất", mà chữ nhất thường dân không được dùng...

- Bẩm, thế còn răng đen, thường dân cạo làm răng trắng có được không ạ ?

- Bản chức muốn bắt nhuộm răng đen hết. Là vì răng đen là một cách bài trí mỹ thuật riêng của nước Nam. Vả lại, màu trắng là màu buồn dùng về việc tang, vậy để răng trắng thì có khác gì đội khăn sô.

(...)

- Thưa đại nhân, ngài có nghĩ đến mỹ thuật nước nhà không?

Tôn đại nhân giở sổ ra xem, rồi trịnh trọng phán rằng :

- Có, bản chức bao giờ cũng tìm cách chấn hưng mỹ nghệ trong nước. Hiện bộ mỹ thuật đang nghĩ chế giấy dán vào bao chè và phong thuốc lào cho có vẻ mỹ thuật để làm quảng cáo cho đồ nội hóa... Bản chức còn nghĩ nhiều cách khác, thí dụ như... như...

Tôn đại nhân vỗ trán, nói :

- Ồ, bản chức quên mất rồi... Thôi để khi khác."(1).

Đó là công việc "nặng nhọc" của bộ mỹ thuật, còn công việc bộ công ra sao ?

"- Bản chức nói ông biết. Bản chức bận về công việc suốt ngày, lúc thì sửa sang dinh điện trong Hoàng thành, lúc thì đốc sức chữa thuyền rồng, không mấy lúc được ngơi"(2). Và thuyền rồng ấy sẽ có một ngày... "Đức Bảo Đại là người Annam, hoàng hậu lại là người dân tây. Như vậy, theo luật, hoàng tử và công chúa sau này sẽ là dân tây hết... Thành ra, một ngày kia, có thể sẽ có một người

---

(1)+(2) *Phong Hóa*, số 139, ngày 8 Mars 1935, trg 3.

dân tây lên ngôi hoàng đế Annam"(1). Nghe thì cứ tưởng như... chơi. mà chẳng chơi chút nào, bởi đó là sự thật của lịch sử của đất nước ta ngày đó. Nhân dân ta ngày đó sống một cổ những hai ba tròng. Với chính sách chia để trị, thực dân Pháp đã chia đất nước ta làm ba kỳ: Nam kỳ, Trung kỳ, Bắc kỳ. Mỗi nơi là một vùng lãnh thổ với những luật lệ khác nhau, thậm chí ở cùng một vùng cũng có luật pháp khác nhau. Ngay cả hai ông chủ nhiệm (cũ và mới) của báo Dân xuất bản ở Huế là Nguyễn Đan Quế và Nguyễn Xuân Các cũng phải ngậm bồ hòn làm ngọt, huống gì phần lớn nhân dân còn ở tình cảnh mù chữ :"Kết qủa: tòa Nam An Thừa Thiên phạt ông Quế 8 tháng tù hay 80 đồng, ông Các 6 tháng tù hay 60 đồng và cả hai ông đều mất hết công quyền.

Đó là một điều lạ. Theo lý luận và theo luật, thì ông chủ nhiệm không có trách nhiệm, duy chỉ có ông quản lý (gérant). Nhưng tìm lý luận và sự đúng luật ở tòa Nam An thì mất công nhiều lắm.

Một điều lạ nữa là tòa Nam An xử phạt hai ông chủ nhiệm, mà chính phủ Bảo Bộ lại thu giấy phép xuất bản tờ báo. Thế thì tờ báo ở trong Trung ở vào cái chế độ nào ? Nếu chính phủ Pháp thu giấy phép, thì báo chí phải ở dưới chế độ báo chí của chỉ dụ Varenne mới đúng; mà nếu chính phủ Nam Triều có quyền truy tố báo chí, thì giấy cho phép xuất bản còn có việc gì đến phủ Toàn quyền ! Đằng này không; một cổ những hai tròng, thế mới thú vị... cho kẻ cầm tròng. Nhưng thật khốn khổ cho cổ bị tròng và cho cả công lý nữa "(2).

Dã tâm của ngoại bang là vậy, nhưng ngày ấy đã có không ít người ủng hộ. Vô tình hay cố ý, hay vì lý do nào đó, ta không thể

---

(1) *Ngày Nay*, số 4, ngày 1er Mars 1935, trg 3.
(2) *Ngày Nay*, số 134, ngày 29 Oct. 1938, trg 5.

phân tích giản đơn vài ba câu là đủ, và "Không biết tự bao giờ sinh ra tiếng Nam kỳ, Trung kỳ, Bắc kỳ để cho một nước hóa ra ba nước.

Những người có tri thức đều lấy làm buồn cho ta, vì sự phân chia Nam Bắc làm cho người cùng một nước coi như người khác giống. Nhưng bọn vô học thức nào có biết đâu xưa kia, ở chốn thôn quê lặng lẽ đã có câu hát : *Nhiễu điều phủ lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng*. Họ có biết đâu xưa kia, dân ta cùng một lòng mở cõi, từ bắc xuống nam, phá Chiêm Thành, thị oai với Ai Lao, Diến Điện, bảo hộ nước Cao Miên...

Ngày nay, chính làng báo ta, tuy nát bét, nhưng cũng phải tự cho nghĩa vụ mình là bảo cho họ biết...

... Cho họ biết rằng Nam, Bắc không khác gì nhau, và những tiếng "xứ Nam kỳ", "xứ Bắc kỳ", "xứ Trung kỳ" là những tiếng nên bỏ quách như tiếng "quan".

... Cho họ biết rằng Xã, Yến hay Bổng, Tiến thắng hay bại là việc của họ, không có can dự gì đến danh dự của Nam hay Bắc.

... Cho họ biết rằng những đội ban Gia Định, Victoria. Eclair, Seph, không phải là những đội ban đứng đại diện cho "Nước Bắc kỳ" hay "Nước Trung kỳ" để tranh tài với "Nước Sài Gòn".

... Cho họ biết rằng cả nước Nam chỉ là một, quyền lợi nghĩa vụ đều chung, mà người của Nam hay Bắc toàn là người nước Nam cả, không khác nhau mảy may.

Nếu không, nước Nam không phải là... nước Nam mà làng báo ta chỉ là làng xôi thịt mà thôi"(1).Với Hoàng Đạo, thì "Nam kỳ, Trung kỳ, Bắc kỳ là ba kỳ của một nước, nước Việt Nam, của

---

(1) *Phong Hóa*, số 137 ngày 22 Fév.1935, trg 2.

một dân tộc, dân tộc Việt Nam"(1). Ở vấn đề này, qua mục *Công dân giáo dục*, Hoàng Đạo đã phân tích khá kỹ cho bạn đọc biết vì đâu mà đất nước ta phải chia làm ba kỳ như vậy. Những bậc cha mẹ dân đã không những không cần biết, mà còn gây nên những khó khăn cho dân. Vô tình hay hữu ý, một số việc làm của những bậc quyền cao chức trọng ngày ấy đã góp sức cho chính sách ngu dân của thực dân. Và Hoàng Đạo lên tiếng: "Các báo đăng tin rằng ở Tourane mới có một cuộc tịch thu sách vở dữ dội.

Nhà bán sách Việt Quảng và nhiều nhà khác bỗng một hôm được ông cẩm đến chơi và tịch thu chơi nhiều sách, nào Phong trào đình công, Thế giới mới và thế giới cũ, nào Chính trị, Kinh tế chỉ nam, Tư bản Đông Pháp... và các thứ sách khác

Hỏi ra, mới biết rằng những sách đó, bộ Lại của ông Thái Văn Toản có nghị định cấm không cho lưu hành trong địa hạt miền Trung.

Nhưng Tourane là một nhượng địa Pháp như Hà Nội hay Hải Phòng. Ở đấy, nghị định của ông Thái hay ông Toản không có giá trị gì. Muốn cấm sách lưu hành ở đấy, cần phải có nghị định của ông Toàn quyền. Vậy cuộc tịch thu kia trái với luật pháp, và các nhà bán sách hay xuất bản sách có quyền kiện chính phủ lấy tiền bồi thường chơi.

... Trừ ra khi nào Tourane không phải là nhượng địa nữa và giao trả Nam Triều. Nếu có thật vậy, thì cũng nên mừng cho ông thượng bộ Lại họ Thái"(2).

Và, ông thượng bộ Lại họ Thái là ai ? Theo Tứ Ly, thì "Thái đại nhân xuất thân làm thư ký hay tham tá, rồi chẳng bao lâu làm việc mẫn cán được sung chức ngự tiền văn phòng hầu đức tiên đế,

---

(1) *Ngày Nay*, số 182, ngày 7 Oct.1939, trg 17.
(2) *Ngày Nay*, số 79, ngày 3 Oct.1937, trg 813.

công trạng một ngày một hiển hách cho đến bây giờ, đại nhân là người làm danh giá cho nước nhà, và đáng làm kiểu mẫu cho dân gian..."(1). Quan thượng bộ Lại ăn cơm vua hưởng lộc nước bận tâm suy nghĩ những gì ? "- Tay áo thụng cắt ngắn đi thì có lẽ tiện hơn, song sẽ làm giảm mất vẻ đường hoàng của đại thần lúc tế lễ. Cứ lấy bộ đại triều phục hiện thời, bản đường còn e rằng kém vẻ lộng lẫy nữa cơ đấy...

- Đại nhân thực là đèn trời... Đại nhân đã nghĩ vậy, sao không bàn nên chế lấy bộ đại triều phục có vẻ lộng lẫy, kiểu diễm hơn. Chứ theo ngu ý, thì nên lấy nạm vàng bọc lên mũ cánh chuồn cho thêm lóng lánh, thêu kim tuyến lên áo thụng, vẽ mây ngũ sắc, dát ngọc vào đôi hia lớn, và chạm rồng lên chiếc thẻ bài ngà...

Thái đại nhân vừa nghe vừa gật gù, rồi thận trọng đáp rằng :

- Lời ông bàn nghe cũng hữu lý... đáng để cho bản đường bận tâm nghĩ đến"(2).

Nói đi cũng phải nói lại, nếu tất cả những cụ thượng quan đầu triều ngày đêm mãi "bận tâm" như cụ thượng bộ Lại, thì không đúng lắm. Cụ thượng bộ Xã dân kinh tế Nguyễn Khoa Kỳ từng được "báo *Xứ Sở* ca tụng tâm đức với trí đức của một nhà cai trị siêu việt" đã có cuộc trao đổi trực tiếp với Hoàng Đạo và cho rằng, "Xã dân nước Annam nghèo khổ lắm. Tôi phải đem hết tài lực ra mới có thể làm cho họ hơn lên được"(3). Mừng thay ! Mừng thay ! Và cụ thượng bộ Xã dân kinh tế đã có chương trình gì hay để giúp dân nghèo khá hơn, giàu hơn ?

"Cụ lớn kinh tế bứt mấy chiếc râu, rồi chỉ vào cái hòm mà tôi đã thấy ở bên cạnh ngài, mà rằng :

- Ong có trông thấy cái hòm này không ?

---

(1)+(2) *Phong Hóa*, số 140, ngày 15 Mars 1935, trg 3.
(3) *Phong Hóa*, số 146, ngày 26 Avril 1935, trg 2.

- Bẩm có.

- Hòm này, sơn son, thiếp vàng, vẽ rồng mây lên trên, ông có trông thấy không ?

- Dạ, bẩm chúng tôi trông thấy... Chúng tôi trông thấy cả cụ ngồi bên cạnh cái hòm son sọn ấy nữa ạ.

- Thế thì tốt lắm. Cái hòm này, bản chức gọi là hòm Phước sương, tức là một trong nhiều cách bản chức sẽ dùng để bồi đắp cho nền kinh tế được vững vàng. Cách này bản chức đã dùng lúc còn làm quản đạo ở Phan Rang, được việc lắm. Bản chức sẽ để ở ngoài cửa nha của bản chức, dặn lính rằng hễ ai đi qua là xin bỏ vào đó một, hai xu, năm. ba hào, tùy theo lòng thành của bần dân thiên hạ. Ong có trông thấy cái khe thủng trên nắp hòm không ?

Tôi nhìn rồi thong thả đáp :

- Bẩm có.

- Cái khe ấy là diệu kế của ta đó. Bần dân thiên hạ sẽ bỏ vào đấy tiền , súc tích càng ngày càng nhiều, bao giờ được một số tiền to khá, sẽ bỏ ra làm vốn, mưu việc công ích cho nông dân.

Nói xong, vểnh râu, cụ lớn kinh tế hất hàm một cách oanh liệt mà hỏi tôi :

- Cách đó có đáng khen không ?

Rồi không đợi tôi trả lời, cụ lớn há hàm ra cười, hoặc tôi, hoặc nội tướng là có thể giữ được mà thôi; như thế, thực cẩn thận lắm.

Nói xong, cụ lớn lại cười, cười ha hả, cười mãi, cười đến thế mà không sặc thì thật là một sự lạ.

Năm chiếc mề đay treo trên ngực cụ lớn cũng theo nhịp thở mà nhảy đầm, trông rất ngoạn mục.

Đợi tràng pháo cười của cụ nổ xong xuôi, tôi ôn tồn nói :

- Bẩm, ngài để thùng Phước sương ra cửa nha, thật là ý kiến hay. Như ngài đã nói, phải cần... cần kiệm. Mỗi ngày thí dụ được hai xu. Một tháng được 2 xu x 30 = 60 xu. Một năm được 60 xu x 12 = 720 xu. Một trăm năm sẽ được 720 $, một ngàn năm: 7.200 $, mà độ một vạn năm nữa thì đã được một số tiền lớn lắm rồi.

- Chính vậy."(1)

Đại quan cơ bản là vậy, còn những hạng quan nhỡ thì có cao kiến gì hơn để lo cho dân cho nước ? "Nếu bản chức được làm Thể dục bộ thượng thư, thì mỗi năm bản chức sẽ bắt hết thảy các quan tập thể thao một lần để cho nhân dân lấy đó làm gương. Các ông sẽ cởi trần, vận quần đùi, đi bộ về các làng để cho thiên hạ biết đến một vấn đề có quan hệ đến nòi giống..."(2)

Đâu đâu cũng có anh hùng, đâu đâu cũng có người khùng kẻ điên. Quan lại khắp ba kỳ của đất nước Annam lẽ nào rặt những đầu óc "vĩ đại" như thế ? Tứ Ly đáp tàu lửa vào tận phương Nam. Và vị quan lớn lãnh tụ đảng Lập hiến Nguyễn Phan Long "có cái mũi không tẹt như mũi Annam, lại uốn cong như cái cung, rồi nhòm xuống cái mồm tươi như mồm ông Phạm Quỳnh"(3) đã có cuộc trao đổi với Tứ Ly, dù đang bực tức vì các báo trong Nam đang công kích ông trong vụ bầu cử hội đồng quản hạt. Nguyễn Phan Long phân trần :

"- Ong tính, họ đặt điều nói xấu tôi đủ thứ, không còn thiếu gì nữa...

- Thế thật ông không có gì xấu à ?

Mạnh bạo, ông Long trả lời :

- Không.

---

(1) *Phong Hóa*, số 146, ngày 26 Avril 1935, trg 2.
(2) *Phong Hóa*, số 148, ngày 10 Mai 1935, trg 2.
(3) *Phong Hóa*, số 145, ngày 19 Avril 1935, trg 2.

Ong trả lời như vậy thì chúng tôi cũng biết vậy. Rồi, như muốn chứng thực cho lời nói của ông một cách đích xác, ông giở báo ra đọc cho tôi nghe :

- "Ong Nguyễn Phan Long trải qua mười mấy năm nay trở nên một tay vô địch trên đàn chính trị xứ ta, lại là một nhà viết báo có tiếng nữa".

- "Ong Nguyễn Phan Long vừa có tài trí, vừa có công tâm..."

- "Ong Nguyễn Phan Long chính trực và vô tư..."

- "Người như ông Long, tài năng có, kinh nghiệm có, lại thêm một bầu nhiệt huyết đối với quốc gia chủng tộc..."

- "... Người đại danh nhân mà chúng ta đáng tự phụ vì lịch duyệt, học thức của họ..."

... Nghe xong, tôi thán phục nhìn ông Long như một đấng anh hùng trời sai xuống để dìu dắt bốn triệu dân trong Nam lên con đường hạnh phúc. Một vị anh hùng như vậy, mà có người dám công kích, thực là trứng chọi với đá.

- Bẩm, thế ngài đọc báo gì đấy ạ ?

- Báo Đuốc nhà Nam bà báo Đông Dương diễn đàn...

Đoạn, ông Long hất cái mũ anh hùng của ông lên một cách mạnh mẽ mà khoe khoang bảo tôi rằng :

- Hai tờ báo ấy, chính tôi đây làm chủ nhiệm.

Tôi lại càng thán phục đấng anh hùng vô song ấy"(1), nhất là khi đấng anh hùng Nguyễn Phan Long luôn miệng "chỉ nguyện rằng đem công tâm ra làm việc nước"(2).

Nếu ngày ấy, ai dùng báo chí để làm bước "thang mây", để cầu lợi... thì Hoàng Đạo muốn dựa vào báo chí thực hiện cái "nghĩa

---

(1)+(2) *Phong Hóa*, số 145, ngày 19 Avril 1935, trg 2.

vụ" mà ông thấy những người trí thức cần phải làm. Từ ý nghĩ ấy, ông cùng anh em trong nhóm đã "đả" hầu hết những ai chỉ biết lo cho bản thân mình, hoặc những thói tật làm hại đến cái mà ông cho là "đạo làm người" của thời ông đang sống. Lần theo những trang báo cũ, ta có thể thấy, Hoàng Đạo với tư cách một nhà báo, ông không bỏ qua dịp thuận lợi nào để những người ông muốn chê trách được yên thân. Khi viết *Tam quốc tân thời diễn nghĩa*, ông cũng gắn những nhân vật ông muốn nói vào một lời bàn sau mỗi hồi. Khi nói đến chỗ thiên hạ phân rồi lại hợp, hợp rồi lại phân, ông cho quan đốc học Phạm Văn Thư bàn : "Nói thế lớn nhỏ trong thiên hạ, phân chia, tán tụ thì là xác đáng. Kìa xem như tiền tài của nhân gian phân tán mỗi người một nơi, tụ họp vào tay chính phủ, rồi ở tay chính phủ phân phát đi các quan lại, các viên chức như ta đây hay ông giáo Lâm vậy. Phân ra ta với ông giáo Lâm, rồi lại hợp nhất vào trong tay ta, để ta lại phân chia đi các ngả: gà quay, súp và các thứ khác.

Biết lẽ trời như vậy, quan thanh tra Đốc Bưu kia thực là anh hùng vậy. Thế mà lại gặp tay vũ phu vô mưu như Trương Dực Đức đến nỗi đau đớn đến thân, thì phỏng có đáng giận không ? Đáng giận mà đáng tiếc vậy."(1). Cô Nguyễn Thị Kiêm đăng đàn ủng hộ thơ mới, đấu tranh cho quyền lợi nữ giới, được ông cho bàn ở hồi thứ II: *Đổng thái hậu mắng nhiếc Hà hậu*... "Đổng thái hậu là người tài giỏi, tiếc không gặp thời.

Ở dưới cái chế độ phụ nữ bị áp chế - chính ngay phụ nữ như Hà hậu cũng bênh vực quyền lợi của bọn nam tử - thì một cây làm nên non sao được. Một mình mình đứng ở trong gian nhà toàn hũ mắm thì thơm tho sao được !

---

(1) *Phong Hóa*, số 131, ngày 4 Janv.1935, trg 6.

Đáng giận thay !"(1). Hay đến lời bàn của Dương Bá Trạc, ta cũng tạm hiểu Hoàng Đạo muốn xỏ xiên điều gì: "Điêu Thuyền thả một cái liếc xiêu lòng Lã Bố, lại thả cái liếc nữa giết chết ông Thừa tướng, thật cũng hiếm có như ông Đinh Bộ Lĩnh của ta vậy. Tiếc thay Điêu Thuyền lại là một con đĩ, nghĩa là khuất thân thờ hai chồng. Như vậy thì còn gì là trinh tiết, mà đàn bà đã mất trinh tiết thì không phải là đàn bà Tàu vậy.

Còn cụ Tư đồ Vương Doãn, con hát trong tướng phủ mà cho ăn vận theo mốt tân thời, hát những bài lố lăng, thì thật không biết trị gia vậy. Đã trị không được gia, thì bình làm sao được thiên hạ ? Hải nội chư quân tử nên lấy đó mà ngẫm ngợi vậy.(2). Hoặc đến hồi thứ VII, ông cho Nguyễn Tiến Lãng bàn: "Lưu Bị trở sang Đông Ngô trông thấy Tôn phu nhân, mặt nhìn mặt, tay cầm tay, tỏ tình thương mến, dẫu trời long đất lở cũng không thể rời xa nhau được nữa.

Những đêm sáng trăng, người ta thường trông thấy một chiếc thuyền con bập bềnh trên mặt sông Dương Tử đi vào mù khơi.

Trong khoang thuyền, Tôn phu nhân tựa đầu lên vai Huyền Đức mà cất tiếng hát du dương:

Nói với tôi ái tình...
Lại nói với tôi những cái đồ mềm...

Bài hát ấy truyền tụng mãi đến bây giờ. Có người Pháp thấy hay, phổ vào đàn tây và dịch ra rằng:

Parlez-moi d'amour
Radiles-moi des choses tendres..."

Nhà sử ký Trần Trọng Kim cũng được ông cho bàn ở hồi kết: "Có người bảo: Truyện Tam quốc đến đây chưa kết thúc.

---

(1) *Phong Hóa*, số 132, ngày 11 Janv.1935, trg 4.
(2) *Phong Hóa*, số 133, ngày 18 Janv.1935, trg 4.

Khổng Minh còn phò tá Lưu Bị lấy Ích Châu, chia ba thiên hạ làm ra thế chân vạc. Nhưng đó là sự hoang đường, không đáng tin. Việc xảy ra đã mấy ngàn năm về trước như câu chuyện Sơn tinh, Thủy tinh, câu chuyện móng rùa - ý chừng nó cũng là con rùa hộp - của An Dương Vương, và câu chuyện Lưu Huyền Đức lấy Thục đều là những chuyện không căn cớ, không đáng cho những học giả như tôi và các bạn để ý đến"(1).

Với cái nhìn sắc sảo của một nhà báo có tài, Hoàng Đạo đã nhìn ra cái trò "dọn đường" của Ngô Đình Diệm. Và bằng lối văn châm biếm sở trường của mình, Hoàng Đạo không ngần ngại cho bạn đọc biết bước "thang mây" của họ Ngô và phần nào ý đồ của vị thượng thư đại thần: "Số ông Ngô Đình Diệm cũng lạ. Hơn mười năm từ chức tri huyện lên đến chức thượng thư bộ Lại thì ai chẳng bảo là ông ấy được mộ phát, nếu ông ấy không theo đạo Thiên Chúa.

Ai ngờ đâu vừa chân ráo chân ướt lai kinh, ông đã vội từ chức. Kể ra thì ông từ chức hay không từ chức; ông là thượng thư bộ Lại hay làm một thầy tu ngồi tụng kinh cũng thế thôi.

Gần đây, ông đăng báo *Diễn đàn Đông Pháp* (Tribune Indochinoise) nói rằng ông từ chức không phải vì lẽ riêng, nhưng vì lẽ công gì, ông không công bố, ông chỉ để riêng ông biết"(2).

Bước vào chốn quan trường mỗi người mỗi cách, nhưng chung qui vẫn phải "kính cẩn và thận trọng. Kính cẩn đối với người trên. Lúc bước vào dinh ông công sứ, cần phải cho hợp lễ. Đi vào cửa bên, khép nép sợ hãi, cúi đầu, nghiêng mình, run như cầy sấy. Thận trọng đối với kẻ dưới, với dân. Lúc đó lại cần phải có uy nghi

---

(1) *Phong Hóa*, số 138, ngày 1er Mars 1935, trg 5.
(2) *Phong Hóa*, số 59, ngày 18 Aout 1933, trg 5.

lẫm liệt, thét ra khói lửa để cho dân kính, nghĩa là dân sợ"(1). Vì sao quan ta lại phải sợ quan Pháp đến như vậy ? Điều đơn giản là "những việc chi thu, thuế khóa, tiền tệ là những việc Nam triều đã ủy thác vào chính phủ Bảo hộ"(2), nên vua cũng còn phải sợ huống gì là quan. Và làm quan phải thanh liêm ư ? "Đức Khổng không nói đến rõ ràng, mà chỉ nói bóng gió rằng: đừng muốn mau thành công, đừng tham lợi nhỏ. Lợi nhỏ đây ý chừng là để ám chỉ sự ăn tiền vậy. Một ông huyện cần phải có xe ô tô nhà ư ? Thì nhịn ăn, nhịn mặc để dành mà mua chứ đừng có như lũ dại dột ngu muội nhạo câu của thánh hiền "cẩu nhật ăn, nhật nhật ăn, hựu nhật ăn". Muốn có nhà lầu lộng lẫy, có đồ cổ để bày biện, có nhẫn vòng để đeo cho vợ đẹp cũng vậy, phải bóp chắt bủn xỉn thì cũng có thể có dược chứ, đừng để mang tiếng là ăn của đút, xấu xa cả đến toàn thể quan trường, xấu lây cả đến các cụ thượng có nhà lầu, có ô tô, có hầu non. Còn muốn làm một vị quan tốt, có giá trị, thì cứ theo ngay gương các cụ thượng ấy là thượng sách"(3), nghĩa là phải biết "việc tiêu tiền đi để lấy tiền nhiều hơn về. Nói tóm lại, việc tiêu có lợi, tức là việc thả săn sắt bắt cá sộp vậy"(4). Và với những hạng quan như vậy thì chỉ có dân đen là khổ. Ta hãy nghe người dân kể về nỗi khổ của mình : "Nguyên tổng chúng tôi có hơn một nghìn gia đình, chuyên sống về nghề làm ruộng, vừa nghèo khó, vừa đông đúc nhất tỉnh Thái Bình, có khi nhất cả xứ Bắc kỳ nữa. Mỗi một suất đinh của tổng chúng tôi được chừng 3, 4 sào ruộng công tính ra hoa lợi mỗi năm chỉ được 3, 4 đồng bạc, nghĩa là may ra mới đủ tiền nộp sưu thuế. Ấy là chưa kể những làng không có một thước công điền nào.

Quanh năm, một nghìn gia đình ấy, mỗi gia đình có tới mười miệng ăn, chỉ có một bữa cơm, hay không có bữa nào cả. Họ thường

---

(1)+(3) *Ngày Nay*, số 119, ngày 17 Juil. 1938, trg 3, 3-4.
(2)+(4) *Ngày nay*, số 121, ngày 31 Juil. 1938, trg 3, 4.

sống bằng khoai, rau, chuối, lần hồi cho đến mùa gặt để được no nê chừng nửa tháng, rồi lại sống cái đời đói rách như trước."(1). Đây không phải là sự hư cấu của nhà văn, mà đây là lá đơn của dân nghèo ở tổng Tân Bồi, phủ Thái Ninh, tỉnh Thái Bình gửi lên thống sứ Châtel về việc chính phủ giao bãi bể Tân Bồi cho hai nhà tư sản Ngô Văn Phú và Ngô Văn Mậu khai thác trong lúc dân địa phương luôn thiếu đất cày. Trước khi gửi đơn khiếu nại lên thống sứ Châtel, họ đã gửi đơn đến ông tri phủ Phạm Học Hải, ông tổng đốc Nguyễn Bá Tiệp và ông công sứ Domec. Nhưng "Kết qủa của cái đơn này ra sao ? Có tin đồn rằng, nó bị xếp một cách kỹ lưỡng vào bản hồ sơ phủ Thái Ninh và các nhà chức dịch công tâm của tổng Tân Bồi bị quở trách là đã dám gửi một cái đơn bằng chữ Pháp lên thẳng thống sứ Châtel"(2). Ngày ấy, báo *Ngày Nay* vào cuộc đấu tranh với chính quyền giành lại miếng cơm manh áo cho dân cày, đã cho thấy họ có tấm lòng với những người cùng khổ, chớ không phải "họ đóng vai những "nhân cách cao thượng" nghiêng mình xuống lũ dân quê đói khổ đáng thương". Bởi ngày ấy hơn 400 tờ báo đang lưu hành đã có tờ nào dám làm công việc như họ ?

Đọc qua những lá đơn khiếu nại này, ta có thể nhận ra được "bàn tay" của Hoàng Đạo, bởi cách hành văn, bố cục, nhất là về mặt pháp lý: "Chúng tôi yên trí rằng, chính phủ đem quân phân bãi bể cho dân nghèo phụ cận chỉ có lợi, lợi hơn là chính phủ đem cho hai nhà tư bản, ông Phú và ông Mậu. Vả lại, một đạo nghị định ngày 23 Juillet 1930 của quan thống sứ Robin đã nói rõ những bãi bể sẽ dành riêng cho các làng đông đúc để khuyến khích sự di

---

(1) *Ngày Nay*, số 140, ngày 10 Déc.1938, trg 18.
(2) *Ngày Nay*, số 139, ngày 3 Déc.1938, trg 18.

dân và cứu vớt nạn nhân mãn"(1), hoặc "hồi năm 1922, đã có một đạo nghị định bãi hẳn cái lệ cho bãi bể thành của sở hữu riêng từng người, nhất là những nhà tư bản"(2). Sự mạch lạc đầy lý lẽ còn có :"Chúng tôi thay mặt cho hơn một nghìn dân đinh tổng Tân Bồi và hơn ba nghìn nam phụ lão ấu 13 xã, đệ đơn này kính xin quan lớn can thiệp với quan trên (...) vì những lẽ sau này:

1. Tổng Tân Bồi rất ít công điền. Có xã mỗi suất đinh được cấp 3, 4 sào ruộng công, có xã dân đinh không được cấp sào nào, số cùng đinh liệt vào hạng vô sản rất nhiều.

2. Bọn cùng đinh vừa kể trên làm ăn vất vả quanh năm, ngày tháng, mà không đủ ăn, có nơi chỉ ăn một ngày một bữa, có nơi phải ăn rau, ăn khoai trừ cơm, xét ra chỉ tại không có ruộng đất để cày cấy, sinh nhai. Làm đã không đủ ăn, lại còn nuôi vợ, nuôi con, lấy tiền đâu để nộp sưu thuế cho nhà nước, khiến bọn chức dịch chúng tôi rất vất vả, khó khăn về mấy vụ thuế.

3. Về bãi bể Tân Bồi, năm 1932 quan nguyên tri phủ Nguyễn Bách và quan nguyên Công sứ Bary đã điều tễ dân phu đắp đê để chia cho dân nghèo làm công điền. Tuy đê bị vỡ, nhưng tốn phí vào đấy rất nhiều công của. Riêng tổng Tân Bồi chúng tôi phải xuất ra một nghìn phu, đắp trong một tháng trời, mỗi tên phu phải xuất tiền cơm ra đắp đê mất 5$00.

4. Chính phủ hiện nay đang chăm lo việc di dân những tỉnh đông người ở như Thái Bình, Nam Định, Hà Đông lên miền Trung châu và Thượng du do các qũy hàng tỉnh chịu phí tổn. Quan thống sứ Châtel là một vị thủ hiến rất hay ân cần săn sóc đến sự sinh sống của đám dân nghèo và đã ủy riêng quan Thanh tra Delsalle là một vị quan cai trị am hiểu tình cảnh khốn cùng của dân quê

---

(1) *Ngày Nay*, số 140, ngày 10 Déc.1938, trg 18.
(2) *Ngày Nay*, số 139, ngày 3 Déc.1938, trg 18.

trông nom về mặt di dân. Đủ tỏ ra chính phủ lúc nào cũng vì dân mà trù tính mọi phương sách để dân có thể sinh sống một cách dễ dãi và đóng thuế cho nhà nước một cách sòng phẳng.

Vì những lẽ đã kể trên, chúng tôi kính cẩn yêu cầu quan lớn lấy lẽ công bằng và quyền hạn một ông quan phụ mẫu bênh vực lấy dân nghèo tổng Tân Bồi..."(1).

Với cơ chế một ách mấy tròng, cùng một lớp "cha mẹ dân" như thế, thì khó mà đem lại cơm no áo ấm cho dân nghèo. Nhưng qua những lá đơn khiếu nại trên, ta có thể thấy được người dân cùng khổ đã từng bước hiểu được mình là ai giữa cuộc đời này, chớ không còn phải cúi đầu cam chịu. Ý nguyện của họ cũng đã có người ủng hộ.Vua quan dưới mắt họ cũng không còn qúa thần thánh như trước. Họ cũng không còn phải nhất nhất tuân thủ theo những lời rao giảng, hoặc đã từng nghe từng thấy trên sân khấu: *Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung; Phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu*, mà từ đời nọ sang đời kia nghiễm nhiên coi đó là chân lý, là lẽ sống.

Nếu nói đến việc "Bàn một cách vui vẻ các vấn đề cần thiết: xã hội, chính trị, kinh tế. Nói rõ các hiện tượng trong nước... Cần thiết... Hoạt động... Vui vẻ..." như lời quảng cáo trước khi báo *Phong Hóa* ra bộ mới, thì Hoàng Đạo đúng là kiện tướng. Bởi tròn ba năm, Thạch Lam đã tổng kết, chỉ riêng hai mục "Từ nhỏ đến lớn và Từ cao đến thấp (hai mục này chủ yếu do Tứ Ly viết - VG) đã được tất cả 975 bài, hay là 29.190 dòng chữ in một cột, hay là 390 cột báo, hay là một cột báo dài 135 thước tây"(2). Và theo Thanh Lãng, "Các lời quảng cáo trên kể ra không phải là qúa đáng. Thực vậy, *Phong Hóa* từ số 14 ra ngày thứ năm 22 Septembre

---

(1) *Ngày Nay*, số 139, ngày 3 Déc.1938, trg 18.
(2) *Phong Hóa*, số 154, ngày 20 Sept.1935, trg 9.

1932 mới lạ từ hình thức đến nội dung"(1). Trong số Kỷ niệm 3 năm ngày báo *Phong Hóa* ra mắt bạn đọc (22.9.1932 - 22.9.1935), Tứ Ly đã lần nữa nêu rõ tôn chỉ của tờ báo cũng là của chính bản thân mình: "Chúng tôi muốn tiêu diệt cuộc đời cũ. Nó sẽ bị tiêu diệt. Then chốt của nó là cái đạo Tống nho. Vì thế mà chúng tôi đã mạnh bạo bài bác cái đạo không hợp thời ấy.

Có người chê chúng tôi rằng không phô bày những cái hay của nho giáo. Họ không biết cho rằng, chúng tôi không đứng về phương diện của nhà triết học. Về phương diện này, nho giáo cũng như các giáo khác không hơn không kém. Đối với nhà triết học, văn hóa đông phương với văn hóa tây phương đều có thể cho là hay cả. Nhưng chúng tôi chỉ muốn làm một nhà cải cách. Nguyên lý của đạo nho, chúng tôi không bàn đến; chúng tôi chỉ nhận ra rằng trong trường thực tế nó đã đưa xã hội ta vào vòng ngừng trệ, tù hãm, kể gì một vài người có chí hướng cao thượng, nếu vì đạo ấy mà phần đông dân ta dày xéo nhau trong sự nhỏ nhen.

Cuộc đời cũ mất sẽ có người thương tiếc ngẩn ngơ. Nhưng tiến bộ tức là biến cải không cùng; ta không thể trong lúc thế giới đổi thay, sinh sống mãi trong cuộc đời cũ kỹ từ ngàn năm xưa.

Ba năm qua... Báo chí trong khoảng thời gian ấy cũng tiến bộ một cách mau chóng. Những bài phóng sự, những truyện dài có giá trị thấy dần dần xuất hiện. Báo chí khác trước, ân cần với độc giả, tìm cách bênh vực kẻ cô yếu, bài bác những sự bất công... tìm phương pháp cải cách xã hội một cách sốt sắng hoạt động"(2).

Trên cái nền ấy, Hoàng Đạo đã làm được những gì cần làm. Ngày nay, có nhiều người đòi hỏi hơn ở ông, thậm chí có những đòi hỏi mà vào thời điểm ấy, người đòi hỏi cũng chưa chắc thực

---

(1) *Bảng lược đồ văn học Việt Nam*, sđd, trg 609.

(2) *Phong Hóa*, số 154, ngày 20 Sept.1935, trg 2-3.

hiện được, dù mang trong mình những hiểu biết của ngày hôm nay. Và nào ông có mong muốn chuyện gì to tát hơn ngoài việc "chỉ muốn làm một nhà cải cách". Nói như Lênin: "Chúng ta không trông đợi một thành công làm cho người ta choáng váng, nhưng thành công nhất định sẽ có"(1). Và qua những gì còn lại trên giấy trắng mực đen, tôi tin Hoàng Đạo cũng đã nghĩ vậy.

---

(1) *Lênin toàn tập*, T.36, sđd, trg 514.

HOÀNG ĐẠO

Trong Tự lực Văn đoàn

TIẾNG ĐÀN

TIỂU THUYẾT

ĐỜI NAY

Bản in lần đầu, ngày 25.2.1941. Đây là 1/32 cuốn đặc biệt in bằng giấy dó có chữ ký của tác giả

VŨ ĐÌNH-LÒNG

Ông Đoàn Gia
Bộ-trưởng Bộ

CÔNG-TÔN-NỮ
NGOC-DUNG

KỊCH BỐN HỒI

VIỆT-NAM-HÓA VỞ **L'AVENTURIÈRE**
của EMILE AUGIER (1820-1889)

Viết trong khi tản-cư lần thứ hai
tại Mục-Xá mùa đông Đinh-Hợi

Tác-giả giữ quyền in và quyền diễn

Ngày 20 Mars 76,

Thân gửi cháu Thế Uyên.
Cháu muốn biết chi tiết về cái chết của Hoàng Đạo năm 1948, chú xin kể vắn tắt như sau:

Từ tháng 8/46, các chú rời VN sang Côn Minh, Thượng Nhu vào Nam. Sau đó, Nhất Linh rời Côn Minh đi Thượng Hải, rồi xuống Quảng Châu và Hồng Kông. Giữa năm 47, Hoàng Đạo cũng sang Quảng Châu. Lúc đó một số người mưu mưu lập lại Hoàng triều với Bảo Đại. Nhưng về sau, Nhất Linh, Hoàng Đạo và cụ Ng. Hải Thần không đồng ý hợp tác với Bảo Đại mưu việc nhờ tay tàu Pháp phản công mưu đảo lộn thực sự.

Vì vậy, các chú tạm trở về Quảng Châu, cùng chú Ng. Hải Thần. Chúng tôi thuê nhà tại Bạch Hạc Đàng, ngoại thành Quảng Châu. Đầu năm 1948, anh Vũ Hoàng Khanh cũng từ Côn Minh sang. Lúc đó, mà người thấy chưa có dấu hiệu thuận lợi để về nước hoạt động, nhưng vẫn có tiếp tục với anh em trong nước và các nơi khác.

Đồng lúc một làng nhỏ, bên bờ Châu Giang, có thuyền máy đưa tới Sa Điền, tô giới công cộng quốc tế, có giáo đường, thuộc Việt Pháp. Lúc rỗi, chúng tôi thường ra đó đọc sách để tham khảo. Hoàng Đạo là một người chăm đọc sách và nghiên cứu, cùng phòng tôi. Quan niệm của anh không hoàn về một chủ thuyết chính trị xã hội, trừ chủ nghĩa Cộng sản Anh.

Sống giữa một phần đưa vào kinh phí của tổ chức, nhập nhất cơ bản, một phần nhỏ vào gia đình và hợp mặt trên tế, nên Cụ tạm đủ ăng phồ. Thỉnh thoảng, chúng tôi cũng ra Hongkong,

NĂM THỨ HAI SỐ 60 CHỦ NHẬT 23 MAI 1937



GIẤC MƠ DỮ DỘI
hay là
TÌNH CẢNH DÂN QUÊ

ĐÓA TRÀ MI ĐÃ NGẬM GƯƠNG NỬA VÀNH

Kể về đầu sách, thì sách được xuất bản của Hoàng Đạo chưa phải là nhiều so với một số anh em cùng văn đoàn, nhưng cũng chưa phải là ít so với một số cây bút đương thời, so với đời người cầm bút, và cũng không phải không có gì để bàn. Trong cuốn *Nhà văn hiện đại*, Vũ Ngọc Phan cho rằng, Hoàng Đạo là một trong hai nhà văn viết tiểu thuyết luận đề lúc bấy giờ: Đó là Nhất Linh và Hoàng Đạo. Và theo Vũ Ngọc Phan, "Tiểu thuyết luận đề của Nhất Linh đều khuynh hướng về gia đình, về việc cải tạo chế độ gia đình để giải phóng cho phụ nữ; còn tiểu thuyết của Hoàng Đạo tuy cũng thuộc loại tiểu thuyết luận đề nhưng khác với tiểu thuyết của Nhất Linh ở chỗ có khuynh hướng xã hội"(1). Và nói về tiểu thuyết thì Hoàng Đạo chỉ có mỗi quyển *Con đường sáng*. Nhưng đứa con tinh thần này do Nhất Linh "sinh ra" và được đăng ký vào "sổ bộ" báo *Ngày Nay* số 142, ngày 24 Déc 1938. Thời gian này, Nhất Linh đã lao vào công việc xã hội, chính trị, nên bỏ dở công việc văn chương. *Con đường sáng*, Nhất Linh viết được ba chương đầu, Hoàng Đạo chấp bút sáu chương kế tiếp. Và được nhà xuất bản *Đời Nay* in thành sách, ra mắt bạn đọc năm 1940.

Ba chương đầu của cuốn tiểu thuyết *Con đường sáng*, Nhất Linh dựng nên một cậu tú Duy, con nhà giàu, được gia đình cho ra Hà Nội với mục đích tiếp tục con đường học vấn, nhưng học chưa

---

(1) Vũ Ngọc Phan: *Nhà văn hiện đại*, T.2, Nxb Khoa học xã hội, H, 1989, trg 838.

thấy đâu mà chỉ thấy ăn chơi là nhiều. "Cửa hiệu bán đồ phụ tùng xe đạp này Duy lập ra ở Việt Trì và giao cho một người cháu họ trông nom, không phải là để buôn bán mà chỉ cốt tránh tiếng, lấy chỗ đi lại chơi bời cho tiện"(1). Và càng ngày, cậu tú Duy càng mất hết hi vọng, mất hết những niềm mơ ước, say mê của tuổi trẻ. Nhiều lúc, Duy "tự thẹn với mình khi nhận thấy mình cũng trơ trẽn như một con đĩ khi tiễn khách đi"(2). Tương lai là gì ? Hạnh phúc là gì ? Ý nghĩa của cuộc đời là gì ? Duy như người lạc giữa rừng già mà không tìm ra lối thoát. "Khi một cuộc vui mê mệt với các bạn đến lúc hết, chàng thấy trơ vơ đứng một mình ở đời, mệt mỏi, và có một sự yên tĩnh hiện ra, sừng sững như một dãy núi cao lớn, nặng nề mà người bộ hành về chiều thấy đứng dựng trước mặt khi dừng chân ngửng đầu lên nhìn"(3).

"Tại sao vậy, vì lẽ gì ?"(4) cũng là một trong những câu hỏi thường xuyên hiện ra trong đầu Duy. Về lại với mái ấm gia đình ư ? Chẳng ích lợi gì. Duy đã trượt dài xuống vực thẳm trụy lạc, đánh mất niềm tin của bao người đang trông đợi ở anh. Hết ! Tất cả coi như đã hết. Quay về chỉ "thêm buồn cho tất cả mọi người, mà nhất là buồn cho mình. Chịu sao nổi"(5). Và Duy muốn tìm đến cái chết. Chỉ có cái chết mới hi vọng không còn "nhận thấy hết cả cái trống rỗng của đời chàng"(6). "Duy nhắm mắt lại. Chàng tưởng cái chết sẽ êm ái như giấc ngủ của chàng khi còn trẻ dại. Chàng sẽ quên hết và cái tối đen trong chiếc áo quan chôn dưới đất, chàng thấy trước rằng nó cũng êm như một tấm nhung đen của nàng tiên"(7). Nhưng rồi, chính quê hương, chính nơi chôn nhau cắt rốn, chính những kỷ niệm ngọt ngào của thời trẻ dại ... là "cảnh đời mà chàng muốn sống thay vào cảnh đời buồn nản, trụy lạc hiện giờ"(8).

---

(1)+(2)+(3) Hoàng Đạo: *Con đường sáng*, Khai trí xb, S, 1970, trg 17, 8, 13.
(4)+(5)+(6)+(7)+(8) *Con đường sáng*, sđd, trg 15, 16, 19, 21, 32.

Bước sang chương IV, tiếp theo mạch văn của Nhất Linh đã viết cùng những ý tưởng mà Hội Ánh sáng do Nhất Linh chủ trương đã giúp Hoàng Đạo hoàn thành được tác phẩm dở dang này. Nhưng ta thấy gì qua những nhân vật mà Hoàng Đạo xây dựng xoay quanh một cậu tú đã và đang sa vào con đường ăn chơi trụy lạc ? Duy thực ra cũng chỉ là Trương trong *Bướm trắng*: "Ở đâu mình cũng chỉ là cái nợ thôi"(1), và khi hối hận thì có ý phục thiện, không muốn che giấu những lỗi lầm đã qua của mình: "Thà nhận hẳn lấy cái xấu đường hoàng để mọi người biết rõ còn hơn là che đậy đi, lừa dối mình và lừa dối người khác, sống chênh vênh ở giữa nơi đất phẳng và vũng lầy"(2). Nếu có khác chăng là Trương thì giữ kín tận đáy lòng, còn Duy thì thổ lộ hết những gì đã qua với người mình yêu và nhận được "từng tiếng thở dài của Thơ nhè nhẹ như nửa buồn tủi, nửa xót thương"(3), và "Trên ngực Duy, như cất đi một khối nặng"(4).

Cáo chết quay đầu về núi. Sau những ngày ăn chơi trác táng, Trương tìm sự bình yên trong vòng tay của Nhan - một cô gái quê - một người bạn nhỏ của ngày xưa còn bé. Duy cũng vậy. Duy cũng thấy sự bình yên nơi Thơ - người mà "Xưa kia chàng vẫn coi Thơ như một người em gái yêu qúi"(5), người đã làm cho Duy phải tức bực "khi mẹ chàng bắt nhường cái đèn hoa lý ấy cho Thơ, vì Thơ ít tuổi hơn"(6).

Ý tưởng tốt đẹp của Hội Ánh sáng, trước đó cũng được Khái Hưng thể hiện trong tiểu thuyết *Gia đình*, và ta cũng dễ dàng nhận thấy cặp vợ chồng Duy-Thơ (*Con đường sáng*) có phần nào giống cặp vợ chồng Hạc-Bảo (*Gia đình*). Nếu Hạc thấy rằng "ở đồn điền nhà quê thì sắm xe sang trọng qúa cũng phí đi"(7), thì Duy cũng

---

(1)+(2) Nhất Linh: *Bướm trắng*, Nxb An Giang, 1989, trg 193, 195.
(3)+(4)+(5)+(6) *Con đường sáng*, sđd, trg 115, 115, 40, 16.
(7) Khái Hưng: *Gia đình*, Văn xuôi lãng mạn Việt Nam (1930-1945), T.4, Nxb Khoa học xã hội, H, 1989, trg 107.

đổi chiếc xe mới lấy chiếc xe cũ, bởi "ở đây thì cần gì xe đẹp. Để tiền làm việc khác, còn ngồi cái xe khổ này, anh cũng thấy ngượng vì sự xa xỉ của mình rồi"(1). Nếu ở chỗ Hạc đã thành hình "những gian nhà mới dựng, cao ráo, sạch sẽ, sáng sủa. Những mái cỏ tranh, nóc ken tre, những nền đất đắp thoải, những bức vách trát vừa quét vôi màu trắng, màu vàng, thực khác hẳn với những quán chợ người ta thường thấy ở các làng.

Đó hoàn toàn là công trình của Hạc. Khi chàng mới lên nhận đồn điền, thì chợ ở xa ấp đến gần một cây số. Chàng thiên về đây nói cho tiện việc buôn bán đổi chác của dân quê quanh vùng, nhưng kỳ thực chỉ cốt để phá bỏ những túp lều lụp xụp bẩn thỉu, tối tăm đi mà dựng loạt nhà mới này"(2), thì Duy cũng đang hoạch định công việc của mình...

"Thơ nhìn bản địa đồ, hỏi :

- Anh đã tính xong chưa ?

Duy mỉm cười :

- Chưa. Nhưng có em đến hẳn là tính xong ! Chàng xoay chiếc địa đồ, hí hoáy chỉ trỏ :

- Chỗ này anh đã bảo đào giếng. Còn việc đắp đường và làm nhà nữa"(3).

Nếu Duy sau khi chán nản, đã biết nghĩ và quay về "kiên gan theo đuổi công việc đã định cho đến khi thành công. Ở trong vòng tài trí của chàng, chàng thấy cần phải làm hết sức để cải cách cuộc đời bên ngoài"(4), thì Lộc (*Nửa chừng xuân* - Khái Hưng) cũng nhờ ở tình yêu của Mai mà đã "hiện ra hình ảnh một chàng thanh niên cứng cáp qủa quyết theo đuổi việc xã hội, những việc mà tất phải đem hết nghị lực và tài trí ra mới làm nổi"(5).v.v...

---

(2) Khái Hưng: *Gia đình*, sđd, trg 119-120.

(1)+(3)+(4) *Con đường sáng*, sđd, trg 181, 118, 184.

(5) Khái Hưng: *Nửa chừng xuân*, T.2, Nxb KHXH, H, 1989, trg 253.

Điểm qua như vậy để chúng ta hiểu thêm sự tương đồng và sự quyết liệt về vấn đề cải cách xã hội của nhóm Tự lực văn đoàn ngày ấy nói chung và của từng thành viên nói riêng. Cái đại thể cơ bản là vậy, còn đi vào từng tác phẩm thì mỗi người mỗi cách, mỗi nét chấm phá riêng. Và Hoàng Đạo là... Hoàng Đạo.

Duy là chàng trai trẻ có học và sa vào cuộc sống trụy lạc. Khi tỉnh ngộ, "Duy đã thấy mình bỏ phí mất cả một đời, mà từ nay về sau chàng không còn có phương gì cứu vớt được nữa"(1). Và nhiều lần Duy "đã toan ngủ. Mà tớ đã ngủ là không bao giờ tớ dậy nữa"(2). Nhưng cuộc sống không bỏ ai, nếu ai không cố tình từ bỏ nó. "Sao ta không hồn nhiên, bình tĩnh nhận sự sống như người bộ hành đương khát, nhận lấy bát nước suối ? Có lẽ nếu ta không đi tìm những thú vui nhất thời để quên sống thì ta có thể sống rất bình thường mà vui mãi trong lòng được"(3). Duy đã nghĩ và đã cố gắng đi tìm "cuộc sống rất bình thường" ấy. Duy đã gặp Thơ - người bạn gái của thời trẻ dại, và với tấm lòng tốt của Thơ, Duy đã tìm ra "con đường sáng", nghĩa là tìm ra được mục đích sống ở đời.

"Không thấy Liễn, Duy lấy làm lạ hỏi người nhà :

- Ong Liễn đâu ?

Trạch ngập ngừng trả lời :

- Bẩm, ông con... về bên làng ạ.

Duy mỉm cười. Chàng hiểu là Liễn mò về nhà vợ bé mới cưới giấu ở xóm Trà. Chàng không thấy khó chịu nữa khi nghĩ đến cách quên sống ấy của chàng ngày trước; trong lòng Duy chỉ còn lại sự thương hại cho hết thảy những người như Liễn, sống như những con thiêu thân đến đập cánh vào bóng đèn ở trước mắt chàng. Chàng thấy sự sống của Liễn không có ý nghĩa gì hết, vì

(1)+(2)+(3) *Con đường sáng*, sđd, trg 20, 23, 38.

không có chủ đích gì. Từ trước đến nay, chàng vẫn đau khổ, nhưng đem so sánh với Liễn, Duy tự kiêu rằng mình hơn người, vì đã ngẫm nghĩ đến cội rễ của cuộc đời. Ngọn đèn trong lòng chàng là một ngọn đèn lu mờ, song còn có chút ánh sáng, không như đêm tối của nhiều tâm hồn khác"(1). Chủ đích của cuộc sống đã được Duy nhìn thấy, đó là muốn thay đổi cuộc sống những người dân quê. Nhưng trước đây, đã có lúc, tôi đồng quan điểm với Nguyễn Văn Xuân, thậm chí khá thích thú với biện giải của ông: "thấy dân nghèo đói khát, con cái điêu linh, đời sống ngu tối, thiếu học hành hứa hẹn toàn bi thảm rồi Duy đem lòng thương và muốn cải thiện phần nào đời sống của họ. Duy cứ vẩn vơ nghĩ ngợi về cái nghèo, cái khổ của họ mà xem nó như là một sản phẩm chính tự họ tạo ra để mình tặng cho mình. Là điền chủ thực sự, lẽ nào ông không thấy họ nghèo vì chính ông hay sao ? Chẳng lẽ suốt những ngày mùa, không phải từ năm giờ sáng, tá điền đã tấp nập dẫn hết gia nhân kẻ gồng, người gánh mang lúa giê khô quạt sạch sang đổ ngập ví này, ví nọ cho nhà ông ư ? Những kẻ thiếu thì gia nhân ông đối xử ra sao, không lẽ ông không hề thấy khi chính ông là chủ nhân của gia đình ấy ? Không lẽ không một kẻ nào ứa nước mắt, khóc, vái, lạy ông xin khất lại mùa này, mùa nọ ? Không lẽ ông không biết là ông nhận bao nhiêu phần ăn rẽ trên khả năng sản xuất của ruộng ông ? Tuy chưa gặp ông bao giờ và kẻ Trung, người Bắc, kẻ ngoài cuộc đời, người trong tiểu thuyết, nhưng ông Duy ơi, lúa ăn rẽ ấy là loại thuế tàn nhẫn nhất trong nhân loại, kể cả dưới chế độ Nga hoàng: Tôi biết rất rõ là từ 40 đến 50 phần trăm tổng số lúa gặt. Mặc dầu ông khỏi làm gì hết, ông chỉ có miếng đất vốn là "tài sản" thiên nhiên và ông chiếm hữu, ông không đổ nửa giọt mồ hôi nhưng ông cũng cứ chia hai, chia một cách lạnh lùng, cẩn thận. Rồi ông ngây thơ tự hỏi: Tại sao dân lại

---

(1) *Con đường sáng*, sđd, trg 62-63.

nghèo ? Tại sao họ thích đình đám ? Tại sao họ thích vui chơi ? Họ nghèo vì ông nhận giúp của họ hết phân nửa tài sản một cách hợp pháp rồi. Họ đình đám còn để kiếm mấy miếng thịt heo, thêm số lượng ca-lo cho cơ thể gầy còm. Họ thích vui để quên bớt cuộc đời bị bóc lột khốn nạn. Rồi ông còn phải hiểu thêm điều này: họ sở dĩ đẻ sồn sồn năm một cũng chỉ vì đời nghèo túng qúa, vợ chồng chẳng còn cái gì để vui ở ngoài đời, thôi thì đành dẫn nhau về nhà *vui chung* , vậy. Niềm vui bất tuyệt này là cái thú vị duy nhất trên đời đưa họ lên hàng loài-người-không-đẳng-cấp có hạnh phúc ai cũng như ai. Nhưng khi lũ con tranh nhau ra đời thì họ lại "mù con mắt"... Trong khi ấy, ông Duy cứ ngây thơ không hiểu tại sao họ cứ khổ, cứ tự làm khổ mình một cách ngu muội. Tôi có cảm tưởng Hoàng Đạo cố tình quên lãng hết cả những sự thực tàn nhẫn hằng ngày bày ra ở ấp, ở đồn điền, chứ không lý gì mà khung cảnh của chàng Duy sống lại dễ gây cho chàng nhiều mơ mộng đến thế ! Và thật là trái núi đẻ ra con chuột khi mà chàng giác ngộ rồi lại chạy đi cho tiền đào giếng lăng xăng. Kể ra trong đời không phải có nhiều chàng Duy như thế đâu."(1).

Thú thật, ngày còn trẻ, nhất là những ngày được sống trong không khí nay xuống đường, mai hội thảo, đình công, bãi thị... đòi công bằng, đòi độc lập, phản đối gót giày xâm lược dẫm lên đất mẹ.v.v... tôi rất mê phần biện giải trên của Nguyễn Văn Xuân và Nguyễn Văn Xuân đã góp phần đáng kể trong việc giúp tôi biết căm ghét "những chàng Duy tân thời". Nhưng bây giờ, gần bước vào tuổi "tri thiên mệnh", đã được sống trong những ngày nhà nhà tình nguyện làm đơn xin vào hợp tác xã nông nghiệp, vào tập đoàn sản xuất, nghề nghề đều tình nguyện vào tổ hợp, mọi cơ quan dù lớn dù nhỏ đều có bộ phận căn-tin.v.v... tôi mới thấy rằng,

---

(1) Nguyễn Văn Xuân: *Hoàng Đạo với "Con đường sáng"*, Văn, số 107-108, S, 1968, trg 98-99.

thực ra "trong đời không phải có nhiều chàng Duy như thế đâu", nhưng có một người đỡ một người. Và khi đọc lại những tác phẩm của Hoàng Đạo đã viết cách đây hơn nửa thế kỷ, tôi nghĩ rằng, ngày ấy,Hoàng Đạo cũng chỉ mong như thế. Ta thử giả dụ, ở đời mà toàn những người như Đạt, như Minh, như Yến - vợ của Minh, thì chán làm sao, buồn làm sao ?

"Thơ ôn tồn giảng :

- Ấy, nhà em đưa tiền để họ đào giếng, nhưng chắc họ bận đám, nên chưa khởi công.

Đạt nghe nói, phá cười lên :

- Có thế mà chú buồn được. Họ không làm thì thôi, đòi tiền về càng hay chứ sao ?

Minh mỉm cười :

- Đưa tiền cho bọn nhà quê mà còn hòng đòi lại . Chắc là họ chia tay nhau rồi.

Duy giật mình nhìn Minh hỏi :

- Sao anh biết ?

- Tôi còn lạ gì bọn họ mà không biết. Đối với họ chỉ có một cách : là cứ để mặc họ với nhau, cốt họ trả tiền thuế mình sòng phẳng là được rồi.

(...)

Yến, vợ Minh, tiếp lời chồng :

- Nhà tôi nói thế mà phải đấy chú ạ. Mình phải nghĩ đến mình trước đã. Chú có ý tốt muốn cho họ sung sướng, nhưng họ không ơn gì chú đâu, còn oán nữa là đằng khác.

Đạt cười nói :

- Thà như tôi này là ổn hơn hết. Cứ mỗi năm về thăm đồn điền hai lần thu thóc rồi lại ra Hà Nội. Ở nhà quê thì buồn chết. Có

phải không, cô ?"(1).

Chính vì ngày đó có qúa nhiều những Đạt, những Minh, nên Hoàng Đạo mới dựng nên một Duy "khác người" là "không muốn để thời gian trôi nữa"(2), và "đã ngẫm nghĩ đến cõi rễ của cuộc đời"(3). Duy muốn sống cho có ý nghĩa, chứ không thuần mỗi việc thu tô (nếu có) như Nguyễn Văn Xuân đã cay đắng vạch mặt. Và Duy cũng không phải "ngây thơ" tự hỏi: Tại sao dân lại nghèo ? Tại sao họ thích đình đám ? Tại sao họ thích vui chơi ? như Nguyễn Văn Xuân viết gần ba mươi năm về trước đâu. "Họ đình đám còn để kiếm mấy miếng thịt heo, thêm số lượng ca-lo cho cơ thể gầy còm". Mới nghe cũng có lý, nhưng cái lý của những anh tiên chỉ, của những anh lý, anh xã chứ chẳng phải của những anh cùng đinh. Năm 1935, nhân một "đình đám" như vậy, Thạch Lam đã thống kê khá chi tiết từng món tiêu pha, và "Số tiêu không ai ngờ đến ngót 5.000 đồng. Thế thì tiêu ít đi có được không, hay không mở hội quách... Nhưng nào có thể được, đàn em không muốn tiêu, nhưng không có quyền gì mà cấm hội"(4).

Người dân đen có thực sự muốn đình đám để kiếm mấy miếng thịt heo không ? Qua điều tra của Thạch Lam, thì "Một bác nhiêu nghèo có mua được con bò mười hai đồng đem về nuôi, định đợi cho nó béo rồi bán đi lấy lãi. Nhưng chẳng may, ngày hội đến, anh ta lại được người ta cất vào cái việc quan trọng là trông nom điếu nước ở trong đình. Vào chân việc ấy mà quần áo không có, thì thật chết. Sẵn lòng hi sinh - kể cả anh ta cũng chỉ mới hi sinh có con bò thôi - anh ta dắt bò đi dạm bán các nơi, tình nguyện chỉ lấy tám đồng.

Tám đồng ấy, anh tha thiết nói, chỉ nguyện mua cái áo gấm

---

(1) *Con đường sáng*, sđd, trg 138 - 140.
(2)+(3) *Con đường sáng*, sđd, trg 119, 63.
(4) Việt Sinh: *Ngày nay với hội hè*, Báo *Ngày Nay*, số 9, 1935, trg 6.

để ngày hội vào đình pha nước hầu "quan". Chỉ có thế thôi, nhưng là hi vọng của cả một đời"(1), hoặc "Có một anh chỉ còn có ba gian nhà. Ngày hội đến, anh ta thở dài bán nốt lấy 18 đồng đóng tiêu pha, hết ngày hội lại lấy giời làm màn, đất làm chiếu, đem thân làm những nghề mà không ai muốn làm"(2). Dù không đợi phải đọc những ghi chép này, không ai không biết những người cùng đinh ngày ấy được xếp vào hạng "quơ bổi thui trâu", chớ dễ gì có miếng thịt để "thêm số lượng ca-lo cho cơ thể gầy còm". Và "quyền mở hội ở các ông chức dịch trong làng. Các ông này thích mở hội cũng phải lắm. Vì các ông không phải tiêu gì, các ông còn có lợi nữa. (...) Chỉ có đám cùng dân kia, là cái đời mình, mình cũng không có quyền định đoạt lấy mà thôi"(3). Nếu những người "quơ bổi thui trâu" ấy mà *biết*, thì Hoàng Đạo không còn "chỉ muốn làm một nhà cải cách" và cũng không có Hoàng Đạo để hôm nay nhắc lại. Từ năm 1872, Karl Marx đã chỉ rõ: "Người làm ruộng bị trói chặt vào miếng đất mà họ phải bỏ tất cả tinh lực của mình vào đó để có được một thu nhập nhỏ bé, họ phải đem phần lớn sản phẩm của họ nộp cho nhà nước dưới hình thức thuế nước, nộp cho bọn quan tòa dưới hình thức án phí và nộp cho bọn cho vay nặng lãi dưới hình thức lợi tức; họ không biết gì về phong trào xã hội ngoài cái phạm vi hoạt động nhỏ bé của họ và vẫn cứ mê muội quyến luyến bám chặt vào mảnh đất nhỏ của họ và vào cái quyền sở hữu thuần túy hữu danh vô thực của họ về mảnh đất nhỏ đó"(4). Chính vì quyến luyến "cái quyền sở hữu thuần túy hữu danh vô thực" ấy của những người cùng đinh, chính vì mỗi lầm than của nhân dân lúc bấy giờ, Đảng cộng sản mới ra đời lãnh đạo nhân dân làm cách mạng. Và ta cũng không thể đòi hỏi Hoàng Đạo phải hành động như một-người-cộng-sản.

---

(1)+(2)+(3) *Ngày nay với hội hè*, đd, trg 6.

(4) *Tuyển tập Mác-Ăngghen*, T. IV, sđd, trg 205.

"Rồi ông (Hoàng Đạo - VG.) còn phải hiểu thêm điều này: họ sở dĩ đẻ sồn sồn năm một cũng chỉ vì đời nghèo túng qúa, vợ chồng chẳng còn cái gì để vui ở ngoài đời, thôi thì đành dẫn nhau về nhà *vui chung*, vậy. Niềm vui bất tuyệt này là cái thú vị duy nhất trên đời đưa họ lên hàng loài-người-không-đẳng-cấp có hạnh phúc ai cũng như ai. Nhưng khi lũ con tranh nhau ra đời thì họ lại "mù con mất"...". Tôi đã khá thích thú cách lý giải ấy và thấy Hoàng Đạo đúng là ngây thơ. Nhưng thời gian đi qua, nhất là những năm cuối thế kỷ này, cả thế giới đều theo dõi từng phút số trẻ ra đời, và có phải vì nghèo qúa nên con người chỉ có mỗi thú vui "duy nhất" ấy không ? Nói đâu cho xa, ngày ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng ở đất nước ta, kể cả ở bên đường, góc phố, đâu đâu ta cũng có thể thấy pa-nô, khẩu hiệu: Mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có một hoặc hai con để đất nước phồn vinh, để gia đình hạnh phúc.v.v... mà phương tiện giải trí ắt không thiếu. Qua đây, tôi đành phải nghĩ lại và không hề thấy Hoàng Đạo ngây thơ, mà thấy ông đã có cái nhìn đúng, nhìn sớm, ít ra cũng sớm hơn những người như Nguyễn Văn Xuân những hơn... hai mươi năm.

"Nói đến Hoàng Đạo không mấy ai nghĩ đến sự viết tiểu thuyết. Vì tiểu thuyết của ông chỉ gồm một truyện dài *Con đường sáng* và tập truyện ngắn *Tiếng đàn*. Tập truyện ngắn ấy ngay thời sinh thời của tác giả, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan không nhắc đến tiếng nào trong tập Nhà văn hiện đại trong khi không quên một quyển sách hồng "tuyệt tác", quyển *Ong Đồ Bể* của Khái Hưng"(1). Văn chương cũng như một số lĩnh vực khác được nhắc chưa phải là hay, mà không được nhắc cũng chưa hẳn là dở. Theo Nguyễn Văn Xuân thì Vũ Ngọc Phan là nhà phê bình hơi "ba phải" mà không nhắc tới tập truyện ngắn *Tiếng đàn* tức là tập truyện ngắn ấy dở lắm lắm, nhắc đến chẳng khác nào "yêu nhau thì lại bằng mười

---

(1) *Hoàng Đạo với "Con đường sáng"*, đd, trg 93.

phụ nhau". Lý do vì sao Vũ Ngọc Phan không phân tích tác phẩm này thì tôi chưa rõ, nhưng tôi tin chắc Nguyễn Văn Xuân chỉ dựa vào Vũ Ngọc Phan mà đoán, chứ chưa đọc một dòng nào ở tập truyện ngắn *Tiếng đàn*.

Tập *Tiếng đàn* gồm 15 truyện ngắn, hầu hết đã được in trên báo *Ngày Nay*, và được nhà xuất bản *Đời Nay* in lần đầu tiên, xong ngày 25 Fév. 1941. Nói về viết truyện ngắn, thì Hoàng Đạo viết trước Thạch Lam. Ngay ở báo *Phong Hóa*, số đầu tiên (số 14, ngày 22.9.1932), với bút danh Tứ Ly, ông đã ra mắt bạn đọc truyện ngắn *Nùng Chi Lan*. Báo *Phong Hóa* từ số 14 đến số 56, đăng tất cả 52 truyện ngắn, thì Tứ Ly cũng có ba truyện ngắn: *Nùng Chi Lan, Bông hoa thủy tiên, Cánh buồm trắng*. Trong lúc đó, Thạch Lam (Việt Sinh) chỉ có mỗi một truyện: *Cái hoa chanh*. Báo *Phong Hóa* số 57, ngày 28 Juillet 1933, tổ chức *Cuộc thi chọn truyện ngắn*, lấy ý kiến bạn đọc, nhằm chọn ra 20 truyện ngắn hay nhất để in thành sách. Báo *Phong Hóa* số 62, ngày 1er Septembre 1933, công bố kết qủa 20 truyện ngắn được bạn đọc bình chọn. Truyện *Anh phải sống* của Khái Hưng được bạn đọc bình chọn với số phiếu cao nhất: 1.302 phiếu. Truyện *Nùng Chi Lan* của Tứ Ly xếp thứ mười chín với 416 phiếu, trên truyện *Đầu đường xó chợ* của Bảo Sơn (Nhất Linh): 402 phiếu, xếp thứ hai mươi. Truyện *Cái hoa chanh* không nằm trong danh sách bình chọn, và sau này Thạch Lam cũng không đưa nó cùng một số truyện ngắn khác vào ba tập truyện ngắn của mình. Nhắc lại như vậy để thấy Hoàng Đạo cũng biết viết truyện ngắn và viết được, chứ không phải dở đến độ khiến Vũ Ngọc Phan không màng tới, dù không quên nhắc cuốn *sách hồng* của Khái Hưng.

Tiếng đàn là một trong mười lăm truyện ngắn được Hoàng Đạo chọn vào tập và chọn làm tựa chung cho cuốn sách. *Tiếng đàn* được đăng lần đầu trên số Tết của báo *Ngày Nay* năm 1938. *Tiếng*

đàn kể về hai chàng trai trẻ: Xuân và Lương vào thăm Huế và đi... ngủ đò, nghe hát. Tiếng hát của Huyền hòa cùng tiếng đàn khi réo rắt, khi trầm buồn... như "làm sống lại cả một quãng đời tình cảm và phủ lên trên một màn sương buồn nhẹ nhàng như nhớ tiếc những sự mong manh đã mất"(1). Với Xuân lúc bấy giờ, Huyền không còn là đào hát mua vui cho kẻ có tiền, không còn là cô gái như những cô gái đã làm "Xuân rùng mình, cảm thấy hết cả sự trụy lạc của một gái giang hồ nhử khách"(2), mà là "một nữ thần, nữ thần của thi ca và âm nhạc"(3). Xuân ngồi đó chiêm ngưỡng, lắng nghe tiếng đàn, tiếng hát ở chiếc thuyền chòng chành trên dòng sông ngập đầy ánh trăng với "cái cảm tưởng rằng những giọt trăng ấy là sự đọng lại của tiếng hát trong vắt lẩn trong cung đàn. Tiếng hát vang lan ra khắp không trung, cảnh vật, tan ra trong khoảng sông rộng, sáng như tấm gương, ngừng lại trong những đám cây tối ở hai bên bờ; có khi bay cao lên, quyến luyến lấy đám mây tơ dệt đen trên nền trời xanh sáng, chập chờn trước mảnh trăng trong"(4). Nhưng rồi, nói như Nguyễn Du: *Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh, Giật mình, mình lại thương mình xót xa*. Xuân thấy "tiếng ca ban nãy là tiếng than của thời đại chàng dương sống"(5). Tuổi trẻ của Xuân, của thời đại Xuân đều "mang sẵn dây đàn buồn"(6) và chỉ cần đụng khẽ là nó rung lên. Và Xuân trốn chạy sự thật. "Xuân đứng trên xe lửa, lặng nhìn hoàng thành lui dần về phương xa, như chìm đắm vào một nơi hoang mang đầy những sự sa ngã, đầy nỗi buồn thảm của sự diệt vong"(7).

Qua sách vở, qua những phong trào yêu nước đã bị thất bại, đã bị dìm trong biển máu..., tuổi trẻ đã ý thức được nỗi buồn vong quốc, nhưng về cơ bản họ chưa tìm được con đường mình cần phải đi, nên họ chỉ còn biết "sáng vác ô đi, tối vác về", hoặc sa vào

---

(1)+(2)+(3)+(4)+(5)+(6)+(7) Hoàng Đạo: *Tiếng đàn*, Nxb Đời Nay, H, 1941, trg 15-16, 11, 18, 15, 18, 19, 19.

vòng ăn chơi trụy lạc. Thầy phán Minh trong truyện ngắn *Phiêu lưu* là trường hợp điển hình. Ngày còn đi học, Minh luôn được thầy giáo đem ra làm gương cho các bạn. "Thế rồi một buổi chiều thu, Minh từ giã nhà trường để đi làm một ông phán. Và từ đấy, ngày tháng trôi qua, nhạt nhẽo, trống rỗng, đúc cùng trong một khuôn. Minh lấy vợ, đẻ con, sống với những nỗi vui, buồn nhỏ nhặt của cuộc đời giản dị, bình thường như mọi người (...) Chàng tức tối nhìn đăm đăm cuộc đời tối tăm chàng đương sống: ngày nào cũng như ngày nào, hai buổi đến bàn giấy ngồi, viết, cộng, rồi hai buổi trở về nhà, nằm ngáp dài hay đọc nhật trình để đợi giờ đi làm"(1). Nghe tin người bạn "dần độn nhất lớp" được đi du học, Minh ngẫm nghĩ : "Hắn đi du học phỏng có ích gì !"(2), và ước mơ của những ngày còn trẻ cứ hiện về khiến Minh không tài nào chợp mắt. "Lúc bấy giờ, đời chàng hiện sống, chàng sợ hãi cảm thấy nó nhỏ nhen vô vị. Chàng sợ hãi, vì cuộc đời nhỏ nhen ấy. Chàng nhận ra rằng chàng còn phải theo đuổi mãi mãi cho đến hơi thở cuối cùng"(3). Nhưng đi đâu ? làm gì ? Minh không hình dung được. Minh nghĩ đến vợ, đến con, đến nghĩa vụ của người chồng, người cha... Minh biết đây là những lí lẽ để che lấp lòng nhu nhược của mình, nhưng không thể không nghĩ. "Và cùng một lúc, chàng phảng phất có cái cảm tưởng rằng không còn lúc nào chàng có đủ can đảm thoát ra ngoài số phận một lần nữa"(4). Nhưng chấp nhận số phận "sáng vác ô đi, tối vác về" nào đâu có dễ một khi túi tiền ông chủ bị đe dọa, hoặc ông chủ không bằng lòng. Bằng trong truyện ngắn *Ánh sáng* được sinh ra và lớn lên từ gốc rạ, nhưng nhờ sáng dạ và nhờ vào quyết tâm của gia đình mong Bằng thoát khỏi nghiệp cuốc cày, và Bằng đã thực hiện ước mơ đó. Bằng được họ hàng trọng vọng, tôn kính mỗi lúc anh về quê. Bằng an phận với công việc của mình, nhưng vì kinh tế khủng hoảng, sở nào cũng nghe nói

---

(1)+(2)+(3)+(4) *Tiếng đàn*, sđd, trg 25, 25, 27-28, 31.

đến việc thải bớt người làm, và mọi người làm công ăn lương như Bằng, "ai nấy cũng thầm tưởng, thầm mong rằng có thải cũng không đến mình. Bỗng một hôm, đương lúc mọi người cặm cụi làm việc, người loong toong chạy vào:

- Mời các ông lên "quan đốc" gọi.

Trong phòng giấy rộng rãi, sang trọng, ông đốc đứng nghiêm trang trong bộ áo là nếp thẳng thắn. Ong cám ơn mọi người đã làm hết phận sự, rồi ông tỏ nỗi lòng ông băn khoăn, khổ sở mấy hôm vừa qua :

- Các ông ạ, sự khủng hoảng bắt buộc chúng tôi phải rời các ông, tôi lấy làm tiếc vô hạn. Tôi mong sẽ có ngày kia, kinh tế vững chãi và các ông sẽ lại về làm ở đây.

Nói xong, ông đốc xem vừa ý lắm, thất lại cái cà-vạt, vuốt lại mái tóc mượt, vẻ mặt sung sướng khoan khoái, ông bước lên xe ô tô hòm giục tài xế đưa đến một khách sạn sang để dự bữa tiệc chiều"(1).

Thế là Bằng lâm vào cảnh thất nghiệp. Số tiền dành dụm bấy lâu cũng cạn tới hào cuối cùng, dù Bằng chỉ dám ăn cơm cà, rau muống. Về lại quê ư ? Làm gì ? Vì cố nuôi cho Bằng ăn học để nên một thầy ký khỏi phải bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, nên gia đình anh "có mấy sào ruộng bán dần đi hết"(2) còn đâu. Vả lại, tuy sinh ở nhà quê, cha mẹ chuyên nghề làm ruộng, nhưng Bằng nào biết đụng tới cái cuốc cái cày, đụng tới luống mạ, vồng khoai. Nói chung, Bằng không biết nghề gì khác ngoài nghề đánh máy chữ và những phép tính. Và "ánh sáng" đến với Bằng chính là... cái chết. Chỉ có cái chết, Bằng mới "cảm thấy một cách đằm thắm hơn mọi khi, cái vui, cái đẹp của đời"(3). Những người may mắn hơn Bằng, được ngồi cạo giấy, được tới tháng lĩnh lương như

---

(1)+(2)+(3) *Tiếng đàn*, sđd, trg 59, 58, 64.

Trung (*Con đường râm mát*), thì mơ được "mỗi bước một đứng lại dang tay mà thở mạnh, và để cho ánh sáng mặt trời mơn trớn da thịt"(1), bởi ngày qua ngày "Một nỗi chán ngán mênh mông khiến Trung ngừng bút trước khi viết tờ trình hay cộng sổ: Trung tựa hồ nom thấy một cách sâu xa sự vô ích phi lý của công việc và của cả đời chàng"(2). Không lúc nào Trung và những người như Trung không sợ những ông chủ râu xồm, mắt xanh, mũi lõ quở mắng, đuổi việc.

Thân phận của những viên chức thuộc địa nào có sung sướng gì đâu. *Sao bằng đi học làm thầy ký, Sáng rượu sâm-banh, tối sữa bò* (Tú Xương), nếu có thật thì thời ấy cũng đã qua, hoặc Tú Xương chỉ nhìn hiện tượng mà nói lên bản chất sự việc, chứ thấy thông, thầy ký ở vào những năm ba mươi thì buồn lắm, nhục lắm. Đương ăn, "Bỗng có người vỗ vào vai Trung. Ngảnh lại thì ra Cần, một bạn đồng nghiệp ngồi cùng một phòng với chàng.

- Cái gì thế, bác ?

- "Xồm" nó đương gọi bác inh cả lên đấy.

- Thế à ?

Trung hốt hoảng, nhai trệu trạo miếng bánh tây cuối cùng, gọi lấy nước uống.

Nửa phút sau, chàng đẩy cửa buồng giấy, cố lấy dáng tự nhiên

- Thưa ông gọi tôi ?

Ong "Xồm" nhìn Trung bằng cặp mắt nghi ngờ, nhưng thấy Trung nhìn thẳng vào mặt mình ra vẻ ngây thơ chân thật, ông chỉ vào chồng giấy để cạnh bàn :

- Anh làm xong cho tôi mấy tập hồ sơ này. Và nhớ bảo ông

---

(1)+(2) *Tiếng đàn*, sđd, trg 146, 147.

Hậu vào đây cho tôi.

Trung gật đầu, nhận tập giấy của mình trở về bàn giấy. Trong phòng im phắc, một cái im lặng cưỡng bách, nặng nề"(1). Nhận lương hằng tháng của người ta thì phải làm việc để xứng với đồng lương, nhưng trong thâm tâm dường như ai cũng lo sợ - một nỗi sợ có phần nào viễn vông, nhưng cũng có thể là sự thật, mặc dù nhiều lúc "Trung muốn tỏ ra với chính mình rằng Trung làm việc không phải là vì sợ hãi ai"(2). Song, tất cả đều dối lòng. "Trung mê mải, không biết rằng mình đương bỏ thõng hai tay, ngả người lên ghế nhìn ra ngoài, quên cả chồng giấy xếp ở cạnh.

- Anh ngắm gì ở ngoài kia thế ?

- Không... Không...

Trung hốt hoảng trả lời không nên tiếng..."(3).

Nỗi sợ bị xài xể, bị chửi mắng, cao hơn là sự mất việc đã khiến những thấy ký, thầy phán ngày ấy như con chim bị tên, thấy cành cây cong cũng nghĩ đó là cây cung đã lắp tên đang nhắm vào mình. Chỉ cần tiếng cửa sổ đóng, Hậu cũng "giật mình khi nghe thấy tiếng cánh cửa đập mạnh và ngạc nhiên tưởng nghe thấy một tiếng khóc nấc lên"(4)..

Nhục là thế. Buồn là thế. Nhưng không phải ai cũng thấy, hoặc có thấy cũng cố quên đi để được chút "tiếng thơm" cho gia đình, cho dòng họ, để được dân nghèo gặp mặt "đều cúi đầu kính cẩn" một tiếng thưa quan, hai tiếng thưa quan. Ai đi ngược lại "nguyên tắc" ấy thì được cho là gàn, là dở hơi. Người giữ vững "nguyên tắc" ấy là Thảo (*Tiếng sáo thiên thai*). Đang nói chuyện bô bô với bạn bè cùng chung mục đích ra chiều "quan" lắm. "Sực cửa phòng ông tuần hé mở, một người chạy giấy bước ra nói với chàng :

---

(1)+(2)+(3)+(4) *Tiếng đàn*, sđd, trg 140-141, 142, 145, 148.

- Mời quan vào. Cụ lớn đòi.

Hấp tấp, Thảo bỏ mặc đồng sự, vừa bước vừa trịnh trọng sửa lại vành khăn"(1). Trong lúc đó, tham Mão, "một người đương làm việc quan sung sướng ở một tòa sứ, lương bổng hậu và có chân ký bổ tri huyện lại trở nên một người nhà quê, quần áo nâu, nón lá, đứng tựa cằm trên cán cuốc. Oc chàng (Thảo - V.G) không sao tưởng tượng ra được cuộc thay đổi lạ lùng ấy"(2). Thảo lấy làm tiếc cho Mão. Nhưng Mão thì không hề tiếc khi bỏ quan trở về với ruộng vườn. Mão nói thẳng suy nghĩ của mình với Thảo: "Giá ngày xưa thì tôi cũng tiếc như ông. Nhưng bây giờ thì tôi biết rồi. Công danh chức phận lúc mới ở trường ra tôi cũng ham như người khác. Tôi thấy người ta gọi tôi là quan, tôi lấy làm sung sướng. Tôi mong làm nên to, nên danh giá, đi đâu cũng quân hầu đầy tớ, sang trọng hống hách. Nhưng bây giờ, tôi đã hiểu. Được độ một dúm người xiểm nịnh tâng bốc mình, trong khi mình luồn cúi tâng bốc người khác thì tôi thực tình không thấy hạnh phúc đâu cả"(3). Nhưng đó chỉ là chút lòng tự trọng còn sót lại của người trí thức đương thời, chứ họ cũng như con cá trong lờ không có lối ra. Họ trốn mình vào một đời tự do chật hẹp để được "muốn cuốc đất thì tôi cuốc, muốn đọc sách thì tôi đọc"(4), khỏi phải luồn cúi tâng bốc người khác. Hưng trong truyện ngắn *Thong thả*, không được như Thảo mà cũng không muốn như Mão.

Dù được làm thư ký riêng cho ông chánh, một nơi được gọi là an nhàn sung sướng - một nơi mà không ít người ao ước, nhưng Hưng "muốn sống một đời khác thường, vượt ra ngoài khuôn khổ"(5). Hưng được di chuyển công tác hết nơi này tới nơi khác theo nguyện vọng của người trai trẻ hoạt bát, khỏe mạnh không muốn sống trong cuộc đời chật hẹp như những người đồng cảnh.

---

(1)+(2)+(3)+(4)+(5) *Tiếng đàn*, sđd, trg 98, 91, 94-95, 95, 128.

Và ngày qua ngày, không ai có thể nhìn ra Hưng của ngày xưa. Hưng "đẫy ra thì có đẫy thật, nhưng vẻ rắn rỏi ngày xưa quyết không còn nữa. Đôi mắt sắc sảo nhỏ lại dưới cặp mi nặng nề, và đôi má nhẽo đã lấp mất cái cằm cương quyết (...) Hưng thuần thật rồi. Phong thổ ơi bức nặng nề của Nam Vang, cuộc đời chậm chạp của những người chung quanh đã thắng sự hoạt động linh mẫn của anh. Anh đã bị lùa vào khuôn khổ chung"(1).

Cọ quậy ư ? Tùy ! Anh muốn cọ quậy, nhà nước thuộc địa sẵn sàng và tạo điều kiện cho anh cọ quậy, nhưng không thoát ra khỏi vòng kiềm chế của luật pháp dành cho người dân mất nước. Và cuối cùng, anh sẽ khổ hơn những người biết bằng lòng với hiện tại. Dường như chưa lúc nào tâm trạng tuổi trẻ Việt Nam phức tạp như ngày ấy. Những Bằng, những Trung, những Hậu, những Thảo, những Mão... như những thủy thủ trên chiếc thuyền nan bị bão cuốn bập bềnh ngoài biển khơi không thấy đâu là bến bờ. Và mỗi người cứ việc chọn cho mình hướng đi, dù không biết sẽ về đâu, tới đâu. Những bậc làm cha làm mẹ cũng không tài nào vạch được con đường đúng đắn cho giọt máu của mình, dù họ chẳng thiếu tiền. "Cha mẹ chàng thấy chàng lớn tuổi, sợ rằng sản của đâm ra chơi bời phung phí, nên cưới vợ để giữ chàng ở nhà, cũng như nhiều nhà giàu cho con hút thuốc phiện để của khỏi chạy ra ngoài ngõ"(2). Nhân (*Chán nản*) nằm trong hoàn cảnh như vậy. Sinh ra và lớn lên trong một gia đình giàu có, Nhân không hề bận tâm đến miếng cơm manh áo, nhưng ngày qua ngày "chỉ có việc ngồi quẩn trong phòng lau lọ sứ hay ra sân ngắm núi non bộ, rồi đến chiều, ăn xong, xe ô tô đưa đi hóng mát hay đưa đến rạp hát. Chàng sống trong cảnh ấy, như cây mọc trong hang tối, không biết ngoài còn có ánh sáng nữa"(3). Tâm trạng của Nhân chính là tâm trạng của tuổi trẻ ngày ấy - tâm trạng của "những cây mọc trong hang tối".

---

(1)+(2)+(3) *Tiếng dàn*, sđd, trg 132-135, 49, 49-50.

Làm gì để cuộc đời có ý nghĩa hơn ? Họ không biết. Và họ cũng không hiểu tại sao ngày xưa lại có người cứ mãi đi tìm thuốc trường sinh. "Đời mình ngắn ngủi thế này mà không biết làm gì, lại còn muốn một đời bất diệt..."(1). Hay là trốn vào cửa Phật ? Cửa Phật từ bi sẽ rộng tay đón những nỗi buồn trần tục. "Dẫu linh hồn đương xúc động mạnh đến đâu, ở đấy cũng phải trở lại bình tĩnh vô cùng của cảnh chùa"(2).

Và Thái (*Sắc không*) mới ngoài ba mươi đã trở thành vị sư ông trụ trì chùa N.

"Ở vùng ấy, ai cũng mến phục, có lẽ kính nể sư ông nữa; thấy sư ông bao giờ cũng trịnh trọng nghiêm trang, người ta thì thầm bảo nhau rằng sư ông là một vị chân tu đã đến cõi nát bàn ngay trong đời hiện tại"(3). Nhưng... sắc tức là không, không tức là sắc, thì cái không đó chỉ là cái tánh, mà cái sắc chỉ cho tướng, và cái không chỉ cho thật mà cái sắc chỉ cho giả. Tánh biết là tánh, tướng biết là tướng, luôn luôn nhận rõ tánh tướng hạnh giải. Tướng không rời tánh, tánh cũng không rời tướng, tướng tánh không hai. Như vậy khi biết tướng là huyễn, thì tánh không phải huyễn, đã biết rõ như thế chúng ta không còn chạy theo huyễn tướng, không còn chấp nhặt cái thân này nữa. Không chạy theo huyễn tướng của thân, đối cảnh không chạy theo giả tướng của cảnh, thì người đó phá được hai cái chấp: chấp ngã, chấp pháp. Và khi phá được hết chấp ngã, chấp pháp thì tâm mới tịnh. Sư ông Thái đã hiểu ra cái lẽ sắc không khi có hai người vãng cảnh chùa rồi rủ nhau ra sau tháp làm những chuyện... rất người. Khi "Đôi mắt sắc của sư ông sáng lên và theo dõi từng cử chỉ của cô ả, dừng lại một giây trên đôi vai tròn trĩnh để hở trong chiếc áo chưa cài hết khuy"(4), sư ông đã biết giận, biết khinh bỉ. Và... sư ông đã không phá được hết

---

(1)+(2)+(3)+(4) *Tiếng đàn*, sđd, trg 53, 153, 153, 156.

chấp ngã, chấp pháp. "Hôm sau, người ta ngơ ngác kháo nhau rằng sư ông đã bỏ chùa ra đi, không biết là đi đâu. Người thì bảo sư ông hóa điên, người suy nghĩ hơn, bảo sư ông không muốn tu ở một ngôi chùa đã ô uế, trốn đi tìm một ngôi khác, tĩnh mịch hơn.

Sự thật không ai ngờ đến cả. Sư ông đã cởi trả áo nhà chùa, trở về với đời nghiệt chướng"(1).

Đời nghiệt chướng ấy luôn luôn sôi động và hấp dẫn. Thái chỉ là con người như bao con người khác sống trên cõi đời này, nên khó mà phá được chấp ngã, chấp pháp để một lòng với lời kinh tiếng mõ. Phật đã dạy: *Thuốc chỉ chữa những người không chết, Phật chỉ độ những người có cơ duyên*. Thái náu mình vào cửa thiền là do nỗi buồn của thời đại, do tìm không ra ánh sáng trước bóng đêm vong quốc, chứ đâu phải vì mộ đạo, vì muốn trở thành Bồ tát, thành Phật, nên "Đôi vai tròn và trắng của cô ả chỉ là một giọt dầu đổ thêm vào đám lửa đang ngùn ngụt..."(2). Đời nghiệt chướng ấy chỉ có với thế giới loài người. Và loài người vì nó mà sinh ra giận, hờn, thương, nhớ..., sinh ra thơ, văn, nhạc, kịch... Chính "Vương mẫu đã có lời khuyên các tiên nga xa loài người, sợ rằng những nỗi vui ô trọc với cái hạnh phúc nhỏ nhen của cõi trần làm gợn lòng tinh khiết của người tiên"(3), nhưng nàng tiên Quỳnh Dao trong truyện ngắn *Quỳnh Dao* cũng phải vướng vào cái đời nghiệt chướng ấy mà quên cái đời êm đềm, vô tư lự. "Một buổi sớm mát, cùng chị em hóa làm làn gió thổi xuống trần, Quỳnh Dao tình cờ gặp một cảnh lạ, khiến nàng vẩn vơ nghĩ ngợi. Nàng vừa bước xuống một ngọn suối nhỏ chảy róc rách trong rừng, vốc nước, giơ tay lên nhìn những giọt nước trong vắt nhỏ xuống khe đá, bỗng thoáng thấy bên bờ suối hai người ngồi sát cánh nhau, nét mặt bâng khuâng như không để ý đến cảnh vật chung quanh. Quỳnh

---

(1)+(2)+(3) *Tiếng đàn*, sdd, trg 157, 159, 112.

Dao đã muốn biến đi, nhưng lòng tò mò xui nàng đứng im, nín thở. Người con gái đặt đầu lên vai tình nhân, âu yếm ngước mắt lên nhìn. Quỳnh Dao không bao giờ quên cái nhìn đắm đuối ấy.

Nàng cảm thấy trong đôi mắt mơ màng kia một thứ say sưa huyền bí, và đến khi người con trai ghé môi xuống hôn môi người yêu, Quỳnh Dao thấy rung động một cảm giác chưa từng biết"(1). Và Quỳnh Dao đã lén trốn cõi tiên, xuống trần làm cô bán hàng xén. Quỳnh Dao đã được yêu, được nếm trải mùi vị của tình yêu. "Và tự nhiên, không biết lúc nào, Quỳnh Dao đặt đầu lên vai người yêu, say sưa nhìn lên đôi mắt huyền long lanh như đôi sao trong đêm, máu rạo rực chạy mạnh, cổ như nghẹn ngào... Quỳnh Dao thấy mình chỉ còn là cảm giác, rung động như dây đàn căng thẳng dưới ngón tay của nhạc sĩ..."(2). Rồi Quỳnh Dao đã biết buồn, biết đợi, biết chờ, biết thở than, biết thế nào là tình phụ. Cũng may vào lúc ấy, các chị em đã kịp đến đưa Quỳnh Dao trở lại chốn non bồng. "Nhưng linh hồn nàng không thấy bình tĩnh như xưa. Cuộc đời, sống vẫn êm dịu, nhẹ nhàng, cỏ vẫn non, buổi sáng vẫn mát, song những cảm giác êm nhẹ ngày trước giờ thành những cảm giác phẳng lì, không sâu xa, không đằm thắm. Thà đau khổ mà nếm những vị thú say sưa đến đắm đuối cả linh hồn. Hương vị nồng nàn của cặp môi thắm, nàng còn thấy cay ở miệng"(3).

Truyện viết theo kiểu Liêu trai này, trong tập *Tiếng đàn* còn có truyện *Hoa thủy tiên*. *Hoa thủy tiên* được đăng trên báo *Phong Hóa* ngay từ những số đầu, và được Thế Lữ chuyển thành thơ, in trong tập *Mấy vần thơ* (xin xem phần *Phụ lục*). Truyện kể về Vân, "người rất yêu hoa thủy tiên. Năm nào cũng vậy, cứ đến cuối tháng một là chàng không quên mua thủy tiên về để chật cả phòng ngủ.

---

(1)+(2)+(3) *Tiếng đàn*, sđd, trg 113-114, 116, 122.

Từ đó, chàng bỏ hết mọi việc, chỉ chăm chăm săn sóc đến thủy tiên. Chàng chỉ chọn những củ mập mạp và nhiều dò để tự tay gọt lấy rồi ngày ngày, chàng dậy thật sớm tỉa và rửa thủy tiên, tuy nước lạnh làm cóng cả mười đầu ngón tay. Đến hôm mồng một tết, Vân đếm từng bông hoa nở, và năm nào thủy tiên nở nhiều và đều thì không còn tìm đâu thấy một người sung sướng bằng chàng"(1). Một đêm ba mươi, Vân đang âu yếm nhìn những nụ thủy tiên sắp nở, thì có tiếng chó sủa khiến chàng nhớ đến lời hẹn với người bạn là sẽ xông nhà khi giờ giao thừa điểm. Vân khoác áo ra đi và... lạc vào căn nhà vừa lạ vừa quen. Khi giờ giao thừa điểm, "Vân bỗng giật mình. Cái rèm treo từ từ cuộn lên, rồi... rồi trong khung cửa, chàng choáng váng cả người đứng dậy nhìn... nhìn một người con gái tuyệt sắc trông chàng mỉm miệng cười. Vân bâng khuâng như lạc loài vào động tiên, nhưng cái khuôn mặt trái xoan, cặp môi thắm của giai nhân, chàng trông quen, quen lắm, và hai con mắt biếc như nước thu trông hình như hữu tình với chàng đã từ thủa xưa"(2). Lần lượt mười hai cô gái đẹp như tiên giáng trần vận áo xanh, quàng khăn vàng ra chào, mời nước chàng. Khi chia tay, một cơn gió thổi qua, làm Vân tỉnh giấc và thấy mình vẫn còn ở nhà, đang đứng tựa bên cửa sổ. "chàng chỉ còn thấy thoang thoảng mùi hương và trông lên bát thủy tiên của chàng, mấy nét vẽ nàng Oanh Oanh còn đậm nhạt trong bóng tối. Trong bát, giữa đám lá xanh, mấy bông hoa nở trắng. Chàng lại gần nhìn thấy nở vừa chẵn mười hai bông, nhị vàng như còn nét cắt"(3).

Thú thật, khi đọc hết tập truyện này, tôi không ngờ Hoàng Đạo viết truyện ngắn đạt đến thế, thậm chí có không ít truyện ngắn hay. Mười lăm truyện ngắn được chọn vào tập, tôi thích nhất

---

(1)+(2)+(3) *Tiếng đàn*, sđd, trg 174, 177-178, 179.

truyện *Tiếng đàn, Một gia đình, Dưới làn sóng*. Truyện ngắn *Một gia đình* , Hoàng Đạo kể về một gia đình hát rong, mong nhờ vào lòng thương hại của mọi người. "Chồng kéo nhị hay gẩy đàn bầu, vợ hát. Thằng cu con, độ sáu, bảy tuổi, nhem nhuốc, cái áo cánh nâu rách ngắn để hở rốn, ngồi nghịch cái chậu thau đã han rỉ, dùng để đựng tiền"(1). Nhân vật "tôi" trong truyện cũng như một số người qua đường khác thích nghe giọng hát mượt mà, và tiếng đàn điệu nghệ của đôi vợ chồng trẻ hát rong. Đã có người cho rằng, vợ chồng người hát rong ấy, ngày xưa là đôi trai tài gái sắc. Chị là cô đào có tiếng của gánh hát chèo, còn anh là một người phong nhã, yêu âm nhạc, cảm thanh sắc, bỏ nhà cửa theo cô đào xinh xắn. Họ đã yêu và đã nên vợ thành chồng. Nhưng rồi... "Ánh chiều qua, ánh chiều lại qua. Chuỗi ngày ái ân bao giờ cũng ngắn ngủi. Thời khắc trôi, và trôi theo tuổi trẻ, tình yêu và hi vọng. Gánh hát tan. Anh chị đưa nhau về ẩn một nơi thôn quê trầm tịch, nhưng người ta không thể chỉ sống bằng ái tình và nước lã. Hai người đã cố tìm việc làm, đã dày dạn nắng mưa, đã biết đời cực nhọc"(2). Tiếng hát của chị Tạc - "cô đào có tiếng của ngày xưa", đã kéo bước chân của "tôi" đến thường ngày. Tiếng hát của chị làm mọi người quên cả nóng bức. "Chị Tạc giở đủ giọng, chị đi từ giọng Bắc nhanh nhẹn, lưu loát, sang giọng Nam chứa đầy nỗi buồn mênh mang. Toàn những âm điệu hồn nhiên, rung động lòng người, đưa tâm hồn đến những thế giới tình cảm xa xăm, đầy thơ, đầy mộng, đầy hương thơm. Chốc chốc chị ngừng hát, nhưng trong yên lặng, dư âm của lời ca vẫn còn xao xuyến trên dây đàn của linh hồn"(3). Nhưng rồi... "Những ngày oi nồng đã hết, và cũng đã hết những ngày trong sáng của mùa thu ngắn ngủi. Gió bấc đã bắt đầu đuổi

---

(1)+(2)+(3) *Tiếng đàn*, sđd, trg 36, 40, 37.

lá bàng trên những con đường vắng, và tiếng sếu kêu lạnh đã van động trong đêm khuya. Con gái nhà giàu mặc thử những bộ á nhung ấm, con nhà nghèo rét run trong mảnh áo rách.

Đêm đến, đường sá vắng tanh, không có vẻ đông đúc rộn rị nữa. Cuộc sinh nhai ngoài phố càng thêm khó khăn; càng ngà càng thấy vắng người dừng chân lại nghe vợ chồng chị Tạc. H vội vàng đi về những căn nhà ấm cúng, hưởng sự êm đềm của gi đình, không ai nghĩ đến những cảnh đời thiếu thốn chung quanh Tiếng xu rơi vào chậu thau mỗi đêm một hiếm, và tiếng hát củ chị Tạc không thấy cao lên nữa"(1). Nước sông, nước suối cũng c lúc đầy lúc vơi, thậm chí có lúc cạn kiệt, huống gì lòng thương hạ của con người. Lòng thương của con người đến với con người khôn như lòng mẹ bao la, nên cái nghèo cái đói đã đổ ập lên cuộc đờ gia đình chị Tạc. Và cái gia đình hát rong ấy phải tìm cách sống khi tiếng đàn, tiếng hát của họ không còn ai nghe, bởi giá rét buộ những người có nhà cửa, có miếng ăn hằng bữa lùi vào bên lò sưởi quấn mình trong những chiếc chăn bông. Gia đình hát rong ấy đ đâu, về đâu không mấy ai để ý. Và đến một ngày... "Trời tối dần Về phía mộ làm phúc, tôi chợt thấy một đám ma người nghèo. Ba bốn người phu đương khiêng một cái quan tài mộc, theo sau một người lớn và một đứa trẻ. Một nỗi buồn thấm thía đến cắn lấy lòng tôi, khi tôi nhận ra cha con anh Tạc. Tôi sực nhớ đến tiếng ho khan của chị Tạc những đêm đông giá lạnh, và tôi chợt hiểu vì lẽ gì ít lâu nay tôi không gặp vợ chồng chị. Trong lúc ấy, áo quan từ từ đặt xuống hố, tôi nghe tiếng rút dây rõ ràng trong sự yên lặng của buổi chiều. Rồi có tiếng khóc rên rỉ, đem lại một nỗi buồn mênh mông"(2).

---

(1)+(2) *Tiếng đàn*, sđd, trg 41-42, 43.

Con người là loài động vật cấp cao, nhưng xưa nay không ai được quyền chọn cho mình quê hương, chọn cho mình cha mẹ. Vì lẽ đó mới có chuyện: *Bất phong trần phải phong trần, Cho thanh cao mới được phần thanh cao* (Kiều). Con người luôn luôn muốn vượt qua cái ngưỡng cửa đói nghèo, nhưng dường như cái đói, cái nghèo cứ bám lấy con người. *Gánh cực đem đổ lên non, Còng lưng mà chạy cực còn đuổi theo* (Ca dao). Cái đói, cái nghèo có lúc nó bám từ khi con người còn nằm trong bụng mẹ, và nó đuổi theo cho đến hết đời. Nó cứ như muốn làm bạn với hết thảy mọi người, không chê ai, không từ bỏ một ai. Thằng bé Minh trong truyện ngắn *Tiếng pháo xuân* được làm bạn với cái nghèo, cái đói từ trong bụng mẹ. Đêm ba mươi tết, trời rét căm căm, nó chỉ biết "co ro trong chiếc tải rách, miệng làu nhàu kêu rét"(1), không biết than thở cùng ai. Trong lúc ấy, chung quanh nó, nhà nhà đều vui đùa trong không khí chan hòa hạnh phúc mong chờ mùa xuân mới với trăm sự tốt lành hơn. "Hắn rùng mình. Hắn nghĩ tới số phận của một đứa trẻ không cha mẹ, sống lạc loài trong sự lo sợ, trong sự đói rét. Số phận hắn là số phận của đám bọt ánh sáng lênh đênh trôi trong biển trời đen thẳm, không chút tình thương yêu, không một tia hi vọng. Hắn bỗng cảm thấy hết cả nỗi khổ của đời cơ cực. Những cảm tưởng ấy thoáng qua như cơn gió lạnh ở đâu lại, lùa vào khe cửa rồi biến mất"(2). Biến mất để được hi vọng, dù chỉ là hi vọng mơ hồ.

Nhìn qua khe cửa nhà người, thấy khung cảnh đầm ấm, Minh nhớ đến mẹ, nhớ đến gương mặt xanh xao, hốc hác của người mẹ lúc hấp hối trên chiếc chõng tre xiêu vẹo trong túp nhà tranh lụp xụp ngoài bãi. Nhưng đó là mẹ. Và người đàn bà no đủ trong căn nhà kia, Minh thấy cũng hiền từ, phúc hậu...

---

(1)+(2) *Tiếng đàn*, sđd, trg 101, 101-10

Tiếng pháo giao thừa nổ vang đón chào năm mới, Minh giật mình tự hỏi tại sao mình lại ở ngoài mé hiên, và cậu bé vội vã muốn vượt qua làn khói pháo xuân để lọt vào nhà. Nhưng người đàn bà hiền từ ban nãy đứng nhìn hắn, hầm hầm quát tháo:

- Năm mới của người ta ! Đồ chết dẫm. Muốn sống thì bước ngáy, không có bà cho rũ tù.

Cố nén tiếng khóc đương nức nở trong lòng, tiếng khóc của sự thất vọng không cùng, Minh ôm đầu chạy thẳng vào đêm tối..."(1).

Giấc mơ và hiện thực nào dễ gặp nhau. Khoảng cách ấy lớn lắm. Tội chăng là tội cho Minh, cho những người tự huyễn hoặc mình, tự tìm đến và sống với những giấc mơ như Minh, dù tuổi đời cũng như sự từng trải hơn hẳn cậu bé mồ côi, đói khổ kia. Tôi cũng đã có thời mơ đến một xã hội như thời Nghiêu-Thuấn, mơ đến một cõi Niết Bàn ngay giữa cõi đời ô trọc mà tôi đang sống. Nhưng càng có tuổi, tôi càng hiểu rằng, xóa hết những bất công trong xã hội để không còn cảnh kẻ ăn không hết, người lần không ra thật chẳng dễ chút nào. Do đó, cái tình người đối với tôi lúc nào cũng lớn, cũng vĩ đại. Cứ thử nghĩ, nếu mọi người là những rô-bô làm việc gì cũng theo chương trình vạch sẵn, thì cuộc đời đáng chán biết bao. Cái nghĩa, cái tình luôn có sẵn trong lòng mỗi người, và tùy sự phân phát của họ. Đọc truyện ngắn *Dưới làn sóng* , tôi lại càng qúi trọng cái nghĩa cái tình của Mịch đối với vợ với con.

Mùa lũ về, Mịch cùng với những trai làng được quan sở tại điều ra đắp đê, phòng chống thiên tai. Mỗi người mỗi cảnh, nhưng họ đều ra sức, và "Mịch hì hục vác, nhanh nhẹn, nhịp nhàng, không hề nghĩ đến cái cớ bắt Mịch ra đây làm việc không công"(2). Bởi đây cũng chính là nghĩa vụ và quyền lợi của họ, của xóm làng họ.

---

(1)+(2) *Tiếng đàn*, sđd, trg 107-108, 164.

Nhìn dòng nước đỏ lừ cuộn cuộn chảy về xuôi cùng tiếng trống hộ đê thúc giục, không một ai dám lơi tay. Rồi... "Trưa hôm ấy, trời hửng nắng. Mọi người trông nhau, tươi tỉnh hẳn lại. Mịch vui vẻ ngồi ăn bữa cơm trưa. Anh đói nên ăn rất ngon miệng. Vài bát cơm khoai, mấy con cá kho muối, anh thấy hương vị đậm đà, nên lúc giỏ cơm đã hết, anh chép miệng nói một mình :

- Giá có cơm nữa mà ăn nhỉ !

Bỗng Mịch nghĩ đến gia đình. Anh băn khoăn tự hỏi :

- Chẳng biết hôm nay mẹ cái Ốc có mò được con cua nào không ? Rõ khổ... Mình ở đây còn có cơm ăn, chứ mẹ con nó biết nuôi nhau bằng cái gì ?"(1).

Ý nghĩ ấy cũng chỉ thoáng qua, tất cả trí lực đều dành cho công việc trước mắt. Nhưng mực nước mỗi lúc một dâng cao và lừ lừ một cách hung dữ. "Ai nấy buồn bã nhìn ra ngoài đê. Anh tà dương viền bạc đám mây xám nằm ngang phương tây, nhuộm tía mấy đám mây lơ lửng trôi ở trên không, phản chiếu xuống mặt sông, mặt đê, xuống cánh đồng lúa non rợn xanh đến chân trời. Không một ngọn gió trong không khí nặng nề. Lòng sông mênh mông cũng như ngưng lại không chảy nữa. Người và vật chìm đắm trong một giấc mơ êm tĩnh lạ thường...

Bỗng trong đám mây xám, Mịch nhác thấy một tia chớp. Một lúc sau, trời tự dưng tối sầm lại: màu nước, màu mây biến ra nhợt nhạt trong một thứ ánh sáng mờ ảo. Mặt sông gợn sóng. Mây kéo lên khắp trời. Khoảnh khắc, dưới ngọn cuồng phong, sóng bạc đầu theo nhau nổi lên trên mặt sông mỗi lúc một mau. Mưa đổ xuống như thác. Trời tối hẳn. Tiếng trống hộ đê bắt đầu gieo nỗi kinh hoảng vào lòng người. Lẫn trong tiếng tre sột soạt tiếng sóng ì ầm vỗ vào mạn đê, tiếng trống nghe bổng trầm như tiếng kêu cứu

---

(1) *Tiếng đàn*, sđd, trg 164.

của một người hấp hối. Thỉnh thoảng, trong khoảng trời mù mịt, hiện ra một bó đuốc gieo ánh sáng đỏ thê thảm ra chung quanh rồi biến đi, khiến đêm tối lại càng thêm tối. Mịch, thân thể ướt át, đứng ở mạn đê cắm cọc tre xuống một cách mạnh mẽ, nhưng tuyệt vọng. Anh cảm thấy sự kinh khủng bao bọc lấy mình, như nom được sự hung hãn dị thường của nhưng sức mạnh huyền bí vô cùng của trời đất. Trước những mãnh lực tàn khốc ấy, Mịch có cái cảm tưởng rõ rệt rằng cả anh và những người khác bên cạnh đều nhỏ nhặt, yếu hèn như giống kiến, giống trùng, không thể cản trở hay kháng cự lại được"(1).

Và sức người có hạn. Những bờ cừ, những thúng đất... không chống lại được sức nước hung dữ từ đầu nguồn đổ về. Và... "Mịch rùng mình. Anh nhìn con nước xói vào cánh đồng ầm ầm như thác ngàn đổ, mãnh liệt không có sức nào cản nổi. Anh nhìn chung quanh. Toàn những bộ mặt nhợt tái diễn tả bao nhiêu nỗi khủng khiếp ngấm ngầm.

Hơn một giờ sau, Mịch mới tìm được một chiếc thuyền nan. Anh nhân lúc lính vô ý, trốn thoát nhảy xuống thuyền, tâm trí để hết đến việc trở về làng. Một tay anh cầm gáo tát nước ứ ra ngoài, còn một tay ra sức chèo. Trong đêm tối, hạt mưa nặng vẫn ào ào đập lên chiếc nón lá, gió vẫn thổi mạnh. Con thuyền bị trôi băng trên mặt nước, Mịch phải để ý giữ gìn từng li từng tí mới khỏi bị sóng đánh úp. Anh thuộc đường nên lắm khi ngược nước, chiếc thuyền con có chòng chành nhưng đi vẫn thoát.

Nửa giờ qua. Mịch thoáng thấy bóng cây đa cổ thụ in đám lá đen kịt lên màu trời đen xám. Lòng anh hồi hộp, phấp phỏng. Anh vẫn biết trong lúc nguy kịch, trong làng không còn ai nghĩ đến vợ con anh. Anh chỉ còn cậy vào sức mình. May mà vài

---

(1) *Tiếng dàn*, sđd, trg 166.

mươi con sào nữa là anh về đến nhà. Vợ anh chắc lúc này đang ngồi ẵm con trên nóc túp lều tranh. Ý tưởng ấy khiến Mịch chèo thêm mạnh tay. Giây phút, con thuyền đã vượt qua con đường bên gốc đa. Ngọn nước kéo chiếc thuyền về phía dưới, anh ra sức chèo ngược lên. Con thuyền ở giữa hai cái mãnh lực gần thăng bằng, nên cứ như đứng im một chỗ. Bỗng Mịch nghe trong khoảng đêm tối một tiếng kêu cứu, tiếng kêu hốt hoảng bao hàm bao nhiêu nỗi kinh khủng. Chàng ráng hết sức, vượt qua ngọn sóng, giơ tay vớ lấy một cành đa. Con thuyền nhẹ bồng lên, những đợt sóng réo theo nhau chạy về phía dưới. Mịch bật bồng nhìn về nhà kêu :

- Mẹ cái Ốc đâu ?

Tiếng gió trả lời anh. Anh gọi luôn mấy tiếng nữa cũng không ai đáp lại. Lòng Mịch rạo rực: trái tim anh đập rất mau. Hết sức, anh nhún mình đưa con thuyền đè sóng, đâm ngang vào bụi tre mà anh biết là ở cạnh cổng nhà, rồi hai tay anh với lấy cành tre giữ thuyền lại. Mắt tre đâm vào cánh tay, anh cũng không thấy đau. Ánh sáng của bó đuốc nhỏ chiếu tỏa ra chung quanh. Mịch rên lên một tiếng khổ não. Anh đăm đăm nhìn về phía nhà và chỉ trông thấy vũng nước đỏ ngầu lấp lánh dưới ánh đuốc. Mắt anh mở to. Anh trừng trừng nhìn trên mặt sóng bấp bênh chiếc mái nhà lật ngược. Tuyệt vọng, Mịch sực nhớ đến tiếng kêu ban nãy, tiếng kêu cuối cùng của vợ anh có lẽ đang ẵm con thơ. Mịch run bắn cả người, hai tay rời cành tre. Một làn gió mạnh, một đợt sóng qua. Chiếc thuyền nghiêng ngửa, Mịch không vững chân, ngã ngửa người vật xuống nước..."(1).

Truyện ngắn này, được trích dẫn hơi dài, bởi vì nó đã gây ấn tượng mạnh trong tôi. Không được sinh ra và lớn lên ở những vùng hay bị đe dọa vỡ đê khi mùa lũ về, và cũng chưa một lần nhìn thấy

---

(1) *Tiếng đàn*, sđd, trg 168-170.

cảnh vỡ đê, nhưng qua *Dưới làn sóng* , tôi đã hiểu, đã có những nỗi lo lắng hơn khi thấy đất trời nổi cơn thịnh nộ, khi nghe đài Khí tượng thủy văn dự báo những tin chẳng mấy tốt lành; đã biết giận, biết buồn khi biết có một số người lợi dụng đồng tiền, lợi dụng những lá thư tay, những yếu kém hay vì thiếu hiểu biết của ai đó để lấn chiếm, xây nhà trên mặt đê. Tôi đã được chung sống cùng với lụt hàng năm và cũng đã dùng rựa phá khu đĩ, leo lên nóc nhà kêu cứu khản cả giọng ở trận lụt năm Giáp Thìn (1964). Nhưng đó chỉ là bản năng sinh tồn, chứ giữa đêm khuya, nước lớn hốn và chảy xiết, ai là người thừa lòng nhân từ đẩy chiếc ghe nan mỏng manh ra khỏi bờ tre đi cứu người ? Và cứu đi đâu một khi sinh mạng vợ con họ cũng đang bị biển nước mênh mông mà hung dữ kia đe dọa. Và đâu thiếu người thừa lòng can đảm, nhưng vẫn bất lực nhìn người thân của mình trôi theo dòng nước ? Dưới mưa và gió cùng cái lạnh tím da, lạnh vào tận xương tủy, tôi đã được nghe tiếng kêu, tiếng rên tuyệt vọng của ai đó đang bám vào mảnh ván, thân tre, khúc chuối cây... trôi bập bềnh trong đêm lạnh ngoài kia. Khi màn đêm tan dần, tôi đã nhìn thấy nhà cửa , trâu bò trôi lềnh khênh giữa bể nước đục mênh mông và đã có lúc tôi nghĩ, chẳng bao lâu nữa mình cũng như vậy. Do đó, tôi khá thích thú và thật sự xúc động khi đọc truyện ngắn này. Với tôi, văn chương hay không phải chỗ cầu kỳ; văn chương phải hiện ra với tất cả sự hồn nhiên thì mới thấm vào người đọc. Khi đọc lại những chồng báo cũ, tôi đã phát hiện thêm một số truyện ngắn của Hoàng Đạo. Trong số truyện này, tôi thích nhất truyện ngắn *Một cơn gió*. *Một cơn gió* kể về vợ chồng anh Nứa - một gia đình nông dân nghèo. "Cái nghèo nàn theo đuổi vợ chồng bác không biết từ bao giờ; suốt năm, hai người không lúc nào nghĩ, lúc nào cũng đi làm mướn để kiếm miếng ăn, mà vẫn không sao đủ"(1). Mấy ngày nay, gạo trong

---

(1) Hoàng Đạo: *Một cơn gió*, báo *Ngày Nay*, số 129, ngày 24 Sept. 1938, trg 7.

nhà không còn một hạt. Đấu gạo chẩn bần hai vợ chồng lĩnh được cũng chỉ dám nấu cháo loãng húp mỗi bữa một bát cầm hơi, nhưng rồi cũng hết. "Nứa nhìn cái chõng tre đã gãy mất một chân, cái bàn thờ gỗ tạp đã mọt, trên đó trơ trọi một cái bát hương mẻ đầy tro, lẳng lặng thở dài. Ở một góc nhà, lờ mờ trong bóng tối là một cái mâm gỗ. Bấy nhiêu đồ đạc bán đi không ai mua, không có chút giá trị gì nữa, chỉ còn đem mà dùng làm củi đun. Nhưng đun gì bây giờ ?"(1). Nhà họ chẳng còn hạt gạo, không còn bát cám, thì đúng chẳng biết đun thứ gì. Vay mượn đâu đó chờ đến ngày mùa chăng ? Chuyện đơn giản như vậy ai mà chẳng biết, nhưng "Nhà nào cũng hết cả gạo. Còn bà Ba thì bà ấy bảo nợ của bà ấy nhiều rồi"(2). Tha phương cầu thực ? Bỏ quê hương bản quán lên Hà Nội kiếm ăn ? Vợ chồng Nứa đã từng nghĩ tới, và lần nào Nứa cũng "cảm thấy bàng hoàng một nỗi lo sợ như người sắp ngã xuống giếng sâu. Nhưng bây giờ thì không thể đừng được nữa. Ở nhà quê, những ngày lụt lội, thì sống làm sao để đợi những ngày mùa ấm áp.

Những ngày mùa ! Nứa nghĩ đến như thoáng ngửi thấy hương thơm của những bông lúa non, cánh sắc và đầy nhựa. Những ngày vui vẻ, đầm ấm của đời người nông phu. Những bó lúa thơm bác gặt, bác biết là không phải của mình, nhưng không vì thế mà bớt sung sướng. Những bó lúa ấy đối với bác là tiêu biểu những ngày no ấm, những ngày làm cho bác quên nỗi khó nhọc, vất vả quanh năm.

Nứa rùng mình. Bác chợt nhớ đến ngày hôm nay với sự thiếu thốn, sự đói kém trước mắt"(3). Và hai vợ chồng đành bỏ xứ ra đi, dù trong lòng biết bao luyến tiếc. Đến Hà Nội, hai vợ chồng cũng chẳng biết làm gì cho ra gạo, ra cơm và cơn đói lại tiếp tục hành

---

(1)+(2)+(3) Hoàng Đạo: *Một cơn gió*, báo *Ngày Nay*, số 129, ngày 24 Sept.1938, trg 7, 7, 7.

hạ. Nứa ngã bệnh. Vợ đi từ sáng đến trưa đem về cho chồng nắm xôi nhỏ với một ít vỏ khoai ăn cầm hơi.

"- Anh cứ nằm đây để tôi cố đi buổi chiều hôm nay xem sao"(1). Chị Nứa đi, đi mãi và nhặt được gói bánh, thì bị cảnh sát rượt. Chị cố sức chạy về đưa gói bánh cho chồng, nhưng chưa kịp nhét vào tay người chồng thương yêu đang bệnh nằm ở góc phố, thì đã bị bắt. "Một câu nói bẩn, một câu chửi rủa :

- Ngữ này thì ông cho mọt tù.

Bác Nứa gái nức nở van xin. Nứa cũng cố lê dậy, tìm những lời tha thiết. Nhưng nét mặt của người cảnh sát vẫn thản nhiên :

- Thôi lên bóp, allez !

- Bẩm, nó rơi xuống đất thì con nhặt, chứ con có lấy của ai đâu. Chúng con đói qúa rồi, ông thương cho.

Người cảnh sát cau mặt, gắt một câu rồi kéo người đàn bà đi. Nứa nắm áo vợ kéo lại, thì bị một gậy vào đầu, choáng óc :

- Có bỏ ra không, ông đánh chết bây giờ !

Nứa đau điếng người đi, ôm đầu nnìn vợ bị kéo dần vào bóng tối. Trong lòng bác, sự phẫn uất đã lên đến cực điểm. Bác nghẹn ngào nhìn ánh đèn điện bắt đầu sáng như một kẻ thù. Bao nhiêu nỗi hằn học, tức tối nổi dậy trong tâm hồn, làm mất Nứa sáng lên như con mất thú dữ. Một chiếc bánh rơi nhặt lên để ăn trong lúc đói mà bị bắt, rồi bị tù tội, bác coi như một sự bất công ghê gớm. Trước mắt bác, hiện ra cảnh nhà tù, hôi hám, khổ sở đến cực điểm..."(2). Khi hiểu được sự bất công không phải do số phận đối với Nứa thì... đã muộn. "Ngày hôm sau, trong các báo hàng ngày, người ta thấy đăng trong mục việc vặt một tin ngắn :

---

(1)+(2) Hoàng Đạo: *Một cơn gió*, báo *Ngày Nay*, số 129, ngày 24 Sept.1938, trg 8, 8.

- Sáng hôm nay, sở cảnh sát tìm thấy xác một người nhà quê không có căn cước gì cả. Không có vết tích gì khả nghi, nên đã cho đem xuống nhà xác"(1). Đó không chỉ là bài diễn văn khóc Nứa mà còn khóc cho những người cùng đinh đói khổ, khóc cho những người lạc lối ngay trên quê cha đất tổ của mình mà mình không hề biết hoặc cố tình không biết.

Hơn nửa thế kỷ đi qua, chưa ai có nhận xét gì về truyện ngắn của Hoàng Đạo. Nhưng qua những truyện ngắn đã dẫn, tôi cho rằng, Hoàng Đạo không có gì phải xấu hổ khi được xếp ngang hàng với những cây bút truyện ngắn sáng giá cùng thời. Sau này, trong *Đời thừa*, Nam Cao có viết: "Một tác phẩm có giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi... Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bằng... Nó làm cho người gần người hơn"(2), tôi nghĩ không phải không đáng để chúng ta suy gẫm. Và những truyện ngắn của Hoàng Đạo ngày hôm nay đọc lại vẫn còn làm lay động tình người, chứng tỏ những công sức ông bỏ ra cho lĩnh vực này không phí.

Trong những tác phẩm của Hoàng Đạo đã được xuất bản, tái bản nhiều lần thì có một tác phẩm được nhiều người, nhất là giới trẻ cấp sách đến trường bậc trung học đệ nhị cấp ở miền Nam trước năm 1975 (ngày nay gọi là trung học phổ thông) không ai không biết, đó là tác phẩm *Mười điều tâm niệm*.

Mười điều tâm niệm theo tác giả là "những ý tưởng chính", "những nền tảng của tinh thần mới" mà tác giả muốn gửi đến những người tuổi trẻ đang băn khoăn trước cái cũ, cái mới, trước

---

(1)Hoàng Đạo: *Một cơn gió*, báo *Ngày Nay*, số 129, ngày 24 Sept.1938, trg 8.
(2) Báo *Văn nghệ - Hội Nhà văn Việt Nam*, số 46, ngày 26.10.1996, trg 5.

"cõi đời của phái Trung dung" đã và đang được quảng bá trong lớp trẻ có học. *Mười điều tâm niệm* được đăng trên báo *Ngày Nay* từ số 25 (tháng 9 năm 1936) đến số 41 (tháng giêng năm 1937), và in thành sách vào tháng 3 năm 1939. Tác phẩm này thuộc loại sách khảo cứu (loại sách *Nắng Mới*) của nhà xuất bản *Đời Nay*. Vào đầu sách, Hoàng Đạo đã nhân danh cả nhóm, kêu gọi: "Hỡi các bạn trẻ !". Và tác giả mạnh dạn tuyên bố, thanh niên "cần phải có một cuộc đời mới, với một tinh thần, một linh hồn mới. Đó là cuộc đời của các bạn, của phái trẻ chúng ta"(1). Nếu chúng ta đọc qua những sáng tác của nhóm Tự lực văn đoàn, cụ thể qua những truyện ngắn truyện dài của họ, ta thấy họ bám khá sát tôn chỉ đã đề ra, nhưng hay đến đâu, đúng đến đâu thì đó cũng chỉ là... tiểu thuyết. *Mười điều tâm niệm* là đúc kết những ý tưởng của nhóm Tự lực văn đoàn, và phần nào tinh hoa của ông cha. Ý chủ quan của Hoàng Đạo là muốn *Mười điều tâm niệm* như là thứ "kinh nhật tụng", thứ "cẩm nang", thứ sách "gối đầu giường" dành cho thanh niên. Những năm đầu của thế kỷ, Nguyễn Quyền khuyên thanh niên: *Phen này cắt tóc đi tu, Tụng kinh ĐỘC LẬP ở chùa DUY TÂN*, nhưng "kinh Độc lập" và "chùa Duy tân" chưa thấm vào lớp trẻ bao nhiêu, bởi tư tưởng Khổng-Mạnh còn đong đầy trong họ. Các khoa thi chữ Hán chưa bỏ, nên họ vẫn tiếp tục theo nghiệp bút nghiên để hòng mong đỗ đạt làm quan nhằm trả hiếu cho tổ tiên, cho cha mẹ, cho làng xóm. Và những năm cuối thập niên ba mươi, Hoàng Đạo đã "chép kinh", "dựng chùa" cụ thể hơn, sát sườn với cuộc sống, với hoàn cảnh của đất nước hơn. Có người đã cho rằng, Hoàng Đạo chỉ "sao chép" những gì người xưa đã nói, đã làm chứ chẳng tài giỏi gì. Chuyện tài giỏi, đúng sai, tôi nghĩ cũng... khó nói, nhưng riêng tôi, thấy ông ít ra cũng là người có tấm lòng với lớp trẻ, với đất nước. Bởi những người viết văn,

---

(1) Hoàng Đạo: *Mười điều tâm niệm*, Khai Trí xb, S. 1972, trg 13.

làm báo ngày ấy nào ít, mà đã có mấy người nghĩ như ông, viết như ông ? Và chuyện kế thừa những di sản của tiền nhân là chuyện bình thường và đáng hoan nghênh. Cái quan trọng là biết kế thừa như thế nào, kế thừa ra sao. Và Hoàng Đạo không chối bỏ sự kế thừa ấy ngay những dòng đầu của *Điều tâm niệm thứ nhất*: "Với các nước khác ở Viễn Đông, nước Việt Nam ta, cách đây năm mươi năm sực tỉnh một giấc ngủ ngàn năm"(1). Do đó, tôi hoàn toàn cảm thông những ước mơ ấy và đồng tình với ý kiến của F. Engels: "Lịch sử của khoa học là lịch sử của những gạt bỏ dần những điều ngu ngốc đó bằng những điều ngu ngốc mới nhưng ngày càng ít phi lí hơn"(2).

Điều tâm niệm thứ nhất: ***Theo mới - Hoàn toàn theo mới không do dự.*** Ở phần này, Hoàng Đạo cho rằng, cuộc đời cũ bị lồng trong những lễ nghi, tập tục phức tạp và lạc hậu, và cái ảo vọng dung hòa hai nền văn hóa cũ - mới đã cản bước tiến của dân tộc. Phái "trung dung" hiện ở nước ta "rất thịnh hành và cũng rất có quyền thế. Họ nêu ra cái thuyết dung hòa văn hóa cũ và văn hóa mới, lời lẽ nghe ra có vẻ uyên thâm lắm. Còn gì hơn là giữ những điều gì hay của văn hóa Tàu làm vốn, thâu thập những cái hay của văn hóa Pháp để thêm thắt vào, như vậy chẳng mấy lúc ta sẽ có hai văn hóa, ta sẽ hóa ra văn minh hơn hết thảy các nước trên hoàn cầu"(3). Và suốt thời gian dài, "Họ chỉ lo những tiến cùng lùi, nên họ hóa đứng yên một chỗ như con ngựa đạp đất một nơi, ra vẻ hăng hái lắm, nhưng không đi được nửa bước"(4). Với Hoàng Đạo, theo mới nghĩa là Âu hóa. Có người chưa đọc tác phẩm, chỉ nghe vậy đã vội cho Hoàng Đạo là người mất gốc. Nhưng Hoàng Đạo lí giải khá rõ: "Âu hóa không phải là ăn vận cho đúng mốt ở

---

(1) Hoàng Đạo: *Mười điều tâm niệm*, Khai Trí xb, S, 1972, trg 15.
(2) *Tuyển tập Mác-Ăngghen*, T.VI, Nxb Sự thật, H, 1983, trg 737.
(3)+(4) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 16, 17.

Paris, nhảy đầm cho đúng điệu, nặn mũi cho lõ, pha thuốc vào mắt cho xanh. Âu hóa là phải tìm đến những điều cốt yếu của văn hóa Tây phương để áp dụng vào đời ta. Văn hóa Âu Mỹ đem sang trồng ở đất ta tự nhiên sẽ biến; những điều hợp với tinh thần riêng của dân tộc Annam sẽ còn và nẩy nở ra, những điều không thích hợp sẽ tự nhiên bị đào thải. Không nên lo ta sẽ hóa ra người Pháp nửa mùa, nói tiếng Pháp lai căng. Dân tộc ta bị hàng ngàn năm văn hóa Tàu đàn áp mà vẫn giữ được tư cách riêng, không đến nỗi hóa ra người Tàu cả. Vậy bây giờ ta đem văn hóa Thái tây áp dụng vào cuộc đời, mũi ta không đến nỗi hóa lõ, và ta không đến nỗi mất tinh thần riêng của ta"(1). Và thời gian không còn nhiều, "Ta phải đem hết nghị lực và lòng nhiệt thành ra làm việc để vớt lại thì giờ đã mất, để đền bù vào sự chậm chạp kia"(2).

*Điều tâm niệm thứ hai: **Tin ở sự tiến bộ - Một ngày có thể một hơn.*** Theo Hoàng Đạo, dân tộc ta cứ phải nằm bẹp dí một chỗ, chẳng qua ta cứ mãi nhìn về qúa khứ. Nơi ấy có những đại hiền, những thánh nhân với những khuôn vàng thước ngọc. Và bao đời qua, ta cứ nghĩ, "Thánh nhân ngày xưa đã tới cực điểm của sự tu thân, ngày nay và ngày mai ta chỉ còn có cơ noi theo dấu cũ mà thôi"(3). Và như vậy, chỉ có những đại hiền, những thánh nhân mới hiểu, mới biết những lẽ đời. *Con vua thì lại làm vua, Con cháu sãi chùa thì quét lá đa* (ca dao). Hoàng Đạo không tin như vậy. Ong đã khẳng định, động viên lớp trẻ: "Ta cần phải tin rằng ngày nay tốt đẹp hơn ngày xưa, và ngày mai sẽ tốt đẹp hơn ngày nay. Ta cần phải tin rằng hết thảy mọi đẳng cấp trong xã hội không khác nhau về lương tri, về tinh thần, chỉ khác nhau về học thức. Từ người phu xe cho chí ông tiến sĩ, ai ải cũng vậy, đều có thể thay đổi một ngày một hơn.

---

(1)+(2) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 18, 20, 25.

Đã có lòng tin như vậy, bổn phận ta thấy rõ rệt lắm.

Ta cần phải đem hết nghị lực, tài trí ra hành động cho người cổ hủ hóa ra văn minh, cho người ngu muội hóa ra sáng suốt, cho người sáng suốt hóa ra sáng suốt hơn"(1).

Điều tâm niệm thứ ba: ***Sống theo một lí tưởng***. Tại sao thời gian qua đã có những thanh niên lao vào con đường ăn chơi sa đọa ? Phải chăng vì họ đã thoát li tư tưởng cũ, họ chấp nhận theo mới, và theo mới là gì vậy ? Theo Hoàng Đạo, ngay từ xưa, thánh nhân đã vạch sẵn một con đường: tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Các cụ ta cứ thế mà đi, để khi tiếng súng thần công của người phương tây nổ vào tòa lâu đài tưởng chừng vững chắc đời đời ấy, mới ngộ ra rằng "ngoài trời còn có trời". Tuổi trẻ từng lúc như "Con ngựa đã tháo yên, tháo cương, ngước nom ra tứ phía, thấy rộng rãi, man mác, mênh mông, đường lối chi chít.

Mới đầu, trước cái tình thế ấy, thanh niên ngơ ngác, lưỡng lự, không biết hành động ra sao. Họ mất giáo hóa xưa, nhưng chưa hấp thụ giáo hóa mới cho đến nơi đến chốn. Họ hóa ra phất phơ như chiếc lá thu theo gió mà bay, không có thể tự chủ được. Là vì họ chưa quen dùng sự tự do. Tư tưởng họ rối loạn; họ không biết lấy chủ nghĩa gì làm phương châm cho đời họ. Giáo dục ở nhà trường đưa họ đi một nơi. Giáo dục trong gia đình kéo họ về một nẻo. bao nhiêu nỗi băn khoăn, đau khổ đều về sự tương phản ấy mà ra"(2). Và đã có không ít thanh niên sống cuộc đời vô vị, dửng dưng trước mọi chuyện trên đời. Tất cả đối với họ đều vô nghĩa lý. Họ tìm quên trong tiếng nhạc xập xình, trong vòng tay của những người khác phái, trong bàn đèn thuốc phiện... Với Hoàng Đạo, thì đã đến lúc phải dừng. "Thanh niên ta không thể sống mãi như vậy được. Ta muốn đời ta có nghĩa lý, muốn cho dân ta một ngày một

---

(1)+(2) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 27-28, 30-31.

mới, một ngày một hơn, ta phải tìm một lý tưởng mà theo"(1). Và khi đã chọn được lý tưởng rồi thì phải cố gắng sống theo lý tưởng đó. "Dẫu cho công việc hàng ngày không hợp với lý tưởng của ta, hành động của ta cũng nhất nhất phải dựa theo lý tưởng"(2). Có như vậy mới thấy cuộc sống có ý nghĩa hơn, và như thế là đạt tới hạnh phúc.

*Điều tâm niệm thứ tư: **Làm việc xã hội***. Về mặt văn hóa tinh thần, ta không thể phủ nhận ngày đó không ít người luôn hướng về phương Bắc. Tư tưởng Tống nho vẫn còn sâu đậm trong lòng nhiều người. Những tư tưởng mới của phương Tây cũng được nhìn qua lăng kính của phương Bắc. Nếu ngày trước, ông cha ta mở miệng ra là Khổng tử viết, Mạnh tử viết, thì những năm tiền bán thế kỷ hai mươi, ta lại được nghe Khương Hữu Vi nói, Lương Khải Siêu nói... Và hầu hết những trí thức ngày ấy được biết đến những Mạnh Đức Tư Cưu, Lã Phụng Tiên... Do đó, khi viết *Điều tâm niệm thứ tư*, Hoàng Đạo dẫn ngay việc làm của người thanh niên Tàu có tên là Yen-yan-Chu đã từng du học ở Mỹ và ở Pháp, về nước không ra làm quan mà hô hào nhân dân đồng lực, đồng tâm cải tạo xã hội tại ngay quê hương - vùng Tinghsien, cách Bắc Bình độ hai trăm cây số. Trong một thời gian không lâu, Yen-yan-Chu đã giúp cho ngót hai mươi triệu người biết đọc, biết viết; những nhà hộ sinh, những liên đoàn của nông dân, thợ thuyền được thành lập khắp hai mươi hai tỉnh. "Ong Yen có ngỏ lời với nhà phóng viên Pháp hay rằng :

- Dân nước chúng tôi trụy lạc dần. Nếu chúng tôi không tự cứu lấy nhau, thì ai cứu ? Bọn tân tiến chúng tôi bây giờ đã đông, bọn ấy phải là sức mạnh. Sức mạnh ấy, đem ra dùng một cách có qui củ, có phương pháp hẳn hòi, thì một ngày kia - mà ngày đó tất

---

(1)+(2) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 32, 33.

thế nào cũng đến - nước Tàu sẽ có thể tự lực mà cứu lấy mình được"(1).

Dẫn gương sáng từ một người Tàu, Hoàng Đạo muốn những người còn mơ tưởng, còn nghĩ đến nền văn hóa Tàu hiểu rằng, nước Tàu cũng đang đổi mới, thanh niên Tàu bây giờ cũng đã khác xưa, chớ không phải họ chỉ nghĩ tới những câu chữ của thánh hiền, nghĩ tới thanh danh của bản thân, của gia đình, làng mạc... như bao đời qua. Đó là xu thế thời đại không thể cưỡng. Và xu thế đó là mọi người cần phải nhìn rộng ra một chút, ít ra tầm nhìn cũng vượt ra khỏi lũy tre làng, nghĩa là phải nghĩ đến xã hội, chớ không chỉ bo bo biết mỗi bản thân mình, gia đình mình. "Thời đại này không phải là thời đại của đại gia đình và của quỷ thần"(2), do vậy, ta bớt tập trung cho những việc hiếu hỉ, chè chén để làm khổ nhau,làm nghèo nhau, mà nên tập trung lại từng nhóm theo từng ngành nghề để giúp đỡ lẫn nhau, để khai trí cho nhau; tập trung nhau lại để luyện thân thể cho cường tráng... với mục đích cao hơn là "để mưu việc cho xã hội, để tự cứu lấy nhau, đó là phương pháp thần hiệu để ta tiến đến cõi văn minh"(3). Và những công cuộc ấy đang đợi những người tuổi trẻ. Những người tuổi trẻ, chứ không ai khác phải nhận lấy trách nhiệm cao cả này.

Điều tâm niệm thứ năm: ***Luyện tinh khí***. Sự học chẳng bao giờ thừa. Và theo Hoàng Đạo, mở mang tri thức là điều nên làm cần làm, nhưng người có bộ óc thông thái chưa phải là người hoàn toàn. "Học thức đem lại cho người ta những điều biết. Học thức đem lại cho người ta cách bàn luận nghiên cứu theo lí trí. Học thức là cái chìa khóa mở cho người ta cánh cửa những kho tàng bí mật của tạo hóa. Học thức là cái then chốt để cho người ta tìm nghĩa của sự sống... Nhưng học thức không đem lại cho ta chí quả quyết

---

(1)+(2)+(3) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 36, 38, 38.

và những đức tính khác cần cho ta trong cuộc đời tranh sống này". Bằng chứng xưa nay, không ít người có học chỉ lo tìm cách thăng quan tiến chức, phục vụ cho lợi ích của bản thân, của gia đình, chớ chẳng mấy người lo nghĩ đến người khác, nhất là những người nghèo khổ. Nhiều lúc vì quyền lợi riêng của mình mà họ nhắm mắt xuôi tay trước những chuyện bất công, thậm chí vô tình hay cố ý còn giúp cho bọn xấu đàn áp, bóc lột những người cô thế, hèn yếu hơn mình - những người đáng lẽ phải được bênh vực. Đã vậy, họ còn đem tài học của mình đi ca tụng, nịnh hót những nơi quyền qúi để mong tìm nơi nương nhờ, và coi như để phúc để lộc lại cho đời con, đời cháu. Thực trạng là vậy, nhưng Hoàng Đạo không trách họ. Ong cho đó chỉ qua là do họ không luyện được tính khí, tức là luyện tính tình, khí thể riêng của mỗi người. Và muốn luyện được tính khí, trước tiên, con người phải luyện cho thân thể cường tráng. Có thân thể cường tráng, con người mới tự tin ở mình. "Ta cần phải đặt ngược câu châm ngôn chữ nho mà nói rằng: *Cương thắng nhu*"(1). Lâu nay, dân ta dường như từ quan đến dân cứ hành xử theo lời dạy của người xưa: Nhu thắng cương, nhược thắng cường. Nhưng để có cái nhu cái nhược ấy không thể áp dụng đại trà cho bất cứ ai. Phật cũng đã dạy: đại hùng, đại lực, đại từ bi. Muốn từ bi, thì phải có hùng có lực. Nếu thiếu cái đại hùng, đại lực, thì không thể nói đến đại từ bi. Hoàng Đạo khẳng định: "Thanh niên ta cần phải luôn nhớ rằng người Âu Mỹ hơn ta về tri thức thì ít. Mà họ hơn ta về tính khí thì nhiều"(2). Do đó, "ta cần phải luyện tính khí để luôn luôn giữ được giá trị con người"(3).

Sống là phải hành động, hành động một cách khoa học để lợi mình lợi người, chớ không thể khư khư ôm mớ lý thuyết rồi ngồi đó dạy đời. Đời là trường tranh đấu, song nếu ta có tính khí vững

---

(1)+(2)+(3) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 45, 45, 45.

vàng, thì "Ta sẽ không nịnh ai. Ai cũng vậy, ta sẽ coi là người như ta, ngang hàng với ta. Ta không khinh thị, cũng không tâng bốc ai. Ta nên nhớ rằng chức phận có khác, nhưng hơn kém nhau không phải ở chỗ sang hèn, giàu nghèo, hơn nhau chỉ vì nhân phẩm mà thôi"(1).

Gần ba mươi năm rồi, vậy mà khi đọc lại điều tâm niệm này, tôi cứ thấy nó vẫn là bài học cần cho nhiều người. Càng sống, tôi càng gặp qúa nhiều người thiếu hẳn tính khí cần thiết . Do đó, nhiều lúc tôi thấy mình như... người thừa giữa đám người ấy. Nhưng, biết làm sao được. Chẳng lẽ, *Lại như những thói người ta, Vớt hương dưới đất bẻ hoa cuối mùa ?* (Kiều).

Điều tâm niệm thứ sáu: ***Phụ nữ ra ngoài xã hội.*** Mặc dù lịch sử dân tộc đã có những Trưng Trắc, Trưng Nhị, có bà Triệu Ẩu, có Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, bà huyện Thanh Quan.v.v... nhưng vai trò người phụ nữ trong xã hội vẫn chưa được coi trọng. Xã hội Việt Nam nói riêng, xã hội những nước chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng phương Đông nói chung, người phụ nữ vẫn là loại liễu yếu đào tơ, và chỉ được quyền lo những chuyện... rất đàn bà. Công việc xã hội là công việc của đàn ông, và đàn bà chỉ mỗi việc phục tùng. *Có chồng thì phải theo chồng, Chồng đi hang rắn hang rồng cũng đi* (Ca dao). Chồng chết phải theo con, con chết thì theo cháu, quanh quẩn những công việc trong nhà cho hết một đời người. Những ai vượt ra những lề thói có từ ngày xửa ngày xưa ấy, thì được xem là loại "gà mái biết gáy", chẳng hay ho gì. Trong nhiều cuốn gia phả mà tôi đã được đọc, thì hầu hết, con gái dường như cũng được coi là "con của nhà người" nên không được ghi tên vào. Khi có chồng thì lăn xả vào lo cho chồng, gia đình chồng. Chúng ta cứ đọc lại kho tàng văn học dân gian của dân tộc, thì có thể hiểu

---

(1) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 44.

được phần nào thân phận người phụ nữ Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám (1945). Ai sao thì tôi không biết, chứ khi đọc những lời người mẹ dạy cho con gái, tôi cứ thấy rưng rưng:

Con gái lớn ơi, mẹ bảo đây này:
Học buôn học bán cho tày người ta
Con đừng học thói chua ngoa
Họ hàng ghét bỏ, người ta chê cười
Dù no dù đói cho tươi
Khoan ăn bớt ngủ là người lo toan
Phòng khi đóng góp việc làng
Đồng tiền bát gạo lo toan cho chồng
Trước là đẹp mặt cùng chồng
Sau là họ mạc cũng không chê cười
Con ơi, nhớ bấy nhiêu lời.

Dĩ nhiên, chính những điều ấy đã góp phần làm nên truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam, nhưng ta cứ tưởng lại những ngày xa xưa ấy với những anh chồng vũ phu chẳng ra gì, hoặc những anh dựa vào mớ chữ nghĩa không tới đầu tới đũa, suốt ngày "vuốt râu nịnh vợ con bu nó" cùng những lề thói lỗi thời của chế độ phong kiến, thì cuộc đời người phụ nữ đáng thương làm sao.

Từng bước, văn hóa phương Tây du nhập vào Việt Nam, vai trò cá nhân từng bước được thiết lập. Nhưng thân phận người phụ nữ ở một xã hội nửa phong kiến, nửa thuộc địa như xã hội Việt Nam lúc bấy giờ cũng chẳng thay đổi là bao. Mặc dù, "Phong trào thể thao lên cao ngay từ năm 1930 (những cuộc thao diễn quần vợt của đội Chim Giao từ Nam ra Bắc), lan tràn cả ở giới phụ nữ (cuộc đi bộ đầu tiên Hà Nội - Đồ Sơn, 120 km của phụ nữ thể thao do cô Hoàng Việt Nga tổ chức vào tháng

11.1930)"(1), song ta đã có được mấy cô Hoàng Việt Nga và đã có mấy người ủng hộ ?

Sau đó không lâu, "Những bài văn của cô Nguyễn Thị Kiêm, Phan Thị Nga, Thụy An... đưa nhau ra đời, nhưng chỉ là tiếng hô hào lẻ loi, ảnh hưởng đến một số ít"(2). Lẻ loi song đã có, và với Hoàng Đạo ít ra đó cũng là ánh chớp báo hiệu một trận mưa rào. Hoàng Đạo đã lên tiếng ủng hộ, hô hào: "Chị em phải quả quyết bước ra ngưỡng cửa gia đình làm các công việc xã hội. Chị em đã hết thẹn thò rồi. Nhưng công việc của chị em tại sao không thấy vượt ra ngoài những cuộc chợ phiên ? Chị em cần phải mạnh bạo hơn chút nữa, gom tài, gom sức để lập hội học, hội thể dục, hội cứu tế, đoàn hướng đạo... và những công cuộc khác bọn nam giới đương theo đuổi.

Như vậy, công cuộc của chị em sẽ không đến nỗi sống một cách phù du, mong manh như lớp phấn hồng trên má mà xã hội sẽ được hưởng những tấm lòng từ thiện, xả kỷ bấy lâu ẩn nấp trong gia đình"(3).

*Điều tâm niệm thứ bảy: **Luyện lấy bộ óc khoa học***. Từ lâu, dân gian đã biết châm biếm những điều mê tín dị đoan: *Cốc cốc rồi lại cheng cheng, Con gà trống thiến để riêng cho thầy, Đơm xôi thì đơm cho đầy, Đơm mà vơi đĩa thì thầy không ưng*, hoặc *Hòn đất mà biết nói năng, Mấy thầy địa lý hàm răng chẳng còn*.v.v... nhưng vì thiếu hiểu biết về những hiện tượng tự nhiên, và cuộc sống cực khổ qúa khiến cho con người ngã lòng, mặc cho dòng đời đưa đẩy, tạo điều kiện cho mê tín dị đoan sinh sôi nảy nở. Mà càng tin vào những điều mê tín dị đoan, thì con người càng gánh thêm những

---

(1) Phạm Thế Ngũ: *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, T.3, Quốc học tùng thư xb, S, 1965, trg 421.
(2)+(3) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 50, 51.

khổ cực, càng "đày đọa dân ta vào vòng nô lệ"(1). Với thực trạng ngày ấy, Hoàng Đạo thấy từ miền xuôi tới mạn ngược, đâu đâu ma qủi cũng làm vua làm chúa. Dân ta thấy cái gì cũng sợ, sợ từ gốc đa đầu làng tới cái bình vôi bể. Nếu ai nói ngược, làm ngược lại thì bị cho là những người ngạo mạn, ngông cuồng. "Vẫn hay khoa học hiện giờ không phải có thể phân giải được hết thiên tướng. Nhiều điều huyền bí vẫn còn nguyên là huyền bí. Nhiều luật thiên nhiên vẫn còn trong vòng mờ ám chưa phát minh ra được. Song, những người có óc khoa học đều tin rằng những điều còn huyền bí kia sẽ có ngày phân giải được, vì những điều ấy là sự phát dương của một luật thiên nhiên chưa minh hiển"(2). Hơn nửa thế kỷ trôi qua, con người đã đặt chân lên cung trăng, đã thám hiểm sao Kim, sao Hỏa, nhưng những điều mê tín dị đoan đó nhắc lại ngày hôm nay, tôi thấy vẫn còn giá trị thời sự. Lượng người biết chữ hôm nay nhiều hơn lượng người mù chữ của ngày trước, phương tiện truyền thông đại chúng cơ bản đã phủ khắp mọi miền đất nước, thế nhưng không ít người vẫn "tình nguyện" làm nô lệ cho những thứ qủi thần vu vơ ấy và cho đó là... tôn giáo. Trách nhiệm này, tôi thấy cũng có phần trách nhiệm của nhà trường, thậm chí của đoàn thể. Thế nào mới được gọi là tôn giáo ? Thế nào được gọi là mê tín dị đoan ? Một số bài báo tôi được đọc cũng ở dạng... cưỡi ngựa xem hoa, còn hầu hết những cán bộ ngành văn hóa thông tin quận huyện tôi đã làm việc cũng... lắc đầu. Ở thế kỷ trước, F. Engels đã chỉ rõ: "Tôn giáo sinh ra, trong một thời đại hết sức nguyên thủy, từ những khái niệm hết sức sai lầm, nguyên thủy của con người về bản chất của chính họ và về giới tự nhiên bên ngoài chung quanh họ. Song bất cứ hệ tư tưởng nào, một khi đã thành hình, đều phát triển gắn liền với những khái niệm đã có coi đó là những vật liệu của mình và phát triển những vật liệu đó; nếu không thì nó đã không phải là

---

(1)+(2) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 54, 55.

một hệ tư tưởng, nghĩa là sự theo đuổi những tư tưởng được coi là những thực thể độc lập, có một sự phát triển độc lập và chỉ tuân theo những qui luật vốn có của chúng mà thôi (1). Do đó, giáo dục cho giới trẻ ngày nay luyện lấy bộ óc khoa học không phải là thừa, dù hơn nửa thế kỷ trước Hoàng Đạo đã kêu gọi: "Vậy bổn phận của thanh niên ta, không những là sự luyện lấy bộ óc khoa học, mà còn phải luyện tri thức người khác cho trở nên có tính cách khoa học nữa.

Ta phải luôn luôn nhớ rằng thiếu bộ óc khoa học, không thể tiến bộ được"(2).

Điều tâm niệm thứ tám: ***Cần sự nghiệp không cần công danh***. Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam đã có nhiều câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ... để dạy người đời, riêng trong lĩnh vực giáo dục cũng không thiếu những lời hay ý đẹp góp phần hình thành nên truyền thống hiếu học: *Một người làm quan, cả họ được nhờ; Võng anh đi trước, võng nàng theo sau; Dài lưng đã có võng đào, Tốn vải đã có áo bào vua ban*.v.v... Mơ ước tối cao của lớp trẻ ngày xưa là thi đỗ làm quan, xênh xang áo mão triều đình, lọng xanh võng tía... Quan càng to, lộc càng lớn, sự nghiệp càng cao. Có công danh ắt có sự nghiệp. Công danh phải xếp vào hàng đầu. *Không công danh thà nát với cỏ cây* (Nguyễn Công Trứ). Quan điểm ấy không còn phù hợp với thời đại, thậm chí theo Hoàng Đạo là sai lầm. Công danh và sự nghiệp không mấy khi song hành với nhau. Nguyễn Công Trứ thì đủ cả, nhưng sự nghiệp của ông mới lưu danh muôn thuở. Qua những người, những việc cụ thể, Hoàng Đạo phân tích rạch ròi công danh và sự nghiệp. "Tôi chỉ thấy ở đời vua Tự Đức, có ông Nguyễn Công Trứ là người có chí cả, không ham công danh, chỉ muốn lưu lại sự nghiệp "với núi sông". Nếu

(1) *Tuyển tập Mác-Ăngghen*, T.VI, sđd, trg 416.
(2) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 57.

ông như người khác, làm tổng đốc còn muốn lên chức thượng thư, thì có lẽ lúc ông về hưu lại không đến nỗi chỉ là binh bộ thị lang. Nhưng ông coi vinh hoa là một điều phụ, nên lúc bị biếm làm lính, thì lại nón, lại roi, không lấy thế làm xấu hổ. Cho nên ông để lại một sự nghiệp vẻ vang, oanh liệt, sự nghiệp của một nhà cai trị giỏi, có nhiều sáng kiến, có tài kinh bang.

Ngoài ông Nguyễn Công Trứ, kể ra xưa cũng còn nhiều người để lại một sự nghiệp hiển hách. Về mặt văn chương, ta thấy có cụ Nguyễn Du. Nhưng sự nghiệp văn chương của cụ chỉ do một sự ngẫu nhiên mà có một việc bất thần xảy ra mà thôi. Cũng như sự nghiệp văn chương của ông Cao Bá Quát hay Tú Xương, hai người bất đắc chí về đường công danh. Ong Quát lúc chua chát địa vị một ông Huấn, ông Tú Xương lúc cay đắng vì đi thi hỏng, chắc không hề nghĩ rằng về sau người ta nhắc nhỏm đến hai ông mà không nhắc đến tên những ông tứ trụ thời bấy giờ"(1). Hoàng Đạo còn dẫn chứng những người đương thời như ông Phạm Quỳnh, ông Nguyễn Văn Vĩnh, rồi kết luận rằng, "Không bao giờ ta nên để công danh lên trên tất cả mọi sự, trên cả nhân phẩm, trên cả luân lý, như nhiều người tự xưng là thượng lưu trong xã hội ta"(2). Nói chung, ở điều tâm niệm này, Hoàng Đạo mong thanh niên nên nghĩ đến sự nghiệp, chứ đừng qúa lo, qúa bận tâm về công danh. Và qua bản thân ông, ta cũng thấy được điều đó. Nếu hồi ấy, Hoàng Đạo đồng ý ra làm quan, thì chắc chắn không còn một ai nói về ông, ngoài trừ những người thân trong gia đình nhắc lại trong những ngày giỗ chạp.

Những ngày hôm nay, qua báo chí, ta thấy xã hội đã và đang thiếu những người thợ có tay nghề, nhưng lại thừa những cử nhân thất nghiệp. Tôi nghĩ, có tình trạng ấy chẳng qua tuổi trẻ

---

(1)+(2) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 60-61, 63.

không được hướng dẫn kỹ về công danh và sự nghiệp. Thực tế cuộc sống, hàng năm chúng ta có những "bàn tay vàng", có những "gương sáng người thợ", nhưng rồi vì nhiều lý do, chúng ta để những "bàn tay vàng", những "gương sáng" ấy phát triển theo hướng khác. Do đó, việc giáo dục cho giới trẻ phân định rạch ròi đâu là công danh, đâu là sự nghiệp và sự nghiệp không phải thua kém mà có phần hơn cả công danh, nếu ta chọn đúng, cũng không phải thừa trong công cuộc đổi mới, nhất là trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*Điều tâm niệm thứ chín: **Luyện thân thể cường tráng***. Làm người, ai cũng thấy sức khỏe là vàng, nhưng về cơ bản, dân tộc ta chuộng văn hơn chuộng võ, chú trọng về tinh thần hơn thể xác. Mẫu người thanh niên đẹp của ngày xưa là phải mình hạc vóc mai. Nếu ai to khỏe thì không được coi trọng mấy, vì đó là hạng vai u thịt bắp. *Nước mắm ngon coi lấy màng màng, Người khôn coi lấy hai hàng tóc mai* (Ca dao). Do đó, để được người đời coi trọng, người thanh niên phải nho nhã, chớ không được vai hùm lưng gấu. Đầu óc ngu si, tứ chi phát triển, nên cái đẹp hình thể không được mấy người chú ý. Và Hoàng Đạo đã cho rằng, đó là sự lầm lẫn. "Sự lầm lẫn của các cụ nho kết qủa thực là nặng nề. Dân Việt ta không những vì sự trọng đãi qúa thiên về tinh thần của các cụ đã dần dần đi vào con đường suy nhược của thể phách, mà lại còn trở nên ủy mị, yếu ớt về linh hồn"(1). Thời thế đã khác xưa. "Ở một nước dân chúng ốm yếu như nước ta, việc ấy ta không thể coi là một điều phụ được. Ta phải luôn luôn nhớ rằng điều cốt yếu thứ nhứt là luyện lấy sức khỏe, rồi đến luyện tính khí cho cương cường, lên từng trên nữa mới là việc mở mang trí khôn"(2). Và đây là nhiệm vụ của thanh niên. Thanh niên không chỉ phải luyện tập

---

(1)+(2) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 66, 67.

cho mình mà còn hô hào cho mọi người chung quanh tập luyện "để đi đến những thành tích vẻ vang của người Đức, của người Mỹ, của người Nhật"(1). Người thanh niên mới, theo Hoàng Đạo, thì cần phải nhận chân những ích lợi và ảnh hưởng của thể thao đối với thân xác, tinh thần. Có được vậy mới có thể hình thành nên phẩm cách của con người. Yếu ắt sinh ra hèn. Và một khi đã hèn rồi thì đừng mong làm chuyện gì to tát, thậm chí làm nên một-con-người.

*Điều tâm niệm thứ mười: **Cần có trí xếp đặt***. Đây là điều tâm niệm cuối cùng của Hoàng Đạo thổi vào tâm hồn tuổi trẻ. "Dân ta sống một cách hồn nhiên, không biết giá trị của thời gian, mà cũng không chịu vào khuôn vào phép, vào kỷ luật để mưu tồn những công cuộc to lớn lâu dài"(2). Đọc những dòng này, có người không đồng ý, thậm chí lên án. Dân tộc ta như vậy, thì làm sao phá Tống, bình Chiêm; làm sao viết lên được những trang sử vàng chói lọi ? Lịch sử đã chứng minh, nhân dân ta anh hùng, nhưng sự thật cũng chỉ rõ, bản tính dân ta là thế. Nói gì những chuyện cách đây hơn nửa thế kỷ cho xa; những ngày hôm nay, được mấy cơ quan hội họp đúng giờ ?, được mấy người đảm bảo tám giờ vàng ngọc ? Theo con số thống kê, người thất nghiệp ở nước ta không phải là nhiều, nhưng trong giờ làm việc thì đường phố vẫn nườm nượp người qua kẻ lại như ngày hội, quán xá không lúc nào vắng khách. Đến nay vẫn còn có người vào cơ quan làm công chuyện nhà là chính, và rồi cũng... bình bầu, cũng xét lương, xét thưởng... Những cuộc đình công, lãn công của công nhân ở những cơ quan liên doanh mấy năm gần đây không phải không có sự cẩu thả luộm thuộm, thiếu tinh thần kỷ luật của ta. Và ta phải thừa nhận rằng, ta chưa có tác phong công nghiệp. Nhưng điều gì để góp phần hình

---

(1)+(2) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 68, 69.

thành nên tác phong ấy, nếu không phải là những điều mà Hoàng Đạo đã thấy dân ta còn thiếu, còn chưa có trí xếp đặt cho khoa học ? Ong dẫn những nhiều việc nhãn tiền và cho rằng "cái tinh thần luộm thuộm cẩu thả của các cụ xưa, của phần đông dân ta hiện thời, ta phải coi như một người thù lớn. Ta cần phải cố tự luyện, tự tu, để đối chọi với cái tinh thần ấy và hết sức đem phương pháp xếp đặt của người Thái Tây áp dụng vào các công cuộc chung của ta mới mong có kết qủa rực rỡ được"(1).

Ngày còn ngồi ở ghế nhà trường, tôi chưa nghe thầy cô nào chê bai gì tác phẩm này. Bản thân tôi và một số bạn bè khá thích thú với những điều tâm niệm ấy. Khi tạp chí *Văn* (Sài Gòn, 1968) ra số đặc biệt *Tưởng niệm Hoàng Đạo*, tôi có đọc và không mấy đồng ý với những suy nghĩ của Nguyễn Văn Xuân. Ngày nay, viết về cuộc đời cầm bút của Hoàng Đạo, tôi có thời gian đọc thêm, đọc khá nhiều tư liệu cùng những kinh nghiệm được tích lũy qua cuộc sống, tôi cho rằng, Nguyễn Văn Xuân có phần nào cực đoan khi viết: "1967, học sinh trung học đệ nhị cấp Việt Nam còn học *Mười điều tâm niệm*, còn nghiên cứu nó, một công việc mà đáng ra họ chỉ nên làm năm... 1904. Thật không còn chuyến tàu nào trễ hơn.

Các nhà giáo dục nghĩ sao ?"(2).

Theo tôi, chẳng nghĩ sao hết ! Cái gì tốt thì dùng. Ngọc tốt mà chưa mài, thì cũng vô dụng. "Phong trào Duy Tân" hay là thế, giỏi là thế nhưng đã thất bại và không ai ghi chép thành sách vở cụ thể. Và công trình nghiên cứu khá công phu của Nguyễn Văn Xuân ra đời sau *Mười điều tâm niệm* những... trên ba mươi năm (*Lá Bối* , S, 1970). Sau năm 1970, nếu muốn lấy *Phong trào Duy Tân* của

---

(1) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg , 71.

(2) *Văn*, số 107-108, đd, trg 62.

Nguyễn Văn Xuân thay cho *Mười điều tâm niệm* cũng khó, bởi nó không ngắn gọn, đanh thép bằng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Khóa VIII "Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000" từ ngày 16 đến ngày 24.12.1996, đã nêu lên những mặt thành tựu và cũng nêu lên những mặt yếu kém, trong đó có: "Đáng quan tâm nhất là *chất lượng và hiệu qủa giáo dục-đào tạo còn thấp*. Trình độ kiến thức, kỹ năng thực hành, phương pháp tư duy khoa học, trình độ ngoại ngữ và thể lực của đa số học sinh còn yếu. Ở nhiều học sinh ra trường, khả năng vận dụng kiến thức vào sản xuất và đời sống còn hạn chế. Số đông sinh viên tốt nghiệp chưa có khả năng thích ứng với những biến đổi nhanh chóng trong ngành nghề và công nghệ. Đặc biệt đáng lo ngại là trong một bộ phận học sinh, sinh viên có tình trạng suy thoái đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp vì tương lai của bản thân và đất nước. Đào tạo chưa gắn với sử dụng.

Một số sinh viên tốt nghiệp không chịu đi làm việc ở những vùng khó khăn, trong khi ở các thành phố còn nhiều sinh viên tốt nghiệp không có việc làm hoặc làm không đúng nghề đã được đào tạo"(1).

Trên tạp chí *Thế giới mới* (cơ quan của Bộ Giáo dục - Đào tạo) số 210, ra ngày 11.11.1996, nhà giáo Trường Giang "xin mạnh dạn đề xuất 4 chuẩn giá trị của người thanh niên mới:

1. Yêu đời, yêu cuộc sống; tin vào chân lý, tin vào tiến bộ xã hội, tin vào nền văn minh của thời đại. Từ đó có ý chí vượt qua mọi thử thách, giữ vững tinh thần lạc quan trong cuộc sống.

2. Có tinh thần tự trọng, quan hệ tốt với mọi người; nhân

---

(1) Báo *Sài Gòn giải phóng*, ngày 11.2.1997, trg 4.

hậu; thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ của công dân; giữ gìn cá tính nhưng không tác động xấu đến người khác.

3. Có trình độ hiểu biết chung, nắm sâu vào một ngành nghề, có khả năng tự nuôi sống và giúp đỡ một phần cho gia đình, biết ứng xử trước mọi tình huống phức tạp trong nhà cũng như ngoài đời.

4. Thân thể khỏe mạnh, có thói quen rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh môi trường.

Đây là những điều tạm coi là thước đo giá trị người thanh niên, từ đó để đo mức đạt được của các hoạt động giáo dục. Điều cần nói là chỉ có thể tạo được những giá trị nói trên cho thanh thiếu niên hay không khi giáo dục đã trở thành một hoạt động ở tầm quốc gia, được toàn xã hội quan tâm lo lắng"(1).

Qua *Mười điều tâm niệm*, ta thấy Hoàng Đạo kêu gọi mọi người, trước hết là thanh niên "cần phải có một cuộc đời mới, với một tinh thần, một linh hồn mới" bằng những đường lối cụ thể, như: Tự canh tân (điều tâm niệm 1, 2, 7), Vạch ra một lý tưởng sống (điều tâm niệm 3, 4, 8), Luyện tính khí cho thật hùng hậu (điều tâm niệm 5, 9, 10), Gia đình phải là nơi phát huy nhân phẩm (điều tâm niệm 2, 6), Nêu cao tinh thần tập thể (điều tâm niệm 4), Thẳng tiến đến ánh sáng khoa học (điều tâm niệm 1, 2, 7).v.v... Do đó ngày nay, nếu có dịp, ta đọc và suy gẫm lại *Mười điều tâm niệm* cũng chẳng hại gì, thậm chí cũng chẳng qúa cũ lắm đâu.

Ở loại luận thuyết này, Hoàng Đạo còn có tác phẩm đáng chú ý, đó là cuốn *Bùn lầy nước đọng*. *Bùn lấy nước đọng* được khởi đăng trên báo *Ngày Nay* từ số 50 ngày 14 Mars 1937, in thành sách lần thứ nhất ngày 26.9.1938, "vừa bày bán đã bị chế độ thực dân

---

(1) Trường Giang: *Quan niệm về giá trị và thước đo thực trạng giáo dục*, Tạp chí *Thế giới mới*, đd, trg 8.

Pháp bấy giờ ra lệnh cấm tàng trữ và lưu hành"(1).

Đây là tập tiểu luận trình bày những quan niệm của tác giả về nỗi khốn cùng của dân quê nghèo đói cùng những phương sách cải thiện. Cuốn sách đã được Hoàng Đạo chia làm ba phần khá cụ thể: *Phương diện hành chính và chính trị; Phương diện kinh tế; Phương diện tinh thần*. Khi đọc một số tác phẩm của Hoàng Đạo, nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan cho rằng, "Người ta nhận thấy Hoàng Đạo rất thiết tha với những sự công bình trong xã hội, nên tiểu thuyết của ông ngả hẳn về mặt bình dân. Nhưng cái khuynh hướng thương xót người nghèo của Hoàng Đạo vẫn còn là cái khuynh hướng của người phú hào nghiêng mình xuống hạng thấp kém mình"(2). Ý này về sau đã có không ít người triển khai có phần thiên lệch, bởi kể cả Vũ Ngọc Phan cũng chưa đọc hết tác phẩm của Hoàng Đạo. Sự thật ngày ấy, những người như Hoàng Đạo đã bằng cố gắng của bản thân đã thoát khỏi nghiệp cuốc cày, và họ đã còn nghĩ đến, còn tìm cách vạch đường đi nước bước cho dân nghèo, những mong dân nghèo ngày một tiến bộ hơn, hiểu được vai trò của cá nhân mình trong xã hội hơn để cùng mọi người xây dựng cuộc sống ấm no hơn, đó là điều đáng qúy. Nói điều này là ta xét bối cảnh chung của những người cầm bút ngày ấy, kể cả những người phê phán Hoàng Đạo, chớ không nói đến chuyện đúng hay sai. Cứ cho những điều phê phán Hoàng Đạo là đúng, thì những người ấy đã có tác phẩm nào, có hành động nào giúp người dân quê nghèo khó ấy khá hơn ? Tôi nhớ ngày còn ngồi ở ghế nhà trường, khi nói vấn đề nầy, tôi cho rằng Hoàng Đạo và những người như ông dù sao cũng không giống loài hoa sen "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn". Ý này của tôi được thầy giáo cho là... ngộ nghĩnh,lạ. Bây giờ gần vào tuổi "tri thiên mệnh", tôi cũng

---

(1) Hoàng Đạo: *Bùn lầy nước đọng*, Tự do xb, S, 1959, trang bìa.

(2) *Nhà văn hiện đại*, T.2, sđd, trg 841.

thấy... ngồ ngộ. Hành động "nghiêng mình xuống hạng thấp kém mình" chẳng có gì đáng chê trách, trái lại đó là điều mà ngày ấy Hoàng Đạo mong ước, và ông đã vui mừng khi thấy "Từ ngày Justin Godart từ biệt đất nước vô duyên này, ai ai cũng sẵn lòng nói đến nỗi khổ của dân quê, ai ai cũng muốn cúi mình xuống nơi bùn lấy nước đọng là nơi ăn ở của hầu hết dân Việt Nam"(1). Tại sao như vậy ? Tôi nghĩ câu hỏi đó không phải không có câu trả lời đúng, nếu ta đừng nhìn xã hội Việt Nam cách đây hơn nửa thế kỷ bằng cặp mắt của thời đại tin học. Trong *Lịch sử báo chí công nhân ở Nga*, Lênin nói: "Sự sụp đổ của chế độ nông nô đã làm cho những người trí thức bình dân trở thành những người hoạt động chủ yếu có tính chất quần chúng của cả phong trào giải phóng nói chung và của báo chí dân chủ bất hợp pháp nói riêng. Chủ nghĩa dân túy đã trở thành xu hướng chiếm địa vị thống trị và thích hợp với quan điểm trí thức bình dân"(2). Hiểu được điều này, tôi tin chúng ta sẽ hiểu thêm về những suy nghĩ, những việc làm của Hoàng Đạo hơn.

Từ tập *Bùn lầy nước đọng*, tôi thấy Hoàng Đạo là người hiểu sâu sát nỗi khổ của dân quê ngày ấy hơn bất kỳ nhà văn, nhà báo nào cùng thời. Anh Pha trong *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan, chị Dậu trong *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố.v.v... cũng chỉ mới phản ánh một góc tối của cuộc sống dân quê thời ấy, chứ chưa tái hiện được đầy đủ bức tranh xã hội lúc bấy giờ. Dĩ nhiên, mỗi thể loại đều có thế mạnh, thế yếu riêng, nhưng nói Hoàng Đạo không hiểu gì về cuộc sống của dân quê đói khổ, khốn cùng mà chỉ là anh phú hào nghiêng mình xuống thương xót họ, thật không mấy đúng. Hoàng Đạo đã nhìn thấy người dân quê đói nghèo ngày ấy "là cái thân chịu những điều nhũng nhiễu, những sự lạm quyền,

---

(1) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 17.

(2) *Lênin toàn tập*, T. 25, sđd, trg 110.

những nỗi áp bức. Họ không có một chút quyền gì cả, ngoài cái quyền được nhẫn nại chịu khổ, chịu đòn, chịu nhục.

Bọn nhà giàu cho vay nặng lãi thì bóp hầu bao của họ để lấy tiền; bọn cường hào thì đè nén họ cướp lấy hết cả những lợi lộc chung của một làng. Lại còn cái họa ăn tiền, cái họa ăn hối lộ, một điều đê mạt xấu chung cho cả nước ta, cái họa nhân mãn ở trung châu miền Bắc và ở miền Trung... và nhiều cái họa khác"(1). Và ông đã mong cuộc sống người dân quê thay đổi thật sự trên mọi phương diện. Trước ông và ở thời của ông, nhà đương cuộc cũng đã có những chính sách cải thiện đời sống dân quê, nhưng không triệt để nên chẳng đâu vào đâu. Rồi... "Có người bảo: "Chính trị đã !". Thí dụ như bọn ông Phạm Lê Bổng. Theo báo "Xứ sở Annam", thì đất Bắc chẳng hạn, chỉ có việc bỏ cái chế độ nửa trực trị, nửa bảo hộ hiện giờ, đem chế độ bảo hộ thay vào là công việc xong xuôi cả.

Đó là một lối giải quyết dễ dàng qúa, không thể thương được. Nếu đặt lại nha kinh lược, mà dân quê tự nhiên biến ra sung sướng, giàu có, thì mỗi làng ta cũng nên đặt một nha... Nhưng nếu thế thật thì nha kinh lược đã không đến nỗi hóa ra sở sen đầm.

Lại có người bảo: "Kinh tế đã !". Hãy làm cho nghề nông được thịnh vượng; hãy tìm cách dân quê sản xuất được nhiều lúa, nhiều ngô, bán được nhiều lãi đã, rồi đến khi họ dư dật mới mở mang trí thức họ.

Phương pháp ấy nói thì dễ, nhưng làm thì rất khó. Làm sao cho dân sản xuất được nhiều, nếu họ không biết khoa học ? Làm sao cho họ bán được nhiều lãi nếu họ không có tài lực, có cơ quan để tự bênh vực lấy mình, làm sao cho họ trở nên giàu có, nếu họ không được yên ổn hưởng lấy lợi tức của họ ?"(2).

---

(1)+(2) Bùn lầy nước đọng, sđd, trg 18, 19-20.

Theo Hoàng Đạo, "Nỗi đói khó của dân quê sau lũy tre đã đến cực điểm. Dân quê trở nên dốt nát cũng đã đến cực điểm. Dốt nát vì đói khó, đói khó lại vì dốt nát, cứ như thế mãi trong cái vòng lẩn quẩn, không bao giờ ngóc đầu lên nổi, nếu không có sức gì đưa họ ra ánh sáng"(1). Ông đã cho rằng, "cần phải nghiên cứu vấn đề ấy trên mọi phương diện, rồi khi đã định phương châm, đem hết cả sinh lực trong nước làm một đạo quân mạnh mẽ để đi phá đổ thành quách của sự nghèo khổ không cùng của dân bùn lầy nước đọng"(2).

Về *Phương diện hành chính và chính trị*, Hoàng Đạo đưa ra phân tích, lý giải năm vấn đề có liên quan mật thiết đến đời sống nghèo khổ của dân quê: Quan trường - Tiếng trống ngũ liên - Miếng thịt giữa làng - Phá đình - Tự do với dân quê. Với Hoàng Đạo, cuộc sống luôn thay đổi, thế mà các cụ ta cứ giữ khư khư cách trị nước đã có từ xa xưa. "Họ tưởng rằng làu thuộc tứ thư, ngũ kinh, học hết mấy pho sử làm được câu thơ, bài phú, là đủ có đức hạnh để dạy dỗ dân, đủ tài kinh luân để đưa dân đến cõi hạnh phúc. Họ tưởng rằng đã là sĩ phu, thì là một người hoàn toàn, một đấng thánh hiền, nên họ mới phó thác cho trách nhiệm qúa nặng, quyền hành qúa to. Nhưng, sự thực, sĩ phu vẫn chỉ là một người, một người với hết thảy dục vọng, hết thảy sự kém hèn của người đời"(3). Đã vậy, các cụ còn giao cho quan lại có quyền làm cha mẹ dân. Điều ấy không sai khi dân còn ở thời kỳ sơ khai, "nhưng đối với một dân tộc sẵn một ký vãng vẻ vang, thì thật là một điều vô lý, một sự trở ngại cho cuộc tiến hóa của dân tộc"(4). Điều này , William James Durant (thường gọi là Will Durant, sinh năm 1885, giáo sư triết và sử học, người Mỹ gốc Pháp) cùng vợ đã bỏ ra 38 năm (1929-1967) nghiên cứu *Lịch sử văn minh Trung quốc*, và thấy rằng, Khổng giáo "rất thích hợp với một nước cần ra khỏi cảnh hỗn loạn, cần mạnh lên để lập lại một trật tự, nhưng nó là

---

(1)+(2)+(3)+(4) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 17, 20, 23-24, 24.

một sự cản trở cho nước nào cần biến đổi, tăng tiến hoài để ganh đua trên trường quốc tế"(1). Thực ra chẳng ai trách học thuyết của Khổng tử (sinh năm 551, mất năm 479, thọ 73 tuổi), bởi làm sao ông có thể nghĩ ra được hai ngàn năm sau con người sẽ như thế nào. Có trách chăng là trách những người cầm lái không thức thời đưa thuyền vượt qua những đợt sóng ngầm tai hại. Đến những năm cuối thế kỷ XX, nhiều lời dạy của ông về đạo làm người vẫn còn có giá trị, vậy là vĩ đại lắm rồi. Ở phần này, Hoàng Đạo phê phán chế độ quan lại đương thời. Phạm Quỳnh cũng đã thấy sự tai hại ấy và đã đem cái thuyết "quan là dân chi công bộc" thay vào cái thuyết "quan là dân chi phụ mẫu", nhưng chẳng ai theo, vì trái ngược với lý tưởng được họ ấp ủ từ lúc cha mẹ dẫn đến thầy làm lễ khai tâm. Ong quan nắm trong tay quyền hành qúa lớn cùng cách cai trị không khác thời Khổng tử là bao. "Một ông quan, một ông huyện chẳng hạn, không biết rằng chức phận mình là phải làm những gì nữa. Trong hạt mình, ông huyện phải chịu hết trách nhiệm, phải làm đủ mọi việc. Ong ta là một ông quan tòa lúc xử việc kiện tụng, một ông cẩm lúc coi sóc đến việc trị an, một viên chức sở lục lộ lúc đốc thúc dân hộ đê, một viên chức nhà đoan lúc khám rượu lậu, một ông biện lý và một ông dự thẩm lúc bắt đầu khám phá một vụ hình án, một viên chức sở kho bạc lúc thu tiền thuế..."(2). Từ chỗ nhiều quyền hành qúa ấy đã sinh ra tệ nhũng nhiễu, ăn của đút... làm khổ dân lành. Hoàng Đạo đã đề ra biện pháp khắc phục: "công việc của nhà đoan trả lại nhà đoan, công việc của sở kho bạc trả lại sở kho bạc... công việc cai trị, và công việc án từ giao riêng cho ngạch thẩm phán"(3). Nhưng dân quê nào chỉ có nỗi khổ ấy. Ăn thì không đủ, ngủ thì không yên và cha mẹ dân chẳng giúp được gì trước nạn cướp bóc hoành hành, bởi lính huyện chỉ lo

---

(1) W. Durant: *Lịch sử văn minh Trung quốc*, Trung tâm thông tin Đại học sư phạm TPHCM, 1992, trg 81.

(2)+(3) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 24, 25.

mỗi việc canh phòng ở huyện lị chớ nào đủ người mà xuống đến tận thôn ấp xa xôi. Nếu có xuống, thì bọn cướp cũng đã ngủ yên những mấy giấc rồi. Những người có chút điền sản thì hầu như không có đêm nào no giấc, bởi họ cứ phập phồng lo sợ, không biết bọn cướp viếng nhà lúc nào. Dân nghèo thì bị tiếng trống ngũ liên, tiếng mõ báo cướp dọa nạt. Họ cũng sợ họa lây bị tra tấn khi bọn cướp muốn biết đường đi nước bước, hoặc biết đích xác tài sản của gia chủ mà những người làm trong nhà biết rõ hơn chúng. "Hiện giờ, mỗi làng đều có tuần phiên để đêm hôm canh phòng trộm cướp. Nhưng vì họ chỉ là những trai làng cắt phiên nhau để coi về việc trị an, vì canh phòng không phải là nghề của họ, nên phần nhiều thấy cướp đến, nếu không trốn mất cũng chỉ chống cự cầm chừng lấy lệ. Khí giới của họ không qua khỏi mấy ngọn mác, mấy cây thiết lĩnh; như vậy nếu đối với một bọn cướp có một khẩu súng, thì còn cách tháo lui, khoanh tay nhìn chúng hoành hành. Dẫu cướp không có súng ống, họ cũng ít khi dám đương đầu với chúng, vì những ngọn mác kia, những cây thiết lĩnh kia họ dùng một cách vụng về: họ không có thao luyện với những khí giới ấy bao giờ"(1). Nạn cướp bóc hoành hành ngang ngược như vậy là do chính sách cai trị qúa lỗi thời, khiến cho những người có tiền không dám đem tiền ra kinh doanh buôn bán. Theo Hoàng Đạo, nền kinh tế nước nhà không mở mang được, một phần cũng do nguyên nhân ấy mà ra. Và không thể để tình trạng ấy kéo dài mãi, ông đã đề nghị: "Cần phải lập nên một bộ phận coi riêng về các việc trị an, giúp cho các viên chức cai trị và các tòa Nam án. Bộ phận ấy có nhiệm vụ rõ ràng, có trách nhiệm hẳn hoi, sẽ phải hết sức tìm phương pháp ngăn ngừa những sự cướp bóc nơi thôn dã. Dân cư sẽ được an cư lạc nghiệp: một điều rất cần cho sự tiến hóa sau lũy tre xanh"(2). Ngày nay, đâu đâu ta cũng có lực lượng dân quân tự vệ,

---

(1)+(2) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 28, 29.

du kích, xã đội, phường đội... bên cạnh lực lượng công an đã triệt phá, hạn chế đến mức thấp nhất nạn cướp bóc. Do đó, đề nghị của Hoàng Đạo cách đây hơn nửa thế kỷ cũng đáng để cho ta chú ý và hiểu thêm về bối cảnh nông thôn ngày ấy.

Nói đến nông thôn ngày ấy không thể không nói đến lệ làng. Phép vua thua lệ làng. Do đó, làng nào cũng như làng nấy, "tùy theo phẩm tước, tùy theo giàu nghèo mà định phận mọi người: chiếc chiếu của một phần tử của xã hội không thể di dịch được. Người ngồi chiếu dưới chỉ còn có việc lặng yên nghe lời dạy bảo của người ngồi trên, và lặng yên thừa hành những công việc đã giao phó cho không được cãi, được bàn, được phật ý"(1). Đời này qua đời khác, việc tranh nhau góc chiếu ngoài đình đã chiếm hầu hết thời gian của một số người, thậm chí của một tộc họ. Với quan niệm "Miếng thịt làng hơn một sàng xó bếp", nên bằng mọi giá phải chiếm cho được, vì đó là danh dự của bản thân, gia đình, dòng họ. Nói gì cho xa, ngay tại quê tôi, mấy năm qua chính quyền cũng mệt mỏi khi phải giải quyết những thứ việc làng lặt vặt lẽ ra không đáng có ấy. Thân phận của kẻ cùng đinh (tiểu tộc, dân ngụ cư của ngày xa xưa) hiện nay vẫn không được coi trọng ở một số vùng nông thôn, dù con cháu họ thành danh hơn, giàu có hơn. Thậm chí ở quê tôi ngày nay có những đôi nam nữ yêu nhau, đến với nhau được pháp luật công nhận, nhưng gia đình và dòng họ thì không công nhận, bởi cha nó, ông nội, ông cố nó ngày trước là dòng ăn trộm, dòng ăn mày, là kẻ ăn người làm trong nhà, là hạng quơ bổi thui trâu... Nhắc đến điều này, tôi nhớ hồi năm 1979, khi về thăm quê, người anh rể của tôi than phiền khi tôi hỏi đến mấy đứa cháu:

- Khổ lắm cậu ơi. Thằng nhà tôi đã ưng con gái lão X. bên

---

(1) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 31-32.

kia sông rồi.

Hỏi ra, vợ chồng thằng cháu tôi đang sống rất hạnh phúc, rất sung sướng, nhờ vào tình yêu chân thật và nhờ gia đình vợ khá giả, cho ra riêng với cơ ngơi không thua ai. Cái khổ của anh rể tôi là mang tiếng cưới vợ cho con mà không được ngồi sui, bà con chòm xóm không uống được giọt rượu mừng. Vào năm ấy, gia đình anh rể tôi chạy ăn từng bữa, chớ chẳng giàu có chi, rứa mà nhất định không ngồi sui với gia đình nhà gái, dù họ chỉ yêu cầu anh có mặt là vui vẻ lắm lắm. Ai nghe chắc cũng lấy làm lạ như tôi, song anh cho biết một lý do đơn giản không thể làm sui với nhà ông X. vì đàng ấy có những mấy đời là trai bạn (người giúp việc) trong nhà. Tôi trách, anh rể tôi chỉ cười và cho rằng tôi còn trẻ chưa hiểu hết chuyện đời.

Đó là chuyện trong nhà, còn chuyện đầu làng cuối xóm thì có những điều nói ra ngày hôm nay không mấy ai không cho tôi bịa, hoặc kể lại những chuyện mở đầu bằng những tiếng ngày xửa ngày xưa... Do vậy, cái lệ làng của thời Hoàng Đạo và trước nữa qủa thật ghê gớm. "Trên nhất, ngồi ung dung trên chiếc chiếu cao hơn hết là ông tiên chỉ hay thủ chỉ. Ong tiên chỉ có quyền hành hơn ai nấy hết, ông không biết chữ phục tòng là gì, trừ ra khi nào ra khỏi lũy tre xanh. Ong ấy có khi một mình một cỗ, không có mặt ở làng cũng vẫn để nguyên mâm cỗ bày lên chiếu, rồi đem đến tận nhà ông.

Thứ đến bọn kỳ hào, lý trưởng, đương thứ, lý trưởng cựu, lý làng, lý thôn, trương tuần, khán thủ... tùy theo chức tước mà ăn và nói. Chính bọn kỳ hào này là đàn anh trong làng, nhất nhất mỗi việc đều có họ dính tay vào, mà phần nhiều là để tìm xơ múi cả.

Dưới nữa là bọn xã nhân, cán xã, đành lép vế ngồi chiếu dưới, không có quyền hành lợi lộc gì. Nhưng họ còn tự túc, tự mãn

khi tự so sánh với hạng bạch đinh là hạng dân nghèo đói rách, khổ sở, chỉ có quyền phục tòng, chỉ có quyền cúi đầu vâng lệnh, chỉ để cho người bóc lột, áp chế, không mong gì nhấc đầu lên được"(1). Ai muốn thay đổi cái lệ làng ấy, thì khó mà tồn tại. "Viết đến đây, tôi sực nhớ đến một vụ án xảy ra gần đây ở tỉnh Thái Bình. Một người làm chính trị phạm được bầu làm chánh hội, bèn bỏ hẳn sự tôn ti ở ngoài đình, ông muốn ai nếu cũng bình đẳng, ngồi chiếu ngang nhau cả. Kết qủa việc cách mệnh ấy, không nói ai cũng rõ: ông bị ngờ là làm cộng sản"(2). Cái mũ vừa và đẹp làm sao ! Chỉ có chụp lên đầu những người có ý tưởng tiến bộ ấy thì bọn sâu mọt, ngu dốt kia mới tồn tại, mới có điều kiện kiếm cái "thủ", cái "chân giò", chớ dễ dầu gì. Nhưng điều đáng buồn là bọn cơ hội, bọn hội tề giành ăn ấy sao lại nhiều thế. Và theo Hoàng Đạo, "Muốn cái làng của ta trở nên một làng đáng sống, một làng văn minh, không có gì khác: ta cần phải tưởng lệ những đàn anh có cái óc cách mệnh như ông chánh hội kia và nhất là cần phải nâng cao trình độ tri thức của dân quê"(3). Được vậy, tầm nhìn của người dân quê mới có thể vượt ra khỏi lũy tre làng xanh tốt ngàn đời, và nhờ vậy, những điều mê tín dị đoan mới không còn cơ hội đè nặng lên đời sống tinh thần của họ. Từ đó, đình làng không còn là nơi áp chế về mặt tinh thần, không còn là của riêng nhóm người nào, mà là biểu tượng văn hóa của làng. Mọi người trong làng, từ đứa trẻ lên ba đến những cụ già tóc bạc không còn thấy cảnh "áo thụng xanh lòa xòa lê thê, kẻ bưng nến, người cầm bồng, nối nhau đi riễu trước bàn thờ khói hương nghi ngút. Các dân cũng sẽ khỏi phải vong gia thất thổ để chạy tiền đóng gạo góp. Thủ lợn, phao câu sẽ không còn phơi ra trước mặt bọn kỳ hào; những cuộc tranh giành ngôi thứ với những cuộc ẩu đả vì hơi men, vì sự ganh tị, sẽ

---

(1)+(2)+(3) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 33-34, 37, 37.

không còn nữa"(1). Thực chất, đình làng không có gì xấu, nó là cơ sở công ích của làng sau khi lập chợ, xây cầu, đắp lộ... Thiết chế văn hóa đình, chùa, miếu, võ là nhu cầu tinh thần cơ bản của một làng. Nơi đó, có không ít nơi thờ những anh hùng, những tiền nhân có công với nước với làng, nhưng không thiếu nơi thờ dâm thần, thần ăn trộm... không có gì mang tính giáo dục truyền thống tốt đẹp cho người đời sau. Và vua chúa thời xưa đã lợi dụng lòng tin của bá tánh mà lồng vào phương pháp cai trị để ổn định vương quyền. "Việc ông Thần Thành Hoàng của làng được vua phong sắc là việc quan trọng vì sắc thần tự nó được coi là sự công nhận chính thức của nhà nước về sự hợp pháp của làng. Nạn ăn cắp sắc thần còn tồn mãi về sau này, đã chỉ ra nhu cầu nói trên về sự công nhận của người đứng đầu nhà nước phong kiến, đồng thời cũng chú trọng về ý niệm thần là bộ hạ, là đại diện cho thiên tử theo quan niệm "thiên tử phong bách thần" hơn là một vị thần linh cụ thể vốn đã có uy linh đối với dân làng như trường hợp các thần linh dân dã khác"(2). Lẽ ra, đình phải là "dây thân ái liên lạc người cùng làng"(3), nhưng qua nhiều năm, nhiều đời đình làng trở thành nỗi ám ảnh đáng sợ của người dân quê. Thậm chí, "vì nó mà người làng coi người làng láng giềng là một thế giới khác, không có can hệ gì tới mình, có khi lại kình địch với nhau nữa. Những việc hai làng lân cận đánh, giết nhau là những việc ta thường thấy. Đó là tội ác của sự gián đoạn kia, nghĩa là của cái đình làng"(4). Theo Hoàng Đạo, "việc thờ thần chỉ là cử chỉ của những dân tộc bán khai, sợ hãi hết thảy những điều huyền bí của vũ trụ cần nhờ đến một sức mạnh huyền bí để bảo vệ cho mình"(5). Ta thử đọc lại một số sắc phong thần cho đình đủ thấy "cách làm chính trị" của

---

(1)+(3)+(4)+(5) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 41, 40, 41-42, 40.

(2) Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường: *Đình Nam Bộ*, Nxb TP.HCM, 1993, trg 18.

triều đình phong kiến:

- Sắc thần do vua Thiệu Trị (1841-1847) sắc phong:

"Sắc phong cho thần Trà Tân Bảo An Thành Hoàng giúp nước phò dân linh ứng tính đã lâu. Vào năm Minh Mạng thứ 21 (1840) gặp lễ ngũ tuần đại khánh tiết của Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế ta, kính vâng bửu Đàm ân thăng cao trật bày. Nay ta ít đức lãnh sứ mạng lớn, liên miên nghĩ đến công ơn thần nên gia tặng là Thần Bảo An Chính Trực. Chuẩn cho thôn Trà Tân, huyện Kiến Đăng thờ phụng thần như cũ. Còn thần có trách nhiệm bảo vệ lê dân của ta. Kính vậy thay.

Ngày 27 tháng 11 năm Thiệu Trị thứ năm (1845).

(Ấn: Sắc mệnh chi bảo)"(1).

- Sắc thần do vua Tự Đức (1848-1883) sắc phong:

"Sắc phong cho Thần Thành Hoàng Bổn Cảnh, trước tặng là Thần Quảng Hậu Chính Trực Hữu Thiện, giúp nước phò dân linh ứng tính đã lâu. Nay ta ít đức lãnh sứ mạng lớn, liên miên nghĩ đến công ơn thần, nên gia tặng: Thần Quảng Hậu Chính Trực Hữu Thiện Đôn Ngưng. Chuẩn cho thôn Vĩnh Qúi huyện Bình Dương thờ phụng Thần như cũ. Còn Thần có trách nhiệm bảo vệ lê dân của ta. Kính vậy thay.

Ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ năm (1852).

(Ấn: Sắc mệnh chi bảo)"(2).

- Sắc thần do vua Bảo Đại (1926-1945) sắc phong:

"Sắc phong cho thôn Bình Thọ, tổng An Điền, quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định, thờ phụng Thần Thành Hoàng Bổn Cảnh, giúp nước phò dân linh ứng tính đã lâu. Nay ta ít đức lãnh sứ mệnh lớn, liên miên nghĩ đến công ơn Thần, nên phong rõ là Thần Đôn Ngưng

---

(1)+(2) *Đình Nam Bộ*, sđd, trg 271, 272.

Dực Bảo Trung Hưng. Chuẩn cho thôn hãy phụng thờ thật tốt Thần. Còn Thần có trách nhiệm bảo vệ lê dân của ta. Kính vậy thay.

Ngày 10 tháng 6 năm Bảo Đại thứ tám (1939).

(Ấn: Sắc mệnh chi bảo)"(1).

Tham khảo ba tờ sắc thần trên, ta thấy nó cũng giống như mấy tờ giấy khen đã in sẵn và được viết vào khi có người đề xuất. Ấy mà khi đưa về đến đình làng rồi, tờ sắc ấy được giữ gìn hơn giữ của và làng phải lựa chọn cử hẳn một người để trông coi, gọi là Thủ sắc. Một khi tờ sắc phong được các đàn anh trong làng coi trọng bao nhiêu, thì những hạng cùng đinh càng khổ bấy nhiêu. Những vị được thiên tử phong làm những đẳng thần, trung đẳng thần, thượng đẳng thần "có trách nhiệm bảo vệ lê dân" ra sao chưa thấy cụ thể, chứ nỗi khổ của lê dân thì cụ thể lắm lắm. Do đó, "ta phải phế bỏ các ông thần làng, nghĩa là phế bỏ cái đình, nơi trú sở của các người. Là vì đình mà mất ông thần thì không còn tính cách một cái đình nữa (...) Một nhà tư tưởng Hy Lạp có nói: Không nên phá bỏ cái gì mà ta không chắc lấy cái khác tốt hơn thay vào"(2). Khổng tử cũng có cái lo lắng ấy: "Người nào cho những đê cũ là vô ích và phá bỏ đi thì một ngày kia sẽ bị tai hại của nạn lụt lội"(3). Nhưng với Hoàng Đạo thì không. "Ta phải phá đình đi, sẽ lập nhà công thự để bàn việc công. Còn các bậc anh hùng, các tiền nhân đã có công với làng, ta đúc tượng, dựng bia để ghi công đức, và hàng năm, ngày giỗ, dân chúng có thể vui vẻ mở hội để nhớ đến công người khuất, và lấy tư tưởng những người ấy đã noi theo để tưởng lệ nhau"(4). Đến đây, ta có thể thấy được Hoàng Đạo đã đề xuất ý kiến khá táo bạo và cấp tiến so với một số người

---

(1) *Đình Nam Bộ*, sđd, trg 274.
(2)+(4) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 41-42, 42.
(3) *Lịch sử văn minh Trung quốc*, sđd, trg 289.

cùng thời. Nhưng nỗi khổ của người dân quê ngày ấy đâu đã hết. Trước Cách mạng tháng Tám (1945), người dân quê Việt Nam bao đời qua chỉ biết cam chịu, không hề có chút tự do nào. Nếu họ có chút tự do nào do "ánh sáng phương Tây" đưa lại, thì chỉ có "sự tự do uống rượu"(1) bên cạnh sự tự do phục tòng đã thấm vào trong huyết quản từ đời nọ kiếp kia.

Ánh sáng phương Tây chiếu rọi đến nơi thôn ổ chưa có gì đáng phấn khởi, nhưng "Lúc nước Pháp sang đất Đông Dương, ngoài Bắc đã có tới ngoài bốn trăm nhà nấu rượu, chính thức trả mỗi năm 14, 15 ngàn quan tiền thuế"(2). Paul Bert, viên toàn quyền đầu tiên ở Đông Dương nhìn thấy số lợi này, song còn ngại nhân dân ta thán. Vả lại, ông ta thấy đánh thuế rượu - chất lấy ra từ gạo cũng đã là sự vô lý, bởi nhà nông đã trả đủ thuế lúa gạo rồi. Bảy năm sau (1893), ông ta chỉ bắt những người nấu rượu khai báo với chủ tỉnh biết, và... sau đó không lâu người nấu rượu bị bắt ngày còn nhiều, bởi nhà nấu rượu Fontaine được độc quyền nấu và phân phối rượu. Dân Annam được tự do uống rượu, uống càng nhiều càng tốt. "Không ai không biết rằng nhiều nơi, thuế rượu thành ra một trực thuế na ná như thuế thân: mỗi người mỗi tháng cần phải uống một chai bố, dẫu không muốn say cũng vậy"(3). Ngoài ra, chỉ vì muốn bảo vệ quyền lợi cho nhà nấu rượu độc quyền Fontaine, chính quyền thực dân gián tiếp tạo điều kiện cho bọn sâu dân mọt nước, gián tiếp trấn áp tinh thần những người dân đen. Nếu kẻ nào có thù hằn ai, chỉ cần tìm miếng bã rượu, ném vào ruộng, vào nhà rồi đi báo nhà đoan, gia chủ cầm chắc bị bắt, bị phạt tiền, phạt tù. Điều oái ăm có những người cả đời chưa bước đến mảnh ruộng bỏ hoang ở quê nhà, vậy mà cũng bị tù, vì trên mảnh ruộng ấy có.. bã rượu. "Dân lương thiện ở thôn quê vì thế lo sợ, thấp thỏm không biết sẽ bị buộc tội lúc nào"(4). Hoàng Đạo lên tiếng phản kháng,

---

(1)+(3)+(3)+(4) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 45, 61-62, 64,63.

đề nghị chính phủ cần phải lưu tâm trừ khử tệ nạn uống rượu, không nên khuyến khích, bởi "Rượu là một chất độc, ai muốn dùng thì phải chịu lấy cái hại và phải trả thuế, còn người nào không uống là một người dân biết trọng sức khỏe của mình, đáng làm gương cho kẻ khác, không thể ép họ uống được"(1). Và nếu rượu là một thứ xa xỉ phẩm của dân nghèo, thì thuốc phiện lại là một thứ xa xỉ phẩm của nhà giàu, của những hạng trung lưu trong xã hội. Trong lúc phần lớn các nước trên thế giới công khai tuyên chiến với thuốc phiện, như ở Trung quốc, Tưởng Giới Thạch xử bắn hàng ngàn người vì hút thuốc phiện

Ở Nhật Bản cũng xử khổ sai; còn ở ta thì... tự do đi mây về gió với sự bảo kê của chính quyền bảo hộ. "Sướng" là thế, nhưng... "đáng thương nhất là hạng thanh niên trí thức, hy vọng của tương lai. Thanh niên dễ cảm, ít nghị lực, nên dễ say đắm ả phù dung. Không có gì khác. Chỉ một ngày chán nản, một giây thất vọng cũng đủ xô đẩy họ xuống vực sâu. Họ muốn quên, mà muốn quên còn gì bằng vài ngọn khói nồng nàn, say sưa. Nha phiến hàn những vết thương của linh hồn một cách nhẹ nhàng, êm ái, nhưng khi đã hàn xong, là khi nàng tiên ấy trở nên một con yêu quái.

Những thanh niên trụy lạc ấy, xã hội không còn trông mong gì. Dân quê không còn mong họ dìu dắt đi đâu nữa. Trụy lạc hơn, bệ rạc hơn nữa là những dân quê mắc nghiện; họ chỉ còn cách nằm dài nghĩ kế xui giục người khác kiện cáo nhau để kiếm tiền: ở nhà quê, dân nghiện thường làm thầy cò, mà thầy cò nào cũng nghiện cả"(2).

Một số thanh niên có học đã hiểu được đời, giữ được mình, nhưng vì thất nghiệp hoặc tự ý trở lại làng quê, đem sở học của mình giúp cho dân nghèo hiểu được đâu là văn minh cần phải

---

(1)+(2) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 64, 67-68.

theo, đâu là hủ tục cần phải bỏ, cần phải nhận chân giá trị của con người, trước mắt là chính mình... thì bị những kẻ có quyền thế, có của cải trong làng sẵn sàng chụp cho cái mũ "làm cộng sản". Bọn người ấy không muốn có sự thay đổi, không muốn ai "dùng chốn đình trung làm nơi diễn đàn để chỉ đường cho dân quê thoát ra ngoài sự ngu tối"(1). Họ muốn cuộc sống người dân quê cứ vậy và sẽ mãi mãi như vậy. Người dân quê phải suốt đời bán mặt cho đất bán lưng cho trời, và cam chịu, vì đó là số phận. Cái số ông trời bắt nghèo là phải chịu nghèo, không oán than, không muộn phiền. Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời. Cứ chịu đựng đi, rồi đời sau, kiếp sau sẽ sướng. Họ muốn những lời ru đơn giản mà ngọt ngào ấy quánh lại trong tiềm thức, trong suy nghĩ của những người dân quê một nắng hai sương đốt nát, hiền lành kia.

Những người tân học "muốn cúi mình xuống hạng người hèn yếu để bênh vực cũng không xong, vì ở nước ta làm gì có tự do hội họp, làm gì có tự do ngôn luận. Có nơi như ở miền Trung, nói sai ý kiến của cổ nhân, trái với tư tưởng của hào trưởng cũng đã phạm tội vọng ngôn rồi còn nói gì nữa"(2). Theo Hoàng Đạo, "muốn chống lại những sức phản động kia, muốn nâng cao trình độ dân quê một cách nhanh chóng, không gì bằng đem lại cho họ những tự do của nền dân chủ. Sự tự do lập hội sẽ giúp họ gom tài góp sức để chống lại với những sự tệ nhũng, những sự lạm quyền, những điều bất công thường xảy ra ở nơi thôn ổ. Họ sẽ có thể lấy nghiệp đoàn, lấy tương tế làm cơ quan để tự bênh vực lấy quyền lợi của nhau hoặc là để mưu tính những công cuộc cần đến đoàn thể. Với sự tự do hội họp, họ sẽ có thể đường hoàng họp nhau để bàn đến việc có ích chung, để nghe giảng về những vấn đề cần ích đến đời họ sống. Còn tự do ngôn luận đối với dân quê sẽ là một phương

---

(1)+(2) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 44, 44.

thuốc tiêu chữa cho họ khỏi bệnh ngu tối, sẽ là một ngọn đèn sáng đưa đường cho họ đi tới nền văn minh rực rỡ"(1).

Ý muốn chân thành ấy đâu có dễ thành sự thật, và cũng đâu đã đủ. Ở phần *Phương diện kinh tế*, Hoàng Đạo nêu lên mười vấn đề có tính cốt lõi: - Sinh kế ở thôn quê - Nỗi lo hàng năm - Thuế dinh điền - Tự do uống rượu - Đội không quân Nam Việt - Công nghệ - Công điền - Đồn điền - Di dân - Nạn cho vay nặng lãi ở thôn quê. Sự nghèo khổ của dân quê vào thời của ông đã đến cực điểm, và nhờ vào hệ thống báo chí, nhà đương cuộc muốn giấu cũng không giấu được. Nhà báo nữ André Viollis đã viết một bài phóng sự về cái đói của dân nghèo vùng Nghệ Tĩnh. "Bà rùng mình khi trông thấy hàng ngàn con mắt linh động trong hàng ngàn khuôn mặt hốc hác, nhiễm đầy sự đau khổ, khi nghe thấy tiếng kêu ăn thảm thiết của chừng ấy con người"(2). Mà đâu chỉ có dân ở vùng Nghệ Tĩnh mới biết đói nghèo. Người dân quê trên mảnh đất này bao đời qua luôn bị đói nghèo đe dọa. "Họ chỉ biết họ đói nhưng không có cơm mà ăn, rét nhưng không có áo mà mặc. Vợ chồng nhìn nhau, nhìn con, rồi lẳng lặng nhịn đói nhịn khát, rồi nếu không nhịn được nữa thì đành chết, có thế thôi. Thật là giản dị, một sự giản dị cay nghiệt, đau đớn"(3). Họ đã phó thác cuộc đời của họ cho trời, mà trời thì cao và hình thù ra sao họ cũng chưa biết, làm sao có thể cứu giúp được cuộc đời họ ? Lý giải sự đói nghèo ấy, Hoàng Đạo cho rằng sự nghèo ở nước ta có nhiều nguyên nhân và rất phức tạp. Theo ông, "Một phần là vì dân quê không được yên ổn làm ăn, yên ổn hưởng sinh lợi của mình. Nghĩa là vì họ bị bọn nhà giàu cho vay nặng lãi rút ruột, bọn mọt dân đục khoét, bọn cướp đến giựt ruột tượng, hầu bao. Một phần là vì đông họ chỉ biết có một nghề: làm ruộng; chỉ cấy có một thứ: lúa. Sự

---

(1)+(2)+(3) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 45, 49-50, 49.

kinh nghiệm cho ta hay rằng những miền nào cày cấy nhiều thứ hay ngoài công việc làm ruộng, còn có những kỹ nghệ nhỏ trong gia đình, đều được sung túc hơn mọi nơi. Một phần nữa là vì nhân dân ở Đông Dương san sẻ không được đều. Ở mấy tỉnh hạ du miền Bắc và ở vùng Tĩnh, Nghệ, số dân ở qúa đông, còn những miền hoang dã ở Lào, những ruộng lầy ở trong Nam và ở bên Cao Mên đều bỏ hoang không người khai khẩn"(1). Vấn đề này tự người dân không thể làm được mà là chính sách cụ thể của nhà nước. "Muốn cho cuộc sinh hoạt của dân quê tốt đẹp hơn, cần phải đem hết cả sinh lực của nước để mưu tính cho họ, lại cần phải có một chính sách về nông dân rành rẽ, khúc chiết; trong mọi các vấn đề, vấn đề nâng cao trình độ sinh hoạt dân quê phải đặt lên trên nhất"(2). Nếu không, dân nghèo tiếp tục đói khổ, tiếp tục bán vợ, đợ con. Hoàng Đạo kể một câu chuyện được thấy tận mắt, nghe tận tai của quãng đời thơ ấu: "Chiều hôm ấy, tôi về sớm, ghé vào chợ tìm tổ chim. Chợ đã vãn, dưới những quán xiêu vẹo chỉ còn rác bẩn và bã mía. Một vài người đàn bà đang vội vàng thu dọn gồng gánh. Một cảm giác buồn rung động trong lòng tôi, cảm giác đứng trước một cảnh hoang tàn.

Bỗng tôi chú ý đến một người đàn ông ở góc chợ. Bây giờ tôi chỉ còn nhớ rằng lúc đó tôi thấy người ấy có một bộ mặt khó đăm đăm. Người ấy chống đòn gánh đứng cạnh đôi thúng, mà, tôi thấy làm lạ qúa, trong thúng là một thằng bé con. Thấy tôi lại gần, người đàn ông ngập ngừng như muốn nói lại thôi. Tôi nhìn thằng bé, thằng bé nhìn tôi mỉm cười. Tò mò, tôi hỏi:

- Sao bác lại cho em ngồi trong thúng thế ?

Tôi nghĩ bụng rằng được ngồi trong thúng để bác gánh chắc cũng dễ chịu như người ngồi xe. Nhưng tôi ngạc nhiên hết sức khi

---

(1)+(2) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 51, 52.

nghe bác ta trả lời:

- Tôi đem bán cháu đấy, cậu ạ.

- Bán ?

- Bán để làm gì hở bác ?

- Bán để lấy tiền đóng thuế.

Rồi bác ta mỉm cười chua chát:

- Cả ngày chả có ai mua, khốn khổ qúa. Đấy, cậu có mua, tôi bán rẻ cho.

Tuy là câu nói đùa, bác ta mặt cũng tỏ vẻ hy vọng như người chết cố vớ lấy mảnh ván mỏng để mong thoát thân"(1).

Sưu cao, thuế nặng là nỗi lo hằng năm của người dân quê, nhưng chính phủ nào có biết. Họ không cần biết người dân quê làm gì, cuộc sống ra sao, đói no thế nào. Nghe tiếng trống giục thuế là người dân quê sợ xanh mặt. Cơm không đủ ăn, áo quần không đủ mặt, họ có thể chết đói chết rét, nhưng họ chấp nhận, bởi đó là ý trời, còn thuế tiền thuế là ý người. Ý người đáng sợ gấp triệu triệu lần hơn ý trời. "Lúc ấy, ai có về nhà quê mới thấu nông nỗi của dân quê. Trong làng không khí lo sợ, tiếng trống thúc giục thuế nghe buồn thảm, nặng nề; giọng quát tháo, dọa nạt của ông Lý trở nên oai vệ, hống hách, lẫn tiếng van lơn của kẻ bạch đinh đói khát, không có tiền nộp thuế, ngoài chợ, nào mâm nồi, bát, đĩa, nào lợn, nào gà chó, người ta cố đem đi bán một giá rất rẻ, trong nhà trọc phú, tấp nập những người nghèo xơ xác đến vay mượn, kẻ gánh đôi lọ cổ của ông cha để lại, người đem văn tự ruộng đến để mong vay một số tiền, với một số lãi nặng gấp ba..."(2).

Quê tôi từ năm 1908 đã làm nên vụ "Trung kỳ dân biến",

---

(1)+(2) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 54, 56.

nhưng khi đọc phần này của Hoàng Đạo, tôi cứ thấy nao nao trong lòng, và nhớ tới câu *hò giả vôi* mà tôi đã được nghe và thuộc lòng từ nhỏ:

Con chim xanh ăn quanh bãi cát,
Thiếp lo cho chàng ba mươi sáu giác công ngân.
Chàng đi cày, thiếp lại gánh phân,
Chàng nhịn ăn, thiếp nhịn mặc, nộp công ngân cho chàng.
Nộp rồi, trong dạ không an,
Tai nghe mõ đánh, ngoài làng kêu xâu.
Tài chi ai không thảm không sầu,
Khoai lang non cũng nhổ bỏ vô bầu cho chàng đi.
Tưởng là ấn định Tam Kỳ,
Hay đâu ấn định Trà Mi hở chàng !?

Cái cực, cái khổ, cái nỗi lo hàng năm của dân nghèo ở đâu cũng thế. Số phận của dân tộc bị mất nước, vậy là phải rồi chớ biết kêu ai.

Sau khi phân tích khá kỹ các loại thuế, các hành động tiêu cực của bọn kỳ mục trong làng lợi dụng lúc thu thuế mà những nhiễu dân lành để kiếm chát thêm, coi như đây là cơ hội để bọn chúng làm giàu và dựa vào thực tế cuộc sống hiện thời của dân quê, Hoàng Đạo đề xuất: "Muốn cho dân quê khỏi ta thán, tưởng không còn gì cần hơn là dùng một trong hai cách này: 1- bỏ thuế thân, lấy thuế hoa lợi thay vào; 2- chia thuế ra làm nhiều hạng và miễn thuế cho những cùng đinh (...) cho họ quyền lập nghiệp đoàn để bênh vực lẫn nhau, và nhất là tổ chức cách thu thuế một cách hoàn toàn hơn"(1). Đã thế, nạn cho vay nặng lãi ở thôn quê cũng cần phải bài trừ. "Họ coi cách làm giàu ấy là chính đáng, bĩu môi khinh bỉ những người ăn cắp, ăn trộm, tuy công việc làm ăn của họ cũng tương tự như vậy"(2). Nói chung, những người nghèo khó bị

---

(1)+(2) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 59-60, 92.

không biết bao nhiêu nỗi khổ không đáng có trong cuộc đời, nếu họ được ánh sáng văn minh thực sự chiếu rọi đến.

Những người cùng đinh là những người không có miếng đất cắm dùi, làm không đủ nuôi miệng thì lấy gì đóng thuế ? Một vũng trâu nằm, hơn năm làm mướn. Đó là ước mơ bao đời của người dân quê cùng đinh, mạt hạng kia mà. Và Hoàng Đạo đã thấy rằng, ở bên Nga trước hồi Âu chiến có chế độ khá hay, có lợi cho dân nghèo. Đó là chế độ "mir". "Theo chế độ ấy, đất là đất chung của cả làng, và thường thường cứ chín năm một lần, hội đồng các gia tộc, gọi là "mir", lại đem chia đất công, có bao nhiêu gia đình thì bấy nhiêu phần và mỗi phần, ruộng xấu có, ruộng tốt có để cho được công bình"(1). Ở ta, hầu như không làng nào là không có công điền, công thổ, và từ xa xưa cũng đã có không ít nơi làm như vậy. Nhưng điều đáng buồn là những đàn anh trong làng luôn tìm cách giành hết về cho mình. Thời của Hoàng Đạo, thì "Những bạch đinh cùng cực, chỉ trông vào hai cánh tay để nuôi thân - nghĩa là những người cần có công điền hơn ai hết - lại không được hưởng sự ích lợi của chế độ ấy. Phải là xã nhân - nghĩa là phải đóng góp một số tiền 20 - 25 đồng tùy làng - mới được coi là người có phần, có hân hạnh được đi "bất ruộng" như đàn anh"(2). Bất ruộng như đàn anh cũng chỉ là cách nói, chớ thực ra, người cùng đinh ấy làm sao giành được những chân ruộng tốt hơn đàn anh, và rồi chỉ cần một sự cố nhỏ nào đó, như vợ đau con ốm, việc làng, thuế thúc... thì miếng ruộng ấy không chỉ là của đàn anh mà của ông chủ nợ.

Chuyện ấy không chỉ ở ta. Chế độ "mir" ở Nga cũng gặp phải những trường hợp như vậy, chỉ đến sau Cách mạng tháng Mười, thì "chế độ "mir" ở bên Nga bây giờ không còn nữa, nhường

---

(1)+(2) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 76, 77.

chỗ lại cho chế độ "kolkhozes" hay "artels". Dân quê bên Nga đem đất, ruộng trâu bò và cày bừa... để làm của chung, để cùng chung cày cấy, trồng trọt, hoa lợi sẽ đem chia nhau, hơn kém tùy theo giờ làm nhiều hay ít. Ngoài ra, mỗi gia đình lại có một ít đất riêng để khai khẩn nữa. Tương lai của chế độ ấy, người ta bảo rất là rực rỡ. Dân quê ta có thể lấy đó làm gương nếu bọn đàn anh trong làng bỏ được lòng vị kỷ lớn lao của họ đi, không lẫn việc công với việc tư nữa, và lúc nào cũng mưu sự ích lợi chung. Nghĩa là dân quê cần phải có học đã"(1). Ngày ấy, trên báo chí công khai mà viết như Hoàng Đạo chắc không phải là nhiều. Nhưng chỉ có học cũng chưa đủ. Người dân quê cần phải ý thức tạo thêm việc làm trong những ngày nông nhàn. "Một làng như làng Cổ Am, ở giữa cảnh đồng chua nước mặn, tình thế đáng lẽ cũng không khác những làng lân cận. Vậy mà người làng Cổ sung túc hơn, có tiếng là giàu có hơn. Không có gì lạ: làng Cổ Am, ngoài việc nông còn có một kỹ nghệ nhỏ là kỹ nghệ dệt vải. Tỉnh Hà Đông đối với những tỉnh khác là một tỉnh phong phú hơn, cũng không qua cái cỡ kia: kỹ nghệ ở đấy mở mang phát đạt hơn mọi nơi. Nào nghề làm ren, nào nghề dệt gấm, nào nghề dệt lụa, nào nghề làm giấy, bao nhiêu kỹ nghệ nhỏ có thể đem lại cho nông dân một đời sung túc hơn, dân tỉnh Hà Đông đều chịu khó nhúng tay vào"(2). Những ngày hôm nay, tại Hội nghị khoa giáo toàn quốc tổ chức tại Hà Nội từ ngày 13 - 15.2.1997, Tổng Bí thư Đỗ Mười có nói: "Song song với phát triển nông nghiệp, cần quan tâm thích đáng đến phát triển công nghiệp nông thôn, mở mang tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp, xây dựng, dịch vụ theo phương hướng cơ giới hóa, điện khí hóa, tiến tới tự động hóa, hiện đại hóa các ngành nghề, kể cả các ngành nghề truyền thống ở từng địa

---

(1)+(2) Bùn lầy nước đọng, sđd, trg 78, 70-71.

phương"(1), cho thấy ý kiến của Hoàng Đạo ngày ấy chưa phải là lỗi thời.

Từng lúc, con người mới nhận ra rằng không có chữ, thì khó thể mở rộng tầm nhìn, không biết được những thay đổi xung quanh mình, và con người khó thể thoát khỏi tăm tối, khó thể nuôi sống được mình và càng khổng thể cống hiến ngày một cao hơn cho đất nước, cho xã hội. Từ ngày thực dân Pháp đến xâm chiếm đất nước ta, thì người ta mới thấy hiện ra chế độ đồn điền. Đã không biết bao nhiêu người dân lành mất ruộng đất vì chế độ đồn điền ấy. Theo số liệu của Hoàng Đạo, nếu năm 1890, toàn Đông Dương chỉ có một trăm cơ sở đồn điền của người Pháp, thì năm 1898, đất đem làm đồn điền có đến hơn mười ngàn mẫu tây. "Năm 1907, người ta quay đầu về những khoảng đất đỏ hay xám mênh mông, những khoảng đất màu mỡ để trồng cao su. Các nhà lý tài sung sướng, hỉ hả như nhìn thấy đống vàng lớn. Những sở đồn điền cao su bỗng dưng phát ra ở trong rừng miền Nam như bụt mọc. Tiền lãi chảy vào tay các nhà đại tư bản như thác: thử tính mà xem, hồi ấy mỗi ki-lô nhựa cao su trị giá có đến hai mươi lăm quan tiền tây, mà trái lại, công tác cu-li mồ hôi nước mắt lấy được nhựa thì rất ít, rất hạ"(2). *Bán thân đổi mấy đồng xu, Thịt xương vùi gốc cao su mấy tầng* (Tố Hữu). Vậy cái chế độ đồn điền ấy ra sao ? Lợi hay hại thế nào ? Đó là những câu hỏi mà Hoàng Đạo đã đặt ra và tìm lời lý giải. Chính phủ Pháp đã có nhiều nghị định về việc này, như nghị định ngày 27 tháng 12 năm 1913, nghị định ngày 19 tháng 9 năm 1926... để tránh sự lạm dụng, nhưng chế độ đồn điền vẫn không có gì thay đổi, lại còn "gây nên một hạng lao động cặm cụi

---

(1) Đỗ Mười: *Chấn hưng giáo dục, nâng cao dân trí, bồi dưỡng người tài, phát triển đội ngũ trí thức của dân tộc*, Báo *Sài Gòn giải phóng*, ngày 16.2.1997, trg 2.

(2) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 80.

khổ sở, làm lợi cho người khác hưởng. Đồn diền ở Đông Dương ngày càng nhiều. Những khoảng đất mênh mông, những đồi núi liên miên bát ngát được khai thác. Số dân lao động vất vả trong đồn điền cũng càng ngày càng nhiều hơn"(1). Ngày 25 tháng 10 năm 1927 đạo nghị định Varenne mới chú ý đến hạng dân đáng thương này. "Thoạt đầu tiên là họ được thầy thuốc đến khám xem có khỏe mạnh, đủ sức để làm việc hay không. Rồi lại được bọn cai mộ phu tả cái thế giới đẹp đẽ họ sẽ được sống ở trong đồn điền được ông chủ cấp trước cho một ít tiền để trang trải công nợ hay giao lại cho vợ dại con thơ. Đến lúc ký hợp đồng, thì họ được hoàn toàn tự do, người ta sẽ phải dịch cho họ biết tờ hợp đồng ấy thế nào, quyền lợi của họ những gì, bổn phận của họ ra làm sao, phân minh khúc triết. Bao nhiêu tiền phí tổn, tiền giấy má, thẻ căn cước, tiền chụp ảnh... ông chủ đều ra tay cáng đáng, họ không phải lo mảy may nào.

Lúc đã ký xong hợp đồng, ông chủ phải biếu không họ những thứ cần dùng: một cái chăn đắp khi lạnh, một cái áo tơi để che mưa, một bộ quần áo để đi làm, một cái nón lá, ngoài ra, tiền chi phí, ăn uống dọc đường đều là tiền của ông chủ bỏ ra để họ được sung sướng cả.

Đến đồn điền, họ bắt đầu làm việc. Nhưng không phải làm miên man suốt ngày suốt buổi như trâu ngựa. Theo đạo luật Varenne, trong hai mươi bốn giờ, họ chỉ phải làm có mười giờ, mà trong mười giờ ấy họ lại còn được nghỉ hai giờ để ăn uống và ngủ trưa nữa. Có làm thêm giờ, ông chủ phải trả thêm công, và công lúc đó phải cao gấp rưỡi lúc bình thường. Như vậy còn ai không muốn làm thêm nữa.

Làm việc đã thong thả, ăn uống cũng được nhà nước săn sóc

---

(1) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 82.

tới. Theo đạo nghị định qúy hóa kia, đồ ăn của chủ đem cung cấp phu phen phải là đồ ăn hạng tốt, tươi và lành, đủ cho mỗi người có 3200 nhiệt độ, nghĩa là phải có đủ gạo: 750 grames, hay bánh mì: 200gr; chè: 5gr; mỡ: 20 gr; nước mấm hay tương: 15 gr. Nhà cửa được ở không trả tiền, mà phải cao ráo, hợp vệ sinh như những căn nhà của hội Ánh sáng. Đi làm trong rừng thì lại được đôi xà cạp, khi bị sốt rét rừng thì đã có thuốc quinine trữ sẵn, ốm lấm thì vào nhà thương, mà vạn nhất có chết chăng nữa thì đã có quan tài của ông chủ biếu không.

Thật đã là chu đáo lắm vậy. Nhưng đó chỉ là đời của bọn dân nghèo sống ở trên mặt giấy. Đời thực của họ, ai cũng biết, ai cũng đã từng được nghe kể đến. Họ thường lẫn trốn về, khổ sở, sợ sệt, không còn gì là lòng ham muốn trở lại nơi đồn điền phong phú nữa, thà trốn tránh lẩn lút hay làm thân tù tội còn hơn. Thế mà lúc đi, họ là những trai tráng mạnh khỏe, và đã từng chịu khổ cực đói rét nhiều rồi đấy"(1). Cơ cực qúa. Thực tế đã chỉ cho họ rằng: *Kiếp phu đổ lắm máu đào, Máu loang mặt đất máu trào mủ cây. Trần gian địa ngục là đây, Đồn điền đất đỏ nơi Tây giết người*; hoặc, *Cây rừng đè chết mạng người, Đắng cay tủi nhục kiếp người công-tra* (Ca dao của công nhân cao su miền Đông Nam Bộ), nên họ chấp nhận chịu tù đày nếu họ bị bắt được khi bỏ trốn cũng là điều dễ hiểu.

Tức nước vỡ bờ. "Người Annam bản tính hiền lành, nhu mì, nhẫn nhục và siêng năng, chỉ biết hết lòng làm việc và cúi đầu nghe những lời quở mắng, giơ thân đỡ những sự vùi dập. Tình cảnh họ không nhẫn nhục được nữa, và cũng là lúc có thể xảy ra những điều đáng tiếc, những cuộc đổ máu có hại. Những lúc ấy họ đã liều rồi, không còn sợ còn kiêng gì nữa, tuy họ vẫn biết rằng không thể đem trứng chọi với đá được"(2). Lúc này, Đảng Cộng

---

(1)+(2) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 83-85, 85.

sản cũng đã hoạt động khá sâu rộng. Hội nghị Trung ương Đảng lần VI họp tháng 1 năm 1936, chủ trương mở rộng hoạt động công khai của công hộ đỏ trong tình hình mới bằng cách: "Từ nay về sau, chỗ nào mà công hội... khó tổ chức... thì vô luận lấy tên là gì mà các đồng chí có thể làm công tác công hội... là được. Tên hội chỉ là cái vỏ bên ngoài, thật là ít quan trọng"(1). Và, khi thực dân Pháp bắt đầu chuyển nền kinh tế Đông Dương thành nền kinh tế phục vụ chiến tranh, thì cuộc sống của hầu hết công nhân đều khó khăn và dự báo của Hoàng Đạo hoàn toàn có cơ sở. Bởi từng bước, người dân nghèo Việt Nam đã thấy rằng, nhượng bộ thế nào cũng chỉ là tính chất nhất thời. Tình cảnh đã đến lúc khó mà nhượng bộ mãi. Người dân nào cũng thấy rõ cảnh tương phản:

Ta cơ cực, Tây vui say,
Ta ăn gạo mục, Tây thịt quay bánh mì.
Nhà ta chật hẹp tanh hôi,
Nhà Tây cao ngất trên đồi núi cao.
Thằng Tây da dẻ hồng hào,
Còn ta lem luốc, cồn cào bụng phơi...

Ở đây, Hoàng Đạo không chủ trương bạo động, dù thấy trước rằng có thể dẫn đến sự bạo động, đến những cuộc đổ máu. Ong đề nghị chính phủ "cho họ quyền lập nghiệp đoàn để họ có cơ quan tự bênh vực lấy nhau, và nếu có thể, cho họ được dự một phần vào số tiền lãi của bọn chủ"(2). Ngày đó, chính miệng Berna, đại lý trị sự của "Công ty tài chính Pháp và thuộc địa" nói rõ: "Cho quần chúng thợ thuyền tập hợp trong các công hội nghề nghiệp là hoàn toàn trái với phong tục và đạo lý ở tất cả các nước Viễn Đông"(3).

---

(1) *Dẫn theo Lịch sử Phong trào công nhân và Công đoàn Việt Nam*, Nxb Lao động, H, 1975, trg 116.
(2) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 86.
(3) *Lịch sử Phong trào công nhân và Công đoàn Việt Nam*, sđd, trg 117.

Đúng là giọng thực dân, nhưng một khi chủ trương bất bạo động như Hoàng Đạo thì không thể làm khác hơn. Với tôi, chủ trương đấu tranh bất bạo động như Hoàng Đạo ngày đó không phải là cá biệt, và việc đúng sai đã có lịch sử chứng minh, song ý kiến "cho họ dự một phần vào số tiền lãi của bọn chủ" là ý mới, không phải ai cũng nghĩ ra được, nhất là những nhà văn, nhà báo cùng thời với ông. Nhưng đâu chỉ có những người chủ trương thế này là đúng, là đáng ca ngợi, còn thế kia là sai lầm, là... nối giáo cho giặc. Lênin đã nói: "Nếu như ngày nay chúng ta thấy ở Tổ quốc chúng ta có tình hình khổ cực, nặng nề do nạn đói gây nên, thì chúng ta phải giải thích cho những người hoàn toàn mù quáng, tối tăm - tuy ít nhưng vẫn còn có những người như thế - để họ thấy những nguyên nhân cơ bản và chủ yếu đã gây ra nạn đói"(1). Và với tư cách một người cầm bút, Hoàng Đạo đã làm được điều ấy.

Về *Phương diện tinh thần*, Hoàng Đạo chỉ tiếp tục phân tích những nguyên nhân góp phần làm nên nỗi khổ của dân quê. Ông càng đặt niềm tin vào tuổi trẻ - những tuổi trẻ có học. Hiện tại, lớp trẻ này đã và đang hoạt động rải rác. Theo ông, mọi người phải đoàn kết lại. Chỉ có họ "mới có đủ điều kiện để đạt được lý tưởng chung là đưa đường cho dân chúng trở nên những người hoàn toàn, hiểu biết quyền lợi và nghĩa vụ của mình"(2).

Đọc từng bài báo đăng rải rác, ta chưa hình dung hết những gì Hoàng Đạo muốn gửi gắm. Nhưng khi được tác giả gom lại thành hơn một trăm trang sách, thì "Chế độ thực dân Pháp bấy giờ ra lệnh cấm tàng trữ và lưu hành"... cũng phải. Bởi nó không chỉ là thứ cẩm nang cho một số người tuổi trẻ ngày ấy còn đang loay hoay tìm cho mình một chút ánh sáng soi đường, dù đó chỉ là ánh sáng le lói ở cuối đường hầm, mà còn là bản cáo trạng về chính

---

(1) *Lênin toàn tập*, T.36, sđd, trg 544.
(2) *Bùn lầy nước đọng*, sđd, trg 118.

sách thuộc địa cùng hệ thống cai trị lỗi thời của chế độ Nam triều.

Những tác phẩm của Hoàng Đạo được nhà xuất bản *Đời Nay* ấn hành còn có cuốn đáng chú ý, đó là cuốn *Trước vành móng ngựa* (1938). Đây là tập hợp của 52 phóng sự ngắn được Hoàng Đạo chọn đăng rải rác trên báo *Phong Hóa*, và tập trung nhiều trên báo *Ngày Nay*. Bằng những nét chấm phá trào lộng, Hoàng Đạo vẽ lại những vụ xử án điển hình mà ông được chứng kiến - vẽ lại những cảnh đổi bại trong xã hội, sự thối nát của chính quyền đương thời, trình độ thấp kém của dân quê, đúng hơn là thân phận của những người dân bị mất nước. Khi *Trước vành móng ngựa* ra mắt bạn đọc, trên báo Revue Franco-Annamite, Vũ Ngọc Phan cho rằng, "Quyển sách làm cho người đọc vừa phì cười, vừa thương tâm"(1).

Như chúng ta đã biết, trong sự hình thành và phát triển một giai đoạn văn học, ắt có để lại cho đời nhiều tác giả với nhiều tác phẩm đủ sức chống chọi với thời gian. Bên cạnh đó cũng có một ít thành tựu trên bước đường tìm tòi thể loại. Và thể loại phóng sự đã để lại dấu ấn rõ nét trong giai đoạn văn học này với nhiều tên tuổi sáng giá như Tam Lang, Trọng Lang, Vũ Trọng Phụng, Hoàng Đạo...

Nếu có dịp đọc lại và so sánh *Tôi kéo xe* của Tam Lang, *Hà Nội lầm than* của Trọng Lang, *Kỹ nghệ lấy Tây, Làm đĩ*... của Vũ Trọng Phụng.v.v... với những bài phóng sự được đăng trên báo của những cây bút hôm nay, thì cũng có một số bài phóng sự vượt trội, nhưng in thành tập để đọc cho "đã" thì... còn thua xa lắm, nhất là đối với tập phóng sự *Trước vành móng ngựa* của Hoàng Đạo. Nói điều này không phải chê các cây bút phóng sự ngày hôm nay dở hơn bậc đàn anh, bởi mỗi thời mỗi khác. Đặc biệt, để có được tập

---

(1) Dẫn lại báo *Ngày Nay*, số 116, ngày 26 Juin 1938, trg 20.

phóng sự như tập *Trước vành móng ngựa* của Hoàng Đạo lại càng khó hơn, vì không phải cây bút phóng sự nào cũng có điều kiện ngồi ghế lục sự khắp tất cả các tòa "Tây án" như Hoàng Đạo, và xã hội hôm nay lại càng không có những chuyện như ngày dân tộc còn trong cảnh mất nước, thất học. Đọc *Trước vành móng ngựa*, tôi vừa thương vừa giận, lại vừa mừng cho mình, chọ con cái mình không phải bị sinh ra và lớn lên trong cái thời ấy. Và giở bất kỳ trang sách nào, ta cũng gặp:

"HAI NGHÌN QUAN TIỀN TÂY

Không có gì buồn và chán nản bằng một phiên tòa xử "tù rượu", nghĩa là những người bị cáo về tội buôn rượu lậu. Cũng không có gì làm cho ta nghĩ ngợi bâng khuâng hơn.

Một dẫy người khốn khổ, ốm yếu, áo nâu tã, váy đụp, không dám ngồi hẳn lên chiếc ghế dài để riêng cho tội nhân, sợ làm bẩn mất ghế của nhà nước, một dẫy người hốc hác, hôi hám như những tang chứng hoạt động của sự lam lũ, nheo nhóc ở nơi bùn lầy nước đọng, trông tưởng như một lũ ma đói hiện hồn lên trách thầm cái phú qúy của những người khác.

- Mày có nấu rượu lậu không ?

- Bẩm có.

Ong chánh án: - Phạt hai nghìn quan tiền tây.

Sự thất vọng và tính nhẫn nại đều hiện cùng một lúc lên nét mặt gầy gò, xanh xao của một người nông phu rét run trong manh áo mỏng sờn vai, vá nhiều chỗ. Anh ta đã rời vòng móng ngựa còn quay cổ lại như muốn nói điều gì, nhưng có lẽ biết rằng cũng vô ích, nên lại bước chân đi.

- Mày có cơm rượu lậu không ?

- Bẩm, con không nấu rượu lậu...

- Nhưng người ta bắt được bã rượu lậu ở nhà mày.

- Bẩm có.

Ong chánh án: - Hai nghìn quan tiền phạt.

Bị cáo nhân, một bà lão già kêu van:

- Bẩm, con già nua... quan thương cho...

Viên thông ngôn: - Già nua mặc kệ, về việc đoan, không ai thương xót đâu. Ra !

Bà lão thở dài, nước mắt rưng rưng muốn khóc, cố van lơn:

- Bẩm, những hai nghìn, con nghèo khổ, con lấy đâu con giả ?

Viên thông ngôn: - Tòa xử rồi. Không bằng lòng thì chống án. Đi ! Đi ra.

Thấy bà lão trù trừ, viên thông ngôn quát:

- Đội xếp đâu ! Lôi nó ra.

Người đội xếp sấn sổ lại, kéo bà lão ra ngoài, để đến phiên người khác.

*

* *

Một người đàn bà, váy đụp, áo tứ thân rách, vừa đứng dậy vừa vạch yếm cho con bú.

- Mày có cơm rượu lậu không ?

- Bẩm không.

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.

- Bẩm không, ở ruộng con đấy ạ.

- Thế là đủ rồi.

- Bẩm ruộng con cách nhà con xa lắm. Người ta thù con, người ta bỏ vào đấy ạ.

- Có biết ai bỏ không ?

- Bẩm không.

Ông chánh án: - Hai nghìn quan tiền phạt.

Rồi kế tiếp nhau, năm, sáu chục người nhà quê ra chịu tội. Ong chánh án không lần nào phải nghĩ ngợi khi lên tiếng:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

*

* *

Sau cùng đến lượt một người gù lưng ra van lạy.

- Bẩm, con tàn tật, tật...

- Tàn tật mặc anh. Có cơm rượu lậu không ?

- Bẩm có.

- Anh đã bị án hai lần rồi. Sao lại còn phạm nữa ?

- Bẩm, con chỉ có nghề làm rượu. Con tàn tật, bỏ nghề ấy thì con chết đói mất.

- Không biết. Hai nghìn quan tiền phạt."(1).

"NHẪN NHỤC

Nguyễn Hân, áo nâu cộc vá vai, lê đôi guốc vỡ ra trước vành móng ngựa. Mặt xám đen, hốc hác, tóc hoa râm: trông những vết răn trên trán, ta có thể đoán phỏng được cái đời lam lũ, vất vả của người cu li xe đã gần hết đời làm nô lệ miếng ăn.

Viên thông ngôn: - Bỏ guốc ra ! Trong tòa ai cho phép đi guốc !

Ngơ ngác, Nguyễn Hân nhìn viên thông ngôn một cách sợ hãi, như đương đem hết trí khôn ra để hiểu tại làm sao đi giày tây lộp cộp vào tòa thì được, mà kéo guốc vào tòa lại cấm...

---

(1) Hoàng Đạo: *Trước vành móng ngựa*, Dẫn theo *Phóng sự chọn lọc*, Nxb Hội Nhà văn, H, 1995, trg 313-316.

Viên thông ngôn *(gắt)*: - Súc vật ! Sao không bỏ guốc ra ?

Sợ sệt, e dè, Nguyễn Hân cúi đầu trước câu chửi rủa, lẳng lặng bỏ đôi guốc ra, rồi cúi xuống cầm lên. Lúc đó, trên nét mặt Hân hiện ra vẻ nhẫn nhục vô cùng, nhẫn nhục như cái kiếp sống đầy đọa của anh ta.

Ong chánh án: - Anh bị buộc vào tội thiện thủ áo tơi cánh gà của cai xe. Có không ?

Nguyễn Hân *(ngơ ngác)*: - Thiện thủ ? Tôi chỉ có bỏ xe thôi.

Ong chánh án: - Chính vậy. Anh thuê xe rồi bỏ xe ở phố vắng. Đến lúc cai xe tìm thấy, thì không còn áo tơi cánh gà nữa...

Nguyễn Hân: - Cái đó, con không biết. Lúc con bỏ, thì trong hòm xe còn đủ cả. Chắc là anh cai xe, anh ấy thù con, anh ấy giấu, rồi đổ riệt cho con. Con oan...

Giọng nói có vẻ thành thực, thiết tha.

Ong chánh án: - Nhưng vì cớ gì anh bỏ xe ?

Nguyễn Hân: - Bẩm con kiếm không đủ tiền thuế, nếu đem về trả thì anh cai anh ấy đánh con chết mất. Con đi từ hai giờ chiều, đến tối mịt mới được hai cuốc xe. Suốt đêm kiếm thêm được có hai hào thì con biết làm thế nào ?

Khóe mắt hơi đỏ, Nguyễn Hân vừa kể lể, vừa hồi tưởng lại cái cảnh tình đau đớn của một người phu xe kiếm không đủ tiền trả tiền cai, buồn bã, lo lắng, sợ hãi cái người chỉ việc ngồi đợi tiền mồ hôi nước mắt của người khác đem đến nộp.

Cái người tốt số ấy là cai Thôn. Cai Thôn đẫy đà, to lớn, mặt bánh đúc, điểm hai con mắt lươn ti hí, ra đứng khai một cách mạnh bạo:

- Nó thuê rồi nó bỏ. Đến lúc tìm được, thì mất cả áo tơi lẫn cánh gà.

- Người ta khai rằng, nếu đem xe về trả thì anh đánh. Có không ?

- Không, bẩm thực không.

Câu trả lời dứt khoát, chắc nịch như thể cai Thôn. Nhưng nếu không đánh thì tội gì họ không về. Tuy vậy, luật lệ là luật lệ, nặng thì phải chịu. Người phu xe khốn khổ kia bỏ xe, bỏ mất áo tơi cánh gà là phạm tội rồi.

Ong chánh án: - Hai mươi ngày tù.

Lẳng lặng, Nguyễn Hân cúi đầu trở ra, tay vẫn xách đôi guốc, trên nét mặt thấy hiện ra lòng nhẫn nhục lúc này đã thoáng qua, lòng nhẫn nhục không bờ bến của hạng người đã quen chịu đựng những điều đau đớn, tủi nhục mà họ không hiểu tự đâu họ phải chịu."(1).

"DU ĐÃNG

Tòa án có con cưng, con ghét. Con cưng là những bị cáo nhân được người chú ý, từ ông chánh tòa nghiêm trang cho đến công chúng tới chứng kiến. Là vì bọn ấy có nhiều tiền thuê hai, ba ông thầy kiện vung tay khen ngợi, tán tụng hộ.

Con ghét của tòa án là một số đông người rách rưới, khốn nạn, chỉ được ông chánh tòa để ý đến năm phút đồng hồ là nhiều. Mà để ý đến như vậy, thà đừng để ý đến còn hơn.

Họ ngồi thu hình ở căn phòng bên cạnh, nhẫn nại đợi cho đến lúc gần tan buổi tòa, là lúc người ta kéo họ ra hỏi qua loa cho xong chuyện.

- Anh bị buộc về tội du đãng ?

---

(1) Hoàng Đạo: *Trước vành móng ngựa*, Dẫn theo *Phóng sự chọn lọc*, Nxb Hội Nhà văn, H, 1995, trg 325-328.

- Bẩm con không du đãng, con là người làm ăn.

Một người vận quần áo nâu rách, vá nhiều chỗ, nét mặt răn reo như người đã ngoài năm mươi, tuy mới gần bốn chục tuổi.

- Anh làm gì ?

- Bẩm, kéo xe bò.

- Chủ là ai ?

- Bẩm, không có chủ, ai thuê thì làm thôi ạ.

- Anh không có tiền ?

- Bẩm kiếm không đủ ăn.

- Ba tháng một ngày nhà pha.

Ong chánh tòa ung dung luận tội, lương tâm không mảy may bứt rứt, vì theo luật, không có nghề nghiệp và không có tiền là phạm tội du đãng rồi... Tội du đãng, chung quy là cái tội nghèo.

- Anh làm nghề gì ?

- Bẩm, con làm cu li.

- Cu li cho ai ?

- Bẩm, cu li cho cai Đào, nhưng con thôi đã được một tháng nay.

- Thế một tháng nay làm gì ?

- Bẩm, con đi tìm việc; không làm việc gì cả.

- Không làm gì cả ? Ba tháng một ngày nhà pha.

Con mắt ngơ ngác như đi tìm công lý, một ông thần lòa, bị cáo nhân lảo đảo bước ra chặc lưỡi:

- Chà ! Càng đỡ lo gạo trong mấy tháng.

Kế chân, một người xanh xao bước vào vành móng ngựa:

- Anh làm nghề gì ?

- Bẩm, làm nghề rửa nứa ở ngoài bãi.

- Rửa nứa không phải là một nghề. Ba tháng một ngày nhà pha.

Người ấy bước ra, người khác thay vào.

- Làm nghề gì ?

- Bẩm, không làm gì.

- Có tiền không ?

- Bẩm, có sáu xu con vừa mới xin được.

Thật là vô phúc. Phải giàu từ bảy xu trở lên mới không phải là du đãng.

- Sáu xu không đủ. Ba tháng một ngày nhà pha.

Rồi từ đó, tòa xử mỗi lúc một nhanh.

Những câu hỏi, viên thông ngôn dịch lại như cái máy. Và cũng như làm bằng máy những câu định tội.

- Ba tháng một ngày nhà pha"(1).

"ANH HÙNG MẠT LỘ

Nguyễn Xuân Bi là một nhà nho, cứ trông ông ta cũng đủ biết. Từ cái áo the sờn vai xúng xính, cái khăn lượt chững chạc cho đến dáng điệu, ngôn ngữ, ông đều để lộ vẻ nhà nho, nhà nho lúc quẫn.

Ong chánh án: - Thế nào, anh có nhận tội không ?

Bi: - Bẩm, không biết. Chúng tôi chỉ biết theo lễ nghi của cổ nhân dạy bảo lũ trẻ... học đạo thánh hiền.

Ong chánh án (đắc thế): - Chính thế, anh dạy học không có

---

(1) Hoàng Đạo: *Trước vành móng ngựa*, Dẫn theo *Phóng sự chọn lọc*, Nxb Hội Nhà văn, H, 1995, trg 335-338.

giấy phép. Anh muốn dạy đạo thì dạy, nhưng phải có giấy phép nhà nước cho.

Bi: - Bẩm, vài đứa học trò nửa người nửa ngợm, làm gì mà phải phép với tắc !

Ong chánh án: - Anh dạy mấy đứa ?

Bi: - Bẩm, sáu đứa.

Ong chánh án *(lại đắc thế)*: Sáu đứa thì còn nói gì nữa. Lệ chỉ có năm đứa học trò mới không phải xin phép.

Bi: - Bẩm, năm với sáu thì khác nhau cái gì ? Thật chúng tôi không hiểu.

Ong chánh án *(mỉm cười)*: - Tôi cũng không hiểu. Nhưng luật pháp là luật pháp. Dura lex, sed lex.

Một ông tây nói tiếng La Tinh cho một người Annam thông chữ tàu nghe, thì còn hiểu nhau làm sao được.

Ong Bi chỉ lấy cái mỉm cười ngây ngô đáp lại ông chánh án.

Ong chánh án *(tuyên án)*: - Chiếu theo nghị định ngày 14 tháng 5 năm 1924, phạt Nguyễn Xuân Bi trăm quan tiền tây. Còn bút, nghiên, giấy, mực bắt được, tòa tịch biên. Mà từ rày, không được dạy học như thế nữa nghe !

Bi *(não nùng)*: - Vậy đạo thánh hiền, chúng tôi cũng không được dạy à ?

Ong thông ngôn: - Tòa tuyên án rồi, thôi đi ra.

Bi lặng lẽ đi ra, trên nét mặt hiện vẻ thất vọng chán nản và nhẫn nại. Bi ngửa mặt lên trời, tắc lưỡi thở dài: ý chừng y tự nhắc đến câu: "Ta hồ. Ngô đạo suy hĩ" của đức Khổng khi xưa.

Trông Bi lúc bấy giờ có vẻ bi thương ảo não như cái biểu hiện của một thời đại tàn tạ, điêu linh"(1).

---

(1) Hoàng Đạo: *Trước vành móng ngựa*, Dẫn theo *Phóng sự chọn lọc*, Nxb Hội Nhà văn, H, 1995, trg 358-360.

"NỤ CƯỜI THÂM

Một người gầy gò, xanh xao, gió thổi một cái thì ngã; một người má hóp, môi thâm, hai con mắt lờ đờ như nhìn vào một cõi mộng nào; một người quần áo bẩn thỉu, móng tay cáu ghét, đầu tóc bơ phờ: một người nghiện.

- Sao ? Người ta bắt được một ngao thuốc phiện trong nhà anh, có phải không ?

Sau một cái ngáp, Nguyễn Văn Phiên trả lời đủng đỉnh như ngồi về sái:

- Bẩm có.

- Anh không biết là đồ quốc cấm à ?

Đối với câu hỏi ấy, Phiên mỉm một nụ cười thâm.

- Bẩm chúng tôi nghiện.

Ong chánh án *(cũng mỉm cười)*: - Bẩm chúng tôi biết rồi. Nhưng anh nghiện thì có liên can gì đến việc anh oa tàng đồ quốc cấm ?

Nụ cười của Phiên càng rõ rệt. Cặp mắt càng lờ đờ. Người ta bảo những lúc ấy tinh thần của người nghiện càng sáng suốt.

Phiên: - Chúng tôi nghiện. Chúng tôi có muốn hút thuốc phiện lậu làm gì. Thuốc ngang nhạt bằng sao được thuốc ty. Chúng tôi muốn hút thuốc ty lắm. Chúng tôi mất tiền mua thuốc tỳ cũng đã lắm: cả sản nghiệp tôi chui vào đấy rồi. Chúng tôi trung thành với công qũy của chính phủ đến thế, còn gì nữa. Nhưng đến nay chúng tôi hết tiền. Hết tiền mà không hết được cơn nghiện, nên chúng tôi đành bóp bụng mua thuốc ngang hút, chứ chúng tôi mua đồ quốc cấm về làm gì ! Nếu bây giờ nhà nước cho chúng tôi hộp thuốc ty hút, thì khi nào chúng tôi làm điều phi pháp ấy.

Ong chánh án: - Anh nói dễ nghe nhỉ ! Nhà nước làm gì có

tiền vứt đi. Ai bảo anh hút ?

Phiên *(vẫn nụ cười thâm)*: - Nhà nước có cấm hút đâu. Nếu nhà nước cấm hút, thì tôi đã không phải ra đây, người tôi không đến nỗi thế này, mà sản nghiệp tôi không đến nỗi hết.

Ong chánh án *(cả cười)*: - Nghĩa là theo anh, tội chung quy ở nhà nước cả. Anh khéo ngụy biện qúa. Nghe lời anh thì lát nữa, anh có lẽ hóa ra một ông thánh sống. Anh hút, anh nghiện, không phải là vì anh chơi bời, mà chính vì anh muốn hi sinh sức khỏe anh, tài sản anh cho nhà nước. Người ta còn đợi gì mà không đúc tượng đồng cho anh ?

Phiên *(nụ cười càng thâm)*: - Đúc tượng đồng thì tôi không dám mong, tôi chỉ mong tòa nghĩ lại cho tôi nhờ. Tôi dẫu là người hút sách, nghiện ngập, nhưng sự hút, sự nghiện đó có lợi cho nhà nước. Tiền tôi mua thuốc là tiền vào công qũy.

Ong chánh án: - Biết mà ! Anh có công với nhà nước. Nhưng anh không có công với tôi. Vậy anh rầu lòng nhận hai tháng tù và 500 quan tiền phạt vậy.

Nghe lời định tội, nụ cười thâm của Phiên bỗng ngừng lại. Phiên hậm hực bước ra, hai con mắt vô hạn lờ đờ... Nhưng không rõ vì anh ta qúa giận nhà nước bạc đãi một người bầy tôi trung thành, hay vì anh ta đã đến cơn nghiện.(1).v.v...

Trích dẫn năm mẫu ngắn trên, tôi thấy cũng đã khái quát được xã hội đương thời, và nói như Vũ Ngọc Phan: "Những việc trên này đủ tỏ cho ta thấy rõ mặt trái của công lý và sự cùng khổ vô cùng của một hạng bình dân nước ta. Không cần phải những bài tràng giang đại hải, nêu ra trăm nghìn lý thuyết, mới đưa người ta đến sự thật. Chỉ một bài tả cỏn con dưới ngọn bút một nhà văn có

---

(1) Hoàng Đạo: *Trước vành móng ngựa*, Dẫn theo *Phóng sự chọn lọc*, Nxb Hội Nhà văn, H, 1995, trg 368-370.

tài là làm cho người ta đủ thấy sự thật và tin nó một cách chắc chắn"(1). Bởi theo Vũ Ngọc Phan, muốn viết phóng sự thì ngoài cái tài viết báo, người viết còn phải có "chất văn sĩ" mới làm nên những phóng sự đích thực. Ngày ấy, Vũ Ngọc Phan rất đề cao thể loại này. Ong cho rằng: "Những thiên phóng sự xứng với cái tên của nó đều có cái chức vụ giúp cho người đời trong sự đào thải và cải cách. Người viết phóng sự chân chính bao giờ cũng là người bênh vực lẽ phải, bênh vực sự công bình (...) Không có lối văn nào giúp ích cho việc cải cách, cho nhà đương chức, nhà pháp luật và nhà xã hội học bằng các thiên phóng sự"(2). Điều này, cho thấy Vũ Ngọc Phan khá nhất quán trong cách đánh giá, và những gì ông đã viết về Hoàng Đạo cũng không vượt ra ngoài cái tiêu chí mà ông đã định, chớ không là nhà phê bình... hơi "ba phải" như Nguyễn Văn Xuân đã nhận xét.

---

(1) *Ngày Nay*, số 116, đd, trg 20.

(2) Vũ Ngọc Phan: *Nhà văn hiện đại*, T.1, Nxb Khoa học xã hội, H, 1989, trg 505.



Báo **Phong Hóa** *số đầu (số 14, ngày 22.9.1932) với truyện ngắn* **Nùng Chi Lan** *của Hoàng Đạo (bên phải)*



Báo **Phong Hóa** *số đầu (số 14, ngày 22.9.1932) với truyện ngắn* **Nùng Chi Lan** *của Hoàng Đạo (bên phải)*

209



LÝ TOÉT — Tự do! Tự do! Chúng mình đã được tự do uống rượu rồi còn gì nữa!

BÙN LẦY NƯỚC ĐỌNG

TỰ DO VỚI DÂN QUÊ

Tôi ngồi nghĩ lại chuyện ông chánh hội họ Thái-Hinh. Tôi tưởng tượng ra một người trai trẻ có tích duyệt của một nhà lão thành có nhiệt tâm của tuổi thanh-niên thành thực muốn cải hóa trong làng nên đã xuống lên cái thuyền bình đẳng trong hương đảng.

Người ta đồ cho ông cái tiếng làm cộng sản. Ông là một tay cựu chính trị phạm nên rất dễ bị ngờ oan. Nhưng thực ra công cuộc cải cách — ta có thể nói là cách mệnh — của ông thất bại, là vì ông muốn đem một làn hơi mới lại cho người cùng làng, mà cái gì mới lạ đem về lấy lẽ xanh cũng bị dễ bẹp dưới những sức phản động vô hình và mãnh liệt đã đóng độ mọc rễ ở đấy.

Những sức phản động ấy thường nấp sau những cớ dễ dàng về chính trị để diệt bỏ những tư tưởng, những hành động lọt ra ngoài khuôn khổ. Lập hội để trao đổi ý kiến, để kết tình đoàn thể, để bênh vực quyền lợi chung, thế cũng đủ bị nghi ngờ làm hội kín. Nghèo đói quá không đủ tiền nộp thuế phải kéo nhau lên tỉnh bày tỏ tình trạng, thế cũng dễ bị ngờ là theo chủ nghĩa cộng sản. Những buổi chiều nhàn rỗi họp mặt ở nhà anh em, hoặc để nghe giảng sách, hoặc để bàn luận đến những vấn đề có ích chung, không những là phạm tội hội họp không xin phép mà có khi còn bị lý dịch ghét ghen vu cho là họp đảng nữa. Thói thì hễ động mưu công cuộc gì thoát ra ngoài lệ lối tục lệ trong làng, người ta đều coi như những sự quái gở, những tội ác đáng phạt cả. Thậm chí có người lập hội ăn uống không chính thức, nghĩa là không phải tư văn tư võ, không phải là hương ẩm, cũng bị kẻ thù gièm cho tiếng làm chính trị.

Vì vậy bao nhiêu những sáng kiến đều bị dìm độp. Dân quê vẫn hoàn toàn sống theo hủ tục. Những thanh niên có học mới, hoặc tự ý hoặc thất nghiệp trở về làng, có muốn đem những điều sở đắc thực hành để cứu vãn tình thế, cũng thành bỏ tay tắc lưỡi nhìn sức phản động ác tàn cổ hủ hoành hành. Họ muốn kết liên cùng nhau làm thành một chiến tuyến đối với trí hèn thủ cũng không được, vì ở nước ta làm gì có sự tự do lập hội. Họ muốn dùng chốn đình chung làm nơi diễn đàn để chỉ dương cho dân quê thoát ra ngoài sự ngu tối, họ muốn cải mình xuống hạng người hèn yếu để bênh vực cũng không xong, vì ở nước ta làm gì có tự do hội họp, làm gì có tự do ngôn luận. Có nơi như ở miền Trung, nói sai ý kiến của cổ nhân, trái với tư tưởng của bảo hưởng, cũng đã phạm tội vọng ngôn rồi còn nói gì nữa.

Tự do cá nhân và hết thảy các tự do ở bên ta và nhất là ở nơi thôn quê chỉ là một câu chuyện hoang đường.

Thế cũng vì dân quê thiếu tự do — nếu ta không kể sự tự do phọc tòng và sự tự do uống rượu — nên tình cảnh dân quê về phương diện tinh thần mới có vẻ điều linh tàn tạ như bây giờ. Cũng vì dân quê thiếu tự do nên người ta đối với những công cuộc cải cách mới lạ mới có cái não nề, ngờ vực, tôi đã nói, nên chúng công cuộc ấy không có kết quả tốt tươi. Cũng vì dân quê thiếu tự do nên những sức phản động mới dìm dập dân quê vào nơi ngu tối, mới lạo thành cho họ cái tính nô lệ, cái cần lính « chịu đựng » trước những sự tàn ngược ức hiếp của kẻ có quyền thế, có của cải.

Vậy muốn chống lại những sức phản động kia, muốn nâng cao trình độ dân quê một cách nhanh chóng, không gì bằng đem lại cho họ những tự do của nền dân chủ. Sự tự do lập hội sẽ giúp họ gom tài góp sức để chống lại với những sự tệ nhũng, những sự lạm quyền, những điều bất công thường xảy ra ở nơi thôn dã. Họ sẽ có thể lấy nghiệp đoàn, lấy tương tế làm cơ quan để tự bênh vực lấy quyền lợi của nhau hoặc là để mưu tính những công cuộc cần đến đoàn thể. Với sự tự do hội họp, họ sẽ có thể thường thường họp nhau để bàn đến việc có ích chung, để nghe giảng về những vấn đề cần kíp đến đời họ sống. Còn tự do ngôn luận đối với dân

(xem tiếp trang sau)

1° TRÔNG NGÀY NAY VÀ TÌM

10 ĐIỀU TÂM NIỆM

CỦA BẠN TRẺ

TIN...

Một sự bẩm sinh : muốn sống một đời mới trong thế giới hiện thời, ta cần tin ở sự tiến-hoá.

Ta phải tin rằng ngày mai tốt đẹp hơn ngày nay, mà ngày mai sẽ tốt đẹp hơn ngày mai.

Ta cần phải tin rằng bất thủy thủy chung cũng trong xã-hội không khác nhau về lương tri, về tình thân, chỉ khác nhau về học thức. Từ người phu xe cho tới nhà bác học, ai ai cũng vậy, đều có thể thong dong mỗi người một hơn.

Thà cả lòng tin nhầm vẫn hơn là thấy là cái thua.

Ta cần phải đem hết nghị-lực, tài trí và lịch-sự để cho người cũ hài lòng ra vẻ mình, vẻ người ngu muội lòng ra sáng suốt, cho người sáng suốt lòng ra sáng suốt hơn.

Ta cần phải khuyến khích, giúp đỡ những người có ren-dắm đem những điều mới, lạ ra thực hành, nếu điều những điều mới, ta ấy hiện giờ chưa có kết quả tốt tươi.

Ta cần phải tuốt bỏ những thuyết toái mà lòng tin sự tiến-hoá, nhất là thuyết tin ở số mệnh, những thuyết chỉ dem ta đến chỗ chết.

Không bao giờ ta nên dừng lại. Việc nào cũng nhu làc vàn, ta phải gìn trí rằng ta chưa có thể hơn được nữa.

Với lòng tin ấy, thân tác ta sẽ đi vào quãng đời còn mình, như giòng sông lững-lờ chảy ra bể khơi, mênh mô, đượng hoàng, không lúc nào ngơi.

Hoàng-Đạo

ĐIỀU TÂM NIỆM THỨ BA

SỐNG THEO MỘT LÝ TƯỞNG

Đối các cụ đã hàn ngày xưa êm đềm lắm. Họ không bao khoăn, không hoài nghi. Được dịch của đời người hiện ra trước mặt họ một cách rõ rệt, hiển nhiên. Cả một kỷ cương nề nếp lâu đời, khuôn họ vào một cái khuôn định, không bao giờ lệch chút. Nghiêm! Thuốn rồi đúc thành ra khuôn, thì sự sinh hoạt cũng thành ra máy. Cứ theo đúng lề thói cũ mà làm, không hề thay đổi. Cái đời êm đềm ấy, lặng dòng ngàng lại. Tiếng súng thần công của người phương tây đã phá đổ tan cái thành kiên cố bằng nhà nho và xen vào thế cục đang phương

theo con đường lý, như cơn ngủ không cần mở mắt ra cũng biết đường đi. Vả lại, có muốn lệch cũng không được. Vì giường thay đổi chưa thành hình trong đó lớp đã bị những sức mạnh lô hơn giữ quá khứ giữ lại. Ta chỉ còn có một lối : là nhắm mắt theo cổ nhân, theo từ ý tưởng cho tới hành động.

Cái đời êm đềm ấy, lặng dòng ngàng lại. Tiếng súng thần công của người phương tây đã phá đổ tan cái thành kiên cố bằng nhà nho và xen vào thế cục đang phương

người hoài nghi đầy hy vọng.

Bắt đầu từ đấy, tư tưởng ta không bị quá khứ áp chế nữa, được tự do phát triển và nảy nở ra. Nhưng chính sự giữ phăng tư tưởng ấy đã đem lại cho ta hoài nghi hão huyền.

Nếm vào giữa hai giòng văn hóa toái ngược nhau, thanh niên ta bắt đầu đi tìm nghĩa sự sống. Họ không còn phải là những người nữa chỉ được ăng cho họ mặc. Cái học cũ đã bỏ hẳn mà cái học mới. Từ thực. Ngũ kinh, những sản phẩm của văn hóa đông phương đối với họ không còn cái nghĩa thiêng liêng như xưa.

Đã đành rằng vẫn có người của phải cố đứng ra bảo tồn giữ lấy đạo cũng thánh hiền, nhưng họ đã không còn phương gì vẫn được nữa. Khôn học đã dạy cho ta biết suy xét, không nhắm mắt phục tùng như trước. Con người đã thức tỉnh, tiến mạnh, đi mãi về phía trước, không bao giờ ngoái lại đằng sau.

Mới đầu, trước cái hoài nghi ấy, thanh niên ngã ngửa. Họ ta không biết hành động ra sao. Cái gì cũng hóa ra vô nghĩa, không chính đáng, không

MỘT CƠN GIÓ

TRUYỆN NGẮN của HOÀNG-ĐẠO

MỘT CƠN GIÓ lùa vào mạnh chiếu, khiến Nửa chợt tỉnh giấc. Chàng dương mở mắt ra sự đời đang Nửa cố nhắm lại để nối theo giấc mơ còn dang, nhưng hơi lạnh của đêm đã thấm vào hai vai. Nửa quấn chiếu chặt thêm. Thế cũng như những buổi sáng mọi nỗi buồn nản mênh mang trào ngập cả tâm hồn. Ánh sáng lạnh lẽo của bình minh lọt khắp gian nhỏ, lọt xuống lên Nửa đến nỗi lo lắng ngày. cảnh cùng quẩn hiện thanh bà trước mặt. Nửa nhìn cái ống tre đã gãy mất một chân, than thở gỡ tạp dề mọi, trên như trời tuốt chỉ bắt hương mà teo, lồng lộng thở dài. Ở một vướng, lờ mờ trong lòng tối, một cái nhìn gì. Bấy nhiêu đồ chăn đi không nói nữa, không thứ giá trị gì nữa, chỉ còn mà đáng làm của đau.

— Nhưng đun gì bây giờ ?

ý nghĩ ấy khiến Nửa mỉm cười ra chất. Đã ba hôm nay, trong không còn được một hột gạo, hột cám. Đến gạo trắng Nửa đã được ở luyện lị, đã dùng hết đến rồi. Mỗi ngày hai vợ chồng hợp có một bát cháo lỏng lõng sống như vậy trong nửa tháng trời. Đến bây giờ thì hết, không thấy cái đói đến thắt ruột như mệt mỏi đọng lại trong từ.

Hàng cả hàng người ở ngoài chợ.

Một người đàn bà còn còm, thấp gầy, mặt xanh nhợt vì ốm đói.

Nửa thấy vợ, chăm chú hỏi :

— Thế nào ?

Bác Nửa gái lắc đầu không nói gì, lặng lặng ngồi bên cạnh chồng. Lát sau, bác thở thẽ :

— Nhà nào cũng hết cả gạo. Còn bà Ba thì bà ấy bảo nợ cũng bà ấy nhiều rồi.

Bác ngừng lại thở dài :

— Giờ thì chỉ còn liều vậy.



Nửa nghĩ ngay đến việc ra Hanoi kiếm ăn. Nhưng bác không trả lời vội, ôm đầu suy nghĩ. Ý tưởng ấy hai vợ chồng bác bàn nhau đã lâu, nhưng cứ lần lữa ngày nay sang ngày khác không quyết định. Bỏ những cảnh vật quen biết chung quanh, bỏ làng mạc để đi đến sự bất trắc, đi đến một nơi mà bác cho là đầy bí mật, đầy bẫy cạm. Nửa cảm thấy bàng hoàng một nỗi lo sợ như người sắp ngã xuống giếng sâu. Nhưng bây giờ thì không thể dùng được nữa. Ở nhà quê, những ngày lụt lội, thì sống lần, sao để qua những ngày mùa ấm áp.

Những ngày mùa ! Nửa nghĩ đến như thoáng ngửi thấy hương thơm của những bông lúa non, cánh sắc và dây nhựa. Những ngày vui vẻ, đầm ấm của đời người nông phu. Những bó lúa thơm bác gặt, bác hiết là không phải của mình, nhưng không vì thế mà bớt sung sướng, những bó lúa ấy, đối với bác là tiền hiếu những ngày no ấm, những ngày làm cho bác quên nỗi khổ nhọc, rét và quanh năm.

Nửa rùng mình. Bác chợt nhớ đến ngày hôm nay với sự thiếu thốn, sự đói kém trước mắt.

— Liều... Ừ thì liều. Ba người ấy may còn kiếm được miếng ăn. Ở nhà ngồi này thì cũng đến chết đói hết.

♦

Lúc vợ chồng Nửa ra đến cổng làng, mặt trời đã lên khỏi ngọn tre. Gió từ ngoài đồng rộng lùa vào con đường cỏ, hai bên trồng ruối.

Trên trời, một màu xanh quá sức tưởng tượng, mấy đám mây trắng lơ thơ trôi. Ánh nắng hay phấp phới trên ngọn cây. Đâu đây, tiếng chim hót trong như những giọt sương còn đọng trên cỏ. Một ngày tươi sáng của mùa thu như ca ngợi sự vui sống ở đời. Hai vợ chồng Nửa không cảm thấy sự mỉa mai dan dộn của cảnh vật, cảm dẫn bước. Hai người lặng lặng, cùng theo đuổi một ý nghĩ buồn rầu. Cuộc đời cần hai vợ chồng cặm cụi vất vả từ thủa nhỏ, nhưng hai người xuống lúc tan tác khổ vì đã quen đi rồi. Cái nghèo nàn theo đuổi vợ chồng bác không biết từ bao giờ ; suốt năm, hai người không lúc nào nghỉ, lúc nào cũng đi làm mướn để kiếm miếng ăn, mà vẫn không sao đủ. Những ngày hè nóng nực, lưng mỡ hôi người đồng ruộng phơi dưới ánh nắng gắt ; còn mùa đông hai vợ chồng chỉ nhờ những cơn gió rét quá, lạnh như xé thịt. Nửa đã trở nên sớm già, da màu đỏ xạm, còn vợ thì chưa đến ba mươi, nét mặt đã rắn reo như một bà già. Hửa dài hửa ngắn, cuộc



QUẢN, thật — Ấ, các thầy bảo gì. Các thầy mang biếu thuốc đi bà rửa tôi đã sao ?

LÝ TOÉT, run sợ — Bẩm, bảo sao bẩm, chúng con đâu dám. Nguyên vì nghe nói bà lão bị bệnh nặng nên, dù các thứ thuốc mà không khỏi nên chúng con lòng thành mua lọ cả «Khang Kiện Thần Dược Tân» biếu bà dùng. Xin quan lớn xét cho.

XÃ XỆ — Bẩm chúng con đã kính biếu, chứ ai phái khổ sở.

QUẢN, hầm hè — Ấ ra thế, còn mặc thầy, có phải tiền Khang-kiện thuốc không ? Ấy bà lão ốm nặng thuốc Thần kinh ở hiệu ấy cả 0p.20 hộp mà cả thôi, rồi đã thằng chán lại mua đi. Hiện ấy bị có thuốc « Bổ thận » giá 0p.20 rất tốt.

KHANG-KIỆN dược phòng
94, Hàng Buồm — Hanoi

Ô MAI THUỐC « AN-HÀ »
Chuyên trị bệnh ho gió, khản cổ các dạng, ho khan, rát cổ, khó cổ, ho ra đờm xanh.
Ho lao (bởi làm việc nhiều, thức khuya, dãy dụa, nghĩ ngợi nhiều, học hành quá hoặc uống rượu say, thích ăn đồ cay, đồ gián, thuốc lá, thuốc lào nặng, sinh ra bệnh ăn hư gián cổ, thành huy khạc, huy nhổ hoặc lúc ho ra y như ống nứa dựng ở cổ, nhiễm lao sẽ hóa ho lao, tục gọi là ho ra huyết). Người lớn, trẻ con, các ông, các bà, hoặc nam nữ học sinh ngậm Ô-MAI THUỐC « AN-HÀ » này không những trừ được bệnh ho kể trên, lại có bổ ích thêm như là Tiêu-đờm, Cố-khí, Khai-khiếu, Nhẹ lên, Bổ ăn, Tỉnh phủ. Mỗi hành chia làm 10 lần, giá 0p.01 — Mỗi phong 1 hành, giá cả 0p.10
của Đ TRI tiên sinh, Hưởng
Có giấy chứng chỉ học tại trường Bác-học Viễn-đông năm 1927
Có Médaille khen năm 1931
Có bán lẻ tại các Đại-lý Phòng Tích « Con Chim »
cần mua các tỉnh, hỏi : Dépôt général : Cuire (phần viết) marque « Le Papillon », Confetti, Serpentins, Ceuilleur, Nougats, sans gluten, Guirlandes et Lanternes Vénitiennes, là hiệu :
An-Hà Đại-lý Tổng-cục phát hành khắp Đông-Dương 13, phố hàng Đồng (313) gần chợ Đồng-xuân — Hanoi

LỜI QUÊ CHẮP NHẶT DÔNG DÀI

"Ông Hoàng Đạo mặc sơ-mi ngắn và quần tây. Dáng khỏe mạnh, chững chạc. Khuôn mặt vuông. Ong ít nói chuyện nhất trong ba người (Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo - VG.). Dường như chỉ là những lời trao đổi ngắn ngủi về tình hình báo mới ra, về sự giao thiệp giữa phái bộ Nhật và Toàn quyền Decoux. Lời nói của ông thận trọng. Trong khi ông Nhất Linh thổi nắc tiêu tiếp thì ông lại đứng cạnh cửa sổ nhìn ra ngoài trời.

Linh hồn chống đối của nhóm *Phong Hóa - Ngày Nay* đó. Tư thái của ông phù hợp với cốt cách của những bài ông viết nhằm đả kích Chính phủ Bảo hộ. Ngòi bút của ông không chừa một nhà cầm quyền nào: Toàn quyền Brévié, Thống sứ Châtel, Khâm sứ Graffeuil, Đốc lý Virgitti, vua Bảo Đại, Thượng thư Phạm Quỳnh, Tổng đốc Hoàng Trọng Phu... Ong đánh thẳng, lời chỉ trích chân thác. Có chế diễu nhưng không hỗn xược. Dưới thời thực dân phong kiến, quyền chính trị nằm trong tay kẻ cầm quyền mà công nhiên chê bai chính quyền, - hầu như trong số báo nào cũng có, - thì tôi tưởng dưới thời Cộng hòa dân chủ của ta ngày nay (Miền Nam trước 30.4.1975 - VG) không có mấy nhà văn nhà báo sánh kịp. Không cần nói xa nói gần, không cần úp mở, không cần mượn giọng ỡm ờ nửa bỡn nửa thiệt. Ngòi bút Hoàng Đạo là ngòi bút có trách nhiệm, là ngòi bút vô úy. Ong đứng đó, trầm ngâm nhìn ra

ngoài trời. Tôi nhớ mãi cái dáng điệu đặc biệt đó"(1). Chỉ gặp một lần một cách vô tình, mà hơn một phần tư thế kỷ đi qua, nhà văn Võ Hồng vẫn còn nhớ như mới gặp ngày hôm qua, gặp cách đó vài tiếng đồng hồ, đủ cho thấy uy tín và phong thái của Hoàng Đạo ngày ấy như thế nào trước những người tuổi trẻ có học.

Nói Hoàng Đạo là "linh hồn chống đối của nhóm *Phong Hóa - Ngày Nay*" như Võ Hồng, tôi cho là chuẩn xác. Bởi khi khảo sát qua những tác phẩm của Hoàng Đạo đã in thành sách, in trên báo... cùng những tư liệu phát hiện được, tôi cho rằng, Hoàng Đạo không là "lý thuyết gia", là "khối óc", là "người lãnh đạo về mặt tư tưởng", là... "người tổ chức mọi thắng lợi". Nói chung, theo tôi, Hoàng Đạo không phải là người quyết định sự thành bại của Tự lực văn đoàn như một số người đã viết, kể cả người em rể duy nhất trong gia đình: "Tôi nhớ ba tôi có nói với mẹ tôi: "Anh Long chết, chắc anh Tam sẽ bỏ chính trị""(2).

Văn đoàn chẳng mấy người. Họ kết nối nhau bằng tình thâm ruột thịt (Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam - Khái Hưng, Trần Tiêu), tình bạn lâu ngày (Nhất Linh -Tú Mỡ, Nhất Linh - Khái Hưng, Tú Mỡ - Thế Lữ) và qúy nhau vì tài (Xuân Diệu). Đọc những tư liệu còn để lại, tôi thấy trong tâm tưởng mọi người, Nhất Linh vẫn là thủ lĩnh văn đoàn trên mọi phương diện. "Đoàn viên nòng cốt của Tự lực văn đoàn là những nhà văn trong tòa soạn báo Phong Hóa: anh Tam (đứng đầu giám đốc đoàn), các anh Long, Lân, Giư, Tú Mỡ và Thế Lữ, tất cả chỉ có 6 người. Anh Tam đề nghị kết nạp thêm một người nữa cho đủ số "thất tinh". Anh Giư giới thiệu anh Trần Tiêu, em ruột anh, một giáo viên trường huyện,

---

(1) Võ Hồng: *Gặp Tự lực văn đoàn*, Tạp chí *Văn*, số 107+108, S, 1968, trg 37-38.

(2) *Những người đã qua*, sđd, trg 18.

thích viết văn, đang viết truyện dài *Con trâu*, cả đoàn đồng ý. Về sau, anh Giư có ngỏ ý mời anh Đoàn Phú Tứ vào đoàn, nhưng anh này tuy rất tán thành mục đích, tôn chỉ của đoàn, song chỉ xin ở ngoài cộng tác cho được hoàn toàn tự do, không muốn một tí gì ràng buộc. Sau cùng, theo đề nghị của anh Tam, đoàn chỉ kết nạp thêm anh Xuân Diệu, vị chi là "bát tú""(1). "Thất tinh", hay "bát tú", chắc chỉ là những lời nói vui, bởi ở điểm này, tôi nghĩ, phải có ý kiến của Hoàng Đạo và ý kiến ấy được anh em tán đồng nhất: "tổ chức không qúa số 10 người nên không phải xin phép nhà nước, không cần có văn bản điều lệ"(2). Như chúng ta đã biết, Hoàng Đạo là thành viên duy nhất của nhóm tốt nghiệp trường Luật và thường xuyên ngồi ở những tòa "Tây án", nên những gì liên quan đến luật pháp, anh em không thể không tham khảo và nghe theo ý kiến của Hoàng Đạo. Nhìn chung là như thế, chứ thực ra, chuyện "thất tinh", "bát tú" chỉ mới sau này. Trong *LỜI KHEN TẶNG* tác phẩm *Phấn hương rừng* của nữ sĩ Mộng Tuyết (vợ nhà thơ Đông Hồ) ở **GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN** năm 1939, ký ngày 11 Juin 1940 chỉ có sáu người cùng ký tên: Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Tú Mỡ, Hoàng Đạo và Thế Lữ. Dẫn điều này để thấy, họ kết nạp thêm thành viên vì mến tài, chuộng nghĩa, chứ không phải vì muốn bắt chước thi phái Pléiade (Thất tinh) của Pháp vào thế kỷ XVI, hoặc là vì để cho đủ "bát tú" như một số nhà nghiên cứu trước đây đã đề cập.

Với năm người ban đầu: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Khái Hưng, Tú Mỡ (hai người bận việc công chức: Hoàng Đạo - tham tá Lục sự tòa án, Tú Mỡ - thư kí sở Tài chính), họ đã gầy dựng nên tờ báo chững chạc về mọi mặt, và theo Tú Mỡ thì chẳng

---

(1)+(2) *Tiếng cười Tú Mỡ*, sđd, trg 29-30, 28.

ai lãnh đạo ai. Họ làm việc theo cái tâm, cái tài của từng người. "Năm anh em trong nhóm cùng theo một đường lối chung, nhưng mỗi người viết theo phong cách riêng, có một sắc thái riêng; giúp đỡ nhau về tinh thần mà vẫn tôn trọng tự do cá nhân. Ai làm việc người nấy theo sở trường, sở thích của mình, nhưng chúng tôi tựu trung rất ăn ý. Những bài tôi viết không ai phải góp ý sửa chữa, những bài đó về sau đăng trên mục *Giòng nước ngược*, cái "góc xó" của Tú Mỡ trong báo *Phong Hóa*, được công chúng ưa thích, đã khiến mấy anh bạn cũ ở trường Bưởi ngạc nhiên, không tin rằng cái chú ranh con, nghịch ngợm, làm "thơ thối", nay lại thành Tú Mỡ được, và họ đoán rằng viết được như thế, tôi phải được tòa soạn nâng đỡ và sửa chữa cho rất nhiều. Sự thực thì đó chỉ là kết qủa của sự "gần đèn thì rạng" mà thôi"(1). Và có sự lãnh đạo chung để làm nên thắng lợi, thì người đó phải là Nhất Linh chớ không thể Hoàng Đạo. Bởi, ý tưởng ra báo là ý tưởng của Nhất Linh, và khi có báo trong tay thì Nhất Linh là người duy nhất trong nhóm có hai tập sách: *Nho phong* và *Người quay tơ*. Về mặt bằng cấp, thì Nhất Linh cũng là người duy nhất có bằng cử nhân từ Pháp về. Uy tín trong gia đình, Nhất Linh thừa uy tín trước hai người em (Hoàng Đạo, Thạch Lam). Với Tú Mỡ và Khái Hưng, Nhất Linh cũng thừa uy tín để anh em tận lực trong công việc. Tú Mỡ đã không giống như thói thường của người đời "được chim quên ná, được cá quên nơm". Ong đã viết trong hồi ký của mình: "Tôi mến phục anh Tam có con mắt tinh đời, biết người, biết của, nên vui sướng nhận lời cộng tác với anh"(2). Đặc biệt, trong đợt chỉnh huấn trí thức và văn nghệ sĩ, Tú Mỡ cũng khăng khăng "tôi không

---

(1) *Tiếng cười Tú Mỡ*, sđd, trg 20.
(2) *Tiếng cười Tú Mỡ*, sđd, trg 18.

quên được Nguyễn Tường Tam đã có ơn với tôi"(1). Sau khi được anh em có mặt như: Phan Khôi, Văn Cao, Nguyễn Công Hoan, Trần Đức Thảo...phân tích, Tú Mỡ đấu dịu: "Chẳng may lịch sử lại có cuộc xoay vần thế nào, một ngày kia ta bắt sống thằng chết chém ấy mà tình cờ lại có Tú Mỡ ở đấy. Xin Chính phủ đừng cử Tú Mỡ ra chém Nguyễn Tường Tam". Nghiêm nghị, Tú Mỡ nói, không nhìn ai: "Tôi đề nghị các anh thế""(2). Điều này chứng tỏ uy tín của Nhất Linh đối với anh em trong văn đoàn ngày đó, khó có người thay thế. Còn với Khái Hưng, thì "Vì cùng dạy học ở trường Thăng Long, nên Khái Hưng và Nhất Linh quen nhau và trở nên đôi bạn tâm giao vì cùng chung một lập trường về văn chương, xã hội, chính trị.

Năm 1932, sau khi được ông Phạm Xuân Ninh nhượng lại tờ Phong Hóa, Nhất Linh liền mời Khái Hưng cùng cộng tác.

Lúc đầu, Khái Hưng vẫn tiếp tục viết những bài nghị luận, vì ông cho đó là sở trường của ông. Nhưng ông Nhất Linh khuyên ông nên viết chuyện ngắn, chuyện dài có tính cách văn nghệ hơn. Mãi ông mới chịu thử "thí nghiệm" loại này, và sự thành công của ông mỗi ngày một rõ rệt"(3).

Vậy việc những người trong nhóm Tự lực văn đoàn "phê" người này, "chống" báo kia... do tự phát, hay có sự bàn bạc trước ? Và nếu có sự bàn bạc, thì ai là người chỉ đạo ? Theo Tú Mỡ, "Mỗi tuần lễ, tôi đến họp mặt với các anh từ tối thứ bảy bàn soạn việc viết lách cho báo, cặm cụi viết, vẽ, suốt cả ngày chủ nhật; mệt nhọc thì ra sân đá cầu, đánh bóng bàn để giải trí"(4). Và khi đọc lại báo *Phong Hóa*, tôi có thể giải thích được thắc mắc trên qua bài

---

(1)+(2) Tô Hoài: *Cát bụi chân ai*, Nxb Hội Nhà văn, H, 1992, trg 112, 113.
(3) *Luận đề về Tự lực văn đoàn*, sđd, trg 55-56.
(4) *Tiếng cười Tú Mỡ*, sđd, trg 19.

"Những giấc mộng" của Nhất Linh:

"Người mình là con tiên và cháu rồng hay không thì không biết, chỉ biết rằng hay mộng hay mị nhiều lắm. Mỗi người ít ra cũng có cái mộng, không mộng lớn thì mộng con, không mộng con thì mộng lớn. Đã mộng thì có lúc tỉnh, vậy tỉnh dậy thì làm sao ?

Nay dựa theo câu :

Giấc Nam Kha khéo bất bình
Bừng con mắt dậy thấy mình tay không !

Mà lâu nay cái mộng của mấy nhân vật có tai mắt (kể cả mũi) :

Giấc mộng con khéo bất mình
Bừng con mắt dậy thấy mình còn say.

*

Mộng la-tinh khéo bất bình
Bừng con mắt dậy thấy mình... ba châu.

*

Xó mộng kia khéo bất bình
Bừng con mắt dậy biến hình con ve.

*

Giấc Hoa Lư khéo bất bình
Bừng con mắt dậy thấy mình rỗng không.

*

Trong bị một giấc bất bình
Bừng con mắt dậy thấy mình... chui ra.

*

Giấc nam qua (dưa đỏ) khéo bất bình
Bừng con mắt dậy thấy mình An-nam.

*

Giấc Nam Phong khéo bất bình

*Bừng con mắt dậy thấy mình... **thượng thư.***

*

***Giấc mộng rùa** khéo bất bình*
*Bừng con mắt dậy thấy mình **ra rươi.***

*

*Giấc **Trung thu** khéo bất bình*
*Bừng con mắt dậy thấy mình... **tiến sĩ giấy.***

*

*Cuộc **Tây du** khéo bất bình*
*Bừng con mắt dậy thấy mình **kéo xe.***

*

*Giấc **nghị viên** (giấc ngủ thật say) khéo bất bình*
*Bừng con mắt dậy thấy mình... **mất tim.***

*

*Giấc **hoàng kim** khéo bất bình*
*Bừng con mắt dậy là **anh huyện hàm.***

*

*Giấc **thượng thư** khéo bất bình*
*Bừng con mắt dậy thấy mình **đi tu.***

*

*Giấc **ngủ trưa** khéo bồi hồi*
*Bừng con mắt dậy... **thấy nồi súp-de**"(1).*

Tôi nghĩ, bài "Những giấc mộng" giống như bản "đề cương" chung cho một số kỳ báo, và tùy vào sở trường sở đoản của từng thành viên mà triển khai. Ngoài ra, trên báo *Ngày Nay* có một chi tiết góp phần củng cố thêm những điều tôi đã nghĩ : ***"Cùng các bạn có sách dự thi giải thưởng văn chương Tự lực văn đoàn năm 1936***

---

(1) *Phong Hóa*, số 58, ngày 4 Aout 1933, trg 9.

Vì sách dự thi nhiều gấp đôi năm ngoái, lại vì ông ***Nguyễn Tường Tam*** ốm nên đến giờ cũng chưa công bố được kết qủa. Nếu các bạn xét rằng đọc hết 80 cuốn sách dự thi mất ít nhất là 8 tháng chắc các bạn sẽ sẵn lòng tha thứ cho sự chậm trễ đó. Chúng tôi định đến 30 tháng 6 sẽ công bố kết qủa cuộc thi.

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN"(1)

Từ những tư liệu được trích dẫn, tôi cho rằng, Hoàng Đạo cũng giống như bao thành viên khác trong nhóm tận tâm tận lực làm việc bằng tất cả khả năng của mình để đạt được những gì mình hằng mong muốn. Những người cùng thời hoặc sau ông có nói về ông hơi qúa một chút, theo tôi, chẳng qua họ không thấu hiểu "bếp núc của Tự lực văn đoàn" (chữ dùng của Tú Mỡ) và thấy ông trình bày tư tưởng của ông với tất cả vẻ hào hứng, giọng văn tự tin, sảng khoái, nhất là ngắn gọn và... đanh thép, không giống như những cây bút cùng nhóm, hoặc những cây bút viết văn làm báo công khai lúc bấy giờ. Nói chính xác hơn, là qua mấy bài viết của Hoàng Đạo, người ta thấy ông có lập trường rõ rệt và vững chắc nhất, chớ không mượn mây nói gió, mượn Trương (*Bướm trắng*) để nói lên lớp trẻ đang bơ vơ về ý thức hệ, mượn Loan (*Đoạn tuyệt*) để đả phá chế độ đại gia đình.v.v...

Sau ba năm làm báo, Hoàng Đạo tuyên bố "chỉ muốn mình là nhà cải cách" chứ không là gì khác. Điều này đã thể hiện khá rõ trong các tác phẩm của ông, và cũng là tôn chỉ của báo *Phong Hóa*. "Báo *Phong Hóa* làm ăn phát đạt, số lượng báo in càng ngày càng tăng. Lúc đầu, gặp hồi kinh tế khó khăn, mấy anh em quyết tâm đem hết tài lực làm việc quên mình, không vụ lợi. Bốn anh

---

(1) *Ngày Nay*, số 58, ngày 9 Mai 1937, trg 304.

rường cột trong tòa soạn (anh Tam, anh Long, anh Giư, anh Thê Lữ) tình nguyện chỉ lĩnh mỗi tháng 50 đồng đủ sống, để dành tiền lãi làm vốn cho báo phát triển"(1). Bây giờ, có nhiều người nghĩ, 50 đồng ngày đó to lắm, còn muốn đòi hỏi gì hơn. Đúng, nó to thiệt - to đối với những người suốt ngày bán mặt cho đất bán lưng cho trời, nhưng đối với những người cùng nghề chỉ chẳng là bao. Theo Nguyễn Công Hoan, "Làm báo *Nam Phong*, Phạm Quỳnh cũng được phụ cấp 600 đồng một tháng"(2); Đỗ Văn, "Anh làm ở nhà in Trung Bắc của Nguyễn Văn Vĩnh ngay gần đó. Hồi anh mới ở Pháp về, Nguyễn Văn Vĩnh trả lương mỗi tháng ba trăm"(3). Ngôi nhà 80 Quán Thánh cũng là nhà thuê vừa làm chỗ tá túc, vừa là nơi để anh em lui tới trao đổi bài vở. "Tiền nhà anh Tam lo, tiền ăn anh Tư làm tham tá lo"(4). Họ không tính chuyện mượn tờ báo để làm giàu, làm quan như một số người cùng thời. Làm báo đối với họ, là để trước vui thích, sau lợi ích. Riêng Hoàng Đạo đã được mời ra làm quan tri huyện lúc chưa vào đẳng tuổi "tam thập nhi lập" (1935),và đã thẳng thừng từ chối. Quan trường trong mắt ông ngày ấy chẳng khác gì cái sân khấu tạp nham và những vị quan chỉ là những... anh hề. Nhưng những anh hề ấy không phải mua vui cho người, trái lại lắm lúc làm nhục lây cho người khác, cho dân tộc từng có những trang sử vẻ vang. "Ngày xưa, những ông quan có tài được cử đi sứ sang Tàu. Bao giờ cũng là những tay khoa bảng xuất thân, có tài ứng đối, học thức uyên thâm, để cho người Tàu khỏi khinh nước Nam không có người. Bất nhục quân mệnh, đó là câu châm ngôn của các ông đi sứ...

Lịch sử là một cuộc ôn lại chuyện xưa. Chẳng thế mà bây giờ các ông quan lại được đi sứ Tây.

---

(1) *Tiếng cười Tú Mỡ*, sđd, trg 27.

(2)+(3) *Đời viết văn của tôi*, sđd, trg 161, 170.

(4) *Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường*, sđd, trg 101.

Tất cả bốn ông, quốc phục đường hoàng, được cử sang Pháp để tập cách làm quan đầu tỉnh. Bốn ông, nhờ trời phật đã đến bến. Lên Paris, phóng viên các báo đều đổ xô lại xem mặt, mũi và cố hỏi các ông ấy xem làm thế nào mà hóa ra một ông quan được.

May sao, có một ông, đại diện cho Đông Dương, trả lời được câu hỏi khó khăn ấy. Ong ta chỉ có việc tuyên bố rằng :

"Tôi xin ông nói rằng, nếu quan thống sứ cứ giữ lòng đại độ khoan dung với tôi, thì tôi mong có ngày được thăng tuần phủ, và sẽ được người ta gọi là cụ lớn" (Je vous proposerai donc de dire que j'espère si M. le Résident supérieur vent bien me maintenir dans sa grande bienveillance, devenir un jour préfet, avec le titre d'Excellence).

Nghe câu văn ngây thơ ấy, chắc dân Paris phải ôm bụng mà nức nở khen tài nhả ngọc phun châu của vị thượng quan Đông Dương.

Và vị thượng quan ấy có thể tự hào rằng đã đem chuông đi đấm nước người, không nhục quốc thể mà lại đạt được lên mẫu quốc cái cao vọng của các ông quan: thăng tuần phủ và được người ta gọi là cụ lớn"(1). Chuyện nhãn tiền như vậy, Hoàng Đạo thấy càng dính vào càng mang nhục, nhất là một đất nước mà "những việc chi thu, thuế khóa, tiền tệ là những việc Nam triều đã ủy thác vào chính phủ Bảo hộ"(2). Nhưng nào đâu chỉ có lần bổ nhiệm làm quan tri huyện ấy. Trước khi Trần Trọng Kim lên danh sách trình Bảo Đại những người có thể thay mình, trong đó có Hoàng Đạo, thì Trần Trọng Kim đã có ý mời Hoàng Đạo ra làm Khâm sai ở Bắc Bộ thay Phan Kế Toại. Trần Trọng Kim có kể chi tiết này trong hồi ký của mình: "Trước tôi thấy cách làm việc của ông Toại rất lộn xộn, tôi đã muốn tìm người thay nhưng tìm ai ? Người nói

---

(1) *Ngày Nay*, số 133, đd, trg 5.
(2) *Ngày Nay*, số 121, ngày 31 Juillet 1938, trg 3.

giỏi thì nhiều, mà người làm được việc thì ít. Nếu ở trong quan trường cũ có người tài cán và hiểu việc thì hơn, vì chức khâm sai là một chức kiêm cả chính trị và cai trị. Việc cai trị không có lịch duyệt không làm được. Ông Toại là người làm quan có tiếng hơn cả mà còn như thế, huống người khác rồi ra sao, vì thế nên tôi trù trừ mãi. Tôi nghe nói ông Nguyễn Tường Long là người biết chính trị và có nghị lực hơn cả, nhưng lúc ấy ông đang bị bệnh thương hàn"(1).

Sự "nghe nói" ấy, theo tôi thì xuất phát từ mấy bài báo, mấy tác phẩm đã in thành sách của Hoàng Đạo, chớ chẳng ở đâu khác. Tuy cũng ở vào đẳng tuổi hai mươi, nhưng Hoàng Đạo không giống như những người cùng trang lứa trong cách nghĩ, trong công việc. Hoàng Đạo đã có quyền lựa chọn và không chọn con đường làm quan, mà lại chọn con đường viết văn, làm báo - con đường chẳng có chút gì sang trọng giữa thời buổi bấy giờ. Đối với quần chúng, khi "nói đến một người nào ăn chơi có tiếng, người ta thường nói: "Ấy, cái nhà bác ấy ăn chơi có nhật trình""(2), thậm chí, có "một dạo, người ta sợ những người làm nghề cầm bút như sợ... hủi. Nói là hủi thì khi qúa, nhưng rõ ràng là có những gia đình giàu có, hoặc có lắm chuyện rắc rối, hoặc đương làm ăn kém trong sạch, khi thấy có một ông làm nghề cầm bút tới nhà, dù người ấy chỉ là họ hàng bà con đến thăm chơi thôi, nhưng người ta cũng nghi ngờ, nói năng giữ gìn từng lời, và người ta chỉ muốn tống ra khỏi nhà cho sớm"(3). Đối với chính quyền, viết văn, làm báo được xem như là hạng du đãng, vì viết văn, làm báo ngày ấy không được thừa nhận là một nghề. "Một lần, anh Nguyễn Tuân phải ra tòa. Thằng chánh án Tây hỏi theo thủ tục, để người thông ngôn dịch ra tiếng Pháp:

---

(1) Trần Trọng Kim: *Một cơn gió bụi*, Nxb Vĩnh Sơn, S. 1969, trg 85.
(2) *Phong Hóa*, số 154, ngày 20 Sept. 1935, trg 4.
(3) *Đời viết văn của tôi*, sđd, trg 107.

- Tên anh ?

- Nguyễn Tuân.

- Nghề nghiệp ?

- Viết văn.

Đến tiếng viết văn, người thông ngôn dịch: "Sans profession". nghĩa là "vô nghề nghiệp". Thằng Tây đã không cho coi công việc viết văn của ta là một nghề hẳn hoi, cho nên người thông ngôn mới theo ý chủ mà dịch như thế"(1).

Đó là người, còn ngay cả tờ báo, chính quyền thực dân cũng coi không ra gì. "Chính phủ muốn bắt nó chết là nó chết. Chính phủ không cần cãi lẽ với nhà báo, chính phủ không cần viện cớ ra mới đóng cửa một tờ báo. Báo chí bị đóng cửa đều không có quyền tự vệ, dẫu bị oan cũng phải cắn răng mà chịu. Thí dụ: tờ *Phong Hóa*, tờ *Ngọ Báo*, tờ *Dân quê*, tờ *Hà Nội báo*, tờ *Tiếng trẻ*... và nhiều tờ khác nữa Thật đến bây giờ chúng tôi cũng vẫn chưa biết những lẽ chính đáng đã đoạt mệnh những tờ báo ấy"(2). Mà làm báo, viết văn nào có gì an nhàn, sung sướng cho cam. Ngày đó, sau vài ba năm vào làng chữ nghĩa,Thạch Lam đã thấy được rằng, "Nếu người nào thích một công việc an nhàn, nhiều lương mà lại danh giá - ai chẳng thích như thế - thì tôi khuyên anh ta nên chạy một chân tham biện hay thông phán ở các công sở còn hơn. Nếu anh ta định vào làng báo để tìm chừng ấy thứ, thì anh ta sẽ chẳng tìm thấy gì cả, họa chăng có một lúc nóng đầu.

Cái nóng đầu ấy là lúc ngồi bóp trán trước một tờ giấy trắng, đến cái giờ cần phải có bài, mà cái óc nó lại không chịu cho ra một ý nghĩ gì.

---

(1) *Đời viết văn của tôi*, sđd, trg 108.
(2) *Ngày Nay*, số 45, đd, trg 705.

Đến nước ấy, người yếu bóng vía có lẽ đi tự tử được"(1).

Ấy thế mà hết đời nọ đến kiếp kia, không thiếu người chọn nó làm nghề, làm nghiệp ! Ngày ấy sống ở xã hội nửa thực dân, nửa phong kiến, Hoàng Đạo đã sớm ý thức được rằng, làm quan chỉ giúp ích thiết thực được cho mỗi bản thân và gia đình, nên ông đã chọn nghề làm báo, viết văn với hi vọng giúp ích được nhiều người hơn. Ong "chỉ muốn làm một nhà cải cách", thì chỉ có cái nghề "có một lúc nóng đầu" mà "người yếu bóng vía có lẽ đi tự tử được" ấy mới có thể chấp cánh cho ước mơ của ông. Gần mười năm làm báo, ông đã làm được khá nhiều việc. Thời gian qua, đã có người chê ông, thậm chí lên án ông một cách gay gắt, nhưng họ đã làm được những việc gì hơn ông trên lĩnh vực này với cùng một thời gian như vậy ? Hiện nay, tôi cũng theo đòi nghiệp của ông, cũng làm báo, viết văn. Và khiêm tốn thật chứ không phải khiêm tốn giả vờ như ai đó, thì sau gần mười năm cầm bút, nói về chất lượng tác phẩm tôi nghĩ nên giao cho thời gian phán xét, bởi thời gian là vị thần công bằng nhất, còn về số lượng thì với thời gian ấy số người đuổi kịp tôi, hơn tôi không phải là nhiều, nhưng khi so sánh về tuổi nghề và những gì Hoàng Đạo để lại, tôi thấy mình đôi chỗ còn non, dù khi vào nghề cầm bút tôi hơn Hoàng Đạo hàng chục tuổi. Dĩ nhiên, so sánh nào cũng có sự khập khiểng, nhưng không so sánh thì khó biết mình là ai giữa cuộc đời này để đêm nằm nghe chân tóc chuyển màu mà ngẫm lại, nhằm... hiểu người, hiểu ta. Với tôi, đây là điều nên làm để thấy đời đáng yêu hơn, thấy người đáng qúi hơn. Đời người có là bao đâu. Khi đọc *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi khá tâm đắc với Người: "Năm ngón tay cũng có ngón dài ngón ngắn. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này, thế khác, đều dòng dõi Tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại

(1) *Phong Hóa*, số 154, đd, trg 4.

độ". Đó là tinh hoa của bốn ngàn năm văn hiến. Chủ nghĩa nhân văn thừa nhận giá trị con người, quyền của mỗi người được phát triển tự do và thể hiện các năng lực của mình, khẳng định phúc lợi, hạnh phúc của con người như là tiêu chí để đánh giá các quan hệ xã hội: tất cả vì con người, phấn đấu cho hạnh phúc, phúc lợi của con người. Theo Võ Nguyên Giáp: "Trong lịch sử tư tưởng nhân loại, từ xưa đến nay, đã có nhiều học thuyết, tư tưởng đề cập đến *số phận con người, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của con người muốn được giải tỏa khỏi những bế tắc trong cuộc sống, giải thoát khỏi những hạn chế ràng buộc của tự nhiên, xã hội và của bản thân con người.* Đó chính là tư tưởng nhân văn, nhân đạo được thể hiện ở những mức độ, trình độ khác nhau, tiếp cận từ những góc độ khác nhau.

Nhưng, tư tưởng nhân văn, nhân đạo ấy thường chỉ dừng lại ở ước mơ, ảo tưởng, chỉ là sự phản ánh những nguyện vọng của con người về một tương lai, về những mối quan hệ giữa người với người tốt đẹp hơn. Điều này có thể thấy khá nhiều học thuyết, kể cả các tôn giáo.

Tuy nhiên, chỉ có học thuyết nào mang tính cách mạng và khoa học mới có thể biến những nguyện vọng, ước mơ chân chính thành hiện thực"(1). Và khảo sát qua những gì Hoàng Đạo để lại cùng thực tế đã chứng minh, ta thấy tư tưởng của Hoàng Đạo "chỉ dừng lại ở ước mơ, ảo tưởng, chỉ là sự phản ánh những nguyện vọng của con người về một tương lai, về những mối quan hệ giữa người với người tốt đẹp hơn". Cái ảo tưởng của Hoàng Đạo là tin vào chính quyền thực dân, tin vào lý tưởng cao đẹp: "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" và giá trị chân chính về các quyền của con người, vì sự ra đời bản "*Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền*" của cuộc

---

(1) Võ Nguyên Giáp: *Về tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh.* Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 2.1997, trg 3.

Cách mạng Pháp 1789. Đối với cuộc Cách mạng 1789 không ai không thừa nhận, đó là ngọn hải đăng với nguồn sáng cực mạnh chiếu rọi cho nhân loại ở những thế kỷ sau. Lênin cũng cho rằng, "Không phải không có lý do mà cuộc cách mạng đó đã được gọi là cuộc cách mạng vĩ đại. Đối với giai cấp mà cuộc cách mạng đó đã phục vụ, tức giai cấp tư sản, thì cuộc cách mạng đó đã phục vụ được nhiều, khiến cho cả thế kỷ XIX, một thế kỷ đã đem lại văn minh và văn hóa cho toàn thể cho loài người, đã trôi qua dưới dấu hiệu của cuộc Cách mạng Pháp. Thế kỷ đó chỉ làm có một việc ở khắp mọi nơi trên thế giới là thi hành, thực hiện từng phần, hoàn thành những điều mà các nhà cánh mạng vĩ đại của giai cấp tư sản Pháp đã sáng tạo ra"(1).

Rõ ràng, không ai có thể chối bỏ tính liên tục của lịch sử, nhưng thực dân Pháp của thế kỷ XIX khác với những người Pháp đã hi sinh và làm nên cuộc Cách mạng 1789. Hoàng Đạo muốn đấu tranh trong vòng luật pháp, nhưng khổ nỗi luật pháp ấy là luật pháp của kẻ xâm lược chớ không phải luật pháp của dân tộc có chủ quyền. Cái ảo tưởng ở Hoàng Đạo là vậy. Nhưng cũng không trách Hoàng Đạo được, bởi ngày ấy đã không ít người nghĩ như ông, nhất là khi chính phủ Bình Dân lên cầm quyền ở Pháp. "Ong Brévié đã đến Sài Gòn, ông Toàn quyền thứ nhất của chính phủ Bình Dân bước chân xuống đất Sài Gòn trong sự hoan hô nhiệt liệt.. Hàng ngàn, hàng vạn người đã ra bến tàu tỏ lòng vui và lòng hi vọng của cả một dân tộc đối với ông Toàn quyền mới.

Cũng như ông Godard, ông Brévié đến với mùa xuân, ai không mong ông sẽ đem lại, như con chim én ở phương xa tới, một chút không khí trong sạch hơn. Với ông, ai không mong Đông Dương sẽ được hưởng những ngày mới, đầm ấm, êm ả, đầy ánh

---

(1) *Lênin toàn tập*, T.38, sđd, trg 440.

sáng"(1). Ngày ấy, chỉ có những người cộng sản mới thấy được thực chất của vấn đề, mà Hoàng Đạo lại không phải là người cộng sản. Và ta cũng không thể vì Hoàng Đạo không phải là người cộng sản mà cho rằng những việc của ông làm vời tư cách một nhà báo, một nhà văn là vu vơ. Bởi nếu vu vơ, thì Hoàng Đạo và những người trong nhóm Tự lực văn đoàn không thể tồn tại lâu đến thế. Chính thực dân cũng rất sợ các dân tộc thuộc địa tiêm nhiễm tư tưởng cuộc Cách mạng 1789 qua bản *Tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền*. Thực dân Pháp đã ngăn cấm truyền bá tư tưởng cách mạng ấy vào các thuộc địa ở châu Phi và Nguyễn Ái Quốc đã lên án hành động này. Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: "Để xứng đáng với quyền con người và quyền công dân còn phải làm tròn bổn phận của của họ là những con người và những công dân nữa, nghĩa là phải tổ chức nhau lại và đấu tranh để giành lấy các quyền đó như người Pháp đã từng làm hồi 1789 và như giai cấp vô sản Pháp ngày nay đã làm"(2). Nếu ta chê trách cách làm của Hoàng Đạo, thì chẳng khác nào ta hỏi tại sao Hoàng Đạo không chịu làm người cộng sản ? Điều ấy thật khó ! Ngày nay như ta đã biết, có người theo Đảng từ trong trứng nước, chịu đồng cam cộng khổ với nhân dân trong những ngày ác liệt nhất, vậy mà sẵn sàng xa rời hàng ngũ, thậm chí còn quay lại nói xấu ông cha, huống gì lúc Đảng còn hoạt động bí mật. Sau này, khi bàn về cuốn tiểu thuyết *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan, không ít người đặt vấn đề vượt ra khỏi tầm mức sự việc, nên khi viết hồi ký, Nguyễn Công Hoan muốn có chút "đính chính" để người đọc sau này hiểu thêm về công việc làm của ông, của một số người cùng thời: "Cũng nên nói thật, là tôi viết cuốn *Bước đường cùng*, không phải có ý thức tố cáo tội ác của bọn phong kiến đế quốc đâu. Nếu ngày ấy

---

(1) *Ngày Nay*, số 44, ngày 24 Jan.1937, trg 681.
(2) *Hồ Chí Minh tuyển tập*, T.1, Nxb Sự thật, H, 1980, trg 67.

mà tôi đã có ý thức ấy, thì tôi đã tìm Đảng Cộng sản để xin gia nhập (...) Ngô Tất Tố viết *Tắt đèn* cũng chưa có ý thức tố cáo. Chẳng qua thấy Vũ Trọng Phụng viết truyện *Vỡ đê*, thì anh nói: "Vũ Trọng Phụng viết thế nào được truyện về nhà quê. Để tôi viết cho". Thế là anh viết *Tắt đèn*"(1).

Chừng mười năm trở lại đây, thực tế cuộc sống đã chỉ cho chúng ta rằng, "Thế kỷ XX chưa đi qua mà chúng ta đã có biết bao sự thay đổi, buộc chúng ta phải đánh giá lại nhiều điều, nhiều sự kiện, nhiều nhân vật. Chúng ta đã đi qua giai đoạn ngây thơ hồn nhiên, tin là ta đã đạt đến một trình độ tri thức bảo đảm cho ta luôn luôn tuyệt đối đúng. Các nhà văn, nhà thơ lãng mạn và hiện thực trước cách mạng được nhìn nhận lại phải lẽ hơn"(2). Do đó với tinh thần đổi mới, ta nhìn lại Hoàng Đạo trên bình diện một nhà báo, một nhà văn trước Cách mạng tháng Tám - một người "chỉ muốn mình là nhà cải cách", thì dễ cảm thông nhau hơn. Theo tôi, tâm trạng và sự quyền biến của Hoàng Đạo cũng phần giống Nguyễn Trãi ngày nào: "*Triều quan chẳng phải, ẩn chẳng phải*" (3). Ong đã thể hiện đúng vai trò của người trí thức là tiến tới thực tiễn chứ không phải từ chối nó. Tuy chọn hướng đấu tranh trong vòng luật pháp, nhưng Hoàng Đạo không qùy lụy cầu xin, và... nhắc khéo rằng: "Chủng tộc nào cũng có thể tự xưng là đệ nhất chủng tộc trên hoàn cầu và có thể lấy cường quyền mà bắt chủng tộc khác công nhận như vậy. Nhưng, tôi xin nhắc lại lần nữa, cường quyền không bao giờ bắt được lòng người khâm phục"(4). Và Hoàng Đạo không giấu niềm tự hào dân tộc, dù gần một thế kỷ đô hộ, thực dân Pháp cũng muốn đồng hóa dân tộc Việt Nam. Ong nhắc

---

(1) *Đời viết văn của tôi*, sđd, trg 206-207.
(2) Ngô Thảo: *Như cuộc đời*, Nxb Sân khấu, H, 1996, trg 246.
(3) Nguyễn Trãi: *Quốc âm thi tập*, Nxb Trẻ, TPHCM, 1995, trg 9.
(4) *Ngày Nay*, số 77, ngày 19 Sept.1937, trg 759.

nhẹ: "Nhưng đối với những dân tộc có một lịch sử vẻ vang, có một nền văn minh khá, thì sự đồng hóa cho đến tuyệt đối không phải là một việc nên làm. Tôi xin nhắc lại cho rõ: sự đồng hóa đến tuyệt đối không nên làm. Tôi muốn nói rằng đối với dân tộc Việt Nam chẳng hạn, điều họ muốn nhất, không phải thành ra công dân Pháp để có quyền bầu lấy một người thay mặt họ ở Nghị viện Pháp có quyền coi sóc đến công việc của xứ, của nước họ. Một người Annam vào làng Tây không thành ra một người Tây được, một người Annam theo học chữ Tây cho đến bậc cao đẳng, cũng vẫn không "hóa" ra một người Pháp; những người Annam ấy không bao giờ mong được bàn bạc đến việc bên mẫu quốc cả"(1). Cứ vậy, từng bước ông khơi dần, khơi dần sự hiểu biết trong mỗi con người.

Bước vào nghề báo, Hoàng Đạo đã cùng anh em trong nhóm tập trung đả kích một cách *vui vẻ* những thói hư tật xấu của người đời qua từng con người, từng sự việc cụ thể chứ không nói chung chung để ai muốn hiểu sao thì hiểu. Với tư cách một nhà báo, Hoàng Đạo không dừng lại ở sự phản ánh những hiện tượng xảy ra quanh mình, mà còn đi sâu vào cuộc sống của những người lao khổ. Dựa vào thực tế đang diễn ra, dựa vào vốn hiểu biết được tích lũy từ nhà trường, từ sách vở, từ những chính sách cai trị đương thời..., dựa vào tấm lòng dành cho những người cùng khổ.v.v... Hoàng Đạo đã phản ánh khá chân thực; khá đầy đủ cuộc sống của người dân Việt trước Cách mạng tháng Tám, và đã mạnh dạn đề ra những việc cần làm, phải làm những mong cứu vớt được những cuộc đời lầm than. Ong kêu gọi mọi người cùng chung tay lập nên những hội học, hội nghề... để có điều kiện giúp đỡ nhau. Ong tin vào những người tuổi trẻ có học, nhất là những người vì hoàn cảnh hay tự nguyện trở về xóm làng xưa - nơi chôn nhau cắt rốn. Với ông, những người này chính là nhân tố tích cực có thể giúp dân

(1) *Ngày Nay*, số 80, ngày 10 Oct.1937, trg 831.

nghèo thoát cảnh bùn lầy nước đọng, có khả năng giúp những người dân thật thà chân chất ấy có tầm nhìn vượt khỏi lũy tre làng. Chim có tổ, người có tông. Con người ít khi tách khỏi cội nguồn, trái lại, thường bám vào cội nguồn dân tộc để tìm ở đó sức mạnh nhằm vượt qua những khó khăn, hướng tới tương lai tươi sáng. Và cội nguồn đó là gì, nếu không là tình làng nghĩa xóm, tối lửa tắt đèn có nhau. Do dó, "những trí thức sau lũy tre" không thể thiếu trên bước đường cải cách xã hội đương thời. Ong kêu gọi mọi người theo mới - theo mới nghĩa là Âu hóa. Mới nghe, có người vội cho ông là người mất gốc. Thực ra, với Hoàng Đạo thì "Âu hóa không phải là ăn vận cho đúng mốt ở Paris, nhảy đầm cho đúng điệu, nặn mũi cho lõ, pha thuốc vào mắt cho xanh. Âu hóa là phải tìm đến những điều cốt yếu của nền văn hóa Tây phương để áp dụng vào đời ta"(1). Ong cũng đã nhìn ra những nhược điểm của văn hóa phương Tây, song theo ông, "không thể dựa vào những việc ấy mà bảo rằng Âu hóa là một điều không nên theo. Con dao có khi cắt đứt tay, nhưng nào có ai nói con dao là một đồ vật không nên dùng ?"(2).

Qua đoạn trích dẫn trên, ta có thể thấy, Hoàng Đạo viết báo khá có duyên. Ong biết đưa giọng văn cười cợt lẩn vào những điều cần trình bày, làm cho người đọc không thấy ngán. Kêu gọi mọi người tập thể dục, thể thao, thưởng thức vẻ đẹp của sức khỏe, dẹp bỏ quan niệm "vai u thịt bắp" đã có từ lâu đời trong dân chúng - một đề tài khô hơn ngói, vậy mà ông mở đầu khá nhẹ nhàng, dí dỏm: "Nếu đem một ông đồ nho Annam sống ở thế kỷ trước bỏ rơi trước một trường vận động châu Âu, hẳn là ông đã hết đỗi kinh ngạc khi trông thấy những trang thiếu niên ngực nở sắp hàng tập thể thao. Nhưng, hẳn rồi ông lấy móng tay dài vuốt đôi má hóp mà cười một cách khinh bỉ. Ong liệt ngay họ vào hạng man di, đáng

---

(1)+(2) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 18, 19.

để cho văn minh Đông Dương sáng sủa của ông đến chinh phục"(1). Dẫn nhập dí dỏm là vậy mà đâu phải vậy. Ong phân tích, dẫn chứng những điều mắt thấy tai nghe khá thuyết phục, rồi... kêu gọi: "Bổn phận của ta, của thanh niên, là phải kết đoàn lại lập hội thể thao khắp trong nước"(2), hoặc những câu còn mạnh hơn khẩu hiệu: "Nào những ai thành thực muốn cho nước ta, dân ta sống một đời mới đáng sống... đứng cả dậy"(3).

Văn nghị luận mà viết hấp dẫn được người đọc không phải là dễ. Hiện nay không ít người cho rằng, báo là báo, văn là văn. Báo chí chỉ cần thông tin, thông tin và... thông tin. Điều đó không sai, nhưng một bài báo mà thiếu chất văn, thì qủa là chán, khó lay động lòng người. Những ngày hôm nay, tôi tin chắc không ít người đọc vẫn còn nhớ những bài báo đầy chất văn có tác động xã hội rất lớn, như: *Cái đêm hôm ấy... đêm gì, Lời khai của bị can, Thầy giáo đại học*.v.v... Tôi nghĩ, thông tin là cần, nhưng báo chí không chỉ có nhiệm vụ thông tin mà còn có nhiệm vụ giáo dục. Để đạt nhiệm vụ này, thì những số liệu khô khan không đáp ứng được, bởi nó không hấp dẫn người đọc, không giúp được người đọc rút ra những điều gì để có thể dặn lòng, để ứng xử trong quan hệ thường ngày.

Nói thế, có người không đồng tình, vì họ cho đó là nhiệm vụ của các tờ báo chuyên về văn học. Chưa hẳn vậy. Văn học có thể đóng góp vào sự hiểu biết thực tế với điều kiện nó được hòa nhập vào cuộc sống thực tế trên đường phố. Do đó, các bài báo không thể chỉ thuần mỗi việc thông tin, trái lại giúp người đọc tìm thấy ở đó chút gì nhẹ nhàng, vui vẻ để tạo hứng khởi tiếp nhận trọn vẹn nguồn thông tin mà nhà báo cung cấp. Dĩ nhiên, chẳng ai làm văn trong báo, nhưng mỗi bài báo không thể thiếu chất văn, nếu người viết muốn bài báo của mình chinh phục được người đọc. Đòi hỏi

---

(1)+(2)+(3) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 66, 67, 21.

này không dễ đối với phần lớn các nhà báo hiện nay. Thời của Hoàng Đạo, nhà báo, nhà văn thường là một, còn bây giờ thì khác, khác nhiều về quan niệm, về năng lực. Hiện nay, nhà báo thì nhiều, nhưng được mấy nhà báo có thể dồn những bài báo của mình để in thành tập mà người đọc chấp nhận ? Có, nhưng không nhiều. Theo tôi, nhiệm vụ giáo dục trên báo chí lớn lắm, chớ không chỉ mỗi nhiệm vụ thông tin và thông tin, bởi nói như Tổng Bí thư Đỗ Mười: "Thời đại hiện nay là thời đại của trí tuệ, nguồn gốc trực tiếp làm ra của cải, càng đi sâu vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, càng đòi hỏi trí tuệ cao mới đủ khả năng thanh toán lạc hậu, nghèo nàn, mới có thể trở nên giàu có"(1). Dĩ nhiên, báo chí không đứng ngoài cuộc, nhưng nhập cuộc như thế nào là cả vấn đề. Cách đây hơn nửa thế kỷ, Hoàng Đạo dựa vào báo chí, văn học những mong thanh toán lạc hậu, nghèo nàn và đã làm được "công việc khai phá"(2), thì ngày hôm nay báo chí không được quyền làm tệ hơn, vì đó không chỉ là nhiệm vụ chính trị mà còn thể hiện yếu tố văn hóa - điều mà ngày nay "được coi là yếu tố nội sinh, không phải chỉ là kết qủa mà còn là nguyên nhân của sự phát triển. Phát triển kinh tế - xã hội phải đặt trên nền tảng văn hóa mang bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu các giá trị tinh hoa của loài người. Văn hóa phải kết tinh thành trí tuệ của cả dân tộc, được kế thừa, phát triển qua nhiều thế hệ, tạo ra sức mạnh vật chất, tinh thần to lớn của toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"(3).

Hoàng Đạo cùng anh em trong nhóm Tự lực văn đoàn đã biết dùng báo chí để chuyển tải những ý tưởng của mình đến với

---

(1) Báo *Nhân Dân*, ngày 21.11.1995.

(2) *Tiếng cười Tú Mỡ*, sđd, trg 22.

(3) Đỗ Mười: *Bài phát biểu tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII*, ngày 25.2.1994. - Dẫn theo báo *Quân đội nhân dân cuối tuần*, ngày 16.2.1997, trg 2.

bạn đọc và đã "được mọi tầng lớp quần chúng hoan nghênh nhiệt liệt ngay từ số đầu, và nổi tiếng khắp ba kỳ"(1). Đọc lại báo *Phong Hóa, Ngày Nay*, tôi thấy ngoài nhiệm vụ thông tin trong và ngoài nước, họ còn đặt nặng nhiệm vụ giáo dục. Ngoài những bài báo của Hoàng Đạo như đã dẫn, họ còn làm những công việc mà những người cùng thời công nhận: "Tờ *Tiểu thuyết tuần san* do ông Vũ Công Định chủ trương, đặt tòa soạn tại đường Blockhaus Nord gần nhà máy điện Yên Phụ. Tuy cũng là một tờ báo trào phúng, nhưng báo này cũng như báo *Loa* thường bị báo *Phong Hóa* của ông Phạm Hữu Ninh (đúng hơn là của Nguyễn Tường Tam - VG) chỉ trích thật là kịch liệt, từ nội dung đến lối hành văn. Báo *Phong Hóa* có mục *Hạt đậu nhọn* (viết đúng là *Hạt đậu dọn* - VG) dành để sửa văn, hay đúng hơn là vạch những lỗi hành văn, về văn phạm, về từ ngữ của những báo khác. Lúc đó, văn chương Việt Nam đang từ giai đoạn điển cố bước sang giai đoạn giản dị sáng sủa nên nhiều nhà văn lớp trước còn quen lề lối cũ, viết văn không gãy gọn hoặc dùng nhiều điển tích hoặc lời văn dài lê thê. Việc làm của báo *Phong Hóa* về một khía cạnh nào cũng giúp ích cho những ai muốn tiến trong sự nghiệp văn thơ, nhưng sự chỉ trích nhiều khi hơi qúa đáng, khiến đã có người nói:

- Chúng nó là một lũ văn phiệt, muốn ai cũng phải theo chúng, làm như chỉ có chúng là biết viết văn làm thơ !

Mục đích của báo *Phong Hóa* là dùng hài hước để sửa đổi phong hóa, nhưng nhiều khi hài hước qúa độ khiến cho người ta không ưa.

Tiểu thuyết tuần san hàng tuần thường bị báo *Phong Hóa* vạch lỗi, sự vạch lỗi qua tỉ mỉ đến độ đã gây một cuộc bút chiến, và sau cùng báo *Phong Hóa* không thèm nói đến *Tiểu thuyết tuần*

---

(1) *Tiếng cười Tú Mỡ*, sđd, trg 21.

san nữa, bảo rằng *Tiểu thuyết tuần san* đã dùng giọng hàng tôm hàng cá trong bút chiến !"(1).

Ngày đó, số người không ưa anh em trong nhóm Tự lực văn đoàn không ít, nhưng họ vẫn đứng vững và không có đối thủ, ấy là nhờ vào cái tâm, cái tài của họ. Họ vạch những lỗi về hành văn, về văn phạm, về từ ngữ... thì những người bị họ vạch trần những điểm yếu ấy ắt chẳng ưa, nhưng xét về đại cuộc, họ "lại có công trong việc làm cho văn quốc ngữ trở nên sáng sủa, bình giản, khiến cho nhiều người thích đọc"(2). Còn việc phê người này, châm biếm người kia cũng không làm cho mấy ai tức giận. Cụ thể, nhà thơ Tản Đà, bị họ nhạo về tật uống rượu, ấy mà những năm cuối đời lại cộng tác chặt chẽ với họ, không có số báo nào không có vài bài thơ Đường do Tản Đà dịch. Ong Nguyễn Văn Vĩnh, ngay từ số báo đầu (Phong Hóa số 14, ngày 22 Sept.1932), đã bị họ "nêu danh": *Nước Nam có hai người tài, Thứ nhất sừ Ỉnh, thứ hai sừ Uỳnh*... và dường như bị nhắc hoài, thậm chí trên báo *Phong Hóa* số 147, ngày 3 Mai 1935, Tô Tử vẽ ngay ở trang bìa cùng dòng chữ bên trên: "***Ong Nguyễn Văn Vĩnh thường nấp sau lưng hai ông Lục và Luận mà hành động, không mấy khi chịu ra mặt***", vậy mà trên báo *Annam Nouveau*, ngày 9.6.1935, Nguyễn Văn Vĩnh viết: "Báo ấy (P.H) đã tả những tính cách buồn cười, và nhiều khi vẽ phác ra những nét bút rất có ý nhị. Họ chỉ hơi ác thôi, nhưng không hề gì, mà chính chúng tôi đây cũng vui lòng để họ riễu cợt, vì khoa hài hước được quyền làm thế, nhất là ở xứ này, ở một dân tộc thích chế nhạo như dân tộc ta"(3). Và những việc họ phê phán, diễu cợt, chế nhạo cá nhân không phải chỉ để mua vui cho bạn đọc, trái lại,

---

(1) Toan Ánh: *Vào làng cầm bút*, Nxb Văn hóa, H, 1993, trg 21-22.
(2) Dương Quảng Hàm: *Việt Nam văn học sử yếu*, Trung tâm học liệu xb, S, 1968, trg 455.
(3) *Phong Hóa*, số 152, đd, trg 2.

ngay những người bị nêu lên "bảng phong thần" cũng phải nhìn lại mình. Theo Tú Mỡ, "có khi anh Tam gợi ý cho tôi viết, thí dụ: "Ong Tố đã đầu hàng *Phong Hóa* và cắt cái "búi tó" rồi. Anh soạn giúp cho ông ta một bài văn tế búi tóc..."(1).

Những ngày hôm nay có những thuật ngữ ta tưởng như là hiển nhiên không cần phải truy cứu nên chẳng mấy ai biết nó được "sinh ra" từ báo *Phong Hóa*. Theo Nguyễn Công Hoan, "Năm 1932, báo *Phong Hóa* dịch *Đoản thiên tiểu thuyết* ra tiếng ta, gọi là *Truyện ngắn*. Rồi từ đó, *Trường thiên tiểu thuyết* gọi là *Truyện dài*, và sau cùng *Trung thiên tiểu thuyết* là *Truyện vừa*"(2). Nguyễn Công Hoan không đồng ý với cách gọi này, nhưng đến tận năm 1971, viết và xuất bản hồi ký của mình, ông vẫn "tạm miễn cưỡng mà dùng những tên như ta vẫn gọi mấy chục năm nay, vì chưa tìm được tên đúng mới"(3).

Nói đến các thể loại văn học, trong gần mười năm cầm bút của Hoàng Đạo, tôi cho rằng, Hoàng Đạo thành công nhất trong thể truyện ngắn và phóng sự, nhất là thể truyện ngắn, dù hơn sáu chục năm qua chưa ai nhắc tới. Những ngày hôm nay, nhân loại đã thấy sự tác hại của ma túy, và đã ra sức triệt phá nó trên bình diện quốc tế. Việt Nam chúng ta cũng không nương tay với tệ nạn này, và đã phát động toàn dân bài trừ ma túy. Lâu nay, báo chí cũng có viết nhiều, kể cả những hình ảnh minh họa khá thuyết phục, nhưng thú thật, chưa có bài viết nào làm tôi... sợ bằng khi đọc những bài viết về tác hại của thuốc phiện, kể cả những tác hại ấy được Hoàng Đạo lồng vào truyện ngắn: "Ở đời có những sự tình cờ lạ lùng. Ví thử hôm trước có người bảo Thiết đến tiệm hút sẽ gặp ông giáo Huy, hẳn chàng cười phá lên, cho là câu nói đùa lý thú. Ong giáo Huy, Thiết còn nhớ rõ, chàng quen từ hồi còn ở Bắc. Ong ta là một

---

(1) *Tiếng cười Tú Mỡ*, sđd, trg 25.
(2)+(3) *Đời viết văn của tôi*, sđd, trg 297-298, 299.

người khỏe mạnh, vui vẻ, lúc nào cũng đem bộ ngực nở ra khoe với bạn hữu, lúc nào cũng cười nói ra vẻ một người sung sướng được sống ở đời.

Thiết ái ngại nhìn bạn nằm trước mặt. Dưới chiếc áo the mỏng, chàng trông thấy rõ bộ vai xo. Vẻ mặt hồng hào xưa, nay đã biến ra sắc xám, cặp môi thắm đã đổi ra thâm. Huy chỉ còn là một cái xác ủ rũ.

Thiết ngập ngừng không dám hỏi duyên do sự thay đổi mau chóng và tàn hại đến như vậy. Huy, như đọc được tư tưởng bạn lúc ấy, thong thả nói:

- Ong trông tôi khác lắm phải không ? Có lúc tôi nhìn hình tôi trong gương, tôi cũng tự lấy làm ái ngại. Ai lại mới hăm chín, ba mươi tuổi đầu mà đã đâm ra nghiện hút, tiều tụy như tôi bao giờ ! Nhưng có qua cầu mới biết, ông ạ"(1). Hoàng Đạo còn làm thơ, viết hài kịch (xem chương *Trăm năm để một tấm lòng từ đây*), viết truyện thiếu nhi (loại *sách hồng*), nhưng khi viết cuốn sách này, tôi tìm chưa ra quyển truyện thiếu nhi nào của ông, nhưng tôi biết chắn chắn là có. Báo *Ngày Nay*, số 182, ngày 7 Oct.1937, có ghi: "Cuốn sách hồng đầu tiên trong loại sách hồng, in một vạn cuốn, chỉ còn một số rất ít thôi. Vì thế chúng tôi đã dự định cho in lại lần thứ hai và đương in cuốn sau: CON CÁ THẦN của Hoàng Đạo"(2). Trên số báo Tết năm 1938 cũng có ghi: "*Sách hồng* - loại sách của các trẻ em: *Hai đứa trẻ* - Thạch Lam, *Em Nga* - Khái Hưng, *Cậu bé mới* - Hoàng Đạo, và *một loạt truyện phiêu lưu mạo hiểm nơi rừng rú* của Thế Lữ"(3). Những truyện viết cho thiếu nhi của ông đã được đưa vào sách giáo khoa hồi trước Cách mạng tháng Tám. Dương Nghiễm Mậu có viết: "Bây giờ thì tôi không còn nhớ rõ

---

(1) *Tiếng đàn*, sđd, trg 81-82.

(2) *Ngày Nay*, số 182, đd, trg 7.

(3) *Ngày Nay*, số Tết, ngày 30 Janv.1938, trg 29.

những bài tập đọc, học thuộc lòng *Trong thư viện*, *Dàn đậu ván*, trích văn của Hoàng Đạo tôi đã gặp là những năm học lớp Nhất trường Hàng Than, hay trong những năm đầu trung học ở Chu Văn An"(1). Cũng dựa vào những trang báo cũ, tôi biết ông có một cuốn tiểu thuyết khác, ngoài cuốn *Con đường sáng* mà Nhất Linh viết phần đầu. Báo *Ngày Nay* số 99 có ghi: "THÚY MAI - Vì một lẽ riêng, tiểu thuyết *Thúy Mai* (tiểu thuyết này của Thạch Lam đã có dẫn ở Thạch Lam - thân thế và sự nghiệp của Vu Gia - VG) phải tạm hoãn đăng lại ít lâu. Tác giả có lời xin lỗi cùng các bạn đọc yêu qúy. - Hiện giờ đã đăng kịch *Kim tiền* của Vi Huyền Đắc thay vào, và nay mai sẽ đăng: NẮNG MỚI - tiểu thuyết đầu tiên của Hoàng Đạo"(2). Nhưng bản thảo chắc đã thất lạc, nên nhà xuất bản *Đời Nay* không in. Là một người đọc và cũng là người cầm bút, tôi nghĩ, tiểu thuyết *Nắng mới* của Hoàng Đạo có được xuất bản cũng không mấy thành công, bởi lĩnh vực này ông không vượt trội hơn lĩnh vực truyện ngắn, phóng sự và nghị luận. "Tác phẩm văn học không chỉ là khách thể được phản ánh mà còn là chủ thể được biểu hiện. Người đọc đến với tác phẩm là đến với cuộc sống đã được tái tạo, đồng thời còn đến với tâm hồn nhà văn, đến với tư tưởng, thái độ của nhà văn đối với hiện thực cuộc sống"(3). Hoàng Đạo cũng giống người em ruột của mình là nhà văn Thạch Lam không đạt được điều ấy trong lĩnh vực tiểu thuyết. Đọc *Con đường sáng*, người đọc có thể thích nhiều đoạn miêu tả có thể làm người đọc thích thú như: "Duy đẩy mạnh hai cánh cửa sổ. Ánh sáng ùa vào trong căn phòng tối, khiến chàng hoa cả mắt. Mặt trời chưa lên cao; ở mọi gốc tre, ánh bình minh còn phơi màu hồng nhạt; một cơn gió lạnh đưa mùi thơm của hoa cau. Duy ngửng

---

(1) *Văn*, số 107+108, đd, trg 103.

(2) *Ngày Nay*, số 99, ngày 27 Fév.1938, trg 6.

(3) Trần Khánh Thành: *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, H, 1996, trg 95.

lên nhìn, nhíu đôi lông mày cho khỏi chói mắt; trên thân trắng một cây cau mọc cạnh cửa sổ, buồng hoa mới nở đêm hôm qua, xòe ra ngoài bẹ, màu vàng non và tươi đẹp như nỗi vui mới nở trong lòng chàng"(1), hoặc "Trong khoảnh khắc, trời sầm tối lại; tiếng mưa đổ rào rào trên ngọn cây mỗi lúc một to hơn; cây rừng trông lờ mờ như ai phủ lên một bức màn trắng đục. Duy và Thơ vội vàng xếp các thức ăn lại, chạy ẩn dưới một gốc cây lá to bản. Hai người đứng lặng yên phủi áo.

Thơ vừa thở vừa nói:

- May qúa, tìm được cây gì mà lá to qúa nhỉ.

Duy thẫn thờ nói:

- Cô đứng áp lại đây, chỗ này không ướt.

Duy thấy rạo rực trong lòng. Những giọt mưa lóng lánh trên má Thơ, chàng trông như đang âu yếm mơn trớn da thịt người yêu. Chàng thấy lạnh, rùng mình và tự nhiên có cái cảm giác rõ rệt rằng một cái hôn đặt lên môi Thơ sẽ đem lại cho chàng một sự ấm áp dị thường.

Thơ biết Duy đương nhìn mình một cách nồng nàn, nên nàng sẽ đưa tay lên vuốt mấy sợi tóc ướt, rồi bỗng dưng nàng không hiểu tại sao trở nên rất táo bạo, thong thả quay mặt lại nhìn Duy như nhìn một tình nhân yêu đã lâu lắm. Thơ đắm đuối nhìn đôi mắt đen của Duy; nàng thấy rung động từng thớ thịt, và chợt thấy thẹn, thẹn một cách khác thường toan quay ngoắt đi để chạy trốn.. Nhưng bàn tay Duy đã nắm lấy tay Thơ và nàng theo đà tay ngoan ngoãn ngả đầu vào người Duy, ngực phập phồng rất mau theo điệu thở.

Thơ ngây dại cả người; nàng mê man như trong một giấc mộng, mơ màng thấy Duy kéo nàng sát vào người Duy, và đến lúc

---

(1) *Con đường sáng*, sđd, trg 71.

Duy âu yếm nâng đầu nàng lên, môi nàng hé mở trong khi trái tim nàng đập mạnh"(1). v.v... Nhưng những đoạn miêu tả ấy dù có hay tới đâu cũng chưa đủ yếu tố cần thiết để giúp cho tiểu thuyết thành công.

Suốt một thời gian dài, các nhà nghiên cứu văn học nếu có nói về Hoàng Đạo thì hầu hết đều nói từ ánh nhìn qua lăng kính không mấy thiện cảm. Khi đọc những tác phẩm đã in thành sách của Hoàng Đạo, đã có người cho rằng, "Vấn đề nông dân là vấn đề lớn. Vấn đề lớn ấy cũng như nhiều vấn đề khác, gắn liền với vấn đề giải phóng dân tộc. Chỉ có giải quyết được vấn đề dân tộc thì những vấn đề kia mới được giải quyết theo. Giải phóng dân tộc rồi, cũng khó khăn lắm mới chuyển biến được đầu óc bảo thủ hàng mấy nghìn năm của cái khối chiếm hơn tám mươi phần trăm dân số. Phải để họ suy nghĩ trên mảnh ruộng nhỏ bé của họ, để họ giác ngộ mà tự giải quyết lấy số phận của mình. Phải huy động lực lượng toàn dân. Phong trào phải rộng và sâu. Phải kiên nhẫn. Đổi thay là một khoa học, không thể xuất phát từ ý định chủ quan của một người, nhất là người ấy lại là một thanh niên xuất thân từ giai cấp bóc lột"(2). Vào năm cuối cùng của thập niên tám mươi đã nói được vậy, thì bây giờ có ai đó trách Hoàng Đạo không thức thời, không hiểu rằng muốn nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân không còn con đường nào khác hơn con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Như vậy mới đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh thì... nghe cũng hay và cũng... có lý, dù trước đây Lênin từng chỉ rõ, "phải thấu triệt cái chân lý không thể chối cãi được là người mác-xít phải chú trọng đến cuộc sống sinh động, đến những sự thật chính xác của hiện thực , chứ không nên tiếp tục bám lấy cái lí luận ngày

---

(1) *Con đường sáng*, sđd, trg 92-93.

(2) *Về Tự lực văn đoàn*, sđd, trg 75.

hôm qua, lí luận này cũng như mọi lý luận, bất qúa chỉ vạch ra được nét căn bản, nét chung, chỉ cần *tiến gần tới* chỗ nắm được tính chất phức tạp trong cuộc sống mà thôi"(1).

Xuất phát từ những sự thực đã diễn ra ấy, Trần Đình Sử cho rằng, "Một đặc điểm của xã hội học dung tục là phủ nhận tính nhân loại, tính người của văn học, làm như ở xã hội có đối kháng giai cấp, tính người đã được thay thế bằng tính giai cấp. Quan điểm đó đã ảnh hưởng tới hàng loạt vấn đề quan trọng của văn học như đánh giá di sản, kế thừa truyền thống, xây dựng điển hình... Đã đến lúc phải làm sáng tỏ quan điểm Mác-xít về tính người, đối lập nó với lý thuyết tư sản về nhân tính chung chung và mọi biểu hiện của lý luận xã hội học dung tục, từ đó mà lý giải đúng đắn các vấn đề văn học hữu quan"(2). Nhưng chắc gì mọi người đã đồng tình. Khó lắm ! Có người thấy được vấn đề, nhưng không đồng tình, vì họ... sợ.

Họ biết không thể nào cản trở được sự nghiệp đổi mới, không thể nào đảo ngược được tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhưng họ không dám đối mặt với thực tế. Họ cố vẫy vùng như con thiêu thân tung cánh trước ánh đèn, những mong người đời còn biết họ tồn tại. Họ không biết rằng, hành động như thế là họ tự đánh mất danh dự của mình. Mà danh dự cũng như đời sống, một khi nó đã mất đi rồi thì không còn trở lại nữa. Bi kịch của cuộc đời là vậy ! Thực ra, cuộc sống bao giờ cũng là cuộc sống và điều quan trọng của con người là phải sống thật với mình thì cuộc sống mới có ý nghĩa. "Thế mà chúng ta lại sợ cả bản thân mình. Chúng ta cố giữ mãi chiếc áo "quen thuộc", "thân yêu", bẩn...

---

(1) *Lênin toàn tập*, T.31, sđd, trg 163.

(2) Trần Đình Sử: *Lý luận và phê bình văn học*, Nxb Hội nhà văn, H, 1996, trg 44.

Đã đến lúc phải quẳng chiếc áo bẩn đó đi, đã đến lúc phải mặc áo sạch vào"(1).

Điều Lênin nói, tôi nghĩ chỉ dành cho những người còn trọng danh dự, chớ những kẻ vị kỷ, những kẻ mà người đời gọi là "những kẻ đã đứt dây thần kinh xấu hổ" thì khó lắm. Chiếc áo họ đang mặc bẩn thiệt, từ xa đã nghe mùi, nhưng họ cứ cho đó là thời trang thì chẳng ai hơi đâu mà cãi. Viết tới đây, tôi bỗng nhớ tới câu chuyện của một người bạn kể lại khá vui mà không kém phần... triết lý. Ngày nọ, có con khỉ nhìn người đàn ông tắm dưới suối, rồi nó cười ré lên, cười vang động cả rừng. Anh bạn tôi hỏi, vì sao con khỉ nó cười ? Suy nghĩ một lúc, tôi lắc đầu chịu thua. Anh bạn tôi chê tôi dở và giải thích rằng, sở dĩ con khỉ nó cười như vậy, vì sinh vật đang tắm dưới suối kia có... cái đuôi mọc ngược ! Thế đấy ! Chắc chẳng ai hươn mà ngồi bàn chuyện ngược chuyện xuôi ấy. Nhưng ở vấn đề này, tôi tâm đắc với ý kiến của Alexis Carrel - nhà bác học người Pháp: "Mỗi tập thể trong xã hội, dù là một gia đình, một xã, một tỉnh hay một nước, chẳng những bao gồm tổng số cá nhân đang sống trong tập thể đó mà còn bao gồm cả những người đã chết, mà những tư tưởng, tính lo xa và tình thương yêu của họ, cả những sai lầm của họ vẫn còn bao bọc chúng ta. Chúng ta đang ở trong những ngôi nhà mà họ đã cất, cấy trồng những cánh đồng của họ, sử dụng những kiến thức, chủ thuyết và những kỹ thuật của họ, và nếu không có họ, chúng ta chỉ là những kẻ dã man, lạc hậu (...) Đến phiên chúng ta, chúng ta có phần lớn trách nhiệm đối với hạnh phúc hay đau khổ của con cháu chúng ta.

Mỗi thời đại vừa là người thụ hưởng vừa là nạn nhân của thời đại trước (chaque âge est le bénéficiaire aussi bien que la victime

---

(1) *Lênin toàn tập*, T. 31, sđd, trg 224.

de l'âge précédent)(1).

Nhìn lại khoảng gần chục năm làm báo, viết văn, Hoàng Đạo đã cùng anh em trong nhóm Tự lực văn đoàn đã xây dựng nên tờ báo *Phong Hóa* rồi *Ngày Nay* và nhà xuất bản *Đời Nay* trở thành "nhóm quan trọng nhất và là nhóm cải cách đầu tiên của nền văn học hiện đại"(2). Dù có đôi chỗ không bằng lòng với Hoàng Đạo, nhưng Nguyễn Văn Xuân cũng phải thừa nhận rằng, "với *Phong Hóa, Ngày Nay* đã có một bước tiến thật lớn mà bất kỳ ai nghiên cứu lịch sử văn học, (lịch sử báo chí) cũng không thể làm lơ đối với nó được: ấy là phải nhắc ngay tới một nhóm: *Tự lực văn đoàn*"(3). Họ "đã làm rõ rệt cái dở, cái rởm, cái buồn cười, cái giả dối trong các hủ tục, thiên kiến của ta; đã gây nên cái phong trào "thơ mới" và làm cho thể văn tiểu thuyết được đắc thắng, lại có công trong việc làm cho chữ quốc ngữ trở nên sáng sủa, bình giản, khiến cho nhiều người thích đọc"(4).

Công đó là công chung của cả nhóm, dù theo Tú Mỡ, Hoàng Đạo là một trong "bốn anh rường cột trong tòa soạn"(5). Điều đáng trọng ở Hoàng Đạo là ông nói được làm được, không dối lòng dối người. Ong khuyên thanh niên "Không bao giờ ta nên để công danh lên trên tất cả mọi sự, trên tất cả nhân phẩm, trên tất cả luân lý, như nhiều người tự xưng là thượng lưu trong xã hội ta.

... Ta phải để hết tâm trí đến sự nghiệp. Ta phải chăm nom vun xới cho sự nghiệp của ta, ta sẽ được hưởng cái lạc thú vô song của

---

(1) *Dẫn theo báo Tuổi trẻ chủ nhật*, ngày 16.2.1997, trg 14.
(2) *Chuyện trò với Hoàng Xuân Hãn*, Tạp chí Sông Hương, số 37, đd, trg 74.
(3) Nguyễn Văn Xuân: *Nhất Linh đã đóng góp gì cho văn học Việt Nam*, Tạp chí *Lửa thiêng*, S, số 1, tháng 12.1974, trg 55.
(4) *Việt Nam văn học sử yếu*, sđd, trg 455.
(5) *Tiếng cười Tú Mỡ*, sđd, trg 27.

một đời có ích cho người chung quanh"(1), thì ông đã làm đúng như vậy, chớ không như ai đó nói một đường làm một nẻo. Trong lĩnh vực văn học, ông cũng có công đáng kể trong lịch sử văn học Việt Nam ở thể phóng sự và truyện ngắn, đặc biệt ở thể phóng sự. Cách viết phóng sự của Hoàng Đạo, đến nay vẫn chưa thấy có ai, bởi ông "đã vẻ dưới mắt ta bằng những nét bút "chấm phá" khi họ tiến ra trước vành móng ngựa"(2), và "Không cần phải những bài tràng giang đại hải, nêu ra trăm ngàn lí thuyết, mới đưa người ta đến sự thật. Chỉ một bài tả cỏn con dưới ngọn bút một nhà văn có tài là làm cho người ta đủ thấy sự thật và tin nó một cách chắn chắn"(3). Khi vào làm báo, viết văn - ngày ấy gọi chung là làm báo - và quyết định từ bỏ công danh, đuổi theo sự nghiệp, Hoàng Đạo chỉ mong muốn cho tờ báo của mình "thành một tờ báo vừa vui vừa có ích, ai cũng cần đọc, ai cũng muốn đọc, tờ báo lan rộng, nhiều người xem - sức mạnh của tờ báo là ở đó - Dựa vào sức mạnh ấy, dần dần sẽ mưu tính những công cuộc về xã hội, những việc cải cách khẩn yếu mà các bạn và chúng tôi lúc nào cũng tha thiết"(4), nhưng "không làm nổi vì tài lực có hạn"(5). Vào thời điểm ấy, theo tôi, dù có đủ tài lực, thậm chí có thừa tài lực, nhóm Tự lực văn đoàn cũng không thể thay đổi được xã hội, bởi nó đã vượt khỏi tầm của những nhà văn hóa, những nhà cải cách. Và lịch sử đã chứng minh, chỉ có giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do thì mới biến đổi tận gốc rễ xã hội và nâng cao kích thước con người. Thực ra, những năm gần kề Cách mạng tháng Tám, Hoàng Đạo cũng có đi vào con đường chính trị và cũng từng bị tù đày, nhưng làm sao để chọn một con đường đúng nhất, ngắn nhất nhằm

---

(1) *Mười điều tâm niệm*, sđd, trg 63.
(2)+(3) *Dẫn theo Ngày Nay*, số 116, đd, trg 20, 20.
(4) *Ngày Nay*, số 5, ngày 10 Mars 1935, trg 11.
(5) *Tiếng cười Tú Mỡ*, sđd, trg 46.

đưa nhân dân thoát khỏi vòng tăm tối như mong muốn, thì ông không có cách chọn như thuở còn ở trên trường văn trận bút. Song đó là chủ ý của mỗi người, và ta cũng đừng nên đứng trên lập trường của người thừa hưởng chiến thắng mà đi chê trách những điều không đáng chê trách; hoặc phải làm khác với lòng, khác với mọi người một chút để được tồn tại. Cách tồn tại ấy chẳng hay ho gì. Nếu ngày đó Hoàng Đạo chọn đúng đường như ý muốn của chúng ta hiện nay, thì viết về ông đã khác nhiều rồi. Và ở đời, nào ai đã dám tự hào có thể lập được thời khóa biểu cho bản thân mình ? Khó lắm !

Bây giờ, nhìn bằng cặp mắt của thời đại *hypertext - clickable* (tạm dịch là siêu văn bản - bấm nút), ta thấy Hoàng Đạo có non kém về chính trị, nhưng nhìn bằng cặp mắt của cái thời *Người câu lập hiến, kẻ câu trực quyền* thì lại khác. Cuộc đời và sự nghiệp của Hoàng Đạo tuy ngắn, nhưng ta có thể thấy được rằng, không phải đồng tiền, hoặc tiếng tăm xui khiến buộc người ta cầm bút mà chính là niềm hi vọng, là tấm lòng của con người đối với con người thúc đẩy họ lao vào văn chương. Bày tỏ cái tôi trước công chúng cho mọi người biết đến là điều có ý nghĩa hơn đối với nhà văn. Trên đỉnh cao của niềm say mê sáng tạo có thể là mong ước phá vỡ bức tường cách ngăn giữa tâm hồn và tâm hồn, để con người chia sẻ với nhau những đắng cay và ngọt ngào. Cũng có người nhận thấy mình có trách nhiệm viết để truyền bá kiến thức và kinh nghiệm cho người đời. Nhưng ở đời cũng không thiếu người viết vì tiền, không có tiền thì không viết. Những người ấy mà được coi là nhà văn ư ? Chắc chắn là không, dù họ được ai đó đề cao, tâng bốc lên... tận tới trời. Tôi tin như vậy. Cũng có những người viết mà không cho ai coi, tôi nghĩ, đó là người ích kỷ, đúng hơn họ không tin ở bản thân mình - những người ấy cũng không đáng để bàn, mặc dù họ luôn tự huyễn hoặc mình, tự cho rằng thế gian này

không ai có thể hiểu được họ, ngoài... Chúa và Phật !

Bàn về chuyện viết lách thì vô chừng. Viết để có thể tác động được nhân loại và trường tồn thì to tát qúa, và không dễ. Nhưng với Hoàng Đạo, thì dường như viết để thỏa lòng mong ước với sự nghiệp mà ông đã quyết tâm theo đuổi, viết để thức tỉnh từng mỗi con người sau nhiều đời cam chịu. Điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng cho rằng, "phải biết làm cho phần tốt trong mỗi con người nẩy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi"(1). Đó là tính thiện trong mỗi con người, và chúng ta cũng cần tiếp tục khơi dậy phần tốt ấy để cùng nhau xây dựng một xã hội công bằng, văn minh.

---

(1) *Hồ Chí Minh toàn tập*, T.5, Nxb Sự thật, H, 1985, trg 247.

GIẢI THƯỞNG VĂN-CHƯƠNG
TỰ LỰC VĂN-ĐOÀN 1939

* * *

LỜI KHEN TẶNG

Ban Giám-Khảo Giải Thưởng Văn-Chương Tự-Lực Văn-Đoàn *1939, họp tại tòa báo* Ngày Nay, *80 Đường Quan-Thánh Hanoi, ngày* 4 Juin 1940,

Sau khi đã đọc và xem xét những tác phẩm dự thi, quyết định tặng lời khen tác phẩm Đoạn Tuyệt Đường Rừng (Mèo) *của cô* Trần Tiêu Tuyết

Hà-nội ngày 11 Juin 1940

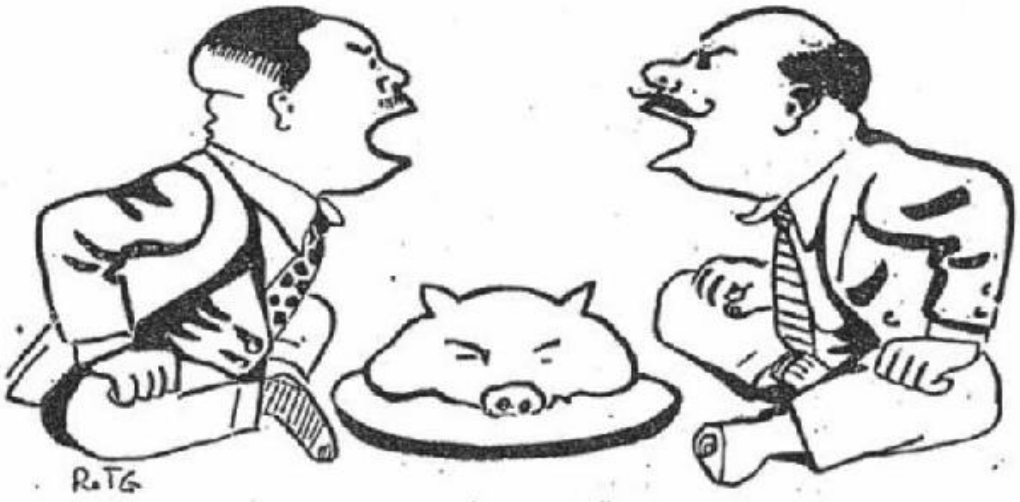
Ban Giam Khao Giai Thưởng
Van chương Tu Luc Van Doan

Thạch Lam

Khái Hưng

Nhất Linh

Hoàng Đạo



— Cái thủ lợn về phần tôi, vì tôi làm tham tá phủ Toàn quyền, đáng ăn tiên chỉ.
— Không được. Phải về phần tôi, vì tôi tuy tham tá Tòa sứ nhưng hàm tôi to hơn hàm anh.

O

BÙN LẤY NƯỚC ĐỌNG

MIẾNG THỊT GIỮA LÀNG

(Tiếp theo kỳ trước)

CẢI LƯƠNG hương chính đã hoàn toàn thất bại. Sau lũy tre xanh, dân quê vẫn miên man sống theo lề lối cũ, trong sự cạnh tranh đã hẳn về trước vị, về miếng ăn, trong sự áp chế lẫn nhau... Và hoàn toàn dưới chế độ tôn ti từ đời hồng hoang thái cổ.

Chế độ tôn ti ấy có một cái đặc điểm, — mà cái đặc điểm ấy chính nó lại kết án một cách quyết liệt cái chế độ sinh ra nó, không còn phương nào chữa được. Đặc điểm ấy là gì ? Là, bao giờ cũng như bao giờ, trong hương đảng, lợi về phần dân anh hưởng mà thiệt về phần dân em chịu.

Tục ngữ ta có câu : « ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau ». Câu ấy có thể cho là tả được một cách mạnh và ngắn, tâm thuật của kẻ cầm đầu ở trong làng.

Lúc nào có miếng ăn, hay có bằng lệnh, là lúc bọn kỳ hào trở nên đỏ hào. Lúc đó, ta được thưởng thức hết cả vẻ nên thơ của tình thần tôn thượng, lúc đó ta mới rõ cái địa vị tối quan trọng của miếng thịt ở giữa làng. Ai là người ngồi chiếu cao mới được miếng ngon, mà ngồi chiếu càng cao, miếng ăn lại càng ngon. Miếng thịt phần biếu ấy, vốn là một cái lệ từ đời nhà Chu ở bên Tàu lọc sang đất Annam. Phàm con sinh tế thần rồi, tế thc ra ăm phần, cần để ra một phần nhỏ hiếu các người chức sắc trong cái xã hội nhỏ ấy. Xét hẳn ý lúc đặt lễ, tựa hồ cũng có chút ý nghĩa : là tuy miếng thịt không là bao, nhưng vì là dư huệ của thần, nên chỉ người có danh vị trong xã hội mới được hưởng. Song miếng thịt lấy nghĩa gì cũng vẫn là miếng ăn. Bấy lâu xã hội đem miếng ăn làm giải vinh dự cho người đời, cho nên lấy giờ người đời nhiễm cái thói tham ăn, tranh ăn là lẽ tự nhiên lắm rồi. Miếng ăn, vì thế, ở các làng, là trọng : nhất là cái « thủ », rồi đến « khoanh bì », rồi đến cái « mâm », đến « chân giò », lại đến cả cái « ba ba khấu đuôi » nữa, lấy theo từng ngôi thứ trong làng mà chiếu phần thơm tho. Nếu có kẻ chết thiu, thì phải tranh mà cướp lấy, dẫu sát hại nhau cũng không từ. Thậm chí có khi vì tranh nhau một cái thủ bò, thủ trâu mà đến nỗi chết quá mười nhân mạng. Nhưng tranh nhau, sát hại nhau thì cũng chỉ quanh quẩn bọn dân anh với nhau. Bọn dân em nghèo khổ, cơ cực bao giờ cũng bị thiệt, vì bao giờ có phần đến tay cũng chỉ là miếng thịt không đáng kể, không thể nuốt được.

Bọn dân anh, trong các việc hương ẩm, khao vọng hay cai dám, chiếm lấy miếng ăn đã đành, về những việc khác họ cũng quen mai áp dụng cái ý tưởng ấy nữa mới đáng sợ. Về việc quân cấp công điền, tôi đã nói, họ chọn lấy những khoảng đất tốt, về công việc trong làng, thì chỉ họ là có quyền coi sóc đến, họ muốn hoành hành thế nào cũng được ; bọn dân em tuy là sĩ đông, cũng vẫn chịu khom lưng để họ lợi dụng.

Trái lại, lúc nào có việc nặng nhọc, là đến phần dân em. Trong khi nước thần, bay tổng tử, bọn dân em cũng khỏ phải ra tay công đáng lấy việc nặng nhọc : như khiêng kiệu chẳng hạn. Cao hơn một bực thì làm việc nhẹ hơn : cầm gươm hay vác đã bắt hầu. Cao hơn chút nữa thì, hoặc đi chỉ huy, hoặc không phải gì cả, ngồi ruồi đợi cỗ đem đến mời, hay nằm dài đợi khay thuốc phiện đến thơm một hơi dưỡng sức.

Hơn nữa, bọn dân anh vì có óc tự tôn quá rồi, nên sự tôn quyền họ coi là một sự thường. Quỹ của làng là quỹ công, họ lại coi như là của riêng họ, muốn tiêu phá lúc nào và thế nào, cũng được. Thường thường, hễ có số tiền thu là bọn dân anh đã chia tay nhau từ bao giờ. Đến lúc nào làng có việc cần đến tiền, họ sẽ cố chạy để trả số tiền cần tiêu. Nói của đáng, — họ coi số tiền đó như một số tiền lấy danh dự mà vay nên nếu cần kíp, thế nào họ cũng trả sòng phẳng. Song, việc cần kíp hay không, lại chính tại họ định: vì thế, nên nhiều khi dẫu là việc cần kíp thật, lắng vẫn cho là một việc chưa cần : vì thế, những công cuộc công ích ít khi thực hành được ở chốn thôn quê.

Kịp đến lúc có phong trào cải lương, làng nào cũng phải có công quỹ, và số tiền thừa phải để dành. Nhưng sự thực, số tiền ấy ngày thường nằm ở trong tủ bọn dân anh, chỉ đến lúc quan trên về khám mới đột nhiên hiện ra trong quỹ. Chính phủ biết thóp bèn đem quỹ làng lên tỉnh; làng phải có giấy phép ông Công sứ mới lĩnh được. Nhưng, vì xin phép rất khó khăn, nên phần đông các làng coi những số tiền gửi nhà nước như đã mất, và tìm phương tránh cái nạn ấy về sau. Họ đã tìm thấy... cho nên, lúc quan trên về khám, tiền quỹ không thấy thừa lấy một đồng, vì tiền thu và tiền xuất rất ngang nhau... trên một giấy.

Cũng cuộc cải lương hương chính đã hoàn toàn thất bại, mà sở dĩ thất bại, là vì chỉ cải lương

(Xem tiếp trang sau)

TRUYỆN BỐN NGƯỜI

của THẠCH LAM, HOÀNG ĐẠO, KHÁI HƯNG và THẾ LỮ

(Tiếp theo)

Chợt chàng ngoảnh nhìn dòng bể, rồi lo lắng hỏi Lý:

— Mấy giờ thì Tạ về, hở em?

— Tạ không về hôm nay đâu. Hắn sẽ gửi quà từ sáng hôm qua cơ mà. Hắn bảo em tối nay mới lên.

Tùng thở dài như trút được gánh nặng. Chàng hây giờ lại đâm ra sợ người mà chàng đến để khách mắng. Chàng rủ Lý:

— Đi xem chớp bóng đi, em đi.

— Thế còn nói chuyện gì nữa.

Lý trang điểm xong. Trông lại chàng lộng lẫy dáng yêu. Nàng đứng trước mặt Tùng, thẳng người lên khoe:

— Anh trông em Lý của anh có đẹp không?

Tùng thực thà khen:

— Đẹp lắm. Đẹp chết người đi được. Đôi mắt kia thì nhìn ai mà chẳng phải siêu lòng.

Lý sung sướng, hai má đỏ hồng, mắt long lanh:

— Chẳng đẹp mà khiến nhà văn sĩ như anh phải mê, có phải không anh Tùng?

Tùng không đáp, kéo Lý lại gần, đặt một cái hôn lên trán nàng. Rồi hai người hãnh diện dắt tay nhau đi ra ngoài phố, thuê xe đến rạp chớp bóng.

Đi đường, Tùng chỉ nơm nớp sợ gặp Thường. Thư hay Tạ thì không biết nói thế nào. Nhưng may, từ nhà đến rạp Majestic, không xảy ra sự gì.

*

Tạ đẩy cửa, lên tiếng:

— Lý chèrie đâu, ra mà nhận quà này.

Không thấy trả lời, chàng dừng lại một giây, nhìn khắp gian phòng một lượt. Thấy thấp thoáng bóng hai người trong cái tủ gương,



chàng sung sướng phá lên cười:

— Dừng nép nữa, Lý ơi. Tiên ngọc đã thò cánh ra sau tủ kia rồi.

Câu pha trò của Tạ không gợi được tiếng cười khanh khách trong như chuỗi ngọc mà Tạ vẫn thích nghe.

Chàng ngạc nhiên, vứt gói bánh mới mua lên một bàn, lầm bầm:

— Quái nhỉ. Lý dặn mình thế nào cũng đợi mà lại biến đi đâu mất.

Bỗng Tạ nhìn thấy mảnh giấy đặt chình chện cạnh gói bánh, mà lúc nãy chàng không để ý đến. Chàng vội cầm lấy đọc:

« Mon chéri,

Chào anh ở lại, em đi. Đừng tìm em mà lỉch, em đã cố lĩnh nhiều mối rồi. Nhưng anh đừng buồn phiền nhé, vì anh vẫn là bạn thân yêu của em.

Ký tên: Lý, nữ nữ

Tạ vò nát bức thư, lúc lắc ném xuống đất, lấy mũi giầy dẻ xuống:

— Cái con đã mọt thế thì thôi.

Tạ ném mình xuống ghế bành, thở dài. Chàng không ngờ Lý lại giở giọng chồng nhờ thế. Chàng còn cảm thấy cả cái êm dịu của da thịt cô kỹ nữ xinh xắn, tà nhỉ nhảnh như con chim xanh, còn văng vẳng nghe bên tai những lời ân ân thắm thắm. Chàng buột miệng nói to:

— Giả dối, giả dối hết. Cái mặt thế mà giả dối được.

Tạ nhìn mãi, con một, nắm chặt hai tay, thẫn thờ, nếu bắt gặp Lý ở đây sẽ tặng cho vài ba cái tát nổi bà được con giận. Bạn thân! Lý thường có ở chốn nhà riêu cợt chàng thế nào cũng được hắn. Đã lỡ cho chàng phụ lòi thế với bè bạn, lại còn lừa dối chàng nữa, cô vũ nữ kia

Thợ may khéo của Quý Bà, Quý Cô

Cạnh nhà thờ lớn **MARIE** 4 Mission Hanoi

Đã được giải nhất và bội-tinh bạc về thi may đẹp ở chợ phiên Haiphong, Huế, Hadong, Hanoi

Áo rét, manteau, pardessus, cape nhiều kiểu tối tân 1937.

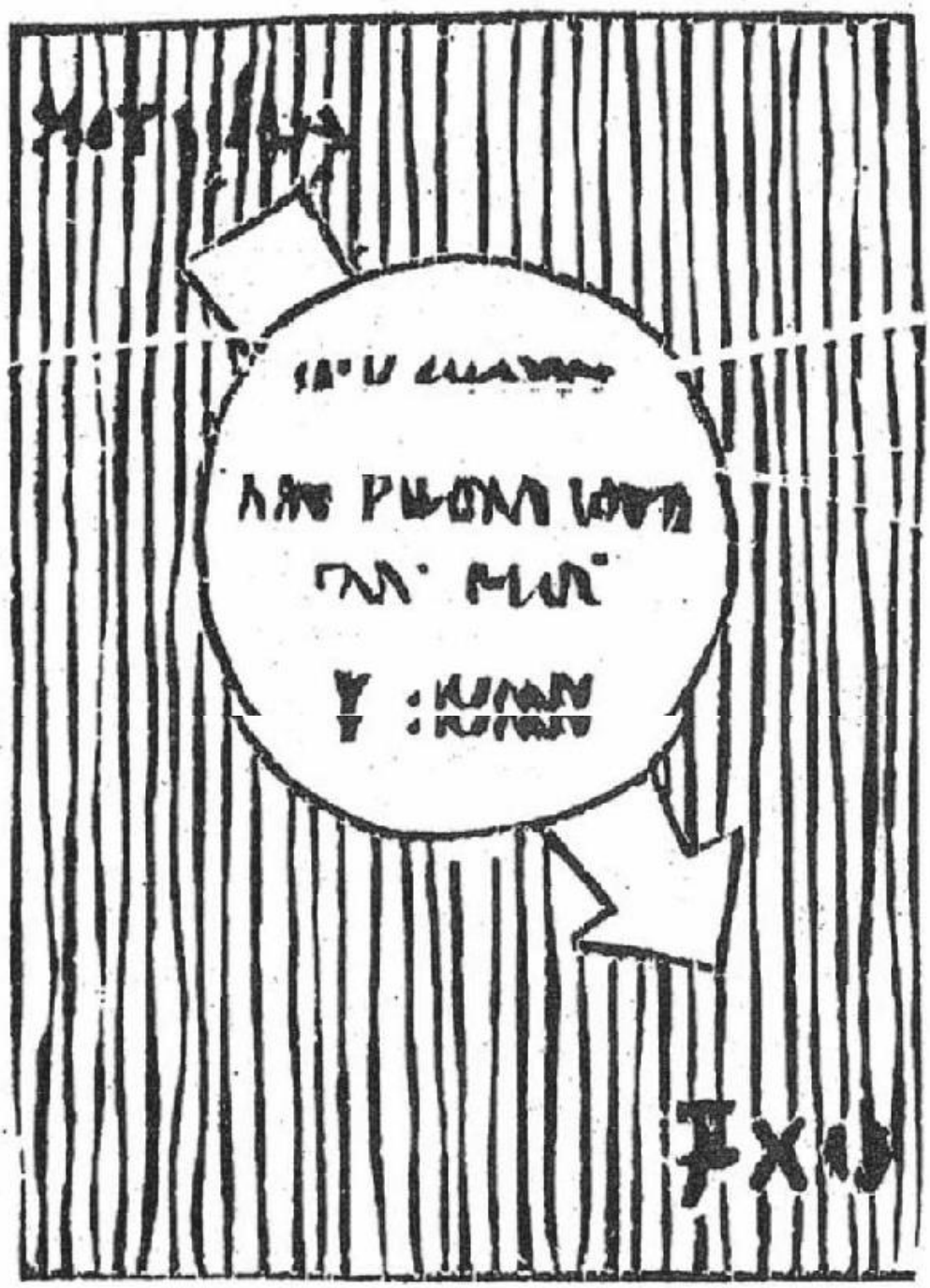
PHÒNG VẼ KIỂU NH

NGUYỄN-BÁ-CHI (Kỹ-sư máy)

HANOI — n° 61, Rue de Takou

HAIPHONG — n° 52, rue d'Endhal





Tờ Quảng cáo cho báo **Phong Hóa**, *số ra mắt.*
(Chụp lại từ báo **Phong Hóa**, *số 154, ngày 20.9.1935)*

HOÀNG ĐẠO

CÂU ĐỐI ĐÓN XUÂN THA HƯƠNG 1948

Tĩnh chỉ thanh u xứ
Nhàn quan thiên hạ xuân

Nghĩa : *Ngồi yên ở một nơi thanh u*
nhàn nhã ngắm xuân thiên hạ

HOÀNG ĐẠO

THƠ KHAI BÚT ĐẦU NĂM MẬU TÝ (1948)

Nhất chiêu, thừa Bạch hạc

(*Một sớm cưỡi con hạc trắng* - Nhưng *Bạch hạc* ở đây cũng là tên làng mà ông đang tá túc)

TRÊN SÔNG DÁY

Đêm hôm ấy trăng trong vừa mọc
Cảnh trăng thu như cảm xúc hồn thơ
Hai anh em dạo gót thẫn thờ
Kìa đã đến bên bờ sông Đáy
Theo giòng nước, gió thu hây hẩy
Như vàng gieo, gợn chạy lăn tăn
Bên nhịp cầu mấy chiếc thuyền nan
Nằm ngủ ở dưới bóng trăng êm ái

*

Trên một chiếc thuyền ngồi đằng sau lái
Một đào nương như chờ đợi tình quân
Hai anh em dừng bước tần ngần
Rồi ghé lại ân cần sẽ hỏi :
"- Chờ ai đó ủ ê trong khoang tối ?
Mà chiếc thân lẻ lói giữ thuyền ai ?"
Thiếu nữ kia cất giọng khoan thai
Sẽ đáp lại : "Đã có người thuê hát,
Người dặn rằng chờ trong chốc lát
Mà bây giờ vẫn bặt tăm hơi
Suốt mấy giờ mong ngóng đợi hoài
Bác kép đã kéo dài một giấc"
Bạn ta vốn là người mến sắc
Đứng lặng nghe như thắc mắc cảm lời oanh
Liền kéo ta bước xuống thuyền tình

Làn sóng động rung rinh, thuyền nghiêng ngả
Trên lòng sông bóng trăng thanh tỏa
Nước long lanh tung tóe tựa minh châu

*

Chúng tôi ngồi, ra ngọn roi chầu
Theo tiếng đàn, cô đầu gieo nhịp phách
Hát bài bến Tầm Dương đêm khuya đưa khách
Bỗng nửa chừng nàng ngừng bặt tiếng oanh
Hình như vì gió mát trăng thanh
Lại nhớ tới nỗi tình u ẩn
Ta vồn vã tìm lời căn vặn :
- Duyên cớ chi để bận tới lòng hoa ?
Ngập ngừng nàng gạt lệ sa
Cất giọng nói thiết ta, ảo não,
Rằng : "Em vốn con nhà nho giáo
Cha làm quan mà anh cũng làm quan
Riêng mình em gặp bước gian nan
Nên liều phải đem thân đi xướng hát
Nhân ngắm cảnh trăng trong gió mát
Ngâm khúc xưa lại chua chát lòng này".
Nghe mấy lời kỹ nữ tỏ bày
Bạn ta vẫn vỗ tay cười ngất
Rằng : "Ở đời con người quý nhất,
Là bẩm sinh có tính chất thông minh
Khối óc kia đã chứa sẵn tinh anh
Đem giốc hết mà chơi đổ quán, xiêu đình thì mới hả
Can chi phải thở than, than thở
Theo xướng ca dễ đã xấu hơn ai ?"
Nghe bạn ta giãi tỏ mấy lời
Lau nước mắt, nàng tươi cười đáp lại :

- Cảm ơn khách vì em khuyên giải
Mà em đây, lẽ phải trái cũng am tường
Khốn nỗi nhà theo nghiệp văn chương
Anh hai em lại là phường đạo đức
Trên báo chí thường kêu gào không rứt
Nào ngũ luân, nào ngũ thường đều đi đứt cả rồi
Đọc văn anh, lại chạnh nghĩ đến thân tôi
Lắm lúc muốn chảy xuôi theo giòng nước
- Thôi xin cô cũng đừng uất ức
Cứ biết vui là hạnh phúc ở trên trần
Khách du này với khách hồng quần
Gặp nhau hãy giở cung đàn cùng nhịp phách
Cốt lòng vui, cốt linh hồn trong sạch
Còn chuyện đời, mặc quách chuyện đời
Nàng nghe xong đưa mắt mỉm cười
Nay ta mới gặp người tri kỷ

TỨ LY (HOÀNG ĐẠO)

Văn hóa ngày nay, T. 8, S, 1959, trg 163-164.

ĐỢI CHỜ

Trường ngồi lặng yên để sự bình tĩnh êm ấm thấm vào người. Điếu thuốc lá đương hút giở để trên đĩa cứ bốc khói lên thành một vệt xanh lam sẽ rung động như cánh hoa non lặng lẽ quyện lấy bóng đèn pha lê sáng.

Trước mặt chàng, khói hương nghi ngút trên bàn thờ lộng lẫy. Những nét chữ vàng của hai vế câu đối treo hai bên nổi bật lên trên nền sơn đen lấp lánh dưới ánh sáng tỏa khắp phòng. Qua chiếc màn the màu hồng, Trường đưa mắt dịu dàng lưu luyến chiếc đỉnh đồng ám khói, mấy cốc thủy tiên trong để lộ đám rễ trắng và lá xanh dài đương ủ lấy những nụ non, những bông đào thắm như vết thương, chiếc ngai màu đỏ ối. Chàng cảm thấy sự bình tĩnh hư ảo của cảnh vật chung quanh đương hòa hợp với sự lặng yên của đêm ba mươi tết, hòa hợp với sự êm ấm trong tâm hồn chàng.

Trường ngồi yên lặng nghe thời gian trôi từng giây chầm chậm trong lòng chàng. Rồi đêm càng khuya, sự bình tĩnh khác thường bàng bạc chung quanh, Trường càng cảm rõ nỗi mong manh nhất thời. Trong sự bình tĩnh ấy, Trường thấy ngụ một ý nghe ngóng chờ đợi một việc gì sắp xảy ra để tan đi trong khoảnh khắc. Lòng chàng cũng theo mà nao nức, mong mỏi cái giây phút cảm động ấy, giây phút đưa vạn vật sang năm mới. Chàng tưởng tượng ra hôm mồng một mà chàng chắc chắn sẽ như mọi ngày thường với những câu chúc nhau vô nghĩa, những cuộc tiếp chuyện nhạt nhẽo. Lòng Trường hơi se lại, chàng vẫn còn chút hi vọng sẽ sống một ngày xuân mới, với những cảm giác lạ, những tính tình khác

thường.

Bỗng tiếng pháo giao thừa ở đâu bắt đầu nổ ran, và tản theo tiếng pháo, cái ảo tượng cuối cùng của Trường. Chàng bâng khuâng như đã đánh rơi mất một vật gì qúi báu mong manh, chàng muốn cầm lên nhưng chưa được ngắm nghía.

HOÀNG ĐẠO

Ngày Nay, số 96, ngày 30 Janv. 1938, trg 31.

ĐI HÁI LỘC

Tường uống cạn chén chè nóng rồi nói với tôi :

- Không bao giờ người đời có thể tuyệt vọng được.

Rồi không đợi tôi cãi lại, anh nói luôn :

- Anh có đi hái lộc, bao giờ không ? Thật là một nhẽ thú không hai. Tiếng pháo nổ ran xa gần. Con đường tối nhấp nhô bóng người. Những cô con gái cười rúc rích. Chung quanh là đêm. Trên đầu, sao lấp lánh trên lá cây lẫn nền trời. Năm mới bắt đầu, và với sự mới mẻ ấy, một hi vọng non, như mầm lộc nẩy nở trong lòng người.

Hồi tôi còn nhỏ, đi hái lộc ở chùa làng tôi, thường hay gặp một bà cụ già. Lúc ấy, bà cụ bận một cái áo mà tôi đoán chừng là cái áo đẹp nhất của bà cụ, một chiếc áo bông cũ, vá đụp không biết bao nhiêu mảnh. Bà cụ tươi như bông hoa, vừa đi vừa nói chuyện, thỉnh thoảng dừng lại để nhổ quyết trầu. Và lúc hái xong, bà cụ vái vọng tứ phương nét mặt hoan hỉ như sắp được sống những ngày sung sướng lắm.

Cứ mỗi năm, tôi được gặp bà cụ vào đêm giao thừa. Bà cụ mỗi tuổi một già thêm và tôi nhận thấy chiếc áo bông vải bà cụ một ngày một nhiều mụn vá hơn và đến mấy năm sau đây, thì tóc cụ đã bạc phơ và áo đã rách. Nhưng cụ vẫn vui vẻ hái lộc, và vẫn vái vọng tứ phương, trên mặt hiện đầy hi vọng.

Một năm, tôi không thấy cụ đến. Tôi in trí rằng bà cụ đã chết. Nhưng mấy hôm sau, tôi hỏi người vú, mới biết là bà cụ

trong năm nghèo khổ qúa, con chết, phải sang ở nhà cháu. Và đêm giao thừa vừa rồi, bà cụ ốm nặng không dậy được, than thở mãi với cháu :

- Tội nghiệp ! Năm nay, già không đi hái lộc được.

Dừng một giây, Tường nói tiếp :

- Ai muốn bảo sao thì bảo, người ta không bao giờ tuyệt vọng hết.

HOÀNG ĐẠO

Văn hóa ngày nay, T. 9, S, 1959, trg 85.

THỦY TIÊN

Hồi tôi còn ở nhà quê, tôi có quen một người tên là Thanh. Anh rất thích chơi thủy tiên, năm nào cũng đến cuối tháng Một là anh không quên ra Hà Nội mua thủy tiên về để chật cả phòng ngủ.

Thanh vốn nghiện và lười, ngày thường chỉ nằm dài bên cạnh bàn đèn. Nhưng lúc anh mua thủy tiên về, thì anh rất chịu khó. Anh ta chọn những củ mập mạp và nhiều giò cất đi, để tự tay anh tỉa lấy. Rồi ngày ngày anh ta dậy thật sớm, tỉa và rửa thủy tiên, tuy nước lạnh làm cóng cả mười ngón tay. Đến hôm mồng một tết, anh đếm từng bông hoa nở và năm nào thủy tiên nở nhiều và đều, thì không còn tìm đâu thấy một người sung sướng bằng anh.

Nhưng mà Thanh sa sút dần. Và mỗi năm, tôi thấy anh mua thủy tiên một ít đi. Về sau, tôi theo thầy mẹ tôi lên tỉnh ở và từ đây tôi không gặp anh ta nữa, cũng không biết đời sống của anh ta ra làm sao.

Năm ngoái, nhân về quê thăm họ hàng, tôi được tin Thanh nghèo lắm, đã bán hết cả gia tài, về ở một túp lều tranh ở cuối chợ. Tôi hỏi thăm đến nhà chơi. Tôi không nhận ra anh ta được nữa. Thanh đã già hẳn đi, má hóp, mắt sâu, và cặp môi thâm nhợt như môi người nghiện nhịn hút đã lâu. Trông thấy tôi, anh mừng rỡ rồi hai người đem chuyện cũ ra nói với nhau. Anh ta phàn nàn, than thở rằng bây giờ nghèo túng qúa, mồng một tết mà cả nhà chỉ còn một bát gạo ăn. Tôi cũng ái ngại hộ anh ta. Bỗng tôi chợt thấy trên bàn thờ gỗ mộc một củ thủy tiên hoa nở đầy trong một cái chậu

sành nhỏ. Thanh cũng đưa mắt theo tôi, âu yếm nhìn hoa thủy tiên, tươi cười bảo tôi :

- Bây giờ, tôi gọt khéo hơn trước nhiều, anh ạ. Năm nào hoa cũng nở đúng ngày mồng một.

Anh ta bỗng dừng, mắt mơ màng nhìn vào quãng không.

Tôi man mác nghĩ thầm :

- Tình yêu hoa hay lòng thương tiếc một quãng đời thiếu niên đầm ấm ?

HOÀNG ĐẠO

Văn hóa ngày nay, T.9, đd, trg 111-112 .

HỘP KẸO

Hôm ba mươi Tết, Tân sung sướng lắm. Chú Tân ở Hà Nội về, mua cho anh em Tân mỗi người một hộp kẹo xinh xắn, buộc một sợi dây vàng lóng lánh.

Tân cầm ngắm nghía, coi như một vật qúy, hơn cả pháo, cả đôi giày mới của cậu, cả bánh chưng, mà cậu rất thích ăn. Cậu nâng niu không dám ăn, mở ra vội sợ làm hỏng mất cái nếp giấy buộc ngay ngắn, để thừa ra hai cái tua vàng.

Tân đi chơi đâu cũng đem hộp theo. Đến chỗ nào, trẻ con cũng thì thầm bảo nhau :

- Nó có cái hộp đẹp qúa, chúng mày ạ.

Rồi chúng xúm đông xúm đỏ chung quanh Tân để nhìn cái hộp kỳ lạ. Tân sung sướng, chìa cho chúng xem, bảo :

- Hộp kẹo tây đấy !

- Kẹo tây à ? Chắc là ngon lắm.

Và cả bọn nhìn Tân một cách ghen tị.

Sáng hôm mồng một, Tân theo cha sang nhà ông Lý. Tân mong mỏi đợi lúc ấy để đem hộp kẹo đến khoe với Đào, bạn học của cậu.

Sang đến nơi, thấy Đào ốm, Tân chạy vào hỏi thăm.

Đào trông thấy bạn cầm cái hộp kẹo, hỏi :

- Anh cầm cái gì đấy ?

Tân đưa hộp kẹo cho Đào xem. Đào cầm lấy nhìn, nức nở khen từng tí một :

- Ồ, cái hộp đẹp qúa. Cái dây vàng nhỉ ! Còn cái gì vẽ trên nắp hộp này nữa.

Đào thích qúa, ngồi nhỏm dậy, giơ hộp ra chỗ sáng xem cho kỹ:

- Nó vẽ con mèo ôm hộp bánh, anh ạ. Giống qúa, y như con mèo thật. Thích nhỉ ?

Tân nhìn bạn ngắm nghía hộp kẹo một cách thèm thuồng như tự bảo thầm :

- Giá ta được cái hộp đẹp này.

Ngắm nghía mãi, Đào mới trù trừ đưa hộp trả Tân, rồi nằm xuống, se sẽ thở dài.

Tân nhìn bạn nằm một mình nghĩ ngợi. Bỗng cậu để cái hộp cạnh giường Đào, từ giã bạn. Đào gọi với lại :

- Này, anh quên mất hộp kẹo rồi.

Tân đã ra đến cửa buồng quay lại :

- Thế à ? Thôi anh giữ lấy mà chơi, tôi không thích lắm. Mai anh đổi pháo cho tôi, tôi thích hơn.

... Chiều hôm ấy, ăn cơm xong, Tân và các anh ngồi xúm chung quanh chú, nghẹ chú kể chuyện cổ tích. Không thấy Tân cầm hộp như các anh, chú Tân hỏi :

- Hộp kẹo chú cho đâu, Tân ? An hết rồi cơ à ?

Tân ngập ngừng trả lời :

- Không ạ.

Chú hỏi gặn, Tân phải thú thực, trong lòng chỉ thấp thỏm lo chú mắng. Nhưng Tân vui vẻ khi thấy chú ôm vào lòng nói nựng :

- Cháu tôi ngoan qúa !

HOÀNG ĐẠO

Văn hóa ngày nay, T. 9, đd, trg 71-72.

CHIẾC ÁO MỚI

Tôi nhớ hồi tôi còn bé hay sang hàng xóm chơi. Ở sát ngay nhà tôi là túp lều của chị Nhiêu. Chị nhà nghèo, bán rau cỏ kiếm ăn và nuôi mấy đứa con bẩn thỉu, lở ghẻ đầy người. Chiều ba mươi tết năm ấy, mẹ tôi may cho tôi một cái áo kép bận tết. Tôi sung sướng chạy sang nhà chị Nhiêu để khoe. Đến nơi, tôi thấy chị đang ngồi ở dưới bếp thổi cơm. Tôi chưa kịp nói thì thằng con nhỏ chạy vào hớt hơ hớt hải :

- Có ai hỏi gì u ấy, u ạ.

Chị Nhiêu xị mặt xuống, lẩm bẩm gật :

- Còn ai hỏi gì nữa, lại mẹ con chính nó cho người xuống đòi nợ thôi.

Chị chưa nói xong thì ngoài nhà đã có tiếng quát tháo chửi rủa. Chị Nhiêu bưng mặt, ngồi thu hình lại, cố chịu không trả lời. Những tiếng the thé của giặc nô, chị vẫn không xót một câu.

- ... Ăn không ăn hủy của người ta, lạy van người ta lấy về mà ăn cho nhiều, tống cho nhiều vào.

Chị Nhiêu sụt sùi kể lể :

- Nào có nhiều gì cho cam, chỉ có hai đồng bạc mà lãi đã qúa vốn rồi. Bao giờ cho tôi thoát nợ, hỡ trời !

Cái đĩ nhỏn ngồi cạnh mẹ, vẻ mặt sợ hãi, nói :

- Chịu khổ nốt hôm nay thôi, u ạ.

Tôi cũng chen vào:

- Thế chị đừng vay, có được không chị ?

Chị Nhiêu nghe nói càng gục đầu vào gối, nức nở khóc. Tôi lấy làm lạ, định hỏi nữa thì cái dĩ nhớn trả lời :

- Khốn như nghèo thì biết làm thế nào được.

Tôi yên lặng suy nghĩ, và tự hỏi không biết tại làm sao tôi lại giàu có, mà chị Nhiêu lại nghèo túng đến nỗi có hai đồng bạc mà không trả được. Một lát sau, hai đứa nhỏ của chị khóc ầm lên, chạy lại mếu máo. Thằng cu nhỏ tay cầm một cái tranh chuột, khóc nức nở :

- Sao con lại có cái tranh nhỏ, anh Tý lại có cái tranh to, hở u ?

Chị Nhiêu ẩm con vào lòng, nói nựng :

- Để rồi u mua cho con cái tranh khác to hơn.

Thằng con nhỏ chỉ vào người tôi :

- U mua cho con cái áo đẹp như của cậu ba kia.

Chị Nhiêu chớp mắt nhìn tôi. Tôi không bao giờ quên đôi mắt của chị ngụ bao nhiêu ý thèm muốn, ghen tị; tự nhiên tôi thấy ngượng muốn đem giấu cái áo mới đi.

HOÀNG ĐẠO

Ngày Nay, số 96, ngày 30 Janv.1938, trg 31.

MỘT CƠN GIÓ

Truyện ngắn của ***Hoàng Đạo***

Một cơn gió luồn vào manh chiếu, khiến Nứa chợt tỉnh giấc Chừng đương mê man trong sự dịu dàng, Nứa cố nhắm mắt lại để nối tho giấc mơ còn dở dang, nhưng hơi lạnh của buổi sớm đã thấm vào hai vai. Nứa cuốn chiếu chỗi dậy. Thế là cũng như mỗi buổi sáng đã qua, một nỗi buồn nản mênh mông tràn ngập cả tâm hồn. Ánh sáng lạnh lẽo của bình minh láng khắp gian nhỏ, lụp xụp, nhắc Nứa đến nỗi lo hằng ngày. Cái cảnh cùng quẩn hiện thành hình trước mặt. Nứa nhìn cái chõng tre đã gãy mất một chân, cái bàn thờ gỗ tạp đã mọt, trên đó trơ trọi một cái bát hương mẻ đầy tro, lẳng lặng thở dài. Ở một góc nhà, lờ mờ trong bóng tối là một cái mâm gỗ. Bấy nhiêu đồ đạc bán đi không ai mua, không có chút giá trị gì nữa, chỉ còn đem mà dùng củi đun.

- Nhưng đun gì bây giờ ?

Ý nghĩ ấy khiến Nứa mỉm cười chua chát. Đã ba hôm nay, trong nhà không còn được một hột gạo, một bát cám. Đấu gạo chẩn Nứa lĩnh được ở huyện lỵ, đã dùng hết từ lâu rồi. Mỗi ngày, hai vợ chồng chỉ húp một bát cháo loãng và đã sống như vậy trong nửa tháng trời. Đến bây giờ thì hết. Chàng thấy cái đói đến thắt ruột và sự mệt mỏi đọng lại trong tứ chi.

Bỗng có bóng người từ ngoài đi vào.

Một người đàn bà da thịt nhăn nheo, thấp và gầy, mặt xanh nhợt vì ốm đói. Nứa thấy vợ, chăm chú hỏi :

- Thế nào ?

Bác Nứa gái lắc đầu không nói gì, lẳng lặng ngồi bên cạnh chồng. Lát sau, bác thỏ thẻ :

- Nhà nào cũng hết cả gạo. Còn bà Ba thì bà ấy bảo nợ của bà ấy nhiều rồi.

Bác ngừng lại, thở dài :

- Giờ thì chỉ còn liều vậy.

Nứa nghĩ ngay đến việc ra Hà Nội kiếm ăn. Nhưng bác không trả lời vội, ôm đầu suy nghĩ. Ý tưởng ấy, hai vợ chồng bác bàn nhau đã lâu, nhưng cứ lần lữa ngày này sang ngày khác không quyết định. Bỏ những cảnh vật quen biết chung quanh, bỏ làng mạc để đi đến sự bất trắc, đi đến một nơi mà bác cho là đầy bí mật, đầy cạm bẫy. Nứa cảm thấy bàng hoàng một nỗi lo sợ như người sắp ngã xuống giếng sâu. Nhưng bây giờ thì không thể dừng được nữa. Ở nhà quê, những ngày lụt lội, thì sống làm sao để đợi những ngày mùa ấm áp.

Những ngày mùa ! Nứa nghĩ đến như thoáng ngửi thấy hương thơm của những bông lúa non, cánh sắc và đầy nhựa. Những ngày vui vẻ, đầm ấm của đời người nông phu. Những bó lúa thơm bác gặt, bác biết là không phải của mình, nhưng không vì thế mà bớt sung sướng, những bó lúa ấy đối với bác là tiêu biểu những ngày no ấm, những ngày làm cho bác quên nỗi khó nhọc, vất vả quanh năm.

Nứa rùng mình. Bác chợt nhớ đến ngày hôm nay với sự thiếu thốn, sự đói kém trước mắt.

- Liều... Ừ, thì liều. Ra ngoài ấy may còn kiếm được miếng ăn. Ở nhà ngữ này thì cũng đến chết đói hết.

#

Lúc vợ chồng Nứa ra đến cổng làng, mặt trời đã lên khỏi ngọn tre. Gió từ ngoài đồng rộng lùa vào con đường cỏ, hai bên trồng duối.

Trên trời, một màu xanh qúa sức tưởng tượng, mấy đám mây trắng thong thả trôi. Ánh nắng bay phấp phới trên ngọn cây. Đâu đây, tiếng chim hót trong như những giọt sương còn đọng trên cỏ. Một ngày tươi sáng của mùa thu như ca ngợi sự vui sống ở đời. Hai vợ chồng Nứa không cảm thấy sự mỉa mai đau đớn của cảnh vật, cắm đầu bước. Hai người lẳng lặng, cùng theo đuổi một ý nghĩ buồn rầu. Cuộc đời của hai vợ chồng cặm cụi vất vả từ thuở nhỏ, nhưng hai người không lấy thế làm đau khổ vì đã quen đi rồi. Cái nghèo nàn theo đuổi vợ chồng bác không biết từ bao giờ; suốt năm, hai người không lúc nào nghỉ, lúc nào cũng đi làm mướn để kiếm miếng ăn, mà vẫn không sao đủ. Những ngày hè nóng nực, lau mồ hôi ngoài đồng ruộng phơi dưới ánh nắng gắt; còn mùa đông hai vợ chồng chỉ nhớ những cơn gió rít qua, lạnh như xé thịt. Nứa trở nên sớm già, da màu do sạm, còn vợ thì chưa đến ba mươi, nét mặt đã nhăn nheo như một bà già. Bữa đói bữa no, cuộc đời của hai vợ chồng cứ thế mà lặng lẽ đi qua.

Nhưng đấy là những ngày sung sướng.

Nứa vừa nhìn cánh đồng lúa non vừa nhớ tiếc cái đời đã qua khổ cực nhưng còn tạm no ấm. Và buồn rầu nghĩ đến hiện tại. Nứa thấy lòng se lại khi nhìn thấy ở bên đường những ruộng đầy cát già. Bác vừa nghĩ đến trận lụt xảy ra ba tháng trước. Trong đầu bác như còn vang tiếng trống hộ đê, đều, đều, hồi hộp như tiếng tim đập của một sinh vật; tâm hồn bác còn bàng hoàng như cảm thấy hết nỗi kinh khủng của dân quê khi nghe tiếng nước réo từ xa lại. Cái đêm hôm ấy, mưa dầm, gió lạnh tưởng không bao giờ Nứa quên được. Còn những ngày hôm sau là những ngày vui vẻ. Nước mênh mông lấp lánh dưới ánh nắng, Nứa thấy trong lòng vui vẻ

trước sự thay đổi mãnh liệt ấy, quên đi rằng sắp sửa đến sự đói cực, cứ mải miết bơi thuyền và câu cá. Mươi ngày sau, bao nhiêu nỗi vui đã chìm xuống dưới nước để chỗ lại cho sự đói. Hai vợ chồng lội suốt ngày để kiếm miếng ăn, nhưng lụt lội thế này còn có ai thuê mướn nữa. Những ngày nhịn đói dần dần liên tiếp nhau không dứt... Những hình ảnh buồn rầu của ký vãng luôn luôn ám ảnh trí nghĩ của hai vợ chồng. Một chiếc xe ô tô vụt qua, nhanh và êm. Nứa giật mình, tránh ra một bên. Bác thoáng trông thấy trong xe những màu lộng lẫy và chợt nghĩ đến những người sang trọng ở tỉnh thành, sống một đời mà bác tưởng là êm đềm sung sướng không biết thế nào. Bác không thèm thuồng hay ghen tị, bác chỉ thấy hi vọng ùa vào trong lòng. Những người sang trọng ấy sẽ là ân nhân của bác, sẽ hiểu tình cảnh của bác và tìm việc cho bác làm. Hai vợ chồng sẽ được no ấm, những ngày mệt lả đi vì đói rét sẽ không bao giờ trở lại nữa. Hà Nội, đối với bác,không còn có vẻ xa lạ; thành phố ấy bỗng trở nên thân mật, âu yếm... Đến lúc trong ánh sáng chiều nhạt, bác trông thấy những chấm đỏ ấm áp của dãy đèn điện xa như hứa hẹn những ngày vui vẻ không ngừng. Nứa khoan khoái quên cả mệt nhọc của một ngày đường.

#

Hai vợ chồng đến Hà Nội thì trời vừa tối. Bấy giờ mới thấy mệt. Mệt và đói. Nứa rùng mình như muốn lên một cơn sốt. Nhưng bác không lo sợ gì nữa, bác cảm thấy trong lòng vững vàng như tàu đã tới bến. Ngày mai, ngày kia bác sẽ quên hết những nỗi cơ cực cũ, để sống một đời mới, đầy đủ, no ấm. Mặc dầu đói, mệt, bác sung sướng ngả lưng trên manh chiếu, dưới gầm cầu sông cái, nhìn sao lấp lánh trên trời như những ngọn đèn của một thành phố xa xôi nào.

Sáng hôm sau, bác muốn dậy thật sớm để đi tìm việc, nhưng bác thấy đầu nặng và nhức, chân tay mỏi và nóng hâm hấp. Lúc

ấy, bác Nứa gái đã thức giấc, nhổi bó gối nhìn mấy chiếc buồm in hình lờ mờ lên chân trời trắng sương. Thấy chồng dậy, bác quay lại:

- Anh đã tỉnh đấy à ? Đêm qua, anh nói mê luôn mồm.

Nứa buồn rầu, đáp :

- Tôi hơi sốt.

Bác Nứa gái chép miệng, không có một lời than thở. Bác cho là cái vận hạn phải như thế; bao nhiêu những sự khốn khổ dồn dập đến là đã tiền định cả rồi, kêu ca cũng vô ích. Bác đành để chồng nằm đấy, còn một mình bác đi kiếm việc hay đi xin được miếng cơm ăn đỡ đói lòng.

Mãi đến trưa, Nứa mới thấy vợ về, đem một nắm xôi nhỏ với một ít vỏ khoai. Bác nghe vợ kể lại những nỗi khó khăn ở dọc đường và thấy thấm thía dần vào tâm hồn nỗi lo sợ bàng hoàng.

- Anh cứ nằm đây để tôi cố đi buổi chiều hôm nay xem sao.

Nứa nằm đợi, chán nản. Thời giờ đi rất chậm. Mấy giờ rồi, Nứa không biết nữa. Hình như bác nằm liệt ở đây đã lâu lắm, từ đời kiếp nào. Bỗng có tiếng ồn ào ở sau đê. Bác giật mình. Bác vừa trông thấy vợ tất tưởi chạy lại, mặt nhợt nhạt trong ánh chiều. Gần đến bên Nứa thì cái gói bác gái nắm trong tay tuột rơi xuống đất. Bác gái vội vàng cúi xuống nhặt. Nhưng ngay lúc đó, một người cảnh sát chạy đến. Bác Nứa gái sợ hãi, kêu thất thanh, nhưng chưa kịp chạy đã bị bắt rồi. Một câu nói bẩn, một câu chửi rủa:

- Ngữ này thì ông cho mọt tù.

Bác Nứa gái nức nở van xin. Nứa cũng cố lê dậy, tìm những lời tha thiết. Nhưng nét mặt của người cảnh sát vẫn thản nhiên :

- Thôi, đi lên bóp, allez !

- Bẩm, nó rơi xuống đất thì con nhặt, chứ con có lấy của ai đâu. Chúng con đói qúa rồi, ông thương cho.

Người cảnh sát cau mặt lại, gắt một câu rồi kéo người đàn bà đi. Nứa nắm áo vợ kéo lại, thì bị một gậy vào đầu, choáng óc :

- Có bỏ ra không, ông đánh chết bây giờ !

Nứa đau điếng người đi, ôm đầu nhìn vợ bị kéo dần vào bóng tối. Trong lòng bác, sự phẫn uất đã lên đến cực điểm. Bác nghẹn ngào nhìn nhìn ánh đèn điện bắt đầu sáng như một kẻ thù. Bao nhiêu nỗi hằn học, tức tối nổi dậy trong tâm hồn, làm mất Nứa sáng lên như mất con thú dữ. Một chiếc bánh rơi nhặt lên để ăn trong lúc đói mà bị bắt, rồi bị tù tội, bác coi như một sự bất công ghê gớm. Trước mặt bác , hiện ra cảnh nhà tù, hôi hám, khổ sở đến cực điểm...

Bỗng Nứa thấy rùng rợn. Những cơn lạnh theo nhau lướt trên da bác. Mệt mỏi, bác nằm vật xuống đất. Mắt bác hoa lên, bụng đói như cào ruột. Bác thấy náo nức như muốn khóc, nhưng không khóc lên được. Trên trời xanh, sao vẫn lấp lánh như ánh sáng của thế giới tươi đẹp. Đến nửa đêm, Nứa lên cơn mê sảng rồi chết.

#

Ngày hôm sau, trong các báo hàng ngày người ta thấy đăng trong mục việc vặt một tin ngắn :

- Sáng hôm nay, sở cảnh sát tìm thấy xác một người nhà quê không có căn cước gì cả. Không có vết tích gì khả nghi, nên đã cho đem xuống nhà xác.

Đó là bài diễn văn khóc Nứa.

Còn việc bác Nứa gái ăn cắp bánh, không thấy ai nói đến cả, vì những việc như thế xảy ra hàng ngày...

H. Đ.

Ngày Nay, số 129, ngày 24 Sept. 1938, trg 7-8.

ĐI THĂM TRẠI ÁNH SÁNG

Một buổi sáng mùa xuân. Ánh nắng mới nhuộm hồng những thân cây trắng. Vài con nhạn ở đâu về, lanh lẹn đuổi nhau trên không, in hình trên nền trời xanh sáng. Tôi cùng vài người bạn, thong thả đến thăm một trại Ánh Sáng ở ngoại ô Hà Nội.

Trại Ánh Sáng làm ngay ở ven đường, trong một khu đất rộng, đứng xa trông như một làng đỏm dáng đã chặt hết lũy tre dài và tối. Màu tươi của những căn nhà gọn gàng nổi bật lên trong đám cây xanh. Đây, đó, một vài nét chấm phá hoặc đỏ thắm, hoặc tím nhạt hay trắng tinh: màu hoa.

Vui vẻ, chúng tôi lần theo dậu giăng thấp và xén đều đến một cái cổng lớn, kiểu giản dị, trên đề mấy chữ: "Trại Ánh Sáng". Bước qua cổng là vào trong trại. Một lũ trẻ đương nô đùa, thấy chúng tôi, dừng lại và ngạc nhiên nhìn. Mặt mũi sáng sủa, chúng ăn bận lại sạch sẽ, tinh tươm nên trông dễ yêu lắm. Đứa nào cũng hồng hào, khỏe mạnh, lộ ra vẻ vui tươi sung sướng. Một đứa nhỏ hơn cả, chạy vội vàng về một căn nhà gần đấy núp sau lưng bà cụ già, đương ngồi nhai trầu dưới mái hiên.

Bà cụ ôm đứa trẻ vào lòng, rồi ngước mắt nhìn chúng tôi :

- Mời các ông vào chơi. Kìa cháu ! cống hỉ các ông đi.

Chúng tôi dừng chân lại, rồi lân la câu chuyện, bà cụ kể cho chúng tôi nghe đời ký vãng của bà cụ, đời khổ cực của một người phu hồ.

Trong lúc ấy, chúng tôi nhìn dãy nhà lá sáng sủa của trại,

thầm khen vẻ đẹp đơn giản của những mái rạ phẳng phiu, của những bức tường cao, của những mái hiên rộng. Nhà nào cũng làm trên nền cao ráo, trong một cái vườn nhỏ trồng rau, trồng hoa. Thỉnh thoảng một cây cau thẳng vọt lên, những tàu lá xanh non lấp loáng ánh mặt trời.

Bà cụ nói:

- Đời tôi bây giờ đơn giản lắm. Thầy cháu và u cháu đi làm, còn tôi ở nhà trông nom các cháu. Nhờ trời phật phù hộ, từ khi về trại này, chúng nó được khỏe mạnh, cả tôi cũng ít sinh chứng nữa. Có lẽ vì đất ở đây lành...

Chúng tôi cười. Bà cụ không có thể tưởng tượng ra được rằng con cháu khang kiện là nhờ ánh sáng, nhờ vệ sinh, nhờ nơi ăn chốn ở rộng rãi, sạch sẽ cao ráo. Bà cụ cứ yên trí là nhờ trời, nhờ phật, nhờ đất... Nhưng bà cụ bằng lòng, và vui sướng là được rồi.

Chúng tôi từ giã bà cụ đi nơi khác. Đâu đâu, chúng tôi cũng thấy đầy ánh sáng. Nhà nào cũng sạch sẽ, không có chút bụi. Bàn ghế lau chùi bóng loáng, giường nằm sáng sủa, bếp nước gọn ghẽ. Ruồi muỗi tịnh nhiên không có. Mà cũng không có những đống rác ngổn ngang, những ao tù nước đọng đen dưới lượt bèo tấm.

Này đây là thư viện của trại. Một căn nhà giống các nhà khác, nhưng rộng rãi hơn. Sách xếp từng hàng trong tủ. Một vài người thợ nghỉ việc ngồi đọc nhật trình và đọc sách. Phòng bên cạnh dùng làm nơi diễn đàn; ở đấy, mỗi buổi tối thợ thuyền đến dạy lẫn nhau hay đến nghe những tiếng đàn du dương của máy truyền thanh.

Kia là nhà hộ sinh của trại. Một tòa nhà rộng, sáng và sạch. Chúng tôi bước vào, cảm thấy êm tĩnh lạ thường. Tiếng trẻ thỉnh thoảng khóc càng làm tôn thêm vẻ êm tĩnh ấy. Trên những giường, màn nệm trắng tinh, các bà mẹ tốt phúc đương yên tâm nằm tĩnh

dưỡng. Trước cảnh tượng ấy, sự liên tưởng khiến tôi nghĩ đến những người ở trong những căn nhà tối tăm, hôi hám. Và trước mặt tôi, hiện ra một bà mụ bẩn thỉu ngồi lom khom quạt một hỏa lò than khói bay nghi ngút.

Qua nhà hộ sinh là đến viện Bảo Anh. Những trẻ mồi côi hay cha mẹ đi làm vắng, đều đem gửi trong viện này. Lũ trẻ, lớn thì ê a như trong một lớp học nhỏ, nhỏ thì nô đùa hay vần những chữ gỗ to cũng gần bằng chúng.

Xa hơn nữa là sân vận động của thợ thuyền trong trại. Ở đây những ngày nghỉ, họ sẽ thở lấy một chút không khí thanh khiết, họ sẽ nhảy, chạy, đá bóng... cho bỏ những buổi cặm cụi trong mùi dầu mỡ những xưởng máy hôi hám.

Chúng tôi lần theo những dậu dâm bụt nhỏ và thấp, đi hết nhà nọ tới nhà kia, trong lòng như ca một khúc nhạc êm ái. Đến một nơi kia, dưới mấy cành trúc la đà, tôi dừng lại cầm lấy một bông hồng thắm. Mùi hương thơm phảng phất như mùi hương của cả trại...

... Bỗng tôi thấy hoa mắt. Mùi thơm bông hồng biến đổi ra mùi rác ẩm. Và trước mặt tôi, trại ánh sáng phong quang, đẹp đẽ không còn nữa. Tôi thấy, tôi đứng ở ven bờ sông Tô Lịch, nước bẩn và đen, mơ màng nhìn những con bọ loăng quăng trên những váng nước màu vàng úa. Ngước mắt lên, tôi giật mình: một người đàn bà bẩn thỉu, rách rưới, đương ngồi bắt chấy cho một đứa trẻ bụng ỏng, mặt gầy và xanh như tàu lá, ở bực cửa một túp lều tranh lụp xụp, ẩm thấp, đen tối, đương chiếu bóng xuống đáy sông...

HOÀNG ĐẠO

Ngày Nay, số 50, ngày 14 Mars 1937, trg 111.

TRUYỆN BỐN NGƯỜI

của KHÁI HƯNG, THẠCH LAM, HOÀNG ĐẠO và THẾ LỮ

I

Ở bốn góc cái sân dài, lát gạch hoa, đèn đỏ bật cùng một lúc trong bốn cái bóng lớn mờ và lấp ló sau những cụm lá mạch môn, như mặt trời sắp lặn in hình sau rặng tre đen, thưa lá.

Âm nhạc vừa cử. Tức thì ở khắp các bàn, ở khắp các xó, người lố nhố mọc lên. Y phục thâm, xám, nâu, trắng, lốm đốm, kẻ ô hoạt động xen nhau, trộn lẫn nhau. Đá sỏi lạo xạo kêu dưới những bước vội vàng, hấp tấp. Ai nấy chỉ nghĩ tới một việc, theo đuổi một mục đích: mời được, kéo được ra sân khiêu vũ một cô kỹ nữ.

Bọn này chiếm gần kín hàng bàn đặt dưới mái hiên và ngồi đá đưa chân, cùng nhau tán tỉnh chuyện gẫu. Biết mình là vật hiếm được người cầu đến, bất cứ mình đẹp hay xấu, họ thản nhiên chẳng để ý tới gì hết, như không nghe thấy âm nhạc bắt đầu, và tiếng giày nhộn nhịp, lộp cộp qua sân khiêu vũ. Tay uể oải chống cằm, mắt uể oải nhìn chân, hàm răng uể oải cười tình, họ uể oải đứng dậy trước cái ngả chào của một cái đầu bóng. Rồi họ uể oải để lọt mình vào trong những cánh tay qủa quyết hay ngập ngừng.

Cái sân, qúa hẹp đối với số người qúa đông vụt trở nên một lẳng hoa đủ màu sặc sỡ và kín đáo, loang loáng dưới ánh đèn điện, tựa những cánh hồng vàng, hồng đỏ, xao xuyến bay lộn trong đám lá dày dưới một cơn gió lốc.

Ở một cái bàn vuông đặt bên khóm cây lá gồi, bốn người, Tùng, Tạ, Thường, Thứ ngồi hút thuốc lá, trước những cốc cà phê đầy và lạnh ngắt.

Họ đưa mắt yên lặng nhìn nhau, khi thấy bọn khách làng chơi buồn rầu, bẽn lẽn về chỗ vì qúa chậm chạp không tranh được vũ nữ. Thời mới bén mảng đến tiệm khiêu vũ, cảnh tượng ấy, có lẽ, đã làm họ phải bật cười, nhưng nay quen mắt rồi, họ không cười được nữa. Có lẽ, nhiều lần chính họ đã lâm vào cảnh ấy, nên cái thẹn của người khác như nhắc tới cái thẹn cũ của họ, khiến họ không dám nhìn lâu vẻ mặt thất vọng và ngượng nghịu của những kẻ đi săn trở về tay không...

Đêm đã gần một giờ khuya. Nhưng người đến vẫn đông và người về chỉ lẻ tẻ. Nhà này là nơi nổi tiếng có nhiều gái lịch, mà hôm nay lại là tối thứ bảy đầu tháng, nên bao nhiêu khách ăn chơi Hà thành, đệ tử trung thành của thần khiêu vũ, đều nô nức kéo nhau tới, tựa các bà, các cô mê đồng bóng, tấp nập kéo nhau trẩy hội đền Mẫu vậy.

Chủ nhân, một chàng loắt choắt trong bộ quần áo xám, xun xoe chạy từ bàn nọ tới bàn kia, bắt tay người này một cái vội vàng, hỏi thăm người khác vài câu hấp tấp.

Đến bàn bốn người lạ lùng mà đã hơn hai tháng nay, tối thứ bảy nào chàn cũng gặp ở chỗ khuất ấy, chàng dừng lại mỉm cười lạnh lùng, cái mỉm cười khiếm nhã của chủ tiệm nhảy đối với những khách hàng ngồi hằng giờ trước cốc cà phê độc nhất giá lạnh. Chàng giơ ra ba ngón tay lần lượt bắt tay bốn người:

- Vẫn mạnh chứ ? Các ngài dùng gì nữa ?

Tùng yên lặng hất hàm trỏ vào cốc cà phê đầy. Rồi nhìn theo người chủ tiệm, chàng hỏi Thứ:

- Mấy giờ ?

Thứ thong thả móc túi lấy đồng hồ xem. Sau một cái ngáp mỏi mệt, chàng rời rạc đáp:

- Một giờ năm.

Tạ vừa ngáp theo, vừa nói:

- Một giờ hai mươi về nhé !

Thường cười nhạt nhẽo:

- Thôi, đúng một rưỡi cho tiện.

Tùng cười lại nhạt nhẽo hơn:

- Ừ, thì một rưỡi... Nhưng biết thế nào là tiện với không tiện?

Thứ, sau cái ngáp thứ hai:

- Tôi thấy lạnh rồi đấy.

Thường chìa gói thuốc lá rẻ tiền, mời:

- Lạnh thì hút một điếu thuốc lá cho ấm.

Thế là bốn người lại yên lặng thở khói, yên lặng ngắm những cặp trai gái quay lượn trong sân khiêu vũ.

*

* *

Bốn người theo những nghề rất khác nhau. Tư tưởng và tâm tình họ cũng không giống nhau. Và họ gặp nhau, thân nhau do một sự ngẫu nhiên, trong những trường hợp thực lạ lùng.

Tùng làm nghề viết văn, sau khi đã theo học một năm trong trường Luật Đông Dương. Một tối thứ bảy, sau mấy bước Tango, chàng cảm thấy yêu Lý, một vũ nữ. Và, ngồi trước hai cốc rượu

mạnh , chàng ngây thơ thú thực tình yêu với cô bạn nhỏ.

Nghe chàng nói những câu văn hoa, Lý cười như chế nhạo. Nhưng từ đấy, Lý chỉ khiêu vũ với chàng. Và lúc ra về, Lý thản nhiên hỏi:

- Anh ở phố nào, chẳng hạn ?

- Phố Trúc Bạch.

Nàng cười và vẫn giọng thản nhiên:

- Thế thì hơi xa... Hơi xa cho em. Từ đấy tới đây có lẽ đi mất đến nửa giờ, chứ chẳng chơi.

Tùng chưa kịp đáp, nàng đã nháy một bên mắt, nói tiếp một câu tiếng Pháp, giọng thành thạo: Car je suppose que vous n'avez pas encore votre auto.

Tùng ngượng ngập từ dáng dấp cho chí lời nói:

- Ý thế !

- Nhưng không hề gì. Hãy đi tạm xe tay, chẳng hạn.

Khi khoác tay Tùng ra tới cửa tiệm, nàng cất tiếng the thé gọi xe, rồi bảo hai anh phu kéo:

- Phố Trúc Bạch nhé !

Hai cái xe song song chạy sát nhau. Lý vươn ngang hai cánh tay, khoan khoái thở ra. Bỗng nàng nghiêng người sang phía Tùng, sửng sốt hỏi:

- Ô, chết ! Em chưa hỏi anh ở một mình hay ở với ai... Hoặc vợ hoặc cha mẹ chẳng hạn.

Tiếng chẳng hạn của cô bạn xinh xắn đã bắt đầu làm cho Tùng thinh thích.

- Anh ở chung với một người bạn, chẳng hạn.

Lý cười vô tư lự.

- Chẳng hạn thế. Nhưng bạn gái hay bạn... đàn ông ?

- Bạn đàn ông, chẳng hạn.

Lý lại cười:

- Không sao. Vì em không thích tình nhân em mọc sừng vì bạn đâu. Điều đó tối kỵ trong làng... phong lưu chúng ta.

Qủa nàng giữ lời cam đoan, không màng gì tới Bản, người ở chung nhà với Tùng. Sự thực thì người ấy đã có vợ và rất đứng đắn, hiền lành... Nhưng hai tuần lễ sau, nàng không về nhà Tùng nữa. Nàng đã đến ở với một tình nhân khác. Tùng đến tiệm khiêu vũ tìm nàng và thấy nàng đi với Thứ. Gặp tình nhân cũ, nàng niềm nở chạy lại bắt tay, rồi cười sung sướng, kéo chàng đến chỗ Thứ giới thiệu bông đùa:

- Anh Tùng, văn sĩ, bạn của em. Anh Thứ, tham tá, tình nhân của em.

Tùng lãnh đạm đưa bàn tay nóng bừng ra bắt. Chàng cố giữ mới không thốt ra một câu nguyền rủa. Nhưng chàng thề với chàng rằng thế nào cũng tìm dịp gây sự để tặng cho kẻ tình địch một cái tát ở ngay trước mặt cô vũ nữ đáng ghét.

Cái ý qủa quyết ấy, chàng chưa kịp thi hành thì một buổi tối thứ bảy đến tiệm khiêu vũ, chàng được tin Lý đã là tình nhân của một ông huyện trẻ tuổi ở gần Hà Nội, ông huyện Thường, người nổi tiếng là nhảy vụng và có những dáng điệu kiểu cách.

Đối với người tình thứ ba của Lý, Thứ còn độc ác hơn là trước kia Tùng đối với chàng. Ngoài những câu chế riễu, hỗn xược, khiêu khích thét vào tận mặt kẻ thù, Thứ còn ngầm xui giục và làm đơn hộ mấy người dân sinh tụng để họ bới móc kiện viên tri huyện tại phủ Thống sứ.

Nhưng lá đơn chưa kịp đệ, sự khiêu khích cũng chưa kịp thành trận ẩu đả, thì Lý đã đổi sang làm tình nhân người khác rồi.

Nàng ở với Thường được lâu hơn với người trước có một tháng mười ngày, tuy Thường có ô tô sang, lại thuê riêng nhà cho nàng ở, và hết sức chiều chuộng nàng, chẳng để nàng thèm muốn một thứ gì mà không sắm cho bằng được.

Kỳ thực, chàng vẫn thiếu một thứ mà chàng không ngờ, và người tình thứ tư của Lý có thừa thải: ấy là cái bước khiêu vũ và cái dáng dấp con nhà.

Nhờ về hai thứ đó, Tạ đã hứng lấy trái tim nàng trong năm hôm. Tạ là con nuông một ông điền chủ cự phú. Chàng hơn Tùng cái ô tô, hơn Thứ cái nhà lầu, hơn Thường cái bước khiêu vũ, nhưng lại kém cả ba người một thứ, tuy không cần thiết lắm, song đối với một cô vũ nữ cũng không hẳn là không đáng kể: Đó là cái trí thức, hay đúng hơn, nền học vấn hơi cao hơn một chút.

*

* *

Một tối thứ bảy, bốn anh tình nhân cũ của Lý gặp mặt nhau ở một tiệm khiêu vũ. Chẳng ai cần giới thiệu ai, bốn người thân thiết bắt tay nhau, rồi rủ nhau đến ngồi ở một cái bàn khuất sau khóm cây lá gồi.

Thế là tình bè bạn bắt đầu. Bốn người hẹn tối thứ bảy nào cũng gặp nhau ở đó, nhưng thề với nhau rằng không ai được khiêu vũ, chỉ ngồi nói chuyện gẫu cho tới giờ tiệm đóng cửa.

Hôm đầu, chủ tiệm còn đến thăm hỏi một vài câu lấy lệ. Nhưng khi thấy liền ba thứ bảy, bốn người chỉ gọi một cốc cà phê để ngồi lì cho tới cùng thì hắn sinh ghét, để mặc ngồi trong xó tối, chẳng thèm bén mảng tới bàn nữa. Đã có lần, thấy cốc cạn, hắn cho bồi lại hỏi xem họ dùng thức gì nữa thì họ đưa mắt nhìn nhau, rồi miễn cưỡng gọi bốn cốc cà phê khác mà ai nấy để nguội lạng không uống. Từ đó lại thêm một điều khoản mới trong cái chương

trình gặp gỡ của bốn người: là không ai đụng môi nhấp tới cà phê của tiệm khiêu vũ tuy bắt buộc vẫn phải gọi mỗi người một cốc. Còn thuốc lá thì tha hồ dùng, vì định lệ, mỗi người phải mang theo một gói đầy.

Một hôm suýt xảy ra một sự biến trong "tình bè bạn thứ bảy" của bốn người. Nhưng nhờ về lòng can đảm và tính qủa quyết, bốn người đã tránh thoát. Hôm ấy, Lý, mà họ thường gặp mặt, thản nhiên đến kéo ghế ngồi vào bàn bốn người, rồi chẳng một câu mở mào, nàng nói thẳng:

- Xin báo cho các anh biết rằng, em hiện không có tình nhân.

Bốn người đàn ông ngơ người liếc nhìn nhau. Nhưng Lý hỏi tiếp luôn:

- Các anh là bạn của nhau đấy chứ ? Chẳng hạn thế, phải không ? Vậy em khó lòng ở với anh nọ mà anh kia không mọc sừng được. Nhưng em có một cách rất giản dị: là các anh cho phép em làm tình nhân chung của cả bốn anh. Thế nào ?... Sao các anh câm như cá chép cả thế ?

Mặc nàng liếng thoắng, vui vẻ, bốn người giữ một thái độ hoàn toàn yên lặng. Lý như không để ý đến, nói luôn:

- Một nhà phóng sự trứ danh của tờ báo kia có viết một câu rất đích đáng: "Muốn chiếm trái tim một cô vũ nữ, cần phải có ba thứ này: đẹp trai, - đẹp vừa vừa thôi, chứ không cần đẹp nhiều qúa quất, - nhiều tiền, - và biết khiêu vũ, - biết nghĩa là biết đến nơi đến chốn, chứ biết như anh Thường thì vẫn là không biết tí nào... Rõ tội nghiệp ! Vậy thiết tưởng giá bốn anh mà họp lại thì sẽ là một tình lang hoàn toàn của một cô vũ nữ... như em... chẳng hạn.

Tùng đứng dậy thong thả gọi bồi, vứt hai đồng hai trả tiền cà phê, rồi kéo bạn ra về. Sau lưng, một nụ cười thắng thắn và câu

tiếng Pháp kiểu cách của Lý:

- Eh ! Pas d'affectation ridieule ! Voyons, meschéris ! (Này ! Đừng làm bộ làm tịch, khả ố lắm, các anh yêu qúi ơi !).

II

Bốn người làm ngơ như không nghe tiếng, đi đến cửa tiệm rồi bước ra ngoài. Đêm khuya vắng tanh và yên lặng trên đường phố, khiến họ có cái cảm giác vừa rời bỏ một thế giới khác thường: tiếng âm nhạc trong phòng khiêu vũ bỗng như yếu đi, như ở một nơi xa xăm nào đưa lại.

Bốn người yên lặng đi đều nhau, không ai nói gì. Nhưng hình ảnh yểu điệu của Lý vẫn phảng phất trong trí họ. Một lát, Thường mới cất tiếng nói:

- Cái con Lý ấy, thật không biết dơ.

Thứ tiếp theo:

- Trơ trẽn lạ.

Tạ thêm:

- Đáng ghét lắm.

Còn Tùng thì tóm lại cảm tưởng chung của cả bốn người:

- Khó chịu vô cùng.

Thường lại nói:

- Từ giờ trở đi, tôi không bao giờ còn mời hắn khiêu vũ nữa.

Thứ biểu đồng tình:

- Tôi cũng vậy.

Tạ theo:

- Tôi cũng thế.

Tùng lưỡng lự chưa kịp nói, thì ba người kia đã nhao nhao:

- Còn nhà văn sĩ thế nào. Định về bè với con đáng ghét ấy chắc ?

Tùng vội vàng cãi:

- Không, không, không khi nào. Tôi cũng làm như các anh.

Mọi người reo to. Thường nói:

- Vậy nhất định tẩy chay con Lý. Không người nào còn được để ý đến nó nữa. Anh em cũng biểu đồng tình chứ ? Vậy xin thề đi nào.

- Phải đấy.

Bốn người bèn đứng dừng lại, cùng nghiêm nghị giơ tay ra phía trước mặt rồi đồng thanh nói:

- Xin thề.

Xong, họ bắt tay nhau thật chặt để cho cuộc thề thêm long trọng.

Mấy anh phu xe nghe tiếng tưởng có khác gọi, vội vàng tranh nhau xô lại, nhưng đến khi thấy bọn họ lắc đầu, ai nấy đều chưng hửng lủi dần về chỗ cũ.

Trên trời cao và đen thăm thẳm, ngôi sao Lang lấp lánh sáng như nhấp nháy nhìn vào bốn người.

*

* *

Từ hôm đó trở đi, bốn người đều giữ lời hứa. Mỗi khi Lý mon men đến bàn họ ngồi để tán chuyện đều thấy bốn cái mặt lãnh đạm và yên lặng như mặt đá. Mặc Lý muốn nói gì thì nói, bốn người đều ngậm miệng không ai trả lời. Lý phải phát gắt:

- Ồ, các anh câm hay làm sao thế ? Ai bắt mất vía các anh rồi

mà ngồi yên như phỗng cả một lượt vậy ?

Vẫn yên lặng. Lý tức giận vừa quay đi vừa lẩm bẩm:

- Ồ, làm bộ rõ đáng ghét.

Lúc bấy giờ, bốn cái miệng mới hé ra để cùng trả lời:

- Chẳng hạn thế.

Rồi họ đưa mắt nhìn nhau nhếch mép cười, và cùng thở khói thuốc lên trần nhà một cách rất tự đắc.

Và cứ như thế, buổi tối thứ bảy nào họ cũng đến tiệm khiêu vũ, cũng ngồi cùng một bàn, cũng lãnh đạm nhìn Lý như không biết đến nàng, và hết sức săn sóc đến các vũ nữ khác cho nàng tức. Nhưng Lý cũng chẳng phải tay vừa: họ càng lãnh đạm bao nhiêu, Lý càng ra vẻ thân mật bấy nhiêu, tuy không đến ngồi gần nói chuyện, nhưng lúc nào cũng luôn luôn liếc mắt rất tình tứ lại phía họ và nở những nụ cười rất có duyên trên đôi môi thắm của nàng.

Cuộc kình địch cứ như vậy kéo dài hơn hai tháng. Thế rồi một buổi chiều kia, Thường và Thứ đương ngồi uống ước chanh ở bờ hồ thì Tùng ở đâu chạy lại, vẻ mặt hớt hãi như có việc gì quan trọng mới xảy ra. Chưa kịp ngồi xuống, Tùng đã hấp tấp nói:

- Các anh biết chưa ? Biết việc Tạ chưa ?

- Tạ làm sao ?

- Tạ với con Lý ấy mà. Nó thuê nhà cho con Lý ở, các anh ạ.

Thường và Thứ giương mắt nhìn nhau, sửng sốt.

Một lát Thường hỏi:

- Có thật không ? Làm sao anh biết ?

- Có người nói với tôi từ hôm qua. Mới đầu, tôi còn không tin; sau họ nói rõ phố và số nhà, tôi bèn lảng qua xem. Qủa nhiên thấy con Lý với thằng Tạ ở trong ấy thật. Chúng nó thuê cái nhà xinh đáo để, anh em ạ.

Tùng kể xong, ba người cùng nhìn nhau, không nói được gì. Sự giận dữ làm cho họ nghẹn ngào. Sau cùng, Thứ mới lẩm bẩm:

- Hừ... Cái thằng ấy gớm thật. Thế mà cũng thề với thốt. Ra nó giả vờ thế để đánh lừa chúng mình.

Tùng nói:

- Tôi có ý nghi ngay mà. Hôm chúng ta bảo thề, thì nó có vẻ lưỡng lự nhất. Nhưng không ngờ nó lại thế.

Tùng quên không nhớ rằng, chính hôm ấy thì anh ta lưỡng lự nhất. Nhưng cái sự Tạ lại dám thầm trộm với con Lý một mình làm Tùng tức giận không nghĩ đến.

Thường là người nóng nảy nhất cả bọn, đập mạnh tay xuống bàn nẩy cả mấy cái cốc, quát:

- Không để thế được, phải trị cho nó một mẻ cho nó biết tay. Đi, chúng ta xuống ngay nhà nó đi.

Thứ đứng dậy tiếp theo:

- Phải đấy. Anh Tùng đưa chúng tôi đi.

Nhưng Tùng điềm tĩnh kéo áo Thứ ngồi xuống, rồi thong thả hỏi:

- Khoan đã. Các anh định đến nhà Tạ làm gì ?

- Để mắng cho nó mấy câu chứ còn gì nữa.

Tùng sẽ lắc đầu, lại sẽ thong thả nói:

- Không được. Chúng ta có quyền gì mới được chứ. Ngộ nhỡ Tạ hắn tống cổ chúng mình ra thì sao ?

Thường còn hậm hực:

- Tống thì tống cần gì. Hãy mắng vào mặt nó đã, làm sao lại dám trái lời thề như thế.

- Vô ích. Hắn không nghe thì thôi chứ làm gì. Để nghĩ cách

gì khác diệu hơn.

Thứ hỏi:

- Anh nói cách gì ?

Tùng mím môi nghĩ ngợi một lát, rồi chậm rãi nói:

- Hay là bây giờ... ta xuống bảo riêng con Lý thì chắc hơn. Chúng ta sẽ dụ nó bỏ phăng ngay Tạ đi, có phải báo thù một cách êm thấm không ? Mà lại cho Tạ một bài học nữa.

Thường và Thứ cùng vỗ tay, nói:

- Epatant ! Phải đấy, cách đó rất diệu, chúng ta làm ngay đi thôi. Nhưng ai đến bảo con Lý bây giờ ?

Tùng ngừng lên nhìn hai bạn, quả quyết:

- Tôi. Tôi xin đảm đang cái trọng trách ấy.

Thường và Thứ biểu đồng tình:

- Anh Tùng đi thì phải lắm. Nhà văn sĩ sẽ tìm được những câu văn hoa dễ cảm động lòng người. Thế nào chẳng có kết qủa tốt.

Tùng cười nhũn nhặn:

- Xin các anh cứ tin ở tôi.

- Vậy anh đi đến ngay thôi. Rồi ba người dắt tay nhau cùng đi, ai ai cũng oán trách Tạ và nguyền rủa cái con người giả dối ấy.

*

* *

Hôm sau dò biết Lý chỉ có một mình ở nhà, Tùng đường hoàng đến gõ cửa, rồi không đợi người trong trả lời, đẩy cánh cửa bước vào.

Lý đương ngồi trước gương xoa phấn, ngoảnh ra nhìn. Thấy Tùng, không biết nàng có ngạc nhiên không, nhưng nàng không

để lộ trên vẻ mặt. Lý chỉ hất hàm lãnh đạm hỏi:

- Kìa, anh Tùng, anh đến đây làm gì ?

Tùng không trả lời vội, thong thả bỏ mũ rồi ngồi xuống ghế, nói:

- Anh Tạ có nhà không, em Lý ?

Lần này thì Lý giương tròn con mắt nhìn Tùng như có vẻ ngạc nhiên lắm, đáp:

- Anh hỏi Tạ nào ? Anh Tạ làm gì có ở đây. Nhà này có phải nhà anh Tạ đâu.

Tùng mỉm cười:

- Thôi, đừng giấu nữa, em Lý. Chúng tôi đã biết rõ cả rồi. Có phải hiện giờ em là tình nhân của anh Tạ, và cái nhà này là cái tổ của đôi uyên ương có phải không ?

Lý biết giấu nữa cũng vô ích, bèn cười:

- Chẳng hạn thế. Thế rồi sao nữa ?

- Chẳng làm sao cả. Nhưng... nhưng...

- Nhưng làm sao, hở nhà văn sĩ ?

Lý xoa phấn xong đứng dậy, đến bên Tùng đưa mắt long lanh nhìn chàng. Tùng thấy gần mình cái khuôn mặt xinh xắn của Lý. Đôi má hồng hào và cái miệng chúm chím như bông hoa hồng mới nở buổi sớm mai. Chàng bỗng có cái ý ao ước muốn cắn vào da thịt ấy. Chàng ấp úng:

- Bây giờ... em ở với anh Tạ à ?

Lý nhìn Tùng một lát, rồi nàng phá lên cười rất ròn rã:

- Thế mới chết chứ ! Nhưng cái đó có việc gì đến anh, chẳng hạn ?

Tùng buồn rầu nhìn vào đôi mắt của Lý, hỏi:

- Em yêu Tạ lắm à ?

Lý chớp mắt nhanh, vén lại mấy sợi tóc lòa xòa rơi xuống má, rồi nàng cúi nhìn xuống đất, không trả lời. Cái thân hình nhỏ bé và yểu điệu của nàng trông đáng yêu qúa, khiến Tùng lại nhớ lại những buổi ái ân khi trước, những lúc chàng ẩm Lý vào trong tay. Tùng cảm động, sẽ nắm cái tay xinh xắn của Lý trong tay mình, ghé sát vào tai nàng tha thiết hỏi:

- Em Lý, em không yêu anh nữa sao ? Em không nhớ những buổi ái ân của chúng ta trong căn nhà bên hồ Trúc Bạch hay sao ? Em Lý, em Lý, em không nhớ...

Lý vội để tay lên che lấy miệng Tùng, nũng nịu:

- Thôi, anh đừng nói nữa, em van anh. Em có quên những kỷ niệm ấy đâu.

- Thế tại sao em ở đây với Tạ ?

- Tại các anh bỏ em đấy chứ.

Nàng quên rằng chính nàng đã tự ý bỏ lần lượt cả bốn người. Nàng quên rằng nàng là một con chim xanh dễ cảm động, nhưng lại dễ chán chường. Nàng nói thêm:

- Với lại em ở đây với Tạ cũng không thích lắm. Em coi hắn cũng như những nhân tình khác mà thôi. Tuy hắn ta có nhiều tiền thật, nhưng tiền không phải là cái cần nhất trong ái tình, phải không anh văn sĩ của em ?

Nàng nhảy lên bá lấy cổ Tùng. Chàng đưa tay đỡ Lý như người ta đỡ một cái qủa chín rơi, rồi ôm chặt nàng vào lòng.

Mùi nước hoa ở mái tóc cô vũ nữ làm chàng say sưa, một cái cảm giác nóng ấm tràn vào khắp thân thể chàng. Tùng ấp úng những câu đầm thấm ái ân, rồi chàng tìm cặp môi chúm chím của người yêu, lúc bấy giờ sẽ nở ra như bông hoa dưới ánh nắng mặt

trời. Cái hôn tha thiết đưa hai người đến một thế giới thần tiên cực lạc.

Hồi lâu, Tùng và Lý cùng buông nhau ra, e lệ. Lý đưa khăn tay lên lau miệng, sửa lại mái tóc hơi rối. Tùng âu yếm cầm tay nàng đặt lên môi. Chàng thấy hồi hộp bao nhiêu ham muốn trong lòng.

Nhưng bỗng thoáng nghĩ đến cái mục đích của mình khi đến đay để làm gì, Tùng thấy nao nao trong dạ. Lời thề của bốn người dưới trời sao lấp lánh còn văng vẳng bên tai. Chàng lo sợ, ngộ nhỡ Thường hay Thứ biết cái cử chỉ của mình thì làm thế nào ? Tùng quay lại bảo Lý:

- Em về với anh nhé ? Chúng ta sẽ thuê một cái nhà rất kín đáo ở bên hồ Trúc Bạch. Chúng ta sẽ yên lặng mà yêu nhau.

Lý lưỡng lự:

- Thế còn Tạ, anh bảo thế nào ?

- Khó gì sự đó. Em biên một cái thư để lại cho hắn là được rồi. Nhưng đừng bảo là đến với anh.

- Thế thì khí tàn nhẫn qúa.

- Ồ, việc quái gì. Tạ là anh ngốc chết đi ấy mà. Rồi hắn lại không tìm người khác thay em cho mà xem.

Tùng hơi hối hận. Chàng đã nói xấu một người bạn để lấy lợi về phần mình. Chàng lại nghĩ đến Thường, đến Thứ, đến cái tình bè bạn bền chặt của bốn người mà nay chàng phá vỡ. Tùng muốn đứng dậy về ngay để tránh cái con người vũ nữ chóng bạc tình này.

Nhưng đến khi Lý lại bên chàng, thỏ thẻ hỏi bằng một giọng rất đáng yêu:

- Anh nghĩ gì thế, chẳng hạn ?

Tùng nhìn đôi mắt bồ câu, đôi má mơn mởn như da đào và đôi môi đỏ thắm, chàng lại quên hết cả những sự do dự, và chỉ còn nghĩ cách làm thế nào mang Lý đi được êm thấm; chàng đáp:

- Anh nghĩ đến cái tổ uyên ương của chúng ta sau này. Ồ, anh sẽ trang hoàng một cái phòng thật đẹp, thật ấm cúng cho em ở, chứ không lạnh lẽo như ở đây. Em sẽ là Nàng Thơ bất tuyệt của anh...

Lý tát đùa vào má chàng:

- Thật không ? Anh nói văn hoa qúa.

- Sao lại không thật. Anh sẽ làm như thế. Miễn là... miễn là em có yêu anh mãi mãi không ?

Lý ngả đầu sát vào vai chàng, mỉm cười trả lời:

- Hẳn chứ lị. Sao lại không ?

Rồi nàng vùng chạy lại chỗ gương, phấn, vừa vui vẻ hát vừa trang điểm. Tùng ngồi lặng yên đưa mắt theo từng cử chỉ của người yêu, trong lòng khoan khoái và sung sướng.

III

Chợt chàng ngoảnh nhìn đồng hồ, rồi lo lắng hỏi Lý:

- Mấy giờ thì Tạ về, hở em ?

- Tạ không về hôm nay đâu. Hắn về nhà quê từ sáng hôm qua cơ mà. Hắn bảo em tối nay mới lên.

Tùng thở dài như trút được gánh nặng. Chàng bây giờ lại đâm ra sợ người mà chàng đến để trách mắng. Chàng rủ Lý:

- Đi xem chớp bóng đi, em.

- Thế còn nói chuyện gì nữa.

Lý trang điểm xong, trông lại càng lộng lẫy đáng yêu. Nàng đứng trước mặt Tùng, thẳng người lên khoe:

- Anh trông Lý của anh có đẹp không ?

Tùng thực thà khen:

- Đẹp lắm. Đẹp chết người đi được. Đôi mắt kia nhìn ai mà chẳng xiêu lòng.

Lý sung sướng, hai má đỏ hồng, mắt long lanh:

- Chẳng đẹp mà khiến nhà văn sĩ như anh phải mê, có phải không anh Tùng ?

Tùng không đáp, kéo Lý lại gần, đặt một cái hôn lên trán nàng. Rồi hai người hãnh duện dắt tay nhau đi ra ngoài phố, thuê xe đến rạp chớp bóng.

Đi đường, Tùng chỉ nơm nớp sợ gặp Thường, Thứ hay Tạ thì không biết nói thế nào. Nhưng may, từ nhà đến rạp Majestic không xảy ra sự gì.

*

* *

Tạ đẩy cửa, lên tiếng:

- Lý chérie đâu, ra mà nhận qùa này.

Không thấy trả lời, chàng dừng lại một giây, nhìn khắp gian phòng một lượt. Thấy thấp thoáng bóng áo sau cái tủ gương, chàng sung sướng phá lên cười:

- Đừng nép nữa, Lý ơi. Tiên nga đã thò cánh ra sau tủ kia rồi.

Câu pha trò của Tạ không gợi được dịp cười khanh khách trong như chuỗi ngọc mà Tạ vẫn thích nghe.

Chàng ngạc nhiên, vứt gói bánh mới mua lên mặt bàn, lẩm bẩm:

- Quái nhỉ. Lý dặn mình thế nào cũng đợi mà lại biến đi đâu mất.

Bỗng Tạ nhìn thấy mảnh giấy đặt chỉnh chện cạnh gói bánh, mà lúc nãy chàng không để ý đến. Chàng vội cầm lấy đọc:

"Mon chéri,

Chào anh ở lại, em đi. Đừng tìm em vô ích, em đã có tình nhân mới rồi. Nhưng anh đừng buồn phiền nhé, vì anh vẫn là bạn thân yêu của em.

Ký tên: Lý, vũ nữ"

Tạ vò nát bức thư, tức tối ném xuống đất, lấy mũi giày đè xuống:

- Cái con đê mạt thế thì thôi.

Tạ ném mình xuống ghế bành, thở dài. Chàng không ngờ Lý lại giở giọng chóng như thế. Chàng còn cảm thấy cả cái êm dịu của da thịt cô kỹ nữ xinh xắn và nhí nhảnh như con chim xanh, còn vẳng nghe bên tai những lời ái ân đằm thắm. Chàng buộc mồm nói to:

- Giả dối, giả dối hết. Cái mặt thế mà giả dối được.

Tạ mím môi, cau mặt, nắm chặt hai tay, thầm nghĩ nếu bắt gặp Lý ở đâu sẽ tặng cho vài ba cái tát mới hả được cơn giận. Bạn thân ! dễ thường cô ả chớt nhả riễu cợt chàng thế nào cũng được hẳn. Đã làm cho chàng phụ lời thề với ba bạn, lại còn lừa dối chàng nữa, cô vũ nữ kia dẫu xinh xắn đáng yêu đến đâu cũng không tha thứ được.

Chàng vùng đứng dậy, cau có đạp mạnh vào bàn ghế như muốn phá phách cái gì cho hả giận. Bỗng chàng nhìn thấy hộp bánh chàng vừa mua để tặng Lý. Chàng hùng hổ với lấy hộp, miệng nguyền rủa mấy câu và và tay ném mạnh ra ngoài cửa.

Bỗng Tạ nghe thấy có tiếng nói ở ngoài lẫn trong dịp cười giòn giã:

- Đánh nhau hay làm gì mà ném cả hộp vào chân người ta thế ?

Tạ nhìn ra thấy Thường và Thứ đã bước qua ngưỡng cửa. Thường cầm hộp bánh, vừa phủi bụi và nắn lại cho đều, vừa mỉm cười một cách ranh mãnh. Thứ thì cười ngặt nghẹo nhìn Tạ hỏi:

- Làm gì mà phí của thế ? Hay là anh biết chúng tôi đến nên, anh tặng trước cho anh em. Cám ơn anh lắm.

Thường nói tiếp:

- Còn cô vũ nữ yêu dấu của anh đâu, sao anh giấu kỹ thế, không để cho anh em xem chung với. Anh đã biết anh tệ chưa ?

Tạ ngây người hết nhìn Thường rồi lại nhìn Thứ, không nói được câu gì. Trí rối bời của chàng hiểu mang máng rằng việc Thứ và Thường đến đây tất có liên lạc đến tờ giấy vĩnh biệt của Lý, nhưng chàng cũng cố nhếch một nụ cười gượng, giơ tay ra bắt tay hai bạn:

- Dẫu sao cũng mời hai anh ngồi chơi đã.

Thường và Thứ tự nhiên như không, cùng ngồi và cùng tấm tắc khen mát:

- Ồ. cái ổ chim này êm ấm nhỉ. Mà xinh qúa, đáng để một cặp uyên ương quên cả vũ trụ.

Tạ nghe nói, buồn bã không trả lời, rút bao thuốc lá ăng-lê đặt lên bàn, rồi hất hàm hỏi:

- Các anh uống gì ? Martel nhé !

Thứ mỉa mai:

- Chịu thôi, uống chỉ tổ cháy ruột. Anh có cà phê thì tốt, mà càng lạnh càng hay.

Nghe bạn nhắc xa xôi đến cái thời kỳ kết thân, Tạ mỉm nụ cười buồn, nói :

- Anh lại còn cứ diễu mãi. Nản chết người đi được.

Thường giả vờ giương to mắt nhìn Tạ:

- Anh mà nản à ? Trông anh rũ rượi thật , nhưng vì chúng tôi đến bất thình lình làm cho anh mất cái thú nằm một mình hay hai mình trong cái tổ uyên ương này chứ gì. Nhưng anh muốn được hưởng cái thú riêng tây ấy thì trước anh hãy gọi... gọi con chim xanh của anh ra đây, rồi xin lỗi chúng tôi đi đã.

Nói dứt câu, Thường phá lên cười.

Tạ giận dữ hỏi:

- Con chim xanh nào ? Anh nói văn hoa qúa anh Thường, tôi không hiểu được.

- Lại còn vờ mãi. Con chim xanh của bốn ta ấy mà. Con Lý, con "Lý chẳng hạn" ấy.

Tạ buồn rầu, giơ tay khoát bâng quơ một cái.

Thứ mỉm cười bảo:

- Nó bay mất rồi, phải không ?

Tạ sẽ gật đầu rồi vớ lấy cốc rượu nốc một hơi cạn.

Thứ tỏ vẻ thương hại, bảo Thường:

- Thảo nào mà anh chàng buồn thiu buồn chảy ra, vứt cả hộp bánh ngon thế kia ra đường. Ý chừng mua về cho ý trung nhân hẳn.

Thường nói chêm:

- Ý thế. Có phải không, ông bạn si tình của tôi ?

Tạ lặng lẽ rót một cốc rượu mạnh nữa, uống cạn.

Thứ vẫn không tha, nhăn nhở:

- Uống Martel gì mà như uống nước lã thế. Say không khỏi được si đâu mà hòng. - Rồi chàng chỉ vào hộp bánh ngọt ngào bảo Tạ: - Chỉ có cách này là tiện nhất: đem những chiếc bánh ngọt này ăn một mình cho bõ công đi mua tại mãi phố Tràng Tiền. Nó dúm dó, méo mó thật, nhưng trông còn ngon lành lắm.

Thứ thò tay vào hộp bánh mang đặt lên đĩa, tươi cười mời Tạ.

Tạ cau có:

- Gớm, các anh cứ làm tội làm tình người ta mãi.

Bỗng như nhớ tới điều gì, chàng đột ngột hỏi bạn:

- Thế còn anh Tùng đâu mà không đi với các anh ?

Thường cười :

- Anh hỏi anh Tùng ?

Chàng đứng lên cố lấy giọng nghiêm nghị, khoa tay mà nói :

- Anh muốn hỏi anh Tùng thì hãy lắng tai ra mà nghe. Anh ấy được đảng cử đi làm một việc trừng phạt.

Tạ hỏi:

- Đảng nào ?

- Đảng bốn người chứ còn đảng nào.

Thứ chữa:

- Đảng ba người chứ lị.

- Ừ thì đảng ba người... Đảng được tin người thứ tư phụ lời thề, phái anh ta đi phỗng nhẹ con chim xanh của một nhà khiêu vũ mềm dẻo như Tạ chẳng hạn, để cho nhà khiêu vũ mềm dẻo như Tạ chẳng hạn, để cho nhà khiêu vũ biết rõ rằng đã ký kết với nhau, dẫu ký bằng miệng và bằng một cái bắt tay chắc chắn, thì không thể một mình thủ thỉ ăn cỗ vụng trộm được.

Tạ cãi:

- Các anh không yêu thì biết thế quái nào mà nói.

Thứ và Thường nhao nhao:

- Còn anh thì anh yêu, phải không ? Yêu cái cô ả khó chịu, trơ trẽn, đáng ghét ấy phải không ?

Tạ tợp một hơi rượu, thủng thỉnh đáp:

- Chứ lại gì. Lý nó trơ trẽn, nó đáng ghét, nó khó chịu, nhưng tôi vẫn yêu nó thì biết làm thế nào ?

Thường phì cười:

- Thế thì còn thể làm quái gì ? Nhưng mà thôi. Anh bảo chỉ có anh yêu nó, anh thấy thế nào mà anh dám bảo vậy ?

Tạ đã ngà ngà say, chuếnh choáng vịn tay vào bàn đứng dậy:

- Xa nó tôi buồn. Tôi chỉ mong Lý lúc nào cũng ở bên cạnh tôi.

Thứ và Thường tranh nhau cười:

- Ngỡ là gì. Tôi cũng vậy.

Tạ đứng lặng yên, ngẫm nghĩ.

Một lát, chàng ra hiệu cho mọi người im lặng.

- Vậy bốn chúng ta đều đồng lòng muốn có cạnh mình cái cô Lý đỏng đảnh, nhí nhảnh và khó chịu ấy cả. Nhưng Lý không thể xẻ làm tư được, mà cô ả cũng không muốn xẻ làm tư, mới chết chứ.

- Ừ, thế mới chết chứ !

- Nhưng không cần. Không xẻ được thì chung vậy, phải không các anh ?

Thứ nói:

- Ai lại thế ! Con Lý hôm nọ nó muốn làm tình nhân chung cho cả chúng mình, ta có thèm trả lời nó đâu.

Thường nâng cốc, se sẽ bảo:

- Tôi tìm ra rồi. Các anh uống đi đã.

Tạ, Thứ nhanh nhảu nâng cốc.

- Nào, nghe cao kiến của ông huyện.

Thường chậm rãi nói:

- Lý không có thể là tình nhân chung của chúng ta được. Điều đó dễ hiểu lắm, vì nếu thế thì chúng ta ai cũng mọc sừng cả, và mọc sừng thì trông không được mỹ quan lắm. Vậy chỉ có một cách là ta gắp thăm, ai trúng thì riêng người ấy được cái hạnh phúc chiếm lấy trái tim của cô vũ nữ đáng ghét của chúng ta.

Tạ, Thứ cũng vỗ tay.

- Khá, khá lắm. Thật là diệu kế. Ta phải thi hành ngay mới được.

Thường nói:

- Nhưng còn Tùng ?

Tạ sững sốt hỏi:

- Anh không biết Tùng ở đâu à ?

- Không.

- Ồ, thế thì còn nói gì nữa. Tùng nó đi với con Lý rồi, khó lòng mà trở lại nữa. Nó nói dối các anh, nó phỗng con Lý đi với nó, thế mà các anh tin nó được.

Thứ và Thường giương mắt nhìn nhau, tức giận:

- Có lẽ nào lại thế được ?

Tạ mỉa mai:

- Có thể được lắm chứ. Các anh khờ lắm, cái bọn văn sĩ tôi

còn lạ gì. Nhưng mà được, cứ để đấy tôi, thế nào cũng gặp nó. Il n'y a que des montagnes qui ne se rencontrent pas.

IV

Tạ rót luôn cốc rượu uống cạn để nuốt giận. Nhưng giận vẫn còn nhiều. Chàng căm tức nhắc lại:

- Thế nào tôi cũng gặp nó, thế nào tôi cũng gặp ! Nghe chưa?

Vẻ khiêu khích của chàng làm cho Thường và Thứ mỉm cười. Thường hỏi :

- Nhưng gặp nó, thì anh định làm gì ?

- Làm gì à ? Tôi mắng cho con Lý một mẻ, còn thằng Tùng...

- Thằng Tùng cũng bị anh mắng cho một mẻ nữa ? Rồi anh phỗng con Lý lần nữa, rồi chúng tôi lại cử Tùng đi phỗng lại, rồi anh đi tìm lại, lại mắng, lại phỗng, câu truyện cứ thế kéo mãi ra phải không ? Không xong đâu ! Chỉ có một cách này diệu nhất, dễ làm nhất mà vẫn giữ được sự thân mật trong bọn chúng ta.

Tạ và Thứ cùng chú ý nghe. Huyện Thường hắng giọng nói tiếp :

- Cách ấy là... cứ để mặc Tùng với Lý.

Hai tiếng "ồ" cùng phản đối Thường, nhưng Thường ngăn lại:

- Hãng để tôi nói nốt. Ta cứ mặc họ ở với nhau. Chẳng kíp thì chầy, thế nào Lý cũng bỏ Tùng... Lý thì có chịu ở với ai mãi đâu ? Lúc đó, tha hồ cho Tùng bẽ mặt.

Rượu uống đã bắt đầu có hiệu lực. Cả ba người đều chuếnh choáng và lười nghĩ. Nên cái lẽ của Thường ai cũng nhận ngay là phải và vui lòng nghe theo.

- Ừ, phải rồi, lúc ấy Tùng sẽ bẽ mặt.

*

* *

Nhưng bọn Thứ, Tạ, Thường đợi cho Tùng bẽ mặt cũng hơi lâu một chút.

Họ lấy cái nhà Tạ thuê ở với Lý làm nơi hội họp. Tuần lễ hai kỳ, vào tối thứ tư và thứ bảy, ba chàng đến đấy để chuyện gẫu và cho nhau biết tin về Tùng.

Lần nào cũng một câu hỏi vấn tắt và nhiều ý nghĩ này:

- Thế nào ?

Và lần nào cũng chỉ có một câu trả lời gọn lạ lùng:

- Biệt vô âm tín.

"Tên phản đảng" không ai gặp hết. Trong ngót một tháng, và nhất là mấy hôm sau cùng, Tạ đi dò hỏi khắp Hà Nội mà không thấy bóng vết đôi uyên ương kia đâu.

Tạ cáu kỉnh bảo Thứ và Thường:

- Chúng nó vẫn trốn vào xó nào kín thế ? Tôi đến hỏi cả những nhà báo vẫn đăng bài của nó mà cũng không ăn thua.

Thứ nói:

- Chắc nó đi Sài Gòn rồi.

Thường:

- Cứ gì phải đi xa ? Thằng ấy nó giỏi để phòng thì ở ngay cùng phố với anh, anh cũng không tìm ra được.

- Nhưng còn con Lý ? Chả nhẽ nó cũng chịu lẩn lút như thế mãi ?

- Sao lại chả nhẽ ? Yêu nhau, nó giữ cho nhau cũng nên...

Tạ chau đôi mày đã cau có của chàng :

- Yêu ? Con Lý yêu thằng Tùng ? Anh để cho tôi ngờ một tí!

Rồi họ đồng tâm theo một mệnh lệnh: điều tra cực kỳ ráo riết; theo một khẩu hiệu đả đảo ái tình. Trong khẩu hiệu này, ái tình có nghĩa hẹp hòi thôi: ái tình phản nghịch của riêng Tùng với Lý.

Họ chia Hà Nội ra ba khu, mỗi người phải nhận tìm một khu, nỗ lực hoành hành để lùng bắt cho được đôi uyên ương bí mật.

Sự thất bại và lòng bực tức làm cho họ rất hăng hái trong việc thám thính: hai tháng qua chóng như vài ba ngày.

- Có lẽ chúng nó không ở Hà Nội nữa !

- Có lẽ chúng nó yêu nhau thực...

- Phải đấy, chỉ yêu nhau thực mới kín được đến thế...

Bao giờ Tạ cũng cực lực cãi lại câu phỏng đoán khó nghe ấy:

- Không ! Một trăm lần không ! Tôi còn lạ gì con Lý ! Đã có lần nó nói ra miệng rằng nó không yêu ai cả, không yêu một người đàn ông nào cả, trừ riêng có tôi. Bây giờ thì tôi hiểu rằng câu ấy thành thực vô cùng, nhưng chỉ thực có một nửa. Tôi, nó cũng không yêu như người khác, và cái chứng cứ chắc chắn là nó không ở được với ai lâu... Với tôi, với anh, cũng như với thằng Tùng. Tính nó thế, không làm sao được !

Thường chợt nghĩ được một giả thuyết:

- Hay là chúng nó bỏ nhau rồi, nhưng Tùng sợ ngượng với chúng mình không dám ra mặt.

- Không thì cũng gần thế. Hoặc giả cả hai đưa nhau đi tỉnh khác, bỏ nhau ở đấy, mỗi đứa đi một ngả, chị thì bám được những thằng ngốc hơn những thằng ngốc ở Hà Nội, còn anh thì núp ở một chỗ để ngâm thơ trách tình nhân...

Câu ấy không có gì làm bằng, nhưng được cả bọn nhiệt thành

tin, vì mỗi người đều có chút ân hận trong lòng cần phải an ủi.

Nhờ thế, cuộc dò xét hôm ấy bắt đầu tiến hành thong thả hơn. Mỗi người đã thấy bớt hăng hái trong công việc điều tra và đã có một vài lần Tạ, Thứ và cả Thường cũng vắng mặt ở buổi họp thường lệ.

Bỗng một buổi sáng kia, một tin bất ngờ đưa đến cùng với một bức thư rất dài.

Bức thư gửi đến cho riêng Thường. Vì lẽ gì, trong ấy đã nói rõ. Tức khắc, Thường đánh điện thoại cho ông tham Thứ và Thứ cấp báo cho Tạ biết. Ngay trưa hôm đó, cả ba họp mặt ở gian nhà mọi khi: câu hỏi đầu tiên của Thứ và Tạ lúc thấy huyện Thường là:

- Anh được tin Tùng ?

Thường gật đầu:

- Tùng hiện ở đâu ?

- Ở Hà Nội.

- Sao anh biết ?

- Có thư báo.

- Thư của ai ?

Thường đủng đỉnh:

- Của Tùng.

- Cái gì, cái gì ? Của Tùng ? Sao ? Đâu ?

Thường vẻ mặt rất lạnh lùng, giở thư ra đọc.

"Hà Nội , ngày thứ bảy 18 tháng 12 tây năm 1937.

"Anh Thường,

"Trước hết xin lỗi anh và hai anh Thứ, Tạ. Các anh ấy có tha lỗi không, điều đó xin nhờ sự khôn khéo và tấm lòng rất tốt của

anh. Còn anh, bởi anh đã có sẵn lòng rất tốt rồi. Tôi chắc anh cứ đợi lời xin của tôi là tha tức khắc.

"Lỗi ấy, đối với các anh nặng lắm, nhưng đối với tôi bây giờ... đối với người đa tình, si tình, và được tình như tôi, không biết có đáng gọi là lỗi không đã.

"Dù sao, tôi cũng xin lỗi và nhờ riêng anh xin hộ, vì tôi biết anh là người rất tử tế, rất khôn khéo, rất hiểu biết, rất rộng lượng, vân vân..."

Tạ nóng ruột:

- Thế là nghĩa lý gì ?

- Được, cứ để tôi đọc nốt.

"Vậy, sau khi xin tha những lỗi tôi không có, tôi bắt đầu phân trần: xin anh hiểu cho tôi điều khổ tâm này, điều tôi nói ra, đáng lẽ phải hổ thẹn với các anh, nhưng tôi thực không thấy hổ thẹn tí nào ! Tôi... tôi yêu Lý.

"Anh đừng nên mắng tôi vội, chịu khó đọc nữa đi.

"Gặp Lý ở tiệm khiêu vũ, cảm động vì nhan sắc Lý, đón nàng về ở nhà và sung sướng với nàng trong một thời kỳ đằm ấm, tôi chưa yêu nàng hẳn, vì đối với nàng, tôi coi tôi chỉ là một người thiếu niên phong lưu. Gặp nhau có ngày để rồi sẽ xa nhau. Tôi biết thế, nên khi nàng bỏ tôi giữa lúc tôi còn quấn quýt nàng, tôi chỉ thấy thương tổn đến lòng tự ái. Sự đau khổ chỉ là "vết thương" vô nghĩa là làm khó chịu một chút, tôi sẽ quên ngay được trong không đầy một tuần lễ nếu ngay khi đó, tôi gặp cô bạn nào ngoan ngoãn hơn. Và sẽ không yêu Lý tới bực này, nếu không có các anh giúp..."

- Các anh giúp ? (tiếng Thứ hỏi). Các anh là ai ? Tôi, anh Thường, anh Tạ hay sao ?

Bức thư hình như đợi chính câu hỏi ấy để trả lời:

"Vâng, thực vậy. Nhờ có anh Thứ, anh và anh Tạ, tôi mới biết yêu Lý, yêu chân thành, yêu lo ngại, yêu hết lòng sung sướng và hết lòng cay đắng - nghĩa là yêu đúng trăm phần trăm. Đây, tôi xin nói rõ.

Người thứ nhất, anh Thứ, thoạt tiên chỉ là người đến để tranh mất cô vũ nữ đang là tình nhân tôi, tôi chú ý một cách... tức giận, khi Lý dám ngạo nghễ dắt đến trước mặt tôi giới thiệu. Trong sự tức giận, tôi đã hơi ngạc nhiên vì cử chỉ khác thường của Lý, và từ đấy, càng ngày càng ngẫm nghĩ, tôi thấy tiếc Lý một cách hơi sâu xa. Đương định gây chuyện đánh nhau với Thứ thì Thứ đã bị Lý "bỏ rơi" để cho tôi có dịp chú ý đến anh, đến cái ông huyện nhảy chỉ giỏi như con gấu đứng hai chân, ăn nói kiểu cách như lúc đọc diễn thuyết thi và hiền hậu tử tế như... thầy chánh vào huyện. Anh chiều chuộng được Lý lâu nhất, và vì thế anh bị Thứ ghét anh hết sức; cũng vì thế tôi còn chút nào là hờn giận Lý hình như đã nhường cả cho Thứ mang dùm. Tôi nhìn Thứ bằng con mắt tò mò và bình tĩnh hơn. "Người đàn bà" trong cô vũ nữ kia tôi thấy có một tính tình ít thông thường, mà khác thường, đối với tôi, là một sự đáng qúi trọng. Lý không chỉ là một gái giang hồ như mọi người khác, nàng khinh mạn trong lúc giả dối, nũng nịu mà bất người đàn ông vâng dạ, và đê mê sung sướng trong khi nghĩ bụng: anh là một đồ tồi. Đó là thứ nghệ thuật cao đẳng mà nàng biết sai khiến một cách rất chín chắn, rất mực thước; tôi gờm sợ mà vẫn phải khen thầm.

"Đến lượt anh Tạ qua tay Lý. Anh con trai này nhờ Lý vứt hộ một số tiền đủ lớn để cho Lý có thể liệt vào hạng dại gái giỏi nhất, trong bọn bốn đứa chúng ta. Thứ lại lờ trong số phận của mọi người, và những người bị lờ họp liền nhau lại. Tôi nhân dịp ấy được làm bạn thân của ba nhân vật kỳ thú và được dịp ngạc nhiên

vì cử chỉ của Lý thêm một lần. Ở đời chỉ có sự ngạc nhiên làm rung động được lòng tôi, trong ngôn hành của người cũng như trong hình sắc của cảnh trí. Nếu có dịp và nếu các anh muốn biết, tôi sẽ nói rõ cho nghe những tính tình ngộ nghĩnh này.

"Các anh còn nhớ cái lúc ngồi im lặng bốn người trong góc tiệm khiêu vũ không ? Lý đến bảo cho chúng ta biết cái tin nàng "hiện không có tình nhân nào hết". Chúng ta, hay nói cho đúng, ba anh không ai thèm đáp nửa tiếng, ngồi "câm như cá chép" để tỏ ý dửng dưng. Riêng tôi không im lặng vì dửng dưng, tôi im vì đột nhiên thấy một sự sung sướng dị kỳ gần như sự khoái lạc.

"Hình ảnh Lý thế là không bao giờ phai nữa. Tâm trí tôi sẽ chỉ thấy Lý "của giây phút ấy" nghĩa là một cô Lý giống với tinh thần nàng nhất ! Ồ ! mà, nói không xiết được, vả lại... hình như anh sốt ruột lắm rồi..."

Tiếng ngáp rả rời ở miệng Tạ hưởng ứng với tiếng ngáp uể oải của Thứ.

Thứ hỏi nhỏ Tạ :

- Văn với chương ! Anh có hiểu không thế ?

Tạ nhún vai để trả lời. Rồi chợt nhận ra rằng cả đến Thứ cũng khó chịu về bức thư. Tạ không cần giấu diếm ý tưởng:

- Tôi cũng không... hiểu. Nó định chế chúng mình đấy sao ?

Và quay hỏi Thường :

- Này, còn nhiều nữa không ?

- Sắp hết rồi.

Thường lại đọc tiếp :

"Tôi nói dông dài lắm thì phải, vậy anh thứ lỗi cho nhé, và dưới đây xin hà tiện lời...

"Sau lúc gặp Lý ở trong tiệm khiêu vũ là lúc chúng ta thề long

trọng ở ngoài bờ hè... Thề ! Rõ thực buồn cười ! Cái vẻ đạo mạo và quả quyết của bốn anh chàng lúc ấy sao mà... ngự lâm pháo thủ thế. Tôi tưởng tượng đến những chàng A-tố, Bô-tố, A-la-mĩ, Đát-ta-nhan đang nguyền rủa nàng Milady Lý xinh đẹp của chúng ta và ngay lúc ấy tôi đã thấy cả cái vui của câu truyện. Tôi cũng thế, nhưng sẵn có một ý định tà tất: tôi sẽ tìm cách luôn luôn gặp Lý và sẽ là người bội ước đầu tiên. Không ngờ Tạ lại bội ước với đảng trước tôi. Tạ thuê nhà cho Lý ở một chỗ, mãi năm hôm sau tôi mới tìm ra, tôi báo tin cho các anh. Tôi tìm cách cho các anh cử tôi đi phỗng con chim xanh, và quả nhiên tôi "phỗng" được.

"Lý không để tôi nài đến nửa tiếng. Tôi dẫn nàng đi xem chiếu bóng hôm đó, nhưng nàng đòi về nhà tôi ngay. Nàng thú thực hết với tôi những nỗi lòng kỳ dị của mình. Trong tính phóng lãng mê cuồng, tôi thấy cả một trời nước xa lạ, mới mẻ. Tôi nói cho nàng nghe những điều nàng cảm thấy mà không nói được và tâm sự tôi nàng hiểu rõ khi hai mắt tôi mê đắm nhìn nàng...

"Chúng tôi yêu nhau hết tâm hồn . Câu này đủ tả giúp tôi muôn nghìn vẻ đẹp của cuộc tình duyên, mà trong hai tháng mười ba ngày nay, chúng tôi giấu diếm ở một nơi rất êm ấm.

"Nhà tôi, cái tổ uyên ương mà các anh tìm mãi không thấy, ở ngay Hà Nội, cạnh hồ Trúc Bạch, và trong đó nhìn ra nhiều lần tôi thấy anh, anh Thứ, anh Tạ qua lại nhưng không nghĩ đến vào hỏi thăm. Anh không tin ư ? Nhưng sự thực là thế. Đó cũng nhờ ở sự các anh chưa biết chỗ tôi mới ở, và nhờ ở cái trí khôn lanh lẹ của nàng. Nàng mách tôi làm một cái biển đồng khắc chữ "Julien Dupont, ingénieur" treo ở ngoài, thế là đủ cho người Pháp giả hiệu là tôi không bị "ai" đến quấy rối.

"Lý với tôi suốt ngày tháng chỉ quanh quẩn bên hồ, trong khu vườn rộng, một lòng thành kính tụng niệm ái tình ! Bầu trời thanh, làn gió mát ở bên hồ êm dịu cũng đủ cho chúng tôi quên cả

vũ trụ lẫn cuộc đời...

"Đêm hôm nay, Lý với tôi cùng tính một việc quan trọng. Chúng tôi đã hiểu rõ tâm tình của các bạn thân thiết, đã biết trước lòng quân tử của Thứ, của Tạ và của Thường. Vậy xin mời các anh qúa bộ - chỉ dăm chục bước thôi ! - đến hội họp ở Villa Dupont ngõ Chúc Lạc, số nhà 6b để xơi chén trà mừng cho cuộc nhân duyên chính thức của chúng tôi và nhận làm chứng cho chúng tôi trong lễ hôn nhân ngày mai ở tòa Đốc lý Hà Nội.

"Xin các anh đừng chối từ.

Kính thư. L.T."

Thường đọc vừa hết, hai chàng Thứ, Tạ đứng bật dậy cười gằn.

Thứ, cơn giận chóng nguôi hơn Tạ, giựt lấy tập thư nói:

- Hừ ! Hừ ! Ngạo đời thực... L.T., Lý-Tùng, hai chữ quấn quít nhau đẹp thực... Được lắm, để xem "đôi uyên ương" ấy chế riễu chúng mình đến đâu...

HOÀNG ĐẠO, THẾ LỮ, KHÁI HƯNG, THẠCH LAM

Ngày Nay, từ số 87 (28 Nov.1937) đến số 90 (19 Déc.1937). *Ngày Nay*, số 92, ngày 2 Janv.1938, đăng *Kết qủa thi đoán văn* này, và phần thứ III là của Hoàng Đạo.

HỘI NGHỊ VĂN HỌC

Người ta muốn lập một Hội nghị Văn học có các nhà báo làm hội viên.

HÀI KỊCH

Một hồi - Một cảnh

Một gian phòng. Một cái bàn dài phủ dạ xanh, chung quanh các ông hàn ngồi, trước mặt mỗi người có một cặp sách. Ăn vận theo lối các hội viên Viện hàn lâm bên Pháp chỉ khác có cái mũ thổ công. Chung quanh trần thiết theo lối cổ: lộ bộ, đỉnh đồng, án thư, quạt lông,v.v... Lúc kéo màn lên, cụ Huỳnh Thúc Kháng đương đứng diễn thuyết.

***Cụ Huỳnh Thúc Kháng** (đường hoàng)* - Thưa các ngài, hôm nay là buổi họp đầu của Hội nghị Văn học. Tôi được cái danh dự bầu lên làm Hội trưởng, nơm nớp lo, lo viện ta như hà sinh tồn...

Một ông hàn - Thế nào là khỉ ưu sinh !

Cụ Huỳnh ... - Được một cách xứng đáng với địa vị của Viện. Vậy chư quân tử có ý kiến gì hay xin đem bàn để rõ công cuộc của Viện mai sau. Xin cụ bảng Hoàng cho biết ý kiến trước.

***Cụ bảng Hoàng** (đứng dậy)* - Cụ nghè đã cho phép tôi nói, tôi không dám từ, chỉ xin các ngài có điều gì... điều gì... điều gì...

***Một ông hàn** (nói nhỏ)* - Bí !

Cụ bảng - Các ngài bỏ đi cho (rút giấy ra đọc) Nước ta là một nước văn hiến, vào khoảng mấy ngàn năm nay theo văn học tàu,

học chữ nho, trong gia đình, ngoài xã hội, đều có trật tự tôn ti, đến ngày nay hấp thụ được văn minh Âu, Mỹ, nên cha không ra cha, con không ra...

Một ông hàn - Con !

Cụ bảng... con, vợ không ra vợ (các ông hàn ngơ ngác nhìn nhau. Có ông ngáp. Bất đồ cụ bảng trông thấy, đăng trí, nói tiếp) ngáp không ra...

Nhát dao cạo *(ôm bụng cười)* - Ngáp ! Cụ nói phải lắm...

Cụ Huỳnh Thúc Kháng - Xin cụ bảng nhập đầu đề cho...

Cụ bảng Hoàng *(bỏ giấy vào túi)* - Tôi muốn nói Viện nên bàn đến vấn đềchữ nho, lập lại khoa thi cử là một vấn đề quan trọng (rút giấy ra). Nước ta là một nước văn hiến, vào khoảng...

Ong Phạm Lê Bổng *(đứng dậy ngắt lời cụ bảng)* - Vấn đề quan trọng nhất theo ý tôi là vấn đề này: danh có định, lời nói mới thuận. Viện ta mới lập, chưa có địa vị rõ ràng, ta phải xin Viện ta được hàm tương đối với ngạch Hàn lâm cũ mới có giá trị...

Nhát dao cạo *(cười mũi)* - Tôi xin cho ta được... đãi chiếu.

Ong Bổng *(giõng dạc)* - Ít ra cũng phải đối hàm cung phụng.

Ong cử Dương Bá Trạc *(đứng dậy)* - Ong Bổng nói không phải là không có lý (mở *Văn học tạp chí* đọc) quốc văn mình xưa nay chẳng được chút phần thưởng gì là hởi dạ, nức lòng...

Nhát dao cạo - Ấy chết ! Ong cử ! Quốc văn là con vật gì mà có dạ với lòng...

Ong cử Dương *(đỏ mặt, lạnh lùng ngồi xuống)*

Cụ Huỳng Thúc Kháng - Chúng ta nên theo gương cổ nhân không nên nghĩ đến danh vọng vội... (mở tờ *Tiếng dân* đọc) nào là ăn sương nằm tuyết, xông pha trước đầu tên mũi đạn, bọc xương da ngựa giữa chốn chiến trường rồi mới cầu chữ vinh hoa phú

qúy...

***Một ông hàn** (nói khẽ)* - Bọc xương da ngựa rồi còn cầu vinh hoa, hay nhỉ !

***Nhát dao cạo** (nói khẽ)* - Thế nào là bất tử ?

***Ong Phan Khôi** (hung hăng đứng dậy, giơ tay)* - Tôi xin Viện lấy Khoa học làm mục đích, lý luận làm phương pháp...

Ong Nguyễn Công Tiễu - Nếu được như nhời, tôi xin đem con rùa cứng cổ, hai thùng rươi và ba thùng lá vối chưa dùng tới cúng vào Viện làm tài liệu cho văn khố của ta...

***Ong Nguyễn Khắc Hiếu** (ngồi một xó, mặt đỏ gay, từ nãy, chốc lát lại thò tay vào bọc lấy bầu hồ lô ra nốc, loạng choạng đứng dậy)* - Thưa các ngài, Viện ta là Hàn lâm viện về... (giọng rượu) văn chương, không phải về khoa học, ông tú Khôi, lý luận xằng gì ! (lau trán) Văn chương là... là... (lưỡi líu dần) mâm gỏi,... là... rượu. Cổ nhân có câu "hỏa nhập thi xuất", tưởng anh em ta nên uống rượu cho nhiều, rồi làm việc mới có ích cho nước...

Nhát dao cạo - cho rượu...

Ong Hiếu... - Tôi nói gì rồi nhỉ... (cố nghĩ) À phải, nhấm... nên nhấm rượu... (rút hũ rượu ra) mời các ngài. Văn chương là... thịt chim (say qúa ông ngã gục xuống hũ rượu ngủ...)

***Ong cử Dương Bá Trạc** (giơ tay)* - Tôi xin nói...

***Cụ Huỳnh Thúc Kháng** (lắc chuông. Im lặng)*

Ong cử Dương (mở *Văn học tạp chí* đọc) - Quốc văn mình tuy mới vào thời kỳ phôi thai, mà thực còn kém cỏi qúa...

Nhát dao cạo - Lạ nhỉ !

Ong cử Dương - Anh em ta phải lấy công tâm, đăm đăm lo tới việc công ích mà gom tài, góp sức như ông Đinh Bộ Lĩnh cùng chư tướng ở truyện Hoa Lư kết nghĩa của tôi. Mà cần nhất cho anh

em là một tờ tùng san. Tôi xin hiến Viện tờ *Văn học tạp chí*...

Ong Dương Tự Quán *(đứng dậy nói thầm với ông cử)* - Ấy chết ! Anh hiến thật à ? Tôi không bằng lòng.

Ong cử Dương *(mỉm cười)* - Xin hiến Viện tờ *Văn học tạp chí* để làm cơ quan cho Viện, chỉ xin hội để bản quyền và phụ cấp cho nhà in Đông Tây (ông Quán vỗ tay).

Ong Lê Cương Phụng - Tôi xin hiến tờ *Văn học tùng san*...

Ong Lê Dư, ông Mai Đăng Đệ - Chúng tôi... tờ *Đông Thanh*...

Ong Trúc Đình *(nói to)* - Tờ *Rạng*...

Ong Đỗ Văn *(nói to hơn)* - Tờ *Nhật Tân*...

Ong Tiểu *(quát)* - Tờ *Khoa học*...

Ong Tùng Vân *(nói sẽ ngọt như mía)* - Đã có tờ *Nam Phong* làm cơ quan cho hội rồi... (các ông: Lê Dư, Mai Đăng Đệ, Dương Bá Trạc, v.v... vẻ mặt buồn thiu cùng ngồi xuống). Tôi xin đọc một bài đăng báo *Nam Phong* nói về phương châm, mục đích của Viện... (giở quyển *Nam phong* đọc) Cụ Nguyễn Du... *(trong lúc ông đọc, các ông hàn lần lượt ngủ dần hết, đến bây giờ vẫn còn ngủ, lay thế nào cũng không dậy nữa)*

TỨ LY

Phong Hóa, số 71, ngày 3 Nov.1933, trg 2-3.

TỰA 'LẠNH LÙNG'

Lẽ phải dạy ta rằng, một người đàn bà góa có thể vì tình yêu ở vậy suốt đời, không một ngày quên người đã mất. Trái lại, không yêu chồng mà lúc chồng qua đời còn thủ tiết cho đến khi nhắm mắt, chỉ là hi sinh vô nghĩa cho một tục lệ trái với thiên đạo.

Tục lệ ấy là một tục lệ được người xưa hoan nghênh, kính trọng. Theo nền luân thường ngàn năm để lại, đã là đàn bà thì chỉ có thể lấy một chồng. Tình yêu không có nghĩa lý gì. Ngay từ hôm cưới, người vợ đã thuộc quyền sở hữu của người chồng, của gia đình chồng, và nếu chồng khuất núi, bổn phận của vợ là phải thủ tiết hết đời, dẫu đối với chồng không có mảy may tình thương nhớ.

Cô Nhung trong truyện "Lạnh lùng" chính ở trong cái cảnh huống ngang trái ấy. Chung quanh cô, từ mẹ đẻ cho đến mẹ chồng, ai nấy đều cho bổn phận tự nhiên của cô - một người đàn bà góa đương xuân - là chịu sự lạnh lùng của một đời lẻ loi để giữ tiếng thơm tho cho hai họ. Nhung ở trong một xã hội nệ cổ như thế, với một tâm hồn yếu ớt, không đủ chí cương quyết để chống với hoàn cảnh, lẽ tự nhiên là bị khuôn theo hoàn cảnh.

Bỗng tình yêu đến. Nhung bỗng cảm thấy sự trống trải của một đời qủa phụ; Nhung bỗng nhận ra rằng cả đời không phải là để hi sinh cho một tiếng thơm hão. Cả tâm hồn cô lúc ấy chỉ là hi vọng, hi vọng sống một đời đầm ấm tình yêu.

Trái lại, hoàn cảnh cố giam cầm Nhung trong cõi đời lạnh lẽo, cô độc. Tục lệ, thành kiến của những người chung quanh đều

bắt buộc Nhung dập tắt ngọn lửa ái tình đã nhóm trong lòng cô - ái tình mà người ta coi là đốn mạt - và nếu Nhung không dập tắt được, lại cố bắt buộc cô giấu để giữ lấy tiếng thơm, lấy thể diện cho nhà mình, cho nhà chồng, thì Nhung không đủ can đảm. Và vì cô qúa thương mẹ, nên đã tự dấn thân vào một đời xảo quyệt, gian trá, giả đạo đức.

Nhưng lỗi không phải tại Nhung. Lỗi cũng không phải tại bà Ấn. Mà cũng không lỗi tại ai cả. Lỗi là lỗi của nền luân lý chật hẹp muốn khuôn hết tính tình của người ta vào những mẫu nhất định, bất di dịch, một nền luân lý đã coi rẻ hạnh phúc của "con người".

HOÀNG ĐẠO

Ngày Nay, số 48, ngày 28 Fév.1937, trg 64.

TẬP TRANH VÂN CẨU

ÔNG BÙI XUÂN HỌC



Những người được nghe danh mà chưa trông thấy hình nhà làm báo Bùi Xuân Học, có lẽ nghĩ rằng ông ta, với cái tên đáng yêu của ông ta, là một nhà học giả chính hiệu, như chè liên tâm là chè tàu chính hiệu vậy. Làm chủ nhiệm một tờ báo đã từng phen tỏ sự độc lập của mình - tờ Việt Báo chỉ là cái biến hình của tờ Ngọ Báo - lại biết chọn người chủ trương tòa soạn không đến nỗi "Ma" qúa như ông Ngô Văn Phú, cũng không đến nỗi trống rỗng tư tưởng qúa như ông Bô Luận, ông đã tỏ ra rằng ông cũng có cái hay, cái khéo chi đây.

Tuy nhiên, cái hay cái khéo của ông Học nó khéo ẩn nấp một cách kín đáo sau những thớ thịt nung núc, sau cặp mắt lơ đễnh, ngây thơ của ông ta. Cái trán ấy có vẻ mênh mông như bãi sa mạc. Tóc ông quăn lại như muốn cố sức níu chặt lấy mớ tư tưởng qúa nhẹ nhàng, sợ nó bay đi mất, để lại sự mênh mông trống trải. Có lẽ nó nghĩ đến chuyện hạc vàng ngày xưa bay đi không trở về, để lại lầu Hoàng Hạc trơ vơ.

Song ông chỉ có thế là nhẹ nhàng. Từ cặp mắt ông trở xuống đến gót chân, trái lại, là một khối chắc chắn, đồ sộ, nặng nề như

một tòa nhà to lớn. Mỗi lúc ông cử động, cả tòa nhà ấy cùng cử động, nên trông có vẻ vững chãi một cách bực dọc.

Ngắm tòa nhà kiên cố ấy, người ta nhận thấy ngay rằng trong đó, không có thể có những cái lắt léo, ngoắt ngoéo nó sống thỏa thuê sau bộ mặt giả vờ hiền lành của ông Bô Luận. Có lẽ trong đó không sống cái gì cả. Có lẽ trong đó sống những tính tình mà không ai ngờ đến, có khi cả ông Học cũng không biết nữa.

Dù sao, trống không hay không có ai ở, tòa nhà kiên cố ấy cũng làm báo, mà làm báo theo một lối đặc biệt. Lúc tòa nhà ấy trông coi Việt Báo, thì nó không là ông Học nữa, mà là ông chủ báo: số những trường hợp ấy hiếm có lắm. Ngoài ra, nó trở nên ông Học, một ông Học không có dính dáng đến tờ báo nữa, mà cần phải phân tách riêng hẳn ra với tờ báo: trường hợp này nhiều như cơm bữa.

Nhưng ở trường hợp nào cũng thế, ông Học vẫn yên lặng, nặng nề, bề thế như một tòa nhà kiên cố của người nước Đức.

ÔNG BÔ LUẬN



Ngày xưa, ngày còn mồ ma ông Vĩnh, không ai biết đến ông Bô Luận cả. Ong nấp sau lưng ông Vĩnh, họa hoằn lắm mới thò mặt ra ánh sáng, và lúc thò mặt ra, người ta cũng chỉ thấy vẻ mặt lờ đờ của một người nhu mì, hiền lành như bụt đất.

Vẻ mặt hiền lành ấy, đến bây giờ ông Luận còn giữ, như giữ của gia bảo. Nhưng

ông không giấu diếm như trước, trái lại, đi đến đâu cũng phô ra, như cậu ấm phô cái áo mới, như cô me tây phô cái nhẫn sang, như chị hàng cá phô rổ chép tươi. Phô thì phô, rổ chép vẫn có thể ươn được, nên vẻ hiền lành của ông vẫn có thể là vẻ hiền lành giả mạo. Ong giả vờ hiền lành, cũng như ông giả vờ vụng về, giả vờ sợ sệt để mong người ta thương... hại, sẵn lòng tha thứ cho ông những điều lầm lỗi.

"- Ong Luận ấy mà ! Ong ấy làm thế chứ thực ra bụng dạ ông ấy tốt lắm, không bao giờ muốn làm hại ai."

Ong khôn khéo lắm, nên những người đã đi guốc vào cái bụng to phệnh của ông mới rõ tính cách của ông là tính cách giả vờ. Người khác thì vẫn tưởng ông là hiền lành lắm, nhất là khi trông mặt mà bắt hình dong. Nào đôi con mắt không động sau cặp kính lớn, như tỏ cho ta biết rằng ông không nghĩ gì cả. Nào cặp má phính như hai cái bát hiền lành úp sấp cạnh nhau, để hở ra một cặp môi đầy một cách phi thường.

Cặp môi dày có thể đem sang Phi châu đấu xảo ấy được, người ta bảo đó là sự phi thường độc nhất của ông. Vì ngoài nó ra, ông lúc nào cũng cố hết sức noi theo kiểu mẫu, noi theo lý tưởng của ông là làm một người thường, rất thường. Người ta biết ăn cơm tây, thì ông cũng biết ăn cơm tây một tí; người ta biết nhảy đầm, thì ông cũng biết nhảy đầm một tí; người ta làm được dân biểu, thì ông cũng làm được dân biểu một tí; người ta biết lên ông Thống, thì ông cũng biết lên ông Thống một tí...

Một chứng cớ: ông cũng đua anh em xuống Khâm Thiên thăm chị đốc Sao, rồi cũng lơi lả ôm vai một kỹ nữ, lạch bà lạch bạch lôi cô ra cho bằng được. Rồi thì cũng tango, cũng foxtrot, cái thân hình nặng nhọc của ông ta cũng nặng nhọc lắc lư theo điệu hát nhẹ nhàng. Thật là tôi cho mồ hôi của ông, tội cho cô kỹ nữ mảnh dẻ và tội cho cả ông nữa. Ong đi xong vài bài, đứng lại hổn

hển thở và nhe răng cười với bạn, như muốn bảo:

- Người ta biết, thì mình cũng biết một tí, ở đời phải vậy.

Cái gì ông cũng có thể biết một tí được. Chỉ riêng có một việc là ông không biết tí gì: ấy là việc viết báo. Tuy nhiên, ông nghĩ rằng xuất bản một tờ báo, tức là viết báo rồi: không viết được, thì đọc cũng vậy. Thế cho nên ông cũng hăng hái tự cho mình là một nhà ngôn luận, sẵn lòng bênh vực cho sự tự do ngôn luận và nhất là sẵn lòng ra làm chủ tịch những buổi hội họp của báo giới.

Nghĩ đến hôm Đại Hội nghị báo giới lần thứ hai mà buồn cười ! Người ta gọi đến tên ông, thì ông rụt rè tiến lên ghế chủ tịch, rồi quay lại hỏi: "các ông bầu tôi ?". Có người nói "không", thì ông lại rụt rè quay về một bước. Rồi ông lại tiến, rồi ông lại lùi... cứ thế mãi cho đến lúc ông lùi hẳn.

Nhưng biết đâu ? Có lẽ đó là ông... giả vờ lùi.

ÔNG MA TĂNG PHÚ



Đặc điểm của ông Tăng Phú họ Ma là làm chủ tờ Đông Pháp, một tờ báo thông tin hàng ngày lớn nhất Đông Dương, nếu không có các tờ báo khác.

Có người bảo ông ấy họ Ngô. Bảo vậy không phải là không có lý, vì ông ấy ưa nói chuyện bên Tàu, như có người thích nói chuyện chiêm bao. Từ chú khách cháy nấu bếp ở phố Hàng Buồm cho đến ông tướng Bạch Sùng Hy ra trận ở Thượng Hải, ông ta đều hiểu họ, đều có

thể đọc vanh vách tâm trạng họ như ông ấy đọc câu đối... bằng chữ quốc ngữ. Đại tướng Mã Chiếm Sơn mặc mấy áo lông cừu, chủ tịch Tưởng Giới Thạch có bao nhiêu lông mũi, nữ sĩ Tống Mỹ Linh đẻ được mấy đứa con, ông ta đều biết rõ: tri chi vi tri vậy.

Một người đã thâm hiểu chuyện Tàu như thế, thì ít ra cũng phải là người Tàu thực thụ, hay là một người có học Tàu. Vì thế nên người ta bèn đổ cho ông ta là họ Ngô.

Nhưng sự thực thì oan cho ông ta. Dòng dõi họ Ngô kể cũng đã cao qúy và một người khác được nhập họ ấy cũng đã có thể tự hào rằng đồng tộc với Ngô Tôn Quyền, Ngô Bội Phu và Ngô Rang. Nhưng với ông Phú thì là giảm mất chân giá trị của ông. Vì ông là dòng dõi một họ cao qúy ghê gớm hơn nhiều. Dòng dõi họ Ma. Một họ đã nổi tiếng khắp đất Nam, khắp nước Pháp, và khắp cả nước Ấn Độ nữa, ai còn không biết tiếng tăm những danh nhân, danh vật như Ma Lanh, Ma Bùn, Ma Cà Rồng và Ma-La-Bà. Đó là không kể những tên khiến người ta sợ, như Ma qủy, Ma xó và Ma trôi.

Kết luận, ông Phú họ Ma. Những người ghen ghét ông, sợ ông danh lớn trùm trời mới phao vu cho ông là họ Ngô vậy. Cũng như họ đã đổ tiệt cho tên ông có chữ đệm là Văn. Văn ? Làm như ông thích viết văn vậy. Văn ? Làm như ông biết đến văn là gì. Nhưng ông ấy tăng phú cả văn.

Vì thế ông ấy là Tăng Phú, Ma Tăng Phú. Một cái tên lột được hết tinh thần của ông ấy. Lột được cả tinh thần của hình thể ông ấy nữa. Thử ngắm kỹ ông ấy mà xem. Sự thường, người ta mặt hoặc tròn, hoặc bầu dục, trái xoan, hoặc vuông. Mặt ông ta thì tăng phú cả sự thường: mặt hình bán phương (trapèze) trên nhỏ dưới to mới chết chứ ! Còn mắt ông ta và nhất là bộ lông mày của ông ta thì chúng lại tăng phú cả sự hòa hợp: lệch lạc, to, nhỏ, chúng cứ mát mẻ với nhau hoài.

Bộ óc ông ta thì mát mẻ với văn chương làm báo, ông cho văn chương là một bà dì ghẻ ác nghiệt nên trên tờ Đông Pháp của ông, ông luôn luôn bắt mời bà ra cổng, mà mời một cách cương quyết lắm. Tăng phú văn chương ông "tăng phú" cả nhiều đặc tính khác của nhà làm báo: có một tờ báo lớn nhất Đông Dương vậy.

Duy có một sự mà ông không nỡ tăng phú: đó là, trời ơi, là tiền. Nhưng đó không phải là lỗi của ông, đó là lỗi ở cái tên "Phú" của ông, mà nhất là lỗi ở bộ mặt của ông nó hao hao giống cái tủ két.

ÔNG PHẠM HUY LỤC



Người ta thường bảo: "dân thế nào, thì dân biểu thế ấy". Điều ấy có lẽ còn không đúng, chứ đến câu: "nghị viện nào, nghị trưởng ấy" ở nước ta thì không còn gì xác đáng bằng.

Nghị viện giỏi, phải có ông nghị trưởng giỏi; nghị viện kha khá, phải có ông nghị kha khá; nghị viện nửa mùa, phải có ông nghị nửa mùa, nên viện dân biểu của ta phải có ông Phạm Huy Lục.

Ong Lục trước kia là cánh tay của ông Nguyễn Văn Vĩnh. Nay ông Vĩnh mất đi, thì ông ấy còn đương tìm người làm cánh tay phải, và trong khi chưa tìm thấy thì ông ấy là một cánh tay phải chưa có chỗ dùng. Tuy vậy, ông vẫn làm nghị trưởng, vẫn mang tiếng là linh hồn của đại đa số của cái viện dân biểu đáng qúy của

ta.

Kể cũng phải, cái viện tốt đẹp ấy có cánh tay làm linh hồn cũng xứng đáng chứ sao.

Cái linh hồn ấy ngày thường ẩn náu ở những chỗ vô hình, mênh mang, mờ mịt, không ai biết đâu mà dò được. Rồi bỗng đến buổi họp hội đồng thường niên, lại thấy hiện ra ngồi chễm chệ trên ghế nghị trưởng.

Lúc bấy giờ, linh hồn ấy mới bỏ cái màn tối tăm mù mịt mọi ngày, bước vào ánh sáng để hiến trái tim nóng hổi những tình tình vị tha tốt đẹp cho vận mệnh của nước non, cho hạnh phúc của nhân dân, trong số đó có cả ông Lục nữa.

Lúc bấy giờ mới thấy rõ mặt ông nghị trưởng Phạm Huy Lục: đôi mắt sếch đầy lòng trắng, ngẩng lên nhìn quãng không như trông theo một lý tưởng có cánh, và cái miệng rộng loe sếch đến mang tai, nhe răng ra cười một cái cười bất tuyệt và yên lặng.

Trong lúc đó, người ta không khỏi tự hỏi thầm rằng sau cái bộ mặt khả ái kia, đương lồng lộn những tư tưởng siêu việt gì, mà trông có vẻ trơ trơ như đá, như cái mặt nạ không linh hồn thế vậy.

Nhưng hỏi thì cứ hỏi chứ không tài nào mà biết được. Những tư tưởng siêu việt, nếu có, chỉ một mình ông Lục biết, một mình ông Lục hay. Chẳng thế mà từ lúc ông ra làm nghị trưởng đến giờ, có ngoài mười năm, mà không thấy chúng nó xuất đầu lộ diện, không thấy ai nom được đuôi chúng nó hết.

Chỉ có qủa tim ông, nóng vì nhiệt huyết, thì người ta thấy sôi nổi trong lời nói của ông ta mà thôi.

CỤ PHỦ HÀM



Ở Hà Nội, ai đã là người biết đến phố Khâm Thiên thì cũng phải biết đến một nhà trí sĩ, một bực đại nhân ẩn cư ở đấy, cụ phủ Đỗ Thận.

Cụ là người trầm mặc, ít ăn, ít nói, lúc nào cũng mơ màng đến một lý tưởng cao siêu, cho nên cặp mắt cụ mới trở nên nhỏ đi, bé đi, như có ý không muốn trông thấy cõi tục xấu xa nó bày ra ngay trước mắt. Mà cụ cũng vì thế mà hóa ra hồng hào, phinh phính, trong bộ râu quăn.

Cái lý tưởng cao siêu ấy là gì ? Nghĩ cho kỹ mới hiểu rằng lý tưởng ấy là lý tưởng ghê gớm này: tuổi càng cao, danh giá cần phải càng to, mề đay cần phải càng nhiều, hàm cần phải càng lớn.

Cụ là người nghĩ thế nào, làm được thế ấy. Vì vậy ta có thể đem cả đời cụ chứng thực cho cái lý tưởng cao siêu của cụ.

Trước hết, ta cần phải nhắc lại rằng cụ là người có đến hai ba chân: một chân ở hoạn trường, một chân ở nghị trường và một chân ở... Khâm Thiên trường.

Ở hoạn trường, cụ bỏ làng bạch đinh đi làm ông huyện hàm, rồi dần dà leo lên làm ông phủ hàm, mà có lẽ rồi đây cụ sẽ lên chức án hàm, tuần hàm và tổng đốc hàm. Cho đến lúc cụ làm đến thiếu hàm thì chắc là cụ mệt lắm rồi, vì hàm mà thiếu thì còn ăn để sống làm sao được.

Ở nghị trường cụ cũng không kém cạnh gì. Ăn cụ cũng có thể ăn được; nói cụ cũng có thể nói được. Tuy nói tiếng Pháp không được thạo lắm, nhưng cũng còn hơn những ông nghị không biết nghĩa chữ "ủy" là gì. Còn những vấn đề quan trọng về kinh tế, về

chính trị, người ta nói đến được, thì cụ cũng nói đến được, nói ít, nói nhiều, nói giỏi, nói kém cũng là nói mà thôi. Năm nay, cụ đã được bầu đi dự Đại hội nghị kinh tế và lý tài, không phải chỉ vì cụ có bộ râu đẹp mà thôi đâu, lại còn mà nhất là vì cụ cũng thạo về lý tài nữa.

Ai có biết cụ ở Khâm Thiên trường mới rõ cái tài ấy của cụ.

Bậc nhân tài như cụ, nước ta rất hiếm, vậy mà không tăng bốc, không trọng vọng, không gắn cho cụ nhiều mề đay, thì thật nước ta không biết người biết của. Bậc nhân tài như cụ mà báo chí chỉ dám chê bai, dám chế riễu, thì thật là báo chí nước ta đáng bị đóng cửa vậy.

Có lẽ vì nghĩ như thế, nên cụ đã đem hàm của cụ đến yết kiến ông Thống sứ và cụ đã đem hàm về: đó mới thật là cử chỉ của bực dị nhân.

ÔNG PHẠM KIM KHÁNH



Ở đời có hai hạng người. Một hạng người chật vật khổ sở để đi tìm nghĩa lý của sự sống và thường đến lúc tóc đã bạc, sức đã kiệt mà vẫn chưa thấy sự thảnh thơi trong lòng. Một hạng người, trái lại, từ lúc còn sỉ mũi cho đến lúc đã trưởng thành, lúc nào cũng hả hê tự mãn, tự túc như con chuột sống trong chĩnh gạo tám thơm.

Ong Phạm Lê Bổng, tục gọi là Kim Khánh, hẳn thuộc về hạng thứ hai này. Ai có khối óc hoài nghi đến

đâu, khi nhìn thấy hình dong, thân thể ông ta cũng phải công nhận là đúng.

Thật vậy. Bộ mặt của ông Bổng lúc nào cũng có vẻ hả hê lắm. Hai cái má của ông béo như má con nít sung sướng nảy nở dưới làn da màu mỡ. Hai con mắt ti hí lúc nào cũng khoan khoái ngủ đằng sau cặp mí tùm hụp, đầy thịt.

Bộ mặt rất đi đôi với cái thân hình to mập, mà ông ta vẫn lấy làm khâm phục. Và kính cẩn nữa. Vì đứng xa mà trông, cái thân thể ấy hao hao giống thân thể mạnh khỏe của đức Kim Thượng.

Sự na ná giống ấy đã đem hạnh phúc đến cho ông Bổng. Ong ta lúc tìm thấy nó, chắc trong lòng mở cờ như nhà bác học phát minh ra được một điều có ích cho nhân loại hay như vua Nã Phá Luân chiếm được kinh thành Bá Linh. Ong ta bèn coi là một sự vô cùng vinh dự cho thân thể của ông rồi nhân đó ông cũng được chút thơm lây vậy. Cho nên, một dạo người ta thấy ông ta khoác áo ba-đờ-suy theo lối y phục của Hoàng thượng, và đi đứng cũng theo điệu của ngài, y như dân Hồng mao đội mũ, mặc theo "mốt" của Hoàng tử Anh Cát Lợi. Phiền một nỗi, ông ta giống người nước Anh chỉ có thể.

Cái vẻ hả hê, sung sướng ở ngoài bì phu ông Bổng thế tất phải nhiễm vào linh hồn của ông. Tinh thần chịu ảnh hưởng của vật chất là lẽ thường. Vì lúc ấy, ông cũng hỉ hả. Hỉ hả vì có họ xa xa với một ông thượng thư, hỉ hả vì được gần gụi một ông hoàng, hỉ hả vì có cái tên đứng chủ trương một tờ báo, hỉ hả vì lúc nào cũng sắp sửa được đội nửa chiếc mũ thổ công, sắp sửa được đi nửa đôi hia, sắp sửa được đeo nửa chiếc bài ngà hay nửa cái kim khánh.

Nửa thì nửa, ông tự lấy làm vinh diệu là được rồi. Trên tờ báo Xứ Sở, ông bấy lâu gọi hồn tổ quốc, thiết tha về chủ nghĩa bảo hoàng, thán thưởng lời châu ngọc của ông thượng thư này, lời gấm

vóc của ông thủ hiến kia, câu ca ngợi lúc nào cũng ở đầu miệng Nhưng ai nghĩ khác phải tội, như vậy chỉ là vì ông lúc nào cũng lấy làm thỏa thuê, tự mãn, thì sự gì, việc gì ở người trên mà ra ông đều cho là đầy đủ cả.

Riêng chỉ có một điều có lẽ ông hơi bất mãn: người ta dám bảo ông là một nhà buôn pháo. Sự thực, ông không buôn pháo đâu, ông chỉ bán pháo thôi. Nhưng thế cũng đủ đem lại một áng mây buồn trên cái trán phẳng, bóng, màu mè đầy vẻ khoái lạc của ông.

ÔNG LÊ THĂNG



Ai đã gặp ông Lê Thăng một lần thì khó lòng mà quên được. Không phải vì ông có cái thông minh vượt khỏi sự tầm thường, mà vì ông có một bảo vật khác người. Bảo vật ấy là cái cổ của ông.

Cái cổ của ông vừa dài lại vừa mềm. Với cái cổ ấy, tưởng chừng như ông có thể xoay hẳn mặt ra sau lưng được. Cái cổ kỳ quái nó khiến cái đầu nhỏ và ngắn của ông ta hóa ra giống đầu một con búp bê Nhật Bản lúc nào cũng lắc lư vì cái cổ qúa mềm dẻo.

Nhưng không phải ông ấy đầu luôn luôn lắc lư mà có thể bảo ông ấy lý luận lúc nào cũng như người say rượu. Trái lại, cổ ông ta mềm dẻo làm sao, thì bộ óc ông ta cũng mềm dẻo như vậy. Vì thế, ông ta mới có tiếng là người khôn ngoan.

Khôn ngoan nhất là lúc ông biết theo gương con chim đậu

nóc nhà quan, tìm đến ông Nguyễn Văn Vĩnh, để trở nên một nhà viết báo, và trở nên cánh tay tả của "nhà văn trực trị". Ong phò tá ông Vĩnh trong ít lâu thì lành nghề. Ong vào viện Dân biểu, ngặt nghẹo bênh vực ông Lục, công kích ông An, cái cổ luôn luôn làm việc. Nhưng thật khó lòng mà biết được trong những lúc hăng hái ấy, cái cổ ấy làm việc cho dân cho nước hay là làm việc cho ai. Chỉ biết rằng những lúc ấy, chân tay, và cả thân thể ông theo hòa nhịp theo cái điệu lẳng lơ của cái cổ kia một cách rất là khả ái. Tiếng nói của ông cũng theo nhịp mà lên xuống, lúc oang oác như tiếng ễnh ương, lúc nhỏ như tỉ tê một câu chuyện nhà. Ong Lê Thăng lúc đó là một khúc nhạc, nếu nó không réo rắt cảm được lòng người, thì nó cũng làm cho người ta được một bữa cười no.

Thế rồi, với cái điệu bộ ấy, ông tiến vào con đường đời. Ong Vĩnh không may mệnh chung, thì còn ông Lục. Không làm cánh tay tả ông Vĩnh được nữa, thì ông làm cánh tay hữu của ông Lục vậy. Làm cánh tay hữu ông Lục trong báo Annam mới , ông cho là chưa đủ cho sự hành động to tát của ông; ông còn nối nghiệp ông Vĩnh để săn sóc một tờ báo tiếng nhỏ nhưng lãi to nữa: tờ Học Báo. Nhưng lãi dù to, ông cũng không thèm để ý tới - trừ ra lúc nào ông cần đến tiền tiêu - ông chỉ mong làm được việc có ích cho nước cho dân mà thôi. Nghĩa là lúc nào ông cũng cả quyết tuyên bố như vậy.

Song, có phải không, tuyên bố cương quyết rằng làm việc cho dân cho nước bao giờ cũng là đầy đủ lắm rồi.

TỨ LY

Ngày Nay, số 82, ngày 24 Oct.1937 - số 92, ngày 2 Janv 1938.

TỨ LY LẤY SỐ TỬ VI

Chiều hôm qua, tôi đi thăm người anh em bạn ở nhà quê, suýt bị chó cắn. Về đến nhà, sực nhớ ra rằng hồi sáng sớm, có con nhện đen sa trước mặt, liền mở quyển Niên lịch thông thư ra xem: thì ra xuất hành phải ngày Tứ Ly, mọi việc đều không nên.

Thảo nào ! Mình "không nên" xuất hành, may mà con chó nó cũng "không nên" cắn, nên mới thoát nạn.

Cho hay rằng không có sự gì là không có tiền định. Các bà Annam ta thông minh nên thấu rõ cái lẽ ấy, thường đem tiền tới biếu mấy ông thầy bói sáng mắt, bảo cho biết việc tương lai.

Kể ra thì biết cũng vậy, mà không biết cũng vậy thôi, nhưng đã được cái lạc thú mất tiền xem bói.

Tin rằng có tiền định thực có lắm điều lợi. Lợi nhất là để cho mình khỏi nghĩ, khỏi nghiên cứu đến gốc nguồn của những sự xảy ra.

- Hôm qua, tôi ăn cháo cá, mắc phải miếng xương, hóc đến mấy tiếng đồng hồ.

- Tại số đấy, anh ạ.

- Tôi đi xem hát, đương đứng ngớ ngẩn chẳng may phải một đứa vũ phu nó tát cho mấy cái nên thân.

- Cũng là tại anh gặp vận rủi,

- Tôi đi đánh bạc, đã thua cay, về nhà mợ cháu lại đay nghiến. Tôi không chịu được, có qúa tay đánh nó sưng tím mình mẩy, hôm

nay nó nằng nặc đòi ra tòa xin ly dị.

- Chẳng qua là cái hạn. Số anh bắt anh phải đánh bạc, bắ anh thua, bắt anh đánh vợ, bắt vợ anh đòi ly dị. Anh cũng không nên phàn nàn rằng đã lỡ tay đánh người đàn bà yếu đuối, vì có phải anh định đánh đâu, tại số bắt anh phải đánh đấy thôi.

Thật vậy, trên trời sự gì cũng đã định trước cả.

Anh lương thiện chỉ vì số anh bắt anh phải lương thiện. Anh uống rượu cũng vì số anh bắt anh phải uống rượu. Anh tài giỏi chẳng qua lỡ sinh vào giờ tốt, chứ thực ra thì anh chẳng có tài giỏi gì cả.

Sống, chết chẳng qua cũng tại số.

Cô gái mới chán đời vì qúa mê tiểu thuyết tình, nhảy xuống hồ tự tử : số cô bắt cô phải thế. Anh kẻ trộm đương đêm vào nhà giết người lấy của, cũng như số người khổ chủ bị giết, chứ thực ra anh ta có tội lỗi gì đâu !

Mỗi sáng tôi dậy phải ăn một cốc sữa : cái số tôi bắt tôi phải thế. Ăn xong lại đi nằm, nằm xong lại ăn, hết ăn lại ngủ, không phải là tôi lười đâu, số tôi thế. Kể ra không ngủ cũng được, nhưng nếu tôi không ngủ, lại chính là số tôi bắt tôi thức.

Thành thử ra, tôi không sao thoát khỏi số cả.

Tôi giơ ngón tay lên, tôi tưởng là tôi có quyền giơ lên hay hạ xuống. Nhưng tôi lầm. Nếu tôi hạ ngón tay xuống, là vì số tôi bắt tôi hạ xuống. Nói cho cùng nữa thì nếu tôi không tin số, chẳng qua cũng vì số tôi bắt tôi không tin số.

Như vậy thì phải tin số, mà nhất là số tử vi.

*

* *

Tôi tin số tử vi, nên cháu tôi mỗi đứa tôi lại lấy cho một lá số. Cả đến con gà, con trâu nhà tôi, tôi cũng lấy cho mỗi con một lá. Nó cũng là sinh vật như người, chắc cũng chịu một số phận như người. Nhưng lấy số cho trâu, gà không có gì là hứng thú cho lắm. Số con nào cũng giống số con nào, đều tốt cả, đời con nào cũng sung sướng, êm đềm cho đến lúc chết.

Lấy số người ta vui hơn, vì mỗi người một số phận, lớn có, nhỏ có, cao qúi có, hèn hạ có. Vì thế nên Tứ Ly tử bắt chước thầy bói, thầy số, bắt chước Qủy cốc tử, Lốc cốc tử, Ngốc tử... mạn phép mấy người, Tứ Ly vẫn yêu chuộng, lấy cho mỗi người mỗi lá.

Nhời dặn - Không có gì phải cám ơn, vì Tứ Ly lấy số được đúng cũng đủ hài lòng rồi.

*

* *

Số ông Dương Bá Trạc

Nếu sao *thiên mã* của ông Vĩnh gặp phải sao *đà la*, thì chắc là sao *thiên mã* của ông cử Trạc gặp phải *âm dương* đồng cung mà phản bội. Nói nôm thì con ngựa của ông cử là con ngựa mù. Chẳng thế sao ông xuất thân làm ông cử, nhập thế cục vẫn là ông cử mà có lẽ xuất thế cục cũng ông cử hoàn ông cử.

Mệnh viên của ông nhờ có sao *văn khúc* hay sao *văn xương* đóng, nên ông từ nhan cũng khả ái mà văn chương cũng thông. Ngặt vì gặp *mộ* thì cũng hơi kém bề thông minh đi, nhưng không việc gì. Dẫu sao thì *"tuế phá lạc hãm một âu, tiếng tăm như sấm ru màu vẻ vang"*. Văn chương ông chắc có lẽ đặc sắc mà kêu như sấm, nếu không cũng kêu như cái thùng sắt tây là ít.

Về các cung khác, không có gì là lạ, duy có cung huynh đệ được một điều rằng:

Tướng quân lộc mã đồng triều,

Anh em giàu có phú nhiêu được dùng.

Thảo nào mà trong tạp chí Văn Học của ông em ông là Dương Tự Quán, thấy có câu chuyện Đinh Bộ Lĩnh của ông. Chỉ có anh em mới dùng được truyện ấy thôi.

#

Số ông Nguyễn Khắc Hiếu

Lấy văn chương mà suy xét, thì ông ấm Hiếu đáng lẽ cũng được văn khúc, văn xương như ông cử Trạc, nhưng xét đến đường công danh thì không có thể được : hoặc giả *văn xương phùng hình* cho nên *lao lực linh đinh* chịu làm ông ấm suốt đời chăng ? Nếu thế thì đi hận biết thủa nào nguôi.

Nhưng ông được sao *tham lang* thủ mệnh, nên lòng hận của ông không lâu. Vì có câu rằng :

Tham lam tính bẩm thung dung,

Say miền gái đẹp rượu nồng mùi ngon.

Gái đẹp thì không có, hay có cũng không được biết, chứ rượu nồng thì hẳn ông không còn chối vào đâu được !

Nhưng thế cũng chưa đủ : ông còn là người cả lo, ông lại còn là một nhà thi sĩ. Nếu vậy thì mệnh ông còn phải có các sao *bạch hổ, tang môn, quan phù điếu khách* hoặc chính vị hoặc phụ chiếu. Vì rằng :

Hổ tang chẳng việc mà lo,

Quan phù điếu khách hay phô rộng nhời.

Số ông Lê Thăng luật khoa tiến sĩ

Số ông này có một cái đặc sắc là sao tốt hay gặp sao xấu. Ong đã từng đi tây, từng đỗ cái bằng tiến sĩ thì chắc không *khoa quyền* đối củng cũng *thiên lộc, thiên mã* thủ mệnh. Nhưng mệnh ông còn có sao *mộc dục, đào hoa* đóng, cho nên ông hay phấn sáp lượt là cho con ngựa (thiên mã) của ông, nghĩa là bao giờ ông cũng phải nêu cái danh luật khoa tiến sĩ.

Ấy cũng bởi hai lẽ nữa : một là ông giống cụ cử Trạc ở chỗ *mộ* hãm địa mà lại *cư mệnh* , hai là vì cung *thiên di* ông có sao *cự môn* đóng, nên miệng thế ở ngoài đảo điên cho ông là hay ngáp phải ruồi.

#

Số ông Nguyễn Đệ

Muốn xem số ông Nguyễn Đệ trước hết nên nhìn sao *thiên mã* của ông đóng ở cung nào.

Sao *thiên mã* của ông chắc không gặp *đà la* như ông Vĩnh, cũng không gặp *âm dương* phản bội như cụ cử Trạc. Nó chỉ gặp sao *điếu khách* như số ông Quỳnh, nghĩa là con ngựa của ông có đeo nhạc rồi nhong nhong mà đi, đi vào Huế.

Cung *tài bạch* của ông này tốt lắm, những tinh *thiên phủ tử vi, tả phù hữu bật* đều đóng đấy cả. Thật là đúng câu :

...Phủ tử mà gặp phương xa nhiều tiền,

Tử vi phụ bật rất hiền,

Làm quan tài bạch ở miền lợi danh.

Thảo nào mà ông ta cứ loanh quanh luẩn quẩn ở sông Hương núi Ngự.

#

Số ông Lê Công Đắc

Ong Đắc lạ, chắc số ông cũng lạ. Mệnh ông chắc có sao *thiên qúy ân quang* đóng. Vì có câu rằng :

Qúy ân phong độ trượng phu,

Chẳng hay quân tử hình thù cũng xinh.

Mà ông Đắc vốn là người trượng phu, quân tử... quân tử trong đám quân tử ở chợ Đồng Xuân.

Xem đến cung *tật ách* lại lo cho ông. *Thiên cơ vũ khúc* đóng ở cung này, lại thêm *thái dương* hãm địa và *thất sát* ám chiếu. Thật chẳng khỏi câu:

... Bởi sao cơ vũ đóng miền ách phương,

Nhược bằng giạ sát chỉ sang,

Thái âm đau bụng, thái dương buốt đầu.

Nếu ông Đắc có buốt đầu, thì nên tìm thuốc mà chữa đi. Tử Ly tử mách cho một phương thuốc kiến hiệu như sau này :

Lấy hai đồng cân mật gấu thật tốt hòa với hai lạng máu gà. Mà phải chọn mật con gấu ít ra là hai mõm và con gà ít ra là ba chân.

#

Số ông Cửu Nghi

Ong Nghi được thưởng cửu phẩm, sau lại được cái huyện hàm, thì chắc số ông không đến nỗi *giáp không giáp kiếp* nhưng cũng không có thể *tọa quý hưởng quý* được !

Mệnh có sao *tử vi* đóng thì cũng trung hậu đấy, ngặt vì mệnh *cư thìn* mà *tuất* có *phá quân* chiếu sang cho nên đúng vào câu :

Tử vi thìn tuất phá quân

Phú nhi bất quý chịu phần hư danh.

Mệnh ông phải thiên la, địa võng thì thật là đúng. Vì rằng thiên la, địa võng là lưới giời, lưới đất, mà ông lại ở trong cái nhà hòm của ông hay ở trong cái ô-tô hòm của ông cũng chẳng khác chi con cá nằm trong lưới, vậy có *bạc* thật nhưng chẳng có sơ múi gì.

#

Số ông Nguyễn Tiến Lãng

Mệnh ông Lãng có *thiên phủ* đóng, nên ông cũng thông minh, nhưng chẳng may gặp *hỏa tinh, linh tinh* cho nên ông thiên về lối văn sầu, khóc hoa soan rụng, than ve sầu kêu, thật đúng câu :

Hỏa tinh thủ mệnh hình dung ve sầu.

Xem cung quan lộc ông này mới biết ông công danh chất chưởng, bao nhiêu hi vọng chỉ vì đại tiểu hạn trùng phùng vào năm 21, 22 mà *thiên mã* lại gặp *đà la* cho nên tuy có gặp *quý nhân* nghĩa là quan thầy mà con ngựa của ông không thể dời đất Bắc sang Pháp được. Nếu không, ông cũng có thể giật được mảnh bằng,

xin vô Huế như ai ai. An hận lắm thay !

#

Số ông Nguyễn Hữu Cự

Số ông Cự là cái số vất vả, tiền hậu bất nhất. Cung điền trạch có sao *vũ khúc, thiên cơ* đóng nên cũng hay, *song hiềm hoán dịch ngày rày nhiều phen*, cũng vì thế mà khi lên voi khi xuống chó, khi thì nghênh ngang trên ghế nghị trưởng, khi thì đeo mục kỉnh ngồi bán thuốc lậu, nhưng phẩm giá ông bao giờ cũng vậy, cái phẩm giá của một nhà "thuốc dân".

#

Số ông Đặng Phúc Thông

Ong này mệnh phùng *phá quân thất sát* nên hay đi, đi tìm mỏ. Nhưng lại *giáp không giáp kiếp*, cho nên lang thang mãi mà mỏ vẫn không thấy. Ấy cũng bởi cung *thiên di* của ông có sao *liêm trinh* đóng cho nên nội trở ngoại hay. Ông ở đất Bắc này không thể phát đạt được, phải đến khi vô Huế may ra mới tìm được mỏ chưa khai.

#

Số ông Phạm Tá

Ong Phạm Tá xưa kia là một ông giáo; sau một cuộc Tây du, ông đã trở nên một nhà thợ ruộm. Lên hay xuống ? Xét về *cung tài bạch* thì ông lên, lên như cái bong bóng xanh đỏ bằng nước xà phòng trẻ con thường thổi chơi. Ấy cũng vì mấy sao *thất sát, cự*

môn. cự ngọ cung, nên *hào tài hoạch phát đùng đùng chửa chan*: Nhưng xét đến cung *quan lộc*, thì ông lại xuống, xuống như nhà nho lỡ thời phải bỏ nghề làm thầy đi buôn phấm. Thật đúng câu :

Tham lang, xương khúc ngày rày,

Ngộ cung tị hợi quan rầy làm ru ?

Cho nên ông Tá có muốn bò lên... gần mặt trời, rồi ông cũng đến tuột xuống thôi.

Còn muốn hiểu tại sao ông Phạm Tá lại chọn nghề thợ ruộm; thì phải nhìn đến *mệnh cung* của ông. Cung này có lẽ sao *cự môn* là chính tinh, vì có câu rằng :

Cự môn tính khí bất thường,

Hễ khi xử sự tìm đường đảo điên.

Phải, tính khí không bất thường, xử sự không đảo điên, thì *thay đen đổi trắng* sao được. Mà thay đen đổi trắng vốn là bổn phận của nhà thợ ruộm.

#

Số ông Tôn Thất Bình

Ong này hẳn là *thân cư thê*, sao *thái âm, thái dương* quanh quẩn cả ở *cung thê*, thật đúng câu :

Nhân thê tứ phú (hay qúy cũng vậy) *bởi phùng Thái dương.*

Cung *thiên di* ông cũng hay, hay vì sao *thiên đồng thiên tướng*; vì thế cho nên ông được ở *gần miền qúy nhân*, nhưng không may cho ông cung *quan lộc thiên mã ngộ đà la*. Cho nên ông phải ở lại nơi "Xứ Sở" hay tờ báo "Xứ Sở" vậy.

#

Số ông Phạm Lê Bổng

Số ông Bổng phải cái mệnh vô chính diệu lại gặp *mộ, bệnh phù, thiên diêu*, mấy sao xấu, cho nên tính ông hiền lành, nhưng lại hiền lành qúa, hiền lành ù lì như con bò cái vắt sữa vậy.

Cung *tài bạch* ông này cũng khá đấy, được sao *hóa lộc ở miền*, nhưng lại nỗi phùng *phá quân* thì tài có khi tán, nếu ông không chịu trông nom đến nghề bán pháo, lại cứ đi làm pháo mượn người đốt.

Còn cung *quan lộc* ông kém lắm, ông có muốn đến điện rồng chầu chực đêm ngày nhưng không có *thái dương, xương khúc*, lại gặp *phục binh phá tú* xúm vào thì không những quyền lộc làm sao cũng hèn mà có lẽ hao tài không biết mấy nữa. Liệu mà lo, ông Bổng muốn bay bổng kia ơi !

#

Số ông Bùi Xuân Học

Số ông này *mệnh cung có phá toái, đẩu quân, phi phù, phi liêm* cho nên tóc có vẻ quăn quăn, mũi ông có vẻ lõ lõ, có sao *lộc tồn* nên trông có vẻ đôn hậu, thêm sao *lực sĩ phụ chiếu*, mà ông lại sinh ra năm *hợi* cho nên người ông mới được phốp pháp tròn trục như thân thể ông.

Số ông lại giống số ông Lưu Bị đời Tam quốc ở chỗ ông Lưu Bị nhờ có quân sư là Khổng Minh mà ông nhờ có quân sư là ông Tha Sơn. Chỉ hiềm nỗi Khổng Minh đoán mưa ở hang Tà Cốc là mưa ở hang Tà Cốc, mà ông Tha Sơn đoán nồi súp-de ở sở rượu Văn Điển đổ nó lại không đổ.

Ngoài cái tài đoán trước đó và trí thông minh ra, thì ông Tha Sơn giống hệt ông Khổng Minh. Cũng như không kể đến tài cán, thì ông Học chẳng kém gì ông Lưu Bị. Có phần ông lại hơn, vì ông to béo hơn.

#

Số ông Từ Ngọc Liên

Số ông Từ là số ông Lang. Cung mệnh ông có sao *tham lang, thiên y, bác sĩ* đóng, thì số ông cũng như số ông Cự, số của một người "thuốc dân".

Nhưng ông khác ông Cự ở chỗ ông có mộ phát. Cung *phúc đức* của ông ít ra cũng được cái *âm mộ thuộc tòa âm cung*, nghĩa là sao *thái âm* (mặt trăng) *đóng ở đó mà lại đắc địa* ở cung *thiên di*, lại chiếu sang hai sao *bệnh đào hoa* cho nên ông thiên chữa về bệnh tình.

Ong lại mở nhà xăm: ấy cũng vì cung *tài bạch* của ông - sao *hóa lộc* gặp sao *hoa cái* lại gặp *thiên mã tại hợi*, (nghĩa là ngựa ngủ trong chuồng ban đêm) cho nên ông kiếm ăn về đường nguyệt hoa mà phát phú, phát phì đấy !

#

Số ông Nguyễn Công Tiễu

Số ông này lạ lắm. Ong không cầm tinh con lợn như ông Học; cũng không cầm tinh con gà như ông Đắc, mà trâu, hổ, rồng, chó, mèo, chuột dê, ông cũng không cầm tinh con nào cả. Cứ lý ra thì ông... cầm tinh con rùa... mới phải chớ, ngặt vì trong hàng chi không thấy có rùa.

Mình ông lại mình *thủy* . vì thế nên ông giồng thủy tiên, yêu rươi, cũng vì thế nên tài cán ông như nước chảy xuống chỗ thấp... ngặt vì số ông lại *hỏa lục cục* nên ông lại muốn lên như ngọn lửa : thế mới rầy !

Cung *mệnh* ông có *hoa lộc lâm quan* đóng, thì tính khí thật là dịu dàng. khiêm tốn, ngặt vì cung *thiên di* ông gặp *phá quân thất sát. cự môn hỏa linh*, nên chỉ mồm thiên hạ họ bịa đặt cho ông là người vụ hư danh. Chẳng qua chỉ là tại số, ông Tiễu ạ.

#

Số ông Vũ Công Định

Mệnh cung ông này gặp *bệnh* hay *mộc*, lại thêm mấy sao *thiên tuế, thiên diêu*, cho nên ông hay dùng lối văn "*khịt khịt mũi* mà rằng : "*Ý si si ! mắm tôm tươi*" là một lối văn lạ, vừa sáo, vừa li kỳ, vừa bóng bẩy như đông phong hây hây quét sạch cả bụi trần trong khối óc nặng nề... như cái chổi phất trần vậy.

Cũng may cho ông, cung *thiên di* gặp được sao *thiên cơ*, lại *đắc địa* cho nên tuy: "*Kia suy bệnh tử ba giòng, Gặp vào nước ấy ai dùng cũng mang*" mà ông cũng tìm được nhà Liên để nương dựa.

Nhưng tôi e cung *giải ách* của ông âm dương phản bội làm màu bất minh thì có lẽ ông mắc bệnh ngủ lúc viết văn. Nếu thế ông xin nhà Liên thuốc mà chữa, kẻo độc giả lây bệnh ông mất.

#

Số ông Linh Nhãn

Đoán số một người biết tên tuổi đã là một sự khó, mà đoán

số một người không rõ bộ mặt thực giống cái gì lại càng khó. Tử Ly Tử cũng muốn có con "mất mèo" như con mất ông Linh Nhãn để bắt chước ông mà xem cái đời tư của ông đẹp hay xấu, xấu hay đẹp. thì *chắc rằng ở trong còn lắm điều hay*... nhưng thôi cứ nhắm liều, Linh Nhãn dạy học vậy.

Nếu sự phỏng đoán đó mà đúng sự thực, thì cung mệnh của ông Linh Nhãn chắc có mấy sao *cự môn, quan phù, điếu khách* đồng cư ở đấy, vì rằng : *Quan phù điếu khách hay phô rộng nhời.*

Mà nếu không phô rộng nhời thì khi diễn giải cho học trò lấy đâu được hoạt bát.

Cung *thiên di* ông này hẳn giáp *nhật nguyệt* lại có *thiên đồng, thiên tướng* đóng, đúng với câu :

Âm dương tả hữu rất hiền,

Cùng là đồng tướng gần miền qúy nhân.

Mà ông Linh Nhãn ở Huế, thì gần biết bao nhiêu là qúy nhân!

#

Số ông Trịnh Đình Rư

Ong Trịnh Đình Rư là một nhà tây nho tham bán, văn võ kiêm toàn. Một nhân tài như ông, số ắt phải tốt ghê.

Mà tốt thật. *Văn xương vũ khúc*, đều đóng cả cung mệnh của ông. Nếu văn xương đắc địa thì ông văn chương chắc là khả ái, và đường khoa cử cũng chắc vác được cái biển ông nghè, ông bảng.

Nếu *vũ khúc nhập miếu*, thì ông hẳn là người anh kỳ tài năng, vào có thể thống trị một cõi, ra có thể cầm quân trăm, vạn.

Ngặt vì *văn xương* bị sát phạm nên ông chỉ rớ nổi được mảnh

bằng cử nhân khoa rốt, và mảnh bằng sơ học tốt nghiệp. Còn sao *vũ khúc* đã không nhập miếu lại *hãm địa*, cho nên ông chỉ trói nổi con gà, cầm nổi cái vợt, và lần nào đi giật giải quán quân cũng bị thải đầu nước.

Nhưng ông cử nhà tôi ơi, ông cũng không nên buồn, ông là một nhà văn võ toàn tài, nhưng số bất ông phải vậy biết làm thế nào ! Nếu số ông khác thì ông cũng sanh cao vọng trọng, hách hách, dịch dịch như ai ai !

#

Số ông Phạm Văn Bính

Số ông Phạm Văn Bính là số một người lính ngự lâm pháo thủ. Vì vậy cho nên mệnh viên ông có sao *vũ khúc, thất sát* đóng, nhưng đều *hãm địa* cả, cho nên dẫu ông muốn đóng đội , đóng cai cũng không được. Làm lính ngự lâm, bao giờ ông cũng chỉ làm lính ngự lâm.

Chịu khó vậy, ông Bính ! Làm lính ngự lâm cũng danh giá chán rồi.

#

Số ông Phan Khôi

Ong Phan Khôi vốn là một nhà nho. Nhưng cung mệnh của ông vì không có *xương hkúc* đóng, nên chỉ đỗ được đến tú tài, rồi phá ngang. Ong ở phái nho ra, ông lại bài bác nho giáo, có người bảo vì ông không nghiện rượu như ông Tản Đà. Nhưng không phải. Chỉ vì cung mệnh ông có sao *thiên tướng* đóng, nên lòng ông thẳng băng như... ruột ngựa đấy thôi.

Cung *thiên di* ông gặp *vũ tinh* cho nên ông nay đây mai đó như con vịt giời gặp *cự môn* vì thế khẩu thiệt đảo điên, nay cãi lý luận với ông Trần Trọng Kim, mai cãi luân lý với ông Nguyễn Khắc Hiếu.

Những cung khác đều hay hay cả, duy có *cung thê thiếp* là có điều cho ta đáng để ý. Vì có sao *liêm trinh* hay sao *thất sát* cư ở cung này nên chi ở Nam ông lấy được bà vợ cả, nghĩa là ông viết báo Phụ nữ Tân văn rồi ông bỏ luôn. Ong ra Bắc muốn lấy thêm bà vợ hai, nghĩa là ông muốn viết báo Phụ nữ Thời đàm sắp tái bản... nhưng than ôi ! *liêm trinh phải khắc bu tên*, biết đâu rồi ông lại bỏ cô vợ hai, vô Huế tìm người vợ ba, mà biết đâu cô vợ ba đó không là báo Phụ nữ Tân tiến ?

#

Số ông Nguyễn Thừa Đạt

Muốn lấy số ông nghị Nguyễn Thừa Đạt sực nhớ hồi năm kia,ông diễn thuyết hăng hái về nút chai "herméticos" ở giữa Nghị viện; lại nhớ hồi năm ngoái ông ngồi im tắc tị như chai rượu đã đóng nút chai Herméticos nên Tứ Ly Tử cũng tắc tị không lấy số ông ra sao được. Ngồi tính nhẩm mới biết lấy số ông phải giờ bất lợi, mọi việc đều không nên.

TỨ LY

Phong Hóa, số 55, ngày 14 Juillet - số 59, ngày 11 Aout 1933.

NHỮNG CUỘC ĐIỀU TRA PHỎNG VẤN KHÔNG TIỀN KHOÁNG HẬU

I. ĐI XEM MŨ CÁNH CHUỒN

Hễ có đám khao, đám vọng hay có việc làng việc nước, là quan bao giờ cũng được đem biếu phần trước. Thí dụ như cái thỏ bò, thỏ lợn.

Vì cái lẽ tự nhiên ấy, tôi phải đến Thần kinh phỏng vấn các cụ thượng đầu tiên.

Tôi trộm nghĩ : Các cụ là những người quyền cao, chức trọng, cầm cân nẩy mực cho quốc dân, ăn toàn cao lương mỹ vị, mặc toàn tơ lụa vóc nhiễu, lúc nào cũng nghĩ đến dân, nước, chỉ mong đìu dắt đàn em con bé dại vào nơi văn minh sáng tỏ. Như vậy, hẳn các cụ có đủ tài để chỉ rõ cho ta những điều can hệ với nước nhà.

Đáng lẽ bắt đầu, tôi phải đến yết kiến cụ thượng Thượng Chi Phạm Quỳnh, là người mà thiên hạ vẫn cho là đứng đầu lục bộ, nhưng chính vì cụ to lớn qúa, mà mình lại kém hèn, nên tôi hóa sợ hãi, chưa dám vào cửa vội. Thôi thì sảy nồi vớ rế, hãy tạm vào thăm một cụ thượng khác, để lấy can đảm cho đủ đã.

Sự tình cờ đưa tôi đến một tòa nhà lụp xụp, cột gỗ lim chạm trổ rất công phu, nếu không có mỹ thuật. Liên tưởng đưa ý nghĩ, tôi đoán ngay là tôi đã được cái hân hạnh đứng trước bộ công và

bộ mỹ thuật.

Mà tôi đoán không sai : một người lính sà- cạp xanh bảo nhỏ tôi rằng, anh ta được thưởng hàm bát phẩm văn giai, mà tòa dinh thự này là dinh thự của "quan" Công bộ thượng thư Tôn đại nhân, hiệp biện đại học sĩ, một trụ trong tứ, ngũ trụ của triều đình. Tôi sợ mếch lòng quan bát, phải cung kính :

- Thưa quan, tôi muốn vào yết kiến cụ thượng.

- Không được.

- Cụ còn ngơi chăng ?

- Ong lớn còn bận.

- Ồ quái ! Gọi ông lớn chứ không phải gọi "quan lớn" à ?

Người lính ngạc nhiên giương mắt, đáp :

- Gọi ông lớn, chứ ai gọi quan lớn !

Tôi nghĩ thầm : Mình vừa hô hào bỏ tiếng "quan" thay tiếng "ông" vào, thì ra ở đây họ thực hành ngay rồi. Các cụ thượng có khối óc bình dân thật. Liền định tâm phỏng vấn ông Tôn Thất Quảng về việc ấy.

Nửa giờ sau, tôi được cái hân hạnh đứng trước ông Tôn Thất Quảng. Ong ngồi bệ vệ trên sập gụ, mặt to mà béo, lông mày xếch, ria mép lún phún, tay trái cầm cái xe điếu trúc dài đương hút thuốc lào. Cái xe điếu mềm cong. Một người lính hầu đương châm lửa vào nõ điếu...

Trước vẻ quan rạng ấy, tôi xin thú thật rằng hơi ngượng lúc tôi hỏi :

- Tôi xin mừng ông đã bỏ tiếng quan.

Ong Tôn nghiêm nét mặt, trả lời :

- Chỗ này không phải trò đùa..

- Bẩm, chúng tôi xin ngài tha lỗi cho... Chúng tôi thấy cậu

lính "bát" gọi ngài là ông lớn, nên chúng tôi tưởng...

- Các ông nên không tưởng gì cả thì hơn. Trong này, từ xưa đến nay, dân chúng vẫn gọi các đại thần là ông lớn cả.

Một áng mây buồn như bay qua chân Tôn đại thần.

- Ở ngoài Bắc gọi là quan lớn có lẽ hơn. Chữ quan có âm hưởng mỹ thuật. Chúng tôi xin ngài thứ cho sự đường đột của chúng tôi mà trả lời chúng tôi về mấy phỏng vấn có quan hệ.

- Nhưng bản chức, lại vừa kiêm cả bộ công nữa.

- Bẩm, vâng. Đại nhân làm nhị bộ thượng thư, như vậy là có tài lắm. Chúng tôi xin hỏi thượng thư bộ mỹ thuật trước.

Tôn đại nhân vội xếp lại nếp áo cho chỉnh tề, vuốt lại mái tóc, đội lại cái khăn cho ngay ngắn, lấy cái lược con chải lại bộ râu mép cho có vẻ mỹ thuật, rồi ung dung dõng dạc đáp :

- Bản chức xin nghe...

- Bẩm, đại nhân coi về bộ mỹ thuật chắc am tường mỹ thuật lắm. Đại nhân hẳn nghe thấy nói kiểu áo mới của Cát Tường. Vậy đại nhân nghĩ nên đổi lấy cổ áo bành bẻ ?

Tôn đại nhân nghĩ một lúc, rồi đáp :

- Cũ, mới đều hay cả. Cứ theo ý bản đường thì tùy ý, ai muốn may cổ gì thì may, miễn là có cổ là được rồi.

- Vâng, đại nhân dạy chí phải. Xin chỉ giáo cho một điều nữa. Quần tân thời nên may một nếp hay là hai nếp ?

Không ngần ngại, Tôn đại nhân trả lời :

- Hai nếp. Là vì, một là "nhất". Mà chữ nhất, thường dân không dùng được...

- Bẩm, thế còn răng đen, thường dân cạo làm răng trắng có được không ạ ?

- Bản chức muốn bắt nhuộm răng đen hết. Là vì răng đen là một cách bài trí mỹ thuật riêng của nước Nam. Và màu trắng là màu buồn dùng về việc tang, vậy để răng trắng thì có khác gì để khăn sô.

- Đại nhân nói thực là chí lý.

- Bay đâu ?

Tôi giật mình.

- Châm thuốc tao hút đây !

Ra đại nhân hứng chí muốn hút điếu thuốc lào nhấp giọng.

- Thưa đại nhân, ngài có nghĩ đến mỹ thuật nước nhà không?

- Có, bản chức bao giờ cũng tìm cách chấn hưng mỹ nghệ trong nước. Hiện bộ mỹ thuật đang nghĩ chế giấy dán vào bao chè và phong thuốc lào cho có vẻ mỹ thuật để làm quảng cáo cho đồ nội hóa... Bản chức còn nghĩ nhiều cách khác, thí dụ như... như...

Tôn đại nhân vỗ trán, nói :

- Ồ, bản chức quên mất rồi... Thôi để khi khác.

- Vâng, xin để khi khác. Giờ xin hỏi ý kiến ông thượng thư bộ công.

- Việc là việc công, ông hỏi bản chức sẵn lòng trả lời.

Lúc đó, Tôn đại nhân có vẻ uy nghi, đường đường, lẫm lẫm, thật đúng một thượng quan.

- Bản chức nói cho ông biết. Bản chức bận về công việc suốt ngày, lúc thì sửa sang dinh điện trong Hoàng thành, lúc thì đốc sức sửa chữa thuyền rồng, không mấy lúc được ngơi.

- Vâng, không dám để phí thì giờ qúy báu của đại nhân. Chỉ xin đại nhân chỉ giáo chỉ một, hai điều . Xây dinh thự, theo đại nhân nên làm kiểu nhà "bánh khảo" hay kiểu nhà "Khai trí", hay một kiểu khác ?

Tôn đại nhân mỉm cười hỏi lại :

- Đó là vấn đề mỹ thuật. Ong muốn hỏi ông thượng thư bộ công, kia mà.

Tôi nhận lỗi, cố hỏi thêm một câu :

- Còn nhà cửa dân quê, đại nhân nghĩ có nên thay đổi kiểu cho hợp vệ sinh không ?

- Đó lại là vấn đề vệ sinh rồi.

Tôi đành mang khối hận không dám hỏi nữa, từ tạ trở ra. Khi đi qua sân, tôi thấy hai người lính đương cầm roi đốc thúc mấy người thợ quét vôi lại bức tường rêu của công bộ, lòng không khỏi bồi hồi man mác.

*

* *

Ai là người đã đành "thăng quan" cũng công nhận rằng nội các bộ, chỉ có Lại bộ là chắc chắn hơn hết... Gieo được "đức" đi hiệp biện đại học sĩ ngay đã đành, gieo được "tài" lại còn được đi quân lược, được "công" đi thái tử thái phó... Rõ ràng thứ nhất bộ Lại...

Ong đương kiêm Lại bộ thượng thư Thái Văn Toản đại nhân, hàm thái tử thái bảo, nhất hạng kim khánh (nếu tôi không lầm), và đã gieo được đức "đức, tài, công" nên đã được làm hiệp biện đại học sĩ. Thật là một việc đáng ghi vào sử xanh nước Việt Nam.

Tôi, một bạch đinh trong đám bạch đinh được cái diễm phúc vào yết kiến Thái đại thần, thật là thậm hạnh, thậm hạnh. Là vì Thái đại thần xuất thân làm thư ký hay tham tá, rồi chẳng bao lâu làm việc mẫn cán được sung chức ngự tiền văn phòng hầu đức tiên đế, công trạng một ngày một hiển hách cho đến bây giờ, đại nhân là người làm danh giá cho nước nhà, và đáng làm kiểu mẫu

cho dân gian...

Tuy vậy, đại nhân ta chỉ có thể đứng xa mà ngắm, chứ nếu ai cũng bắt chước người làm Lại bộ thượng thư hết, thì còn lấy ai làm dân nữa...

Hôm tôi đến yết kiến người, trời cũng như hiểu ý, cho những đám mây ngũ sắc bay lượn như nếp áo chầu hay lẩn vẩn theo hình chiếc hài thẻ ngà.

- Thưa ngài, chúng tôi muốn được nghe lời vàng ngọc...

Thái đại nhân đương nhìn ra bể cá vàng đựng núi non bộ ở ngoài sân, mặt đăm đăm như đương trầm ngâm nghĩ đến việc nước, không trả lời tôi.

Tôi nhắc lại câu, đại nhân mới thủng thẳng trỏ lên bức hoành phi treo trên cái sập sơn đề bốn chữ : "đại thần phong thể" và bảo tôi rằng :

- Thầy ngồi chơi...

Rồi đại thần lại nhìn ra chậu cá vàng, hai con mắt đăm đăm.

Tôi yên lặng tỏ lòng kính trọng sự trầm tư mặc tưởng của một vị đại thần. Hồi lâu, Thái thượng thư sực tỉnh, quay lại chỉ cho tôi cái ghế con :

- Thầy ngồi chơi...

Thấy đại thần nhún nhường gọi tôi bằng thầy, tôi vội đáp :

- Bẩm, không dám. Chúng tôi muốn đến quấy rầy đại nhân, mong đại nhân hạ tứ đáp cho chúng tôi mấy câu hỏi có can hệ đến nước nhà. Thái đại nhân nghe đến đây nghiêm nét mặt nhìn trộm lên bức hoành phi. Tôi nói tiếp :

- Thưa đại nhân, gần đây có phong trào bỏ tiếng quan. Đối với phong trào ấy, đại nhân nghĩ thế nào?

Thái đại nhân mỉm cười một cách thương hại, mà bảo tôi :

- Bỏ tiếng quan ?! Người nào có ý kiến ấy đáng... đáng...

- Bẩm, đáng cho làm dân !

Thái đại nhân gật gù :

- Phải. Bỏ tiếng quan ! Khi nào bỏ được tiếng quan ? Bỏ tiếng quan đi thì còn đâu là quan, mà bản chức còn ngồi đây làm gì ? !

Rồi đại nhân lại nhìn lên bức hoành phi đề bốn chữ : "đại thần phong thể". Rồi như theo đuổi một điều lý luận chắc chắn, đại nhân vừa nhìn ra qủa núi non bộ vừa nói tiếp :

- Bỏ thế nào được tiếng quan. Một nước lớn tốt nhất là có tôn ti trật tự phân minh. Trong tứ dân, sĩ đứng đầu. Sĩ tức là quan. Như vậy, nông, công, thương phải gọi sĩ là quan lớn là phải lắm rồi...

Đại nhân liếc mắt nhìn lên bức hoành phi...

- Còn các đại thần, hoặc là gọi ông lớn, hoặc gọi là cụ lớn.

Tôi cũng liếc mắt nhìn lên bức hoành phi :

- Bẩm, "đại thần phong thể", đại nhân dạy thực là chí lý. Nhưng còn các quan nhỏ...

- Quan nhỏ cũng gọi là quan lớn. Còn chánh, phó tổng thì nên gọi là thầy; chánh, phó lý và kỳ hào thì nên gọi là bác, là anh; bạch đinh là... mi, là đứa... đinh là đứa...

Tôi giật mình đánh thót một cái. Là vì tôi chợt nhớ ra rằng, tôi là một anh chân trắng.

Cố mỉm lấy một nụ cười tươi, tôi vội đáp :

- Bẩm, vậy ra đại nhân liệt chúng tôi vào hạng chánh, phó tổng...

- Không... không. Bản chức dùng chữ thầy đây về nghĩa khác...

- Dạ. Nếu vậy thì đại nhân lại kính trọng một anh bạch đinh

qúa. Chúng tôi đâu dám. Chữ "thầy" đó xin tặng lại cho đại nhân, đại nhân nghe có được không ạ ?

Thái đại nhân ngồi ngẩn ra một lúc rồi đáp :

- Thôi, ông cứ gọi như trước cho...

Tôi mỉm cười đáp :

- Xin lĩnh ý đại nhân chỉ giáo thêm. Tiếng "quan" không bỏ, quan lại cũng không sao bỏ được. Như vậy thì áo quan vẫn còn. Nhưng tay áo thụng dài qúa, bất tiện cho những lúc cầm đũa hay múc canh, đại nhân nghĩ có nên cắt cụt đi không ?

Thái đại nhân để ngón tay trỏ lên trán, nhìn ra chậu cá vàng, trầm ngâm một lúc, rồi nhìn lên bức hoành phi, đoạn ngoảnh lại phía tôi dõng dạc phán rằng :

- Tay áo thụng cắt ngắn đi thì có lẽ tiện hơn, song sẽ làm giảm bớt vẻ đường hoàng của đại thần lúc tế lễ. Cứ lấy bộ đại triều phục hiện thời, bản đường còn e rằng kém vẻ lộng lẫy nữa cơ đấy...

- Đại nhân thực là đèn trời... Đại nhân đã nghĩ vậy, sao không bàn nên chế lấy bộ triều phục có vẻ lộng lẫy, kiều diễm hơn. Chứ theo ngu ý, thì nên lấy nạm vàng bọc lên mũ cánh chuồn cho thêm lóng lánh, thêu kim tuyến lên áo thụng vẽ mây ngũ sắc, dát ngọc vào đôi hia lớn, và chạm rồng lên chiếc thẻ bài ngà...

Thái đại nhân vừa nghe vừa gật gù, rồi thận trọng đáp rằng :

- Lời ông bàn nghe cũng hữu lý... đáng để cho bản đường bận tâm nghĩ đến.

Được thể, tôi nói tiếp :

- Bẩm, các viên phủ, huyện phải công cán, nên cho đi xe ô tô hay xe bình bịch .

- Ô tô chứ ! Đời nào ai quan huyện lại đi bình bịch bao giờ !

Còn gì là thể thông quan trường nữa.

- Bẩm đi ô tô đã đành là hơn, nhưng diệu vợi lớn. Cho nên nhiều viên phủ, huyện không có...

Không ngần ngừ, Thái đại nhân trả lời :

- Không có à ? Không có thì đi cán cũng được...

- Bẩm, đại nhân nghĩ đâu ra đấy cả. Còn giày các quan đi, đại nhân dùng "giày ban" hay giày ta ?

Nghĩ một lúc, Thái thượng thư nói :

- Câu hỏi hay khó trả lời. Là vì điều đó hơi thuộc về bộ Mỹ thuật. Ong ngồi đợi, bản chức hỏi Tôn thượng thư xem đã.

Nói đoạn, Thái đại nhân quay tê-lê-phôn nagy lập tức.

- Allô ! Allô ! Bộ Mỹ thuật ? Ở đây, bộ Lại. Quan lớn đấy à? ... Quan lớn vẫn được mạnh ? Tôi muốn hỏi quan lớn về vấn đề quan hệ... quan lớn nghĩ nên đi giày gia định hay là giày ban ?... Bộ Lễ ? Để bản chức hỏi xem...

Thái đại nhân quay sang phía tôi thuật lại :

- Tôn thượng thư bảo tôi rằng, điều đó là một vấn đề thuộc quyền quan thượng bộ Lễ xử đoán, vì thường phục hay triều phục đều do lễ nghi mà ra cả.

- Vậy đại nhân thử hỏi Bửu đại thần xem...

Thái đại nhân gật đầu quay lại máy nói :

- Allô ! Allô ! Bộ Lễ ? Bửu đại nhân ? Tôi đây, thượng thư bộ Lại... Tôi muốn hỏi đại nhân về một vấn đề quan hệ; bận quốc phục nên đi giày ta hay giày ban ?

- ... Thế nào ? Đại nhân nên giữ lễ cổ ? Nhưng chúng ta là lục bộ mới ? Dạ... dạ... đại nhân dạy rằng, việc quan hệ đó thuộc quyền quan thượng bộ Mỹ thuật xử đoán ?

Thái đại nhân quay lại tôi có vẻ thất vọng.

Thành thử ra, tôi cũng thất vọng, đành ngậm ngùi trở ra, đến nay vẫn không biết rằng, bận quốc phục thì nên đi "giày ban" hay nên đi "giày ta" ?

*

* *

Làm cho dân ta yếu hèn,
làm cho xã hội ta đồi bại,
chính là tội hai cái chủ nghĩa
kính thượng và phục tòng.

Phạm Quỳnh

Trước kia, tôi đã nhiều lần được cái hân hạnh nhìn mặt Phạm tướng công. Nhưng dạo đó, tướng công mới là ông Phạm Quỳnh, một con phượng hoàng ăn lẫn trong đàn gà "báo chí", người thì lêu nghêu, lao ngao, mặt thì gầy gò, hốc hác, không có cái vẻ phì nộn của một vị quan to. Có người bảo, tướng tinh ngài chưa lộ.

Hôm nay, đến yết kiến tướng công đây, ắt là tướng tinh ngài lộ hẳn ra rồi. Cũng vì tôi sợ tướng tinh của ngài lộ ra, nên tôi vào phòng khách của ngài một cách e dè, kính cẩn, trong lòng thấp thỏm không biết thế nào mà nói. Tôi vừa bước vào cửa, bỗng nghe thấy ở góc phòng có tiếng hát cao giọng đưa ra :

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em có chồng rồi, anh tiếc lắm thay !

Phạm tướng công mặc áo gấm hồng thêu rồng phượng, đương đứng tựa vào bàn ngâm nga...

Đoán rằng tướng công có ngụ ý sâu xa trong bài hát, tôi đứng

yên lặng, tỏ lòng kính trọng nguồn tư tưởng của một nhà đại chính trị.

... Con kiến mày ở trong nhà,
Tao đóng cửa lại mày ra đằng nào ?
Con cá mày ở dưới ao,
Tao tát nước vào mày chạy đằng mô ?

Tôi sợ tướng công mải hát, khản mất cái cổ họng qúy bát của ngài, bèn đằng hắng lên tiếng.

. Phạm tướng công nghe thấy, quay lại phía tôi đứng. Khuôn trăng đầy đặn, trông ngài trẻ hơn hồi mười năm về trước. Chỉ có cái cặp kính trắng với cái lưng hơi gù là vẫn y nguyên, như có ý chứng thực cho sự bất di bất dịch trong lúc mọi vật đổi thay...

Trông thấy tôi, tướng công niềm nở chạy lại, giơ tay ra bắt. Tôi nghiêm lại nét mặt, chính khâm nguy tọa, vái tướng công mà rằng :

- Kính chào quan lớn...

Phạm tướng công vừa cười vừa nói :

- Quan lớn với quan bé gì. Chỗ đồng nghiệp với nhau, phải đâu xa lạ. Bản chức đang ngâm mấy câu ca dao đầy thi vị mà bản chức cho là cái âm hưởng tự nhiên ở trong lòng dân mà ra.

- Vâng, quan lớn ngâm ca dao là để nghĩ đến dân gian nghèo đói đương mong quan lớn ra tay kinh tế cứu khổ cứu nạn cho.

Phạm tướng công nguýt tôi mà rằng :

- Lại quan rồi ! Xưa bản chức làm báo, nay ông cũng làm báo, chúng ta như vậy hơi có tình đồng nghiệp. Bây giờ gặp nhau, ông đừng qúa tôn bản chức lên như thế, cứ gọi bản chức là ông hay ngài cũng được rồi.

- Bẩm tướng công, "có đồng đẳng mới bình đẳng". Tướng

công là "quan", chúng tôi là "dân", nếu tướng công cho phép chúng tôi gọi tướng công bằng ông thì còn gì là tôn ti trật tự, còn gì là quốc hồn quốc túy nữa.

Phạm tướng công không trả lời vội, đứng dậy mở tủ sách lấy ra chồng tạp chí Nam Phong năm 1922, rồi một nụ cười chế nhạo nở trên cặp môi hồng, ngài mở một quyển ra, dõng dạc đọc rằng :

"Làm cho dân tộc ta yếu hèn, làm cho xã hội ta đồi bại, chính là tội hai cái chủ nghĩa kính thượng và phục tòng. Không những một nước ta, nước Tàu khốn nạn như bây giờ cũng vì đó...

"... Không nói đâu xa, nói ngay một quan trường.

"Theo cái lý tưởng cũ, ông quan vẫn là cha mẹ dân, nghe ông Trần Văn Chương tán dương cái đức tính của ông quan, thì tưởng nội thế giới không có nước nào có quan hay bằng nước Nam ta. Nhưng hãy gập sách lại mà thử nhìn ngay chung quanh mình, dám đố ai kiếm đâu được giống quan như thế. Giống ấy có lẽ chỉ ở trong tưởng tượng ông mà thôi, hay là phải sống lại về đời Nghiêu, Thuấn họa may mới tìm được. Còn quanh mình thì bất nhẫn nói".

Đọc xong, Phạm tướng công ngước mắt lên hỏi tôi :

- Ong đã nghe rõ chưa ? Tôi không yêu chủ nghĩa kính thượng, nên tôi đã viết mấy câu tôi đọc vừa rồi phê bình bài luận văn thi tiến sĩ của ông nghè Trần Văn Chương.

- Dạ, quan, à ông, nói phải lắm. Nhưng chuyện này đã ngoại mười niên. Vả lại, tướng công lúc đó chưa được vào trong hoạn trường, chứ bây giờ, quan trường đã có cái hân hạnh được tướng công vào chấn chỉnh thì cái "giống quan" tưởng tượng kia, hẳn là phải có.

Phạm tướng công tươi như hoa phù dung mới nở, bắt tay tôi luôn hai, ba lần :

- Ong thực là tri kỷ của bỉ nhân...

- Chúng tôi đâu dám. Chúng tôi làm báo, tướng công làm đại thần, khác nhau xa.

Phạm tướng công cười như nắc nẻ :

- Ong cho là xa, bản chức không cho là xa. Tây nhân có câu rằng :"Nghề làm báo đưa ta đến đâu cũng được, miễn là ta phải ra ngoài nghề làm báo"(Le journalisme mène à tout, à condition d'en sortir).

Rồi, như tướng công được chịu ảnh hưởng của sự liên tưởng, tướng công kể cho tôi nghe :

- Thật là số hệ không biết đâu mà lượng. Năm 1921, bản chức sang Pháp du lịch, một hôm được gặp ông Henri Lorin, thư ký hội địa dư ở bên ấy, giới thiệu với hội viên là một vị quan to xứ Bắc kỳ, tưởng là một câu tặng khống để lấy lòng, ai ngờ bây giờ lại hóa ra sự thực.

Hai con mắt tướng công mơ màng như nhìn về cuộc đời dĩ vãng. Một sức mạnh vô hình bắt tướng công mở tập Nam Phong cũ, nhện giăng đầy, lấy một quyển ra đọc rằng :

"Chỉ trách ông Henri Lorin có một điều là ông lầm đến nỗi giới thiệu mình với đồng nhân là một "vị quan to xứ Bắc kỳ"...Ông chẳng qua là xét nhầm, trông thấy mình ăn mặc xúng xính tặng cho cái tên "quan" cho nó sang trọng, cũng như tiếng caid đối với người Ả Rập hay người Ma-lắc-kha nghĩa là vào hạng tù trưởng dân thuộc địa tưởng thế là danh giá cho mình lắm, có biết đâu !..."

Tôi mỉm cười ngắm Phạm tướng công xúng xính trong bộ áo gấm hồng mà nói rằng :

- Danh giá thật... Còn ông Lorin không ngờ đã hóa ra một Qủi cốc tử đoán việc tương lai như thần !

Vẻ triết lý, Phạm tướng công nói tiếp :

- Ấy, thường thường toàn nhờ sự không ngờ như thế mà người ta trở nên có danh tiếng một thời.

Trong lúc chúng tôi nói chuyện, thì một người lính hầu đã mang ra các thứ rượu tây để lên bàn. Một người lính khác mang khay nước chè tàu để lên chiếc bàn bên cạnh. Phạm tướng công làm ra người lịch thiệp, hỏi tôi :

- Mandarin-cassis hay là chè long tỉnh ?

Nghe câu hỏi, tôi mới như người sực tỉnh, chợt nghĩ đến ý nghĩa sâu sắc của sự hành vi tựa hồ như nhỏ mọn của tướng công: tướng công đem ra mời mình rượu tây lẫn che tàu, ý hẳn muốn dung hòa hai cái văn minh Âu-Á đây.

Cái lý tưởng dung hòa ấy, tôi lại thấy nhiều chứng cớ khác nữa chung quanh bộ sa-lông tối tân bày bên cạnh những đôn, thống đời Càn Long, đời Khang Hi, những mảnh bằng thành chung, tốt nghiệp lồng kính treo lẫn với những tờ sắc màu vàng thẫm, những câu đối lộng lẫy lẫn với những tranh ảnh của Trần Phềnh, Nam Sơn.

Mà cả đến người Phạm tướng công cũng là biểu hiện của sự dung hòa đáng yêu kia: cái khăn xếp bằng nhiễu tây, cặp kính trắng của tây làm, đôi giày ban, bấy nhiêu vết tích của nền văn minh Âu-Mỹ trong những vết tích của nền văn minh Tàu: áo gấm hồng, quần lụa Thượng Hải...

*

* *

Thần kim tiền mới có người nhiệt thành lễ bái,
chứ ông bụt mốc thì ai thèm nhìn;
văn quốc ngữ ta chẳng qua là ông bụt mốc mà thôi.

Phạm Quỳnh

Tôi đương mãi nghĩ đến sự huyền diệu vô cùng của chủ nghĩa dung hòa, thì Phạm tướng công như thấu hết ruột gan tôi, vừa nở một nụ cười hoa, vừa nói rằng :

- Mời ông dùng chén chè tàu tống khẩu, rồi uống cùng bản chức chén rượu mandarin cho ngon cơm...

- Bẩm tướng công cho uống thế nào cũng được, cái đó không có quan hệ gì.

Phạm tướng công nghiêm nét mặt mà bảo tôi :

- Ong lầm. Rất có quan hệ vậy.

Ồ, thế ra mình chưa hiểu. Phạm tướng công mình đã thấu đáo cái triết lý của sự dung hòa lắm rồi, mà chính mình vẫn không biết. Chén chè tàu đây là biểu hiện cho cái văn hóa Á đông, ta uống trước là phải, cũng như thuở nhỏ ta chịu ảnh hưởng của Hán học trước tiên, không còn ân hận gì nữa

Tôi bèn đem thiển ý giải bày với Phạm tướng công. Tướng công ôn tồn bảo tôi rằng :

- Dung hợp hai cái văn minh Au Á vốn là sở trường của bản chức.

- Vâng, tướng công từ hồi nào còn cao ngọa ở phố hàng Da đã có ý bảo tồn quốc túy và hấp thụ tinh hoa của nền văn minh thái tây.

- Chính thế. Bản chức cho là lấy cái hay của người hòa lẫn với cái hay của mình, tức thì mình có đủ cả hai cái hay vậy.

- Một với một là hai, tướng công nói thật là chí lý.

Phạm tướng công đạo mạo nói tiếp :

- Cái hay của văn minh đông phương chung qui ở đạo Khổng. Những lời của thánh nhân đã dạy là những lời ta phải theo để bảo tồn lấy quốc hồn quốc túy...

- Nghĩa là, ngoài việc thuộc lòng truyện Kiều, ta lại còn phải có cái đức tính phục tòng lời nói của cổ nhân.

- Chính vậy.

- Thưa tướng công, đạo Khổng lại còn là đạo của sự tôn ti thượng hạ. Bầy tôi phải kính vua, vợ phải kính chồng, kẻ dưới phải kính người trên.

- Phải, đó là quốc túy mà ta nên bảo tồn...

- Nghĩa là, ngoài cái đức tính phục tòng, ta còn phải theo chủ nghĩa kính thượng...

Phạm tướng công ngồi ngây người ra nghĩ ngợi. Còn tôi, tôi cũng băn khoăn, tai còn văng vẳng câu: "làm cho xã hội ta đổi bại, chính là hai cái chủ nghĩa kính thượng và phục tòng". Nhưng óc tối, trí mờ, mình hiểu làm sao được thâm ý của một nhà tư tưởng như Phạm tướng công..., mình chỉ còn có kính cẩn chịu phục tòng mà thôi.

Xoay sang phương diện khác và sực nhớ rằng tôi đến đây là để phỏng vấn ngài, tôi bèn kính cẩn hỏi:

- Tướng công từ ngày ra nhận cái trọng chức thượng thư bộ giáo dục, công việc bề bộn, qúi thể có an khang không ?

- Cám ơn ông, nhờ trời cũng khá. Độ năm ngoái, tôi đau dạ dày trong ít lâu, nhưng nay đã lành hẳn rồi.

- Chúng tôi cũng đã được xem báo Xứ Sở nói về việc ấy. Theo báo ấy thì tướng công chỉ tại qúa tư lự nên bị yếu...

- Ong nghe gì báo ấy ! Qúa tư lự thì đau thế nào được dạ dày.

- Vâng, chúng tôi cũng nghĩ thế. Chỉ có bội thực mới đau dạ dày mà thôi. Dẫu sao, tướng công bây giờ được cường tráng, xin có lời mừng tướng công, và mừng cho cả nước nữa... Tướng công từ ngày xếp bút nghiên, có còn nghĩ gì đến quốc văn nữa không ?

Phạm tướng công lắc đầu mà rằng :

- Bản chức bận việc quan suốt ngày không có thì giờ bỏ đi...

Rồi vẻ tư lự, Phạm tướng công giở chồng Nam Phong đọc cho tôi nghe :

"Về phần riêng tôi, thời từ tuổi khôn lớn biết tư tưởng đến giờ, tôi đã tự nguyện hi sinh cho quốc văn. Nói thế không phải là tự cao, tự đại gì, vì ở đời này có bòn xu về danh lợi thời mới có "câu", chứ cặm cụi vì quốc văn thì ăn thua gì. Thần kim tiền mới có người nhiệt thành lễ bái, chứ ông bụt mốc thời ai thèm nhìn ; văn quốc ngữ ta chẳng qua là ông bụt mốc mà thôi. Nhưng người ta ai cũng có cái "nghiệp" ở đời (nói theo nghĩa Phật) : nghiệp ông quan là "trị" dân; nghiệp ông thầu khoán là "kiếm" tiền; nghiệp chú xét-ty là cho vay nặng lãi; nghiệp mình có lẽ là làm nô lệ cho quốc văn..."

Làm nô lệ cho quốc văn ! Tôi sực nhớ đến một buổi chiều nào, ở nhà Hội Khai Trí, có cuộc hội họp để bàn nên hay không nên tán thành chính sách của ông cựu toàn quyền Varenne. Tôi nhớ ông Nguyễn Phùng đứng lên hăng hái nói rằng: "Chúng tôi hễ được ai đưa đường có chân giá trị, thì chặt đầu đi, chúng tôi cũng theo" - Tôi lại nhớ đến cái mỉm cười của Phạm tướng công và câu trả lời se sẽ:

"- Làm gì mà hi sinh to đến thế ?"

Làm nô lệ cho quốc văn ! Lòng hi sinh của tướng công to lắm vậy.

Trịnh trọng, tôi nói điêu :

- Vâng, người ta mỗi người một "nghiệp" - Nghiệp tướng công bây giờ là "trị" dân, thì tướng công còn thời giờ đâu mà hi sinh cho quốc văn nữa. Tướng công chỉ còn tự nguyện hi sinh cho sự "trị" dân mà thôi.

Phạm tướng công cười ha hả, cầm tay tôi mà rằng :

- Tôn huynh thực là biết lòng bản chức lắm ...

Nói xong, rót cho tôi một chén rượu đầy, ép uống cạn. Rồi tướng công thong thả, kể lể nỗi lòng :

- Bản chức tính cách vốn đạm bạc. Ngày xưa, hồi còn làm báo, có người tiếc cho bản chức không chịu ở lại trường Bác cổ làm một nhà khảo cứu. Bản chức cũng tiếc. Nhưng hồi đó bản chức nghĩ rằng : "Nhà nước còn đương buổi nhu tài, các việc công ích còn cần phải có người cổ động, dữ kỳ an thường thủ phận làm một nhà khảo cứu có lẽ không bằng khua môi, múa mép làm một nhà ngôn luận, dẫu bi beng chẳng ăn thua gì, nhưng cũng khiến xã hội có vẻ hoạt động một chút.".

- Khua môi, múa mép bi beng không ăn thua gì đã đành, chứ bây giờ hẳn là ăn thua. Ngôi cao chức trọng rầy đã cam lòng ấy chưa ?

Phạm tướng công không trả lời, con mắt mơ mộng, tay lật quyển Nam Phong mà đọc một cách buồn rầu :

- "Than ôi ! ta sinh nhai về bút thiệt đã phí mất bao nhiêu niên hoa rồi ! Sau này, muốn báo ơn quốc dân chưa biết thế nào, mỗi lần nghĩ tới, không từng, không thấy kinh tâm, động phách, ức tắc không biết nói sao vậy".

Tướng công đọc xong như bị kinh tâm, động phách, vẻ mặt rầu rầu. Tôi hỏi thêm tin tức về công việc bộ giáo dục, về phong nhã học viện, sổ quốc âm - nghĩa là tự điển Việt Nam, tướng công cũng như tắc không nói làm sao cả. Chán nản, tôi từ tạ ra về. Phạm tướng công lúc đó thở dài, cầm tay tôi ân cần dặn lần sau thế nào cũng vào thăm tướng công, tướng công sẽ đưa đi xem lăng tẩm Huế - đó là những bài thơ trường thiên bằng đá...

Tôi ra về, Phạm tướng công nói đến hồn thơ như cảm xúc

sinh tình, nên tôi bước ra đến cửa còn văng vẳng có tiếng hát tiễn đưa :

Con cò là con cò quăm,
Chửa đi đến chợ đã lăm ăn qùa.
Hàng bánh, hàng bún bày ra,
Con mắt hau háu trông qua mọi hàng.
Hàng mứt cho chí hàng đường,
Củ từ, khoai sọ cùng hàng cháo chè.
Ăn rồi cắp nón ra về,
Gặp hàng chả chó lại lê thân vào...

*

* *

Pour qui sait observer, toute société
qui ne sait pas se plier aux rites
est vouée à l'anarchie.
(Đối với người biết trông, xã hội nào
không biết tuân theo lễ đều bị đại loạn)

Nên:

Hưng ! Bái ! khởi chung cổ.
Không nên :
Lời ! Đứng dậy ! Đánh chuông trống.

• ***Nguyễn Văn Vĩnh***

Tôi đỗ xe xuống cửa một tòa nhà tây hai tầng, vừa bấm chuông điện thì đã nghe thấy tiếng xe bình bịch sình sịch đến. Quay lại, tôi trông ra là ông Vĩnh.

- Ah ! Bonjour M. Tứ Ly ! (Kìa, chào ông Tứ Ly)

- Tôi không dám, chào ông.

- Entrez, mais entrez donc (Mời ông vào, xin mời ông

vào).

Cứ chỉ theo lối tây đặc, ông Vĩnh đẩy cửa mời tôi vào. Một cái vườn hoa con, đầy hoa chân chim, mõm chó và những hoa tây khác lạ và sặc sỡ. Qua cái vườn hoa tây ấy, ông Vĩnh đưa tôi vào phòng sa-lông tây của ông, để chiếc mũ trắng thuộc địa xuống bàn, rồi hỏi tôi bằng tiếng tây :

- Ông muốn gì ? Rượu bia nhé ?

Thấy ông ta tây, bất đắc dĩ mình cũng phải tây nốt.

- Vâng, thì bia.

Vừa mới nhấp môi vào cốc rượu, chưa kịp hàn ôn đôi lời, đã nghe thấy tiếng ông Vĩnh lè nhè, nửa ra giọng kẻ cả, nửa ra ý chế nhạo :

- Ông đến phỏng vấn tôi đấy à ? Tôi đã làm gì được cái hân hạnh đội mũ cánh chuồn.

Tôi cười đáp :

- Vâng, cứ theo đúng lễ, thì phải đợi phỏng vấn hết cả quan lại, đến ông thừa, ông đội, ông cai rồi mới đến lượt ông... là một người chân trắng, không có lấy một cái hàm tùng cửu phẩm văn giai hay bá hộ... có thế mới là theo sự tôn ti trong hàng tổng, hàng xã, sự tôn ti mà ông cho là một điều rất hay, rất có ý vị... Nhưng sau tôi nghĩ, ông với ông Quỳnh như đũa đủ đôi, phỏng vấn ông Quỳnh mà không phỏng vấn ông thì không khác chi đàn ông không có đàn bà, khác nào ông Phạm Lê Bổng không có kim khánh vậy.

Con mắt mơ màng, ông Nguyễn Văn Vĩnh như nhìn lại cuộc đời đã qua :

- Ông Phạm Quỳnh... kể ra, tôi đối với ông ta còn là đàn anh. Tôi ra làm báo trước ông ta nhiều. Nhưng mỗi người theo một đường : đường của ông ta vào Huế... còn đường của tôi làm báo

vẫn hoàn làm báo.

- Vâng, ông với ông Quỳnh thì hơn kém gì nhau. Chẳng qua chỉ tại hòn đất.

Nghiêm sắc mặt, ông Vĩnh nói :

- Ong không nên nói đùa. Biết đâu khoa lý, số không phải là một khoa học !

Cũng nghiêm sắc mặt, tôi nói tiếp :

- Vâng, biết đâu thầy bói Lợn không phải là một nhà bác học , biết đâu người Annam không phải là thủy tổ của loài người , biết đâu mặt trăng lại không vuông. Biết đâu được ! Biết đâu chính ông không phải là người bảo tồn quốc túy quốc hồn như ông Phạm Quỳnh vậy !

- Không, ý kiến tôi với ý kiến ông Phạm không hợp nhau. Ong ta dung hòa, tôi cải cách. Tên "Annam mới", tờ báo của tôi cũng đủ là một cái chương trình rồi...

- Có lẽ vì thế mà ông yêu mến cái đời cổ sơ, sống một cách đơn giản, có miếng cơm ăn. có manh áo bận là đủ. còn ngoài ra là cuộc cờ...

- Chính thế. Có "cũ" rồi mới có "mới". Cuộc đời cũ là cuộc đời êm đềm, một cuộc đời tự do.

Nói đến đây, Ong Vĩnh nhìn tôi mà ngâm một câu thơ chữ nho :

- Toán lai danh lợi bất như nhàn. Nhàn là tự do vậy.

À, ra thế ! Bây giờ mình mới biết. Xưa kia mình vẫn tưởng nhàn là nhàn, tự do là tự do.

- Xin lĩnh ý. Tự do là nhàn. Nhưng nhàn thì có gì làm việc không ?

Bĩu môi, ông Vĩnh cười nhạt :

- Đã làm việc thì sao gọi là nhàn.

- Chí lý lắm. Nhưng tự do có làm việc được không ?

- Đã đành rằng có.

- Tự do là nhàn. Nhàn không làm việc. Tự do lại làm việc, vậy tự do không là nhàn.

Ông Vĩnh cười nói :

- Thì vẫn. Như bây giờ tôi tự do viết báo, muốn viết gì thì viết, nhưng tôi bận tối mắt, có nhàn đâu !

À, ra thế. Tự do không phải là nhàn.

Tôi đương bâng khuâng nghĩ ngợi, thì đã nghe thấy ông Vĩnh nói tiếp:

-Tự do, còn gì hơn tự do. Vì muốn cho họ tự do, nên tôi đã có phen hô hào cho bọn trí thức trở về nơi thôn dã. Ở xứ này, chỉ cúi xuống nhặt là đủ ăn rồi. Đứa trẻ lên mười đã ra đồng mò cua bắt ốc đủ cho cả nhà nó ăn, huống hồ bọn thượng lưu như tôi, như ông, như ông bác sĩ Tuân, như ông kỹ sư Lễ lại không làm như thế được à ?

Vừa nói xong, ông Vĩnh như sực nhớ ra sự gì, vùng chạy vào nhà trong, bỏ tôi ngồi đối diện với hai chao rượu bia và mấy cái cốc pha lê trong suốt.

Mấy phút sau, tôi thấy một người đội nón, mặc áo nâu, quần vén lên tận đùi, tay cầm cái dậm bước vào... Ngỡ là ai, hóa ra ông Nguyễn Văn Vĩnh. Ong bỏ nón, đội mũ thuộc địa vào, rồi tự chỉ vào mình mà bảo tôi :

- An vận như thế này thì có khó gì...

Cố nhiên, tôi đáp :

- Vâng, nhất là hôm nào nóng như hôm nay.

Ong lấy chiếc khăn mùi soa vắt ở lưng ghế vừa lau mồ hôi

vừa nói :

- Nóng thật, nóng qúa.

Rồi ông tự rót lấy một cốc rượu bia lớn, uống một hơi cạn đến chỉ còn bọt. Tôi bỗng nghĩ đến những người đi mò cua ở cánh đồng xa, giữa buổi trưa mùa hạ, lấy nón múc nước bẩn ở ruộng uống tạm cho đỡ khát...

Uống xong, ông Vĩnh nói tiếp :

- Tôi mong một ngày kia, các ông bác sĩ, kỹ sư đều về cả nhà quê cày ruộng, mò cua bắt ốc như ai... Họ nên biết rằng chỉ có sự ăn là cần, còn thì toàn là đồ xa xỉ sang trọng cả, có thì hưởng cũng không ai cấm, nhưng bao giờ cũng phải cho là đồ thừa.

- Khốn, nhưng ở đời chỉ có ăn không thì sống làm sao được ! Người ta nào phải đàn bò...

- Ấy, đã có lễ nghi. Sống cái đời của các ông lý, ông xã là sống một đời vừa giản dị, vừa phiền phức, phiền phức vì còn phải giao dịch với họ hàng làng mạc, phải tế lễ đình đám...

- Nghĩa là ông muốn cho bọn trí thức hóa ra lý Toét, xã Xệ, ông muốn giữ lại mớ lễ nghi phức tạp.

Ong Vĩnh cười xòa mà rằng :

- Chính thế, đối với người biết trông, xã hội nào không biết thuận theo lễ là một xã hội bị rối loạn. Như vậy, thì bỏ lễ thế nào được. Nó là quốc hồn của ta, nó là nền tảng của xã hội miền cực đông, như tôi đã nói trong báo "Annam mới".

Ngạc nhiên, tôi hỏi :

- Thế ra, ta vẫn phải tế thần, giết bò, chè chén, ta phải vén váy qua đình nếu ông thần làng ta là một người đa dâm, ta phải rủ nhau đi ăn mày, nếu ngài là người hành khất ?

- Sự đó đã cố nhiên. Ta lại còn phải giữ lấy sự tôn ti trong

làng : trước là tư văn, sau là văn phả, võ phả, rồi đến kỳ mục, bô lão và giai làng. Các cụ nho đã mất, thì lẽ tất nhiên là bọn học thức ta phải thay. Chỉ có hai đường : Một là đổi lễ cho hợp với chữ tây, với người học thức mới. Như vậy khó lắm. Hai là bắt người có học thức mới biết chữ nho và theo lễ cổ. Tôi tưởng dễ hơn.

Nói đoạn, ông Vĩnh nhấp một cốc rượu, rồi để quạt máy chạy.

Tôi hỏi :

- Thế còn đường thứ ba ?

- Làm gì có đường thứ ba.

- Bỏ quách cái lễ nghi nó không hợp với ta đi. Ta không tin là có qủy thần, mà ta cứ ra tế lễ thì chỉ tổ cho ta thành ra giả dối.

Ong Vĩnh hùng hổ nói :

- Không bỏ được ! Bỏ làm sao được tế lễ ! Nghe ông, tôi lại buồn cười, nhớ rằng có người đã định bỏ chữ nho trong lúc tế lễ, thay chữ quốc ngữ vào. Như thế thì mất cả vẻ tôn nghiêm, thành ra trò đùa.

- Tế lễ cũng là trò đùa rồi, thì thêm một trò đùa nữa càng hay chứ sao !

Ong Vĩnh trịnh trọng chạy vào nhà trong lấy ra một cái áo thụng xanh, mặc vào người, một cái mũ tế đội lên đầu, rồi từ tốn, nghiêm trang như một nhà giảng đạo, hay như một tín đồ trung thành của đức Khổng, cầm lấy chai rượu bia nâng lên ngang mày, dõng dạc hô :

- Bái !... Hưng !... Khởi chung cổ !

Rồi ông ta quay lại tôi, hỏi ra vẻ đắc chí :

- Như vậy, có phải là oai nghiêm không ?

Tôi chưa kịp trả lời thì ông ta đã lại hô :

- Lỡi ! Đứng dậy ! Đánh chuông trống.

Đoạn, ông ta quay lại tôi, bảo :

- Đó, có phải là buồn cười không ?

Tôi vừa nấc, vừa trả lời :

- Buồn cười lắm.

Rồi tôi cười lăn, cười lóc, cười chảy nước mắt, cười đau cả bụng. đành cứ ôm bụng cười mà về, không dám ở lại trông ông Vĩnh "hưng bái" nữa, sợ cười chết đi được mất.

*

* *

Tin các báo: - *Ong Trần Bá Vị, viên ngoại hàm,*

hướng đạo đội trưởng ở Trung kỳ,

vừa được thăng hàm Lang Trung.

Sau khi đến thăm ông Nguyễn Văn Vĩnh, một nhà tân học đang quay đầu về nghi lễ cổ hủ, tôi lại đáp xe lửa tốc hành vào Huế, vì chỉ ở Thần kinh mới có những chiếc mũ cánh chuồn to lớn để mà quan sát.

Hôm sau, thấy một người nông phu vác cày đi qua cửa, vẻ mặt hốc hác, áo quần tơi tả, tôi sực nghĩ đến cụ thượng mới Nguyễn Khoa Kỳ mới về nhậm chức ở bộ Xã dân kinh tế. Tôi bèn sắm sửa mũ áo tề chỉnh để đến xem ngài "cày" việc của ngài ra làm sao. Bỗng tôi nghe trẻ con ngoài đường hát rêu rao rằng :

Có quan viên ngoại trọng thần,

Là Trần Bá Vị kinh luân gồm tài...

Nghe câu hát, không phải không bận tâm đến một tên lính của đoàn hướng đạo có cái đức tính đáng yêu là muốn hướng đạo quân khác gọi mình là "quan lớn", và đã từng công bố rằng : "vì tương lai nòi giống mà đem công tâm ra gánh vác chút đỉnh việc xã hội".

Tôi bèn hỏi thăm nhà ông lớn viên ngoại để xin vào kết kiến, nhưng tịnh không ai biết quan lớn cả. Họ nhìn tôi một cách khinh thị mà cười nói :

- Trần viên ngoại ! Viên ngoại, ông tưởng là lớn lắm hẳn. Ở Huế này, viên ngoại thì ai đếm cho hết mà hỏi.

Tôi lại kể rành mạch viên ngoại Trần Bá Vị, làm hội trưởng hướng đạo đoàn Trung kỳ. Họ cũng vẫn lắc đầu, trả lời rằng không biết.

- Hướng đạo đoàn ? Ở Huế làm gì có hướng đạo quân, chỉ có quan, có thẻ bài mà thôi. Ong muốn tìm bọn si-cút, thì phải ra Hà Nội, hay vào Sài Gòn, chớ ở đây thật không có.

Tôi vừa ngạc nhiên, vừa thất vọng. Sau tìm mãi mất nửa ngày mới thấy nhà ông lớn viên ngoại.

Danh thiếp đưa vào, tôi còn phải đợi hơn một giờ nữa mới được cái hân hạn yết kiến ông lớn.

Trần viên ngoại, dong dỏng cao như cụ thượng Phạm Quỳnh, một chòm râu dê ở cằm, ông muốn nhảy sổ ra như muốn nạt lũ bạch đinh vô danh, rằng ta đây có chòm râu của một vị đại thần làm đến chức viên ngoại.

Ong vận áo thụng xanh, bệ vệ ngồi trên sập, tay luôn luôn mân mê mấy chiếc bội tinh, mề đay, thẻ bài, treo lủng củng ở trước ngực, vẻ mặt khoan khoái như đã làm một việc ích quốc lợi dân vậy. Ở trên tường, một bên ông treo hốt ngà, mũ cánh chuồn và văn bằng, một bên treo bộ quần áo hướng đạo với cái gậy... đó là biểu hiệu cho cả một đời danh vọng của một bậc anh hùng lỗi-lạc : ông Trần Bá Vị.

- Kính chào ngài.

Nghe tôi chào, ông lớn Trần viên ngoại cau mày ra ý không bằng lòng, nhạt nhẽo mời :

- Ngồi chơi, ngồi !

Rồi ông lớn Trần viên ngoại quay lại gọi :

- Lính đâu ?

Một thằng nhỏ áo nâu cộc chạy ra, bẩm lấy bẩm để :

- Dạ, ông lớn dạy gì ?

Ong lớn Trần viên ngoại vừa nhìn tôi, vừa nói :

- Được, mi nói như vậy có lễ phép đó. Từ dầy cứ rứa, nghe ! Gọi là ông lớn mới lễ phép, nghe ?

- Dạ.

Ong lớn nói xong lại nhìn tôi, khốn nhưng tôi lại không nghe, cứ tự nhiên phỏng vấn :

- Tôi được nghe ông có danh là một tên lính tiên phong trong làng hướng đạo Thần kinh...

Ong lớn Trần viên ngoại đỏ mặt ngắt lời tôi :

- Trước hết, bản chức xin nói, để ngài hay rằng bản chức không phải là một tên lính. Bản chức hàm viên ngoại, đã từng lấy lòng trung thờ hai chính phủ trong hai mươi năm, công danh có thể gọi là rực rỡ. Ngài cứ trông mấy chiếc mề đay bản chức đeo thì đủ biết. Nhưng, chỗ ngài với bản chức, bản chức mới nói, vì bản chức là người khiêm tốn, không hay khoe khoang. Có người mới được cái kim tiền đã lấy làm danh giá, đem đi khoe hết trong làng, ngoài xóm, chứ bản chức giàu có, bội tinh, mề đay, chức tước đủ cả, bản chức lại vừa được thăng hàm Lang Trung nữa, mà bản chức có khoe khoang bao giờ đâu.

Nói đoạn, ông lớn Trần viên ngoại lại mân mê dãy mề đay ông đeo trước ngực. Tôi trỏ cái hốt ngà, đôi hia và cái bằng viên ngoại mà bảo rằng :

- Ngài làm quan to đến thế kia mà khiêm tốn qúa như vậy,

tôi xin thán phục. Nhưng tôi dùng chữ lính về nghĩa bóng. Tôi muốn nói ngài đã gây dựng nên nền hướng đạo ở trong Trung. Sự gây dựng đó là một kỳ công vậy.

- Ồ, có làm gì cái "nhỏ mọn" ấy. Kỳ công của bản chức là làm được đến viên ngoại.

- Đối với cái "nhỏ mọn" ấy, quan lớn nghĩ thế nào ?

Ngồi tư lự một lúc, ông lớn Trần viên ngoại vuốt chòm râu dê bảo tôi rằng :

- Việc này, bản chức nghĩ đã lâu. Chủ nghĩa của hướng đạo thì vẫn là hay, là đẹp, nhưng áp dụng thì phải tùy thời, tùy xứ. Như ở các nước khác, thì hướng đạo quân phải yêu tổ quốc, còn ở bên ta thì phải yêu hai chính phủ, phải trọng quan lại.

Tôi nghĩ thầm :

"Nhất là các ông quan lớn viên ngoại".

Ong lớn Trần viên ngoại nói tiếp :

- Phải trọng quan lại. Ong nên nghĩ đến điều đó.

- Bẩm phải còn gì nữa ạ ?

- Phải yêu tôn ti trật tự, phải kính thượng, phải phục tùng, phải giữ lấy lễ nghi cũ là mở quốc hồn quốc túy của ta, như lời cụ lớn Phạm tướng công.

Bỗng ngừng bặt, ra vẻ nghĩ ngợi rồi quan lớn viên ngoại nói tiếp :

- Lễ nghi, phải, có một điều bản chức vẫn ân hận là bận quần áo hướng đạo có vẻ ngắn, cụt, không được trịnh trọng những lúc tế lễ, đón rước. Ý bản chức muốn những lúc ấy, hướng đạo quân được hưởng cái hạnh phúc khoác ra ngoài bộ áo chẽn, một cái áo thụng xanh.

- Bẩm, thế còn gậy ?

- Gậy ? Cầm gậy thì không còn đâu lấy tay mà vái, mà không cầm gậy sợ họ không biết mình là hướng đạo quân. Kể cũng khó nghĩ. Tuy vậy là cứ lẫn ca với các quan còn hơn !

Tôi mỉm cười nhìn bộ râu dê của ông lớn Trần viên ngoại :

- Lời quan lớn nói thực là vàng ngọc. Tôi tưởng lúc có đại lễ, sì-cút bận áo thụng xanh như vậy đã đành, còn lúc thường, những hướng đạo sinh chân trắng...

Ong lớn Trần viên ngoại gật gù ra ý thưởng thức lời nói của một người tri âm :

- Nhưng lấy cái gì để phân biệt ?

- Chỉ có lấy mũ cánh chuồn thay vào cái mũ vàng của hướng đạo sinh là ổn.

Nghe đến đây, ông lớn Trần viên ngoại mừng qúa, rú lên một tiếng như người được của, lấy tay bứt râu luôn năm, bảy cái :

- Phải, để tôi làm đơn xin ngay lập tức.

Rồi ông lớn cứ liếc mãi cái mũ cánh chuồn treo trên tường, như muốn đội ngay lên đầu để soi gương xem có đẹp đẽ, uy nghi hay không.

Trước quang cảnh ấy, tôi không nỡ làm ông lớn Trần viên ngoại phải thèm lâu, vội đứng dậy cáo từ để ông lớn được toại cái chí bình sinh của ông lớn.

*

* *

Đang lúc lần mò đi xem mũ cánh chuồn lớn nhỏ, vuông tròn ở chốn Thần kinh, thì tôi tiếp được một bức thư lớn của một bạn đọc trong Nam mời vào phỏng vấn mấy vị "quan lớn" trong Lục tỉnh. Tưởng rằng trong ấy cũng như ngoài này, tôi vội đáp xe lửa tốc hành vô Sài Gòn để nói chuyện ăn... uống với ông phủ Mỹ,

một ông quan nổi tiếng ở Chợ Lách rằng được dân thương yêu như cọp. Nhưng đến nơi mới biết rằng cọp đã về rừng, ông phủ Mỹ về hưu, mà các ông phủ, huyện trong Nam không đội mũ cánh chuồn.

Chán nản, tôi định trở ra ngay lập tức.

Ong bạn kéo tôi lại, bảo tôi rằng các ông phủ, huyện trong Nam chỉ là các ông quan xoàng thôi, các ông "hội đồng quản hạt" mới thực là các "quan lớn", người ta gọi các ông như vậy, mà các ông cũng tự nhận như vậy.

Tôi nghĩ thầm rằng, các ông nghị viên trong Nam thật đáng làm anh em với các ông nghị viên ngoài Bắc, mà các ông cũng nên cho đội mũ cánh chuồn cả thì hơn. Theo lời ông bạn, tôi liền đến hầu thăm quan lớn lãnh tụ đảng lập hiến, ông Nguyễn Phan Long.

Ong Nguyễn Phan Long được một cái đặc sắc là mũi của ông không tẹt như mũi người Annam, lại uốn cong như cái cung, rồi dòm xuống cái mồm tươi như mồm ông Phạm Quỳnh.

Lúc tôi đến, nét mặt ông còn lộ ra vẻ giận dữ, tức tối về việc các báo công kích trong vụ bầu cử hội đồng quản hạt vừa rồi :

- Ong tính họ đặt điều nói xấu tôi đủ thứ, không còn thiếu gì nữa...

- Thế thật ông không có gì xấu à ?

Mạnh bạo, ông Long trả lời :

- Không.

Ong trả lời vậy, thì tôi cũng biết vậy. Rồi, như muốn chứng thực cho lời nói của ông một cách đích xác, ông giở báo ra đọc cho tôi nghe :

- "Ong Nguyễn Phan Long trải qua mười mấy năm nay trở nên một tay vô địch trên đàn chánh trị xứ ta, lại là một nhà viết

báo có tiếng nữa".

- "Ong Nguyễn Phan Long vừa có tài trí, vừa có công tâm..."

- "Ong Nguyễn Phan Long chính trực và vô tư .."

- "Người như ông Long, tài năng có, kinh nghiệm có, lại thêm một bầu nhiệt huyết đối với quốc gia chủng tộc..."

- "... Người đại danh nhân mà chúng ta đáng tự phụ vì lịch duyệt, học thức của họ..."

... Nghe xong, tôi thán phục, nhìn ông Long như một đấng anh hùng trời sai xuống để dìu dắt bốn triệu dân trong Nam lên con đường hạnh phúc. Một vị anh hùng như vậy, mà có người dám công kích, thực là trứng chọi với đá.

- Bẩm, thế ngài đọc báo gì đấy ạ ?

- Báo Đuốc Nhà Nam và báo Đông Dương diễn đàn...

Đoạn, ông Long hất cái mũ anh hùng của ông lên một cách mạnh mẽ mà khoe khoang bảo tôi rằng :

- Hai tờ báo ấy, chính tôi đây làm chủ nhiệm.

Tôi lại càng thán phục đấng anh hùng vô song ấy, cầm lấy một tờ báo "Đông Dương diễn đàn", đọc:

- "... Vụ bầu cử sắp tới : thôi thì ai kêu lớn hơn là được, ai cả miệng hô to rằng mình chính trực, vô tư, tài cán là lừa lấy được lòng tin của dân xứ này là dân cả tin, và động nghe người ta nói là quen thân với những người có quyền hành là kính mến ngay".

Tôi nhìn cái mũi lấm chấm rỗ của ông Long, rồi cười nói :

- Đó chắc nói những người khác ra ứng cử tranh với ngài là người của đảng Lập hiến, như Trịnh Đình Thảo, Nguyễn Đăng Liêng, Huỳnh Ngọc Nhuận... chứ tôi chắc ngài mà cả miệng hô to rằng chính trực vô tư thì là chính trực vô tư...

Mũi ông Long phồng lên một cách bồng bột. Ong chạy lại

nắm tay tôi vui cười nói : "Ong thật là một người thông minh !". Lời nói của ông làm cho tôi thẹn chết đi được, lại chợt nghĩ đến ông trạng sư Trịnh Đình Thảo mà ông Long vẫn cứ nắc nỏm khen... cho đến vụ bầu cử. Tôi bèn buộc mồm thốt ra câu :

- Ong Trịnh Đình Thảo chắc cũng là người thông minh. Nghe đâu ngày xưa ngài cho ông ấy đủ hết các đức tính.

Ong Long mất mơ màng như nhìn về qúa khứ :

- Dạ, ngày xưa ông ta là người rất tốt.

- Nhưng bây giờ ?

- Bây giờ, ông ta là người rất tồi...

- Ong Trịnh Đình Thảo dại thật. Đương làm một người tốt không muốn lại nhảy đại ra tranh cử với ngài, nên hóa ra người tồi. Thật là đáng kiếp. Báo Đuốc Nhà Nam của ngài bảo ông ta là "kỳ đà kiêu căng" thực phải lắm.

Mũi ông Long lại to phồng lên nữa. Ong hí hửng bảo tôi :

- Nếu người Bắc, người Trung vào đây mà như ông cả, lúc nào cũng khen ngợi, cổ động hộ chúng tôi, thì còn nói gì. Ai bảo ông ấy ra tranh làm gì ? Ra tranh là phạm đến danh dự người Nam...

- Chính vậy.

- Vậy ngài nên xin trục xuất họ ra ngoài địa phận miền Nam.

- Ong thông minh lắm.

- Nhưng ngài không bao giờ muốn phân chia Nam, Bắc, coi người ba miền Nam, Trung, Bắc đều là một, đều là người Annam cả.

- Ý tôi như vậy.

- Thế người miền Nam công kích ngài thì ngài xin trục xuất họ đi đâu ?

- Ô hay ! Họ là người miền Nam thì trục xuất họ đi đâu được?

- Thế người miền Nam với người miền Bắc và người miền Trung, ngài không coi như một ?

Ong Long không nói gì, con mắt mơ màng, cái mũ cong cớn. Hồi lâu, ông mới giở tờ Đuốc Nhà Nam ra đọc cho tôi nghe :

- "Xứ Nam kỳ này có trọng trung hậu, có lượng khoan dung là đối với những đồng bào Trung, Bắc chơn chánh, biết ơn, biết nghĩa kia..."

- Nhưng làm thế nào là chơn chánh biết ơn biết nghĩa ? Chắc là phải ca tụng ngài ?

Ong Nguyễn Phan Long bắt tay tôi mà không nói gì.

Tôi hỏi :

- Ngài có thể cho tôi biết chương trình của đảng Lập hiến của ngài không ?

- Ong cứ đọc báo Đông Dương diễn đàn của chúng tôi thì đủ rồi.

Mở một tờ Đông Dương diễn đàn tôi đọc :

- "Chúng tôi không có chương trình, chúng tôi không yêu những cái khuôn khổ chật hẹp, nó bắt ta thành ra nô lệ nó, chúng tôi chỉ nguyện rằng đem công tâm ra làm việc nước..."

Lại lật tờ khác :

- "Những bạn và những người theo chương trình và tôn chỉ của chúng tôi đều đại thắng".

Vậy ra chương trình của đảng Lập hiến là không có chương trình gì cả. Ong Long cũng như các ông nghị khác cũng chỉ đến hiến con tâm...

- Thưa ngài, bây giờ ngài đã đến được con tâm cho quốc gia,

nghĩa là ngài đã được trúng cử, thì chắc ngài và quốc gia thỏa lòng lắm. Tôi đoán ngài sẽ hết lòng vì quốc gia và vì ngài từ nay."

Ông Nguyễn Phan Long tươi cười đáp :

- Ong đoán không lầm. Tôi sẽ đem tài cán trí tuệ ra làm việc nước. Mà tôi cam đoan rằng tôi còn hội đồng quản hạt ngày nào thì ôi sẽ giữ cho Nam, Bắc được hợp nhất ngày ấy.

- Nhưng bốn năm nữa, nếu tôi ra tranh cử cùng ngài, thì ngài có chứng cho không ?

- Ong ra tranh cử cùng tôi ! Ong dám ra tranh cử cùng tôi ?

Hai câu nói có ý dằn dỗi. Cái mũi ông Long đỏ ửng, uốn cong lên như muốn nứt ra. Tôi sợ ở lại, ông lại đến hô hào trục xuất tôi ra khỏi miền Nam nên vội vã từ tạ, lên xe lửa ra thẳng Huế.

*

* *

Cảnh Hương giang Bình lãnh
chưa dễ đã làm cho tôi nguội
được tấm lòng yêu mến chốn
Lam thủy Hồng sơn này...

Thi sĩ ***Nguyễn Khoa Kỳ***

Cụ thượng bộ Xã đàn kinh tế Nguyễn Khoa Kỳ mới trông ai cũng biết ngài có tướng làm một vị đại thần nước Nam : cụ béo, béo nung núc, hai cái má bánh đúc sệ xuống che lấp cổ, mí mắt tùm hụp, mặt và thân thể đều có vẻ phì nộn khác thường. Trên mép cụ, mấy sợi râu lơ thơ, rủ xuống như tơ liễu buông mành, ở cằm phất phơ một cụm râu đâm ra như rễ tre đằng ngà.

Lúc tôi vào, cụ lớn đang bệ vệ, sệ nệ ngồi ở trong gian phòng rộng, trên một cái sập chạm trổ rất tỉ mỉ, một tay để lên một cái

hòm lớn, một tay gãi tai. Thỉnh thoảng cụ lớn lại liếc năm chiếc mề đay gài thành dây ở trước ngực, như muốn nghĩ đến công lao của cụ lớn đối với hai chánh phủ từ xưa.

- Bẩm, trước hết, chúng tôi xin mừng ngài đã bỏ được đất Nghệ...

Cụ ngắt lời :

- Là đất mà tôi vẫn hằng nhớ, tiếc như một của "báu". Tui, à quên, bản chức đã từng công bố rằng dân tỉnh Nghệ là một dân giỏi giang, kiên nhẫn, chí khí, một dân "báu" qúa, đến nỗi bản chức nghĩ không biết dân đó có hẳn là dân Annam không...

- Vậy ra, theo ngài, dân Annam là một dân không có tí gì là giỏi giang, kiên nhẫn và chí khí cả.

Cụ lớn kinh tế ngồi lặng yên, tựa đầu vào cái hòm để bên cạnh, đôi mắt lim dim, nhưng không biết là cụ lớn trầm ngâm nghĩ ngợi hay là cụ lớn sắp ngủ gật.

- Bẩm cụ kinh tế, ngài là dân tỉnh Nghệ ?

Giật mình, cụ lớn khẽ mở đôi con mắt ti hí, cụ lớn trả lời :

- Không.

- Vậy ra ngài là người Annam...

Đoạn, mỉm cười tôi lại nói tiếp :

- Trước kia, tôi thấy báo Xứ Sở ca tụng tâm đức với trí đức của một nhà cai trị siêu việt như ngài, tôi cũng nghĩ không biết ngài có hẳn là dân Annam không...

Nghe đến đấy, mắt cụ lớn kinh tế mở to, mũi cụ phập phồng như được nghe sự gì khoái trá. Tôi vội tiếp :

-... Đến bây giờ, tôi được cái hân hạnh trông thấy mặt mũi của ngài, tôi mới dám chắc ngài là người Annam.

Bộ mặt cụ lớn kinh tế lại trở lại lặng yên, thản nhiên

như cũ.

- Bẩm cụ kinh tế, đối với dân sông Lam, núi Hồng, ngài mến chiu như vậy, hẳn với đám nông dân mà ngài sẽ được quyền coi sóc, ngài cũng qúi như vàng, bạc ?...

Dõng dạc, đường hoàng, cụ lớn kinh tế đáp :

- Bản chức vâng Thượng Dụ chuẩn cho cải thụ thượng thư bộ Xã dân kinh tế mới lập ra. Riêng về phần bản chức được Hoàng đế tri ngộ và đồng ý với chánh phủ bảo hộ mà trạc dụng đến như thế, thiệt lấy làm vinh hạnh vô cùng...

- Bẩm, cả mấy triệu đám nông phu đương cày sâu, cuốc bẫm, gian lao khổ sở, cũng lấy làm vinh hạnh vì sắp sửa được ngài để con mất tới.

- Vinh hạnh là phải lắm. Cử bản chức vào những việc mới có ý nghĩa vĩ đại, có mật thiết với mạng mạch của nhân dân như theo bài chúc tiễn của thân hào quan chức ở Vinh, bản chức sẽ đem hết những chính sách mới mẻ thực hành, hầu cứu dân Trung kỳ đỡ bớt nạn kinh tế khủng hoảng này.

- Bẩm, nếu thế thì thực là phúc đức cho bọn nông phu đương xấn quần móng lợn mà cuốc, mà cày. Ngài có thể cho biết được chính sách mới mẻ của ngài không ?

Trầm ngân một lúc, rồi trịnh trọng, cụ lớn kinh tế đáp :

- Như tôi đã nói với thân hào tỉnh Nghệ, tôi sẽ giữ theo quan châm ba chữ : thanh - thận - cần.

Tôi ngấm vẻ đẫy đà, phì nộn của cụ lớn kinh tế rồi nói rằng:

- Nhất là thanh liêm thì chắc ngài là một nhà cai trị thanh liêm. Nhưng đó là quan châm của ngài. Còn chúng tôi, chúng tôi hỏi chính sách của ngài, nghĩa là ngài sẽ làm những việc gì để cho nông dân khỏi phải lầm than, cho nền kinh tế khỏi lao đao như

người say rượu ?

Cụ lớn kinh tế bứt mấy chiếc râu, rồi chỉ vào cái hòm mà tôi đã thấy ở bên cạnh ngài, mà rằng :

- Ong có trông thấy cái hòm này không ?

- Bẩm có.

- Hòm này sơn son, thiếp vàng, vẽ rồng mây lên trên, ông có trông thấy không ?

- Dạ, bẩm chúng tôi trông thấy... Chúng tôi trông thấy cả cụ ngồi bên cạnh cái hòm sơn son ấy nữa ạ.

- Thế thì tốt lắm. Cái hòm này, bản chức gọi là hòm Phước sương, tức là một trong nhiều cách bản chức để bồi đắp cho nền kinh tế được vững vàng. Cách này bản chức đã dùng lúc còn làm quản đạo ở Phan Rang, được việc lắm. Bản chức sẽ để nó ở ngoài cửa nha của bản chức, dặn lính rằng hễ thấy ai đi qua là xin bỏ vào đó một, hai xu, năm, ba hào tùy theo lòng thành của bần dân thiên hạ. Ong có trông thấy cái khe thủng trên nắp hòm không ?

Tôi nhìn rồi thong thả đáp :

- Bẩm có.

- Cái khe ấy là diệu kế của ta đó. Bần dân thiên hạ sẽ bỏ vào đấy tiền, súc tích càng ngày càng nhiều, bao giờ được một số tiền khá to, sẽ bỏ ra làm vốn, mưu việc công ích cho nông dân.

Nói xong, vểnh râu, cụ lớn kinh tế hất hàm một cách oanh liệt mà hỏi tôi :

- Cách đó có đáng khen không ?

Rồi không đợi tôi trả lời, cụ lớn há mồm ra cười, tiếng cười the thé có vẻ thép đanh của một ông "quan" thực thụ.

Cười một hồi, cụ lớn kinh tế cười ha hả, cười mãi, cười đến thế mà không sặc thì thật là một sự lạ.

Năm chiếc mề đay treo trên ngực cụ lớn cũng theo nhịp thở mà nhảy đầm, trông rất ngoạn mục.

Đợi tràng pháo cười của cụ nổ xong xuôi, tôi ôn tồn nói :

- Bẩm, ngài để thùng Phước sương ra cửa nha, thật là ý kiến hay. Như ngài đã nói, phải cần... cần kiệm. Mỗi ngày thí dụ được hai xu. Một tháng được 2 xu x 30 = 60 xu. Một năm được 60 xu x 12 = 720 xu. Một trăm năm sẽ được 720 đồng. Một ngàn năm : 7.200 đồng, mà độ một vạn năm nữa thì đã được một số tiền lớn rồi.

- Chính vậy.

- Nhưng bẩm cụ kinh tế, tôi chỉ sợ không được mỗi ngày hai xu thôi . Tôi chỉ sợ cụ mà thực hành cái chính sách đó, cửa nha cụ sẽ vắng như chùa bà Đanh.

- Ong lo sợ tôi đã không có phép dùng ? Thế nào cũng được ít ra một ngày là hai xu. Mà dẫu không được nữa, tôi cũng tự hào rằng làm đủ bổn phận của tôi rồi.

- Bẩm, thế còn xã dân ?

Cụ lớn kinh tế ngồi ngay ngắn lại, nhập định hồi lâu rồi phán rằng :

- Xã dân nước Annam nghèo khổ lắm. Tôi phải đem hết tài lực ra mới có thể làm cho họ hơn lên được. Tôi mới về trọng nhậm chức này, để tôi còn phải nghĩ đã.

- Ngài dạy chí phải. Nhưng chắc ngài cũng nghĩ như tôi rằng, muốn biết họ nghèo khổ đến bực nào, thì phải sống cái đời của họ.

- Ong nghĩ phải lắm.

- Như vậy, tôi nghĩ cụ lớn nên mặc áo nâu rách, vác cày ra ruộng, hay đi mò cua, bắt ốc để nếm hương vị nơi thôn dã...

Cụ lớn kinh tế nghe nói, thẩn thờ ra vẻ tư lự. Tôi vội vàng nói

tiếp :

- Nhưng tôi chỉ sợ phong sương làm rám mất má, cơ khổ làm gầy mất chút ít qúy thể...

- Ấy, tôi cũng nghĩ thế.

- ... thì còn đâu là vẻ đường hoàng của đại thần nữa.

Cụ lớn kinh tế nấc nỏm khen :

- Được, nghe được lắm. Ong có muốn nói gì nữa không ?

- Bẩm, chỉ còn một điều. Ngài có lấy xe ô tô của tỉnh đường Nghệ về Huế như lời ông Anh Sáng nói chăng ?

- Có. Nhưng bao giờ bộ kinh tế có xe ô tô mới, tôi sẽ gửi trả. Ong Ưng Uy, tổng đốc Nghệ Tĩnh mới đã có xe ở phủ doãn Thừa Thiên rồi.

- Dạ, bẩm còn ông phủ doãn mới ?

- Ong ta đi xe tay cũng được. Thế nào là thanh, thận, cần... kiệm. Tôi muốn để cho ông ta biết cần kiệm...

Thán phục cái óc kinh tế của cụ lớn thượng thư bộ kinh tế, tôi vội vàng từ giả ra về, chỉ nơm nớp sợ cụ lớn lại bắt tôi cần kiệm hộ và bỏ hai xu vào thùng Phước sương mà thôi.

*

* *

Cái quãng đời của tôi bây giờ
cũng vẫn nối vào "Hạn mạn du ký..."

Nguyễn Bá Trác

Suýt nữa, tôi quên mất một nhân vật quan trọng trong đám mũ cánh chuồn hiện thời, một nhà văn sĩ có tài đã cùng từng với ông thượng Phạm Quỳnh nằm gai nếm mật ở phố hàng Da, một khách giang hồ đã từng dạn dày mưa gió ở nơi hải ngoại : ông

Nguyễn Bá Trác.

May và một hôm vào quán uống nước, trông thấy đĩa bánh đúc, tôi mới sực nhớ đến ông. Tôi bèn vội vàng đáp xe lửa ra Thanh, xin vào yết kiến.

Niềm nở ông ra mời vào, miệng cười tươi như hoa.

Thấy mặt ông trắng và bóng mỡ, những người không biết thì làm sao đoán ra được rằng ông là người đã từng chịu phong sương khổ cực. Tôi khen không tiếc lời. Ong cười tình mà trả lời rằng :

- Tuần bỉ cực đã hết, thì đến hồi thái lai.

Tôi cũng góp cười mà nói :

- Xưa nay học giả ai cũng công nhận rằng những bậc vĩ nhân, những đấng anh hùng thường hay chịu những điều thống khổ, những nỗi gian lao, hình như ông trời xanh thẳm kia cố ý mà luyện tâm hồn họ để họ đủ tài lực mà làm những việc vĩ đại, lưu danh lại nghìn thu...

Lặng yên một lúc như uống lời nói ngọt, mặt ông lớn có vẻ sung sướng, khoan khoái... Ong lớn Trác trịnh trọng nói :

- Ấy, bản chức thuở thiếu thời đã từng chịu nhiều điều thống khổ, nhiều nỗi gian lao lắm !

- Vâng. Nếu chỉ chịu gian lao, khốn khổ mà thành được anh hùng, thì ngài thật đã là đấng anh hùng.

Mặt ông lớn Trác lúc này đăm đăm như hồi tưởng lại cuộc đời đã qua. Như người bị thôi miên, ông kể lể :

- Gian lao, thật là nhiều nỗi gian lao. Nghĩ đến những lúc quãng đường xa thẳm, hay trong rừng xanh núi đỏ, bản chức đói, rét, không có lò để sưởi, không có bánh tây, lạp sường mà ăn, thì cứ mỗi khi nhớ đến nông nỗi ấy, bản chức lại thấy lạnh lẽo cả tâm hồn.. Nếu ông trông thấy bản chức hồi bấy giờ, đi cầu bơ cầu bất ở

bên Tàu, người xanh xao, gầy gò, con mắt mơ màng những ước vọng viễn vông, thì chắc ông buồn cười lắm. Bản chức lúc đó chỉ muốn xả thân cứu thế, lòng đầy rẫy cái thi vị của chủ nghĩa vị tha...

Ong lớn Trác bỗng im bặt. Tiếng "vị tha" ngân nga trong sự yên tĩnh, thánh thót trong lòng tôi. Tôi cảm phục, nhìn ông lớn : tôi thấy vẻ phì nộn trên cái mặt nung núc mỡ.

Ong lớn Trác nói tiếp :

- Vị tha ! Bản chức bây giờ yêu nước yêu dân vô hạn, có sá kể chi đến thân mình...

- Nhưng ăn, chắc là ăn đói...

- Đói thì không đói. Nhưng không mấy khi được ngon miệng. Vả lại, áo mặc thì làm gì có áo len, áo cừu cho ấm thân.

Muốn nối ý nghĩ của ông lớn Trác, tôi đỡ lời :

- Thật là khác hẳn với bây giờ.

Tôi nhìn bộ sa-lông gụ chạm rồng hãnh diện ở giữa gian phòng, "lộ bộ" bày làm cảnh ở một bên, và la liệt những đôn, thống qúi giá, như đứng đấy để chứng thực cho sự sang trọng, sự giàu có của một ông trưởng giả xứ Annam.

Ong lớn Trác cũng nhìn theo tôi, rồi ra vẻ đắc ý nhắc lại câu của tôi vừa nói :

- Thật là khác hẳn với bây giờ.

Đoạn, ông gõ vào cái thống Giang Tây lớn, mà bảo tôi :

- Đây là một cái thống cổ đời Tống, qúi giá vô ngần. Có người giả năm trăm mà bản chức chưa bán.

Rồi ông chỉ vào một chiếc áo ba-đơ-suy treo ở mắc áo :

- Ong có trông thấy cái áo kia không ? Tôi mua nó những gần

một trăm bạc, trong lót lông cừu, bận vào thì ấm lạ lùng.

Thán phục, tôi nức nở khen :

- Ngài bây giờ phú qúy đến cực điểm. Vinh hoa cho bõ lúc phong trần... Ở thì ở rộng, mặc thì mặc ấm, thế còn ăn...

- Ăn thì bây giờ tôi ăn cơm tây, ít khi ăn cơm ta. vì cơm tây bổ, béo hơn, mà ăn...

Ong lớn cười một cách láu lỉnh :

- Mà ăn thì tôi ăn lấy no. Ong hẳn biết có thực mới vực được đạo.

- Vâng, có thực mới vực được đạo. Ngài ăn no, mặc ấm, thỏa thuê cái nhục thể, mới mong ngài vực đạo. Vậy bây giờ phú qúi nhường ấy là toại cái chí bình sinh...

- Phải, ông Nguyễn Công Trứ đã có câu :

"Đã sinh ra ở trong trời đất,

Phải có danh gì với núi sông..."

Có phải ông Nguyễn Công Trứ đã từng làm tổng đốc không nhỉ ?

- Bẩm phải, mà ông Trứ cũng lại là một nhà văn sĩ như ngài. Duy ông ấy không có viết quyển nào tựa tựa như quyển "Hạn mạn du ký" mà thôi.

Nghe nói đến tên quyển "Hạn mạn du ký", ông lớn "Hạn mạn" cười cười, nói nói lơi lả :

- Cái quãng đời của bản chức bây giờ cũng vẫn nối vào "Hạn mạn du ký"...

- Có lẽ xưa kia, ngài phiêu lưu bên Tàu, bên Nhật, thì bây giờ ngài cũng du lịch từ phủ nọ đến phủ kia, từ tỉnh Bình Định đến tỉnh Thanh Hóa. Chỉ khác có một điều là bây giờ ngài đi du lịch một cách thỏa mãn và sung sướng thần xác hơn nhiều. Còn lòng vì

nước, vì dân thì chắc là vẫn thế...

Ong lớn "Hạn mạn" ngồi yên lặng, con mắt mơ màng vô hạn. Không biết là ông lớn đương lo tìm kế cứu dân hay là ông lớn nhớ đến cô con gái hái dâu ngày xưa, mà tôi thấy ông lớn lẩm nhẩm đọc :

"Chiều chiều lên bãi hái dâu,

Cành dâu thì bỏ, lá dâu chăn tằm..."

Ong vừa đọc vừa nhìn ra cửa. Lấy làm lạ, tôi cũng nhìn theo. Bỗng tôi hiểu : một anh lính lệ bưng vào một đĩa dâu tây đỏ ối, trông cũng đủ ngon miệng rồi.

*

* *

Nhiều người tuổi còn ít mà ăn nhiều cao lương
mỹ vị và ít vận động, nên thành bụng xệ,
ta gọi là phát phì hay là phát phúc.

Nguyễn Qúi Toản

Ở Bắc kỳ, ai cũng biết tiếng ông Nguyễn Qúi Toản. Thuở thiếu thời, ông là một du học sinh sang Pháp, quyết đạt lấy mảnh bằng lớn, định những ông nghè, ông cử, áo gấm về làng, võng anh đi trước võng nàng theo sau. Nhưng, học được ít lâu, ông lại nghĩ một cách triết lý rằng đó chỉ là hư danh, không đáng để người thức giả bận tâm đến. Cho nên lúc về, ông chỉ có mảnh bằng Cô-vê súp (Brevet supérieur). Nói cho đúng ra, nếu có thi lấy tiến sĩ, cử nhân, thì chắc ông ta cũng không đỗ bằng nào, nhưng đó là chuyện khác.

Về Hà Nội làm giáo sư được mấy năm thì thấy trong lòng nảy ra tư tưởng phù dân độ thế, nảy ra tư tưởng muốn làm - xin lỗi độc giả - muốn "làm quan". Rồi người ta thấy ông mở trường Thể

dục, rồi người ta thấy ông được đặt cách đi tri phủ. Từ đó, ông bỏ nghề gõ đầu trẻ, mà đi làm nghề gõ đầu... dân.

Đi đến phỏng vấn ông, một nhà giáo cũ, một ông quan mới, sự liên tưởng xui tôi nghĩ đến vế câu đối: "Thần nông giáo dân nghệ ngũ cốc". Làm cho tôi tự hỏi "ông Toản đã giáo dân được cái gì rồi ? Hay là chỉ dạy đến "ngừng tam cò" là hết".

#

Đến nơi, tôi thấy trên sập gụ, một bà bệ vệ ngồi đánh phấn, trông đẹp như cái chuông úp : đó là bà Bố Toản. Tôi vẫn tưởng bà trọng nghề làm thầy hơn nghề làm quan, nên bèn kính cẩn hỏi :

- Thưa cô, thầy có ở nhà không ạ ?

Tức thì, tôi hưởng thụ một cái lườm xiêu người, và một tiếng trả lời xẳng :

- Không biết.

Bỗng nghĩ ra, tôi bèn vòng tay hỏi lại bà Bố :

- Bẩm bà lớn, quan lớn có nhà không ạ ?

- Có ạ. Ấy, mời ông ngồi chơi.

Một nụ cười xinh trên cặp môi hồng, bà Bố gọi người nhà pha nước chè Tàu ướp sen để mời tôi uống.

Một phút sau, tôi đã được cái hân hạnh đặc biệt ngồi hầu quan Bố Nguyễn Qúi Toản. Người đẫy đà, mặt tròn như nắp tráp, bộ râu tôm nằm cong trên mép, ông Toản có vẻ đường đường một quan Bố lắm. Mà một sự lạ, tôi nghiệm ra rằng nhiều ông quan đều có vẻ phì nộn. Duyên cớ từ đâu ? Vì các ông lo lắng đến việc dân, hay vì các ông không phải làm lụng khó nhọc mà được béo thế ? Chắc chỉ tại các ông ăn... ừ, ăn nhiều thịt mỡ qúa mà thôi.

Quan Bố Toản cười híp mắt mà bảo tôi :

- Vì thế cũng có, nhưng nhất là vì không tập thể thao. Nếu

bản chức là ông Phạm Quỳnh, thì bản chức gia thêm vào chương trình thi tri huyện một bài thể thao nữa.

- Ngài nói phải lắm. Các ông "quan" phải đi bắt cướp, hộ đê, thì phải khỏe. Khỏe tất ăn nhiều, ăn nhiều mới làm việc quan nhiều. "Có thực mới vực được đạo", có ăn mới có làm, câu ngạn ngữ ấy áp dụng vào quan trường thì đúng lắm.

Ong Bố Nguyễn Qúi Toản mơ màng như đương lượng đo cái sức ăn của các ngài được cái hân hạnh làm quan như ông. Tôi thong thả nói tiếp :

- Bất các ông huyện tập sự biết thể thao là phải. Muốn làm một ông quan tốt, phải khỏe, nghĩa là phải dẻo dai, ngực nở, đầu gối cứng, lưng mềm...

Gật gù, quan Bố Toản đáp :

- Chính vậy. Làm quan cần có thể thao.

Tôi cười nói :

- Vả lại, từ ghế tri huyện mà trèo lên được đến ghế đường quan như ngài cũng đã là thể thao rồi. Còn ghế thượng thư thì thật là một kỷ lục khó phá.

Nghe tôi nói, quan Bố ngồi thẳng lại, nhìn về phía nam một cách kính cẩn. Tôi cũng nhìn về phía nam, phía Huế, rồi nói khơi mào rằng :

- Đã một độ tôi nghe nói, ngài tí nữa thì phá được cái kỷ lục đó.

Gượng cười, ông Toản đáp :

- Đó là một cái nồi súp-de nổ mà thôi.

- Nhưng, nếu thật... ?

- Nếu quốc gia cần đến, thì bản chức cũng không dám từ...

Tôi thì thầm : "Lẽ tất nhiên". Tôi bèn nói :

- Ngài có công tâm như vậy, thật đáng làm một ông quan Bố. Dám hỏi ngài, nếu được toại ý, ngài sẽ làm gì ?

- Bản chức sẽ làm một ông quan thượng thư bộ Thể dục, chứ còn làm gì nữa.

Tưởng quan Bố chế nhạo tôi, tôi nhìn thẳng vào mặt để dò ý, nhưng chỉ thấy y nguyên cái nấp tráp tròn, đôi chiếc râu tôm.

- Nhưng nếu bổ dụng ngài làm thượng thư bộ Lại, thì chắc ngài bằng lòng hơn...

- Lại còn phải ngôn !... Tuy vậy, vắng trăng có sao cũng được. Nếu bản chức được làm Thể dục bộ thượng thư, thì mỗi năm bản chức sẽ bắt hết thảy các quan tập thể thao một lần để cho nhân dân lấy đó làm gương. Các ông sẽ cởi trần, vận quần đùi, đi bộ về các làng để thiên hạ biết đến một vấn đề có quan hệ đến nòi giống...

- Nhưng chắc là không quên đeo lủng lẳng cái thẻ bài ngà trước ngực...

- Cái đó thì quên sao được !

- Vậy thì chúng tôi mong cho ngài chóng vô Huế làm thượng thư để cho thêm đũa, thêm bát ở viện Cơ mật. Chúng tôi mong sẽ có bảy ông thượng, vì sẽ có... thất hiền, chứ bây giờ chỉ có lục... bộ thôi, mà đối với chữ lục, chúng tôi lại hơi kiêng, vì nó gợi trong trí chúng tôi những chữ lục tầu xá, lục xì, lục đục... chẳng hay ho gì. - Chúng tôi xin hỏi một câu : - Từ ngày ngài thôi dạy học ra dạy dân đến giờ, ngài đã làm việc gì ích nước, lợi dân ?

Ngồi yên lặng trong giây phút "quan lớn" Bố trịnh trọng trả lời :

- Từ lúc xuất chính tới giờ, bản chức đã từ chức tri phủ lên đến chức Bố chánh này.

Tôi cũng trịnh trọng đáp lại :

- Công trình vĩ đại như vậy, tiếng lớn của ngài rồi lưu lại hậu thế.

Một nụ cười hách dịch nở trên mội, quan lớn Bố đứng dậy bắt tay tôi năm, bảy lượt :

- Người ta thì "tiến vi sư, đạt vi quan". Cứ thế không cũng đủ lưu danh thiên cổ rồi.

Đoạn, ngài thích chí cười như nắc nẻ, rồi đi một bài võ ta. Đi xong, ngài vừa thở, vừa bảo tôi :

- Võ ta cũng là một món thể dục. Tôi, những lúc vui sướng vẫn tập cho khỏe.

Tôi bèn chỉ cái bụng xệ của "quan lớn".

Quan lớn vỗ vào bụng mà bảo rằng :

- Thế này là phát phì, phát phúc, mà người ta cho phát phúc là một điểm hay...

Tôi cười mà bảo rằng :

- Ngày xưa, ngài diễn thuyết về thể dục, có nói : "Nhiều người tuổi tuy còn ít mà ăn cao lương mỹ vị nhiều và ít vận động, nên thành bụng xệ, ta gọi là phát phì hay là phát phúc. Ta cho phát phúc là một điểm hay, nhưng biết có phải là vì bụng to mà được hưởng phúc đức, hay là phát phúc chỉ là được hưởng cái bụng to mà thôi".

- Đó là tôi nói người khác.

- À, ra thế. Chỉ có bụng ngài đây mới là phát phúc, còn các gã khác chỉ có bụng to mà thôi.

Cười tình, quan Bố nháy tôi :

- Ong biết bụng tôi lắm.

Rồi, như muốn chứng thực rằng quan lớn có cái bụng phát phúc, chứ không phải có cái bụng xệ, vì ít tập thể thao, quan lớn

Bố lại đi thêm một bài võ ta nữa. Vừa đi vừa thở hổn hển, mặt đỏ gay, bụng thời xệ nệ. Tôi sợ quan lớn tập võ mệt mất ngọc thể của vị đại thần, bèn dỗ rằng :

- Thật là ngài có bụng phát phúc. Còn tập thể thao, thì cứ gì tập võ, ngài hành động để lên chức tuần phủ, tổng đốc cũng là tập thể thao rồi.

Dỗ mãi, quan lớn Bố mới thôi tập và thôi thở. Thật là may cho cái bụng của quan.

*

* *

Về nội dung thì bộ hình luật này
vẫn theo bộ hình luật Gia Long.

Bùi Bằng Đoàn

Chắc các bạn độc giả còn nhớ bức điện tín của tôi gửi hôm 30-5-35 cho hai vị đại thần : ông Bùi Bằng Đoàn và ông Hồ Đắc Khải, hình bộ và hộ bộ thượng thư ở Huế. Gửi vào đã ba tháng, đến nay mới có hiệu qủa. Điện tín như thế kể cũng hơi chậm một tí.

Chẳng qua là tại số. Ngày xưa ông Khổng Ming thấy gió thổi gãy lá cờ, biết ngay là có một đại tướng mệnh vong. Trong bức điện tín của tôi, cũng có một cái điềm báo cho tôi biết : chính là chữ stop vậy. Stop, nghĩa là đình lại. Thảo nào mà cuộc lãng du vô Huế dự định chắc chắn lại hóa ra đình lại ba tháng trời đằng đẵng. Làm cho hai vị đại thần nóng lòng sốt ruột, mong mong, mỏi mỏi, chính là lỗi tại tôi ở chữ stop vậy. Nếu bộ luật ban bố trong Trung kỳ có điều khoản nào phạt tội kẻ bắt đại thần phải chờ đợi (tội phạm thượng) thì tôi nhất quyết xin lên án chữ stop kia thật nặng.

Stop ! Trong ba tháng vừa qua, hai vị thượng thư đánh bao nhiêu là điện tín giục tôi vào phỏng vấn. Đã có lần sốt ruột, tôi đáp

xe lửa vào, tuy biết rằng không thể đến nơi. Đến Thanh Hóa được tin chính phủ cho báo Phong Hóa stop ba tháng, tự nhiên tôi không đi được nữa, đành phải stop ở Sầm Sơn nghỉ mát. Thế mới biết những việc to tát có khi nguyên nhân nhỏ xíu vậy.

Tháng bảy. Tháng tám... Thì giờ như gió thổi đi. Trong ba tháng chẵn, tôi nhàn nhã đi tìm tổ chuồn chuồn khảo cứu rất công phu, thừa dịp sẽ làm sách tả rất cẩn thận cái tổ chuồn chuồn.

Hôm mồng một tháng chín tây, lại nhận được một bức điện tín của hai vị thượng thư trách móc, tôi nể qúa vội xem lịch, chọn ngày xuất hành tốt, rồi đáp xe lửa vô Huế ngay.

Bộ hình. Một tòa nhà thấp lụp xụp. Ở ngay cửa, một ông lính bệ vệ dõng dạc cầm roi đi lại.

Tôi vái chào :

- Bẩm, ông thượng có đây không ?

Người lính nhìn tôi bằng con mắt khinh thị :

- Có. Anh hỏi gì ?

- Ong thượng đánh giây thép mời tôi vào chơi. Giây thép đây.

Tôi chưa thò tay vào túi, người lính đã hóa ra nhũn nhặn, chấp tay trả lời :

- À ra... quan vô chơi. Mời quan vô ạ.

- Không dám. Tôi không phải là quan.

Ngạc nhiên, người lính đứng sững, nhìn tôi không chớp mắt. Ý giả anh ta lấy làm lạ rằng, một anh bạch đinh như tôi lại được quan thượng mời vào chơi. Ngay lúc ấy, ông Bùi Bằng Đoàn và ông Hồ Đắc Khải ở nhà trong chạy ra, nắm tay tôi cười cười, hỏi hỏi trân trọng mời vào phòng giấy. Anh lính gác cửa há hốc mồm đứng sững như khúc gỗ, vẻ ngơ ngác như mất trí khôn.

II. ĐI XEM MŨ NI

Hai ngài Năng Quốc, Lê Dư
Chẳng sư mà cũng như sư nực cười.
Công danh đã ngấy mùi đời,
Lập ra hội phật quyến người đi tu.
Kìa xem thiên hạ đổ xô,
Lên chùa Quán Sứ : Nam vô Di Đà.
Biết bao phàm tục về già,
Muốn sang Tây Trúc, cải tà qui tăng.

Tú Mỡ

Một cơn gió thoảng qua : Cơn gió đẫm mùi hương thông, nhưng hơi ngấy mùi hành xào mỡ. Tôi sực nghĩ đến cụ Nguyễn Năng Quốc và ông Lê Dư, hai cái cột trụ của hội Phật giáo. Tôi bèn lần theo gió thơm, tìm đến chùa Quán Sứ.

Dâu bể đổi thay, chùa Quán Sứ nay còn đâu là dấu tích xưa ? Cái "cảnh vắng teo" ngày trước, bây giờ đã hóa ra cảnh phồn hoa; còn sư cụ chùa ấy, sư bà chùa ấy đã đi "nơi nao" mất cả. Cô Hồ Xuân Hương có sống lại cũng đến ngậm ngùi theo ông Lê Dư và hội Phật giáo tụng kinh Di Đà để mang sang "Tây Trúc" mà thôi.

Tôi theo dãy tường hoa, đến trước một cái cổng mới xây. Ngước mắt trông lên, thấy một cái biển lớn để chữ tây, chữ nho và chữ ta : "Phật giáo hội - Association bouddhique - Quán Sứ tự". Bên cạnh treo một cái biển con, vẽ một bàn tay trỏ vào mấy dòng chữ : "Sonnez s'il vous plait - xin bấm chuông" - Đạo phật cải lương có khác : nhà chùa cũng văn minh, bất ai đến cũng phải bấm chuông, cả phật cũng vậy.

Vào trong chùa, tôi thấy một chú tiểu, lủn củn lùn cùn trong bộ áo nâu non, đương ngồi gục xuống quyển kinh, nửa ra ngủ gật,

nửa ra trầm tư mặc tưởng. Mà quái lại, chú tiểu kia sao lại có hai đầu ? Một đầu trên cổ, một đầu dưới tay, đều bóng nhoáng như mỡ. Định thần, tôi nhìn kỹ lại. Tôi càng thêm sững sốt : chú tiểu ấy không có đầu. Hai cái vật tròn tròn, bóng nhoánh tôi vừa thấy, nó chỉ là hai cái mõ.

Tôi gọi đùa :

- Chú Mộc !

Một cái mõ bậc mạnh ra đằng sau, đụng phải cái cột kêu đánh boong một tiếng như tiếng chuông : à ra đầu ông Lê Dư.

Tôi ngã mũ chào :

- Thưa ông, tôi muốn hỏi sư cụ.

- Chùa Quán Sứ không có sư cụ.

- Sư ông vậy.

- Cũng không có sư ông.

- Vậy thì sư bác, sư chú, sư bà, sư cô ?

- Cũng không có nốt. Chỉ có tiểu thôi. Mà tiểu chính là tôi đây.

Tôi bèn cười hỏi :

- Vậy ra, ngài mới quy y tăng ?

- Làm gì có tăng để tôi quy y ?

Đoạn trịnh trọng, ông xoa cái đầu hói của ông rồi xoa cái mõ ông để dưới chiếu mà tôi đã nhầm với cái đầu ông. Ý chừng ông xoa thế để tìm tứ, vì tôi thấy ông lấy giọng khàn khàn mà đọc cho tôi một thôi rằng :

- Đạo phật bây giờ đã suy vi. Người đi tu không hiểu giáo lý, không nghiên cứu đạo phật, chỉ là những kẻ trai thì tránh sưu lẩn thuế, gái thì trốn chúa lộn chồng, mượn cửa thiền làm chỗ gửi thân

an nhàn thong thả. Bởi vậy, tôi mới phải ra tay chấn hưng đạo phật lập ra đạo này...

- Sao tôi nghe nói chính cụ Nguyễn Năng Quốc đứng ra lập hội Phật giáo ? Mà mấy câu ông vừa nói, tôi đã được nghe một lần rồi : hình như của cụ Quốc thì phải.

Mỉm cười, ông lắc lư cái mõ - không - tôi quên - cái đầu :

- Cụ Nguyễn Năng Quốc nào có công cán gì. Chẳng qua cụ cho mượn cái tên. Còn công là công của tôi cả. Vì sự tình cờ, sư nữ chùa Quán Sứ đi nơi khác, tôi bèn xin làng nhường chùa cho tôi trông nom, rồi tôi "rủ rê" bạn đồng chí lập hội chấn hưng đạo Phật.

- A Di Đà Phật ! Thế thì công đức qúa. Nhưng, vì lẽ gì ngài chấn hưng ? Ý giả vì ngài thông hiểu giáo lý đạo Phật và tin sự màu nhiệm của đạo Phật ?

- Qủa có thế. Đạo Phật là một đạo cao thâm huyền diệu, tôi hiểu và tôi tin. Vì vậy, tôi mới bận áo nhà sư.

- Nhưng ông chắc ăn thịt, cá ?

- Cái đó thì đã đành. Tôi là một tín đồ đạo phật thật, nhưng tôi lại là một nhà khoa học nữa. Xin nói để ông biết rằng, tôi là một nhà khảo cổ, mà khảo cổ cũng là một môn khoa học vậy. Đã là nhà khoa học, tất biết rằng người ta phải ăn thịt, cá mới đủ dưỡng sinh...

- Mà ngon nữa.

- Vâng, mà lại ngon. Cơm tây cơm tàu, tôi đều thích. Nếu ông có lòng mời, thật tôi không dám từ chối.

- Tôi cũng vậy. Giờ, tôi lại xin hỏi ngài câu nữa. Ngài đã qui y, tất phải có giới. Trong ngũ giới : giới sát, giới đạo, giới dâm, giới vọng ngôn, giới ẩm tửu, ngài đã giới được những gì ?

Không trù trừ, ông Lê Dư khoa mõ mà rằng :

- Giới sát và giới đạo.

Ngạc nhiên, tôi hỏi :

- Ngài giới đạo đã đành, nhưng còn sát sinh thì ngài vừa nhận là có ăn thịt xong ?

- Ăn thì có ăn, nhưng giết thì không giết.

Tôi nghĩ thầm : Ong Lê Dư không đã động gì đến giới vọng ngôn là phải lắm.

Tôi bèn nói :

- Ngài không theo ngũ giới, vậy ngài không phải là sư ?

- Vâng, tôi không phải là sư.

- Nhưng ngài hiểu, ngài tin đạo phật, ngài muốn về cõi Nát Bàn ?

Xoa đầu - hay xoa cái mõ, tôi không nhớ rõ, - ông trả lời :

- Qủa có vậy.

- Thế thì ngài còn lưu luyến cái bến mê, bể khổ này làm gì. Ngài nên đi tu thật sự quách xong. Ngài đi tu sẽ có một cái lợi...

Cả người ông Lê Dư là một cái dấu hỏi to.

Tôi vội nói tiếp :

- ... Cái lợi ấy, là khỏi phải cạo đầu.

- Nhưng ông bảo tôi tu ở đâu ?

- Ở chùa bà Đá là hơn cả.

Ong Lê Dư tần ngần, ngẫm nghĩ... Tay ông hết xoa đầu lại xoa mõ, hết xoa mõ lại xoa đầu. Bỗng ở đâu có tiếng chuông chùa gióng giả ngân nga... như tiếng của Mầu Ni gọi vạn vật về nơi hư vô tịch mịch.

Ngoảnh đi ngoảnh lại, tôi không thấy ông Lê Dư đâu nữa.

Có lẽ ông cũng về nơi hư vô tịch mịch là ở chỗ sở trường của tư tưởng ông...

III. ĐI XEM MŨ GIẤY

Thay lời tựa: - Phương ngôn ta có câu rằng : hay đi đêm có ngày gặp ma.
Xem như vậy thì đủ biết có ma, mà muốn gặp ma, ắt là phải đi đêm.
Nhưng không phải ai đi đêm cũng gặp ma : phần nhiều là gặp ả đào.
Muốn gặp ma phải có duyên với ma, mà có duyên với ma thì chẳng ma nào muốn.
Bởi nhẽ ấy, tuy có ma mà chưa ai được gặp.
Riêng có tôi là khác thường : tôi đã có thể gặp được các cụ lớn đội mũ cánh chuồn, thời tôi cũng có thể gặp được ma (ma đây là những danh nhân đã khuất). Cho nên những lúc trà dư tửu hậu, tôi xuống chơi dưới suối vàng, đem sự mắt thấy tai nghe, ghi chép vào thiên ký sự này, ngõ hầu mong về sau người nào nối gót xuống du ngoạn cõi âm khỏi lạc đường vào chỗ chết.

Tử Ly

Có một lối xuống cõi âm giản dị nhất, ai cũng biết : là chết đi. Nhưng lối ấy có một điều bất tiện : là không sống được nữa. Đã không sống được nữa, thì những điều trông thấy, nghe thấy còn kể cho... ma nghe !

Cho nên, tuy giản dị, nhưng những người làm nghề đi xuống cõi âm - tôi muốn nói bọn phù thủy - không hay dùng lối ấy. Họ chỉ hay dùng lối đánh đồng thiếp. Công hiệu của lối này lạ lắm : muốn xuống chơi nơi địa ngục, tôi đã chịu nằm ba đêm chẳn để

cho họ lôi đi. Nhưng họ chỉ lôi vào giấc ngủ dài và say.

Lối ấy vô công hiệu, tôi bèn làm sớ gửi cho Diêm Vương, mượn tay một bà đi đốt. Nhưng tốn đến hàng chục tờ sớ, đêm nằm, tôi chỉ nghe thấy tôi ngáy. Chán nản, tôi đành ở lại dương thế vậy.

Bỗng một đêm không có trăng, tôi đương mơ mơ màng màng, chợt thấy người tôi hóa ra nhẹ nhàng như đám mây. Tự nhiên, tôi mở mắt ra, bay bổng lên không, lọt qua khe cửa mà ra ngoài. Tôi ngạc nhiên, chung quanh tôi không phải là thành phố Hà Nội, nhưng là một cảnh trí mơ mộng. Nhà cửa san sát nhưng có vẻ mỏng mảnh như bằng giấy; trên đường, người qua lại gầy gò và cứng nhắc như hình nhân. Hỏi ra mới biết là âm phủ.

Tôi còn đương ngơ ngác, bỗng có ba người lính lệ nhẹ nhàng chạy đến trước mặt tôi. Một người thộp ngực, còn một người quát hỏi :

- Anh ở đâu ? Tên là gì ?

- Tôi là Tứ Ly ở Hà Nội.

- Có giấy căn cước không ? Thẻ đâu ?

Ấy, đi ngủ còn ai giắt thẻ vào người làm qủi gì ! Nhưng tôi giảng giải thế nào họ cũng không nghe, nhất định lôi tôi vào phủ... Sau tôi phải lôi ra đồng bạc - may là bạc giấy - biếu họ xơi thuốc, họ mới tha cho đi : đâu cũng vậy, có tiền là xong cả, cụ Nguyễn Du tiên tri thật.

Đi được một quãng, tôi lại gặp mấy người đầu trâu, mặt ngựa chạy lại hỏi thẻ : thật là quan tha, ma bắt, chẳng đi đâu cho thoát. Nhưng cũng may, bọn sai nha này lại là người nhà của đức Diêm Vương. Họ nghe thấy tôi nói là xuống điều tra dưới âm, họ bèn vồn vã mời tôi về tòa Diêm Vương.

Trong một phố vắng, trước một cái vườn hoa trồng tường vi và dâm bụt, lâu đài của đức Diêm Vương trông có vẻ đồ sộ nguy

nga. Chỉ hiềm lối kiến trúc giở kim giở cổ, làm tôi lại nhớ đến kiểu nhà bánh khảo ở cõi dương.

Đức Diêm Vương còn trẻ và có vẻ tân thời hơn tòa nhà lối trung dung của người nhiều. Người đương vận áo sơ-mi cụt tay, thấy tôi, bắt tay niềm nở chào hỏi :

- Ong tha lỗi cho, tôi vừa đánh xong một sét ten-nít. Ong có muốn đánh, tôi xin hầu.

Tôi cáo từ, hơi lấy làm ngạc nhiên. Đức Diêm Vương như biết ý, cười bảo tôi rằng :

- Ong không nên lấy làm lạ, nếu ông thấy một người mới như tôi còn ở một tòa nhà cũ kỹ và không có mỹ thuật. Nhưng hẳn ông biết, cá nhân tiến bộ bao giờ cũng chóng hơn hoàn cảnh.

Tôi lại càng ngạc nhiên. Một ông Diêm Vương mà ăn nói như một ông sinh viên trường Cao đẳng Hà Nội !

- Cứ lấy sự kinh nghiệm còn non của tôi mà suy xét, người cõi âm không khác người cõi dương một tí gì.

Đức Diêm Vương mỉm cười trả lời :

- Ong vẫn chưa biết điều ấy ư ? Ong há lại không biết rằng không phải vì hết thở mà tâm tính người ta thay đổi đi. Chết xuống cõi âm, người đời vẫn y nguyên như khi ở trên trần. Họ xuống đó thì họ lại đem những điều xấu xa của họ theo xuống. Sự chết thật không có ích gì cho họ. Ong để ý mà xem, ông sẽ lại thấy họ ích kỷ, tham lam, hám hư danh và ưa giả dối. Nói tóm lại, họ vẫn là người...

- Tôi ở trên trần vẫn thường nghe nói địa ngục là nơi trừng phạt những người có tội đối với lương tâm. Sự đó không có hay sao?

- Địa ngục chỉ có ở trong trí tưởng tượng người ta. Họ nói dối

nhau để cho bớt cái tính tàn ác thiên nhiên của họ, chứ thực ra chúng tôi làm gì có thì giờ rỗi mà xét đến công việc từng người chết xuống đây. Họ dọa nhau những hình phạt ghê gớm : như bỏ vạc dầu, cưa đôi người. Nhưng chúng tôi nào có ác tâm như họ đâu, mà lấy sự đau đớn của người khác làm sự vui sướng của mình. Thực ra thì chết xuống đây, người nào đem nết xấu của người ấy xuống là họ đã đem theo cái hình phạt của họ rồi... ,

- Bẩm vậy, ra người ta xấu xa thật, nhưng chết đi vẫn chưa được yên thân. Cái hình phạt như vậy thì nặng nề qúa.

Đức Diêm Vương mỉm cười :

- Nặng nề đối với người biết nghĩ mà thôi. Còn thì họ lấy sống làm mãn nguyện rồi, dẫu sống một cách khổ sở hết chỗ nói.

Tôi sực nhớ đến người ta trên cõi trần, sực nhớ đến vô số người ham cái sống phù du, ham cái vinh thân, phì gia mà làm những điều kém với lương tâm... đức Diêm Vương thực đã biết người lắm.

Thán phục, tôi từ tạ trở về sau khi xin được phép của đức Diêm Vương cho tự do đi điều tra dưới cõi âm và phỏng vấn những danh nhân đã thác. Tiễn ra cửa, đức Diêm Vương còn ân cần nói với tôi :

- Khi nào thư thả, ông đến chơi đánh ten-nít cho vui nhé.

Đức Diêm Vương ngài ưa đánh ten-nít. Ý chừng lúc còn ở trên trần, ngài chỉ có cái nết xấu vừa vừa ấy...

*

* *

Thiên chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên, cố tai giả bởi chi, khuynh giả phúc chi.

Trời sinh ra muôn vật, nhân cái tài lực của từng vật mà độn đốc

thêm vào, cho nên vật nào có thể vun đắp được, thì vun đắp vào cho tốt lên, vật nào nghiêng lệch thì làm cho đổ nát đi

Trung Dung

Cõi âm mờ mịt như đám sương mù. Hai quỷ sứ dẫn tôi đi như bay, bỗng tôi thấy ở bên cạnh đường một tòa văn miếu đã đổ nát như ẩn như hiện. Hỏi quỷ sứ, tôi mới hay là dinh thự của đức Khổng tử. Dừng chân lại, tôi đến cổng bấm chuông rồi đưa danh thiếp cho quỷ sứ đem vào.

Một lát sau, cánh cửa mở từ từ theo lệ, rồi bỗng thấy khởi nhạc.

Đương lúc bát âm cùng hòa, một lũ ma, đứa cầm khiên (can), đứa cầm búa (kích), đứa cầm lông chim sẻ (vũ), đứa cầm lông đuôi bò (mao), múa lung thiên.

Đối cảnh ấy, lòng tôi sinh cảm xúc, nên vừa đi vừa hát bài bình bản :

Trên trời thanh có trăng,
Dưới đây thuyền đưa khách thung thăng.
Thuyền đi dắt theo cô Hằng,
Trên dòng trường giang người người ca xang.

Thật là đủ cả chuông trống, đàn địch, múa hát và văn thơ, nhạc đủ hết.

Đức Khổng tử nhường cũng biết là tôi hiểu thấu lễ nhạc của người, nên tươi cười bước ra đón. Đến trước mặt tôi, người theo lễ chấp hai tay lại, mình giữ thẳng, tà áo giữ ngay nếp rồi đưa tôi vào, bàn tay vẫn chấp lại, còn hai khủy tay để ngang như hai cái cánh chim, trông thật ngoạn mục.

Lúc người mời tôi ngồi, người giơ tay ra. Tôi bèn bất lấy mà nói rằng :

- Tôi được biết ngài, rất lấy làm hân hạnh.

Đức Khổng tử ngạc nhiên, rút tay lại mà kêu lên :

- Lễ hồ ! Lễ hồ ! (lễ vậy ôi ! lễ vậy ôi !)

Tôi vội nói ngay :

- Sở dĩ chế trung giã. Tôi vẫn biết vậy, nhưng muốn chữa cho vừa đạo trung thì bắt tay hay vái dài, cũng không khác nhau lắm.

Đức Khổng nét mặt bỗng dịu lại : những vạch của qủa dưa chín dần dần nhạt đi. Người ngồi xuống chiếu, cùng với tôi hàn huyên.

Tôi nhìn chung quanh, thấy bên tay phải đức Khổng, đứng một người học trò na ná như nhà thi sĩ Tản Đà, nhất là vì người ấy đeo ở dây lưng một cái bầu : ý chừng là bầu rượu. Nhìn kỹ, tôi mới rõ là bình đựng nước, bấy giờ tôi mới biết người ấy là thầy Nhan Hồi. Bên tay trái đức Khổng, có con kỳ lân què, cố đứng thẳng theo lễ, nhưng không được.

Giữa chiếc chiếu vuông vắn, tôi thấy để một cái mâm cũng vuông vắn. Trong mâm, mấy đĩa đồ ăn, đồ ăn vuông vắn. Tôi cố ngồi vuông người lại, chắp tay mà nói rằng :

- Người ta nói qủa không sai. Ngài thích những đồ vật ngay ngắn và vuông vắn. Giá ngài sống về thời bây giờ, hẳn ngài sẽ là một nhà kỷ hà học có tài.

Đức Khổng tử nhìn thẳng, cất giọng ôn hòa đáp lại :

- Vâng, chính tôi như vậy. Đồ ăn thái không vuông vắn, tôi không ăn.

- Nhưng còn cơm ?

Cơm thì chẳng nhẽ tôi không ăn, chứ thật tôi lấy làm khó chịu, vì không sao mà làm vuông hột cơm đi được.

Tôi cười mà bảo rằng :

- Nếu vậy, ngài ăn bánh tây thì tốt lắm. Là vì bánh tây có thứ bánh vuông. Họ lại lấy ruột bánh. cắt ra từng miếng vuông rồi cho miếng thịt "jambon" vuông vào, gọi là sandwich.

Vui vẻ, đức Khổng hỏi :

- Thật thế ư ? Nếu tôi được thứ bánh mì đó mà ăn thì hay qúa.

Rồi ngài dặn đi dặn lại tội có lên trần thì gửi xuống cho ngài vài chục chiếc.

- Tôi lại nghe nói, ngài chỉ đi đường thẳng, không đi đường queo. Có thật thế không ?

Trịnh trọng, đức Khổng đáp :

- Qủa có vậy. Tôi bao giờ cũng đi chính đạo, không dùng đường cong queo, dẫu gần hơn mấy cây số cũng vậy.

- Tính ngài như thế thì lại càng nên ở đời khoa học bây giờ lắm. Chúng tôi có xe lửa, có ô tô, cứ theo đường thẳng mà đi, ngài ngồi trên những xe ấy, chắc không bao giờ ra ngoài lễ cả.

Nghe tôi nói, đức Khổng vừa lấy làm lạ, vừa háo hức muốn lên trần chơi một chuyến. Nhưng vì biết không sao vượt được thiên mệnh, ngài đành phải ung dung ngồi thúc thủ để giữ lấy đạo trung vậy.

Ngài nói rằng :

- Tôi tiếc sinh khi sớm một ít. Nhưng người quân tử bao giờ cũng phải vui, nên tôi không lấy thế làm buồn.

- Chúng tôi cũng vậy, bao giờ cũng vui.

Đức Khổng cả cười mà rằng :

- Nếu vậy thì linh hồn đôi ta gặp nhau rồi.

- Nhưng hai linh hồn ta khác nhau ở chỗ ngài muốn khuôn

người ta vào vòng lễ nghi phiền phức, mà chúng tôi không muốn vậy; ở chỗ ngài hiếu tĩnh, mà chúng tôi hiếu động; đạo ngài đặt ra tôn ti trật tự qúa phân minh, mà chúng tôi lại cho thế là một sự bất công, trái với thiên lý...

Nhưng lúc đó, đức Khổng đã bắt đầu cầm đũa, nên ngài không trả lời gì cả. Ngài thực hành đạo của ngài : thực bất ngữ, tẩm bất ngôn, nên ngài không nói gì nữa, cứ việc "chuyên nhất chi tâm" mà ăn.

Còn tôi, tôi cũng đành "chuyên nhất chi tâm" mà về.

*

* *

Dân nào, nghị viên nấy.

Tục ngữ mới

Tôi ở dinh đức Khổng phu tử ra, qủy sứ dẫn đường nhe bộ răng ngựa bảo tôi rằng :

- Mời ông vào xem nghị viên.

Vừa nói vừa trỏ một tòa nhà giống nhà Khai Trí như đúc..

Ngạc nhiên, tôi hỏi :

- Nghị viên ? Nghị viên dưới âm ty ? Ở dưới âm ty cũng có bầu dân biểu à ?

Qủy sứ lắc đầu trâu, giảng giải :

- Không phải thế. Nghị viên đây không phải là một cơ quan thay mặt dân cõi âm để thỉnh cầu những việc tầm phơ, đây chỉ là tòa nhà của các ông nghị ở trên dương thế đã hạ cố chết xuống dưới này.

Tôi chợt nghĩ ra rằng ở trên trần, đương lúc các ông nghị sống bàn việc nước, biết đâu các ông nghị chết lại không họp nhau bàn việc dân. Tôi bèn cưỡi xe ô tô giấy, phóng vào nhà một ông

cựu nghị viên, phỏng vấn :

Đến ngõ, tôi bỗng nghe thấy tiếng sang sảng : "... Ích quốc... lợi dân... hiến tim cho xã hội...". Tôi giật mình đã tưởng là ông Phạm Huy Lục. Nhưng không, tôi nhầm : thật là may cho ông Nghị trưởng viện dân biểu Bắc kỳ, mà cũng là may cho lỗ tai của tôi.

Ong nghị ma này chỉ là một ông nghị thường đã bỏ vợ, bỏ con, bỏ nghị viên một buổi trời đông lạnh lẽo. Thấy tôi, ông bỏ tờ đít-cua ông đang đọc xuống bàn, nhìn tôi như đợi vỗ tay. Tôi bèn vỗ tay. Ong ta mỉm cười, khẽ nghiêng mình như nhận lấy sự hoan nghênh; rồi vồn vã mời tôi ngồi. Ý chừng ông ta lầm tôi là một cử tri của ông hẳn.

- Ngài đã xuống cửu tuyền mà còn nghĩ đến dân đến nước như thế này, thì chắc thủa sinh thời, ngài đã nhiều phen xả thân...

- Ngài tính có lợi lộc gì mà xả thân. Tôi cũng như các ông nghị khác mà thôi. Có điều khi còn ở trên trần, tôi hay tập đọc diễn thuyết một mình, lâu thành ra thói quen, nên xuống dưới này, mỗi năm cứ đến ngày họp hội đồng thường niên, tôi lại nhớ đem diễn văn cũ ra bình lại... kể cũng còn hợp thời lắm.

Tôi sực nhớ ra rằng, những người chết đi, nết nào vẫn giữ tật ấy. Tôi nhìn kỹ ông nghị ma của tôi, nhận thấy đầu ông cử động luôn luôn : không lắc lư từ bên trái sang bên phải và từ bên phải sang bên trái, thì cũng lắc lư từ trên xuống dưới và từ dưới lên Thấy tôi nhìn, ông ta như hiểu ý, hơi buồn mà bảo tôi rằng :

- Ong nhìn tôi cử động, phải không ? Đầu tôi như vậy chẳng qua là nó nhớ lại hồi ở trên dương gian, nó hay gật và lắc. Bây giờ đã thành tật, không thể nào chữa được nữa.

Rồi ông mỉm cười, nói tiếp :

- Nhưng tôi không lấy thế làm hổ thẹn. Là vì mười ông nghị

chết xuống đây, đến chín ông rưỡi cũng như tôi. Cái tật ấy vốn là cái tật thông thường của anh em chúng tôi. Phiền một nỗi là ở dưới này, chúng tôi khó chịu vì cái tật ấy hơn xưa nhiều, mà người nào lúc sống gật nhiều, thì lúc chết đi tật lại càng nặng. Vậy ngài có trở lên dương thế, phiền ngài làm ơn nhắn các bạn đồng nghiệp tôi rằng, gật vừa vừa thôi.

Ong ta nói vậy thì tôi cũng biết vậy, chứ dám đâu đem lời ông thuật lại với các ông nghị trên trần : họ lại cho là mình thóc mách hay đặt điều thì chẳng bõ công.

Tôi đành phải theo phép lịch sự mà ư hữ cho qua, và nói đãi bôi rằng gật hay lắc không phải là phạm tội gì to lắm.

- Vâng, ông nói chí phải. Bằng lòng thì gật, không bằng lòng thì lắc. Lỗi đó, thưa ông, không phải là tại nghị viên. Thật thế, ông ạ. Từ ngày tôi xuống đây, trí tôi sáng suốt ra, nên tôi biết. Nghị viên chỉ có quyền tư vấn và quyền thỉnh cầu. Vậy tôi lại phiền ông về trên ấy nhắn hộ bạn đồng nghiệp tôi rằng, không nên lấy thế làm thẹn, cứ việc gật đi.

Nghe lời ông nghị ma bàn, tôi bỗng thấy động lòng thương các ông nghị sống từ xưa đến nay bị diễu oan. Các ông ấy có tội tình gì đâu ? Dân nào, nghị viên nấy. Tội là tội ở dân chọn các ông ấy ra thay mặt. Dân ta có học hơn chút nữa, sẽ có ông nghị tài giỏi hơn bây giờ. Vậy điều cần nhất là mở mang trí tuệ cho dân, cho toàn thể quốc dân.... Công việc lớn lao, không phải một vài người làm nổi. Hay là ta lập hội, lập hội để khai trí thức cho dân quê, hô hào dân quê bỏ việc xôi thịt, phá lũy tre mà sống một đời văn minh hơn ? Tôi chợt nhớ ra rằng, đã có hội Khai Trí...

Ong nghị ma lúc đó dường như cũng nghĩ đến hội Khai Trí. Ong tấc lưỡi bảo tôi :

- Viện dân biểu họp ở nhà Khai Trí thì hơi chật. Nếu để ăn

uống thì chen vai, thích cánh cùng vui, nhưng nào chỉ có thế thôi. Còn phải biên chép nữa. Mà lúc biên chép lại đụng chạm nhau, thì thật là bất tiện : nghị viện chứ nào phải người dưới xóm đâu mà lấy sự đụng chạm nhau làm dễ chịu hơn.

Tìm được một câu bông đùa lý thú, ông nghị ma lấy làm thích chí, cười mãi. Rồi vui chuyện, ông tỉ tê kể lể công cuộc ông đã làm lúc ông còn sống ở trên cõi dương. Nhưng công cuộc của ông giống như công cuộc của các ông nghị còn sống lắm, nên tôi kiếm lời từ tạ. Ong ta chưa tha, níu lại hỏi nhỏ tôi :

- Nghe đâu trên ấy mới có cuộc cải cách : nghị viên được đeo thẻ bài riêng...

- Vâng, có vậy.

- Nếu thế thì tôi chết tiếc khi sớm qúa.

Rồi ông ta hậm hực than thở mãi, khiến tôi cầm lòng không đậu, đành phải hứa với ông ta rằng, lên trên trần tôi sẽ đốt cho ông một cái thẻ bài để ông đeo. Được lời như cởi tấm lòng, ông nghị ma nở một nụ cười sung sướng tiễn tôi về.

*

* *

Có thị có tự mảy may
Không thì cả thế gian này cũng không
Kìa như bóng nguyệt, lòng sông
Ai hay không có, có không là gì.

Từ Đạo Hạnh

Qủy sứ dẫn tôi đi, đi rất lâu về phương tây. Đến một xứ mơ mộng, lúc ẩn lúc hiện, như có như không. Hai bên đường trồng toàn trúc cả, thỉnh thoảng lại có cây bồ đề cành lá rườm rà : tôi đã đến Tây Trúc mà không biết.

Ngồi dưới một cây bồ đề lớn, trên một tòa sen bằng gỗ sơn

son thiếp vàng, đức phật Như Lai đương từ bi tĩnh tọa. Trông thấy tôi, ngài mỉm cười, cái mỉm cười bí mật của những pho tượng phật ở Đế Thiên, Đế Thích. Rồi như người sáng suốt soi thấu lòng tôi. Người tự nhiên điềm tĩnh bảo tôi rằng :

- Hãy dừng chân lại !

Tôi cũng điềm tĩnh lại gần, ngồi ở bên tòa sen. Đức Phật gọi tiểu đồng pha nước cam lồ mời tôi uống. Nước ngọt như đường cát, mát như đường phèn, và thơm như nước cam Nghệ : thật là một thứ nước cam hiếm có.

Nhấp giọng rồi, tôi vừa định bụng phỏng vấn đức Phật về cái đạo màu nhiệm của Người, đã thấy Người mỉm cười nói rằng :

- Tôi trông thấy ý nghĩ của ông. Tôi từ lúc ngộ đạo, phát nguyện lăn bánh xe để cứu độ cho chúng sinh, vẫn thường nhìn về cõi tục. Tôi thấy đạo tôi đã suy vi, nhưng tôi không lấy thế làm buồn, vì tôi không còn biết đau khổ nữa...

Trên nét mặt thản nhiên của đức Phật, tôi nhìn thấy rõ lòng hờ hững, lãnh đạm đối với sự vật. Nhưng tôi nghĩ thầm, có lẽ đâu ngài lại hờ hững với Phật giáo hội ở nước ta được. Tôi bèn hỏi :

- Chắc đức Phật ngài biết ở nước chúng tôi đương có người cổ động chấn hưng đạo của ngài ?

- Tôi biết rõ lắm. Nhưng những tư tưởng mà họ bảo là của tôi, nào có phải là tư tưởng của tôi nữa đâu. Nếu sống là thay đổi, biến hóa đi, thì những tư tưởng của tôi đã sống một cách mạnh mẽ lắm.

- Ngài có lấy thế làm vui không ?

- Lấy thế làm vui, tất là còn ham muốn, thì sao đến được cõi Nát Bàn.

Vậy ra đức Phật ngài không vui, không buồn, không còn biết cảm giác là gì nữa. Tôi nhìn Người rồi lại nhìn cây bồ đề vô tri vô

giác, điềm nhiên mọc ở giữa trời, không đau khổ mà cũng không sung sướng. Tôi lại nhớ đến hai ông Lê Dư, Nguyễn Năng Quốc, tín đồ khi vui khi buồn của đạo Phật; tôi lại nhớ đến mấy nhà sư đi tìm cảm giác lạ ở dưới xóm chị em. Nhưng, tôi nhớ nhất, là sự cạnh tranh của hội Phật giáo và bọn sa-môn của chùa Bà Đá.

Tôi bèn đem những việc ấy nói với đức Phật. Người chỉ mỉm cười, không trả lời. Hỏi gặng mãi, Người mới đáp rằng :

- Ta coi ngôi vương hầu như luồng bụi qua khe hở, coi cả đại thế giới như một hạt cải con. Vậy trong hạt cải con ấy, nếu có lũ vi sinh vật vị tham, sân, si, hay bố, mà công kích, mà phỉ báng nhau, thì có gì can hệ đến ta đâu.

- Nhưng, như lời Người đã nói, Người không vào địa ngục, thì còn ai vào được địa ngục thay Người nữa ?

Động lòng bác ái, đức Phật phán rằng :

- Nếu vậy, nhờ ông về nhắn giúp với họ rằng, họ nên chín bỏ làm mười, theo phép lục hòa mà cùng nhau tu tỉnh lại, mới mong đến cõi Nát Bàn được.

- Nhưng nếu họ chỉ hỏi tôi : đến Nát Bàn để làm gì, thì tôi biết trả lời họ ra sao ?

- Ong sẽ thuyết pháp cho họ nghe. Ong sẽ bảo họ rằng, đạo tôi giản dị lắm, đại cương như thế này : "Làm người là khổ : sinh là khổ, bệnh là khổ, cái gì không ưa mà phải hợp là khổ, cái gì ưa mà phải rời là khổ, cái gì muốn mà không được là khổ, chung qui cái gì cũng khổ cả".

Cũng mỉm cười bí mật, tôi hỏi :

- Nhưng cái gì ưa mà hợp lại là sướng, cái gì không ưa mà không phải hợp lại là sướng, cái gì muốn mà được cũng lại là sướng. Vậy ở đời, không những có khổ, còn có sướng...

- Sướng ít, khổ nhiều.

- Nhưng có khổ mới có sướng. Ăn cơm gạo tám mãi không

biết gạo ngon; nhưng nếu ngày ngày ăn gạo hẩm, bỗng được bát cơm gạo tám thì thơm tho biết là chừng nào ! Còn khổ mãi cũng quen đi, không biết là mình khổ nữa, như dân Annam chẳng hạn.

Mỉm cười, đức Phật đáp :

- Nếu lấy ở đời là sướng, thì cứ việc mà ở đời, còn mong đến Nát Bàn làm gì nữa. Nhưng đời là khổ...

- Nếu ở đời là khổ, thì quyên sinh là thượng sách ?

- Nhưng còn có luân hồi, nghiệp báo. Chết đi sẽ sống lại, sống lại sẽ chết đi, cứ loanh quanh mãi trong cái vòng lẩn quẩn ấy, là vì lòng tham sống, lòng tham dục hãy còn vướng lại trong tâm hồn. Diệt được dục là thoát khỏi luân hồi, là tới cõi Nát Bàn rồi vậy.

- Nhưng lấy nhẽ gì mà bảo là có luân hồi ?

Cầm cành dương phe phẩy, đức Phật nở nụ cười bí mật :

- Bởi vì có luân hồi.

Rồi, Người ân cần nhắc lại :

- Vậy nhờ ông về bảo hộ chúng sinh tìm đường diệt dục đi.

Nhưng tôi, một chúng sinh còn muốn uống nước cam lồ ngon ngọt, nếu trước khi từ tạ đức Phật, hãy rót thêm một cốc uống cho tan lòng dục đi đã. Uống cạn cốc ấy, lại thấy muốn uống nữa, nhưng cũng phải nén sự khổ - cái gì ưa mà phải rời thì khổ - vui vẻ ra về. Trời trong xanh vờn mấy đám mây trắng, gió mát ca trong cành trúc la đà, tôi cảm thấy sự vui sống ở đời (tuy rằng lúc đó, tôi đang ở dưới âm ty).

TỨ LY

Phong Hóa, số 139, ngày 8 Mars 1935 - số 158, ngày 18 Oct. 1935.

LÊN TRẠI HÀNG HOA TÌM CÁC ÔNG NGHỊ

Phóng sự vui của ***Tử Ly***

Hôm thứ bảy, chúng tôi dậy thật sớm, ăn vận chỉnh tề để lên hội Khai Trí xem các ông dân biểu làm việc nước..

Đến nơi, tôi chỉ thấy bàn ghế đương thì thầm với nhau những câu chuyện bí mật trong sự yên lặng. Tôi bèn hỏi người gác cửa :

- Các ông nghị chưa dậy, kia à ?

Người gác cửa trịnh trọng trả lời :

- Các ngài đi vắng cả. Hôm nay, quan Thống cho nghỉ để đi xem chợ phiên.

À, ra vậy. Các ông nghị không bàn việc nước, thì cũng đi giúp dân bị nước lụt, tổng qui lúc nào cũng là việc nước cả : công đức thật.

#

Chúng tôi bèn lên xe đến trại hàng hoa xem các ông làm việc nước.

Chưa tới nơi, chúng tôi đã nghe thấy chim chóc báo nhau :

- Hôm nay, các ông nghị lại chơi đây. Ta phải liệu bay trước đi.

Không biết mấy ông nghị có cái gì khiến chim kêu chiêm chiếp ra tuồng sợ hãi lắm.

Trái lại, ở gần cổng chợ phiên, hai cây đào đại thì thầm với nhau :

- Có các ông dân biểu đến, ta phải mừng và nở hoa đi.

Trong mà, ễnh ương kêu :

- Ta sắp được ngủ rồi.

Chúng tôi lấy làm lạ, tự hỏi nhau :

- Quái, ông nghị đến thì có liên can gì đến giấc ngủ của ễnh ương ? Tuy một đôi khi các ông có chợp mắt đi một tí thật, nhưng ễnh ương cũng không có thể vin vào sự ấy mà đòi ngủ được.

Câu hỏi thắc mắc khiến chúng tôi suy nghĩ mãi mà không sao giảng giải được.

Sự tình cờ trả lời cho chúng tôi. Đến gần sòng bạc của chợ phiên, tôi bỗng thấy lạnh buốt, chân tay giá cóng. Chung quanh, cảnh vật cũng thấy rét. Một con cò trắng co ro giơ chân lên như sợ khí lạnh. Mấy con bú dù ngồi sát nhau, vừa run rẩy vừa kêu những tiếng tha thiết... Tôi bỗng sực nghĩ ra chim chóc kia sợ rét, cây đào kia mừng, ễnh ương kia buồn ngủ, chẳng qua là vì các ông dân biểu, các ông hàn dân biểu tụ hội cả ở đây. Nhiệt độ bầu máu nóng của các ông năm nay đã biến ra hàn độ rồi, thì các ông đến đâu, ở đấy phải chịu ảnh hưởng của sự lạnh ở người các ông toát ra.

Qủa nhiên, lúc bước và sòng, chúng tôi bắt gặp nhiều ông dân biểu đương ngồi hăng hái dự đoán xem vận mệnh nước năm nay đen hay đỏ.

Túm lấy một ông, tôi hỏi :

- Thế nào ? Việc nước thế nào ?

- Khá lắm ! Phất hơn trăm rồi.

Quay lại một ông khác :

- Nghị viên năm nay cứ thế chứ ?

- Cứ thế... cứ rền thế mãi. Lạ thật : bảy cái sấp hai liền !

Nghe được hai lời bàn xác đáng ấy, chúng tôi bèn đi ra, tìm

các ông nghị khác. Nhưng ở ngoài đường rất vắng mặt các ông.

Bỗng tôi thấy một ông áo đoạn, quần là, giầy ban đang đứng ngẩn nhìn chòng chọc vào trong một cái chuồng mọi ngày nuôi rắn, nhưng hôm nay đặt mấy cái khung đèn điện lớn. Thấy ông vẻ mặt ngơ ngác ngây ngô, tôi đoán chừng là một ông nghị. Vừa định hỏi ông, thì ông đã quay lại nhìn chúng tôi và tấm tắc khen :

- Sở bách thú có khác ! Họ nuôi toàn giống vật kỳ dị. Ong thử nhìn cái con vật hai sừng kia, nó đứng im như bằng sắt vậy.

Thôi, đích thị là một ông nghị. Tôi bèn hỏi :

- Ong là một ông nghị ?

- Vâng, tôi là một ông nghị.

Rồi ông giơ tay bắt. Bàn tay ông lạnh như đồng... một ông hàn dân biểu thực thụ.

Tôi vội vàng phỏng vấn :

- Nghị viện thế nào, thưa ông ?

Ong nhìn tôi, ngạc nhiên :

- Nghị viện nghỉ.

Thế rồi tôi muốn hỏi gì, ông cũng cứ nghỉ hết.

Chúng tôi đành đi tìm ông nghị khác. Nhưng không gặp ông nào cả, chỉ gặp một con hổ đang lim dim ngủ trong chuồng. Tôi nghĩ : biết đâu các ông nghị không cải trang để nghỉ cho yên thân. Tôi bằng hỏi hổ rằng :

- Có phải ông nghị đấy không ?

Hổ gầm lên một tiếng giận dữ, rồi lừ lừ nhìn tôi như muốn bảo :

- Tôi làm sao mà cho tôi là ông nghị ?

Chợt một con ngựa dắt đi qua, tôi quay lại phỏng vấn theo lối

phóng viên báo Đông Pháp :

- Phải chăng đó là một ông nghị ?

Tức thì ngựa hí lên một tiếng như một tiếng cười dài mãi không hết.

TỨ LY

Ngày Nay, số 85, ngày 14 Nov.1937, trg 960.

DẠY NGHỀ LÀM QUAN

Người ta thường nói: "ánh sáng từ phương bắc lại". Nhưng bắt đầu từ nay, ở bán đảo có duyên với mũ cánh chuồn, áo thụng xanh, thẻ bài ngà này, bao nhiêu ánh sáng đều ở trong Huế mà ra hết. Vì ở đấy, mỗi tuần, một ông thượng thư sẽ cân đai, bố tử, chân đi hia, tay cầm hốt, miệng thét ra gang thép, bước lên diễn đàn để dạy cho các ông huyện tập sự mới đậu trong hai kỳ vừa rồi, hãy còn hơ hớ như gái về nhà chồng, cái nghề "làm quan". Cái cảnh hùng vĩ ấy đã thành sự thật: Theo ý của hội đồng thượng thư, ông Lại bộ Thái Văn Toản vừa dâng sớ lên đức Hoàng thượng chuẩn y, Lại bộ Thái Văn Toản vừa dâng sớ lên đức Hoàng thượng chuẩn y, tâu xin bắt các viên tri huyện mới lưu lại kinh mười tháng để mỗi tuần đến Di Luân giảng đường nghe các vị thương thư, các vị cố vấn dạy về chính trị, kinh tế, xã hội và nhiều món khác.

Có thế chứ ! Một sự cần thiết cho vận mệnh của nước nhà, và của cả thế giới nữa, mà đến bây giờ mới thấy mặt kể cũng đã hơi muộn rồi. Nhưng bao giờ chẳng vậy, phải đợi đến một người hiền như ông Phạm Quỳnh mới có những sáng kiến sáng láng như vậy được.

Nghề làm quan xưa nay người ta cho là dễ dàng qúa. Vụt một cái là có thể lấy áo chùng thay áo cộc, làm như nghề làm quan không khó gì hơn nghề nấu bếp. Vụt một cái là có thể từ nghề gì cũng vậy, nhảy vào hoạn trường như nhái nhảy xuống ao. Vụt một cái là có thể bỏ ngòi bút làm báo leo ngay lên nóc quan trường, chễm chệ trên ghế thượng thư.

Không thể như thế được. Nghề làm quan cũng lắm công phu, xin đừng tưởng chỉ có việc ngồi duỗi mà ăn, các ông huyện non nên nhớ kỹ cho. Không phải chỉ có việc chúi mũi vào mọt sách, học như quốc kêu hè, đọc thuộc như cháo quyển luật Gia Long và mấy pho Nam Phong là có thể làm cha mẹ dân được, là có thể khép nép ngồi hầu tổ tôm cụ thượng bà, cung kính đem đầu làm lễ cụ công sứ, hống hách ra oai với lũ dân đen.

Riêng đầu đề của bài đại luận thứ nhất của Phạm Quỳnh văn sĩ kiêm thượng thư bộ Giáo dục Nam triều đọc ở diện Di Luân tuần này để dạy lũ quan mới cũng đủ cho ta thấy sự công phu của cái nghề khó khăn ấy:

"Chức trách và bổn phận của các quan tri huyện và giá trị của một vị quan tốt".

Ong Phạm Quỳnh, ngày xưa, cái ngày ông đã quên vì nó xa lắc trong ký vãng, động chạm đến quan trường có thốt ra một câu sâu sắc: "... còn như các quan thời nay, thì ta bất nhẫn nói". Nhưng mỗi ngày người ta một sâu sắc hơn, nên bây giờ ông nói vậy. Bây giờ, ông muốn vạch một con đường rộng, đầy hoa, đầy qủa, để các ông huyện non cứ theo đó mà đi, ngắt hoa ngửi hương, ngắt qủa mà ăn để giữ mình được trong sạch như hoa đèn.

Chức trách bổn phận của các "quan" tri huyện ? Thật là nặng nề như mang cối đá.

Trước hết, các vị ấy cần phải ghi lòng tạc dạ rằng mình là bậc thượng lưu, là bậc "quân tử". Quân tử đây là người có quyền tước, có địa vị trong xã hội, nghĩa là các ông quan đội mũ cánh chuồn vậy. Vì vậy, tư tưởng và hành vi của các ông huyện phải hợp với đạo quân tử vậy. Đức Khổng tử xưa có nói rằng: "Đức của quân tử như gió, đức tiểu nhân như cỏ, gió thổi trên cỏ, thì cỏ phải lướt xuống mà theo". Tiểu nhân đã như cỏ theo gió, thì dân tất

phải theo quan, không có thể tự mình mà làm gì được vậy. Cho nên, quan cần phải là "cha mẹ" dân; ai bảo quan chỉ là "công bộc" của dân như báo Nam Phong độ nào, chỉ là một anh chàng nói láo mà thôi. Đã là cha mẹ dân thì phải yêu dân, thương dân, coi của cải tiền nong của dân như là của cải tiền nong của mình. Rồi không mỏi mà làm cho dân giàu, vì dân giàu tức là quan giàu rồi.

Ngoài công việc hệ trọng ấy, lại còn cần phải nghĩ đến sự hệ trọng hơn: là đem tài kinh tế ra để an thiên hạ, nghĩa là tiêu thụ rượu cho nhiều, thu thuế cho nhanh, trị an cho khéo hết lòng vì nghĩa vụ, vì công ích.

Đã theo đạo quân tử, thì ông huyện phải kính cẩn và thận trọng. Kính cẩn đối với người trên. Lúc bước vào dinh ông công sứ, cần phải cho hợp lễ. Đi vào cửa bên, khép nép sợ hãi, cúi đầu, nghiêng mình, run như cầy sấy.. Thận trọng đối với kẻ dưới, với dân. Lúc đó lại cần phải có uy nghi lẫm liệt, thét ra khói lửa, để cho dân kính, nghĩa là dân sợ.

Ngoài ra, lại cần phải thanh liêm nữa, tuy đức Khổng không nói đến rõ ràng, mà chỉ nói bóng gió rằng: đừng muốn mau thành công, đừng tham lợi nhỏ. Lợi nhỏ đây ý chừng là để ám chỉ sự ăn tiền vậy. Một ông huyện cần phải có xe ô tô nhà ư ? Thì nhịn ăn, nhịn mặt để dành mà mua chứ đừng có như lũ dại dột ngu muội nhạo câu của thánh hiền "cẩu nhật ăn, nhật nhật ăn, hựu nhật ăn". Muốn có nhà lầu lộng lẫy, có đồ cổ để bày biện, có nhẫn vòng để đeo cho vợ đẹp cũng vậy, phải bóp chắt bủn xỉn thì cũng có thể có được chứ, đừng để mang tiếng là ăn của đút, xấu xa cả đến toàn thể quan trường, xấu lây cả đến các cụ thượng có nhà lầu, có ô tô, có hầu non. Còn muốn làm một vị quan tốt, có giá trị, thì cứ theo ngay gương các cụ thượng ấy là thượng sách. Vì không có giá trị, sao mà làm được cụ thượng, nhất là cụ thượng bộ Lại, như ông

Thái Văn Toản đại thần chẳng hạn.

Trong tưởng tượng, tôi nghe thấy giọng giả tiếng ông Phạm Quỳnh thống thiết diễn giải những kỳ tứ kể trên, lời lẽ lâm ly hùng hồn, nét mặt đăm đăm nhìn về tương lai, khuyên bảo, thúc giục các ông huyện mới noi theo gương sáng của cổ nhân và của các cụ thượng. Và tôi nom thấy các vị huyện non ngồi ngây ra mà nghe, như uống những lời vàng ngọc, như tâm tâm niệm niệm những điều khuyên nhủ, như cố học lấy đạo quân tử để cố làm bậc thượng lưu trong sạch như hổ phách, như ngọc lưu li.

Và tôi cố đăm nhìn vào trong tương lai, theo dõi các vị thượng lưu ấy trong hành trình của họ, ở chốn công đường, ở nhà tư, nhìn vào tư tưởng của họ, hành vi của họ... Nhưng tôi không thấy gì, không thấy gì cả, tôi chỉ thấy nhếch mép như muốn cười.

HOÀNG ĐẠO

Ngày Nay, số 119, ngày 17 Juil.1938, trg 3-4.

KHOA LÝ TÀI CỦA ÔNG HUYỆN

Mỗi người có một sở thích. Có người hay đi nghe hát cô đầu, thí dụ như các ông nghị viên dân biểu. Có người ưa ăn phao câu, đó là các ông lý toét; có người ưa ăn của ngon vật lạ chẳng hạn như của đút, tôi muốn nói bọn mọt dân. Lại có người chỉ ưa ăn rau muống chấm tương nữa, ấy là bọn dân đen. Tuy bọn này không ưa ăn như vậy cũng không được, nhưng đó lại là một chuyện khác.

Tôi, tôi có hai sở thích: đi xem hát tuồng và đi nghe quan diễn thuyết.

Có lẽ là vì tôi ưa lịch sử. Đi xem hát tuồng, ta cảm thấy như sống lại đời cổ, hung hăng với ông Trương Phi, lầm ngầm với ông Lưu Bị, thương ông Nhạc Phi, mến bà Phàn Lê Hoa. Những tính tình chất phác nhưng mạnh mẽ của người xưa, ta chỉ có thể thấy ở những rạp tuồng mà thôi, thời nay không còn nữa.

Thời nay, người ta tính tình đã trở nên phiền phức. Mà muốn biết sự phiền phức ấy, không gì bằng đi nghe một ông quan lớn đọc diễn văn. Diễn văn của một ông nghị thường thường chỉ thực thà, ngây ngô hay sống sượng, trái lại, diễn văn của một vị đại thần sâu sắc, khuất khúc, bí mật như những lời vàng ngọc của nhà ngoại giao.

Vì vậy, hôm nay, tôi được tin ông Hồ Đắc Khải, Hộ bộ thượng thư yêu dấu của ta, đến giảng đường Di Luân ở Huế khai giảng

"khoa lý tài" cho các ông huyện tập sự, tôi náo nức mơ tưởng đến xem ông và nghe ông cho kỳ được.

Cầu được ước thấy. Trước mắt tôi bỗng hiện ra một cảnh tượng hùng tráng và nên thơ. Trên một cái bục. Hộ bộ đại nhân đương đứng nghiêm trang trong bộ áo gấm thêu lộng lẫy, lóng lánh như xiêm áo một bà công chúa Tàu; trên ngực ngài, nổi bật lên chiếc bài ngà bóng đề chữ đỏ thắm: thật là một cảnh vui mắt vô cùng. Ở dưới, lặng lẽ trầm ngâm ngồi ở mấy dãy ghế mươi ông huyện trẻ như măng non mới nhú. Các ông ngoan ngoãn như các cậu học trò hiền lành, chăm chú uống lời châu báu của cụ thượng. Cũng ngoan ngoãn, lặng lẽ, mấy cái cột lim trầm ngâm đứng nghe.

- Khoa lý tài thời nay bất cần các ông quan muốn trở nên những ông quan thạo đời. Cụ lớn Phạm đại nhân, bạn tôi, đã có lần nêu cao cái lí tưởng của các thầy đại diện cho phái thượng lưu trong xã hội, "kem" của quốc gia, như nhời người Pháp thường nói, cái lý tưởng tôn trọng luân lí trước hết, lấy tu thân theo đạo quân tử của thánh hiền làm căn bản để mà tề gia, trị quốc, trạch dân, trí chúa. Những thánh nhân còn có khi lầm, cụ lớn Phạm Quỳnh cũng vậy.

"Ở thời này cũng như ở đời xưa, luân lý bao giờ cũng đi sau kinh tế. Cụ lớn Phạm làm thượng thư bộ Giáo dục, nên cụ cho "giáo" là cần, nhưng tôi, Hộ bộ thượng thư, tôi phải hô lớn: kinh tế lý tài trước đã. Không thầy đố mày làm nên thật, nhưng không có tiền thì chẳng những không làm nên gì mà còn phải khổ sở, làm nô lệ cho người ta suốt đời nữa. Tiền, tiền là cần hơn cả. Nó là huyết mạch của người đời, huyết mạch của các thầy, huyết mạch của tôi. Nó đem lại cho các thầy những quần áo sang và đẹp, những nhà lầu mát và rộng, những chiếc ô tô hòm lồng kính nhẹ nhàng lộng lẫy, những cô vợ thướt tha óng ả. Nó đem lại cho tôi các thứ ấy, nó đem lại cho những nhà giàu, những người thạo khoa lý tài các thứ đáng yêu ấy. Nó đem lại cho quốc dân những thứ ấy.

"Vì vậy, các thầy cần phải thông thạo khoa lý tài.

"Tôi không muốn đem hết những nguyên tắc, những phương pháp lý tài ra để dạy các thầy. Tôi bận lắm, không có thì giờ rỗi. Bộ Hộ của tôi là một bộ lớn, rất nhiều công việc; nào tính tiền trả công thợ chữa lại mấy cái cổng thành, nào dự định số tiền tiêu về việc tế Nam Giao, lúc nào tôi cũng bận tíu tít về những công cuộc lý tài và kinh tế to tát ấy. Tôi rất lấy làm tiếc, vì biết đâu các ngài về sau này sẽ không có ngày thay tôi giữ chức trọng đại quán xuyến việc kinh tế cho cả nước nhà. Nhưng thôi, quan cố vấn Pháp sẽ thay tôi mà dạy các thầy những phép kế toán, những việc chi thu, thuế khóa, tiền tệ là những việc Nam triều đã ủy thác vào chính phủ Bảo hộ.

"Về phần tôi, tôi chỉ muốn chỉ cho các thầy một vài điều chính tôi lấy trong đạo thánh hiền. Đức Khổng xưa bàn về việc trị dân có nói rằng, trước phải làm cho dân giàu đã (phú chi) rồi mới dạy dân (giáo chi). Nhưng trước khi "phú chi" thì cần phải "phú" ngay mình đã. Vì rằng làm cho mình giàu, tức là tỏ ra rằng mình biết cách sắp đặt số chi thu của nhà mình, nghĩa là mình biết tề gia, mà đã biết tề gia, thì ắt là biết trị quốc và bình thiên hạ. Đó là đem đạo tu, tề, trị, bình của thánh hiền áp dụng vào kinh tế, lấy cũ mà bồi đắp cho mới, điều hòa hai nền văn minh đông tây vậy.

"Muốn làm giàu ngay mình và giàu dân, các thầy cần phải cần kiệm và có trật tự trong việc chi thu. Tuy nhiên, không nên cần kiệm thái qúa mà sinh ra bủn xỉn. Vả lại, trong các sự tiêu pha, có việc tiêu có lợi và việc tiêu không lợi. Việc tiêu có lợi trong công qũy thì tỉ như việc mở mang công nghệ, đường sá; việc tiêu có lợi trong tư qũy của các thầy thì là những việc tiêu tiền đi để lấy tiền nhiều hơn về. Nói tóm lại, việc tiêu có lợi, tức là việc thả săn sắt bắt cá sộp vậy.

Tiếng vàng của cụ Thượng Hồ còn văng vẳng, thì bỗng lẫn

vào tiếng gọi cửa: đó là tiếng trẻ con bán báo. Tôi giật mình mới biết rằng bài diễn văn kia, tôi đã nghe trong cơn mê hoảng... Nhưng, có lẽ vì một sự liên lạc bí mật nên tờ báo người ta đem đến cho tôi có đăng bài diễn văn của Hồ đại thần: Cụ khuyên các ông tri huyện tập sự theo các chính sách lý tài cũ, chính sách tôn trọng trật tự và cần kiệm và từ chối không đi sâu vào những vấn đề lý tài, vì những vấn đề ấy sẽ có ông cố vấn Godart giảng tường tận về sau này.

HOÀNG ĐẠO

Ngày Nay, số 121, ngày 31 Juil.1938, trg 3-4.

PHỤ LỤC

GIẤC NGỦ CHIỀU

Tặng Hoàng Đạo

Thức giậy, nắng vàng ngang mái nhạt,
Buồn gieo theo bóng lá đung đưa
Bên thềm. - Ai nấn lòng tôi rộng,
Cho trải mênh mông buồn xế trưa.

Than ôi, trời đẹp nhưng trời buồn,
Như cảnh tươi màu rạp cải lương.
Tôi đội tang đen cùng mũ trắng,
Ra đi không hẹn ở trên đường.

Rưng rưng hoa phượng màu thương nhớ;
Son đậm bên thành mệt sắc xưa;
Cánh rực đòi cơn rơi lối đỏ,
Bên chân ghi đọng dấu bao giờ.

Không khí vờn xoay, mộng rã tan;
Tưởng như tim đã cũ muôn vàn.
- Thâu qua cái ngáp dài vô hạn
Hình ảnh lung linh vũ trụ tàn.

H.C.

Huy Cận: *Lửa thiêng*, Nxb Hội Nhà văn, H, 1992, trg 64-65.

CÂY ĐÀN MUÔN ĐIỆU

Tặng Tứ Ly

Tôi là kẻ bộ hành phiêu lãng
Đường trần gian xuôi ngược để vui chơi:
Tìm cảm giác hay, trong tiếng khóc, câu cười,
Trong lúc gian lao, với trong khi sung sướng
Khi phấn đấu cũng như khi mơ tưởng
Tôi yêu đời cùng với cảnh lầm than,
Với cảnh thương tâm, ghê gớm, dịu dàng,
Cảnh rực rỡ, cảnh ái ân dữ dội.

Anh dù bảo: tính tình tôi hay thay đổi
Không chuyên tâm; không chủ nghĩa, nhưng cần chi ?
Tôi chỉ là một khách tình si
Ham cái Đẹp muôn hình, muôn vẻ
Mượn lấy bút nàng Ly Tao, tôi vẽ.
Và mượn cây đàn ngàn phiếm, tôi ca
Cái Đẹp u trầm, đằm thắm, hay ngây thơ
Cũng như cái Đẹp cao siêu, hùng tráng
Của non nước, của thi văn, tư tưởng.

Dáng yêu kiều tha thướt khách giai nhân;
Ánh tưng bừng linh hoạt nắng trời xuân;

Vẻ sầu muộn âm thầm ngày mưa gió;
Cảnh vĩ đại sóng nghiêng trời, thác ngàn đổ;
Nét mong manh, thấp thoáng cánh hoa bay;
Cảnh cơ hàn nơi nước đọng bùn lầy;
Thú sán lạn mơ hồ trong ảo mộng;
Hay lòng hăng hái đua ganh đời náo động
Tôi đều yêu, đều thích, đều say mê

Tôi sẵn lòng đau vì những tiếng ai bi,
Cảm khái vì những lời hăng hái,
Tôi ca với tiếng lòng phấn khởi,
Tôi than với người thiếu nữ bâng khuâng,
Tôi véo von cùng tiếng sáo lưng chừng,
Tôi yên ủi với tiếng chuông huyền diệu,
Với nàng Thơ, tôi có chiếc đàn muôn điệu,
Với nàng Thơ, tôi có cây bút muôn màu:
Tôi muốn làm nhà nghệ sĩ nhiệm màu
Lấy Thanh Sắc trần gian làm tài liệu.

T.L.

Nguyễn Thế Lữ: *Mấy vần thơ*, Nxb Hội Nhà văn, H, 1992, trg 55-56.

THẾ LỮ

HOA THỦY TIÊN

Phỏng theo bài văn xuôi *Bông Thủy Tiên* của Tứ Ly

Trong phòng khách, dưới ánh đèn rạng rỡ,
Cụm hoa đào say sưa vừa mới nở,
Như bầy tiên nga bừng thức giấc thần tiên
Còn thẹn thò dương mắt ngạc nhiên
Vì trông thấy Vân Sinh đang ngồi đó,
Tay nâng má, đăm đăm nhìn cửa sổ.

Bên ngoài đen tối mịt mù.
Phảng phất qua hơi gió lạnh mơ hồ.
Nhẹ đưa tới một làn khói pháo,
Khiến cho cảnh sán lạn trong phòng thêm huyền ảo.
Chàng khoan thai đến bên chậu thủy tiên:
Mấy bông hoa trong lá lả lơi chen
Chưa muốn nở, chừng đợi chàng đến vuốt.
Chàng âu yếm ngắm mấy giò trắng muốt
Chính tay chàng đã gọt tỉa, đã chăm nom,
Đã nưng niu như mơn trớn trái tim non,
Trái tim của khách giai nhân đa tình cảm

Chàng đứng lặng, để tâm hồn mê đắm
Vẩn vơ theo mây khói, vẩn vơ chơi

Trong cảnh hoa hương của giấc mộng Bồng lai...
Bỗng tiếng pháo nổ ran đâu từ nãy
Mà lơ đãng chàng vẫn không nghe thấy,
Nhắc cho chàng sực tưởng tới Lê Dung
Người giai nhân chàng vẫn mơ mòng.
Chàng nhớ lại hình như có hẹn
Đúng giao thừa, giắt xuân về chàng sẽ đến
Thăm Lê Dung trong biệt thự Hoàng Lan.

Vân Sinh bước ra, lòng hớn hở thênh thang
Qua mấy phố âm thầm và yên vắng...
Tới biệt thự người yêu, chàng đứng lặng,
Đưa mắt nhìn ngơ ngác chung quanh
Chàng ngạc nhiên, lẩm bẩm một mình:
"Có lẽ ta nhầm".
Vì chàng không thấy
Cây hoàng lan cành lá xanh đưa đẩy
Ở bên mành tơ liễu. Nhưng đến khi
Ngưỡng mặt trông qua dặng tường vi,
Thấy lớp nhà xinh tươi đảm dáng
Đang soi bóng lung linh trên mặt ao yên lặng,
Vân Sinh mới chợt nhớ ra
Đã từng phen vin cành yếu hái hoa,
Đã từng tắm dưới ao sen thơm mát,
Từng đón gió bên hiên mà vui đưa tiếng hát.

Ung dung, chàng nhẹ gót bước lên thềm.
Giẫy lan can trong bóng tối, im lìm,
Như nghe ngóng tiếng hoa trong tiếng lá
Đang rủ rỉ mách nhau trông khách lạ.

Chàng đưa tay toan mở cửa. Bỗng nhiên,
Cửa nhẹ nhàng, thong thả, bình yên
Từ từ mở. Một làn hương man mác
Cùng với điệu dương cầm xa xa dìu dặt,
Thoáng đưa ra...
Như hơi gió xuân qua...
Chàng bước vào, thản nhiên trông bốn phía:
Phòng vắng lặng. Cách trang hoàng ý nhị,
Đơn sơ, nhưng qúi trọng, cao thanh.
Ánh sáng không nguồn, một sắc trong xanh
Lả lướt giải lên mặt ghế nhung, bình nước ngọc
Với bốn lư trầm đương hoàng kệ bốn góc,
Khói lam thong thả cao đưa
Khiến cho cảnh chập chờn, như thực, như hư.
Vân Sinh đến bên bàn, ngồi xuống ghế;
Cùng khói trầm, tâm hồn nhè nhẹ
Mơ màng như tỉnh, như say.
Chàng cố nghĩ xem mình ở đâu đây.
Chợt trông thấy bức tranh người xuân nữ
Đang thổi sáo cho đôi hươu rỡn múa.
Vân Sinh mang máng nhớ dần ra,
Hình như bức tranh kia, chàng đã thấy qua,
Thấy cả cảnh êm đềm trong phòng vắng,
Cảnh mờ ảo như trong mộng tưởng...
Đang bâng khuâng, chàng bỗng thấy bên rèm,
Chúm chím cười mấy đóa thủy tiên,
Mấy nụ hoa non dịu dàng kín đáo,
Nhường e ấp chưa muốn phô diện mạo.
Chậu hoa, màu sứ xanh xanh,
Chàng biết rằng có vẽ nàng Oanh,

Dưới bóng liễu đang thở than cùng Quân Thụy.
Chàng lại biết đúng nửa đêm hoa sẽ
Bảo nhau cùng tung cánh nở đều.
Tâm hồn chàng rong ruổi đang phiêu diêu
Trong một thế giới u xuyên, xa lắc
Mà chàng đã sống qua đâu kiếp trước.
Vân Sinh bỗng thấy nhẹ nhàng
Chuông đồng hồ phòng bên cạnh dần buông
Mười hai tiếng vẳng đưa như luồng sóng
Lòng chàng cũng theo chuông vang động.
Chàng lim dim đôi mắt trông rèm châu
Mà (chính Vân Sinh cũng không hiểu vì sao)
Chàng tin chắc bức rèm kia sẽ cuốn.
Chuông rứt tiếng. Khói nao nao cuộn.
Một áng hương qua. Một tiếng thở dài
Của điệu tiên ca trong trẻo, tuyệt vời
Se sẽ nổi. - Bức rèm châu biến.
Rồi trong khung cửa, một nàng kiều diễm
Nhẹ bước ra, tươi như ánh bình minh.
Đôi mắt xanh, đắm đuối, long lanh
Như đôi ngọc huyền, sâu xa, huyền bí.
Sinh đứng dậy. Giai nhân sẽ hé
Cặp môi son đằm thắm nét anh đào
Và dừng gót du dương nàng sẽ cúi chào
Chàng đứng lặng đăm đăm trông Nhan sắc.
Trí bâng khuâng như người lạc bước
Lên Bồng lai chốn mơ mộng, thần tiên.
Song giai nhân, chàng thấy như quen,
Như đã cùng nhau nhiều lần gặp gỡ.
Mình nàng, chiếc áo xanh màu lá mạ

Uyển chuyển in theo nét dịp dàng.
Khoác bên vai chiếc khăn lụa tươi vàng
Như lưu luyến đôi bàn tay trắng muốt.
Nàng cất tiếng nhẹ nhàng, nghe dịu ngọt
Như tiếng đàn ân ái, nghe véo von
Như tiếng chim ca buổi sáng trên đầu non:
"Chàng vui gót nơi đâu, giờ mới tới ?
Để chúng em những mong chờ mỏi đợi,
Đã tưởng đêm nay xuân đến một mình.
Nhưng vui thay, xuân đến với Vân Sinh
Lá xuân thắm. Em xin chúc mời bạn ngọc.
Rồi lơi lả, nàng tiến lên, trong lúc
Tiếng đã im mà âm hưởng vẫn bên tai
Văng vẳng đưa như đàn sáo Thiên thai,
Văng vẳng reo trong lòng khách lạ.
Nàng sẽ vẫy. Cửa phòng bên sẽ mở
Một nữ tỳ lễ phép bưng ra
Một khay trà, chén ngọc thoảng mùi hoa.
Giai nhân mắt đưa tình, tay dâng nước.
Hơi nước xông, mà lòng Sinh man mác.
Màu nước xanh, lóng lánh, trong ngần,
Thấp thoáng trông như thấy cả vườn xuân,
Với trăm khóm thủy tiên trong lòng chén
Phút biến đi nhưng rồi phút hiện.
Vân Sinh nâng chén lên môi
Thấy tâm hồn khoan khoái, chơi vơi
Như vui đắm trong hồ cực lạc.
Giai nhân nói :
"Đây chính là Hoa các
Bọn chúng em, mười hai ả hoa tiên

Cùng với chàng ân ái có tiền duyên.
Mỗi mùa xuân, chẳng hay chàng có nhớ.
Chúng em lại cùng nhau ngỏ cửa
Đợi trông chàng đem xuân tới ta cùng vui..."
Rồi đưa tay, nàng mỉm miệng cười
Cất tiếng gọi :
"Tình quân ta đã tới.
Không ra đón, còn trang điểm mãi !"
Tiếng cầm ca réo rắt ở đâu đâu
Vẳng lại đưa ra. Rồi tự cửa rèm châu
Mười tiên nữ yêu kiều, hoa lệ,
Áo xanh non, khăn lụa vàng, vui vẻ
Cùng đem theo mùi hương ngát bước vào.
Mười đóa hoa trên những cặp môi đào
Cùng tươi nở, cùng hữu tình đằm thắm.
Vân Sinh uống nước trà hương đượm
Nghe tiếng tiên và ngắm dáng tiên nga,
Thấy trong lòng chan chứa, say sưa.
Chàng đem nỗi nhớ thương ra ngỏ,
Coi người tiên như bạn tình duyên cũ.
Lời chàng hoa mỹ như lời thơ
Mà tiếng chàng êm ái như đờn ca.

Nhưng niềm vui sướng, chuyện ái ân đương lúc
Như suối reo, bỗng nhiên ngừng khúc.
Một nàng hốt hoảng đứng lên :
"Thôi khuya rồi. Chàng cho phép chúng em
Từ biệt chàng, để xuân sau lại gặp".
Rồi cả bọn tiên hoa cùng thốn thức.
Chàng nghẹn ngào khôn nói ra lời.

Lệ phân ly lã chã tuôn rơi,
Tiếng đàn tiên, càng xa càng tha thiết.
Bầy tiên nữ còn ngại ngùng chưa nỡ biệt,
Vân Sinh còn cố giữ vạt khăn vàng,
Bỗng thoảng qua cơn gió. Khói trầm tan,
Hương trầm nhạt, nguồn sáng xanh bừng trắng.
Bầy tiên biến. Bốn bề vắng lặng
Đồng hồ treo đâu đó, lạnh lùng
Bảo chàng hay rằng vẫn ở trong phòng
Ngồi trước khóm thủy tiên mà chính tay chàng tỉa.
Sinh ơ thờ đưa khăn lau mắt lệ,
Nhìn chậu hoa: trên màu sứ xanh xanh
Vẫn đậm đà nét vẽ Thôi Oanh Oanh
Cùng Quân Thụy dưới liễu tơ đang tình tự.
Mười hai đóa thủy tiên đều đã nở
Nhởn nhơ phô cánh trắng, nhị vàng.

Ang hương qua, như nhắc lại phút mơ màng.

T.L.

Mấy vần thơ, Sđd, trg 84-94. - Truyện *Hoa thủy tiên* này được Hoàng Đạo đưa vào tập truyện ngắn *Tiếng đàn*, Nxb Đời Nay, H, 1941, trg 171-179.

NGUYỄN THỊ THẾ

HOÀNG ĐẠO CƯỚI VỢ (*)

(...) Sau khi tờ báo đã vững vàng rồi, các anh thấy mẹ tôi ở Cẩm Giàng có chuyện xích mích với bà hàng xóm xấu miệng nên thuê nhà ở đường Quan Thánh gần tòa báo đón mẹ tôi lên ở, cùng với anh Tư (Hoàng Đạo - VG.), chú Sáu (Thạch Lam - VG.), chú Bảy (Nguyễn Tường Bách - VG.) và hai vợ chồng tôi.

Tiền nhà anh Tam lo, tiền ăn anh Tư làm tham tá lo, lương được một trăm mười bốn đồng một tháng. Trại Cẩm Giàng để cho người nhà trông nom.

Nhà thuê có hai tầng, phòng khách, phòng ăn và ba phòng ngủ. Đằng trước có vườn hoa, ga ra. Đằng sau có cây to bóng mát, đầy đủ tiện nghi.

Về ở đây, mấy bà bạn cũ của mẹ tôi lại lui tới thăm hỏi. Trong số đó có bà phán Lợi tỏ vẻ chú ý đặc biệt đến anh Tư chưa vợ. Một hôm bà nói với mẹ tôi là có đám này được lắm, con một nhà giàu, cô ta cũng xinh và nết na lắm. Ý bà muốn đứng ra làm mối. Hai ba lần thúc giục mà mẹ tôi vẫn không tỏ vẻ sốt sắng nên câu chuyện cũng bỏ qua. Nếu không gặp bà nội chắc khó thành, bà lúc nào cũng lo việc dựng vợ gả chồng cho các cháu.

Nghe vậy, bà nhất định bắt bà mối đưa đi coi mặt ngay. Lúc về bà khen đủ thứ, nhà giàu lắm cơ những hai mươi lăm cái nhà gạch, nhà nghỉ mát ở Sầm Sơn, trong nhà có bà đầm vén màn (tượng gỗ để vắt màn). Bà nội ưng liền nên giục mẹ tôi đi coi. Hai ba lần thúc bách, mãi sau mẹ tôi mới đi, có tôi đi cùng.

Đến nhà bấm chuông, thấy một cô gái mặc áo đen, mặt xanh xao, hai mắt trông như lác ra mở cửa mời vào nói là mẹ con đi vắng. Trông dáng người nhanh nhẹn, tiếng nói trong trẻo, chỉ phải cái gầy và xanh qúa. Cô ta xin lỗi là vì mẹ đi vắng nên không có chìa khóa lấy trà pha nước. Ngồi một lúc hai mẹ con ra về.

Mẹ tôi chê nhà chỉ có hai mẹ con mà khi đi vắng cũng không dám giao chìa khóa cho con gái giữ, bà mẹ hẳn phải chặt chẽ về tiền bạc lắm. May mình cũng chẳng phải người ham của. Bà lại chê cô ta gầy yếu qúa. Câu chuyện lại bỏ lửng một thời gian lâu.

Ít lâu sau, bà phán lại đến mời anh Tư đến thẳng nhà, nhà cô ta cũng theo mới, ông bố hồi còn sống là dân tây mà. Bà nội bắt anh Tư đi. Cũng là duyên số, vì sau cuộc gặp gỡ, anh tôi bằng lòng cưới.

Mẹ tôi bảo nếu anh thuận thì bà cưới chứ không có ham giàu, thực sự bà ta cũng chỉ có năm cái nhà thôi, bốn cái ở Hà Nội và một cái ở Sầm Sơn.

Bên nhà gái hiếm hoi nên xin ở rể, mẹ tôi cũng bằng lòng vì bà sẽ lại về Cẩm Giàng ở một mình.

Đám cưới xong, mẹ tôi về quê, vợ chồng tôi thuê một căn nhà nhỏ ở làng Yên Phụ bên Hồ Tây, cảnh rất đẹp và nên thơ, chú Sáu về ở với chúng tôi, còn chú Bảy học thuốc ở nội trú ngay trong trường.

N.T.T.

(*) Tựa do chúng tôi đặt. Dẫn lại từ *Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường*, trg 101-103.

VŨ NGỌC PHAN

MỘT NHÀ VĂN SỞ TRƯỜNG VỀ NGHỊ LUẬN (*)

(...) Trong số những sách đầu tay của ông, quyển đáng chú ý hơn cả là tập phóng sự về tòa án Trước vành móng ngựa (Đời Nay - Hà Nội 1938), quyển sách làm cho người đọc vừa phì cười vừa thương tâm. Tập văn này cho người ta những cảm tưởng thật phản trái. Ta phải phì cười về cái óc qúa giản dị của nhiều người mà Hoàng Đạo đã vẽ dưới mắt ta bằng những nét chấm phá khi họ tiến ra trước vành móng ngựa và ta phải thương họ về những cử chỉ đơn giản cùng những việc không suy nghĩ mà họ đã làm.

Những bài Hai nghìn quan tiền tây (trang 19), Du đãng (trang 44) và Tòa thường (trang 92), thật là những bài đanh thép có thể chứng thực cho cái tư tưởng này của Pascal: "Công lý mà không có sức mạnh thì bị người ta phản đối, vì bao giờ cũng có những kẻ ác tâm; sức mạnh mà không có công lý thì bị người ta kết án. Vậy phải để cho công lý và sức mạnh cùng đi với nhau. Và như thế, phải làm cho cái công bình được mạnh, hay cái gì mạnh cũng được công bình"

Những bài trong Trước vành móng ngựa rất có liên lạc với nhau - liên lạc về ý, không phải liên lạc về việc. Những cử chỉ và ngôn ngữ mà tác giả được nhìn thấy, nghe thấy và thuật lại trong mỗi bài, đều là những kết qủa tai hại của cái nghèo và cái dốt, hai nạn lớn ở xã hội ta. Sau nữa, ta thấy rằng "tòa án có con cưng, con ghét". Con cưng là những bị cáo được tất cả mọi người chú ý đến, vì bọn ấy có nhiều tiền thuê hai ba ông thầy kiện vung tay lên để khen ngợi họ.

Đây hãy nghe bị cáo thứ nhất trong bài Du đãng :

- Anh làm gì ?

- Bẩm, kéo xe bò.

- Chủ là ai ?

- Bẩm, không có chủ, ai thuê thì làm thôi ạ.

- Anh không có tiền ?

- Bẩm, kiếm không đủ ăn.

- Ba tháng một ngày nhà pha !

Rồi bị cáo thứ hai :

- Anh làm nghề gì ?

- Bẩm, con làm cu ly.

- Cu ly cho ai ?

- Bẩm, cu ly cho ai Đào, nhưng con thôi đã được một tháng nay.

- Thế một tháng nay làm gì ?

- Bẩm, con đi tìm việc, không làm việc gì cả.

- Không làm gì cả ? Ba tháng một ngày nhà pha !

Rồi bị cáo thứ ba :

- Anh làm nghề gì ?

- Bẩm, làm nghề rửa nứa ở ngoài bãi.

- Rửa nứa không phải là một nghề. Ba tháng một ngày nhà pha !

Những việc trên này đủ tỏ cho ta thấy rõ sự cùng khổ của hạng bình dân nước ta. Không cần phải những bài trường giang đại hải nêu ra trăm nghìn lý thuyết mới đưa người đọc đến sự thật. Chỉ một bài con con dưới ngọn bút rắn rỏi của một nhà văn đủ cho

người ta thấy rõ sự thật.

Người ta nhận thấy Hoàng Đạo rất thiết tha với những sự công bình trong xã hội, nên tiểu thuyết của ông ngả hẳn về mặt bình dân. Nhưng cái khuynh hướng thương xót người nghèo của Hoàng Đạo vẫn còn là cái khuynh hướng của người phú hào nghiêng mình xuống hạng thấp kém mình.

Cái khuynh hướng ấy của ông phô diễn rất rõ trong tiểu thuyết của ông.

Ong là tác giả tập truyện dài Con đường sáng (Đời Nay - Hà Nội, 1940) và tập truyện ngắn Tiếng đàn (Đời Nay - Hà Nội, 1941).

Trong Con đường sáng, Hoàng Đạo nêu lên một lý tưởng làm luận đề. Cái lý tưởng ấy là: Phải tự tu luyện hằng ngày để hiểu biết thêm và làm cho người khác cũng hiểu biết như mình.

(...) Nhưng người ta lấy làm tiếc rằng Hoàng Đạo đã không đào sâu một chút nữa. Những nhân vật trong tiểu thuyết của ông không có những ngôn ngữ hành động sâu sắc, nên cá tính của họ không được rõ cho lắm.

Hoàng Đạo là một nhà văn sở trường về nghị luận, về châm biếm hơn là về tiểu thuyết; ở hai loại trên ông phán đoán vững vàng, lập luận chắc chắn, còn ở loại tiểu thuyết ông không được giàu tưởng tượng cho lắm.

V.N.P.

(*) Tựa do chúng tôi đặt. Trích dẫn từ *Nhà văn hiện đại*, T.2, trg 839-845.

DƯƠNG NGHIỄM MẬU

HOÀNG ĐẠO VÀ MỘT VẬN ĐỘNG LỊCH SỬ

Bây giờ thì tôi không còn nhớ rõ những bài tập đọc, học thuộc lòng Trong thư viện, Dàn đậu ván, trích văn của Hoàng Đạo tôi đã gặp là những năm học lớp Nhất trường Hàng Than, hay trong những năm đầu trung học ở Chu Văn An. Nhưng có điều tôi còn nhớ rõ nội dung những bài đó, tôi cũng nhớ, dù mơ hồ, những lời giảng về Hoàng Đạo và sơ lược nội dung những bài tập đọc và học thuộc lòng đó: những ý nghĩa của một thanh niên trụy lạc khi bước vào trong thư viện, bên những sách vở đó chàng nhìn lại đời sống của mình trong qúa khứ và nhìn vào một tương lai. Nội dung đó cũng còn lại trong bài một buổi sáng đứng dưới dàn đậu ván, nhìn những cành đậu, lá đậu ở bên một cô con gái với những ý nghĩ lành mạnh... Khác với nội dung những bài tập đọc trích văn Thanh Tịnh về ngày khai trường, hay cảnh bất hạnh của Vũ Trọng Phụng về một ngôi sao xấu, cảnh chùa Long Giáng trong buổi hoàng hôn trích văn của Khái Hưng, những bài tập đọc trích văn Hoàng Đạo các vị thầy học của tôi đã mang đến cho chúng tôi những nội dung khác hẳn. Cũng từ đó, qua những lời giảng chúng tôi được dạy dỗ về những gì khác hơn, đó là tránh khỏi đời sống vô ích trụy lạc mà phải sống có ích cho xã hội, phải sống có lý tưởng. Cũng từ đó trong những ngày tháng đầu đời, làm quen với những tiểu thuyết của Tự lực văn đoàn chúng tôi mơ tưởng về đời sống của Duy trong Con đường sáng, của Dũng trong Đôi bạn, và vui thích với những phiêu lưu mạo hiểm của những chú dế mèn mà Tô Hoài vẽ ra bên những nhân vật Đoan Hùng, hay những Lý Qùy, Võ Tùng,

Hàn Tín, Hạng Bá Vương trong những pho truyện Tàu... Có điều những gì đã đến trong những ngày thơ ấu đã ở lại trong tôi những kỷ niệm, ấn tượng khó phai. Từ đó đến nay, rời khỏi ghế nhà trường, bước chân vào đời sống, với mười mấy năm phải sống với những biến cố rời đổi không ngừng của xã hội Việt Nam, với bổn phận phải làm, với hoàn cảnh một xứ sở những kêu gào không ngừng với tiếng súng, tiếng bom, đời sống những thay đen đổi trắng, lật lọng, lừa gạt, những điều trong sách vở và thực tế ngoài đời sống đã làm cho tôi và bao nhiêu người khác phải ngỡ ngàng... Với những điều kiện đó, ở sau hàng ba mươi năm ngăn cách bởi bao nhiêu biến đổi chồng chất, với hoàn cảnh như hiện nay đọc lại những tác phẩm của Hoàng Đạo, nhìn lại cuộc đời của ông, chúng ta có thể rút ra được một bài học nào, một kinh nghiệm nào ?

*

Với năm tác phẩm của Hoàng Đạo được in thành sách: Mười điều tâm niệm, Bùn lầy nước đọng, Trước vành móng ngựa, Tiếng đàn, Con đường sáng. Nghĩa là từ những bài báo ngắn được in thành sách tới tiểu thuyết của Hoàng Đạo, điều trước nhất đưa đến cho tôi là trong đó, một phần nào tôi nhìn thấy khung cảnh xã hội Việt Nam trong thời nô lệ thực dân Pháp, nhất là xã hội Việt Nam miền Bắc. Thực trạng xã hội Việt Nam trong thời nô lệ đã được ghi lại trong hầu hết những tác phẩm thời trước 1945, dưới khía cạnh này hay khía cạnh khlc do nhiều tác giả của những khuynh hướng khác nhau để lại. Từ Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Đình Lạp, Tô Hoài, tới Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Đoàn Phú Tứ... Với hoàn cảnh này hay hoàn cảnh khác, những phản ánh ấy nếu được liên kết với nhau chúng ta có thể có được một cái nhìn tổng quát nhưng chính xác về một thời đại, sự kiện đó cho thấy văn chương dù thế nào đi nữa cũng không thoát khỏi hoàn cảnh xã hội mà tác giả nó sống và tác phẩm được

hình thành.

Ngay từ khởi đầu, qua những tác phẩm đã được đọc, tôi nghĩ Hoàng Đạo trong thực tế là lý thuyết gia của Tự lực văn đoàn, một người lãnh đạo về mặt tư tưởng của nhóm. Trách nhiệm của ông ở trong nhóm như vậy hết sức lớn lao, và chủ quan tôi nghĩ chính cái chết của ông sau này đã khiến cho những người như Thế Lữ, Tú Mỡ, Nhất Linh mỗi người phải đi một đường, và từ đó đánh dấu một giai đoạn mới trong đời sống và sự nghiệp của họ.

Khởi đầu Nhất Linh, Hoàng Đạo và các bạn ông làm báo Phong Hóa, công việc làm báo đó không phải phát xuất từ một yếu tố độc nhất là làm văn chương mà nó xuất phát từ những tư tưởng xã hội, làm báo để nói lên một cái gì, để mang lại một cái gì, họ làm báo để tranh đấu cho lý tưởng của họ. Chủ trương của họ có thể tóm tắt phần nào trong câu của Nhất Linh: "Trước vui thích, sau ích lợi". Ngày nay đọc lại sáu chữ này nói về chủ trương của một tờ báo chắc có người sẽ cho là họ có một quan niệm không có vẻ văn nghệ gì cả, vui thích và ích lợi không còn, không là mục đích của nhiều người viết văn hiện nay. Chủ trương của một tờ báo hiện nay người ta phải nói tới tranh đấu, tới làm mới, vì cái này cái khác. Tôi nghĩ tất nhiên cái mục đích của Tự lực văn đoàn cũng vậy, nhưng trong hoàn cảnh thời đó không cho phép, họ mượn một hình thức bề ngoài không vẻ gì quan trọng để đạt tới mục đích của họ, và thực tế đã chứng minh điều đó. Từ khởi điểm đó Hoàng Đạo đã nhìn thấy gì trong xã hội Việt Nam. Hoàn cảnh của một xã hội nô lệ, một đất nước chia làm ba miền với những chế độ cai trị khác nhau.

*

Trước hết bằng chính kinh nghiệm bản thân trong khi ngồi ghế tham tá lục sự tại các tòa án từ năm 1929, nên ngay khi báo Phong Hóa ra đời, Hoàng Đạo đã viết về những gì ông đã thấy

trước vành móng ngựa, đó cũng có thể coi như một sân khấu hẹp về xã hội Việt Nam. Không bằng những trình bày dài dòng, bằng những nét chấm phá, nhanh và thật, Hoàng Đạo đã cho ta thấy những nét điển hình của một sinh hoạt, từ đó nói lên tình cảnh thất học, nghèo đói, hủ lậu, những tệ đoan của xã hội ta. Cũng từ đó nói lên sự thật của nền cai trị đầy đàn áp, bất công của thực dân Pháp. Thực dân Pháp thường tuyên bố nhiệm vụ của họ tại các nước thuộc địa là khai hóa cho dân chúng tại các nước chậm tiến lạc hậu. Họ đã cho xây dựng một số trường sở, có ngành học chính với một chương trình giáo dục mới, do đó bãi bỏ thi cử của triều đình. Sự thật nền giáo dục họ thiết lập không khác gì hơn chỉ nhằm đào tạo một số cán bộ cho guồng máy cai trị, đa số nhân dân đều thất học, trong khi đó họ cấm việc mở các lớp học tại nông thôn do các nhà nho từ trước kia vẫn hoạt động (...)

Phát xuất từ một tinh thần lạc quan, ôn hòa, tin người, ngay thẳng, không những chỉ với đồng bào mình mà còn ngay với cả những kẻ cai trị mình, tất cả những nhà trí thức tiến bộ của ta thời đó đều khởi đầu bằng những việc làm ôn hòa, đòi hỏi những cải cách thích đáng. Không riêng Hoàng Đạo tin ở người Pháp, mà ngay cả những người khác, những người hoạt động chính trị như Phan Tây Hồ, Nguyễn Thái Học... cũng đã hành động như thế, những lá thư thỉnh nguyện, những bài báo hô hào cải cách đều hàm chứa thái độ ôn hòa khởi đầu này.

Bằng phương tiện báo chí, sách vở, Hoàng Đạo và các bạn ông đã mang cả nhiệt tâm của mình ra tranh đấu, không phải chỉ trích nền cai trị, họ còn chỉ trích chính đời sống của dân chúng, vạch ra những tệ trạng, những gì họ cho là hư nát phải cải cách, phải phá bỏ, trong đó bao hàm cả sự giáo dục dân chúng. Như vậy tất nhiên họ phải dựa trên một cơ sở lý luận, trình bày cho dân chúng thấy con đường phải đi, nhất là đối với thanh niên, hay nói

khác đi vai trò của người trí thức mới trong việc hướng dẫn một xã hội.

Rõ ràng, trên phương diện tổng quát, Hoàng Đạo và các bạn ông chống lại ý thức hệ Nho giáo, chống lại nền tảng xã hội cũ và đòi một cuộc Âu hóa triệt để không phải chỉ trên diện tư tưởng, nếp sống mà còn ngay cả phương diện hình thức từ cái ăn cái mặc trở đi. Theo mới, hoàn toàn theo mới không chút do dự. Đó là một trong những khẩu hiệu mà Hoàng Đạo đã đưa ra. Theo mới với Hoàng Đạo tức là Âu hóa. Hoàn toàn theo mới, nhưng theo mới như thế nào, nhất là với lớp thanh niên, thành phần cán bộ mới của xã hội, đó là ý muốn của tập sách mỏng Mười điều tâm niệm. Ngay ở trang đầu tập sách đã có một lời kêu gọi, có thể coi đó như một bản hiệu triệu gửi cho những người trẻ trên con đường mới: "Hỡi các bạn trẻ ! (...)

Khởi đầu từ những lên tiếng với một tinh thần lạc quan mới, tin người khác như tin mình, tin ở cái mới, cái tiến bộ, tự nhận lấy trách nhiệm của người trí thức trong xã hội Âu hóa, ở cương vị một người làm báo, Hoàng Đạo và các bạn ông trước hết nhìn mặt xã hội mình sống, lên tiếng về xã hội đó và đòi hỏi một cuộc cải lương trong xã hội, đòi hỏi một cuộc cách mạng ôn hòa. Từ những quan điểm đó Hoàng Đạo và các bạn ông tích cực hoạt động trên hai mặt chính: tiếp tục dùng báo chí, văn chương truyền đạt những tư tưởng của mình, đưa ra những mẫu người mới cho một xã hội, cùng đó là tiến tới những tổ chức có hoạt động xã hội một cách cụ thể; phong trào nhà Ánh Sáng. Đi từ công việc làm báo, viết văn tiến tới những hoạt động xã hội cụ thể và tích cực, với con đường ấy tất nhiên họ phải đi tới nữa, họ phải bước tới hành động cách mạng. Bởi họ thấy rõ muốn đổi mới, muốn tiến bộ, muốn có một đời sống mới, hạnh phúc đến với mọi người không thể chỉ kêu gọi không, kêu gọi không không thể đạt được kết qủa, những công

việc xã hội cũng chẳng thu đoạt được bao nhiêu, muốn có đời sống mới, xã hội mới như họ nghĩ thì phải đoạt lấy quyền chính trị, và chỉ có thể làm đổi mới xã hội khi mình chủ động giành được quyền làm chủ nước mình. Như thế công việc của họ phải là: giải phóng dân tộc ra khỏi ách thống trị của thực dân Pháp. Đó không phải là lựa chọn của riêng Hoàng Đạo hay các bạn ông, mà là lựa chọn của hầu hết những người tâm huyết, tiến bộ, những người không muốn sống trong một xã hội tối tăm, đứng im trong mọi xã hội ở trong mọi thời đại...

*

Sau cùng Dũng đã từ bỏ đời sống sung sướng trong nhung lụa của mình, từ bỏ cả người mình yêu dấu để lên đường hành động. Khác với Dũng của Nhất Linh, Duy của Hoàng Đạo trong Con đường sáng cũng từ bỏ, cũng lên đường. Nhưng không phải từ bỏ và lên đường như Dũng, Duy từ bỏ cuộc đời trụy lạc, vô ích, bi quan, cuộc đời mà có lúc đã đưa Duy tới gần cái chết trong một sự lựa chọn tuyệt vọng. Duy lên đường, nhưng đó không phải là con đường bôn ba nơi hải ngoại, lên đường tranh đấu cho cách mạng như Dũng, mà Duy lên đường trở về với đồng ruộng, nông dân, trở về với Thơ, người con gái đáng yêu trong lũy tre xanh, với mong ước làm cho đời sống của mình có ý nghĩa, có hạnh phúc cùng với đời sống hạnh phúc của những người khác (...)

Qua những tác phẩm của Hoàng Đạo cũng như của các bạn ông, rõ ràng họ đã dùng văn chương cho một mục đích, tiểu thuyết nhằm trình bày, nói lên một cái gì, tác phẩm của họ gắn liền với xã hội với đời sống. Văn chương trở thành một khí giới và tất nhiên Hoàng Đạo chống lại cái tinh thần ủ ê sầu muộn trong văn chương. Nhưng ông đã không chỉ bằng những lên tiếng đả kích, điều ấy qúa dễ, mà ông và các bạn ông vừa lên tiếng vừa làm việc. Chống không không bao giờ đủ mà phải đưa ra những tác

phẩm mà chính mình cho là lành mạnh, cần thiết với quan niệm mà chính mình cho là tiến bộ.

Từ trước đến nay nhiều nhà phê bình thường chỉ trích, hoặc ít ra không đồng ý với thái độ nhìn xuống của những người trong Tự lực văn đoàn, trong đó có Hoàng Đạo. Theo những tài liệu còn lại chúng ta có thể thấy ngay trong thời hoạt động những chủ trương cùng việc làm của nhóm Tự lực cũng đã từng bị chỉ trích trong đó cũng có phần nào đúng. Như có người cho rằng nhóm Tự lực đã nhìn sai Nho giáo, chỉ nhìn thấy những khuyết điểm của nó, ngay trong việc bài cổ tục họ cũng trở thành qúa khích, có người còn cho rằng nhạo báng xã hội bằng những nhân vật Lý Toét và Xã Xệ là miệt thị nông dân, là mắc mưu thực dân... Tất nhiên những phong trào, nhất là với công việc của những người ở một giai đoạn nào đó, nếu có những việc làm qúa độ cần thiết để chống lại một qúa độ khác, như lối văn qúa độ của Hoàng Tích Chu là để chống lại với lối văn cổ rườm rà, dài dòng và đầy chữ Hán. Nhưng thái độ của những người cấp tiến nếu qúa độ là nhiệt thành, hăng hái. Ngay những nhầm lẫn có khi cũng đưa đến những cái tốt khác: làm cho người khác phát huy cái tốt, cái chưa xuất hiện của những mục tiêu chỉ trích. Tại sao không công nhận rằng: chính những chỉ trích của nhóm Tự lực đã khiến cho những nhà Nho phát huy cái hay của Nho giáo, những cổ tục nào đó cần phải lưu giữ, nếp sống nào đó cần phải duy trì... ? Ở đây tôi không nói những công lao lớn mà Hoàng Đạo và các bạn ông đã làm được đối với xã hội cũng như văn học, bởi nó hiển nhiên hết sức, tôi chỉ muốn nhân nói về ông rút ra những kết luận nào đó cho chính mình.

Đọc lại Hoàng Đạo, điều mà tôi nhận được nơi ông, trước nhất là cái tinh thần cấp tiến, mạnh dạn và dứt khoát, nhất nữa là cái tinh thần đó cách đây 30 năm ông đã có được. Tôi nghĩ chính cái tinh thần này đã đóng góp không ít vào việc võ trang tinh thần

cho thanh niên để rồi họ bước vào con đường hành động. Bảo ông nhìn xuống, vậy nói ông phải chọn một thái độ như thế nào nhất là với đời sống ông có ? Ở trong vị trí của ông, với cương vị đó ông hành động, ông viết với chỗ đứng của mình bằng lòng nhiệt thành chân thật. Như thế chính đáng hơn hay bắt ông phải ngụy tạo ? Bắt ông phải bỏ chính con người ông để sống làm một người khác ? Sống giữa một xã hội trì trệ buồn nản, cuối đường cuối của một nền văn hóa một nếp sống chỉ còn lại những hình thức lễ nghi, khuôn sáo, không năng lực, không sức mạnh, lớp trí thức lãnh đạo tinh thần cũ đang suy vi tan rã giữa những lớp trí thức mới chỉ được giáo dục để trở thành tay sai, làm bồi, phần lớn thanh niên thành thị lao đầu vào đường trụy lạc thì phải nói rằng Tự lực văn đoàn và một số những trí thức cấp tiến khác chính đã tạo thành một cơn bão tốt. Nó làm thay đổi sinh hoạt, làm mới đời sống, thổi một luồng sinh khí mới vào xã hội ta. Và chúng ta không thể không đồng ý với Hoàng Đạo khi nhận định về chính những công việc mình đã đóng góp trong ba năm hoạt động: "Ba năm qua, sự thay đổi của phong tục lễ nghi tuy chưa rõ rệt, nhưng sự thay đổi của linh hồn dân ta đã ngấm ngầm từ tốn mà tiến hành, không có sức mạnh nào ngăn cản lại được nữa. Những lý tưởng, những quan niệm cũ dần dần mất vẻ uy nghi lẫm liệt, tất rồi cũng phải theo thời gian mà bị phá tan, nhường chỗ cho những quan niệm, những lý tưởng mới...".

Chỉ trích, nhạo báng cười cợt, đả phá những cái đã hư, đã nát đã lạc hậu, cổ võ cho những cái mới, cái tiến bộ, kêu gọi người dân Việt, nhất là thanh niên đóng góp sức mạnh của mình vào công việc xây dựng một đời sống mới, dần dần những người cấp tiến yêu nước đó chuyển sang những mục tiêu chính trị: đả đảo quan trường, óc xôi thịt, chống lại chế độ bù nhìn, tố cáo những bất công trong xã hội, đòi hỏi tự do dân chủ, quyền được sống của người

dân. Như thế tất nhiên đưa họ tới hành động cách mạng. Từ văn nghệ sang cách mạng chỉ ngăn cách bởi một sợi tóc, như vậy chúng ta không hề ngạc nhiên trước sự lựa chọn hành động của nhiều nhà văn như Nhất Linh, Hoàng Đạo...(...)

*

Dũng của Nhất Linh đã lên đường làm cách mạng, Duy của Hoàng Đạo cũng đã lên đường trở về với nông thôn trong một hành trình ôn hòa, làm cho người khác sung sướng hơn. Qua thông điệp tinh thần của những Nhất Linh, Hoàng Đạo..., hay của những Nguyễn Thái Học, Phạm Hồng Thái..., chúng ta nghe thấy một lời kêu gọi mà họ đã gửi tới những người cùng thời, và cho cả ngày nay, nhưng có điều chúng ta nhận thấy rằng: đối tượng tranh đấu của thời đó khác hẳn với ngày nay, lúc bấy giờ thanh niên có một đối tượng rất đơn giản và minh bạch: giải phóng dân tộc khỏi nền cai trị của thực dân Pháp, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân. Còn ngày nay đối tượng khác, phức tạp hơn, rộng lớn hơn, nhiều giá trị tinh thần đã tan rã, nhiều niềm tin đã lung lay, chiến tranh tàn phá... Như vậy kinh nghiệm tranh đấu của Hoàng Đạo có giúp được gì cho cuộc vận động lịch sử hiện nay hay không ?

*

Hoàng Đạo đã làm báo, viết văn, hoạt động xã hội, hoạt động cách mạng và ông đã chết trên một chuyến xe lửa tại Quảng Châu bên Trung Hoa (...) Và cũng có thể nói rằng đến cái chết của ông là kết thúc một giai đoạn lịch sử, kết thúc vai trò của một lớp người. Tôi nghĩ ông đã chết sung sướng, bởi vì nếu ông còn sống tới ngày nay thì...

D.N.M

Trích dẫn theo *Văn*, số 107+108, đd, trg 103-123.

NGUYỄN VĂN XUÂN

HOÀNG ĐẠO VỚI "CON ĐƯỜNG SÁNG"

Nói đến Hoàng Đạo không mấy ai nghĩ đến sự viết tiểu thuyết. Vì tiểu thuyết của ông chỉ gồm một truyện dài Con đường sáng và tập truyện ngắn Tiếng đàn. Tập truyện ngắn ấy ngay thời sinh thời của tác giả, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan không nhắc đến tiếng nào trong tập Nhà văn hiện đại trong khi không quên một quyển sách hồng "tuyệt tác" quyển Ong đồ bể của Khái Hưng. Tôi nhắc đến Vũ Ngọc Phan vì tôi nghĩ nhà phê bình này hơi "ba phải", nhưng có vẻ vô tư, chân thành và nhiều lúc tỏ ra hiểu cái hay, phần nào các xu hướng của văn nghệ, và không cực đoan. Vào thời trước 1945, cây bút phê bình mực thước của ông được nhìn như một phát biểu của trí thức ôn hòa trong khi Nguyễn Bách Khoa là của qúa khích.

Vậy mà cây bút ôn hòa ấy đối với nhân vật nổi tiếng thời ấy là Hoàng Đạo, với quyển truyện xem như cụ thể hóa chủ trương của lý thuyết gia Tự lực văn đoàn, lại gần như là phủ nhận. Bài phê bình đó, bạn đọc dễ tìm thấy, tôi không cần nhắc lại.

Tôi cũng nói ngay rằng những ý kiến của ông Phan ngày nay đọc lại vẫn còn thấy một số điểm xác đáng và thú vị, cả phương diện tư tưởng lẫn nghệ thuật. Nhưng tôi tưởng còn nhiều vấn đề mà ông Phan chưa nêu ra. Vấn đề có liên quan thời ấy. Cả thời... chúng ta nữa (cố nhiên !)

*

(...) Kể ra, có đủ can đảm ngồi đọc lại quyển Con đường sáng, tôi tự thấy vì một công tác phải hoàn thành chứ thực tình, không sao tiếp tục nổi. Tôi không hiểu người đọc ngày nay tìm thấy niềm hứng thú nào khi xem quyển ấy tái bản.

Về mọi phương diện, quyển này đều tầm thường cả. Nếu so sánh với các tác giả đồng thời thì ông là hạng có kiến thức nào ? Nói về đồn điền, phá rừng, phá rẫy, ông có vẻ nhỏ nhoi cạnh Lê Văn Trương mặc dù thời ấy, nhà văn sau này bị xem thường, có lẽ vì văn chương cẩu thả. Nói về đồng quê, dân quê, nỗi khổ của đồng bào ta thì ông chỉ biết một cách lù mù, tổng quát bên cạnh một khối những Ngô Tất Tố, Nam Cao, Tô Hoài... Và đúng như Vũ Ngọc Phan nhận xét: "cái khuynh hướng thương xót người nghèo của Hoàng Đạo vẫn còn là cái khuynh hướng của người phú hào nghiêng mình xuống hạng thấp kém mình". Chính điểm này cũng làm cho tư tưởng và hành động của Duy không gắn liền với đời sống đồng bào ta mà gần với bọn Tây thực dân, chủ đồn điền không-qúa-tàn-ác. Thật ra, không biết ông Hoàng Đạo có hay đi xem các đồn điền của Tây không, chứ theo con mắt tôi nhìn thì nhiều tên thực dân ấy xem ra còn rộng lượng, từ thiện, dám thực hiện nhiều công tác quan trọng gấp trăm nghìn cái việc đào giếng trong các vùng mà có lẽ Duy có rất nhiều tá điền. Thành ra vô tình hay hữu ý, Hoàng Đạo đi làm luật sư biện hộ cho một thành phần thiểu số điền chủ giàu có. Trong một số Văn, một nhà văn cháu ông Nhất Linh cho rằng người ta đã lầm khi có luận điệu kiểu Vũ Ngọc Phan như tôi mới nhắc trên đây. Vì Hoàng Đạo vốn sinh trưởng trong một gia đình không mấy khá giả. Điều đó không chứng tỏ cái gì hết khi ta rất nghèo mà ta vẫn đứng về phe trọc phú để nghiêng mình xuống hạng nghèo trong khi có những kẻ giàu sang lại vứt địa vị của mình đi để cùng chiến đấu, cùng tồn tại với đám dân nghèo. Huống chi văn chương, sách vở còn để lại minh minh

bạch bạch, đâu phải chuyện mơ hồ. Ở cương vị này, có một điều vừa đau xót mà cũng vừa hết sức buồn cười mà nhà địa chủ Duy không biết có thấy không ? Là ông thấy dân nghèo đói khát, con cái điêu linh, đời sống ngu tối, thiếu học hành hứa hẹn toàn bi thảm rồi Duy đem lòng thương và muốn cải thiện phần nào đời sống của họ. Duy cứ vẩn vơ nghĩ ngợi về cái nghèo, cái khó của họ mà xem nó như là một sản phẩm chính tự họ tạo ra để mình tặng cho mình. Là điền chủ thực sự, lẽ nào ông không thấy họ nghèo vì chính ông hay sao ? Chẳng lẽ suốt những ngày mùa, không phải từ năm giờ sáng, tá điền đã tấp nập dẫn hết gia nhân kẻ gồng, người gánh mang lúa giê khô quạt sạch sang đổ ngập ví này, ví nọ cho nhà ông ư ? Những kẻ thiếu thì gia nhân ông đối xử ra sao, không lẽ ông không hề thấy khi chính ông là chủ nhân của gia đình ấy ? Không lẽ không một kẻ nào ứa nước mắt, khóc , vái, lạy ông xin khất lại mùa này, mùa nọ ? Không lẽ ông không biết là ông nhận bao nhiêu phần ăn rẽ trên khả năng sản xuất của ruộng ông ? Tuy chưa gặp ông bao giờ và kẻ Trung, người Bắc, kẻ ngoài cuộc đời, người trong tiểu thuyết, nhưng ông Duy ơi, lúa ăn rẽ ấy là loại thuế tàn nhẫn nhất trong nhân loại, kể cả dưới chế độ Nga hoàng: Tôi biết rõ là từ 40 đến 50 phần trăm tổng số lúa gặt. Mặc dầu ông khỏi làm gì hết, ông chỉ có miếng đất vốn là "tài sản" thiên nhiên và ông chiếm hữu, ông không đổ nửa giọt mồ hôi nhưng ông cũng cứ chia hai, chia một cách lạnh lùng, cẩn thận. Rồi ông ngây thơ tự hỏi: Tại sao dân lại nghèo ? Tại sao họ thích đình đám ? Tại sao họ thích vui chơi ? Họ nghèo vì ông nhận giúp của họ hết phân nửa tài sản một cách hợp pháp rồi. Họ đình đám còn để kiếm mấy miếng thịt heo, thêm số lượng ca-lo cho cơ thể gầy còm. Họ thích vui để quên bớt cuộc đời bị bóc lột khốn nạn. Rồi ông còn hiểu thêm điều này: họ sở dĩ đẻ sồn sồn năm một cũng chỉ vì đời nghèo túng quá, vợ chồng chẳng còn cái gì để vui ở ngoài đời, thôi thì đành dẫn

nhau về nhà vui chung vậy. Niềm vui bất tuyệt này là cái thú vị duy nhất trên đời đưa họ lên hàng loài-người-không-đẳng-cấp có hạnh phúc ai cũng như ai. Nhưng khi lũ con tranh nhau ra đời thì họ lại "mù con mắt"... Trong khi ấy, ông Duy cứ ngây thơ không hiểu tại sao họ cứ khổ, cứ tự làm khổ mình một cách ngu muội. Tôi có cảm tưởng Hoàng Đạo cố tình quên lãng hết cả những sự thực tàn nhẫn hằng ngày bày ra ở ấp, ở đồn điền, chứ không lý gì mà khung cảnh chàng Duy sống lại dễ gây cho chàng nhiều mơ mộng đến thế ! Và thật là trái núi đẻ ra con chuột khi mà chàng giác ngộ rồi lại chạy đi cho tiền đào giếng lăng xăng. Kể ra, trong đời không phải có nhiều chàng Duy như thế đâu. Chúng nó đều khốn nạn cả bầy cả lũ như tên Minh mụ Yến, vợ hắn hết. Nhưng đây là một cuốn tiểu thuyết luận đề, mà Hoàng Đạo cố tình vạch ra một con đường cho thanh niên hành động kia mà ! Thành ra người đọc không chỉ đọc trong sách, họ còn theo dõi ông trên báo chí và họ có thể có cảm tưởng đã bị lừa dối... Còn bọn điền chủ khác thì hẳn rất thú vị khi thấy Duy thất bại, mà nếu có chịu ảnh hưởng vì những băn khoăn của chàng thì họ chỉ cho... đào mấy cái giếng cho dân nghèo, thế là đủ yên tâm và tự nâng mình lên hạng có "tư tưởng xã hội" rồi. Tôi không nhắc đến hành động của những người theo tả phái vì e có kẻ xuyên tạc. Tôi cũng chưa nhắc đến hành động của phái Duy Tân kể từ 1904 (hay 1905) đã có phương pháp cải tạo toàn diện xã hội như thế nào, khiến gây nên những cuộc biểu tình vĩ đại, dọc theo dãy Trường Sơn năm 1908 xảy ra trước Con đường sáng trên 30 năm mà sĩ phu lăn vào quần chúng để cổ động, hoạt động một cách thực tế. Tôi chỉ nhắc lại một tác giả thời ấy rất nổi tiếng mà tư tưởng lan tràn rất mạnh trong thế giới và rất được thanh niên sùng bái tuy ông chỉ là một đại điền chủ, một nhà qúi tộc: Tolstoi. Vũ Ngọc Phan có nhắc đến bộ Anna Karénine với một Lévine luôn luôn hoài bão những ý kiến và phương sách

để mưu lấy một đời êm đẹp cho dân quê nước Nga. (...)

Duy thất bại là phải. Bạn bè chàng cười cợt hành động của chàng cũng không sai. Vì chắc chắn nó không dẫn tới đâu hết khi không cải đổi từ cơ bản. Lý thuyết gia Hoàng Đạo khi trình bày những mẫu hoạt động, những đoạn phim ngắn về cảnh khổ dân nghèo, nỗi khốn khổ của cảnh đời bùn lầy nước đọng, ông có cái nhìn linh hoạt của nhà phóng sự, nhà báo, nhà phê bình. Nhưng khi ông đề ra phương pháp hành động, cụ thể hóa nó ra bằng con người với cảm nghĩ cùng cách thực hiện, ông lại tỏ ra nông cạn, hời hợt và đáng xót xa hơn là nó tố cáo luôn sự nông cạn, hời hợt của cả một văn đoàn mà ông gần như phát ngôn nhân chính thức trên đường lối cải tạo xã hội. Thì ra ông chỉ là nhà báo, nhà bút chiến, nhà trào phúng có duyên, chứ không bao giờ ông là nhà chính trị có phương sách cứu dân, cứu nước tích cực và hữu hiệu. (...)

N.V.X

Trích dẫn theo *Văn*, số 107+108, đd, trg 93-101.

THẾ UYÊN

HOÀNG ĐẠO HAY SỰ TRỞ VỀ QUÊ CŨ

Như đã một lần ghi lại trong hồi ký về Nhất Linh, Hoàng Đạo là một người thân thiết nếu xét về họ hàng nhưng là kẻ khá xa lạ với tôi nếu xét về thực tế. Đi ngược trở lại xa nhất của ký ức ấu thời, cũng không tìm thấy dấu vết một hình ảnh nào về ông. Nhưng Hoàng Đạo vẫn luôn luôn hiện diện một cách gián tiếp trong gia đình nhỏ bé và nghèo thường xuyên sống ở miền ngoại ô của tôi. Nếu dùng một cách diễn tả khá thịnh hành hiện nay, có thể hai ông hiện hữu với tôi qua kẻ khác là thầy mẹ tôi. Và chỉ qua hai vị này mà thôi.

Khi đọc hồi ký tôi viết về Nhất Linh, thấy nhắc tới sự kiện thầy tôi đã ngồi khóc vào buổi chiều có tin Hoàng Đạo chết, mẹ tôi có kể thêm vài sự kiện như ông đã giúp cho gia đình xây xong căn nhà gạch bé xíu ở sát đường đê Yên Phụ - căn nhà gạch độc nhất thầy mẹ tôi làm được trong suốt cuộc đời của hai người cho tới giờ phút này. Đại khái ông là người trong họ tốt nhất và tử tế nhất...

Nhưng bấy nhiêu dữ kiện qúa khứ ấy, cho tới nay vẫn chưa làm mờ hay lấp được một khoảng cách xa lạ mà tôi thực sự cảm thấy từ thuở ấu thời.

Cái khoảng cách ấy bắt nguồn từ lối sinh hoạt khác nhau giữa gia đình của tôi xưa và các gia đình của các chi khác trong dòng họ. Không kể các con trai của Nhất Linh mà tôi và Lam coi là bạn chơi từ nhỏ, tôi hầu như bao giờ cũng thấy mình xa cách với

"các anh các chị". Nhưng đối với các anh chị con người anh cả cửa mẹ tôi, trong đó có Tường Hùng tương đối khoảng cách nhỏ hơn. Gọi là tương đối vì mỗi lần lên chơi Hà Nội và ngủ lại, tôi vẫn ngỡ ngàng trong ngôi nhà rộng hai tầng với các tiện nghi Tây phương và các trò chơi của các trẻ con thành phố, thì ngược lại, mỗi khi các anh xuống thăm bọn tôi ở ven hồ, lại đến lượt hai đứa bọn tôi khoái chí trước những ngỡ ngàng của trẻ con thành phố trước những con thằn lằn xanh mướt dễ sợ hay những con thuyền đánh cá dập dình trên mặt hồ.

Đối với gia đình Hoàng Đạo nói chung, thì gần như là không bao giờ có những giao thiệp loại như thế. Một phần vì Hoàng Đạo chỉ có A. là trai độc nhất, một phần vì nếp sống riêng của hai gia đình qúa dị biệt. Riêng tôi, có một lần gặp A. trong một kỳ giỗ, tôi thấy mến thích người anh họ, tôi đen xạm và lộn xộn bao nhiêu thì anh ấy trắng và nền nếp bấy nhiêu. Tôi cứ nằn nì mẹ tôi dẫn tới gặp lại. Bà có vẻ không muốn nhưng tính chiều con nổi danh bao giờ cũng thắng ý riêng nên một ngày nọ tôi được ăn mặc chỉnh tề - ở đây có nghĩa là tôi bỏ cái bộ quần áo tứ thời xộc xệch và chải lại cái đầu thường xuyên dính lá cành khô hay nhựa cây nhựa đường - theo bà lên phố thăm "bác Long". Tôi được gặp lại A., hai đứa vui vẻ chạy lung tung trong căn nhà rộng nhưng dù còn kém suy xét, tôi cũng e dè nhiều vì A. không hoàn toàn tự nhiên và mẹ tôi luôn luôn lừ mắt. Vài tuần sau, tôi lại đòi đi nữa nhưng mẹ tôi không chịu. Về sau, có lần nhớ A., nhân một dịp lên phố, tôi lẻn lại thăm A. Tìm được đến cửa nhà, tôi với mãi mới tới cái chuông. Cánh cổng không mở, chỉ có một người đàn bà mở chiếc cửa nhỏ ra ngó tôi rồi gắt: "Mày làm gì mà kéo chuông ầm ỹ lên thế ! Muốn cái gì ?". Một đứa trẻ lên tám lên chín đi kiếm bạn, tính lại nhút nhát như tôi làm sao mà diễn tả được, cho một người lớn gọi nó bằng mày với giọng bực dọc như thế, điều mà nó muốn kiếm ?

Tôi lủi thủi đi về và từ đó về sau tôi xếp A cùng gia đình vào một thế giới có chuông ở cổng có chó bẹc-giê sủa vang, nghĩa là một thế giới không có chỗ cho một đứa bé đen thui và nghịch như-con-thuyền-chài. Không những không bao giờ tôi trở lại thăm gia đình ấy, ngay cả A. tôi cũng tìm cách lảng tránh ngay trong những kỳ gặp ở trại bà ngoại: mẹ tôi cấm tôi chơi cùng và bác gái cũng không thích A. giao thiệp - chắc tôi hay nghịch hoặc lang thang đồng ruộng lùm cây qúa nhiều. Thậm chí có một lần về sau đã khá lớn, trong mùa nước sông Hồng dâng cao, tôi cùng con thứ Nhất Linh lội dọc theo bờ lên, vô tình leo đúng chỗ A. cùng gia đình đang ngồi trên chiếc ghế cạnh xe hơi hóng mát, tôi đã vội đi qua không đứng lại chào. Không biết A. có nhận ra tôi không, nhưng chắc hẳn gia đình Hoàng Đạo không ai nhận ra ngay hai đứa con trai tóc đầy phù sa người đầy cát ở bờ sông leo lên là các cháu mình.

Lớn hơn nữa, khi hiểu rõ hơn những bất đồng trong đại gia đình, khi đã trở thành một thanh niên nhiều mặc cảm tự tôn hơn tự ti, tôi vẫn không bao giờ tự ý trở lại thăm chi họ đó ngoài những vụ lễ nghi cổ truyền. Đối với tôi, bao giờ gia đình ấy cũng thuộc loại tôi thường gọi là "trưởng giả" và hình ảnh buổi chiều xa xưa có khuôn mặt cau có gắt gỏng giữa tiếng chó bẹc-giê sủa vẫn là một tượng trưng cho một thế giới tôi nghi kỵ. Đến nỗi rằng bây giờ đã là người trưởng thành, đi cũng nhiều, bạn bè đủ loại, nhưng có thể nói được rằng tôi không hề quen thân nổi với ai nhà có cổng kính và có biển vẽ con chó tây lè lưỡi ra dọa. Cách đây không lâu lắm, tôi có một bạn văn khá thân, từng đôi lúc ngồi cãi nhau về chính trị văn nghệ tới bỏ cả cơm. Nhưng giao tình này đã nhạt phai vì lỗi của tôi: một hai lần đến thăm người bạn này, sau khi bấm chuông, chó bẹc-giê con lớn con nhỏ chạy ra sủa vang, một người làm nhìn qua chấn song cái anh chàng tóc rối tung, quần áo tồi tàn trên

chiếc xe gắn máy cũ thường để qua đêm ở gốc cây đường Lê Lợi không khóa mà không mất. Một cái nhìn nghi kỵ, một câu hỏi sẵng: "Anh hỏi gì ?" kèm vài tiếng chó gâu gâu nữa, bấy nhiêu là đủ tôi tự động xếp luôn người bạn đó vào cái thế giới hằng nghi kỵ ấy để từ đó đi luôn không trở lại.

Như thế, suốt trong buổi thiếu thời, đối với tôi không hề có Hoàng Đạo, dù đã say mê đoạn văn ông tả Thơ và Duy nấp mưa hôn nhau dưới một gốc cây ven đồi, chỉ có bác Long và gia đình của cái thế giới cửa cao đóng kín chó bẹc-giê sủa vang xe hơi bóng lộn người làm khinh khỉnh ấy mà thôi. Nói cho đúng hơn nữa, tôi cũng chưa bao giờ gặp ông ở trong cái thế giới ấy - ông vào tù qúa sớm và phiêu bạt rồi chết bên Trung Hoa cũng qúa sớm để cho tuổi thiếu niên của tôi có dịp ghi nhận vài hình ảnh về ông.

Khi vào Nam, đến thời kỳ tìm hiểu về người lớp trước, tôi mới khám phá dần và định hình dần Hoàng Đạo; một con người viết văn tư tưởng cấp tiến tả khuynh. Nhưng trong một thời gian dài, tôi không sao nối liền được cái thế giới cửa cao chó dữ kia của ấu thời với con người khám phá ra về sau qua báo chí sách vở và những lời kể lại của các bậc lão thành đã từng tranh đấu với ông. Có một trục trặc, một khoảng trống khó hiểu ở đâu đây. Gia đình thì như vậy mà tranh đấu và tư tưởng lại như thế kia.

Một lần nữa tôi trở lại khai thác cái qúa khứ vừa phong phú vừa bí ẩn của mẹ tôi để tìm thêm chất liệu giải đáp. Theo bà, người anh cả và người anh thứ tư về phương diện lập gia đình, giống nhau ở một điểm: lấy các thiếu nữ có học thức Tây phương và thuộc các gia đình giàu có, những cô Hảo mà Thạch Lam đã mô tả trong truyện dài Ngày mới. Về người anh thứ tư là Hoàng Đạo, mọi sự bắt đầu vào một ngày nào đó khi bà tôi xét thấy cần phải lập gia đình. Qua mai mối, bà tôi tiếp xúc với một gia đình trưởng giả điển hình đương thời. Sau vài buổi thăm viếng theo tục lệ,

Hoàng Đạo được khuyến cáo tới coi mặt thiếu nữ. Ông tới và gặp trực tiếp. Đến đy bắt đầu có trục trặc nhỏ: bà tôi không muốn nữa vì hai lý do: gia đình bên đó bên này không hợp nhau và thiếu nữ có sức khỏe mong manh. Nhưng Hoàng Đạo cương quyết lấy vì sau những lần gặp gỡ riêng, một tình yêu đã nẩy nở và hình thành. Dĩ nhiên bà tôi nhượng bộ và cuộc tình duyên được kết liễu tốt đẹp. Mẹ tôi không nói và tôi cũng không tiện hỏi Hoàng Đạo sung sướng nhiều ít thế nào khi gia nhập một gia đình có nền nếp khá dị biệt với tư tưởng xã hội lúc đó đã manh nha trong ông. Mẹ tôi chỉ nói ông có đặc điểm là rất cương quyết trong các vấn đề liên quan tới đại gia đình, dẹp bỏ thẳng thắn và công bằng những bất đồng của đàn bà muôn thuở. Nhưng bấy nhiêu vẫn chưa giải quyết được vấn đề: Làm sao một người sống trong một nếp sống như vậy lại có thể tư tưởng và hành động như thế kia.

Tôi tạm đặt ra một giả thuyết, một giả thuyết mà thôi: Hoàng Đạo cũng như Nhất Linh, Thạch Lam đều xuất xứ từ một gia đình nghèo miền quê, đã từng chứng kiến cũng như cùng chịu phần nào cảnh cơ cực của những người bần hàn cùng cực đương thời, nên đều có một liên đới thiết tha, một căm phẫn tiềm tàng với tầng lớp này. Cả cuốn Bùn lầy nước đọng, Mười điều tâm niệm, Trước vành móng ngựa lẫn truyện dài duy nhất, nghĩa là toàn bộ tác phẩm để lại của ông đều chỉ xoay quanh vấn đề nông dân và cùng đinh thành phố. Nhưng nhờ bằng cấp, ông đã bước vào giai tầng ưu đãi đương thời và đó là một bước khá sâu kể từ khi lập gia đình. Khi ý thức được điều đó, tôi phỏng đoán như vậy, ông lâm vào một tình trạng khó xử. Ở lại thế giới mới sẽ không phù hợp với lý tưởng cứu nhân độ thế, với Giấc mộng Từ Lâm ôm ấp từ lâu cùng Nhất Linh, mà từ bỏ nó không phải là giải pháp. Theo tôi, vẫn trong giả thuyết, ông đã chọn lựa trở về với đám dân nghèo với tư thế đã có trong giai tầng ưu đãi. Đó là một chọn lựa dứt khoát về tư tưởng và

hành động chứ không về nếp sống. Anh chàng Duy đã trở về với cô Thơ bạn cũ ở nhà quê, nhưng trở về như một điền chủ kiểu gentleman-farmer để vớt hoa hải đường trôi trên suối cho nàng, để đối xử tốt với tá điền chứ không phải trút bộ quần áo Tây phương mặc lại quần áo nâu mà chiến đấu như một cán bộ cách mạng cộng sản. Cũng như ở Nhất Linh, anh chàng Dũng con nhà giàu học giỏi trước sau chỉ tha thiết yêu con ông đồ già và nghèo quê cũ để rồi sau cùng vượt biên giới đi làm cách mạng nhưng còn có lúc ngồi nghe tiếng nhạc ngựa thồ nhỏ đi "như một nỗi tiếc nhớ xa xôi đang mờ dần". Thơ của Hoàng Đạo, Loan của Nhất Linh có lẽ là một tượng trưng cho một hoài niệm về cái thế giới thực sự của dân tộc Việt, cái thế giới từ đó các ông sinh trưởng mà bây giờ đã sang một thế giới khác nhìn lại tiếc nuối - như một người tha hương hướng về quê cũ... Sự thực có phải là như vậy không, tôi tới giờ vẫn không dám khẳng định. Nhưng sang tới Thạch Lam, tôi thấy một sự trở về dứt khoát hơn: Trường đã không lấy Hảo để trở về với nàng Trinh, vẫn cô bạn gái ngày còn ấu thời ở nhà quê ấy, để rồi sau đó dù có những lúc tiếc rẻ cái thế giới cửa cao đóng kín chó bẹc-giê sủa vang, ông vẫn tìm thấy những "Ngày mới" của mình.

Đặt một giả thuyết như thế có thể làm người đọc phỏng đoán tôi ẩn dụ một chê trách về thái độ và chọn lựa của những người lớp trước ấy. Sự thực không là vậy, bởi thế tôi thấy cần ghi thêm một vài nhận xét riêng nữa về các ông: ngoại trừ những người cách mạng kiểu công sản, tôi thiết tưởng khó thể có một chê trách nào bởi vì dù thế nào các ông, trọn đời các ông vẫn còn giữ được mối tình với các nàng Thơ, Loan, Trinh và đã chết cho cái quê hương cũ ấy.

Tôi có thể khẳng định được điều đó bởi vì nhìn lại những bạn đồng lứa bây giờ, tôi không nhìn thấy một trở về nào tương tự - họa chăng đâu đây một vài nỗ lực chưa tới kết qủa. Những người

có học bây giờ gần như một thứ dân nước khác, dân-thành-phố, một thứ dân không làm sao nhìn trở về nông thôn như một hoài niệm quê hương cũ. Bất qúa chỉ còn những cuộc trở về như một viên chức có sự vụ lệnh đi công tác hay trở về như một người lính chiến chiến đấu trong lòng quê hương mà cảm thấy như ở trên đất địch.

Nói như thế có phải là qúa đáng hay không ? Tôi lo ngại câu trả lời sẽ là không bởi vì đọc hầu hết các tác phẩm văn nghệ từ 1954 cho tới hiện nay, tôi ít thấy quê hương cũ của chúng ta và những nàng Thơ, Loan, Trinh đã đâu mất cả, thay vào đó là những người đàn bà mang đặc tính khác hẳn. Có thể có nhiều người sẽ không đồng ý với tôi về một nhận định như thế, nhưng riêng tôi, tôi cảm thấy một nỗi buồn bã kéo dài sau khi đọc lại bốn tác phẩm để lại của Hoàng Đạo. Bởi vì đem so sánh với các cuốn sách tôi đã viết thì thấy tất cả ba tập tiểu luận đã xuất bản, tôi không dành cho quê hương cũ một số đề tài bằng nửa số đề tài của riêng cuốn Bùn lầy nước đọng và nỗi thiết tha cũng không sao bằng một góc. Còn các sáng tác văn nghệ của tôi, thì trừ nàng Ba trong Tiền đồn còn là của quê cũ, còn bao nhiêu những Linh, những Vi những Phi những Phượng... đều là của các thành phố trôi nổi trơ vơ giữa các đồng ruộng ngập nước hay rừng rậm núi đá khô cằn.

Như thế chỉ còn một vấn đề hay một hy vọng chót để đặt ra: quê hương đã biến đổi hay chúng ta đã trở thành kẻ tha hương trên chính đất nước mình?

T.U

(tháng 11.1967)

Trích dẫn theo *Văn*, số 107+108, đd, trg 13-19.

THƯ MỤC THAM KHẢO

I. SÁCH LÝ LUẬN - NGHIÊN CỨU - PHÊ BÌNH - TIỂU LUẬN:

1. Cao Xuân Dục: *Quốc triều Hương khoa lục*, Nxb TP.HCM, 1993.
2. Chu Đăng Sơn: *Đoạn tuyệt, Nửa chừng xuân, Mười điều tâm niệm*, Sống xb, S, 1969.
3. *Di chúc Hồ Chí Minh*
4. Dương Quảng Hàm: *Việt Nam văn học sử yếu*, Trung tâm học liệu xb, S, 1968.
5. *Đại Nam liệt truyện*, T.2, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993.
6. *Đại Nam liệt truyện*, T.4, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1993.
7. Đinh Hùng: *Đốt lò hương cũ*, Lửa thiêng xb, S, 1971.
8. *Hồ Chí Minh toàn tập*, T.1, Nxb Sự thật, H, 1980.
9. *Hồ Chí Minh toàn tập*, T.3, Nxb Sự thật, H, 1983.
10. *Hồ Chí Minh toàn tập*, T.5, Nxb Sự thật, H, 1985.
11. *Hồ Chí Minh toàn tập*, T.10, Nxb Sự thật, H, 1989.
12. *Hồ Chí Minh tuyển tập*, T.1, Nxb Sự thật, H, 1980.
13. Hồng Chương: *120 năm báo chí Việt Nam*, Nxb TP.HCM, 1985.
14. Huỳnh Ngọc Trảng-Hồ Tường-Trương Ngọc Tường: *Đình Nam Bộ*, Nxb TP.HCM, 1993.

15. Huy Cận: *Lửa Thiêng*, Nxb Hội nhà văn, H, 1992.

16. Kiều Thanh Quế: *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam*, Hoa tiên xb, S, 1969.

17. *Lênin toàn tập*, T.25, Tiếng Việt, Nxb Tiến Bộ, M, 1978.

18. *Lênin toàn tập*, T. 26, Tiếng Việt, Nxb Tiến Bộ, M, 1978.

19. *Lênin toàn tập*, T.31, Tiếng Việt, Nxb Tiến Bộ, M, 1978.

20. *Lênin toàn tập*, T.36, Tiếng Việt, Nxb Tiến Bộ, M, 1978.

21. *Lênin toàn tập*, T.38, Tiếng Việt, Nxb Tiến Bộ, M, 1978.

22. *Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam*, Nxb Lao động, H, 1975.

23. *Mác-Ăngghen tuyển tập*, T.4, Nxb Sự thật, H, 1983.

24. *Mác-Ăngghen tuyển tập*, T.5, Nxb Sự thật, H, 1983.

25. *Mác-Ăngghen tuyển tập*, T.6, Nxb Sự thật, H, 1983.

26. Nguyễn Công Hoan: *Đời viết văn của tôi*, Nxb Văn học, H, 1971.

27. Nguyễn Duy Diễn: *Luận đề về Tự lực văn đoàn*, Thăng Long xb, S, 1959.

28. Nguyễn Đình Chiểu: *Thơ văn yêu nước chống Pháp*, Ty VHTT Bến Tre, 1982.

29. Nguyễn Khắc Thuần-Nguyễn Quảng Tuân: *Phan Văn Trị - cuộc đời và tác phẩm*, Nxb TP.HCM, 1986

30. Nguyễn Q. Thắng: *Huỳnh Thúc Kháng - tác phẩm*, Nxb TP.HCM, 1992.

31. Nguyễn Q. Thắng: *Phan Chu Trinh - cuộc đời và tác phẩm*, Nxb Văn học, H, 1992.

32. Nguyễn Sĩ Giác: *Đại Nam Điển lệ toát yếu*, Nxb TP.HCM, 1993.

33. Ngô Thảo: *Như cuộc đời*, Nxb Sân khấu, H, 1996.

34. Nguyễn Thị Thế: *Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường*, Sóng xb, S, 1974.

35. Nguyễn Thế Lữ: *Mấy vần thơ*, Nxb Hội nhà văn, H, 1992.

36. Ngyễn Trác-Đái Xuân Ninh: *Về Tự lực văn đoàn*, Nxb TP.HCM, 1989.

37. Nguyễn Trãi: *Quốc âm thi tập*, Nxb Trẻ, TP.HCM, 1995.

38. Nguyễn Văn Xuân: *Phong trào Duy Tân*, Nxb Đà Nẵng, 1995.

39. Nguyễn Vỹ: *Văn thi sĩ tiền chiến*, Nxb Hội nhà văn, H, 1994.

40. Nhiều tác giả: *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, H, 1996.

41. Phan Cự Đệ: *Tự lực văn đoàn - con người và văn chương*, Nxb Văn học, H, 1990.

42. Phạm Thế Ngũ: *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, Quốc học tùng thư xb, S, 1965.

43. Phạm Thiều: *Nguyễn Hữu Huân - nhà yêu nước kiên cường, nhà thơ bất khuất*, Nxb TP.HCM, 1986.

44. Thạch Lam: *Theo giòng*, Nxb Đời Nay, H, 1941.

45. Thanh Lãng: *Bảng lược đồ văn học Việt Nam*, quyển hạ, Trình bày xb, S, 1967.

46. Thành Nam: *Phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân cao su miền Đông Nam Bộ*, Nxb Lao động, H, 1982.

47. Thế Uyên: *Những người đã qua*, Văn uyển xb, S, 1968.

48. *Tiếng cười Tú Mỡ*, Nxb Hội nhà văn, 1993.

49. Toan Ánh: *Vào làng cầm bút*, Nxb Văn hóa, H, 1993.

50. Tô Hoài: *Cát bụi chân ai*, Nxb Hội nhà văn, H, 1992.

51. Trần Đình Sử: *Lí luận và phê bình văn học*, Nxb Hội nhà văn, H, 1996.

52. Trần Trọng Kim: *Một cơn gió bụi*, Nxb Vinh Sơn, S, 1969.

53. Trường Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, T.2, Nxb Sự thật, H, 1976.

54. Trường Chinh: *Về văn hóa văn nghệ*, Nxb Văn học, H, 1976.

55. Vu Gia: *Khái Hưng - nhà tiểu thuyết*, Nxb Văn hóa, H, 1993.

56. Vu Gia: *Thạch Lam - thân thế và tác phẩm*, Nxb Văn hóa, H, 1994.

57. Vu Gia: *Nhất Linh trong tiến trình hiện đại hóa văn học*, Nxb Văn hóa, H, 1995.

58. Vũ Bằng: *Những cây cười tiền chiến*, Nhân văn xb, S, 1971.

59. Vũ Hoàng Chương: *Ta đã làm chi đời ta*, Nxb Hội nhà văn, H, 1993.

60. Vũ Ngọc Phan: *Nhà văn hiện đại*, T.1, Nxb Khoa học xã hội, H, 1989.

61. Vũ Ngọc Phan: *Nhà văn hiện đại*, T.2, Nxb Khoa học xã hội, H, 1989.

62. W. Durant: *Lịch sử văn minh Trung quốc*, Trung tâm thông tin Đại học sư phạm xb, TP.HCM, 1992.

II. TẠP CHÍ, BÁO :

63. *Giáo viên nhân dân*, 1989.

64. *Hà Nội báo*, 1936.

65. *Ích Hữu*, 1937.

66. *Lửa thiêng*, 1974.

67. *Ngày Nay*, 1935, 1936, 1937, 1938, 1939.

68. *Nhân dân*, 1995.

69. *Phong Hóa*, 1932, 1933, 1934, 1935.
70. *Quân đội nhân dân cuối tuần*, 1997.
71. *Quốc phòng toàn dân*, 1997.
72. *Sài Gòn giải phóng*, 1997.
73. *Sông Hương*, 1989.
74. *Thế giới mới*, 1996.
75. *Tiểu thuyết thứ bảy*, 1936.
76. *Tuổi trẻ chủ nhật*, 1996, 1997.
77. *Văn*, 1968.
78. *Văn hóa ngày nay*, 1958, 1959.
79. *Văn nghệ* - Hội nhà văn Việt Nam, 1991, 1996.
80. *Văn nghệ* TP. HCM, 1996.

III. SÁCH CỦA HOÀNG ĐẠO :

81. *Trước vành móng ngựa.*
82. *Mười điều tâm niệm.*
83. *Bùn lầy nước đọng.*
84. *Con đường sáng.*
85. *Tiếng đàn.*

IV. NHỮNG SÁCH CÓ LIÊN QUAN :

86. Khái Hưng: *Nửa chùng Xuân.*
87. Khái Hưng: *Gia đình.*

88. Ngô Tất Tố: *Tắt đèn.*

89. Nguyễn Công Hoan: *Bước đường cùng.*

90. Nhất Linh: *Bướm trắng.*

MỤC LỤC

* Đốt lò hương cũ 5 - 24

* Sống nhờ đất khách, chết chôn quê người 25 - 62

* Chơi hoa nào dễ mấy người biết hoa 63 - 118

* Đóa trà mi đã ngậm gương nửa vành 118 - 212

* Lời quê chắp nhặt dông dài 213 - 250

* Trăm năm để một tấm lòng từ đây 251 - 420

PHỤ LỤC

* Nhiều hình ảnh, tư liệu...

* Huy Cận: *Giấc ngủ chiều* (thơ)

* Thế Lữ: *Cây đàn muôn điệu* (thơ)

* Thế Lữ: *Hoa thủy tiên* (thơ)

* Nguyễn Thị Thế: *Hoàng Đạo cưới vợ.*

* Vũ Ngọc Phan: *Một nhà văn sở trường về nghị luận.*

* Dương Nghiễm Mậu: *Hoàng Đạo và một vận động lịch sử.*

* Nguyễn Văn Xuân: *Hoàng Đạo với "Con đường sáng".*

* Thế Uyên: *Hoàng Đạo hay Sự trở về quê cũ.*

** Thư mục tham khảo.

VU GIA

HOÀNG ĐẠO - NHÀ BÁO, NHÀ VĂN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - HÀ NỘI - 1996

*

Chịu trách nhiệm xuất bản :
QUANG HUY
QUANG HUY
Biên tập : XUÂN TÙNG
Trình bày bìa : Họa sĩ KIM TRANG
Sửa bản in : LẠC PHƯƠNG
Bìa 4 : Vu Gia *qua nét vẽ của lão họa sĩ* Tú Duyên.